ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO

(TĂNG QUẢNG CHÁNH BIÊN)

QUYỂN THỨ HAI

Chuyển ngữ: Bửu Quang tự đệ tử
Như Hòa
Giảo chánh: Minh Tiến & Huệ Trang

TỊNH TÔNG HỌC HỘI ÚC CHÂU
ẤN TỐNG 2006

印光法師

文鈔

增廣正編

(越語譯本)

弟二卷

寶光寺弟子如和敬譯

淨業行人明進與慧莊校正

MỤC LỤC QUYỂN THỨ HAI

91. Thư trả lời cư sĩ Bao Hữu Vũ (thư 1) …….. 393
92. Thư trả lời cư sĩ Bao Hữu Vũ (thư 2)……... 394
93. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư 1) ……. 398
94. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư 2) ……. 403
95. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư 3)…….. 404
96. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư 4)…….. 406
97. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư 5)…….. 407
98. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư 6)…….. 407
99. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư 7)…….. 408
100. Thư trả lời cư sĩ X…ở Vĩnh Gia (thư 8) …… 410
101. Thư trả lời cư sĩ X…ở Vĩnh Gia (thư 9) …… 411
102. Thư trả lời cư sĩ Hà Hòe Sanh ……... 412
103. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư 1) … 415
104. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư 2) … 420
105. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư 3) … 420
106. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư 4) … 423
107. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư 5) … 425
108. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư 6) … 427
109. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư 7) … 429
110. Thư trả lời cư sĩ Hồng Quán Lạc ……... 431
111. Thư trả lời cư sĩ Uông Cốc Nhân..... 432
112. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư 1)..... 433
113. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư 2) 435
114. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư 3) 436
115. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư 4) 439
116. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư 5) 443
117. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư 6) 444
118. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư 7) 446

119. Thư gởi cư sĩ Đinh Phước Bảo 447
120. Thư trả lời cư sĩ X… ở Ninh Ba 450
121. Thư gởi bạn 453
122. Thư trả lời cư sĩ Nhạc Tiên Kiệu 454
123. Thư gởi Tịch Sơn Hòa Thượng ở chùa Vạn Thọ, Dương Châu 455
124. Thư trả lời cư sĩ Lê Đoan Phủ ở Giang Tây .. 459
125. Thư gởi tổng nhung Trương Liên Thắng 463
126. Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lôi (thư 1) 467
127. Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lôi (thư 2) 468
128. Thư trả lời cư sĩ Trương Bá Nham 471
129. Thư gởi cư sĩ Tạ Dung Thoát 475
130. Thư trả lời cư sĩ Cố Hiển Vi 481
131. Thư trả lời cư sĩ Tạ Thành Minh ở Tứ Xuyên 491
132. Thư gởi cư sĩ Ngô Bích Hoa 496
133. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư 1) 497
134. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư 2) 498
135. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư 3) 502
136. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư 4) 504
137. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư 5) 506
138. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư 6) 508
139. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư 7) 509
140. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư 8) 509
141. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư 9) 510
142. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư 10) 515
143. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư 11) 516
144. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư 12) 517
145. Thư gởi đốc quân Trần Bá Sanh ở Thiểm Tây 519
146. Thư trả lời cư sĩ X… ở Dũng Giang..... 527
147. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như 530
148. Thư trả lời hai vị cư sĩ Từ Ngạn Như và

Từ Dật Như..... 533
149. Thư gởi cư sĩ Bao Sư Hiền 535
150. Thư gởi Hoằng Nhất thượng nhân 536
151. Thư trả lời đại sư Pháp Hải 537
152. Thư trả lời cư sĩ Vương Dữ Tiếp 540
153. Thư gởi cư sĩ X… ở Vĩnh Gia 545
154. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư 1) 552
155. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư 2) 555
156. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư 3) 558
157. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư 4) 561
158. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Ngọc Như ở Sùng Minh …… 563
159. Thư trả lời cư sĩ Hà Huệ Chiêu……. 565
160. Thư trả lời cư sĩ Thang Xương Hoằng ……. 571
161. Thư gởi hội Phóng Sanh ở Đại Đồng, Tuyền Châu …….. 575
162. Thư trả lời hiệu trưởng Vạn An ở An Huy .. 578
163. Thư trả lời cư sĩ Úc Trí Lãng …… 580
164. Thư trả lời cư sĩ X……. 582
165. Thư trả lời tiên sinh Trương Quý Trực……. 584
166. Thư tuyên ngôn kết xã niệm Phật của chùa Thanh Liên ở Lô Sơn …… 586
167. Thư trả lời ông Dương Minh Trai, Phó Tư Lệnh Đệ Ngũ Quân ở Hà Nam ……. 599
168. Thư trả lời anh em ông Châu Mạnh Do …… 600
169. Thư trả lời cư sĩ Phùng Bất Cửu ……... 612
170. Thư trả lời cư sĩ Mã Thuấn Khanh …… 622
171. Thư trả lời cư sĩ Cừu Bội Khanh (thư 1) ….. 628
172. Thư trả lời cư sĩ Cừu Bội Khanh (thư 2) …. 630
173. Thư gởi cư sĩ Phương Thánh Dận……. 633

II. LUẬN

1. Tịnh Độ Quyết Nghi Luận ……. 634
2. Tịnh Độ pháp môn phổ bị tam căn luận (Luận về pháp môn Tịnh Độ độ khắp ba căn) .. 664
3. Tông Giáo Bất Nghi Hỗn Lạm Luận ……. 668
4. Phật Giáo Dĩ Hiếu Vi Bổn Luận (luận về Phật giáo lấy Hiếu làm gốc) …… 684
5. Như Lai Tùy Cơ Lợi Sanh Thiển Cận Luận (Lời bàn luận thiển cận về chuyện Như Lai tùy theo căn cơ lợi lạc chúng sanh) ……. 687
6. Trì Kinh Lợi Ích Tùy Tâm Luận (Luận về việc trì kinh được lợi ích tùy theo cái tâm) ….. 690
7. Kiệt Thành Phương Hoạch Thật Ích Luận (Bàn về chuyện phải dốc kiệt lòng thành mới đạt được lợi ích thật sự) ……... 691
8. Vãn hồi kiếp vận hộ quốc cứu dân chánh bản thanh nguyên luận (Luận về "gốc chánh nguồn trong" của việc vãn hồi kiếp vận bảo vệ đất nước cứu dân) …… 710

III. SỚ

1. Sớ trùng tu ao phóng sanh chùa Cực Lạc ở Nam Tầm ……. 721
2. Bài sớ về ao phóng sanh chùa Pháp Vân ở sông Tam Xoa, Kim Lăng …… 729
3. Bài sớ [kêu gọi đóng góp] xây dựng viện mồ côi Phật giáo chùa Pháp Vân ở sông Tam Xoa, Kim Lăng ..……732
4. Sớ phổ khuyến thí tiền khắc in Đại Tạng ……. 737
5. Sớ sáng lập chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân, tỉnh

Cát Lâm……. 739
6. Sớ duyên khởi thành lập liên xã chùa Di Đà tại Hàng Châu……. 743
7. Sớ trùng tu bảo tháp của Vinh Quốc Thiền Tự ở Nam Cao Phong, Hàng Châu……. 748
8. Sớ mộ duyên làm đàn thủy lục vạn niên ở Phật Đảnh Sơn…….. 752
9. Sớ quyên mộ tu bổ điện đường, tăng phòng và vét ao phóng sanh của chùa Di Đà, núi Thạch Kinh, Hàng Châu …….. 753
10. Sớ quyên mộ xây bến thuyền cho Phổ Đà Sơn 758
11. Sớ quyên mộ tu bổ điện Tam Thánh chùa Thượng Phương Quảng núi Thiên Thai…… 762
12. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện Bán Sơn Am ở Phổ Đà Sơn…… 765
13. Sớ quyên mộ thiết lập đại đạo tràng Phổ Môn Vô Giá Phổ Độ Thắng Hội …… 767
14. Sớ khuyên đóng góp cho viện tàn tật ở Thượng Hải…… 769
15. Sớ quyên mộ tu bổ Cảnh Đức Thiền Tự núi La Hán, Vĩnh Gia …….. 771
16. Sớ thuật duyên khởi thành lập liên xã chùa Thanh Liên ở Lô Sơn …….. 773
17. Sớ quyên mộ tu bổ điện Thiên Vương và lầu trống chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà …… 778
18. Sớ thuật duyên khởi mở Niệm Phật Đường chuyên tu Tịnh nghiệp tại chùa Chân Như ở Gia Hưng …….. 780
19. Sớ quyên mộ đúc chuông U Minh chùa Pháp Vân sông Tam Xoa, Nam Kinh …….. 782
20. Sớ quyên mộ thiếp vàng tượng La Hán

chùa Pháp Vũ …… 787
21. Sớ quyên mộ xây dựng Như Ý Liêu chùa Pháp Vũ……. 789

Ôi! Đường Tây phương rộng rãi thênh thang.
Thẳng bước về nhà chẳng cần hỏi lối.
Do tự mình chẳng về, chứ hễ về liền được.
Gió trăng quê cũ há ai tranh?

Ấn Quang Đại sư

ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO

(TĂNG QUẢNG CHÁNH BIÊN)

Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa chuyển ngữ
(theo bản in của
Cổ Tấn Báo Ân Niệm Phật Đường)

QUYỂN THỨ HAI

91. Thư trả lời cư sĩ Bao Hữu Vũ (thư thứ nhất)

Vừa nhận được thư, khôn ngăn cảm khái, thẹn thùng. Ấn Quang là một ông Tăng chỉ biết đến cơm cháo, những chuyện trong pháp môn nhất loạt chẳng biết gì, chỉ có mỗi Tịnh Độ là khá muốn cho cả mình lẫn người cùng được vãng sanh. Bởi vậy, nếu có kẻ Tăng, người tục hỏi đến, đều dùng chuyện này để phụng đáp. Cư sĩ Từ Úy Như cho rằng những phân tích rõ ràng giới hạn giữa Thiền và Tịnh, cũng như những nghị luận ngoài da về sự khó - dễ, được - mất giữa Tự Lực và Phật Lực, cũng như việc trọng lòng kính, giữ lòng thành [của tôi] đều hơi có ích cho hàng sơ cơ cho nên tuy văn từ tệ vụng cũng chẳng vứt bỏ, ba bốn lượt ấn loát lưu thông, ngõ hầu những ai có chí liễu sanh tử

đều cùng nhận lấy những lời nghị luận ngô nghê này[1] mà thôi. Nhưng đem cơm thừa canh cặn bày trước mặt người đã no ứ tiệc vua ắt sẽ nhớm gờm mắc ọe, nào còn dám chú giải kinh?

Các hạ chẳng cho [lời tôi] là chua hôi, đáng vứt bỏ, nên kính tặng một bộ Văn Sao hủ bại. Bản này do ông Từ Úy Như yêu cầu Thương Vụ Ấn Thư Quán sắp chữ in riêng. Năm nay in ra, do Thư Quán sợ bán không được nên chỉ in hai ngàn bản. In sách xong, chưa kịp phát hành đã bán hết sạch. Tuy còn bản lưu, nhưng do Thư Quán ấy chú trọng những cuốn sách mới mang tính thời thượng cho nên đến nay vẫn chưa in lần thứ hai. Một hai năm nay, cũng có bạn bè quen biết khuyên Quang khắc in, Quang tính đợi cho Thương Vụ Ấn Thư Quán sắp xếp sách hoàn chỉnh rồi mới cho khắc ván để đỡ tốn tâm lực. Năm ngoái, miền Bắc mất mùa lớn, các thiện sĩ lập cách quyên mộ, Quang bèn đem hết số tiền dự định khắc kinh ra đóng góp cho công cuộc cứu trợ, làm như thế hai lần tổng cộng là năm trăm đồng. Nếu như [sách này] có ích cho hàng sơ cơ, hãy nên in ra, lưu truyền, chưa hề chẳng có lợi cho người khác vậy!

92. Thư trả lời cư sĩ Bao Hữu Vũ (thư thứ hai)

Biển cả sanh tử không nhờ niệm Phật không cách nào vượt được! Muốn biết gốc cội của pháp niệm Phật nhưng chẳng xem kinh luận Tịnh Độ, làm sao biết được?

---

[1] Nguyên văn là *"sô nghị"* (lời nghị luận của kẻ tiểu phu), ý nói chẳng phải là cao kiến gì nên tạm dịch là *"lời nghị luận ngô nghê"*.

Vì thế, hằng ngày nên tụng kinh A Di Đà, thường xem kinh Vô Lượng Thọ, và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Đó là Tịnh Độ Tam Kinh. Đọc những kinh ấy sẽ biết thệ nguyện rộng sâu của Phật A Di Đà, cảnh duyên thù thắng của Tịnh Độ, hành tướng vãng sanh của hành nhân. Ngoài ra, khai thị phương pháp niệm Phật thân thiết nhất thì có chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông ở cuối quyển năm kinh Lăng Nghiêm. Lại còn có phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm, dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Đọc những kinh này sẽ biết pháp Niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là bước cuối cùng để thành Phật trong một đời của kinh Hoa Nghiêm, là phương tiện tối thắng để tự lợi lúc tu nhân, để lợi tha khi đã chứng quả của mười phương tam thế chư Phật. Những kẻ nói xằng pháp môn Tịnh Độ là Quyền - Tiệm - Tiểu Thừa đều là những kẻ có tội cực nặng hủy báng kinh Hoa Nghiêm và hủy báng Phật - Pháp - Tăng. Còn những bản chú giải ba kinh Tịnh Độ và những sách Tịnh Độ nên chuyên tinh xem đọc thì trong lá thơ gởi cho bà Từ nữ sĩ trong bộ Văn Sao tôi đã trình bày đầy đủ. Ở đây không phải viết chi tiết nữa!

Phép Thập Niệm buổi sáng nên thực hành vào lúc súc miệng, rửa ráy xong và trước khi thực hành công khóa. Trong Tịnh Độ Thập Yếu và Tây Quy Trực Chỉ đều có nghi thức này, làm theo đó là được rồi! Nhưng chẳng được niệm hơn mười niệm vì niệm nhiều sẽ bị tổn khí, trong bộ Văn Sao, Quang cũng đã nhiều lần nêu lẽ lợi - hại. Công khóa sáng tối cứ chiếu theo công khóa mà niệm là được. Nếu công việc đa đoan, chẳng rảnh

rỗi để niệm công khóa thì dùng cách Thập Niệm cũng được! Ngoài ra thì chỉ niệm một câu "nam-mô A Di Đà Phật" là được rồi!

Pháp Thập Niệm vừa nói đó cứ hết một hơi là một niệm, niệm mười hơi như thế thì gọi là Thập Niệm. Như người hơi mạnh, một niệm có thể niệm được nhiều đến mười, hai mươi câu; người khí yếu, chỉ niệm được vài câu. Bất luận niệm Phật nhiều ít, chỉ lấy từ một hơi đến mười hơi làm chừng. Chỗ mầu nhiệm của pháp này trong bộ Văn Sao cũng đã nói rồi. Nếu niệm nhiều sẽ bị tổn khí thành bệnh, không thể không biết. Cổ nhân nói: *"Thông minh chẳng cự nổi nghiệp, phú quý chẳng khỏi luân hồi"*. Sanh tử xảy đến không dựa vào đâu được, chỉ có A Di Đà Phật là nương dựa được. Tiếc là người đời biết điều này quá ít; tuy biết nhưng chân tín thật niệm lại càng ít hơn nữa! Ông Vương Thiết San ở Thông Châu[2] từng làm chức Phiên Đài[3] ở Quảng Tây vào đời nhà Thanh trước kia, cõi ấy thổ phỉ rất nhiều, ông bày kế tiễu trừ, giết không biết bao nhiêu mà kể. Năm trước mắc bệnh, nhắm mắt liền thấy mình ở trong nhà tối, quỷ thật đông cùng xông đến bức bách, hoảng sợ thức dậy. Suốt ba ngày ba đêm như thế, vừa chợp mắt liền thấy cảnh ấy. Con người suy sụp, hơi thở thoi thóp. Bà vợ ông ta khuyên ông niệm Phật, liền niệm

---

[2] Thông Châu: tên đất cũ, có hai nơi:
1) Ở tỉnh Hà Bắc, nay đổi thành Thông Huyện.
2) Tại tỉnh Giang Tô, nay đổi thành huyện Nam Thông.
Không rõ Thông Châu nói ở đây là Thông Châu thuộc tỉnh nào; nhưng trong những lá thư sau Tổ có nói là Bắc Thông Châu, nên chúng tôi đoán Thông Châu nói ở đây thuộc tỉnh Hà Bắc.

[3] Phiên Đài chức quan tương đương với Bố Chánh của ta, lo việc trị an trong một tỉnh.

mấy mươi tiếng bèn ngủ được. Do ngủ được đẫy giấc, tinh thần dần dần tỉnh táo, bệnh liền giảm bớt. Ông liền trường trai niệm Phật. Nếu lúc ấy không có ai đem pháp Niệm Phật bảo cho, e rằng vạn phần chẳng sống được đến bây giờ. Vì thế, dạy người niệm Phật công đức vô lượng; những người biết đến lợi ích niệm Phật đều là do thiện căn nhiều đời nhiều kiếp tạo thành.

Những chuyện lệnh thân đã được thấy quả thật là hiếm lạ, có thể nói là đời trước đã có thiện căn, nhưng phải tự gắng tu trì thật cẩn thận, ngõ hầu chẳng uổng giấc mộng ấy. Nếu vì tri kiến phàm phu, lầm lạc bảo mình đã được Tam Bảo gia bị, đã dự vào dòng Thánh, từ đó sanh ra đại ngã mạn, chưa đắc bảo là đắc, chưa chứng nói là chứng thì là do thiện nhân chuốc lấy ác quả. Người trong đời Mạt tâm trí hèn kém, thường mắc cái bệnh này! Ấy là như kinh Lăng Nghiêm đã dạy: *"Tâm chẳng coi đó là thánh [cảnh] thì gọi là cảnh giới lành. Nếu hiểu là cảnh thánh sẽ bị mắc vào các tà",* chính là nói về điều này vậy! Xin hãy đem chuyện tận lực tu pháp môn Tịnh Độ để tự khích lệ thì tương lai chắc chắn đạt được đại lợi ích.

Phải biết một pháp Tịnh Độ chính là lò luyện lớn để nung phàm luyện thánh của mười phương ba đời chư Phật. Chúng sanh trong chín pháp giới nếu không vào trong lò ấy thì không ai thoát ra ngoài [chín pháp giới] được, bởi thoát ra chính là rốt ráo thành Phật vậy! Tin tưởng được như thế mới gọi là Chánh Tín, mới gọi là *"có Tịnh Độ"* vậy!

93. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ nhất)

Ngày hôm qua nhận được thư luận về chuyện dạy con gái là cái gốc để tề gia trị quốc, có thể nói là ông đã thấy thấu triệt được cái lý. Nhà Châu lập quốc nền tảng là do ba bà Thái. Văn Vương thành thánh là nhờ thai giáo[4]. Do vậy, biết đời không có bậc thánh hiền là do thế gian ít có người mẹ thánh hiền mà nên nỗi! Nếu như bà mẹ nào cũng giống như ba bà Thái thì con họ dẫu chẳng là Vương Quý, Văn Vương, Châu Công[5] thì cũng chẳng là kẻ gian ác, điều này cũng rõ ràng lắm! Nhưng người đời chỉ biết yêu thương con gái, mặc tình cho nó kiêu căng thành thói, chẳng biết đem lẽ mẫu nghi ra dạy. Đấy chính là một điều đại bất hạnh của nước ta!

Con người lúc nhỏ thường kề cận bên mẹ, nên chịu ảnh hưởng thói quen của mẹ rất sâu. Những kẻ làm con gái người ta hiện thời, ngày sau sẽ là mẹ người ta. Ai muốn bồi đắp quốc gia phải lấy chuyện dạy con gái làm nhiệm vụ cấp bách. Chớ nói: "Con gái là con người ta, cần gì phải uổng công chịu đựng nhọc nhằn, lo lắng làm gì?" Phải biết rằng: Vì trời đất, vun bồi một người dân lành biết giữ phận thì không có công đức nào lớn hơn!

---

[4] Thai giáo: Dạy con từ khi con còn nằm trong bụng mẹ. Người mẹ khi mang thai phải tập tánh hiền lành, ăn nói khoan thai, từ tốn, không nói lời thô ác, không làm những cử chỉ hung bạo, xem kinh sách của thánh hiền v.v…

[5] Vương Quý là sáng tổ nhà Châu. Châu Công tên thật là Cơ Đán, là con thứ của Châu Văn Vương, em của Châu Vũ Vương, từng phù tá Vũ Vương diệt nhà Ân Thương. Khi Vũ Vương chết, con là Thành Vương còn bé, ông nắm quyền nhiếp chính, tận lực bảo vệ vương quyền nhà Châu. Tương truyền, phần Tượng trong kinh Dịch do ông viết. Vì thế sau này, có rất nhiều tác phẩm bói toán được gán cho ông làm tác giả, như cuốn Châu Công Giải Mộng chẳng hạn.

Huống chi nếu người nữ có thể giữ vững đức hạnh của nữ nhân thì con cái cô ta sẽ phỏng theo khuôn mẫu tốt lành, còn vinh dự nào hơn; huống gì con dâu, cháu dâu của chính mình cũng đều là con gái nhà người ta đó thôi! Muốn cho nước nhà quật khởi hưng thạnh, nếu không có hiền mẫu sẽ không có gì hỗ trợ được! Đời không có mẹ hiền thì chẳng những nước không có lương dân, mà nhà cũng chẳng có con ngoan! Ngay cả những gã sư tăng tồi tệ ăn bám Phật pháp cũng đều chẳng phải do những người mẹ tốt lành sanh ra! Nếu như người mẹ thật sự hiền, bọn ấy trọn chẳng đến nỗi kém hèn đến thế! Tiếc thay!

Phật pháp không gì lớn lao chẳng bao gồm, không gì nhỏ nhặt chẳng nêu lên. Ví như một trận mưa thấm khắp, cây cỏ cùng tươi tốt. Cái đạo tu thân, tề gia, trị quốc, tân dân không gì chẳng đầy đủ. Xưa nay những kẻ văn chương lừng lẫy một thuở, công nghiệp vang rền vũ trụ, và những người nhân hiếu rất mực, muôn đời kính ngưỡng, người ta chỉ biết đến hình tích chứ chưa xét đến cội nguồn. Nếu khảo sát kỹ căn do thì tinh thần, chí khí, tiết tháo của họ đều do học Phật vun bồi mà ra. Những chuyện khác không cần phải nhắc đến, chứ ngay như tâm pháp của thánh nhân do Tống Nho[6] phát minh cũng phải nhờ vào Phật pháp để làm khuôn mẫu vậy, huống gì những thứ khác! Thế nhưng bọn Tống Nho khí lượng hẹp hòi, muốn hậu thế cho rằng những điều

---

[6] Tống Nho là Nho Học theo quan điểm diễn dịch của Trình Hạo, Trình Di, Châu Hy đề xướng (thường được gọi là Lý Học). Họ vay mượn, xuyên tạc những khái niệm nhà Phật để biện minh cho Nho Học, rồi cực lực đả kích Phật pháp.

ấy do chính trí của họ tìm ra, nên đặt ra những lời chê trách Phật để làm kế "bịt tai trộm linh", từ đời Tống đến nhà Nguyên rồi sang nhà Minh, không lúc nào chẳng vậy! Thử dốc lòng khảo sát thì không ai chẳng lấy Phật pháp để tự làm lợi cho mình! Còn như họ nói đến chuyện tịnh tọa, nói đến chuyện tham cứu, đều là chứng cớ chứng tỏ họ dụng công; lâm chung biết trước lúc mất, nói cười ngồi thác là những chứng cớ sau cùng để phát hiện [họ có tu Phật]. Những chuyện như vậy chép trong các truyện ký của Lý Học không thể nào nêu trọn. Há có phải học Phật là mối lo cho xã hội ư?

Tống Cát Phồn[7] hằng ngày làm chuyện lợi người, Triệu Duyệt Đạo[8] ban ngày làm điều gì, ban đêm ắt thắp hương tâu cùng Thượng Đế. Viên Liễu Phàm lập

---

[7] Tống Cát Phồn: Người xứ Trừng Giang, tuổi trẻ đã đỗ đạt. Theo truyện ký, có một viên quan lên kinh đô tìm mua hia, thấy một đôi hia rất to, nhận ra đó là đôi hia đã chôn theo cha mình, bèn hỏi người thợ sửa hia do đâu mà có? Người đó bảo do một viên quan mang đến sửa và hứa sẽ trở lại lấy. Viên quan ấy bèn chờ, quả nhiên thấy cha mình, trả tiền lấy hia. Người con lạy cha, cha chẳng thèm ngó tới, thót lên ngựa, phóng đi. Người con đuổi theo hai ba dặm vẫn không đuổi kịp, gào lên: "Đã là cha con một thuở với nhau, sao chẳng nói một lời?" Cha bảo: "Hãy học theo Tống Cát Phồn". Người con bèn tìm hỏi, mới biết Cát Phồn đang làm thái thú Trấn Giang. Hỏi nguyên do vì sao ông được người cõi âm nể trọng, họ Tống đáp: "Tôi thoạt đầu mỗi ngày làm một chuyện lợi người, rồi tăng dần lên cho đến mười chuyện. Suốt bốn mươi năm nay, chưa từng bỏ phế ngày nào". Lại hỏi: "Lợi người bằng cách nào?" Cát Phồn chỉ xuống cái ghế kê chân: "Nếu như vật này không ngay, tôi kê lại cho ngay. Nếu người ta đang khát, tôi cho họ chén nước, cũng là chuyện lợi người vậy. Hễ gặp chuyện gì có lợi cho người bèn làm". Cát Phồn làm quan ở đâu cũng lập một gian tịnh thất để thờ Phật. Có lần ông vào thất lễ tụng, cảm được xá-lợi giáng xuống. Ông thường khuyên người khác niệm Phật, cảm hóa được rất nhiều người, trong định từng dạo chơi Cực Lạc. Về già, không bệnh tật gì, ngồi ngay ngắn hướng mặt về Tây mà mất (theo Long Thư Tịnh Độ Văn và Tây Quy Trực Chỉ).

[8] Triệu Duyệt Đạo làm quan Ngự Sử thời Tống Nhân Tông, chí công vô tư, được người đời xưng tụng là Thiết Diện Ngự Sử (Ngự Sử mặt sắt).

mạng, Châu Mộng Nhan soạn sách, không vị nào chẳng tha thiết mong người đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tỏ nhân quả, chỉ tội phước, khiến cho người khác biết: Khởi tâm động niệm thì thiên địa quỷ thần không gì chẳng đều thấy đều biết. Dẫu muốn dối người nhưng vì thiên địa đều thấy biết tất cả nên chẳng dám làm. Từ đấy, gắng sức làm lành, thật tâm kiêng ác, tuy là kẻ ương ngạnh khó giáo hóa nhất chẳng thể dùng lý để dẫn dụ được, nhưng do nghe đến cái đạo nhân quả ba đời ắt sẽ dần dần chững lại, thậm chí chuyển bạo ác thành lương thiện không biết là bao nhiêu!

Tôi trộm cho rằng: Cha mẹ yêu con không gì chẳng lo lắng, chỉ có bệnh tật hoạn nạn mới đành cam chịu. Trẻ nhỏ vừa mới biết nói liền dạy niệm *"nam-mô A Di Đà Phật"* và danh hiệu *"nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát"*. Dẫu cho đời trước ít vun bồi, nhờ vào nguyện lực này ắt có thể tiêu được họa ngay khi chưa chớm, phước đưa đến mà không biết, có thể không còn phải lo gì đến những chuyện bệnh tật, tai ương, hiểm nạn. Con vừa mới hiểu biết, liền dạy cho con trung hậu, khoan thứ, nhân từ, kiêng giết, phóng sanh và những sự tích nhân quả ba đời rõ ràng, ngõ hầu con tập thành tánh. Lúc nhỏ, chẳng dám tàn bạo đối với loài trùng kiến nhỏ nhặt, lớn lên trọn chẳng đến nỗi làm chuyện gian ác, làm nhục tổ tiên cha mẹ. Phật pháp gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, gặp anh nói nhường, gặp em nói kính, chồng xướng vợ thuận theo, chủ đối xử có nghĩa, tớ trung thành. Tuy gọi chung là "pháp xuất thế", nhưng quả thật đầy đủ những khuôn phép tốt lành để sống trong đời.

Những khuôn phép tốt lành để sống trong đời cũng giống như Nho Giáo, nhưng Nho Giáo chỉ dạy con người tận nghĩa, còn Phật giáo mỗi mỗi đều nói đến nhân quả. Tận nghĩa chỉ có thể dạy người thượng trí, khó cảm hóa kẻ hạ ngu. Nhân quả thì thượng trí hạ ngu không ai chẳng được lợi ích. Trong xã hội ngày nay, chuyên lấy trí xảo làm chủ thể. Vì thế, đề ra chuyện gì đều mượn cái danh vì dân, vì hạnh phúc của chế độ Cộng Hòa, chứ thật ra là anh em một nhà đánh nhau, khiến cho thế nước ngày càng nguy ngập, nhân dân ngày càng thêm khốn khổ vì chuyện tranh chấp ý kiến, tranh chấp quyền lực. Trở thành ra kết quả như vậy toàn là do chẳng biết nhân quả báo ứng. Nếu ai cũng biết nhân quả thì tự lợi, lợi tha, tự lập, lập người, sao đến nỗi cùng cực như thế này? Nói "dạy trẻ học Phật" chỉ là học mấy nghĩa như vừa đã nói đó mà thôi, há nào phải dạy chúng những chuyện tham Thiền ngộ tánh, xem kinh giáo, quán sát cái tâm? Ông Vương chưa biết Phật pháp nên mới lo lắng quá mức như thế. Nếu làm như lời ông ta nói thì dù gần hết cả một đời cũng chẳng dám nói đến Phật pháp. Trong thư phúc đáp ông Vương, ông nên dùng những ý Quang vừa nói để dung hội và mở rộng ra.

Như tôi đã viết nhiều lần về pháp danh, trộm nghĩ: Trẻ nhỏ chọn lấy một tên thích hợp là được rồi, cần gì nhất định phải chọn lấy ba tên. Tên của Khổng Tử chính là nhũ danh, nào có phải nhũ danh[9] chỉ dùng lúc

---

[9] Nhũ danh: tên sữa, tên đặt lúc mới sanh ra, ta thường gọi là "tên hèm" ("hèm" là kiêng kỵ, không nhắc đến) hoặc "tên húy". Đến khi lớn lên lại đặt tên tự và hiệu. Khi xưng hô với nhau chỉ dùng tên tự hoặc hiệu. Khi chết, căn

nhỏ thôi ư? Pháp danh cũng do đời sau đặt ra, tên các vị đệ tử Phật không tên nào chẳng phải là tục danh tại gia. Nay dùng pháp danh là để phân biệt người đã nhập pháp hay chưa. Nếu con cái ngay thoạt đầu đã chọn đặt cho cái tên đẹp đẽ thì có thể dùng tên ấy suốt đời. Cần gì phải mất công đặt hai ba tên? Trước hết tận lực việc người, sau nghe theo mạng trời. Chuyện gì con người không tính được bèn cậy vào oai thần Tam Bảo thì sẽ âm thầm tự nhiên có chuyển biến chẳng thể nghĩ bàn.

94. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ hai)

Hôm qua nhận được thư ông, biết tâm của Sư Thọ đã xoay chuyển, không còn nhất quyết muốn xuất gia. May mắn thay! Người đời nay hay coi chuyện xuất gia như một cách để dựa dẫm, sống bám, tìm chỗ yên thân. Kẻ kém hơn nữa thì do không còn đường sống bèn tính kế ăn bám, nên những kẻ xuất gia ngày nay phần nhiều đều là phường vô lại, cho nên pháp đạo suy sụp sát đất đều là vì hạng xuất gia này làm chuyện bại hoại mà nên nỗi!

Quang thấy căn tánh của Sư Thọ nếu tu trì tại gia sẽ chẳng uổng là một bậc thiện sĩ trong làng xóm. Dẫu chẳng thể hoằng dương giáo pháp rộng lớn, nhưng đều có lợi ích thiết thực cho cả mình lẫn người. Nếu xuất gia, do tuổi tác quá thời, lại do thân yếu đuối chẳng kham chịu khổ được. Đối với chuyện tham Thiền học

---

cứ vào đức hạnh của người ấy khi còn sống lại đặt cho một cái tên gọi là "thụy hiệu" dùng để đọc trong văn tế khi cúng giỗ. Chẳng hạn Chu Văn An có thụy hiệu là Văn Trinh, Phạm Trọng Yêm có thụy hiệu là Văn Chánh.

Giáo nếu không hỏi đến bờ bến sẽ trọn chẳng biết đâu là phương hướng. Nếu đi tham học thì dù có dốc hết sức cả một đời này, vẫn còn chưa thể thấu đạt. Tông, Giáo không biết thì đối với cái đạo Niệm Phật chỉ có thể lợi ích cho mình, chứ chuyện lợi người [thì không thể, vì] còn thiếu tham học. Do vậy, chẳng bằng ở nhà theo cách tu trì của các vị Long Thư, An Sĩ, Nhị Lâm thì tốt hơn!

95. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ ba)

Hôm qua nhận được thư biết ông lại có con quý, vui lắm! Những điều ông viết trong thư đều có đạo lý. Chuyện ông Trương Hoán Bá dạy con cái là biết Thể nhưng không biết Dụng, chẳng thể hoàn toàn học theo cách ấy. Con còn bé, khi con đi học về phải lấy chuyện nhân quả báo ứng và lợi ích của pháp môn Tịnh Độ để ra rả giáo huấn khiến cho con cái hiện thời được lợi ích nơi niệm Phật, ắt khỏi phải lo lắng những chuyện xảy ra ngoài dự liệu; trong tương lai khi lập gia đình, lập nghiệp, đó lại là cái gốc tiêu tội được phước. Nếu hoàn toàn chẳng giao thiệp cùng trường học sẽ chẳng am hiểu thời vụ, dẫu đứa có khả năng cũng khó tiến bộ, huống chi những đứa tầm thường!

Người tại gia trước hết phải tìm được một cách mưu sinh, cách cư xử của Hoán Bá chỉ có thể dùng được trong ba mươi năm trước, chẳng thích hợp cho hiện thời. Thời bây giờ là thời như thế nào? Chính là cái thời "gian dối đua chen, tranh giành lẫn nhau", nếu hoàn

toàn chẳng giao thiệp với những kẻ ấy ắt sẽ bị chúng dối lừa, làm nhục, khó thể an thân!

Còn về pháp danh, đứa lớn đã quy y, không cần phải chọn tên khác nữa. Những đứa còn lại lấy chữ Phước làm chữ đầu, [chữ thứ hai lần lượt là] Huệ, Dung, Uyên, Hòa, Minh. Mẹ chúng nó nên đặt tên là Sư Việt. Do bà Kinh Vương phu nhân họ Vương đời Tống, tự hành, dạy người, chuyên tu Tịnh nghiệp, đứng đầu hàng nữ lưu, nên nếu đặt tên cho bà [vợ ông] là Sư Vương tợ hồ chẳng thích hợp. Do Kinh Vương phu nhân còn xưng là Việt Quốc phu nhân nên đặt tên là Sư Việt thì ổn thỏa.

Thêm nữa, lìa ngũ trược, sanh về Tịnh Độ, chính là siêu việt phàm tục trược ác, sau khi vãng sanh dần dần thăng lên, cũng là sự siêu việt vậy. Danh là khách của Thực, ắt phải thường răn dạy khiến cho con cái biết đạo lý thế gian, biết đạo lý Phật pháp, tương lai khi chúng trở thành cha mẹ, tự có thể lập ra quy tắc cho con cái, chẳng đến nỗi tuy có thiên tư thượng đẳng như ông Tăng nọ, như kẻ tục nọ, đều có thiên tư kham làm Phật, làm Tổ, nhưng lại vùi lấp đường chánh nhân - thiên của mình lẫn người, đào hố sâu địa ngục! Nguyên do đều là vì cha mẹ những kẻ ấy thoạt đầu chẳng đem nhân quả báo ứng dù Sự hay Lý để bảo ban cho mà ra. Nếu nhân quả chẳng giảng thì Danh và Thực trọn chẳng tương ứng, huống còn muốn được hiệu quả thật sự làm thánh, làm hiền, làm Phật, làm Tổ ư? Hai chữ "nhân quả" chính là nghĩa lý trọng yếu "gốc chánh nguồn trong" để cứu nước trị dân cho ngày nay vậy. Bỏ điều này sẽ

không còn phương cách nào khác, huống chi là chuyện dạy con cái ư?

96. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ tư)

Gia thuộc của ông đông quá. Khi các cô em dâu, em gái, con gái đi học về, nên đem những chuyện nhân quả báo ứng và lợi ích niệm Phật bàn luận cùng họ, ngõ hầu trong tâm ai nấy biết tâm mình thông với thiên địa quỷ thần, tương thông cùng từ phụ Di Đà. Do vậy, đoạn trừ ác niệm, tăng trưởng chánh tín, ngõ hầu hiện tại họ kham làm vợ hiền của người, tương lai làm mẹ hiền cho người. Biến điều ấy thành phong tục cho làng xóm thì cũng là căn bản pháp luân để bình trị thiên hạ quốc gia vậy. Bồ Tát sống trong cõi tục để lợi sanh, chẳng lập riêng quy cách, đối bệnh phát thuốc, khiến cho ai nấy đều theo đường về nhà mới thôi.

Nay những phụ nữ trong chốn học đường đa phần lầm lạc nẩy sanh những mong muốn lạ lùng, muốn nắm giữ chánh quyền, chẳng biết giữ bổn phận. Giúp chồng dạy con chính là căn bản để thiên hạ thái bình. Do vậy, vương nghiệp nhà Châu có nền tảng là ba bà Thái. Các bà Thái Khương, Thái Tự, Thái Nhậm chính là bậc thánh nhân trong nữ giới, chỉ chú trọng âm thầm giúp đỡ chồng, dạy con từ thuở còn trong thai. Người đời nay chẳng học theo gương đó, những điều họ tính toán, lo nghĩ đều là những mầm mống mưu mô gây loạn thiên hạ, còn nói gì được nữa! Quang vốn là người ngoài cõi đời, há nên bàn chuyện phụ nữ! Do vì gia quyến ông đàn bà đông quá [nên mới bàn đến], mong

rằng họ sẽ là gương mẫu cho hàng nữ lưu trong tương lai, là gương tốt cho chốn khuê khổn[10] hòng phát dương ánh sáng mặt trời Phật pháp vậy!

97. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ năm)

Dạy con cái phải bắt đầu từ căn bản. Cái căn bản vừa nói đó chính là hiếu với cha mẹ, giúp đỡ mọi người, nhẫn nhục, tận tụy, lấy thân làm gương, lấy đức làm khuôn phép; như nung chảy vàng hay đồng, đổ vào khuôn. Khuôn ngay ngắn sẽ đúc ra vật ngay ngắn, khuôn méo mó sẽ đúc ra vật méo mó. Lớn - nhỏ, dày - mỏng, trước khi đổ khuôn đã có thể biết trước, huống gì lúc đã trút khỏi khuôn! Gần đây con người đa phần chẳng biết điều này. Vì thế, những con em có thiên tư đa số là cuồng vọng, trái nghịch; những đứa không có thiên tư lại thành ra ương bướng, hèn tệ. Đó là do lúc nhỏ đánh mất khuôn phép, như vàng lỏng rót vào khuôn hư trở thành đồ hư hỏng. Cố nhiên vàng là một, nhưng đồ vật lại sai khác một trời một vực! Tiếc thay! Phật lấy Vô Ngã để dạy, người đời nay hễ có chút tri kiến bèn nghếch mắt lên tận trời thẳm, là vì chỉ biết Phật pháp qua nghĩa lý văn tự, chẳng biết Phật pháp chính là tu thân tịnh tâm, diệt trừ ngã tướng, tận lực tu Định - Huệ, ngõ hầu đoạn Hoặc chứng Chân!

98. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ sáu)

---

[10] Khuê khổn: Chỗ ở của nữ nhân gọi là khuê khổn, hoặc khuê phòng.

Thế giới Sa Bà là một lò luyện lớn, ai chịu được chưng luyện sẽ không còn là người trong thế gian nữa. Ai không chịu nổi sự chưng luyện thì lò luyện lớn lao bèn thành món đồ độc hại, thành món đồ gây khổ não, ấy là do tùy mỗi người mà tự được lợi ích. Người cùng một nhà nên trong lúc nhàn hạ vô sự, nhẹ nhàng, uyển chuyển, trình bày, mở mang những lý tột cùng khiến cho họ biết có những chuyện đúng - sai, nên hay không nên thì tâm thức họ sẽ bất tri bất giác dần dần bị ảnh hưởng rồi chuyển biến. Nếu gặp lúc tánh tình ngu bướng, ngạo mạn [của kẻ ấy] lộ ra, nếu như đối trị được thì hãy dùng những câu danh ngôn chí lý, hòa dịu bình tâm để đối trị. Nếu không, cứ để mặc đó, nhất loạt không bận tâm đến nữa, đợi khi nào hết nóng, lại dùng tâm bình khí hòa bàn luận đến đầu đến đũa, lâu ngày kẻ ấy sẽ được cảm hóa. Nếu dùng thủ đoạn mạnh bạo, nặng nề để trói buộc thì hoàn toàn không thích hợp, do kẻ ấy có chỗ dựa dẫm (chỗ dựa dẫm chính là con cái người ấy) cũng như đánh mất pháp tắc giáo huấn con cái. Niệm Phật phải luôn nghĩ mình sắp chết, sắp bị đọa địa ngục thì không khẩn thiết cũng sẽ tự khẩn thiết, không tương ứng cũng tự tương ứng; vì cái tâm sợ khổ mà niệm Phật chính là diệu pháp bậc nhất để thoát khổ, cũng là diệu pháp bậc nhất để tùy duyên tiêu nghiệp.

99. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ bảy)

Linh Phong lão nhân (tổ Ngẫu Ích) là người độc nhất vô nhị trong đời Mạt Pháp, lời lẽ, lý - sự của Ngài đều trọn đủ, há lường được lợi ích ư? Tùy theo căn cơ

của mỗi người, ai nấy được hưởng lợi ích. Con em có tài hoa, nếu được khéo dạy sẽ dễ thành tựu chánh khí; không khéo dạy thì đa số trở thành phường bại hoại! Ngày nay dân không lẽ sống, vận nước gian nan, gần như sụp đổ, đều là do những kẻ có tài hoa nhưng không được khéo dạy dần dần ấp ủ tạo thành [mối họa]. Đứa không tài hoa cố nhiên nên dạy nó thành thật, đứa có tài hoa càng nên dạy nó thành thật, nhưng dù là đứa thành thật cũng có thể làm điều dối trá. Thoạt đầu phải dạy lẽ nhân quả báo ứng và chuyện *"một khởi tâm động niệm của con người thiên địa quỷ thần đều thấy biết hết từng điều*", thường nên khuyên dạy như thế.

Phải dạy chúng đọc thuộc Âm Chất Văn, Cảm Ứng Thiên, đừng cho đấy không phải là sách Phật rồi coi thường. Do phàm phu tâm lượng thiển cận, nếu dùng những lẽ xa xôi, lớn lao, sâu xa để trình bày sẽ khó thể lãnh hội. Những sách ấy dù già hay trẻ nghe đến đều được lợi ích, huống chi [những sách ấy] đều chú trọng lấy vô thường làm thầy, lấy điều thiện làm thầy!

Phật còn dạy con người ta quán tử thi, phẩn uế, rắn độc để chứng A La Hán, số người chứng quả còn nhiều hơn cát sông Hằng. Huống chi những câu nói thiết thực, nuôi dưỡng thiện tánh, cảnh tỉnh, tự xét của những sách này. Kinh Lăng Nghiêm, nếu người không biết pháp Tịnh Độ đọc đến sẽ cho là công thần bậc nhất để đả phá Tịnh Độ; còn người đã biết Tịnh Độ sẽ thấy kinh này là hướng dẫn tốt lành cho Tịnh Độ. Vì sao nói thế? Dùng tự lực để ngộ đạo khó lắm, còn vãng sanh Tịnh Độ lại dễ. Nhân quả của mười pháp giới, mỗi mỗi phân minh. Nếu chẳng cậy vào Phật lực, dù phá được một hai Ấm,

vẫn có thể bị ma dựa, trở thành chủng tử địa ngục. Đã thế, hai mươi bốn công phu Viên Thông, người bây giờ ai có thể tu tập được? Chỉ có niệm Phật như con nhớ mẹ, hễ ai có tâm đều phụng hành được. Hễ tịnh niệm tiếp nối bèn tự chứng được Tam Ma (Chánh Định). Người biết tốt - xấu đọc đến có còn chịu chỉ cậy vào Tự Lực, chẳng nương vào Phật lực hay chăng? Kẻ không phân tốt - xấu thì ngược lại, chỉ muốn trở thành một bậc thông gia, không hề có cái tâm liễu sanh tử!

100. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ tám)

Thư gởi đến nêu rõ chuyện kính trọng toàn thể Tăng Ni, lý ấy, sự ấy quả thật rất xác đáng, nhưng về chuyện dạy dỗ con cái lại phải bàn đi luận lại, bởi lẽ nếu chỉ nhắc đến một lần, e rằng ông chẳng biết chọn lấy điều thân - sơ, rất có thể bị tổn hại! Ví như có người, dù thơ hay văn, dù Tông hay Giáo, thảy đều cao siêu, nhưng phẩm hạnh kém hèn, chẳng đáng làm gương cho người khác. Nếu chẳng biết phân biệt, cứ nhất loạt thân cận thì thân cận người như vậy chẳng những là hành vi có thể bị xoay chuyển theo, gã đó lại còn dùng những ý kiến ức đoán của chính mình nói ra những đạo lý xằng bậy nên kẻ không có tri kiến chân chánh rất có thể bị lầm lạc bởi gã đó. Như vậy, phải giữ tấm lòng "đối với người hiền hay kẻ ngu đều cung kính, chẳng sanh lòng ngạo mạn", nhưng về mặt hành sự thân cận thì phải thân hiền, xa ngu, chọn ưu, bỏ hèn. Như thế sẽ tránh được cái tệ bị lây nhiễm cũng như khỏi bị lầm lạc oan uổng. Chuyện thiên hạ có lý nhất định, nhưng không có

pháp nhất định. Nếu chẳng dùng tình và sự để định đoạt, như chữa bệnh có biến chứng mà cứ chấp chặt vào một phương thuốc ắt sẽ chết nhiều, sống ít. Lý và tình cần phải phù hợp, pháp và sự phải tương ứng thì mới nên.

101. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ chín)

Trong thư gởi đến, những điều ông viết đều từ sự suy xét những tập khí nơi thân tâm của chính mình, khôn ngăn mừng rỡ, cảm động! Nhưng ở địa vị phàm phu, tuy không thể không có bệnh, nhưng cũng chẳng nên mặc kệ không trị. Cách chữa trị ít tốn sức nhất lại được lợi nhiều là lấy ngay bệnh làm thuốc. Lấy ngay bệnh làm thuốc thì bệnh chẳng làm phiền rộn mình được. Như cái bệnh yêu thương con cái quyết chẳng thể đoạn được thì chẳng ngại gì lấy ngay lòng yêu thương đó làm gốc, muốn cho con cái lúc sống làm người chân chánh, lúc chết sanh về Tịnh Độ. Yêu thương như vậy chính là dùng phàm tình thế gian để thành tựu thánh quả xuất thế gian. Nếu chẳng khéo dùng lòng yêu thương, mặc lòng dung dưỡng thói kiêu căng còn hơn giết con trăm ngàn vạn ức vô lượng vô biên lần. Đất nước diệt vong, nhân dân điêu đứng đều vì những bậc cha mẹ chẳng hiểu sự việc này ấp ủ thành. Chẳng đáng buồn ư?

Công khóa mỗi ngày hồi hướng mỗi mỗi đều vì pháp giới chúng sanh. Nếu làm công khóa này vì chuyện này, công khóa kia vì chuyện kia, tuy không phải là không được, nhưng cần phải có cái nguyện hồi hướng rộng khắp thì mới tương ứng với ba thứ hồi

hướng. Ba thứ hồi hướng thì một là hồi hướng Chân Như Thật Tế, tâm tâm khế hợp; hai là hồi hướng Phật Quả Bồ Đề, niệm niệm viên mãn; ba là hồi hướng pháp giới chúng sanh cùng sanh Tịnh Độ. Mỗi người ai nấy có chí, ai nấy có nghiệp (nghiệp là thức nghiệp), cứ tùy duyên tùy phận là được rồi, bất tất mọi người đều phải giống nhau.

102. Thư trả lời cư sĩ Hà Hòe Sanh

Nhận được thư biết cư sĩ có chí hướng thượng, nhưng chưa biết duyên do và thời cơ của pháp môn. Nếu đã từng đọc Văn Sao của Quang thì ông cũng chưa xét rốt ráo những ý chỉ Quang đã nói. Phàm tu hành dụng công vốn là vì liễu sanh tử. Nếu dụng công nhưng chẳng thể liễu sanh tử là vì chẳng chịu hành theo pháp có thể liễu được sanh tử, há chẳng phải là gánh gai bỏ vàng[11], tự chuốc lấy vạ hay sao? Tham Thiền dù có đại triệt đại ngộ như Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, Chân Như Triết, Đoạn Nhai Nghĩa[12] còn chẳng thể liễu,

---

[11] Trong chuyện ngụ ngôn Tàu có câu chuyện một anh chàng đang cầm vàng đi thấy bên đường có một đống sợi gai to. Thấy đống gai to bèn tối mắt, vứt vàng đi để cặm cụi gánh gai về.

[12] Chân Như Triết: Húy là Mộ Triết, quê ở Lâu Xuyên, theo học với ngài Vĩnh An Viên Giác Luật Sư ở Kiến Xương, thọ trì giới luật tinh nghiêm. Khi Thúy Nham Chân Thiền Sư du phương, Sư đến cầu học, Ngài bảo ba bốn mươi năm sau, Chân Như Triết sẽ làm Phật sự lớn lao. Khi Chân Thiền Sư mất, Ngài y chỉ Tổ Hoàng Bá, chấn hưng tông phong.

Đoạn Nhai Nghĩa: Trong vạn người cầu pháp với Nguyên Diệu đại thiền sư ở Thiên Mục Sơn, chỉ có ngài Đoạn Nhai và Trung Phong Minh Bổn đắc pháp. Không rõ hành tích của Ngài, chỉ biết trong Thiền Quan Sách Tấn, Tổ Liên Trì có ghi lại một đoạn pháp ngữ của Sư: *"Muốn siêu phàm nhập thánh, vĩnh*

hễ thọ sanh lần nữa bèn bị mê mất, kém xa đời trước, huống hồ bọn ta! Vị hòa thượng X… tuy đã biết phương hướng của Thiền Môn, nhưng chưa vượt ra được giới hạn của Thiền Tông nên chẳng thể làm cho các hạ lắng lòng niệm Phật.

Ý ông cho rằng hễ ngộ ắt sẽ không có sanh tử để kết liễu, cũng chẳng có Niết Bàn để chứng, nhưng chẳng biết rằng dẫu có ngộ đến địa vị "thấy không có sanh tử để kết liễu, không có Niết Bàn để chứng đắc" thì vẫn cứ ở trong sanh tử y như cũ, chẳng thoát ra được, chẳng thể chứng được Niết Bàn. Chúng sanh đời Mạt cậy vào Tự Lực để đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử rất ư là khó; huống chi ông đã quán sát nhất niệm rớt vào chốn nào thì phải luôn luôn quán sát niệm ấy đi về đâu. Ngoại trừ chuyện này ra, bất cứ điều gì khác cũng không quan tâm đến, thật giống như truy tầm oan gia, chẳng chịu lãng ý một nháy mắt kẻo nó trốn mất, phải sao cho bắt được nó ngay khi đó, khiến cho nó táng thân mất mạng mới thôi! Nhưng ông nói rằng khi cái niệm ấy khởi lên đủ mọi cảnh giới bèn bỏ toàn thể chuyện quán sát những cảnh giới ấy đi về đâu, cho rằng mọi cảnh giới đã hiện ra chính là do tâm đạt được, tức là chẳng biết những cảnh giới ấy đều do tịnh định mà phát hiện, quả thật là chướng ngại cho sự tham Thiền. Vì sao? Vì quên mất chuyện suy xét đến tận cùng xem cái niệm này đi về đâu, tưởng huyễn cảnh là điều mình đạt được. Vả nữa, cảnh giới ấy còn xen tạp những cảnh giới của bọn luyện đan. Trước đây, các hạ đã từng dùng

---

viễn thoát khỏi trần lao, thì phải thay da đổi xương, chết đi sống lại, như tro lạnh sanh lửa, như cây khô tươi tốt lại. Há nên nghĩ là dễ dàng".

qua công phu ấy, nên nay do tịnh định, chúng bèn hiện ra. Nếu cho đó là chứng đắc, ắt có mối lo sau này sẽ bị ma dựa. Các hạ chẳng biết vứt bỏ toàn bộ những chuyện ấy, vẫn cứ mong thường giữ được lâu dài. Do chẳng thể đạt được bèn bứt rứt, than thở, há chẳng phải là nhận giặc làm con, giao cho nó giữ gia nghiệp hay sao? Kinh Kim Cang dạy: *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng",* Tâm Kinh nói: *"Soi thấy Ngũ Uẩn đều không, vượt hết thảy khổ ách".* Tướng ấy của các hạ là tướng hay phi tướng vậy? Là Ngũ Uẩn hay không phải Ngũ Uẩn vậy? Nếu là tướng, là Ngũ Uẩn thì đều phải bỏ đi, sao lại trân quý nó? Nếu nó là phi tướng, là phi Ngũ Uẩn thì cái niệm để thấy còn chẳng thể có, những cảnh tướng ấy do đâu mà có? Cổ nhân nói: *"Người học đạo chẳng hiểu lẽ chân đều là vì từ trước chẳng hiểu được thức thần là cái gốc của vô lượng kiếp sanh tử, người ngu cho đó là con người sẵn có của mình".* Câu nói đó chính là món thuốc mầu nhiệm thật thích hợp để trị chứng bệnh của các hạ vậy. Há có nên vọng động đem ý mình để tham Thiền ư? Hãy nên ngay trong lúc một niệm khởi, phải quán xem ý niệm ấy đi về đâu. Chẳng dốc sức vào đó thì sai chỉ hào ly, lạc đi ngàn dặm, lại còn cho đó là đắc, há chẳng quá đáng buồn hay sao? Tuy thế, Quang chẳng phải là Thiền khách, trọn chẳng dùng Thiền học để dạy người. Đây chẳng qua là vì các hạ không biết cảnh nào là tà - chánh, đúng - sai, nên mới khôn ngăn biện luận, phân tích đôi chút. Nếu các hạ muốn dựng cao cờ xí nhà Thiền, lấy đại triệt đại ngộ làm chuyện chánh yếu, hãy nên tham học với những bậc đại lão trong Thiền Tông. Nếu nói "tôi trong một đời này, quyết định phải liễu sanh tử" thì

xin hãy đem ý niệm tham Thiền vứt ra ngoài Đông Dương đại hải, y theo pháp môn Tịnh Độ, sanh tín, phát nguyện, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, nương vào Phật từ lực, chắc chắn sẽ được mãn nguyện. Nếu chẳng y theo pháp môn Tịnh Độ thì tất cả những gì đã tu trì đều trở thành phước báo nhân thiên và nhân duyên để đắc độ trong tương lai mà thôi, muốn liễu sanh tử khó thể mộng thấy được! Muốn biết nguyên do của Thiền và Tịnh mà không xem rộng khắp các sách Thiền - Tịnh sẽ không thể nào hiểu được. Dẫu có thể xem rộng khắp, nhưng nếu không có mắt chọn lựa pháp cũng sẽ thành dõi nhìn biển cả thở than, mịt mờ chẳng biết về đâu. Do vậy, hãy nên chuyên đọc các trước thuật Tịnh Độ, nhưng các trước thuật về Tịnh Độ rất nhiều, người chưa nhập môn khó nắm được cương yếu. Tìm lấy một tác phẩm dẫn người tiến vào chỗ thù thắng, phân tích minh bạch giới hạn giữa Thiền và Tịnh, Phật lực và tự lực, không gây nghi ngờ, trệ ngại, ngôn ngữ đơn giản, rõ ràng, nghĩa lý bình thường, thực tế, là hướng dẫn ban đầu để nghiên cứu các trước thuật của cổ đức, thì có lẽ là bộ Ấn Quang Văn Sao chăng? Xin hãy lắng lòng nghiên cứu ắt sẽ tự biết!

103. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ nhất)

Ngài Ngẫu Ích sanh vào cuối đời Minh, mất vào đầu đời Thanh[13], một đời hoằng pháp đều ở phương

[13] Ngài Ngẫu Ích sanh năm 1599 (năm Vạn Lịch thứ 27 đời Minh), mất năm 1655 (nhằm năm Thuận Trị thứ 12 nhà Thanh). Dẫu nhà Thanh đã chiếm được

Nam, chưa từng lên đất Bắc. Thêm nữa, trong những năm đầu thời Thuận Trị, phương Nam còn nhiều chỗ chưa quy phục, sau khi vua Sùng Trinh[14] thăng hà, lãnh thổ nhà Minh tan nát, phàm trước thuật gì, đại sư đều chỉ ghi năm tháng, không ghi quốc hiệu và niên hiệu. Đến khi các xứ Ninh Ba, Phước Kiến quy thuận [nhà Thanh], chưa đầy một hai năm sau, đại sư bèn nhập Niết Bàn, nhưng trong tông Thiên Thai có người bắt chước, trước thuật vào thời Khang Hy cũng chẳng ghi quốc hiệu và niên hiệu, có thể nói là vu báng, khinh miệt ngài Ngẫu Ích lẫn quốc gia vậy. Do chẳng khéo học nên mới có chuyện như thế!Học giả ở phương Nam đa số thiên về giáo pháp Thiên Thai, các học giả phương Bắc đa số chuộng giáo nghĩa Hiền Thủ hoặc Từ Ân. Do không người học tập nên những tác phẩm [của tông Thiên Thai được lưu hành ở phương Bắc] cũng ít. Thanh Thế Tông (Ung Chánh) tuy đề xướng khắc in Đại Tạng, nhưng đầu mùa Hạ năm ấy đã lên làm khách cõi trời. Những kinh sách được đưa vào hay gạt ra khỏi Đại Tạng đời Thanh thường nói là do Thanh Thế Tông định đoạt, nhưng thật ra quá nửa là do vị thân vương đặc phái và vị đại hòa thượng thủ lãnh tổng lý việc in khắc Đại Tạng chủ trì.

Trung Hoa, nhưng con cháu nhà Minh vẫn chiếm cứ một số vùng ở Nam Trung Hoa, xưng là Nam Minh, như Phước Vương (Châu Do Tung), Đường Vương (Châu Duật Kiện) và Quế Vương (Châu Do Lang). Mãi đến năm Khang Hy thứ hai (1663), nhà Thanh mới hoàn toàn diệt được con cháu nhà Minh, bình định được Trung Hoa. Dư đảng di thần nhà Minh một số theo Trịnh Thành Công chạy ra Đài Loan tiếp tục phù Minh phản Thanh.

[14] Sùng Trinh là vua cuối đời Minh. Trước khi quân Mãn Châu chiếm Trung Hoa, Lý Tự Thành đã nổi loạn lật đổ nhà Minh, xưng quốc hiệu là Đại Thuận, làm vua gần được hai năm (1644-1645).

Hơn nữa, những vị Tăng sắp đặt việc in khắc đều là người thuộc các tông Hiền Thủ, Từ Ân, Lâm Tế. Tông Thiên Thai chỉ có một vị, nhưng chỉ giữ vai trò giảo duyệt, không có quyền quyết định. Những trước thuật của ngài Ngẫu Ích được nhập tạng chỉ có hai thứ là Tướng Tông Bát Yếu[15] và Thích Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn[16], những thứ khác ở phương Bắc không có, lấy đâu mà nhập tạng cho được? Đây là chuyện thuộc về cuối đời Ung Chánh, đầu đời Càn Long. Đến cuối đời Càn Long, ở kinh đô, những trước thuật của ngài Ngẫu Ích không còn được bao nhiêu. Triệt Ngộ lão nhân đọc bộ Duyệt Tạng Tri Tân[17], liền muốn khắc in.

---

[15] Tướng Tông Bát Yếu: Tên gọi đầy đủ của tác phẩm này là Tướng Tông Bát Yếu Trực Giải, là một tác phẩm chú thích của ngài Ngẫu Ích cho tám tác phẩm trọng yếu của tông Pháp Tướng (Duy Thức). Tám tác phẩm ấy là: 1. Bách Pháp Minh Môn Luận của ngài Thế Thân 2. Duy Thức Tam Thập Luận cũng của ngài Thế Thân 3. Quán Sở Duyên Duyên Luận của ngài Trần Na 4. Lục Ly Hợp Thích Pháp Thức của ngài Trừng Quán (cuốn này trích từ bộ Hoa Nghiêm Kinh Tùy Sớ Diễn Nghĩa Sao) 5. Quán Sở Duyên Duyên Luận Thích của ngài Hộ Pháp 6. Nhân Minh Nhập Chánh Lý Luận của ngài Thương Yết La Chủ 7. Tam Chi Tỷ Lượng của ngài Huyền Trang và 8. Bát Thức Quy Củ Tụng cũng của ngài Huyền Trang.

[16] Đây là tác phẩm chú giải bộ Đại Thừa Chỉ Quán của ngài Huệ Tư (thầy ngài Trí Khải).

[17] Duyệt Tạng Tri Tân gồm bốn mươi tám quyển, là một loại sách tổng mục, phân định 1.773 bộ kinh sách trong Đại Tạng thành bốn loại Kinh, Luật, Luận và Tạp. Đối với mỗi tác phẩm đều có những lời giải thích thiết yếu. Nội dung gồm:

1) Kinh Tạng: gồm 976 bộ kinh Đại Thừa (căn cứ theo tiêu chuẩn ngũ thời phán giáo của tông Thiên Thai) và 211 bộ kinh Tiểu Thừa.

2) Luật Tạng gồm 30 bộ Luật Đại Thừa và 61 bộ Luật Tiểu Thừa.

3) Luận Tạng gồm luận Đại Thừa, chia thành 71 bộ Thích Kinh Luận (luận nhằm giải thích kinh theo từng đoạn kinh) và 117 bộ Tông Kinh Luận (giải thích giáo nghĩa chánh yếu của một kinh), 32 bộ Chư Luận Thích (chú giải các bộ luận)) và 47 bộ luận Tiểu Thừa.

4) Tạp Tạng gồm các thể loại: Tây Phương (những kinh điển của ngoại đạo hoặc bị nghi ngờ là ngụy tạo của Ấn Độ, gồm 48 bộ) và Thử Độ (những

Ngài mong tìm được một bộ thì chẳng cần phải chép riêng[18] hòng giảm bớt tâm lực nên tìm tòi khắp nơi, chỉ được một bộ. Phàm những trước thuật của đại sư được truyền đến kinh đô thì ngài Triệt Ngộ và môn nhân của ngài Triệt Ngộ đều cho khắc bản, cũng được mười hay hai mươi loại.

Những kẻ không biết thời thế cứ đổ riệt Thanh Thế Tông chẳng chọn lấy những tác phẩm ấy, đúng là đã vu báng vua Thế Tông. Nếu như Thanh Thế Tông được thấy toàn bộ những trước tác của ngài Ngẫu Ích chắc chắn sẽ cho nhập tạng toàn bộ, chẳng sót bộ nào. Phải biết: Đại Tạng kinh đời Thanh do Thanh Thế Tông khởi xướng, đến khi Thanh Thế Tông băng hà, Cao Tông (Càn Long) kế vị, phàm những chuyện khắc in Đại Tạng đều do những người có quyền thế trong giới Tăng - tục thời ấy làm chủ, chẳng qua Cao Tông cũng chỉ chủ trì trên danh nghĩa đó thôi. Vì sao biết như vậy? Bộ Giản Ma Biện Dị Lục[19] do Thế Tông soạn vừa mới

---

nghi thức sám hối, các trước tác Tịnh Độ, Thiên Thai, Thiền Tông, Hiền Thủ Tông, Từ Ân Tông, Mật Tông, Luật Tông, truyện ký, hộ pháp, âm nghĩa, mục lục, bài tựa, bài tán, pháp sự v.v… của Trung Hoa, tổng cộng 176 bộ).

[18] Thuở xưa, in sách bằng ván gỗ (thường gọi là in mộc bản). Trước hết phải nhờ người chữ tốt chép lại bản sách ấy rõ ràng, rồi đưa bản chép ấy cho thợ khắc gỗ khắc ngược những chữ ấy lên ván gỗ. Nhà in sẽ dùng những ván gỗ ấy, phết mực lên, áp xuống giấy trắng để in thành sách.

[19] Bộ sách này gồm tám quyển, biên soạn vào năm Ung Chánh thứ 11 (1733). Nguyên khởi là do sư Hán Nguyệt Pháp Tạng thuộc dòng Thiền Lâm Tế soạn cuốn Ngũ Tông Nguyên, môn nhân của Sư là Đàm Cát Hoằng Nhẫn cũng soạn cuốn Ngũ Tông Cứu để đả kích giáo nghĩa dòng Thiền Tào Động lúc ấy, gây nên tranh luận ồn ào trong chốn Thiền lâm bấy giờ, cho đến tận đời Thanh vẫn còn chưa dứt. Thanh Thế Tông bèn soạn tác phẩm này, phán định chủ trương của Hán Nguyệt và Hoằng Nhẫn là tà ma dị thuyết, phê phán những cuốn Ngữ Lục của hai vị này. Vua còn chê trách môn nhân của hai vị trên ăn

hoàn tất bản thảo, còn chưa sửa chữa hoàn chỉnh, vua liền băng hà ngay. Tuy Cao Tông sai người biên chép, khắc bản, nhưng chẳng rảnh rỗi để kiểm điểm. Do vua không sai một bậc đại thông gia chủ trì, nên rốt cuộc sai ngoa không biết bao nhiêu mà kể. Di bút của cha mà còn để như thế, huống gì là Đại Tạng?

Vả nữa, lúc Thế Tông bắt đầu soạn tác phẩm này liền ban lời dụ, trong đó có nhắc đến chuyện nhập tạng lưu thông. Về sau, chỉ khắc bản in sách, rốt cuộc không nhập tạng, chỉ đem lời dụ này in kèm vào sau cuốn Ngữ Lục của Viên Minh cư sĩ[20], há cũng nên bảo là vì Thế Tông tỵ hiềm sách ấy có tập khí nên không được nhập tạng ư? Nguyên nhân chẳng được nhập tạng là vì những kẻ ngoại hộ của con cháu sư Hán Nguyệt Tạng[21] đa phần là những người đang nắm quyền, nên chẳng ai dám đề xướng [nhập tạng sách ấy] mà thôi. Nếu luận về tập khí, có thể nói ngài Ngẫu Ích hoàn toàn không có; thế nhưng những kẻ thiền hòa[22] mù quáng cho là Ngài uổng có văn tự, nhưng chưa đại ngộ, cống cao ngã mạn. Những kẻ như thế ngửa mặt nhổ lên trời, há có nên lấy những lời của họ để làm cơ sở bình luận ư? Những kẻ

---

thịt, uống rượu, hủy phá giới luật, gây nguy hại cho Phật giáo rất lớn, cần phải phế trừ.

[20] Viên Minh là một biệt hiệu khác của Ung Chánh. Tác phẩm này có tên là Viên Minh Bách Vấn, trích ra từ quyển thứ 12 của bộ Ung Chánh Ngự Soạn Ngữ Lục. Tác phẩm này gồm một trăm đoạn văn ngắn biện định về Thiền Tông.

[21] Tức sư Hán Nguyệt Pháp Tạng. Đệ tử tại gia của môn nhân ngài Hán Nguyệt Pháp Tạng là những kẻ đương nắm giữ quyền chức thời ấy nên họ tìm cách ngăn không cho cuốn Giản Ma Biện Dị Lục được nhập tạng.

[22] Thiền hòa: Gọi tắt của "thiền hòa tử" hoặc "thiền hòa giả", là tiếng để chỉ những người tham Thiền.

hủy báng Thanh Thế Tông cũng như hủy báng ngài Ngẫu Ích, đều là những kẻ nghe lỏm nói mò, hùa theo phụ họa mà thôi!

104. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ hai)

Hôm qua nhận được tin từ Sư Đạo cho biết tháng trước bệnh tình ông thật nguy ngập, gần đây đã thuyên giảm, may mắn thay! Con người xử thế, nhất nhất nên án theo bổn phận, chẳng được lầm lạc lo lắng vượt ngoài bổn phận. Đấy là như câu nói: *"Quân tử chẳng nghĩ ra ngoài địa vị"*. Lại nói: *"Quân tử chỉ thuận theo địa vị mà hành"*. Tuy ông đã hơi sanh tín tâm đối với pháp môn Tịnh Độ, nhưng vẫn còn có ý niệm ham cao chuộng lạ chưa buông xuống được, chưa chịu tu tập như hàng ngu phu, ngu phụ. Phải biết liễu sanh tử đối với ngu phu, ngu phụ thì dễ, bởi tâm họ chẳng có dị kiến; còn nếu là bậc thông Tông, thông Giáo mà khắp thân buông xuống được, thực hành công phu của kẻ ngu phu, ngu phụ thì cũng dễ. Nếu không, bậc cao nhân thông Tông, thông Giáo lại chẳng bằng kẻ ngu phu, ngu phụ đới nghiệp vãng sanh! Pháp môn Tịnh Độ lấy vãng sanh làm chánh yếu, tùy duyên, tùy phận, chuyên tinh chí hướng; chắc chắn Phật chẳng dối người! Nếu không, cầu thăng hóa ra bị đọa, đấy chính là tự mình tạo lỗi, nào phải lỗi Phật đâu!

105. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ ba)

Học Phật phải chuyên chú lấy việc giải thoát cho chính mình làm chuyện chánh yếu, nhưng cũng phải tùy phần tùy sức làm chuyện công đức. Nếu là người có sức lớn lao thì mới có thể triệt để buông xuống, triệt để đề khởi. Còn người trung hạ căn, nếu hết thảy đều không làm sẽ trở thành biếng nhác, lười trễ, ngay cả tự lợi cũng chẳng nỗ lực, chuyện lợi người hoàn toàn gác qua một bên, rớt vào thói tệ *"dù chỉ nhổ một sợi lông để làm lợi cho người khác cũng chẳng chịu làm"* của Dương Tử[23]. Vì thế, phải hành cả hai pháp để bổ trợ cho nhau, nhưng chuyên chú nơi tự lợi. Cũng chớ nên hiểu lầm lời của ông Nhị Lâm (Bành Tế Thanh). Hiểu lầm sẽ đắc tội với ông Nhị Lâm chẳng nhỏ! Ý của ông Nhị Lâm là phải chuyên chú nơi tự lợi, chứ không phải hoàn toàn vứt bỏ chuyện tùy phần tùy sức dạy người khác tu tập pháp môn Tịnh Độ. Chuyện lợi người chỉ bậc đại Bồ Tát mới có thể gánh vác nổi, những kẻ kém cỏi hơn nào ai dám nói lời lẽ lớn lao ấy? Người trung hạ căn phải biết tùy phần tùy lực để làm chuyện lợi ích người khác thì mới hợp với cái đạo tu hành tự lợi vậy! Do vì pháp môn tu hành có Lục Độ, vạn hạnh; nên tự mình chưa độ thoát thì lợi người vẫn thuộc về tự lợi.

Nhưng chẳng nên chuyên chú làm những chuyện thuộc về hình tích bên ngoài, còn chuyện đối trị phiền não tập khí trong tâm mình bèn gác lại, không nhắc gì tới, tức là có ngoại hạnh, nhưng công phu bên trong hoàn toàn bỏ phế! Do đấy, đâm ra nẩy sanh ngã mạn, tự cho công hạnh lợi tha là đức hạnh, sẽ bị tổn thất rất

---

[23] Tức Dương Châu, tự Tử Cư, người nước Vệ, sống vào thời Chiến Quốc, chủ trương Vị Ngã, nhổ một cái lông mà có lợi cho người khác cũng không làm.

nhiều. Ví như ăn cơm phải có thức ăn kèm vào, cũng như thân thể phải dùng áo mũ để trang hoàng. Trên con đường tu hành để liễu sanh tử dài dằng dặc, sao lại muốn thâm nhập một môn, phế sạch các môn khác? Thâm nhập một môn[24], bỏ hết các môn khác chỉ có lúc đả thất thì được. Bình thời, nếu không phải là Bồ Tát tái lai, trọn chưa có ai chẳng vướng mối tệ trở thành giải đãi, khinh mạn! Bởi cái tâm phàm phu hễ cái gì thường có quá ắt sẽ sanh chán!

Trời sanh ra muôn vật ắt phải dùng trời tạnh, mưa dầm xoay vần, nóng -lạnh đắp đổi thì mới có thực tế sanh thành tạo hóa. Nếu cứ thường tạnh hoặc mưa mãi, hoặc nóng mãi, lạnh mãi thì dưới gầm trời sẽ không có một vật nào cả! Huống chi tâm bọn ta như khỉ vượn, chẳng dùng đủ mọi pháp đối trị muốn cho nó ở yên một chỗ, chẳng rong ruổi lung tung thì rất ư là khó! Con người hãy nên tự lượng sức mình, chớ nên thiên chấp một pháp, cũng chớ nên tràn lan không lớp lang gì, lấy trì giới niệm Phật cầu sanh Tây Phương làm chánh. Gặp hết thảy mọi người, trên là cha mẹ, giữa là anh em, bè bạn, dưới là vợ con, đầy tớ, đều đem chuyện này chỉ dạy, há có nên nói đây chẳng phải là tự lợi ư? Một ngọn đèn chỉ là một ngọn đèn, một ngọn đèn thắp truyền sang

---

[24] Ở đây, xin đừng hiểu lầm ý Tổ. Tổ nói quở trách người thâm nhập một môn là người chấp khăng khăng vào pháp môn của chính mình, bài xích các pháp môn khác, không chịu học hỏi kinh điển nhà Phật, chứ không hề dạy tu tập tràn lan, pháp nào cũng tu, pháp nào cũng học, không biết lượng sức. Vì thế, chư Tổ Tịnh Độ thường đề xướng *"thâm nhập một môn, trường thời huân tu"*. Đọc kỹ những lời giáo huấn của Tổ, sẽ thấy Tổ quở trách chuyện học tràn lan không chuyên nhất. Ý của Tổ ở đây nhằm quở trách những kẻ chỉ cho niệm Phật là đủ, không bận tâm tu tập các trợ hạnh khác để hỗ trợ chánh hạnh Niệm Phật.

trăm ngàn vạn ức ngọn đèn, nhưng ngọn đèn ấy trọn chẳng bị tổn hại gì, ai được, ai mất, nào đến, nào đi? Còn phải đợi hỏi người khác mới hiểu rõ nữa ư?

106. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ tư)

Ngày Rằm tháng trước nhận được thư ông. Do ông bảo khi Mạnh Do[25] đến, ông sẽ lên đường ngay, nên sợ Thư trả lời sẽ bị lạc mất. Vì thế, không phúc đáp. Trưa nay lại nhận được thư ông, biết Mạnh Do còn chưa về lại tỉnh nhà. Do ông ta nấn ná chưa về, nên ông không dám dứt khoát. Nếu ông ta trở về, ông sẽ dứt khoát lên đường. Sao ông không hiểu lòng tôi và tấm lòng những người khác mà thành ra đạo lý ương ngạnh như thế? Quang cũng là người xuất gia, há cứ nhất định phải ngăn trở ông, trở ngại ông, học theo thói người tại gia lưu luyến nhà cửa, chẳng muốn cho người khác mau được giải thoát ư? Nhưng cơ duyên gặp gỡ của mỗi người có muôn vàn kiểu chẳng giống nhau.

Luận theo phần ông, quả thật tại gia có ích rất lớn, còn xuất gia chỉ được lợi ích nhỏ nhoi. Tổ nghiệp của ông gần như sống qua ngày được, trên có mẹ hiền để thờ, giữa có anh em để nương tựa, trong nhà có vợ hiền, dưới gối không con cái. Nhưng anh cả của ông khá tin tưởng vào Phật pháp, chú Ba, chú Tư cũng chẳng chống trái đạo pháp lắm. Ông tại gia dốc sức tu Tịnh nghiệp, cũng có thể hướng dẫn khiến cho mẹ hiền sanh lòng tin niệm Phật, ngõ hầu được liễu thoát mà cũng có thể vì

---

[25] Mạnh Do là anh ruột của Châu Quần Tranh.

anh em đang ở ngoài lo liệu chuyện trong gia đình, cũng như suất lãnh vợ, em dâu v.v… cùng tu Tịnh nghiệp, cùng thoát vòng khổ. Bên ngoài thì xóm giềng, thân thích, tùy duyên hướng dẫn, chỉ vẽ, thì nhà cửa bèn thành đạo tràng, hết thảy mẹ, anh em, vợ con, cháu chắt, xóm giềng, thân bằng đều thành pháp quyến. Tùy sức, tùy phận, thân làm gương, miệng giáo hóa khiến cho mọi kẻ lạc đường ở Vĩnh Gia cùng những kẻ chủng tánh tà kiến kia cùng được nạp vào trong lò luyện lớn là pháp môn Tịnh Độ chí cực viên đốn của Phật pháp, cùng trở thành pháp khí[26], cùng tu Tịnh nghiệp, tương lai cùng lên Liên Bang, cùng chứng Bồ Đề. Há chẳng bằng ông xuất gia làm Tăng, bỏ mẹ đi xa, người trong nhà ôm mối hận không người nương cậy, mẹ đem lòng oán con hay sao? Đã thế, những kẻ chẳng hiểu rõ lý cùng cực sẽ đâm ra nói Phật pháp trái nghịch thế đạo, lầm sanh hủy báng, khiến cho những kẻ ấy tạo ác nghiệp, đọa ác đạo. Chưa thấy ích gì mà trước hết đã mắc lấy những tổn hại to lớn như thế, như vậy là tốt hơn hay sao?

Huống chi mẹ ông đã không bằng lòng, há có nên chẳng tuân theo ý mẹ, vẫn cứ ôm ấp ý niệm ấy? Nếu như mẹ ông trọn chẳng bằng lòng cho ông tu hành, thì [chuyện bỏ nhà đi xuất gia] còn chấp nhận được! Chứ ông tu hành mẹ rất hoan hỷ, lẽ đâu lại muốn bỏ mẹ đi tu? Trong Phật pháp có đủ mọi công nghiệp, Lục Độ vạn hạnh đều vì lợi ích chúng sanh. Ông không xuất gia sẽ

---

[26] Pháp khí: Chỉ những người có thể tu hành Phật đạo. Sách Sơn Đường Tứ Khảo chép: *"Nhị Tổ Huệ Khả thờ ngài Đạt Ma đã lâu, chưa được nghe giáo huấn, bèn chặt tay cầu pháp, Sư biết là pháp khí, bèn trao cho y bát"*.

có lợi ích lớn lao cho mẹ, chỉ nội một điều này đã nên chiều theo lòng mẹ, sống trong cõi trần học đạo, khiến cho mẹ hằng ngày trông thấy quen mắt, chẳng mong mẹ tin tưởng mà mẹ tự nhiên tin tưởng, còn công đức nào lớn lao hơn? Huống chi nào phải chỉ một mình mẹ [được lợi ích]?

Hơn nữa, mẹ đã không chấp thuận, thì về mặt đạo nghĩa, chẳng nên nghĩ tới chuyện xuất gia nữa! Vì trong giới luật nhà Phật, cha mẹ chẳng bằng lòng cho con xuất gia, mình cứ tự tiện xuất gia thì [nhà chùa] chẳng được phép dung nạp, xuống tóc, và thọ giới v.v… Nếu không cả thầy lẫn trò đều mắc tội. Ông đã thờ Quang làm thầy, coi Quang là thiện tri thức, tuy Quang thật chẳng phải là thiện tri thức, nhưng chuyện trái nghịch Phật pháp quyết chẳng dám làm. Chỉ mong ông nghe theo lời Quang, thuận lòng mẹ, tại gia tu hành mới nên! Cổ nhân có người vì tri kỷ, chẳng ngại đem thân đền đáp. Huống chi mẹ ông đã lưu giữ ông, Quang khuyên ông: Lẽ nào lại chống trái, cố chấp không thay đổi ư? Phải biết: Hiếu thuận cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu Thập Thiện Nghiệp, chính là chánh nhân để vãng sanh Tây Phương. Hãy nên học đòi Vương Hư Trung[27], Châu An Sĩ, Bành Xích Mộc (Bành Thiệu Thăng) ba vị tiên sinh thì mới chẳng thẹn là đệ tử Phật!

---

[27] Chính là ông Vương Nhật Hưu, tác giả bộ Long Thư Tịnh Độ Văn.

107. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ năm)

Chuyện trong thiên hạ đều có nhân duyên, chuyện được thành hay chăng đều do nhân duyên gây ra. Tuy có người làm cho chuyện ấy thành hay bại, nhưng quyền lực thực tế là do cái nhân trước của chính ta, chứ không do cái duyên hiện tại. Hiểu điều này sẽ vui theo mạng trời, chẳng oán, chẳng hận, thuận theo địa vị mà hành, không trong hoàn cảnh nào chẳng tự tại vậy! Riêng ông chẳng biết phận làm con, đúng lý ra phải nghe lời cha mẹ. Thêm nữa, muốn làm học trò của người ta, nên nghe theo lời thầy. Những gì cha mẹ mưu tính cho con cái rất có thể không thích đáng, là vì yêu thương sâu nặng nên có thể bị thiên lệch, còn thầy đã có thể coi là bậc tri thức, trọn chẳng đến nỗi tính toán những điều quá sai lầm.

Sống trong cõi trần học đạo, tu chân ngay trong cõi tục, chính là chuyện đạt nhân danh sĩ lẫn ngu phu, ngu phụ đều có thể làm được. Gắng sức tu trì, do tại gia có đủ mọi hệ lụy, nên coi như những lời cảnh tỉnh[28], lâu dài sanh cái tâm chán lìa, ngõ hầu sẽ dài lâu nuôi lớn cái tâm ưa thích, lấy bệnh làm thuốc, biến tắc thành thông, trên chẳng khiến mẹ phải thở than, dưới gia đình riêng của mình chẳng mất nơi nương tựa, lại còn khiến cho hết thảy mọi người do cùng thấy nghe bèn được tăng trưởng Tịnh nghiệp, còn vui nào bằng?

---

[28] Nguyên văn "đương đầu bổng hát": Tông Lâm Tế dùng gậy đánh, tiếng hét để khai ngộ. Nên "đương đầu bổng hát" cũng có nghĩa là nhân duyên, cảnh tượng giúp mình tỉnh giác.

Chỉ mong ông trên là nghe theo lời mẹ, cũng như thuận theo lòng Quang, tùy phận tùy duyên tự lợi, lợi tha. Bồ Tát bỏ đầu, mắt, tủy, não để cứu chúng sanh đói khát. Tại gia tu hành đối với mẹ, đối với ông đều có lợi ích lớn lao, sao lại lầm sanh chống trái? Như ông cứ nhất quyết muốn y theo tâm hạnh của mình, làm sao Quang có thể chấp nhận như thế được, chỉ mong hãy đem cái danh tự thầy trò giả tạm thủ tiêu đi, ông cứ việc bái vị cao tăng nào đó làm thầy, Quang hoàn toàn không hỏi đến nữa. Ngày sau gặp gỡ như người đi trên cùng một đường gặp nhau, đừng giữ cái lễ thầy trò nữa!

Nếu không như thế thì xin hãy nghe theo lời tôi nói, thay Quang khuyến hóa trai gái vùng Âu Giang[29] cùng vào Liên Trì Hải Hội. So với việc ông cứ muốn làm Tăng, khiến cho mẹ chẳng vui lòng, anh em, vợ con đều buồn bã, người xứ Âu Giang lầm lạc khởi lên tâm nghiệp phỉ báng Phật pháp. Lẽ được - mất khác biệt tựa hồ một trời, một vực, ông hãy thử nghĩ kỹ xem: Quang vì ông hay là hại ông vậy? Quang đã nói hết lời, chẳng thể viết thêm một chữ thừa thãi nào nữa, mặc lòng ông tự tiện mà thôi!

108. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ sáu)

Một pháp nhân quả là bước đầu để nhập môn Phật giáo, cũng là phương sách trọng yếu để thành tâm,

---

[29] Âu Giang: Con sông lớn thứ hai của tỉnh Chiết Giang, phát nguyên từ núi Đồng Cung, chảy theo hướng về Đông Nam đến huyện Thanh Điền mới có tên là Âu Giang, đổ ra biển ở thành phố Ôn Châu.

chánh ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Cuốn sách của họ Đinh[30] dù có sai sót, nhưng về đại thể là tốt. Chớ vì họ Viên thiếu đức mà cho là chẳng đáng lưu thông. Họ Viên[31] đã mất rồi, người biết ông ta thiếu đức được mấy người? Nếu như chuyện nhân quả báo ứng đập vào mắt, thấm vào lòng, dẫu họ Viên hèn kém cũng nên giảm lòng tà, giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ, mong chính mình tránh khỏi tội lệ, vun trồng phước đời sau, chớ vì một lỗi mà giấu kín đi.

Hơn nữa, họ Viên lúc ban đầu bài bác Phật, sau đọc nhiều, đọc sâu hơn, biết đích xác nhân quả không sai chạy mảy may, tuy chưa dứt khoát nghiên cứu sách vở nhà Phật, nhưng xem đến những sự tích cảm ứng đã được ghi chép thì quả thật tâm đã vui mừng, khâm phục

---

[30] Họ Đinh ở đây là ông Đinh Phước Bảo, trong lá thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn, Tổ có nói: *"Cuốn Phật Học Đại Từ Điển do ông Đinh Phước Bảo biên soạn, danh tướng thật rộng, nhưng khảo cứu chưa thật tường tận. Nói chung, cứ ba mươi điều có một điều bị sai lạc, chỉ có bậc thông gia mới phân biệt được, nếu không rất có thể do đó bị lầm".*

[31] Họ Viên ở đây là ông Viên Tử Tài (1716-1797). Lời tựa cuốn Kỷ Văn Đạt Công Bút Ký Trích Yếu có chép*: "Từ đời Thanh đến nay, người bác học đa văn thì tiên sinh Giang Thận Tu là bậc nhất, kế đến là Kỷ Văn Đạt rồi đến là ông Viên Tử Tài… Viên Tử Tài thoạt đầu bài bác Phật, đến tuổi trung niên trở đi, lịch duyệt ngày càng sâu, bèn sanh lòng tin chân thật đối với Phật pháp, chỉ vì cuồng vọng, tự đại, lười nhác, biếng trễ, chẳng chịu thân cận cao nhân, lắng lòng nghiên cứu…".* Qua lời nhận định này, có thể đoan chắc họ Viên nói ở đây là ông Viên Tử Tài. Ông tên thật là Viên Mai, tự Tử Tài, hiệu Tùy Viên Lão Nhân, là người Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang, đỗ tiến sĩ dưới đời vua Gia Khánh, từng làm tri huyện bốn lần. Về sau, từ quan sống ở Tiểu Thương Sơn tại Nam Kinh, dựng Tùy Viên để hưởng nhàn, chuyên tâm viết lách, nghiên cứu nghệ thuật ẩm thực. Ngoài danh hiệu lý luận gia lừng danh, ông cũng là một nhà văn nổi tiếng biết thưởng thức món ăn ngon. Thi văn của ông trang nhã, bóng bẩy, tình tứ. Bộ Tùy Viên Thực Đơn của ông nổi tiếng đến nỗi được xuất bản ngay trong đời Thanh, và được phiên dịch sang tiếng Nhật. Năm 1983, Quảng Đông Khoa Kỹ Xuất Bản Xã đã tái bản cuốn sách này.

Phật pháp. Sở dĩ, ông ta chưa được như ông Bành Nhị Lâm là vì do văn tự chướng ngại sâu xa, lại thêm biếng nhác, trễ nãi, thành ra kết quả chỉ là gieo nhân cho tương lai, đáng tiếc thay! Tôi cho rằng do ông Viên, ông Kỷ[32] học rộng mà còn chăm chú gom soạn nhân quả báo ứng như thế, người sau xem đến, há đâu chẳng cảm động sâu xa ư? Nếu không muốn lưu thông thì thôi, còn muốn lưu thông hãy nên lưu thông, đừng có nên nghĩ ngợi thái quá!

109. Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh (thư thứ bảy)

Giảng Khởi Tín Luận rất tốt, chỉ e ít người lãnh hội được, nên kẻ căn cơ nông cạn sẽ bị mất lợi ích nhiều. Có lẽ nên giảng kèm pháp môn Tịnh Độ khiến cho họ trước hết biết được đạo trọng yếu để liễu sanh tử, lại còn biết được tâm pháp trọng yếu của Phật pháp thì cả Lý lẫn Cơ đều được khế hợp. Để đối chứng cấp thuốc cho người hiện thời thì nhân quả báo ứng là bậc nhất, còn trong các pháp nên tu thì Tịnh Độ là bậc nhất. Nếu nghiên cứu Khởi Tín Luận thì tuy cũng có nhân quả Tịnh Độ, nhưng tri kiến phàm phu không thể lãnh hội trọn vẹn nghĩa lý, lại còn chẳng thể nương theo luận ấy để khởi tu, chỉ hiểu được ý nghĩa mà thôi! Bất luận căn tánh nào, không thể không trước hết nghiên cứu nhân quả, Tịnh Độ; còn về giáo tướng thì cũng phải chọn

[32] Ông Kỷ ở đây là Kỷ Văn Đạt (1724-1805) tên thật là Kỷ Quân, tự Hiểu Lam, tên thụy là Văn Đạt. Người huyện Hiến, tỉnh Hà Bắc, làm quan đến chức thượng thư bộ Lễ, Hiệp Biện Đại Học Sĩ, từng đảm nhiệm việc biên tập tác phẩm đồ sộ Tứ Khố Toàn Thư dưới thời Càn Long.

người mà thí, bởi lẽ học trò mỗi người có chuyện phải học riêng, Phật học chỉ là chuyện kèm thêm. Nếu người căn cơ thiên tánh cạn cợt lại chuyên chú vào giáo tướng, rất có thể sẽ quăng Tịnh Độ ra sau ót, đến nỗi thành ra kết quả "có nhân mà không có quả"! Đấy là lập cách chẳng phù hợp căn cơ vậy.

Nay trong những kẻ tôn sùng Tướng tông, thói tệ ấy cũng giống như thế. Chuyện họ đề xướng chẳng thật sự vì liễu sanh tử mà chỉ vì thông suốt Lý Tánh để thuyết giảng mà thôi! Nếu như họ biết được nỗi khó khăn của việc dùng Tự Lực để liễu sanh tử, quyết sẽ chẳng chịu dốc sức nơi chuyện ấy, bỏ qua Tịnh Độ không hỏi đến! Nếu kẻ nào chê bai thì kẻ ấy đều thuộc hạng ham cao chuộng thù thắng, chẳng biết duyên do của sự cao, sự thù thắng. Nếu thật sự biết thì dù có giết họ, họ cũng chẳng chịu gác bỏ Tịnh Độ không dốc sức tu! Thật là học đạo khó khăn thay! Chí của sư Hoằng Nhất chỉ có mình ngài Hoằng Nhất biết rõ. Nếu chẳng đại tinh tấn, tâm sanh tử không khẩn thiết sẽ thành hạng biếng nhác, bê trễ.

Tăng nhân ngày nay thật khó khiến cho người ta tin tưởng, nhưng đã truy điệu Tăng nhân, há nên phỉ báng Tăng nhân. Nếu nêu lên những điều thiện, răn dè những điều bất thiện thì không mắc lỗi gì. Nhưng nếu đã dự vào hàng học trò người ta, thì chuyện chỉ trích cũng nên im lặng. Chuyện ấy chỉ có người đức cao trọng vọng mới có thể tiến hành, không phải là chuyện hàng chim non miệng vàng nên làm.

Những kinh hư rách không thể tu bổ được thì đốt đi cũng không sao! Nếu còn xem được, còn có thể tu bổ được thì chẳng nên thiêu. Nếu chẳng biết lẽ biến thông, cứ một mực không dám thiêu, kinh ấy rốt cuộc chẳng thể xem, mà cũng không được cất giữ như kinh tốt, thành ra khinh nhờn, lại còn tạo thành cái lỗi khinh nhờn cho người đời sau vậy, há có nên chẳng biết quyền biến ư? Quang thường nói: *"Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh"*. Lúc này nếu chẳng coi nhân quả là nhiệm vụ cấp bách để cứu nước cứu dân thì dù ông trí xảo, đạo đức cao siêu đến đâu cũng chỉ uổng công, bởi lẽ chẳng giảng đạo lý cũng như không có vương pháp vậy!

110. Thư trả lời cư sĩ Hồng Quán Lạc

Thánh hiền xưa kia không ai chẳng dè dặt, kinh sợ tự tu trì; vì thế, tâm họ chẳng bị phú quý, cùng - thông xoay chuyển. Nếu bần cùng thì riêng một thân mình thiện, còn hiển đạt sẽ kiêm làm điều lành cho thiên hạ. Người đời nay trong cách cư xử, nói năng hằng ngày, giữa cha con, anh em, vợ chồng với nhau còn chẳng thể mỗi mỗi đều đúng pháp. Có chút tri kiến liền lầm lạc mong thành bậc cao nhân lỗi lạc; nếu chưa có quyền lực bèn mặc tình cuồng vọng biện luận mù quáng lừa đời dối dân. Khi đã có địa vị bèn phô bày ác niệm bạo ngược của chính mình rối nước hại dân. Cái gốc bệnh là do lúc ban đầu cha mẹ, thầy bạn kẻ ấy chưa từng đem cái đạo nhân quả báo ứng ra dạy dỗ cho kẻ đó. Nếu hắn

biết chút ít về nhân quả báo ứng thì khởi tâm động niệm ắt sẽ có chỗ kiêng sợ, chẳng dám phóng túng. Dẫu chẳng mong thành thánh thành hiền, cũng vẫn dè dặt, kiêng sợ như rớt xuống vực sâu, như đi trên băng mỏng, không thể không như vậy được. Do vậy, kẻ có thiên tư cao lại càng phải bắt tay từ chỗ thiển cận, đừng thấy điều thiện nhỏ bèn không làm, đừng cho là điều ác nhỏ rồi cứ làm. Lúc nhỏ huân tập thành tánh, như cây lúc nhỏ đã mọc ngay thẳng, đến khi lớn, muốn cho nó cong vẹo cũng không thể nào được!

111. Thư trả lời cư sĩ Uông Cốc Nhân

Chân cảnh có hạn lượng, do không biết hai chữ "chân cảnh" nên tính toán lầm lạc. Thế giới không đồng - dị, chỉ bậc đã viên chứng Tịch Quang mới thấy được như thế. Sanh tử và Niết Bàn cùng một nguồn, nhưng do mê - ngộ khác biệt nên mới có trói buộc và giải thoát sai khác. Chân và vọng vốn không hai thể, nhưng mê chân thành vọng, nên chỉ thấy được vọng, chẳng thấy được chân. Nếu hỏi vì sao thành ra như thế, xin hãy tự tham cứu nơi chính mình. Đến khi nào thấy ngay cả chính mình cũng chẳng thể được thì sẽ tự biết. Như người uống nước, lạnh - nóng tự hay. Nếu hướng về người khác hỏi han hòng biết rõ, dù người khác nói rất rành rẽ, cũng giống như nghe nói về bánh, chính mình làm sao biết được mùi vị, dứt cơn đói khát cho được?

Toàn thể chân biến thành vọng, há hỏi bản thể của cái chân nếu có thì có ở chỗ nào? Nếu toàn thể vọng biến thành chân, há có thể hỏi tướng vọng vốn không,

cái không ấy đi về đâu? Những kẻ hỏi như vậy chẳng gọi là người trí. Dẫu Phật ngữ như sấm, nhưng tâm đầy nghiệp chướng thì làm sao đây? Nếu thật sự thông đạt Nhất Thừa thì Tứ Đại đều mất bổn tánh, sáu căn thảy đều dùng lẫn cho nhau. Lý Thể như thế nói có vẻ dễ, chứng được thật khó. Xưa kia may ra còn có người chứng đắc, chứ hiện thời toàn là những kẻ ham cao chuộng xa, chẳng trọng thật tu, toàn là những kẻ hư vọng, vờ vịt bàn xằng Bát Nhã. Xin hãy đọc kỹ Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, cùng cầu vãng sanh với những vị Đẳng Giác Bồ Tát đã chứng ngang bằng với Phật, đấy chính là điều Quang tôi mong mỏi sâu xa. Nếu không, ai giữ chí nấy, chẳng cần phải thương lượng nữa!

112. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ nhất)

Người chưa thọ giới chẳng được xem Luật Tạng:

1) Một là vì sợ kẻ chưa hiểu lý sâu, trông thấy hành vi của những người phạm giới cấm, chẳng biết là bậc Đại Quyền Bồ Tát thị hiện, vì mong Phật chế giới hòng lợi lạc cho đời sau, bèn hiện tướng chẳng như pháp để Phật có dịp chế lập giới, nêu khuôn phép. Do chẳng hiểu lý này, chỉ căn cứ vào những hành vi trước mắt, cho là khi Như Lai tại thế, các đệ tử Phật phần nhiều chẳng như pháp. Từ đấy, khởi lên tà kiến miệt thị Tăng chúng, tội đó chẳng nhỏ.

2) Hai là những chuyện trong Luật Tạng chỉ Tăng được biết, nếu để kẻ chưa phải là Tăng đọc được, rất có

thể có kẻ ngoại đạo giả vờ dự vào hàng tỳ-kheo, làm chuyện sai pháp, vu báng Phật pháp thì hại chẳng nhỏ.

Do vậy, nghiêm cấm như thế là để dự phòng. Còn như kẻ hảo tâm hộ pháp, giảo chánh, lưu thông, há có nên cứ tuân theo thường lệ chăng? Nếu chấp chặt vào lời ấy thì Luật phải do Tăng chép, Tăng khắc, Tăng in, Tăng truyền mới khỏi trái nghịch cấm chế của Phật. Vạn sự trong thiên hạ đều có lý nhất định, làm điều gì phải thuận theo cái lý nhất định, nhưng cách thực hiện thì phải tuân theo cái đạo thích nghi thời tiết, nhân duyên. Lý khế hợp với Quyền, pháp phù hợp cùng đạo mới nên. Trong Luật ắt có những đoạn văn nói rõ [điều ấy], Quang mắt mờ chẳng thể xem trọn. Bộ Tỳ Ni Tập Yếu của ngài Ngẫu Ích cũng nhắc đến nghĩa lý này, ông cũng không cần phải kiểm lại.

Nếu đã không vướng vào những lỗi như: không phải người hiểu lý sâu xa, chỉ biết căn cứ vào chuyện trước mắt, muốn biết chuyện cơ mật trong Phật pháp, hoặc muốn giả vờ dự vào chúng tỳ-kheo v.v… thì cứ thanh thản yên tâm giảo chánh, lưu thông. Công đức ấy vô lượng vô biên, cần gì phải lo nghĩ quá? Nhưng phải im lặng, chẳng được đem những sự tướng chép trong Luật tuyên nói cho kẻ vô tri vô thức, cũng như trích đăng bừa bãi trong những văn tập tầm thường, khiến kẻ vô tri lầm lạc tạo khẩu nghiệp. Lý thế gian hay xuất thế gian về lý đều nhất định, nhưng pháp không nhất định. Lớn như chuyện giữ nước yên đời, nhỏ như một miếng ăn hớp uống không chuyện gì chẳng như vậy. Sao lại riêng chấp khăng khăng nơi Luật Tạng?

113. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ hai)

Trước kia tôi ở Dương Châu, biết thái phu nhân mắc bệnh, các hạ phải trở về đất Thân (Thượng Hải) để chăm sóc. Tôi cho rằng bà cụ đã ngoài bảy mươi, Tịnh nghiệp đã thuần, rất có thể là vì muốn răn nhắc những người đồng hàng nên dùng đại sự Tây quy để nhân đó họ được tỉnh ngộ đó chăng? Cho đến ngày mồng Bốn tháng Chín, Quang đến đất Thân, hôm sau gặp Vân Lôi, cho biết thái phu nhân thân thể đã mạnh khỏe, các hạ cũng đã quay lại Bắc Kinh mấy ngày rồi! Khôn ngăn mừng rỡ vô cùng! Ai ngờ thái phu nhân rốt cuộc chẳng muốn trụ lâu trong thế giới này, dùng chính thân mình thuyết pháp, chỉ muốn cho hết thảy thân bằng quyến thuộc đều biết tướng thế gian vô thường, hễ sanh ắt có tử, dốc sức tu Tịnh nghiệp, cầu mau được thoát khỏi đời ác ngũ trược này, chứng triệt để thiên chân Phật tánh chúng ta vốn sẵn có mới thôi! Có thể nói thật là đại từ bi, hiện thân thuyết pháp vậy!

Nhận được tin từ Vân Lôi, tâm tôi rất bi thương; kế đó nghĩ thái phu nhân quả thật muốn cho chúng ta khỏi chịu khổ luân hồi, nên mới thị hiện đến - đi. Điều đáng bi thương chỉ là ông mất nơi nương cậy, mất đi mẹ hiền mà thôi. Tuy vậy, thần thức cụ đã siêu về tịnh vực, nghiệp trả lại trần lao, sen chín phẩm nở hoa, Phật thọ ký ngay trong một đời. Do các hạ thiên nhãn chưa mở, chẳng thể thấy thấu suốt, xét về phần được thái phu nhân chở che, cố nhiên tơ hào chẳng cách, nhưng đã thành chuyện dĩ vãng rồi! Xin ông bớt buồn, lấy chuyện niệm Phật ngõ hầu phẩm sen của cụ được cao thêm,

mau chứng Vô Sanh làm trọng. Quyết chớ nên quá bi thương, đến nỗi hai bên đều vô ích. Quang may chẳng bị ghét bỏ, được dự vào hàng bè bạn của ông, pháp lẫn tài đều nghèo, biết lấy chi làm lễ, chỉ đành vào lúc sáng tối lễ tụng, vì thái phu nhân hồi hướng Bồ Đề, để tận tình bạn bè phương ngoại [33] mà thôi.

114. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ ba)

Hôm qua nhận được thư cùng thiệp báo tin buồn, đọc xong, khôn ngăn buồn than khôn xiết. Phàm chư Phật, Bồ Tát, Pháp Thân đại sĩ nghĩ thương chúng sanh, thị hiện sanh trong thế gian, hòa quang đồng sự[34] dùng hạnh giáo hóa, khiến cho dù nam, dù nữ, hoặc quốc vương, đại thần, phi hậu, đại gia, và những kẻ bần cùng hạ tiện trông thấy đều được cảm hóa, phát khởi, bất cứ đâu, bất cứ ai đều được nhập vào Nhất Thừa viên diệu, sâu xa mà chẳng tự biết. Như thế thì pháp đạo lưu thông, như Xuân về trên lãnh thổ của vua Vũ, mặt nhật rạng ngời trời Nghiêu, không chỗ nào, không một ai chẳng được hưởng quang minh, được thấm nhuần nuôi dưỡng. Xét việc làm của cả một đời thái phu nhân và tình hình khi lâm chung, trước đây Quang đã từng bảo bà cụ là

---

[33] Phương ngoại có nghĩa là thế ngoại (ở ngoài cõi đời). Tăng sĩ kết bạn với tục gia đệ tử thường xưng là "phương ngoại hữu", tức là người bạn ở ngoài cõi đời. Trong Thiền Lâm, khi một vị tăng đảm nhiệm mới đến đảm nhiệm trụ trì một ngôi chùa, các vị thân sĩ viết bài văn chúc mừng, bài văn ấy cũng gọi là Phương Ngoại Sớ.

[34] Hòa quang đồng sự, còn gọi là hòa quang đồng trần: Sống chung với chúng sanh, sanh hoạt, xử sự giống như chúng sanh để dễ bề giáo hóa.

bậc thừa nguyện thị hiện, mang thân phận nữ nhân mà thuyết pháp, luận như vậy là đích xác nhất.

Quang uổng mang thân nam, lạm chen vào Tăng chúng, bốn mươi năm qua chẳng được mảy may lợi ích gì nơi pháp môn cả. Đọc thấy thái phu nhân sốt sắng lưu thông Đại Tạng, khắc in những sách khế lý khế cơ, thẹn đến chết được! Sáng chiều lễ tụng hồi hướng chỉ để giãi bày tấm lòng thành của tôi, còn mong thái phu nhân từ mẫn, dẫn thánh chúng của Phật Di Đà mau đến độ tôi, sao có thể nói là tôi làm pháp thí cho cụ bà được? Nhưng tôi chẳng ngại nhờ vào duyên sự này để tăng trưởng cái tâm tự lợi, lợi tha. Do vậy, hàng phàm phu sát đất, trong lúc lễ tụng còn vì chư Phật hồi hướng, huống chi những vị thị hiện địa vị phàm phu thì về mặt Lý nào có ngại gì?

Trong thời gian làm thất và trong hết thảy lúc, hết thảy sự, đều nên lấy niệm Phật làm chánh, chứ nào phải chỉ trong lúc chưa đưa đám! Do hiện nay, đa số Tăng lười nhác, người không biết tụng kinh thì nhiều, mà Tăng lại đọc nhanh như nước chảy, người khác dù có biết tụng kinh nhưng không thuộc cũng chẳng thể niệm theo. Dẫu có mười mấy người, số người niệm theo chẳng được mấy. Chỉ có niệm Phật thì ngoại trừ những kẻ không phát tâm ra, chắc chắn không có cái tệ chẳng niệm theo. Lại dù họ chẳng chịu niệm, nhưng một câu Phật hiệu đã lọt qua tai vào tâm thì tự được lợi chẳng cạn. Đấy chính là lý do Quang tuyệt chẳng đề xướng làm các đạo tràng khác.

Người đang lúc lâm chung, chỉ đồng thanh niệm Phật hiệu là có ích. Nếu thức tâm [của người sắp mất] chưa rời khỏi [xác thân] thì tắm rửa, cất tiếng khóc v.v… đều gây trở ngại lớn. Do vậy, người tu Tịnh nghiệp trong lúc bình thời phải thuật rõ duyên do cùng thân quyến ngõ hầu họ chẳng đặt lòng yêu thương sai chỗ. Nếu là người có sức lớn lao, là bậc cao sĩ lỗi lạc, ắt sẽ chẳng sợ bị những thứ ấy gây vướng mắc. Bởi lẽ, những vị ấy phước đức sâu dầy, ngay trong lúc uế nghiệp đã diệt, tịnh cảnh hiện tiền, liền ngay trong lúc ấy, những gì họ thấy họ nghe đã không còn thuộc vào thế gian này nữa!

Thái phu nhân vốn đã chẳng phải hạng tầm thường; vì thế chẳng nên theo lệ thường. Bà cụ ắt vãng sanh, phẩm vị ắt chẳng thuộc vào Trung, Hạ, nhưng Phật pháp rộng sâu, chỉ khi nào thành Phật rồi mới có thể buông tay, muốn quyết định được vãng sanh, quả thật chẳng ngại gì khẩn thiết niệm Phật, thường hành truy tiến[35], tức là như kinh Phật thường nói: *"Tuy biết tội tánh vốn không, nhưng thường hối tội trước, chẳng nói mình đã được thanh tịnh"*. Ngài Liên Trì cũng nói: *"Trong năm, thường nên truy tiến tiên vong[36] chẳng được bảo họ đã được giải thoát nên chẳng cử hành"*.

Phải biết niệm Phật, tụng kinh tuy nói là để cầu siêu cho người thân, nhưng thật ra là để cho quyến thuộc hiện tiền tự biết, khai tâm địa, trồng thiện căn, và đem tất cả công đức cầu siêu cho người thân để hồi hướng

---

[35] Truy tiến: Làm các pháp sự hoặc thiện sự để hồi hướng cầu cho người đã mất được siêu sanh Tịnh Độ.
[36] Tiên vong: Những người đã mất.

cho hết thảy chúng sanh trong pháp giới, hòng mở rộng tâm lượng của mình lẫn người, của kẻ còn, người mất, nhằm tiêu diệt những chấp trước trở ngại còn - mất của mình lẫn người. Còn như không lấy lòng thành làm chánh, chỉ cốt xa hoa, bày vẽ, phô trương với người thì đúng là dùng đám tang cha mẹ để bày trò náo nhiệt, chẳng phải là điều kẻ làm con nên làm. Các hạ thông hiểu Phật pháp sâu xa, quyết chẳng đến nỗi như thế, chỉ e quyến thuộc, người quen bị ảnh hưởng bởi những thói ưa thích xa hoa của những nhà giàu có gần đây, nên tôi chẳng ngại nhắc nhở các hạ, ngõ hầu ngăn chặn những tâm trái pháp, trái lý, xu thời vậy.

115. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ tư)

Hôm trước, Vân Lôi gởi đến cuốn Kim Cang Liễu Nghĩa của Vô Y đạo nhân, đọc xong, biết Phật học của các hạ đến nay cũng sâu xa lắm, khôn ngăn cảm phục. Mạnh Do gởi đến cuốn Nhất Hạnh Cư Tập, tôi thấy chữ cũng nhỏ quá, không thể dùng để in lâu được[37], đấy chính là điều nhà khắc kinh ở Bắc Kinh chưa nghĩ đến. Bản để in kinh sách nên khắc chữ thật to, bản in hiện thời nhỏ quá, chẳng thể chiếu theo cách ấy, nhưng cũng nên phỏng theo cách thức ở Dương Châu, Nam Kinh. Mong ông hãy gởi thư đến người trông coi, nhắc đến nguyên do, sao cho cứ một bức gỗ khắc in được cả mấy ngàn cuốn, lợi ích rất lớn.

---

[37] Thời ấy in bằng mộc bản (chữ khắc trực tiếp trên ván) nên nếu khắc chữ nhỏ quá, khi bôi mực lên ván rồi ép xuống giấy in thành sách, bị ép nhiều, chữ sẽ bị vỡ, phải khắc bản gỗ mới.

Thêm nữa, Nhất Hạnh Cư Tập cả văn lẫn lý đều hay, chỉ có phần Bạt, nói về Thiền Tông Bí Mật Liễu Nghĩa Kinh quả là trong đề-hồ có lẫn chất độc. Bản kinh ấy do đàn cầu cơ mà có, toàn nhặt nhạnh những câu trong Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Viên Giác cũng như Lục Tổ Đàn Kinh gộp thành, và gom góp những đoạn văn trong các Ngữ Lục Thiền, Tịnh. Bậc đại thông gia xem đến cố nhiên là hữu ích, nhưng người không đầy đủ con mắt [trí huệ] sẽ cho rằng kinh này từ đàn cầu cơ mà có, do chính miệng vàng nói ra. Từ đó, sẽ bảo những kinh có được từ đàn cầu cơ đều là kinh Phật. Xưa kia có kẻ nhắm mắt tụng ra kinh, nhưng những kinh ấy đều chẳng được lưu thông, vì sợ rằng sẽ tạo thành đầu mối bịa đặt vậy! Nhân Hiếu hoàng hậu thời Minh mộng cảm được kinh[38], nghĩa lý lợi ích đều chẳng thể nghĩ bàn, nhưng trong bộ Duyệt Tạng Tri Tân, Linh Phong lão nhân xếp kinh ấy vào loại nghi ngụy[39]. Đầu đời Thanh kinh này cũng được khắc in, nhập tạng; nhưng sau đời Cao Tông (Càn Long) bèn bỏ ra để phòng chuyện ngụy lạm. Nhị Lâm kiến địa thật cao, cớ sao chẳng nghĩ đến điều ấy! Ở chùa Pháp Vũ trước kia cũng có một bản, Quang đã đốt đi để ngăn mối họa, đối

---

[38] Đại Minh Nhân Hiếu Hoàng hậu chính là hoàng hậu Từ Nghi Hoa của vua Minh Thành Tổ, bà vốn là con gái của Khai Quốc Công Thần Từ Đạt của nhà Minh, sanh năm 1361. Năm 1376 lấy Châu Lệ, được sách phong Yên Vương Phi, rồi được phong Hoàng Hậu khi Châu Lệ lên ngôi. Bà mất năm 1497, hưởng thọ 46 tuổi. Bản kinh bà mộng thấy mang tên Đại Minh Nhân Hiếu Hoàng Hậu Mộng Cảm Phật Thuyết Đệ Nhất Hy Hữu Đại Công Đức Kinh, là bản kinh số 10, tập X01 của Vạn Tục Tạng.

[39] Nghi ngụy: là kinh bị coi là do người đời bịa đặt ra, không phải là kinh Phật thật sự.

với bậc tri kỷ pháp môn chẳng ngại gì dài dòng một phen.

Hiện thời, nước cùng quẫn, dân khốn khó đã đến mức cực điểm, cái nạn hút thuốc phiện đã dính đến tận xương, chưa thể trừ được, cũng là một mối lo nghĩ lớn cho những ai nặng lòng trách nhiệm với thế đạo dân sinh. Mùa Hạ năm nay có người bạn từ Cáp Nhĩ Tân[40] đến, cho biết nơi ông ta cấm thuốc phiện rất ngặt, cũng có hai ba người bạn muốn cai thuốc nhưng khổ vì không có phương thuốc hay. Trước kia, Quang nghe nói ông Trần Tích Châu có bài thuốc cai thuốc phiện linh nghiệm phi thường, trước nay chưa hề có. Đến khi ông ta lên núi thăm tôi, bèn bảo ông ta viết ra gởi đi, lại còn chép lại một bản giao cho phó tự của chùa mình bảo phân phát cho người khác, vì ông ấy đã từng đến làm việc trong Thương Vụ, giao du ắt phải rộng, chỉ mong bài thuốc ấy được phổ biến lưu truyền. Giữa tháng 11, từ Cáp Nhĩ Tân có thư gởi đến, nói bài thuốc do Quang gởi cho linh nghiệm phi thường, xin thay mặt cho những bạn bè đã cai được thuốc hết sức cảm tạ. Khôn ngăn hoan hỷ!

Nhân đó tôi hỏi thăm vị phó tự của chùa mình, ông cho biết vợ của ông Uông Thiềm Thanh (bạn của ông ta), do bị khí thống nên hút thuốc phiện, về sau muốn cai, liền mua thuốc viên bán ngoài chợ về uống, nhưng trọn chẳng dứt tận gốc được. Nếu chẳng uống thuốc thì cơn

---

[40] Cáp Nhĩ Tân (Harbin) là thủ phủ của tỉnh Hắc Long Giang, tỉnh cực Bắc của Trung Quốc (Vùng Mãn Châu khi xưa nay được chia thành ba tỉnh Cát Lâm, Liêu Ninh và Hắc Long Giang). Thành phố này nằm ở phía Nam sông Tùng Hoa, ngay giao lộ của đường xe lửa Trường Xuân.

thèm thuốc phiện lẫn bệnh khí thống cùng nổi lên, được phương thuốc này uống một liều liền khỏi, hai chứng ghiền thuốc và khí thống đều hết sạch! Con ông ta mở tiệm thuốc Uông Lý Tế Đường, sanh lòng cảm kích lớn lao, in bài thuốc ấy tặng cho người, và theo toa chế thành thuốc viên, thuốc nước hòng giúp người, bán ở các tiệm thuốc của mình. Quang liền yêu cầu in ra hai trăm tờ bài thuốc này, để hễ gởi thư cho những tri giao xa gần đều gởi kèm một toa. Người có sức sẽ in ra lưu truyền rộng rãi. Trộm nghĩ các hạ và Vân Lôi đều là những người có tâm làm lợi cho người khác, hãy nên đem toa thuốc này đăng lâu dài trên báo để khắp cõi đời đều biết đến thì công đức vô lượng vậy. Tôi đã bàn với Vân Lôi sẽ bỏ ra một nửa tiền đăng báo. Khoản phí tổn ấy nên kiếm dăm ba người có lòng với thế đạo chia sẻ thì sự việc ắt sẽ tiến hành được, đối với tòa báo, đối với chính mình đều không trở ngại gì. Nếu ai muốn cai thuốc liền có thể nhanh chóng thoát khỏi nỗi khổ ấy, đây cũng là một đầu mối để cứu nước cứu dân vậy! Đối với các xứ Quảng Đông, Vân Nam, Quang đều gởi kèm bài thuốc ấy theo Văn Sao, bảo họ in bài thuốc ấy ra phổ biến truyền bá. Lúc gởi cho người bạn ở Cáp Nhĩ Tân trước kia, cũng bảo ông ta kiếm dăm ba người có tài lực chịu lợi người bỏ tiền ra đăng báo suốt năm trên hai tờ báo ở nơi đó, ngõ hầu người nơi ấy và người chung quanh đều biết đến. Nay đã tự đạt được sự hiệu nghiệm, ắt phải nên thường đăng báo. Người thật sự tu đạo, sao lại xen vào chuyện người khác? Nhưng toàn thân chưa thể buông xuống, cắt đứt muôn duyên thì chẳng ngại gì vun bồi tâm địa, ngõ hầu cứu vớt phần nào *(Bài thuốc được in kèm ở cuối Văn Sao, quyển 4).*

116. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ năm)

Cư sĩ Vương Hoằng Nguyện tuy sùng tín Mật Tông, khá có hiệu nghiệm[41], nhưng lúc đầu do nhận lầm tin tức[42] nên mới mắc lỗi chưa đắc đã bảo là đắc; về sau, do đọc nhiều giáo điển mới biết mình sai lầm. Lại thêm hiện thời tuy công phu đắc lực nhưng hư hỏa bốc lên, không cách nào trị được. Do hai điều này, Quang nhận định rằng một pháp Mật Tông chẳng thể độ khắp ba căn, chẳng bằng Tịnh Độ ngàn vạn phần ổn thỏa, thích đáng, có thể nói là ông ta xưa đã có linh căn, kiến địa cao siêu, mà còn hiểu lầm cũng như mắc bệnh chẳng biết đối trị thì biết: Người đời do chẳng bằng ông ta sẽ thành ra như thế nào rồi!

Ông ta cho là Mật Tông vượt trội Hiển Giáo, dẫn đủ mọi ngôn luận để biện bác, nhưng Phật không hai tâm, cũng không hai pháp, muốn đề cao Mật Tông nhưng chỉ luận về những chỗ cao siêu của Mật Tông, bởi xét về mặt chứng đắc thì chỗ mầu nhiệm của Mật Tông và chỗ mầu nhiệm của Hiển Giáo giống như nhau, dù có muốn suy tôn thì thật ra vẫn ngang như nhau. Lời luận của ông ta là ước theo giáo pháp, bỏ sót căn cơ; Quang ước theo chỗ lợi ích cho từng căn cơ mà luận giáo. Bởi khế lý nhưng chẳng khế cơ thì không thể cảm ứng đạo giao,

---

[41] Ý nói tu tập, tác pháp đã được đôi chút cảm ứng, hảo tướng đã hiện.

[42] Trong Mật Tông, khi trì chú, tác pháp thường cầu những hảo tướng như mộng thấy thân mình bay lên hư không, được Bổn Tôn cho ăn sữa và những thức ăn màu trắng, thấy pháp khí tỏa sáng, tràng phan lay động v.v… để cầu ấn chứng pháp mình đang tu đã được hành trì đúng cách. Rất nhiều hành giả Mật Tông thấy những tướng trạng ấy tưởng mình đã thành tựu, dự vào hàng Thánh, nên gọi là "lầm nhận tin tức".

nghĩa là thuyết pháp chẳng hợp với căn cơ thì chỉ thành lời nói xuông, đại ý là như vậy. Những gì Quang nói đa số là lập đi lập lại, lại thêm mục lực chẳng đủ, những thư từ nói chung không giữ lại bản nháp. Hai câu nói: *"Một vị bao gồm hết thảy vị, từ cạn đến sâu, hành tướng vẫn phải luôn rõ ràng như thế. Viên dung chẳng trở ngại gì đến việc bố thí"* rất thích đáng. Bởi lẽ viên dung chính là viên dung nơi việc hành bố thí. Nếu không hành bố thí sao nói là viên dung được? Hành bố thí chính là hành bố thí nơi viên dung, nếu không viên dung thì sự bố thí ấy sẽ thành sanh diệt, bèn thuộc đế lý Tiểu Thừa, chẳng phải là cái đạo "bao gồm nhân, thấu triệt quả"!

117. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ sáu)

Nhận được thư và bản Quán Kinh Nghĩa Sớ của Gia Tường đại sư, duyệt kỹ một lần nữa, văn chương của bản chú sớ ấy quả thật khiến người đọc rối ren. Một câu nói đi nói lại nhiều lần, ý nghĩa hàm hồ, lại chỉ chú trọng giải thích danh nghĩa, trước đã không giảng tường tận duyên do, sau lại chẳng kết về chỗ quy túc. Quang phỏng đoán bản chú sớ chưa chắc đã do chính Gia Tường[43] đại sư viết, có lẽ là do bọn người Nhật Bản cả

---

[43] Gia Tường Đại Sư tức ngài Cát Tạng (549-623), người đời Tùy, họ An, húy là Thế, sanh tại tỉnh An Huy, vốn là người Hồ, sau dời đến Kim Lăng (Nam Kinh), nên còn được gọi là An Cát Tạng hoặc Hồ Cát Tạng. Năm lên bốn tuổi, theo cha mẹ đến yết kiến pháp sư Chân Đế nên được đặt pháp danh là Cát Tạng. Về sau, cha ngài xuất gia, ngài thường theo cha đến chùa Hưng Hoàng nghe ngài Pháp Lãng giảng Tam Luận. Năm bảy tuổi (có thuyết nói là 13 tuổi), xuất gia với ngài Pháp Lãng. Do ngài Pháp Lãng là truyền thừa của ngài La Thập về giáo học Tam Luận Tông, nên ngài Cát Tường chuyên học các bộ

tin mạo danh đại sư soạn ra. Nếu không, dẫu bị sao chép sai ngoa, cũng chẳng đến nỗi toàn bộ không thành văn lý, tạp nhạp, lụn vụn, trọn chẳng hiển thị được đại nghĩa. Như đoạn văn *"núi Tu Di cao vượt khỏi biển cả, tám thứ gió thổi chẳng động, dẫu khiến cho tốt đẹp lại thêm trang nghiêm, vẫn chẳng thể dời động một chữ"* thật đáng nghi. Thập Nhất Diện Sớ[44] cũng thế! Bọn họ hâm mộ tên tuổi của bậc cao nhân nước ta, bèn xằng bậy viết sách [mạo danh], chẳng biết chính mình chẳng phải là cao nhân, dù có mạo danh thì cũng chẳng mạo danh được!

Thêm nữa, gần đây ở Bắc Kinh in sách dùng loại giấy Mao Biên, giấy này hiện giờ trông thấy khá tốt, nhưng để lâu bèn bị giòn vụn. Lúc Quang ở Bắc Kinh, thấy những cuốn sách đã hơn trăm năm, giấy đều đã giòn vụn, kẻ thô tâm giở xem, sẽ bị vỡ nát. Tâm tôi đã trộm ngờ, nhưng chẳng biết nguyên do. Năm Quang Tự

Trung Luận, Bách Luận, Thập Nhị Môn Luận. Đến năm 19 tuổi, đại sư lên giảng kinh. Năm 21 tuổi thọ Đại Giới. Năm 581, sư Pháp Lãng thị tịch, Ngài bèn qua Giang Đông, đến chùa Gia Tường ở Cối Kê, tỉnh Chiết Giang, chuyên tâm giảng thuyết trước tác. Phần nhiều những chú sớ Tam Luận được hoàn thành tại chùa này, nên Sư thường được gọi là Gia Tường đại sư. Ngoài Tam Luận, đại sư còn hết sức uyên thâm giáo nghĩa các kinh Pháp Hoa, Niết Bàn. Ngài cũng từng gởi thơ cho đại sư Trí Giả để học thêm về giáo nghĩa Thiên Thai Tông. Ngài chuyên chú phục hưng Tam Luận Tông, nên được coi là một vị tổ sư của Tông này. Đại sư còn tự tay chép được hai ngàn bộ Pháp Hoa. Năm Vũ Đức thứ sáu đời Đường (623), Sư tắm gội thanh tịnh, đốt hương niệm Phật, viết bài luận "Chết Không Sợ Hãi" rồi nhập diệt, thọ 75 tuổi. Bình sinh đại sư giảng kinh thật nhiều, chẳng hạn như giảng Tam Luận hơn trăm lần, giảng kinh Pháp Hoa hơn ba trăm lần, viết rất nhiều chú sớ cho các kinh Đại Thừa. Bản Quán Kinh Nghĩa Sớ này cũng được đưa vào Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh.

[44] Thập Nhất Diện Sớ là bản chú giải kinh Phật Thuyết Thập Nhất Diện Quán Âm Tâm Chú kinh.

thứ 31 (1905), hỏi tiên sinh [Dương] Nhân Sơn, ông nói: "Do bị muội than hun". Thuyết ấy tuy hữu lý nhưng cũng chưa thể dứt lòng ngờ, bởi sách được cất giữ nhiều, há đều cất ở những chỗ có muội than ư? Ở Hồng Loa[45] không có than, sách cũng bị giòn, mới biết tiên sinh nói ra lời ấy cũng chỉ là nghĩ ra lý do, chứ chưa phải căn cứ vào thực nghiệm.

Cho đến năm ngoái, vào Tàng Kinh Viện, cùng một vị chuyên làm sách già đời bàn về tánh chất của giấy; nhân đó nhắc đến chuyện sách cũ ở Bắc Kinh đều bị giòn gẫy, ông cho biết: *"Vì in bằng loại giấy Mao Biên! Giấy Mao Biên lúc mới cảm thấy rất dày cứng, kiên cố, do dùng chất liệu bằng cỏ nhiều, chất liệu tre ít, nên để lâu ngày bèn bị giòn. Chất giấy Mao Thái, Trọng Thái không dày chắc như giấy Mao Biên, nhưng để lâu không bị biến chất. Người ngoài nghề thường cho giấy Mao Biên là tốt, những người in sách chúng tôi cũng thích in sách bằng giấy Mao Biên, bởi nó cứng cáp dễ in. Thật ra giấy Mao Thái, Trọng Thái để được lâu hơn".* Quang nghe xong, tâm nghi dứt sạch.

118. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ bảy)

Quán Kinh Sớ thích văn thích nghĩa hết sức thiếu sót, qua loa; việc phân khoa ba bốn lượt nhắc đi nhắc lại, thật là dở tệ vô cùng. Nay các hạ cũng biết sách ấy là ngụy tạo, có lẽ nên bảo người phát tâm ngừng việc in

---

[45] Núi Hồng Loa thuộc tỉnh Liêu Ninh, có chùa Tư Phước là đạo tràng tu tập của tổ Triệt Ngộ.

khắc để Gia Tường đại sư khỏi bị vu oan. Phàm lưu thông chú sớ của cổ nhân cần phải lấy tiêu chuẩn chọn lựa là "chọn những bản mà nghĩa lý văn tự khải phát lòng người, phô bày triệt để ý nghĩa kinh". Còn những sớ văn như cuốn này khắc in có ích gì? Dù bảo Quang tu chỉnh cũng không khá hơn được! Nếu sửa chữa quá nhiều sẽ thành ra một trước tác khác, chẳng thể gọi là tu chỉnh được. Huống chi các bộ sớ của ngài Thiên Thai, Thiện Đạo đã được lưu thông khắp pháp giới, sao chẳng tiếc tiền của đem làm chuyện vô ích này? Đem những bản tốt đẹp lưu thông thì sẽ làm rạng rỡ cổ nhân, tạo ích lợi cho hậu học. Nếu chẳng xét chân - ngụy, đều cùng lưu thông hết sẽ khiến cổ nhân bị vu hãm, hàng hậu học nhọc lòng phiền trí, trọn chẳng ích lợi gì! Mong hãy nói cùng ông đó. Năm trước, Quang thấy bản sớ giải kinh Thập Nhất Diện cũng là ngụy tạo, nhưng chưa bàn luận rõ ràng. Những loại sách như thế đừng lưu thông thì mới nên!

119. Thư gởi cư sĩ Đinh Phước Bảo

Gần đây, hàng sĩ đại phu đa số có kiến giải hẹp hòi, câu nệ, có người nếu đem chuyện nhân quả báo ứng sanh tử luân hồi nói với họ, sẽ bảo: "Những chuyện do dã sử, tiểu thuyết vụn vặt bịa đặt ra, há đáng tin tưởng được!" Hạng người ấy đã từng đọc kinh, duyệt sử, tuy thấy những sự tích ấy nhưng chẳng hiểu được duyên do, nên mới có cái nhìn hạn hẹp, câu nệ như vậy. Cư sĩ đem những chuyện nhân quả báo ứng sanh tử luân hồi trong

lịch sử biên soạn lại, trên là Lân Kinh[46], dưới là Minh Sử, những sự tích rành rành có thể khảo chứng được. Những kẻ câu nệ hẹp hòi kia đọc đến ắt sẽ câm họng chẳng dám bảo là chuyện bịa không có căn cứ được nữa!

Còn như chuyện học Phật thì phải trọn vẹn đạo làm người mới hòng tiến vào được. Nếu đối với những chuyện hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ không thực hiện một điều nào, dẫu có suốt ngày thờ Phật, Phật cũng chẳng thể nào gia hộ được! Ấy là vì Phật pháp bao trùm hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian. Do vậy, với cha nói đến từ, với con nói hiếu, thảy đều cho ai nấy tận hết đạo làm người, rồi sau đấy mới tu pháp xuất thế. Ví như muốn xây lầu cao vạn trượng, trước hết phải đắp vững nền móng, khai thông đường nước thì lầu cao vạn trượng mới xây dần lên được, lại còn vĩnh cửu chẳng hư hoại. Nếu như nền móng không chắc, ắt đến nỗi chưa xây xong đã sụp. Sách Luận Ngữ nói: *"Tuyển trung thần nơi nhà hiếu tử",* người học Phật cũng phải như thế. Xưa kia, ông Bạch Cư Dị hỏi Ô Khoa thiền sư[47]: *"Thế nào là đại ý Phật pháp?"* Sư nói: *"Đừng*

---

[46] Tức kinh Xuân Thu, đây là một bộ cổ sử do Khổng Tử san định. Khổng Tử được coi như kỳ lân trong loài người (theo truyền thuyết khi sắp sinh ra Ngài, thân mẫu mộng thấy kỳ lân. Khi hiệu đính bộ sử này, Ngài nghe tin ngoài đồng bắt được kỳ lân bèn ngưng không viết tiếp), nên bộ sử do Ngài san định được gọi là Lân Kinh.

[47] Ô Khoa Đạo Lâm (741-824), người đời Đường, thuộc dòng Thiền Ngưu Đầu, họ Phan (có thuyết nói là họ Ông), tên lúc nhỏ là Hương Quang. Xuất gia năm chín tuổi, năm 21 tuổi đến Kinh Châu (tỉnh Hồ Bắc) thọ Cụ Túc Giới ở chùa Quả Nguyện. Sau qua theo học kinh Hoa Nghiêm, Đại Thừa Khởi Tín Luận với Phục Lễ pháp sư ở chùa Tây Minh tại Trường An. Sau Ngài khế ngộ tâm yếu nơi pháp sư Đạo Khâm rồi quay về Nam, thấy núi Tần Vọng có cây tùng mọc um tùm như cái tàn, bèn sống ở đó. Người thời ấy bèn gọi Ngài là Ô Khoa thiền sư (Khoa là cái ổ, sách Thuyết Văn Giải Tự giảng: *"Hang ổ gọi là*

làm các điều ác, vâng làm các điều thiện". Muốn học Phật pháp, trước hết phải khắc kỷ, cẩn thận, dè dặt, sự sự đều phải từ tâm địa chân thật mà làm. Người như thế đáng gọi là đệ tử thật sự của Phật. Nếu tâm gian ác mà muốn nhờ vào Phật pháp để khỏi tội nghiệp thì có khác gì trước hết uống thuốc độc rồi lại uống thuốc tốt lành để thân thể nhẹ nhàng, khỏe mạnh, há có sống thọ được ư?

Bộ sách thực nghiệm quả đã phá được cái tệ ấy, lưu thông trong đời lợi ích lớn lao. Lại nữa, ông Bành Hy Tốc[48] ở Tô Châu từng soạn cuốn Nhị Thập Nhị Sử Cảm Ứng Lục trích tuyển hơn một trăm tám mươi điều liên quan đến sự thật nhân quả trong lịch sử, không biết các hạ đã có cuốn sách ấy hay chưa? Nếu có, hãy nên in ra để mở rộng tầm mắt cho bọn câu nệ, hẹp hòi. Hơn nữa,

---

Khoa, tổ chim gọi là Sào"). Do có nhiều loại quạ làm tổ nơi ấy, nên Ngài còn được gọi là Ô Sào thiền sư. Ông Bạch Cư Dị hỏi đạo nơi Ngài, tâm phục khẩu phục, bèn dựng căn gác bằng trúc cho Ngài ở để tiện hỏi đạo, nơi đây về sau thành chùa Quảng Hóa. Còn có truyền thuyết nói lúc Ngài sanh ra bị cha mẹ bỏ rơi, được quạ nuôi nên gọi là Ô Sào thiền sư. Đây có lẽ là lời đồn bịa đặt vì không thấy Cảnh Đức Truyền Đăng Lục chép như vậy.

[48] Bành Hy Tốc, tự Lạc Viên, hiệu Lan Đài, người xứ Nguyên Hòa ở Tô Châu, vốn là cháu ông Bành Tế Thanh. Cùng với Bành Tế Thanh, ông đảm nhiệm việc tu đính bộ Vãng Sanh Tập của ngài Vân Thê, tạo thành bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Năm Càn Long 58, ông vừa bị bệnh sốt rét, vừa bị kiết lỵ, bèn đến chỗ mẹ ở, tuyệt không nhắc đến việc nhà, chỉ tận lực khuyên mẹ niệm Phật, bảo: "Ngày nọ tướng hảo Tây Phương đã hiện". Trước hôm mất ba bữa, ông thỉnh Trừng Cốc hòa thượng đến trước giường bệnh, lập bàn thờ thọ Tam Quy Ngũ Giới, sám hối phát nguyện, càng thêm khẩn thiết. Sáng ngày Ba Mươi, ông bảo người nhà treo tượng Phật, dời giường hướng về Tây, thưa với hòa thượng: "Phiền thầy niệm Phật cho con!" Đến tối, miệng niệm Phật râm ran, nằm trên hông phải qua đời, mùi hương lạ ngập thất, thọ 33 tuổi. Vợ ông là Cố Thị, cực thông minh, giúp chồng rất lớn trong việc biên tập, trước đó đã niệm Phật qua đời vào năm bà 29 tuổi

hai mươi bốn bộ sử[49] ghi chép rất nhiều chuyện lạ, cư sĩ đọc rộng không sót, hãy nên đem những chuyện phàm tình không thể thấu hiểu được, giống như những chuyện đã được nêu lên trong phần sau bộ Dục Hải Hồi Cuồng và những chuyện nhân quả luân hồi chép hết soạn thành một bộ sách để giúp cho việc trị quốc an dân, liễu sanh thoát tử thì công đức ấy lớn lắm. Chẳng biết ông có chịu thỏa mãn ý nguyện ngu muội của tôi hay không?

120. Thư trả lời cư sĩ X… ở Ninh Ba

Nhận được thư biết ông mang cái tâm đối trị tập khí, tuy siêng năng, khẩn thiết, nhưng chưa đạt, chưa thấy được hiệu quả tập khí tiêu trừ. Vì sao như vậy? Ấy là vì cái tâm sanh tử chưa khẩn thiết, chỉ biến chuyện siêu phàm nhập thánh, tiêu trừ Hoặc nghiệp, thành tựu tịnh niệm thành chuyện nói xuông ngoài miệng, nên không có hiệu quả thật sự. Nếu biết thân người khó được, Phật pháp khó nghe, pháp môn Tịnh Độ lại càng khó được nghe hơn, nay may mắn được làm thân đại trượng phu, lại được nghe pháp môn Tịnh Độ khó được nghe nhất, có dám để quang âm hữu hạn bị tiêu hao sạch nơi thanh sắc, vật chất, lợi lộc, khiến cho vẫn sống thừa chết uổng y như cũ, vẫn bị trầm luân lục đạo, không mong có ngày thoát ra hay sao?

---

[49] Hai mươi bốn bộ sử gồm Sử Ký, Hán Thư, Hậu Hán Thư, Tam Quốc Chí, Tấn Thư, Tống Thư, Nam Tề Thư, Lương Thư, Trần Thư, Ngụy Thư, Bắc Tề Thư, Châu Thư, Nam Sử, Bắc Sử, Tùy Thư, Cựu Đường Thư, Tân Đường Thư, Cựu Ngũ Đại Sử, Tân Ngũ Đại Sử, Tống Sử, Liêu Sử, Kim Sử, Nguyên Sử và Minh Sử. Thời Càn Long, hai mươi bốn bộ sử này được chỉnh lý, nhuận sắc và hợp thành một bộ lớn gọi chung là Nhị Thập Tứ Sử.

Phải đem một chữ Chết (chữ Chết này hay lắm) dán cho rủ xuống trán. Phàm khi những cảnh tham luyến [đáng lẽ] chẳng nên có [mà lại] hiện tiền liền biết đấy chính là vạc sôi, lò than của chính mình, sẽ trọn chẳng đến nỗi như con thiêu thân gieo mình vào lửa, tự đốt thân mình. Phàm với những chuyện thuộc về bổn phận nên làm, liền biết đấy chính là bè từ để thoát khổ của ta vậy, quyết chẳng đến nỗi thấy việc nhân bèn nhường cho người khác, thấy điều nghĩa chẳng làm. Như vậy thì trần cảnh sẽ trở thành duyên để nhập đạo, cần gì phải tuyệt sạch muôn duyên mới tu hành được? Vì đã làm chủ được tâm, chẳng chuyển theo cảnh thì trần lao chính là giải thoát. Vì thế, kinh Kim Cang nhiều lượt dạy con người tâm chẳng nên trụ vào tướng, phát tâm độ tận hết thảy chúng sanh, nhưng chẳng thấy ta là người độ, người khác và chúng sanh là kẻ được độ, cũng như chẳng thấy tướng thọ giả, Vô Dư Niết Bàn để đắc thì mới là thật sự hành Bồ Tát đạo. Nếu thấy có ta là người độ, chúng sanh là kẻ được độ, và pháp Vô Dư Niết Bàn dùng để độ, thì tuy là độ sanh nhưng thật ra chẳng thể khế hợp đạo Nhất Thừa Thật Tướng. Vì chẳng hiểu rõ bản thể của chúng sanh chính là Phật, Phật tánh bình đẳng, lầm lạc khởi lên phàm tình toan hiểu trí thánh, đến nỗi chẳng được lợi ích, trở thành công đức hữu vi; huống chi khằn chặt vào thanh sắc, của cải, lợi lộc?

Nhưng người sống trong thế gian chẳng thể không làm gì, phải tận tình, tận phận, quyết chẳng mong ngóng ra ngoài bổn phận, trách nhiệm. Sĩ, nông, công, thương ai nấy chăm chú nghề mình để làm cái gốc nuôi

thân, nuôi gia đình, tùy phận, tùy sức chấp trì Phật hiệu, quyết chí cầu sanh. Phàm những việc lành sức mình có thể làm được bèn bỏ ra tiền của, hoặc giúp lời nói, ra sức tán trợ. Nếu không làm được như thế bèn phát tâm tùy hỷ thì cũng là công đức. Dùng những điều này để vun trồng phước điền, tạo thành Trợ Hạnh vãng sanh. Như thuận nước giương buồm, lại thêm lèo lái, đến được bến bờ chẳng càng nhanh hơn ư?

Ngày Ba Mươi tháng Chạp, chính là ngày cuối cùng của một năm, nếu trước đó chưa từng dàn xếp cho khéo thì chủ nợ oan gia lũ lượt kéo đến bức ngặt, há dung cho ông sao? Lúc mạng sắp hết chính là ngày Ba Mươi tháng Chạp của một đời người vậy. Nếu tư lương Tín - Nguyện - Hạnh chưa đầy đủ, ác tập khí tham - sân - si vẫn còn thì oán gia chủ nợ trong vô lượng kiếp đều kéo đến bắt tính sổ, há chịu dễ dãi với ông ư? Đừng nói chi kẻ không biết đến pháp môn Tịnh Độ không biết làm sao, phải tùy nghiệp thọ sanh; dẫu cho kẻ biết đi nữa, nhưng không thật sự chuyên chú tu tập cũng sẽ giống như thế, bị ác nghiệp lôi vào trong tam đồ lục đạo, vĩnh viễn luân hồi. Muốn cầu đường trọng yếu để thoát khổ chỉ có niệm niệm sợ chết và sợ chết đi phải đọa lạc trong tam đồ ác đạo thì niệm Phật sẽ tự thuần, Tịnh nghiệp sẽ tự thành, hết thảy trần cảnh sẽ chẳng thể đoạt được chánh niệm nữa! Tâm Kinh nói: *"Soi thấy Ngũ Uẩn đều không, độ hết thảy khổ ách"*. Trong là căn thân, ngoài là khí thế gian, thế giới, bao gồm trọn trong Ngũ Uẩn, thấy được chúng đều là Không thì từ ngay nơi Ngũ Uẩn sẽ lìa được Ngũ Uẩn; pháp gì, chuyện gì cũng

đều là pháp môn đại giải thoát, là cảnh giới đại Niết Bàn!

121. Thư gởi bạn

Phàm là thiện tri thức, nhất cử nhất động đều có liên quan đến huệ mạng của Như Lai và thiện căn của chúng sanh, chứ không phải chỉ lên tòa thuyết pháp mới là hoằng pháp lợi sanh mà thôi! Tôi đọc bộ Tục Truyền Đăng Lục[50], thấy ngài Đầu Tử Ngung thiền sư có đại trí huệ, có đại bản lãnh, lên tòa đoái nhìn chung quanh khiến cho Phú Trịnh Công ngay khi đó biết chỗ chỉ quy, từ ấy tận lực tham cứu, thành tựu nhanh chóng. Nhưng do thiền sư có đến hơn mười người gánh theo hành lý khiến cho quan Tư Mã Ôn Công[51] muốn đến gặp thiền sư nhưng nửa đường dừng lại, rốt cuộc cả đời làm kẻ đứng ngoài cửa đối với đại pháp của Như Lai và bổn tánh của chính mình. Nếu như Ngung thiền sư một trượng, một bát, chưa chắc Ôn Công đã kém Trịnh Công, nhưng Ôn Công lo thổi lông tìm vết, tự đánh mất lợi ích lớn lao. Ngung thiền sư dùng đồ vật quá nhiều, tổn phước điền của đại chúng, có trách nhiệm với pháp đạo, xin hãy coi gương ấy!

---

[50] Gồm ba mươi sáu quyển, do ngài Viên Cực Cư Đảnh soạn vào đời Minh để tiếp theo bộ Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, chép phổ hệ truyền thừa của nhà Thiền từ môn nhân đời thứ 10 của tổ Huệ Năng đến đời thứ 20, chú trọng ghi lại những câu thoại đầu, chỉ chép sơ sài sự tích, tổng cộng gồm 1.203 vị. Sự tích các vị này lấy từ các sách Ngũ Đăng Hội Nguyên, Phật Tổ Huệ Mạng, Tăng Bảo Truyện, Thiền Môn Tông Phái Đồ, Chư Tổ Ngữ Lục v.v...

[51] Phú Trịnh Công là thừa tướng Phú Bật đời Tống, Tư Mã Ôn Công chính là Tư Mã Quang, ông này cũng từng làm tể tướng thời Tống, từng chống đối Vương An Thạch.

122. Thư trả lời cư sĩ Nhạc Tiên Kiệu

Nếu muốn tự được lợi ích thật sự trong đời này, hãy nên nương vào pháp môn Tịnh Độ, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương sẽ quyết định liễu sanh thoát tử. Nếu chẳng nương vào pháp môn Niệm Phật, đừng nói chi kẻ chưa đắc chân truyền của Phật giáo chẳng thể liễu, ngay cả người đắc rồi cũng chẳng thể liễu. Vì sao vậy? Vì được chân truyền chỉ là bậc đại triệt đại ngộ, chưa phải là thật chứng. Có chứng mới liễu được, còn ngộ thì chưa thể liễu. Tu các pháp môn khác đều phải đoạn Hoặc chứng Chân mới có thể liễu sanh tử. Pháp môn Tịnh Độ chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha trì danh hiệu Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, hành cả Chánh Hạnh lẫn Trợ Hạnh thì chẳng những quyết định vãng sanh mà phẩm vị còn ưu thắng. Không riêng gì kẻ tinh ròng, thuần thành, sốt sắng quyết định được vãng sanh, ngay cả phường Ngũ Nghịch Thập Ác lúc lâm chung nếu có thể sanh lòng hổ thẹn lớn lao, sanh lòng lo sợ lớn lao, chí tâm niệm Phật mấy tiếng, ngay khi đó bèn mạng chung, cũng quyết định được vãng sanh. Do lòng từ của Phật rộng lớn, chuyên chăm chú độ sanh, nhất niệm hồi quang liền được Phật nhiếp thọ. Đấy gọi là *"cậy vào từ lực của Phật, đới nghiệp vãng sanh"*. Chúng sanh đời Mạt chẳng y vào Tịnh Độ, tu các pháp môn khác, chỉ được phước báo trời người và thành nhân duyên đắc độ trong tương lai mà thôi. Do không có sức đoạn Hoặc, nên cội rễ sanh tử vẫn còn, sao không nẩy mầm sanh tử cho được?

123. Thư gởi Tịch Sơn Hòa Thượng ở chùa Vạn Thọ, Dương Châu

Ngưỡng mộ cao phong đã lâu, chưa được một phen gặp gỡ. May nhờ pháp duyên Khai Mông của Thông Công[52], được nghe tiếng đằng hắng[53]. Ngài chẳng khinh mạt học, hạ cố hỏi đến kẻ tiều phu, cắt cỏ; nỗi lòng cảm khái, thẹn thùng, bút mực khôn bày tỏ hết. Hôm qua, thầy Ngộ Khai nhận được thư Ngài[54] bèn đưa cho xem, biết cư sĩ Lê Đoan Phủ chấp thuận sửa chữa [tác phẩm này], đã định kỳ hạn hoàn thành. Vãn bối mừng vui lộ rõ ra ngoài, khôn ngăn chân tay múa may. Lúc ngài ở núi này, vãn bối cũng từng nhắc đến ông Lê, chỉ lo ông ta đã nhận lời mời sửa chữa bộ Địa Luận, chỉ e không rảnh rỗi để làm.

Nay ông ta đã chấp thuận lời Ngài mời mọc, cho thấy bậc đại sĩ trí huệ khác nào vầng mặt trời giữa trưa, chiếu khắp đại địa, bọn chúng tôi cầm lửa đom đóm dõi

---

[52] Thông Công: tức là ngài Thông Trí Tầm Nguyên.

[53] Nguyên văn "khánh khái". Tiếng đằng hắng là một trong mười thần lực Phật thị hiện trong kinh Pháp Hoa. Khánh khái có nghĩa là trước khi muốn nói, bèn đằng hắng cho cổ họng thông suốt. Theo Pháp Hoa Văn Cú, "khánh khái" có hai nghĩa:

1) Khánh khái để tỏ ý sự việc đã xong, tức là hơn bốn mươi năm thuyết pháp, ẩn giấu sự thật, nay trong hội Pháp Hoa khai Quyền hiển Thật, bèn được diễn tả thông suốt, trọn không ngăn trệ. Vì thế, trước khi cất tiếng diễn bày thông suốt đại sự bèn đằng hắng.

2) Khánh khái phó chúc, nghĩa là Phật muốn đem pháp này giao phó cho các vị Bồ Tát để các Ngài chỉ dạy lại cho chúng sanh đời sau, nên bèn đằng hắng.

Ở đây, Khánh Khái là một cách diễn tả tôn trọng, ý nói may được Hòa Thượng thương tưởng đến ban cho pháp ngữ.

[54] Nguyên văn là "hoa hàn": Hoa là hoa tiên, một thứ giấy đẹp để viết thư, Hàn là bút mực. Cổ văn hay dùng chữ này để tôn xưng thư từ, giấy tờ viết lách của người khác.

theo từng nét chữ dễ hòng sánh được nổi sao! Bộ Khai Mông của Thông công quả thật đã tuyển chọn được tinh hoa của các nhà, những lý tánh được sách ấy phát huy có thể nói là thâm thiết rõ ràng, nhưng vì bản tánh thật thà, chẳng quan tâm đến chi tiết, cho nên sử dụng từ ngữ, lập luận không chỗ nào chẳng vướng cái tệ sơ sót. Nếu lược bỏ những chỗ tạp nhạp để chọn lấy cái tinh túy ắt phải đợi người được ý quên lời; còn kẻ ưa tranh ảnh, sợ rồng thật, chỉ có thể dõi theo mấy hàng mực[55]. Nếu chẳng sửa chữa thật nhiều, quyết khó thể lợi ích trọn ba căn. Trộm nghĩ kinh Xuân Thu là sử nước Lỗ, qua tay Trọng Ni[56] gọt dũa mới thành bộ đại kinh thiên cổ quý giá. Hám Sơn Toàn Tập do giao cho Khiêm Ích hiệu đính, sửa chữa mới thành tác phẩm nhiệm mầu được nhập tạng, lưu thông. Xưa đã như thế, nay cũng nên như vậy.

Chỉ mong hiển lộ triệt để diện mục của Lô Sơn, bất tất cứ phải theo quy củ giữ đúng nguyên bản. Ví như rỡ toang lầu Ngũ Phượng để xây lại, tách rời bài tựa của họ Tả để soạn thành tập riêng, tài liệu tuy vẫn y như cũ, nhưng kết cấu phải thuận theo việc đáng nên làm, chẳng ngại lấy cột làm kèo, mặc tình cắt dài nối ngắn. Văn rườm rà thì bỏ bớt, nghĩa thiếu sót bèn thêm vào, đáng

---

[55] Nguyên văn: *"Nhược phù lược huyền hoàng nhi thủ thần tuấn, tu đãi đắc ý vong ngôn chi nhân, ngoạn đồ tượng nhi bố chân long, mỗi đa tầm sổ hàng mặc"* (nếu lược bỏ những con ngựa sắc đen vàng xen tạp, chọn lấy con ngựa hay, phải đợi người được ý quên lời, còn kẻ thích chơi tranh ảnh, lại sợ rồng thật, chỉ có thể thường đọc dò theo câu văn). "Tầm sổ hàng mặc" là một thành ngữ, ý nói chỉ biết đọc thông mặt chữ, không lãnh hội được ý nghĩa. Ở đây, Tổ tự khiêm mình tài hèn sức kém, không làm công việc nhuận sắc, biên tập được.

[56] Trọng Ni là tên tự của Khổng Tử, Khổng Tử húy là Khâu (Khưu).

để ở phần trước thì dời lên trước, đáng đem ra sau bèn để ra sau, ngõ hầu lý Đại Phật Đảnh[57], tánh thường viên thông, dù văn hay lý đều được phơi bày triệt để, giãi bày trọn vẹn. Dù là thượng, trung hay hạ căn không ai vừa đọc đến không liền hiểu rõ, ai nấy được lợi ích lớn lao, [như vậy] mới có thể làm cho bản hoài của ông Thông, ông Lê và ngài được phô diễn thông suốt rốt ráo.

Nếu chỉ hạn định trong vòng hai tháng sẽ xong, e rằng chỉ thành sửa chữa sơ sài. Kỳ hạn quá ngắn, tài khéo của ông Lê chưa thành hình, sửa chữa hiệu đính không tinh tường, cái tâm tha thiết của ông Lê bị khuất lấp. Khắc in, lưu truyền, muốn được cùng tồn tại mãi trong cõi đời với bản chú giải khác của kinh Lăng Nghiêm e khó đạt được! Xin hãy bỏ đi ý niệm [mong cho] chóng xong, tăng thêm thời hạn vài tháng nữa để xem đi xét lại nhiều lần, tra xét kỹ càng, sửa chữa tinh xác, tự nhiên trên khế hợp với diệu tâm của chư Phật, dưới thỏa mãn hoằng nguyện của các vị, được lưu thông đến tận đời vị lai, khắp mọi loài chúng sanh được độ mới thôi.

Phần tựa đề bộ sớ hai vị cùng viết, trước hết đề Ức Liên Sa Môn Thông Trí Tầm Nguyên soạn, rồi đề Đoan Phủ cư sĩ Lê Dưỡng Chánh hiệu đính. Tuy ông Lê tâm dạo chơi cõi Hoa Tạng, mang chí hướng lợi người, ngộ nhân ngã đều không, hiểu rõ ta - người bất nhị, nhưng trong phần cảm ân ca tụng đức, cố nhiên chúng ta nên trình bày như thế. Sửa chữa, hiệu đính đã xong, liền

---

[57] Lý Đại Phật Đảnh: Chỉ những giáo lý của kinh Lăng Nghiêm, kinh Lăng Nghiêm có tên gọi đầy đủ Đại Phật Đảnh Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh.

trao cho thợ in không cần phải gởi đến nữa. Ông Lê là Thái Sơn, Bắc Đẩu trong làng Nho, là bến bờ trong biển pháp, Tông thuyết cùng thông, hạnh giải tương ứng. Nếu không phải là Quán Âm, Phổ Hiền ứng hóa, chắc chắn là Phương Sơn, Vô Vi[58] tái lai. Tất cả trước thuật đều khế lý khế cơ, nếu treo tác phẩm ấy trên cửa Ngọ Môn[59], ai đổi được một chữ thưởng một ngàn vàng, sẽ thấy hết năm rốt tháng không ai dám sửa một nét bút, há nào còn ngờ chi, cần gì phải có người ngoài chứng minh nữa?

Đợi đến khi toàn bộ khắc in xong, mong hãy rủ lòng pháp thí rộng khắp. Vãn bối tuy mắt lòa, chẳng thể đích thân thấy được ánh mặt trời, nhưng trong đêm dài tăm tối cũng thường mong được chiếu thấu. Cầm bút dò dẫm, chẳng thể [phô diễn] theo ý tưởng được.

---

[58] Phương Sơn chính là Trưởng Giả Lý Thông Huyền, tác giả bộ Hoa Nghiêm Hợp Luận. Ông ẩn cư tại Phương Sơn vào niên hiệu Khai Nguyên thời Đường. Còn Vô Vi chính là Dương Kiệt đời Tống, tự Thứ Công, hiệu Vô Vi Tử, đắc pháp với ngài Thiên Y Hoài Nghĩa. Sau do cưu tang mẹ, duyệt Đại Tạng kinh, ngộ pháp môn Tịnh Độ thù thắng, bèn tận lực tu trì dạy người. Lâm chung nói kệ, nghiễm nhiên qua đời.

[59] Nguyên văn là "quốc môn" tức cái cửa chánh nơi đền vua, chúng tôi dịch là Ngọ Môn, theo cách gọi cửa chánh vào cung điện Huế. Ở đây nhắc đến chuyện ngài Huyền Trang khi sang Tây Thiên thỉnh kinh, nhằm năm Ngài 41 tuổi, vua Giới Nhật mở đại hội Vô Giá ở thành Khúc Nữ, mời toàn bộ các luận sư Đại Tiểu Thừa và hàng Bà La Môn ở mười tám tiểu quốc của Ấn Độ đến dự, cùng nhau biện luận về Phật pháp. Đại sư nhận lời vua thỉnh, làm chủ tọa đại hội, xưng dương Đại Thừa, Ngài soạn bản luận Chân Duy Thức Lượng treo ngoài cửa quốc thành suốt cả mười tám ngày. Vua Giới Nhật truyền lệnh ai sửa được một chữ sẽ thưởng ngàn vàng. Không ai bắt bẻ được một chữ nào!

124. Thư trả lời cư sĩ Lê Đoan Phủ ở Giang Tây

Phương Đông hết rét, mong xiển dương tông chỉ Hiển Mật dung thông; mặt trời giáo hóa tỏa rạng, nguyện được hưởng ánh sáng Phật Đảnh viên mãn. Ngửa trông Đoan Phủ Lê Công đại cư sĩ, kiếp xưa đã gieo cội đức, thừa nguyện tái lai, rộng xem cùng tột các sách, thâm nhập Kinh Tạng. Thương giáo pháp đời Tượng Pháp suy đồi, làm sáng tỏ cương yếu của pháp tánh, xuất ngôn thành chương, khế cơ, khế lý, lập nguyện cứu đời, giải hạnh đều cao, tiếng sấm phá mộng tỉnh mê vang rền kinh động cái tâm, giúp Giáo hoằng Tông, ban bố cơ duyên tỉnh ngộ, thành tựu điều tốt đẹp cho người chẳng nài nhọc khổ. Khéo léo dẫn dắt kẻ mạt học, hòa quang lợi vật. Nếu chẳng phải là Phổ Môn ứng hiện, ắt phải là hậu thân của Duy Ma[60], có phải là như vậy hay chăng?

Quang tuổi nhỏ thiếu học vấn, lớn lên chẳng biết gì. Cửa Tông Môn cao ngất không thể dấn bước, đành nương Tịnh Độ để ẩn náu. Thiên tư kém hèn; vì thế, không thể tham học với nhiều bậc tri thức, nẻo khách lênh đênh, do vậy đành cam ăn bám Phổ Đà hai mươi năm. Giữa Đông năm Nhâm Tý (1912), được xem Phật Học Tùng Báo, mới biết bậc hoằng pháp đại sĩ phần nhiều hiện thân trong làng Nho, hoan hỷ cảm thán, không lời lẽ nào sánh ví nổi! Đối những trước thuật của các hạ càng thêm khâm phục, chỉ hận mình độn căn, cốt

---

[60] Duy Ma (Vimakirti): Gọi đủ là Duy Ma Cật, dịch nghĩa là Tịnh Danh. Ngài là một vị đại Bồ Tát hiện thân cư sĩ thời đức Phật. Những lời Ngài giảng về pháp môn Bất Nhị được ghi trong kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh.

cách ruỗng nát, chẳng thể thường theo hầu nơi trượng thất, hòng lạm dự phần được gọt dũa.

Cuối Thu, Tịch công[61] ở chùa Vạn Thọ do nhân duyên san định bộ Khai Mông, hạ cố đến chỗ Quang, nhân khuyên nên sửa chữa, tu đính, tôi nhắc nhở đến ngài. Lại lo ngài không rảnh rỗi để làm, may sao Tam Bảo gia bị, đã hiện sẵn điềm mộng, đã được hứa khả, may mắn nào hơn? Tịch công bèn gởi thư nêu duyên do, hạn định hai tháng sẽ hoàn thành. Quang sợ rằng ngài chưa đọc kỹ nguyên cảo, ngài Tịch Sơn chưa trình bày rõ cách thức biên tập, chỉ sợ ngài thuận theo ý Sư sửa chữa đại lược. Do vậy, tôi trình bày những điều khó khăn gởi đến Tịch công; chẳng ngờ [thư ấy] được chuyển đến Ngài soi xét, cảm kích, thẹn thùng vô cùng. Đến bữa khác, nhận được thư ngài dạy dỗ, chứng tỏ Ngài tiếp độ mọi loài đọc kinh, đúng như cái chuông lớn treo trên giá hễ gõ bèn kêu, gương báu đặt trên đài, không hình sắc nào chẳng hiện! Cảm kích lắm!

Trộm nghĩ bản thảo Khai Mông tuy do Thông Công (tức ngài Thông Trí Tầm Nguyên) soạn, nhưng phát huy, nhuận sắc hoàn toàn nhờ vào các hạ. Nếu tinh thần không đủ thì chỉ thành ra làm đãi bôi cho xong. Nếu sắc lực mạnh mẽ, chẳng ngại gì ngoài Hiển Giáo ra, ở những chỗ khác, với mỗi chỗ bèn nêu thêm cương yếu của Mật giáo ngõ hầu người đọc đến biết Hiển Mật viên thông, pháp môn vô nhị. Về Sự tu nên thâm nhập một môn, về Lý Tánh cố nhiên hai pháp ấy nhiếp trọn lẫn

---

[61] Tức hòa thượng Tịch Sơn ở chùa Vạn Thọ vừa được nhắc đến trong lá thư trước.

nhau. Xin đừng tiếc bút lực như rường cột, khiến cho Phật Đảnh phóng quang minh viên mãn, phổ chiếu hết thảy hữu tình tận cùng đời vị lai. Hơn nữa, những nhà giảng giải đời Mạt thường thích luận Thiền, khiến cho thính chúng đa phần bị những câu thoại đầu xoay chuyển. Trộm nghĩ, những câu cơ phong chuyển ngữ của Thiền gia trọn chẳng có ý nghĩa gì, chỉ nhắm vào căn cơ của người đến tham phỏng mà chỉ về lẽ hướng thượng, chỉ nên tham cứu, chớ nên giảng nói! Giảng kinh như thế thì chỉ bậc đại sĩ tư chất thù thắng mới được lợi ích; còn những kẻ trung hạ căn khác thảy đều mắc bệnh. Đối với Tông thì cơ phong chuyển ngữ chẳng biết tận lực tham cứu, tự lầm lạc suy đoán ý nghĩa. Đối với Giáo thì do những lý thật, sự thật chẳng phải là cảnh của mình, bèn cho những điều đó chỉ nhằm ngụ ý biểu thị pháp. Dùng Tông phá Giáo, dùng Giáo phá Tông, gần đây thói tệ ấy không gì tệ bằng. Mong ngài hãy hiện tướng lưỡi rộng dài, cứu vớt những kẻ chết đuối ấy.

Thêm nữa, thầy Ngộ Khai túc căn sâu chắc, tâm hiếu thắng mạnh mẽ, thoạt đầu chuyên chú Thiền Tông, miệt thị Tịnh Độ. Về sau, dự vào pháp hội của ngài Thông Trí, từ đó mới dần dần sanh tín tâm, tuy ấp ủ tánh cuồng vọng, chí nguyện cao chẳng thể đè lấn được, nhưng sắc lực yếu đuối, hành trì thật khó tương ứng, mùa Đông năm ngoái từng bộc lộ bản ý, Quang bèn cực lực quở trách. Hiềm vì tâm chấp quá nặng, chẳng vãn hồi được! Có lẽ nên cũng thưa cùng các hạ: Ngày 21 vào tháng mùa Đông, thầy ấy ôm bệnh về núi, kể cho sư huynh nghe chuyện ngoài núi chưa xong, liền chẳng

nói được nữa, đến giờ Mùi hôm sau bèn qua đời, nào có tướng cảm ứng tốt lành nào để nói đâu? Dương Thứ Công[62] nói: *"Ái chẳng nặng chẳng sanh Sa Bà; niệm bất nhất, chẳng sanh Cực Lạc"*. Thầy Ngộ Khai chẳng phải là không tin có Tây Phương, nhưng do ái căn cố kết, ý niệm bất nhất, những điều bình sinh mong mỏi đều thành bánh vẽ. [Thầy ấy] mong thấy được đạo, mong lâm chung hiện đủ mọi tướng lành đều hé lộ ái căn, *"thoạt đầu chẳng gặp tác gia[63], đến già trọn thành đống xương"* là nói về thầy Ngộ Khai vậy. Buồn thay!

Lại nữa, tháng Chạp năm Nhâm Tý, do đọc Phật Học Tùng Báo, [thấy] báo in bằng giấy Tây, chẳng để được lâu như giấy Tàu, khiến cho những bài văn, bài luận kỳ vĩ của quý vị vì dùng loại giấy ấy đều bị mất hết, chẳng thể tạo ích lợi rộng rãi, dài lâu! Do vậy, tôi chẳng nề hà mắc tội, trình bày đại lược những điều hèn tệ mình đang ấp ủ, tuy có vài điều, nhưng điều này là chánh! Vào mồng Một tháng Giêng năm Quý Sửu (1913), đã gởi đến ban biên tập, có lẽ ông Nhất Thừa Bộc[64] chê là lầm cẩm trọn chẳng để mắt tới, Cao cư sĩ (Cao Hạc Niên) đến đây bèn sao lục lại, chuyển đạt tới các vị ngõ hầu các vị biết rõ cái hại của loại giấy Tây, chẳng biết đã lọt vào mắt xanh hay chưa?

---

[62] Dương Thứ Công chính là Dương Kiệt, hiệu là Thứ Công, tức Vô Vi Tử trong chú thích ở phần trên.

[63] Tác gia: Chữ "tác gia" thoạt đầu là chỉ người giỏi soạn thơ văn. Do Thiền Giả cũng thường dùng thơ văn để trình bày yếu chỉ nhà Thiền nên nếu ai khéo lãnh hội nghĩa Thiền, khéo độ được người cũng được gọi là tác gia.

[64] Nhất Thừa Bộc: cư sĩ Bộc Đại Phàm, một trong những người biên tập tờ Phật Học Tùng Báo.

Nay tuy Tùng Báo đã đình bản, nhưng vẫn phải ngửa lên thưa trình: Cái hại của loại giấy Tây còn hơn cả nước lũ, mãnh thú, nghèo nước, khốn dân, đoạn diệt Nho Thích thánh giáo, cái họa ấy không có cùng cực! Mong có bậc đại lực dứt trừ thói quen ấy thì phước cho đồng bào, pháp đạo được vĩnh truyền vậy! Ông Địch Sở Thanh có chí lưu thông, có chánh thư cục, gần đây in mấy đầu sách đều dùng giấy Tây. Nếu chẳng thống thiết trình bày lợi hại, tương lai các nơi in khắc Đại Tạng chắc chắn khó lòng không dùng loại giấy ấy; do vậy, lưu thông lại thành ra diệt vong nhanh chóng! Đấy là điều Bất Huệ tôi đau lòng buốt óc, vô phương khẩn cầu. Nay may được ngài rủ lòng dạy dỗ, nên mới dám trình lên.

Sức học của ngài trùm khắp cả nước, đạo cao ngút đời, giao du khắp cả trong nước, ngoài nước, ngôn luận khuất phục lòng người. Khẩn khoản xin ngài bảo cùng khắp những vị hoằng pháp, và soạn thuật một bài văn rộng lớn đăng lâu dài trên báo chí, ngõ hầu đồng bào cả nước đều biết họa hại. Phàm những gì thuộc loại kinh sách thánh hiền lưu truyền trong đời và khế ước, văn bằng, đều nhất loạt chẳng dùng loại giấy ấy, ngõ hầu Tam Giáo chẳng đến nỗi mau diệt vong, ngũ tộc [65] cùng thấm nhuần ơn lớn rộng vậy.

125. Thư gởi tổng nhung Trương Liên Thắng (viết thay cho bạn)

---

[65] Ngũ tộc: năm sắc dân chính của Trung Hoa là Hán, Tây Tạng, Mông Cổ, Hồi, Mãn Châu.

Xuân về trên lãnh thổ vua Vũ[66], ngày Nghiêu vĩnh cửu, Bắc Uyển mai nở, hoa trình ngũ phước như Cơ Tử đã phân định, vườn Đông trúc mướt, lá báo Hoa Phong tam đa [67]. Kính khen tổng nhung Trương Đại Nhân tài kiêm văn võ, giữ chức trọng yếu, đạo luôn rỡ ràng, hưng thạnh; tước ngày càng nâng cao. Từ đầu Xuân đến nay, vinh hiển lãnh phẩm trật cao quý; đã thế, chỗ nhậm chức ở gần Nam Hải, rất gần Quán Âm. Đấy chính là do nhiều đời nhiều kiếp từng gieo thiện căn nơi Đại Sĩ, và Đại Sĩ bi tâm muốn nhờ vào oai lực [của tổng nhung để] hộ trì pháp môn nên khiến ra như thế. Đạo thể khỏe mạnh, yên vui, nơi ăn chốn ở hưởng phước không cần coi bói cũng có thể biết; mừng rỡ, vui sướng chúc mừng.

Trộm nghĩ Phổ Đà là đất ứng hóa của Đại Sĩ, trải các triều đại đều được sắc tứ kiến tạo, cả đời đều kính ngưỡng, sùng mộ, nhất là có đại nhân duyên đối với các tổng nhung. Xưa kia thì không biết, chứ gần đây, có ba người có công huân lớn lao đối với núi này. Trong niên hiệu Vạn Lịch đời Minh, tổng nhung Hầu Kế Cao, khi rảnh rỗi về việc võ bị, bèn biên soạn, tu chỉnh Sơn Chí,

---

[66] Nguyên văn "Vũ điện": Điện là lãnh thổ cai trị. Vũ là vua Đại Vũ, khai sáng nhà Hạ.

[67] Ngũ phước phát xuất từ thiên Hồng Phạm trong sách Thượng Thư gồm: thọ, phú, khang ninh, tố hảo đức, khảo mạng chung (sống lâu, giàu có, mạnh khỏe bình yên, làm điều đức hạnh tốt, chết yên lành). Tương truyền tác giả là Cơ Tử.

Tam đa: đa phước, đa thọ, đa tử (phước nhiều, sống lâu, lắm con) Theo sách Hoa Nhạc Chí, quyển 1 đời Thanh, di chỉ Hoa Phong ở phía Đông Bắc Hoa Sơn. Cũng theo sách Hoa Dương Huyện Chí, thiên Cổ Tích, có chép một đoạn đối thoại giữa vua Nghiêu và dân vùng này: *"Đào Đường Đế đến Hoa Sơn, dân Hoa Phong thưa: 'A! Xin chúc thánh nhân lắm phước, lắm thọ, lắm con cái'. Vua nói: 'Thôi đi! Lắm con thì lo nhiều, lắm phước ắt lắm chuyện, lắm thọ càng lắm nhục"*. Vì thế, mới có điển tích "Hoa Phong tam đa".

hộ trì, lưu thông, khắng khít nơi chuyện này. Từ thời mở nước đến nay[68], vùng biển chẳng yên, chùa núi hư nát, đến năm Khang Hy thứ hai mươi tám (1689), cõi đời yên bình, xa giá hoàng đế tuần du phương Nam[69], tổng nhung Hoàng Đại đến khải tấu tình trạng đổ nát của danh sơn, vua liền ban công khoản sắc truyền tu sửa. Chưa đầy năm ấy, ông Hoàng đã được thăng tước.

Năm sau, tổng nhung Lam Lý đến thay, phụng chỉ trông nom việc xây dựng, cúc cung tận tụy, kiệt lực lo liệu. Chuyện nhà Phật, chuyện vua một vai ông gánh vác, hai ngôi chùa trước và sau núi đều lập miếu thờ sống ông, vĩnh viễn theo Đại Sĩ hưởng hương đèn, mà ông Hoàng cũng được thờ cúng. Những bậc quan võ khác hộ trì núi này khó thể nêu hết, là vì các quan võ mỗi khi quân trận đối địch, xông pha ngọn giáo mũi tên, thường hay thầm niệm Đại Sĩ, ngầm được Ngài hộ trì, gia hộ. Nhờ vậy, lập chiến công được thái bình, nên họ mới hộ trì [núi này] như thế. Dẫu nhằm lúc yên ổn, cũng nhờ oai lực của Đại Sĩ, trấn quân oai giữ yên cõi xa, tiêu họa loạn trước khi chớm nẩy. Bởi chịu ân đã sâu nên báo ân cũng thiết tha. Do báo ân thiết tha nên cúng tạ cũng hậu. Như hai vị Hoàng và Lam, và những vị như Tăng, Bành, Tả v.v… vào thời gần đây không ai chẳng đều như vậy.

Hiện nay nhằm lúc Mạt Pháp, pháp nhược ma cường, thường có kẻ vô lại trà trộn pháp môn, chẳng

---

[68] Ý nói kể từ đầu triều đại nhà Thanh.

[69] Nguyên văn *"thúy hoa nam hạnh"*: Nam hạnh là hoàng đế đi tuần sát phương Nam, thúy hoa là một loại cờ hiệu của hoàng đế, phía trên gắn lông đuôi chim phỉ thúy (chim bói cá), nên được gọi là "thúy hoa".

giữ thanh quy, bại hoại Phật pháp. Do vậy, hàng Nho sĩ chẳng hiểu lý sâu trông thấy Tăng sĩ du hành nhân gian tạo tác ác nghiệp, bèn nói Tăng chúng trong cả cõi đời không ai là chẳng giống vậy. Từ đấy, một giọng xướng, trăm tiếng hòa, phỉ báng, vùi dập, thậm chí phá hủy chùa miếu, thiêu đốt kinh tượng. Chẳng biết ngọc tuy phát xuất từ dãy Côn Luân[70], nhưng ngọc ẩn, đá lộ. Nếu chẳng đục khoét thì chỉ thấy đá, chẳng thấy được ngọc. Do không thấy ngọc, bèn muốn đốt cháy sạch [cả núi] thì vì đá xấu bèn đốt sạch ngọc đẹp vậy!

Xưa có người ôm [tảng đá] có ngọc báu hiếm có trong đời của núi Kinh còn bị chặt đứt hai chân [71], huống chi người ôm diệu bảo Thật Tướng của núi Vô Thượng Đại Niết Bàn, tri kiến thế tục làm sao biết được, nên lắm phen bị hủy nhục. Kính mong các hạ hộ trì danh sơn, dẹp tà giúp chánh, làm nanh vuốt cho đất nước, làm kim thang[72] cho Đại Sĩ, nối gót thơm của ông Hoàng, ông Lam, gỡ màng mộng trong mắt thế tục, đấy là cúng tạ vậy. Ắt sẽ được chứng quả Vô Sanh, đạt địa vị Bất Thoái, thành Chánh Giác trong tương lai, làm bậc điều ngự trượng phu, há nào phải chỉ ấn phong biến

---

[70] Một rặng núi lớn ở Tây Nam Trung Quốc, bắt nguồn từ cao nguyên Pamir đến tận tỉnh Tứ Xuyên, toàn bộ rặng núi dài đến 2.500 km. Theo truyền thuyết, đây là nơi cư ngụ của các vị tiên và có nhiều ngọc quý.

[71] Đây là chuyện Biện Hòa thời Chiến Quốc, biết trong tảng đá có ngọc quyết dâng lên vua, bị gièm pha đến nỗi bị chặt chân, cứ ôm tảng đá ngồi khóc ngoài đồng. Sau có người thương tình tâu lên vua, vua sai chẻ tảng đá ra, quả thật có ngọc quý vô giá, thường gọi là "ngọc liên thành". Sau Tần Thủy Hoàng cướp ngọc ấy, cho khắc thành ấn truyền quốc.

[72] Kim Thang: Chữ Kim chỉ tường thành chế tạo bằng kim loại; Thang chỉ sông hào bảo vệ vây quanh thành. Ý nói phương tiện bảo vệ kiên cố.

thành vuông, ngạch trật chuyển sang quan văn[73], trăm năm phước thọ, tiếng thơm truyền đến cả con cháu mà thôi!

126. Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lôi (thư thứ nhất)

Lương Nhậm Công[74] có tài xuất chúng, đáng kính nể trong đời, sao chẳng dùng hoài bão, tài năng sẵn có để quay sang tận lực tham cứu đại pháp xuất thế, ngõ hầu triệt ngộ diệu tánh sẵn có. Lại còn tận lực tu Tịnh nghiệp, hồi hướng vãng sanh, ngõ hầu mỗi điều đã ngộ đều tự chứng đắc. Sau đấy, lại nương vào đại nguyện, thị hiện sanh trong cõi đời ác trược, dùng thần thông biến hóa chẳng thể nghĩ bàn, bày cách đối trị: đối với kẻ mạnh bạo chẳng hòa hoãn bèn đối trị bằng cách cứng rắn, với kẻ hòa hoãn, bèn đối trị bằng cách mềm dẻo; bất luận trung hạ căn, không ai chẳng được gội ơn. Đấy chính là nghĩa tự lợi lợi tha rốt ráo của bậc đại trượng phu nối tiếp quá khứ, mở đường tương lai. Trong đời này, thời này, nếu chẳng kiệt lực nghiên cứu, uổng lòng ôm cái tâm lo lắng cho đời, khó tránh mối lo bị nguy đến thân; mà là hành vi của kẻ anh hùng hào kiệt phẫn thế buồn đời, chẳng phải là bản sắc *"tùy theo địa vị mà hành xử, vui theo mạng trời"* của thánh hiền vậy.

---

[73] Theo quy chế thời ấy, quan võ phẩm trật kém hơn quan văn, không được sử dụng ấn vuông.

[74] Lương Nhậm Công chính là Lương Khải Siêu (1873-1929), tự là Trác Như, hiệu Nhậm Công, còn có biệt hiệu là Băng Thất Chủ Nhân. Người xứ Tân Hội, Quảng Đông, sanh vào thời Đồng Trị. Ông là một nhà tư tưởng lẫy lừng thời cận đại, đồng thời là một nhà nghiên cứu Phật giáo. Cùng với Khang Hữu Vi mưu giúp vua Quang Tự lật đổ Từ Hy Thái Hậu nhưng thất bại, ông phải lưu vong một thời gian.

Kiếp xưa vun bồi được huệ căn này, cố nhiên chẳng dễ dàng. Nếu chẳng chuyên tinh dốc sức nơi đây ngõ hầu tự chứng thì sẽ giống như chén bát chưa nung, gặp mưa liền rã. Quang âm ngắn ngủi, mạng người được mấy? Một hơi thở ra không trở lại là đã thuộc đời sau. Người chưa chứng đạo từ ngộ vào mê vạn người có đến mười ngàn, từ ngộ tăng thêm ngộ, trong ức người chưa được một hai! Nỡ để cái chén vô thượng pháp khí, qua cơn mưa "tái sanh" lại trở thành bụi đất ư? Nhậm Công và Quang trọn không có giao tình, gần đây nghe lầm lời người, cũng muốn làm bạn tri kỷ. Tri kỷ phải tính toán cho tri kỷ, phải vì đại thể nói lời trọn vẹn mới chẳng đánh mất tình *"vì một lời hợp nhau, cả đời làm bạn tri kỷ"*. Chẳng biết ông Lương xem thấy như vậy sẽ gật đầu hay là lắc đầu, mong hãy đem ý này chuyển đạt đến ông ta.

127. Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lôi (thư thứ hai)

Cuốn sách Nhập Phật Vấn Đáp dẫn dắt kẻ chưa ngộ, khiến họ sanh chánh tín, tùy cơ khai thị, từ từ thâm nhập, biếu tặng kết duyên quả thật không công đức nào lớn hơn. Nhưng sách ấy chỉ bàn chung chung về sự lý nhập môn nhà Phật, tuy cũng khen ngợi Tịnh Độ, nhưng quả thật chưa hoằng dương rộng lớn được yếu chỉ của pháp môn này. Nếu đã có tín tâm hãy nên đọc các sách Tịnh Độ. Nếu chẳng thể đọc nhiều thì cuốn rõ ràng, giảng rộng nhất là cuốn Kính Trung Kính Hựu

Kính[75] (Đường tắt hơn hết trong số các con đường tắt). Cuốn sách này tuyển chọn lấy yếu nghĩa của các nhà, phân môn chia loại, khiến cho người đọc chẳng phí nhiều công sức xem đọc, tiến thẳng vào chỗ uyên áo của Tịnh Độ. Sách này có lợi ích rất lớn đối với người sơ cơ. Còn những trình tự nghiên cứu được trình bày trong bộ Nhập Phật Vấn Đáp chỉ có người thiên tư cao, túc căn sâu mới kham đảm nhiệm được. Nếu cả hai điều này đều kém thì dù muốn dựa theo những điều sách ấy đã chỉ dạy để nghiên cứu thì e rằng chẳng thể thông suốt hoàn toàn giáo lý, mà đối với pháp Tịnh Độ, do dốc sức nghiên cứu giáo lý bèn thành ra lui sụt. Phật pháp vì con người mà lập bày, trọn chẳng thể chấp vào quy củ thông thường được, khiến thành ra bị trái nghịch căn cơ đến nỗi bị mất lợi ích thù thắng "liễu sanh tử ngay trong đời này". Cốt sao người đương cơ tự biết căn tánh để chọn pháp tu trì vậy.

Học chú Vãng Sanh bằng tiếng Phạn cũng rất tốt, nhưng chẳng được sanh tâm phân biệt, cho bài chú giản lược [được lưu truyền trong cõi này] là sai hoàn toàn. Khởi lên ý niệm ấy thì sẽ sanh lòng nghi đối với toàn bộ các chú trong Đại Tạng, cho là không hợp ý Phật. Phải biết người dịch kinh chẳng tầm thường, sao lại vì

---

[75] Kính Trung Kính Hựu Kính: là tác phẩm của Trương Sư Thành thời Minh. Trương Sư Thành tự là Tâm Hữu, hiệu Lan Chử, người Quy An, Hồ Châu. Cha mộng thấy mặt trời chiếu vào cửa sổ, tỉnh dậy thì thấy Sư Thành được sanh ra. Ông thờ cha hiếu có tiếng, đỗ đạt từ lúc nhỏ, đảm nhiệm việc trấn giữ biên cương. Khi làm tuần vũ tỉnh Giang Tô, thấy người địa phương sát nghiệp nên nhiều lần ban cáo thị khuyên kiêng sát sanh, nghiêm cấm bắt cá. Trong dinh ông không tiệc tùng, không sát sanh. Ông trường trai thờ Phật, dốc lòng nơi Tịnh Độ, tự lấy hiệu là Nhất Tây Cư Sĩ. Cuốn Kính Trung Kính Hựu Kính của ông được đưa vào Vạn Tục Tạng kinh, tập 62, đánh số 1185.

họ dịch khác nhau bèn liền xem thường? Hơn ngàn năm qua người trì tụng [chú ấy] đã được lợi ích, biết bao nhiêu mà kể, há có phải là mọi người hơn ngàn năm qua đều chẳng biết Phạn văn hay sao? Cố nhiên là nên học nhưng chẳng được khởi ý niệm hơn - kém, thua - trội, thì lợi ích chẳng thể nghĩ bàn được! Hơn nữa, một pháp trì chú gần giống với khán thoại đầu. Do khán một câu thoại đầu không có nghĩa gì nên dứt được phàm tình phân biệt, chứng Chân Trí vốn sẵn có. Trì chú chẳng biết được ý nghĩa câu chú, chỉ chí thành khẩn thiết mà trì, dốc kiệt tấm lòng thành đến cùng cực, sẽ tự được nghiệp tiêu trí rạng, chướng hết, phước cao, lợi ích chẳng thể nào nghĩ bàn cho thấu được!

Nghi thức lễ Phật đối với người rất bận chẳng cần phải lập riêng, chỉ cần chí thành khẩn thiết xưng niệm Phật hiệu, thân lễ dưới chân Phật, ắt phải thành kính như Phật đang hiện diện là được rồi! Cõi đời đang nhằm lúc Kiếp Trược, giết cướp lẫn nhau, chẳng có đạo bùa nào để hộ thân, quyết khó thể vĩnh viễn không bị họa hại. Cái gọi là *"đạo bùa hộ thân"* cũng chỉ là chí thành lễ niệm A Di Đà Phật mà thôi! Nhưng Quán Âm đại sĩ bi nguyện rộng sâu, theo tiếng cứu khổ, hễ cảm liền ứng, hãy nên ngoài lúc sáng tối lễ niệm Phật ra, hãy kèm thêm lễ niệm Đại Sĩ thì sẽ ngấm ngầm được gia bị, tự có thể chuyển họa thành phước, gặp nạn mà hóa ra lành, nhưng chẳng tự biết! Đây chính là cách của kẻ ngờ nghệch lánh ngoài cõi đời này dùng làm phương pháp vì tri kỷ cứu đời vậy. Có thể nói là khắp cõi đời không ai chẳng thể cứu, chỉ có người chẳng chịu hành theo pháp này thì đành chẳng biết làm sao được!

128. Thư trả lời cư sĩ Trương Bá Nham

Thư ngừng chiến đọc qua một lượt, có thể nói Giang Thần Đồng quả là người phi thường, ôm chí hướng phi thường, tính làm chuyện phi thường, làm cho khắp thiên hạ nhân dân đạt được "đạo thường hằng" phi thường, thật là thiên cổ hy hữu! Nếu chẳng phải là thánh hiền tái thế thì cũng là Bồ Tát thị hiện thọ sanh, cuộc đời này chẳng uổng phí vậy! Muôn nước trong khắp thiên hạ trong đêm dài sẽ đều được lay tỉnh bởi tiếng ngân của quả chuông to này. Do muốn mình được thành tựu bèn giúp người thành tựu, mình muốn thành đạt bèn khiến cho người thành đạt, tự lợi, lợi tha, coi người khác như chính mình, cùng về trong cảnh giới vô ngã, cùng hưởng ngọn gió đại đồng. Quang đã già rồi, chỉ e không kịp thấy, chẳng ngại gì không chúc mừng trước muôn nước.

Tuy nhiên, phương cách đã lập ấy vẫn có chỗ không hợp thời, cơ, xứ. Quang vô tri, vô thức, sao dám bình luận trước thuật của ông Giang; nhưng trước mặt người tri kỷ, chẳng ngại gì một phen bàn bạc, mong chẳng bắt tội. Thế đạo nhân tâm hiện thời hư hoại đến cực điểm, muốn cứu vãn mà chỉ dùng đạo đức của ngũ giáo[76] thánh hiền để uốn nắn thì cách ấy chỉ có thể chuyển biến được người có bẩm tánh cao sâu, còn đối với hàng trung hạ căn mặc sức ông nói nát môi, cháy lưỡi, dù họ có lãnh hội cũng chẳng thấy ăn nhằm gì đến tâm họ, huống gì kẻ không lãnh hội được lại chiếm hơn quá nửa,

---

[76] Ngũ giáo: Phật Giáo, Khổng Giáo, Đạo Giáo, Thiên Chúa Giáo và Y Tư Lan Giáo (Islam).

thành ra đổ sức nhiều mà hiệu quả ít ỏi. Muốn cho vạn quốc cùng sốt sắng thực hiện đề nghị này trừ phi người trong vạn quốc đều là hạng thiên tư thượng đẳng, muốn tận lực cầu lấy đạo thánh hiền nhưng chưa rõ đường lối thì mới có lợi ích thật sự. Nếu không, dẫu ông có giảng ra rả, người ta nghe lời ông nói bèn xem thường. Vệ Võ Công[77] đã sớm nói như vậy từ hai ngàn năm trước rồi! Giang Thần Đồng[78] có thể nói là "biết Thể" nhưng chưa "biết Dụng", đắc Căn Bản Trí nhưng chưa khai Sai Biệt Trí. Cách tổ chức hội nghị của ông ta lại quá lớn, chỉ sợ không có món chi phí lớn lao như thế, không thành chuyện bàn xuông thì cũng hóa ra có đầu không đuôi.

Hơn nữa, loại đại hội như vậy há có nên lập riêng một đại hội cho nữ giới? Lập ra đại hội nữ giới sẽ khiến cho nữ nhân toàn quốc lầm lạc ra sức tranh quyền, chuyện gì cũng đều phải nghĩ nam nữ cùng một bản thể. Nếu được như hai bà phi của đời Ngu, ba bà Thái của

---

[77] Vệ Võ Công, tên là Cơ Hòa, người xứ Triều Ca, là con của Vệ Ly Hầu, ở ngôi vua từ 812 đến 758 trước Công Nguyên. Năm 771 trước Công Nguyên, quân Khuyển Nhung giết Châu U Vương. Vệ Võ Công cùng chư hầu hợp binh giúp nhà Châu dẹp loạn có công, được Châu Bình Vương phong tước Công. Vua chăm lo chánh sự, lo cho dân giàu nước mạnh, rất được dân chúng hai nước Châu, Vệ kính trọng.

[78] Không rõ Giang Thần Đồng ở đây là ai? Nhưng trong thư gởi cho cư sĩ Sái Khế Thành năm 1923, Tổ Ấn Quang có viết: *"Giang Thần Đồng là quỷ thần dựa vào thân mà có năng lực ấy, chứ không phải thật sự là thần đồng. Năm trước, bạn tôi là ông Trương Chi Minh đem bài Thư Đình Chiến của Giang Thần Đồng đưa cho Quang xem, nhờ phê bình những chỗ không thích hợp để xem có nên lưu truyền hay không. Đến khi Quang chỉ ra những khuyết điểm, người bạn ấy nhất loạt không đề cập đến nữa. Tôn Giáo Đại Đồng Hội là gì? Thích Ca Hóa Thân là gì? Người có trí thức nghe đến liền biết hắn ta là ma vương hiện chuyện lạ lùng để mê hoặc con người, cần gì phải hỏi ai nữa?"* Căn cứ vào đoạn văn trên, Giang Thần Đồng phải là một đứa bé nổi tiếng thần đồng thời ấy.

nhà Châu, mới thật là may mắn lớn lao. Nếu không, sẽ tệ hại không thể nào diễn tả được! Trời sanh bậc kỳ nhân phi thường, nhưng mở ra mối tệ này, quả thật Bất Huệ tôi rất đau lòng, tiếc nuối. Tôi nói *"quyền trị quốc bình thiên hạ, nữ nhân nắm giữ quá nửa!"* Do giúp chồng dạy con trong gia đình sẽ khiến cho đứa con nào có thiên tư liền mong thành thánh, thành hiền, gây dựng đức nghiệp lớn lao; đứa không có thiên tư cũng có thể thuận theo quy củ, làm một kẻ lương dân. Nếu bỏ điều này không xét đến, cứ muốn cho nữ nhân nắm quyền giống như nam giới thì chính là đại họa gây loạn thiên hạ bậc nhất vậy. Sao ông Thần Đồng không nghĩ đến điều này?

Bài văn ấy luận về Phật giáo cũng có chỗ sai sót lớn. Nếu bậc thượng đẳng nghe đến ắt sẽ gấp gáp cầu nơi Giới - Định - Huệ - Không. Nếu kẻ hạ đẳng nghe đến ắt sẽ rất có thể khiến cho cái thói muốn lấy người ép người, đốt sách của người ta liên tiếp khởi lên. Ngay trong lúc sát kiếp lừng lẫy này, chẳng lấy lòng Từ trọn khắp, vô hình, tâm bi cứu bạt ba đời của Phật làm nghĩa trọng yếu cứu nước cứu dân bậc nhất để răn dạy, lại đề xướng ý kiến cho Phật giáo là tà ngụy, nêu chứng cớ là Phật giáo vứt bỏ luân thường, bàn chuyện họa phước! Phàm nhân quả báo ứng chính là đại phương tiện để bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh của thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian. Ngay trong lúc tâm con người đắm chìm này, đúng là lúc nên đề xướng nhân quả, báo ứng. Dẫu là kẻ trung hạ căn, tuy muốn làm ác nhưng không dám, dẫu không muốn làm thiện nhưng chẳng thể.

Thế mà ông ta lại bài xích, đả phá họa - phước là tà ngụy, là đáng đau hận, há có phải thật sự hiểu biết Phật giáo hay chăng? Nhưng bỏ qua luân thường, bàn về họa - phước có bao giờ không ngụy, cũng như có bao giờ chẳng là chân? Nếu đã nhất loạt coi là ngụy thì Thích Ca bèn thành kẻ tội lỗi đứng đầu, những người thấp hơn Phật còn đáng bàn nữa hay chăng? Nếu bảo các hiền nhân chê trách [Phật giáo] chính là bằng cớ thì là chưa biết sự thật, tôi không bàn tới. Nếu bảo "chư hiền chê trách là ngụy là do lỗi nơi Phật giáo, chứ chẳng phải lỗi của chư hiền", cho rằng câu nói "Phật giáo là ngụy" không phải là diệt trừ Phật giáo, chỉ giữ lại Giới - Định - Huệ - Không, thì chẳng thể được! Phàm Giới, Định, Huệ, Không lúc Phật chưa xuất thế, pháp chưa truyền sang Đông, nhưng đã ngập tràn vũ trụ, không khiếm khuyết chút nào, nhưng các vị thánh như Nghiêu, Thuấn, Châu Công, Khổng Tử cũng chưa tỏ rõ được, đến khi Phật giáo truyền sang Đông mới biết chúng ta đang sống trong Giới - Định - Huệ - Không, từ sống đến chết, chẳng thể ra ngoài những điều này được! Nhưng kẻ bỗng dưng đâm sợ cái đầu chạy cuồng lên [79] thật là đáng thương.

Thầy thuốc trị bệnh, gấp thì trị đằng ngọn, thong thả bèn trị nơi gốc. Ví như có người cổ họng ủng thũng, ăn uống khó trôi, hít thở khó khăn, ắt phải làm tiêu chứng thũng trước, rồi mới có thể dựa theo nguồn bệnh, điều hòa tạng phủ. Nếu chẳng tiêu trừ chứng thũng trước, người ta đã chết mất, dù có bài thuốc hay khéo trị tận

[79] Kinh Lăng Nghiêm có nhắc đến chàng Diễn Nhã soi gương thấy cái đầu mình đâm ra hoảng sợ, phát cuồng!

gốc cũng không sao thi thố được! Nhân quả chính là diệu pháp để tiêu trừ chứng thũng hiện thời; nhưng một pháp nhân quả trị chung cả đằng ngọn lẫn đằng gốc! Kẻ sơ cơ nương theo đó sẽ có thể cải ác tu thiện; người thông hiểu nương vào đó sẽ có thể đoạn Hoặc chứng Chân. Chính là pháp thông trên thấu dưới, từ phàm phu sát đất cho đến viên mãn Phật quả đều chẳng thể lìa pháp này được, há nào phải chỉ để trị chứng bịnh đằng ngọn mà thôi!

129. Thư gởi cư sĩ Tạ Dung Thoát

Quê ông được biết đến pháp môn Tịnh Độ là do ông Lâm Giới Sanh thỉnh kinh sách Tịnh Độ. Nếu trong đời trước các vị cư sĩ đối với pháp môn này chưa từng gieo thiện căn, sao có thể lấy cổ nhân làm thầy, vừa mới nghe bèn sanh lòng tin, phát nguyện, tự hành, dạy người, khiến chưa đầy mười lăm năm, đạo ấy đã được thạnh hành như thế? Quán thiên tư, cảnh duyên của các hạ và pháp vận, thời cơ hiện tại, tợ hồ nên giữ Ngũ Giới hộ trì Tam Bảo, hoằng dương Tịnh Độ để khuyên khắp mọi người vãng sanh mới chính là yếu nghĩa khế lý khế cơ bậc nhất. Vì sao nói thế? Các hạ niên kỷ đã ngoài bốn mươi, thiên tư chẳng phải là bậc thượng đẳng, muốn nghiên cứu cùng tận kinh tạng, tham phỏng tri thức thì e rằng pháp môn vô lượng, quang âm không nhiều, sẽ phải than thở dẫu muốn dùi mài nhưng không thực hiện được!

Hơn nữa, hiện tại tuy có tri thức, nhưng Tăng đa phần hỗn tạp, thiếu người cùng hạnh (cùng hạnh còn gọi là

"nội hộ", tức người có thể rèn giũa, nâng đỡ mình tinh tấn nơi đạo). Nếu chí hướng thượng bị suy bèn xuôi theo lười nhác, biếng trễ, chẳng còn sốt sắng nữa. Như Bất Huệ năm hai mươi mốt tuổi, từ biệt cha mẹ đi tu, cũng có thể nói là phát chân tâm lập hạnh dũng mãnh, đến nay năm mươi ba tuổi dù Tông hay Giáo đều chẳng biết gì. Uổng công phụ ân cha mẹ, uổng làm Phật tử, may là đối với một pháp Tịnh Độ, khi xuất gia lúc học kinh Di Đà đã sanh tín tâm, quả thật chưa từng được một vị tri thức nào khai thị, bởi nghiệp sư[80] và các vị tri thức khi ấy đều chú trọng tham cứu, bao nhiêu khai thị đều đả phá Tịnh Độ. Tôi tự lượng sức mình, chẳng bị người khác lay chuyển, dẫu Phật, Tổ hiện thân vẫn chẳng thay đổi, huống chi những lời tri thức nói!

Thêm nữa, hiện nay pháp nhược ma cường, muốn hộ trì Phật pháp, ở cõi tục thì dễ, làm Tăng lại khó. Nếu các hạ có thể nghiêm trì Ngũ Giới, chuyên niệm Phật Di Đà, khắc kỷ, giữ lễ, ngôn hạnh tương ứng; sau đấy, thực hiện việc hóa độ người khác một cách rộng rãi, lợi khắp muôn loài, chớ nghĩ mình là thầy rồi tự cao, chớ nhận tiền tài để tự lợi ích. Ở nhà vì cả nhà diễn thuyết, đối với đại chúng bèn trình bày cặn kẽ thì mọi người đều ngưỡng mộ đức, tin vào lời nói, đấy chính là không tự truyền lệnh mà người hành theo, gió thổi qua cỏ phải rạp! Lệnh lang không tin đạo này, cũng chớ nên cưỡng bách. Cứ để đến khi gặp cảnh chạm duyên, thiên cơ phát hiện, bèn chỉ bảo cho, sẽ tự có cái thế cuồn cuộn không thể chế ngự được!

---

[80] Vị thầy độ cho mình đi xuất gia gọi là nghiệp sư.

Liên xã vừa mở, cần phải có quy củ nhất định, cho nữ nhân tham dự thì trọn chẳng thể được! Chẳng được bắt chước cách của người ta luông tuồng không ước thúc, khiến cho một pháp vừa lập, trăm nghiệp tệ hại bèn nẩy sanh! Điều này quan trọng lắm! Chẳng thể lễ xá-lợi, chẳng thể thân cận tùng lâm, nào có thiếu sót gì đâu? Cứ hễ thấy tượng Phật, liền nghĩ đó là đức Phật thật, thấy kinh Phật, lời Tổ, liền tưởng như Phật, Tổ đang đối mặt dạy mình, phải cung, phải kính, không biếng nhác, không coi thường thì chẳng phải là suốt ngày thấy Phật, suốt ngày thân cận chư Phật, Bồ Tát, tổ sư, thiện tri thức, xá-lợi, tùng lâm hay sao?

Người xuất gia nếu chẳng phải là chân tu thì tập khí đầu đường xó chợ còn quá kẻ tục. Nếu muốn xa lìa, trước hết phải hiểu rõ hết thảy các pháp trong thế gian đều là khổ, là không, là vô thường, là vô ngã, là bất tịnh thì tham - sân - si ba độc không do đâu khởi được! Nếu chưa ngưng dứt được thì hãy dùng trung hậu, tha thứ, nhẫn nhục để đối trị, nó sẽ tự dứt. Nếu vẫn không dứt, phải lập cách nghĩ đến chữ Tử thì tự nhiên vô biên nhiệt não hóa thành thanh lương. Kinh Báo Ân (tức kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân) dạy *"theo thứ tự thọ giới";* nay người xuất gia thọ giới, trước hết cũng phải thọ Tam Quy, rồi đến Ngũ Giới, tiếp đến Thập Giới, rồi đến Cụ Túc Giới, rồi đến Bồ Tát Giới. Nhưng thuở xưa, người thọ giới là vì phát tâm liễu sanh tử, người đời nay thọ giới đa phần chỉ để được làm đại Tăng cho thỏa thể diện, chuyện đắc giới chưa hề thực hiện hay nghĩ tưởng đến. Vì vậy, bọn lỗ mãng, phường hạ lưu bên ngoài

không ai chẳng được dự Tam Đàn Đại Giới[81] trở thành Tăng.

Mối tệ này là do Thanh Thế Tổ (Thuận Trị) bãi lệ thí Tăng, miễn độ điệp, cũng như vì những vị sư trong thời gần đây tham lợi danh, thích quyến thuộc đông đảo mà nên nỗi! Tôi chỉ sợ chư Tăng ở chỗ ông chẳng biết đến nghĩa này, tưởng độ người xuất gia là chuyện tốt bậc nhất, đến nỗi kẻ giặc trà trộn trong pháp, pháp bị diệt theo. Vì thế, chẳng nề hà phiền phức, bao lượt bàn ra. Phải biết một pháp Tịnh Độ chính là pháp môn tối huyền, tối diệu, chí viên chí đốn trong giáo pháp của cả một đời Như Lai (một pháp trọn đủ hết thảy pháp nên gọi là Viên, tu trong đời này liền được vãng sanh ngay trong đời này nên gọi là Đốn). Hạng phàm phu lè tè sát đất cũng có thể dự vào trong pháp này, Đẳng Giác Bồ Tát cũng chẳng thể vượt ra ngoài pháp này được! Quả là một con đường tắt để thượng thánh hạ phàm mau thành Phật đạo, là một chiếc thuyền từ để chư Phật, chư Tổ phổ độ chúng sanh. Chẳng có lòng tin nơi pháp này hoặc tin không chân thành, khẩn thiết, tức là nghiệp sâu chướng nặng, chẳng hợp liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, muôn đời muôn kiếp ở trong thế gian này thường xoay vần trong lục đạo, không có lúc nào ra. Dù có được làm trời - người, nhưng thời gian thật ngắn ngủi như người

---

[81] Tam Đàn Đại Giới: Quy củ truyền thọ giới pháp, chia làm ba giai đoạn: sơ đàn, nhị đàn và tam đàn. Sơ đàn truyền Sa Di, Sa Di Ni giới, nhị đàn truyền Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni giới, tam đàn truyền Bồ Tát giới. Khi Sơ Đàn và Nhị Đàn đã xong, Phật tử tại gia mới được dự Tam Đàn cùng thọ Bồ Tát Giới. Một đàn truyền đại giới phải hội đủ tam sư (Đắc Giới Hòa Thượng, Yết Ma A Xà Lê, Giáo Thọ) và bảy vị tôn chứng A Xà Lê đóng vai trò chứng minh. Thông thường đàn truyền giới được cử hành trong ba ngày liên tiếp.

khách ở trọ, một phen đọa tam đồ thời gian rất dài như ở yên nơi quê nhà. Mỗi phen nghĩ đến, lông tóc dựng cả lên. Chẳng sợ rát họng khẩn khoản bảo cùng đồng nhân.

Nay tôi vì các hạ dẫn một chuyện chứng minh ngõ hầu khơi gợi mạnh mẽ cái tâm tín nguyện, cổ vũ sức tán dương rộng rãi vậy! Pháp môn này chỉ có kinh A Di Đà, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, kinh Vô Lượng Thọ chuyên nói. Trong hết thảy các kinh Đại Thừa khác không kinh nào chẳng nêu tỏ chuyện này. Khỏi cần nói đến kinh nào khác, một kinh Hoa Nghiêm chính là lúc đức Phật mới thành đạo, vì hàng Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ giảng thẳng vào đại pháp vượt khỏi các giới, chẳng chung cùng phàm phu, Nhị Thừa. Cuối cùng là phẩm Nhập Pháp Giới, Thiện Tài đồng tử (“đồng tử” là tiếng xưng tụng người đoạn Hoặc chứng Chân, phá vô minh, khôi phục bổn tánh, chứ không phải như tượng đắp thường tạc hình một đứa bé nhỏ mới là đồng tử đâu nhé! Trong kinh Hoa Nghiêm có chỗ gọi Văn Thù Bồ Tát là Văn Thù đồng tử, các kinh khác cũng chỗ gọi Ngài bằng danh xưng này) tuân lời ngài Văn Thù dạy, tham học khắp các tri thức, đầu tiên gặp Đức Vân, liền được Ngài dạy pháp môn Niệm Phật, bèn chứng Sơ Trụ. Từ đấy, hễ tham học bèn chứng, đến vị thứ năm mươi ba là Phổ Hiền Bồ Tát. Phổ Hiền dùng sức oai thần gia bị, khiến cho Thiện Tài được chứng ngang bằng với Phổ Hiền, ngang với chư Phật (đây gọi là Đẳng Giác Bồ Tát). Sau đấy, ngài Phổ Hiền dạy Thiện Tài cùng Hoa Tạng hải chúng hết thảy các đại Bồ Tát phát mười đại nguyện vương. Đem công đức của mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, mong được viên mãn Phật quả.

Lại như kinh Quán Vô Lượng Thọ, chương Hạ Phẩm Hạ Sanh: Hạ Phẩm Hạ Sanh là nếu có chúng sanh gây nghiệp bất thiện, Ngũ Nghịch, Thập Ác, đủ mọi điều bất thiện, kẻ ngu như thế đáng phải đọa vào ác đạo trải qua nhiều kiếp, chịu khổ vô cùng. Lúc mạng sắp dứt, gặp thiện tri thức dạy xưng danh hiệu Phật, đủ mười tiếng xong, diệt tội vãng sanh. Trong Long Thư Tịnh Độ Văn có kể chuyện các ông Trương Thiện Hòa, Trương Chung Quỳ v.v… đều là người như thế. Trên thì như ngài Văn Thù (Văn Thù Bồ Tát có kinh phát nguyện), Phổ Hiền, là những bậc đại Bồ Tát đã thành Phật đạo từ lâu, dưới thì như kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác là những chúng sanh sắp đọa địa ngục, đều nương sức tiếp dẫn của A Di Đà Phật, đều là căn cơ được nhiếp thọ bởi Tịnh Độ. Có thể thấy là pháp môn này lớn lao, trọn chẳng phải là thứ bỏ đi, Phật nguyện rộng sâu, coi chúng sanh đều bình đẳng. Tôi thường có câu liễn rằng:

Xả Tây Phương tiệp kính, cửu giới chúng sanh, thượng hà dĩ viên thành Phật đạo,

Ly Tịnh Độ pháp môn, thập phương chư Phật, hạ bất năng phổ lợi quần manh.

(Bỏ đường tắt Tây Phương, cửu giới chúng sanh trên dùng gì viên thành Phật đạo?

Lìa pháp môn Tịnh Độ, mười phương chư Phật dưới chẳng thể lợi khắp quần manh)

Các hạ nên phát đại dũng mãnh, đại tinh tấn gánh vác pháp này. Đem những ngôn luận hoằng dương Tịnh Độ thích hợp căn cơ của cổ nhân để đề xướng trong làng xóm, sống trong cõi trần chẳng nhiễm, tu chân

ngay trong cõi tục, mới hợp ý nghĩa đặt tên là Dung Thoát, bởi Dung Thoát là hòa quang nhưng chẳng đồng trần vậy. Ý kiến hèn tệ của tôi như vậy đó, không biết các hạ nghĩ như thế nào? Mong hãy tự suy xét!

130. Thư trả lời cư sĩ Cố Hiển Vi

[Sở dĩ] lệnh hữu[82] là ông X…. có những thứ tình kiến đối với Phật học, và trong thư trả lời các hạ viết đến mấy trăm câu, là vì đối với nhân quả, có - không, sự - lý, tánh - tướng bị lầm loạn, cho nên đối với Kim Cang, đối với Tịnh Độ đều chẳng thể nương theo lời thành thật của Phật, Tổ để sanh khởi lòng tin, lầm lạc đem chuyện trái nghịch lý để suy xét lý, muốn làm người đại trí huệ lỗi lạc, chẳng chịu ép mình theo khuôn khổ của hàng ngu phu, ngu phụ, tự cho mình bị lý chướng, nhưng thật ra là nghiệp chướng nơi tâm. Như kẻ mù nhìn mặt trời, trọn chẳng thấy được tướng ánh sáng, lại bảo người thấy được [tướng sáng ấy] là hư vọng, há chẳng đáng buồn lắm ư? Thứ tri kiến ấy chẳng dễ gì phá được. Huống chi những gì Quang nói lời lẽ vụn vặt, khó thể thấu triệt lý. Vì thế, sẽ càng làm cho người ta nghi ngờ, chỉ tổn hại, chứ không có ích gì!

Muốn chẳng tuân mạng, nhưng lại sợ bị trách móc, đành làm chuyện tắc trách, bình luận xằng bậy, mong đừng gởi thư này đến ông X… Nếu không, rất có thể khó tránh khỏi bị xé nát, giẫm đạp. Nếu là những câu văn bình luận của Quang thì đáng bị như vậy. Còn

---

[82] Lệnh hữu: Tiếng gọi tỏ vẻ trân trọng bạn người khác.

những câu trong ấy nếu không dẫn kinh văn thì cũng đề cao ý nghĩa kinh, mà chữ nghĩa lại là của quý báu nhất trong thế gian, lại bị ông ta giẫm đạp thì chẳng những ông ta tự chuốc lấy tội chẳng cạn, mà các hạ lẫn Quang cũng bị mắc tội không cạn.

Nay tôi thay mặt các hạ, trả lời: Xem kỹ thư ông gởi đến, mọi điều nghị luận có thể nói tóm gọn một lời: *"Dùng tri kiến phàm phu để suy lường xằng bậy Phật trí mà thôi!"* Vả nữa, chúng ta từ sống đến chết, trong là thân tâm, ngoài là cảnh giới, nào có biết nguyên do của vật nào đâu! Từ khi có tri thức đến nay, thấy người trước làm sao, cũng làm theo như thế thì thân thể được thành lập, mọi việc được trót lọt, thích đáng, thân tâm yên vui; từ lúc sanh ra cho đến chết, thọ dụng tự tại. Nếu đối với lời dẫn dụ của đức Như Lai, do chính mình chẳng biết cội nguồn tri kiến Phật và cội nguồn của pháp Tịnh Độ, dù Phật, Tổ nói lời thành thật cũng vẫn chẳng chịu nhân đó phát sanh lòng tin thì hãy suy tìm xem: Các hạ suốt ngày ăn cơm, suốt ngày mặc áo, nhưng cội nguồn của chuyện chống đói, ngăn lạnh có biết hay là không? Nếu bảo là biết thì người biết là ai, xin hãy chỉ ra xem! Nếu chỉ không được, mà vẫn cứ ăn cơm mặc áo, noi theo quy củ do người đời trước đã thành lập, thì sao đối với diệu pháp bậc nhất để liễu sanh thoát tử lại cứ phải đòi tìm biết cho được cội nguồn trước đã rồi mới chịu tin, trọn chẳng chịu do lời thành thật của Phật, Tổ mà sanh lòng tin vậy?

Thêm nữa, các hạ có bệnh cần phải uống thuốc thì trước tiên phải đọc hết các sách Bản Thảo[83], Mạch Quyết, hiểu biết dược tánh, nguồn gốc bệnh, rồi thì mới căn cứ trên bệnh tình để kê toa, sau đấy mới uống thuốc; hay là ngay lập tức mời thầy lang chẩn mạch, lập tức uống thuốc vậy? Nếu lập tức uống thuốc thì chuyện trị bệnh và học Phật đâm ra mâu thuẫn lẫn nhau! Dù có đọc hết Bản Thảo, Mạch Quyết, biết được dược tánh, nguồn gốc bệnh, thì vẫn mâu thuẫn với chuyện học Phật. Vì sao vậy? Bản Thảo, Mạch Quyết là tác phẩm của người đời trước; ông chưa thể đích thân thấy được họ, sao lại tin lời? Nếu bảo lời lẽ của Bản Thảo, Mạch Quyết chẳng thể không tin thì lời của Phật, Tổ, thiện tri thức vì sao đều chẳng tin, cứ muốn tự thấy rồi mới chịu tin? Theo sự thấy biết của ông, nếu luận rạch ròi thì trước hết phải thấy được thuốc sẽ chạy theo kinh[84] nào, trị bệnh gì rồi mới chịu kê toa, uống thuốc, trọn chẳng thể dựa theo những gì sách Bản Thảo, Mạch Quyết đã nói để kê toa, uống thuốc! Vì sao vậy? Vì chưa thấy! Nay chưa thấy được cội nguồn của chuyện dứt đói, chống lạnh, trị bệnh, mà vẫn cứ ăn cơm, mặc áo, uống thuốc, còn cội nguồn của Phật và Tịnh Độ do tự mình chưa đích thân thấy nên chẳng chịu tin tưởng lời thành thật của Phật, Tổ, là vì lẽ gì vậy? Một đằng vì liên quan đến tánh mạng, dẫu chẳng biết cũng chẳng dám không

---

[83] Tức Bản Thảo Cương Mục của Lý Thời Trân soạn vào đời Minh, một loại bách khoa tự điển về dược tánh của các cây cỏ, vật liệu dùng làm thuốc. Mạch Quyết là những sách dạy bắt mạch để chẩn đoán bệnh tật.

[84] Theo Đông Y, kinh lạc là đường tuần hành khí huyết đi nuôi dưỡng toàn thân, duy trì mọi hoạt động sinh lý của cơ thể, chống ngoại tà, bảo vệ cơ thể. Kinh là đường đi theo chiều dọc, Lạc là đường đi theo chiều ngang. Đông Y cho rằng cơ thể gồm 12 kinh chính, 12 biệt kinh, 15 kinh lạc, 8 mạch v.v…

làm như thế. Một đằng là tự phụ cao minh, ắt phải thấy thấu suốt rồi mới chịu tu trì pháp ấy.

Xưa nay không biết bao kẻ hào kiệt lỗi lạc, do vì tri kiến này cả một đời chẳng được lợi ích thật sự nơi Phật pháp. Ông ta nói những kẻ ngu phu, ngu phụ, thoạt đầu cũng chẳng biết nhưng có thể nương theo quy củ của tiền nhân đã lập, cắm cúi niệm Phật; do vậy, ngầm thông Phật trí, thầm hợp đạo mầu, bèn được đới nghiệp vãng sanh hay đoạn Hoặc vãng sanh, rồi sẽ ắt chứng Phật quả, huống hồ những người đã biết được nguồn cội! Nhưng những kẻ tự mệnh danh là lỗi lạc ấy, do nghi ngờ bèn phỉ báng, ắt sẽ bị từ kiếp này sang kiếp khác đọa trong ác đạo dài lâu, bị những kẻ ngu phu, ngu phụ niệm Phật vãng sanh thương xót, muốn ra tay cứu giúp cũng không thể được! Vì sao? Do vì ác nghiệp bất tín trong đời trước gây chướng ngại!

Trí của các hạ như Can Tương, Mạc Gia[85], chặt ngọc như bùn. Do chẳng khéo dùng trí ấy, khác nào dùng Can Tương, Mạc Gia chém bùn nhưng chẳng thể chém được, uổng phí gươm bén, chẳng đáng buồn ư? Phật pháp là tâm pháp, hết thảy pháp thế gian chẳng thể sánh ví được! Những ví dụ chẳng qua chỉ nhằm để con người lãnh hội ý nghĩa, há nên chấp chết cứng nơi Sự, rồi coi hai đằng giống hệt như nhau để luận bàn ư? Giơ cái quạt để ví mặt trăng, nhờ vào cây lay động để chỉ

---

[85] Tên hai thanh gươm báu thời Chiến Quốc, tương truyền do Can Tương đúc ra. Hùng kiếm gọi là Can Tương, thư kiếm là Mạc Da (hoặc Mạc Tà). Theo truyền thuyết, Can Tương nấu đồng sắt cả tháng không chảy, vợ là Mạc Da bèn tắm gội sạch sẽ, nhảy vào lò nấu sắt, sắt bèn chảy tan ra. Nhờ đó, Can Tương đúc được hai thanh kiếm báu chém sắt như chém bùn.

gió, há có nên cầu quang minh nơi cái quạt, tìm sự phe phẩy nơi cây cối, như thế có còn được gọi là trí hay chăng? Mộng cảnh là giả, nhân quả là thật, cũng chẳng ngại gì dùng mộng cảnh để sánh ví nhân quả, coi chúng giống như nhau. Vì sao? Vọng tâm là nhân, mộng cảnh là quả. Nếu không có vọng tâm, quyết chẳng có mộng cảnh. Đấy là lời bàn luận quyết định không thay đổi được! Tâm thiện - ác và sự tu trì là Nhân, được quả báo thiện - ác và quả báo tu trì là Quả. Các hạ có tin hay không? Vọng tâm làm nhân cho mộng nên được mộng cảnh. Cái tâm niệm Phật là nhân để thành Phật, gần là được vãng sanh Tây Phương, xa là rốt ráo viên thành Phật đạo. Điều này khiến ông nghi ngờ hay khởi lòng tin vậy?

Chuyện Phật rốt ráo là có hay không hãy tạm gác lại, các hạ cứ muốn cật vấn Phật là có hay không, xin hỏi [bản thân] các hạ rốt ráo là có hay không? Nếu bảo là không thì những lời lẽ dông dài đây do ai thuật nói? Nếu bảo là có, xin hãy chỉ ra người thuật nói là ai? Ngôn ngữ là do họng, lưỡi và thức tâm kết hợp mà có văn tự, cũng do thức tâm, tay, bút vận động mà hiện ra. Hai thứ này đều chẳng ra ngoài Ngũ Uẩn Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, đều chẳng phải là bản thân các hạ! Nếu lìa ngoài năm pháp này mà chỉ ra được thì tôi sẽ chấp nhận câu hỏi *"Phật rốt ráo là có hay không?"* của các hạ là câu hỏi đại trí huệ! Nếu không chỉ ra được chính mình rốt ráo là có hay không, cứ muốn biết *"Phật là có hay không?"* trước đã, thì chính là câu hỏi cuồng vọng không đáng nói, chứ không phải là câu hỏi tột cùng lý thiết thực cho chính mình vậy! Phật rốt ráo là

có, do phàm tình của ông chưa gột sạch, nên trọn chẳng thể thấy được. Chính các hạ cũng là có, do Ngũ Uẩn của ông chưa rỗng không nên cũng chẳng thể lìa Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức mà hòng chỉ ra đích xác được.

Kinh Kim Cang dạy Bồ Tát phát tâm Bồ Đề, phát tâm độ tận hết thảy chúng sanh, khiến họ đều chứng Vô Dư Niết Bàn, nhưng chẳng thấy có một chúng sanh nào được diệt độ. Chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để hành bố thí. Bố thí đứng đầu Lục Độ, Vạn Hạnh. Nêu lên bố thí thì trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ cho đến vạn hạnh đều chẳng được trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp mà tu. Chỗ này kinh văn nói đại lược, chỉ nêu bố thí để bao gồm mọi điều khác. Không trụ vào đâu để sanh cái tâm, không có tướng "ta, người, chúng sanh, thọ giả", tu hết thảy thiện pháp. Hãy nói xem: Những lời như vậy là có tướng hay không có tướng? Tướng quang minh rộng lớn như thế đầy lấp hư không mà lại bảo là không thì có khác gì kẻ mù từ lúc mới lọt lòng?

Nói *"không một chúng sanh nào đắc độ, chẳng trụ tướng, vô tướng, không trụ vào đâu"* là muốn cho con người chẳng vướng mắc vào tướng chấp trước dù phàm tình hay thánh kiến. Nói *"độ tận chúng sanh, hành bố thí, sanh tâm, tu thiện pháp"* là vì muốn cho con người xứng tánh tu tập pháp tự lợi, lợi tha, ngõ hầu cả mình lẫn người cùng được viên mãn Bồ Đề mới thôi! Chẳng nhìn thấy điều này, lầm lẫn chấp vô tướng là rốt ráo, chính là cùng một tri kiến với kẻ nhai bã hèm, há còn được gọi là người có trí huệ ư? Sanh khởi lòng tin nào khó khăn gì, trừ khử nghi hoặc há khó khăn chi, mà ông

quyết định chẳng khởi, quyết định chẳng trừ khử? Dù Phật đích thân thuyết pháp cũng không thể làm gì được, huống chi bọn tôi là phàm phu sát đất ư!

Muốn biết Phật là giả hay thật thì sao không khởi tín đoạn nghi đối với những lý lẽ đã luận, đối với những sự việc đã chép trong Tịnh Độ Văn, Tây Quy Trực Chỉ[86]? Có nên cho những ngôn luận, sự tích ấy đều là bịa đặt, đồn thổi, chẳng đáng lọt vào mắt ư? Nếu thấy như vậy thì linh hồn quyết định chẳng đọa vào năm đường kia, chỉ đọa trong A Tỳ địa ngục đến tột cùng đời vị lai, sẽ hưởng mãi vạc sôi, lò than, rừng gươm, núi đao do tâm biến hiện ra, [coi những cảnh đó] giống như cảnh vui đủ mọi thứ thọ dụng vậy, không gì sánh ví được!

Cứ muốn biết Phật là giả hay thật, [cho] những gì Tịnh Độ Văn và Tây Quy Trực Chỉ đã nói đều chẳng phải thật, chỉ có điều gì mình đích thân thấy được, chứng được mới là thật thì nay tôi đem một sự hỏi ông, ông phải thẳng thắn đáp lời, chẳng được hàm hồ trả lời qua loa. Ông Vương Thiết San ở Bắc Thông Châu vào triều Thanh trước kia từng làm Phiên Đài ở Quảng Tây. Khi ấy, Quảng Tây rất nhiều thổ phỉ. Lúc ông Vương coi việc binh ở tỉnh ấy, liền lập kế tiễu trừ phỉ đảng, giết hại rất nhiều. Bốn năm trước, ông mắc bệnh rất nặng, vừa chợp mắt bèn thấy mình ở trong nhà tối. Cái nhà ấy rất to lại rất tối, quỷ vô số đều ùa tới bức bách, ông bèn hoảng kinh, thức dậy. Một lúc sau chợp mắt lại thấy

---

[86] Tịnh Độ Văn chính là Long Thư Tịnh Độ Văn, tác phẩm của ông Vương Nhật Hưu. Tây Quy Trực Chỉ là sách của ông Châu Mộng Nhan, được in trong bộ An Sĩ Toàn Thư.

cảnh như thế, lại kinh hãi tỉnh giấc. Suốt ba ngày đêm chẳng dám nhắm mắt, người đã thở thoi thóp. Nhân đó, vợ ông ta khuyên dụ: *"Ông như vậy làm sao khá được? Ông niệm nam mô A Di Đà Phật đi! Niệm Phật sẽ khỏe ngay!"* Thiết San vừa nghe lời ấy bèn cố sức niệm, được một chốc bèn thiếp đi, ngủ được đẫy giấc, không còn thấy cảnh tượng gì nữa, bệnh cũng dần dần được lành. Do đó, ông ta ăn chay trường, niệm Phật. Năm trước, Thiết San và Trần Tích Châu có lên núi [Phổ Đà] đích thân kể chuyện này với Quang.

Nếu các hạ lâm vào cảnh ấy, có cần phải biết "Phật là thật hay giả" trước đã rồi mới chịu niệm, hay là vừa nghe bèn niệm liền? Nếu lúc ấy chẳng rảnh để xét xem "Phật là giả hay thật" rồi mới niệm thì nay sao lại xét ngôn luận sự tích của tiền nhân dạy người là giả hay thật, nhất loạt coi đó là vọng? Chỉ cầu lấy điều không chánh yếu, vin vào cái tâm cảnh lờ mờ mê man này để rồi phải khóc lóc ư? Phú quý còn có thể coi như chiếc giày rách, sao chẳng thể coi chấp trước này cũng giống như chiếc giày rách, bỏ cho hết sạch đi? Ông tưởng thứ tri kiến ấy là cửa ngõ để nhập đạo ư? Không biết nó chính là đường để đọa vào A Tỳ địa ngục đấy! Dùng mộng ví với Phật, vọng tâm là nhân, mộng cảnh là quả. Ví niệm Phật là nhân, vãng sanh thấy Phật là quả, há có nên lấy sáu thí dụ[87] trong kinh Kim Cang để làm chứng?

Phàm ngôn ngữ, văn tự thế gian tuy mỗi chữ là một sự, nhưng chẳng ngại gì cùng nêu lên cái cao quý lẫn

---

[87] Tức là lộ, điển, mộng, huyễn, bào, ảnh (sương đọng, ánh chớp, mộng, huyễn, bọt nước, hình bóng).

cái hèn kém, cùng chỉ cả sự tốt lẫn điều xấu. Như một chữ Tử, dùng để chỉ riêng mình Phu Tử (tức Khổng Tử) cũng được, mà dùng để chỉ một kẻ bình thường cũng được, mà dùng để chỉ con cái cũng được. Cần phải dựa vào văn cảnh để hiểu nghĩa, trọn chẳng thể giải thích Phu Tử cũng có nghĩa là con cái. Cõi Phật là mộng cảnh đợi khi nào các hạ thành Phật hãy nói. Bây giờ mà nói như vậy thì chỉ tổn hại chứ không ích lợi gì! Sự - lý, tánh - tướng, có - không, nhân - quả hỗn độn chẳng phân; chỉ nên học theo ngu phu, ngu phụ, cắm cúi niệm Phật, chí cung, chí kính, chỉ nên thành khẩn, lâu ngày chầy tháng, nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận, phước cao. Cái tâm nghi ấy triệt để rớt mất thì Phật có hay là không, chính mình có hay là không, đường nẻo vào cửa Phật, căn cứ đích xác nơi bờ kia, cần gì phải hỏi ai khác nữa! Nếu chẳng chuyên tâm dốc chí niệm Phật, chỉ hiểu đôi phần từ miệng người khác bàn bạc thì cũng giống như xem kinh Kim Cang nhưng chẳng biết Thật Tướng. Xem Tịnh Độ Văn, Tây Quy Trực Chỉ chẳng sanh tín tâm là do nghiệp chướng trong tâm nên chẳng thể lãnh hội. Như kẻ mù nhìn mặt trời, cố nhiên mặt trời ở trên không, thấy được [mặt trời] là nhờ có mắt. Kẻ không thấy quang minh và lúc chưa thấy không khác gì nhau. Nếu mắt được sáng lại, vừa nhìn liền thấy tướng quang minh. Một pháp Niệm Phật chính là pháp thiết yếu nhất để mắt được sáng lại. Muốn thấy tướng quang minh hãy nên dốc cạn lòng thành nơi pháp này, ắt sẽ có lúc được thỏa nguyện điều mình ấp ủ.

Muốn đích thân thấy được Chân Ngã, mà chẳng phải là bậc đại triệt đại ngộ thì sẽ không thể nào thấy

được! Muốn chứng nhưng nếu chẳng đoạn Hoặc chứng Chân sẽ không thể nào được. Muốn viên chứng mà Tam Hoặc[88] chẳng đoạn sạch, nhị tử[89] không vĩnh viễn mất thì sẽ không thể nào đạt được. Nếu luận về nơi chốn thì các hạ sẽ luân hồi bao kiếp dài lâu, cũng như những lời cật vấn trái lý hiện thời đều là nhờ vào sức của Chân Ngã để thực hiện; do trái nghịch giác, xuôi theo trần lao nên chẳng thể chân thật thọ dụng. Ví như cái đầu của chàng Diễn Nhã, châu nơi vạt áo[90], từ đầu đến cuối chưa hề mất, lầm sanh sợ hãi, lầm chịu nghèo cùng. Người niệm Phật lâm chung được Phật tiếp dẫn, chính là chúng sanh và Phật cảm ứng đạo giao. Tuy chẳng lìa tưởng tâm, nhưng cũng chẳng được nói đó chỉ là tâm tưởng biến hiện, trọn chẳng có chuyện Phật - thánh nghênh tiếp! Tâm tạo địa ngục thì lúc lâm chung tướng địa ngục sẽ hiện. Tâm tạo cõi Phật thì lúc lâm chung tướng cõi Phật sẽ hiện!

Nói *"tướng tùy tâm hiện"* thì được, còn bảo *"chỉ có tâm không cảnh"* thì chẳng thể được. *"Chỉ có tâm không cảnh"* thì phải là bậc Đại Giác Thế Tôn đã viên chứng duy tâm nói ra thì mới không mắc lỗi gì. Nếu các hạ nói sẽ đọa vào đoạn diệt tri kiến thì sẽ là tà thuyết phá hoại pháp môn tu chứng của Như Lai. Chẳng thể không thận trọng. Nếu mỗi điều đều nói cặn kẽ sẽ quá

---

[88] Tam Hoặc: Kiến Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc.

[89] Nhị tử: Phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử.

[90] Chàng Diễn Nhã trong kinh Lăng Nghiêm soi gương thấy đầu mình đâm ra hoảng sợ phát cuồng. Còn châu trong vạt áo là ví dụ trong kinh Pháp Hoa (phẩm thứ 8). Ví dụ này do năm trăm vị La Hán đã nói sau khi được Phật thọ ký: Gã nghèo đến chơi nhà bạn, ngủ say, bạn buộc châu vô giá vào trong áo để giúp cho khỏi bị đói nghèo, nhưng gã không biết, thân mang vật quý vô giá, nhưng vẫn phải làm thuê làm mướn vất vả kiếm sống.

tốn bút mực, biết một điều sẽ suy được ba điều kia chẳng còn sót nghĩa nào!

131. Thư trả lời cư sĩ Tạ Thành Minh ở Tứ Xuyên

Vừa nhận được thư, biết Nho - Phật tâm pháp nơi quý địa do một vai ông gánh vác, mừng rỡ, vui sướng không chi bằng. Chuyện ông khen ngợi Bất Huệ gần như rớt vào kiểu cách khách sáo thế tục, khoe mắt cá quý hơn bảo châu, đúng là coi tấc gỗ trội hơn lầu cao khiến người thẹn thùng không chỗ lánh. Quang chỉ là một ông Tăng tầm thường, không có pháp gì để tự dùng, thường ăn xin nơi cửa bậc trưởng giả đại phú, thấy những cơm thừa canh cặn bị vứt bỏ bèn nhặt lấy để tự nuôi thân. Ai không hiềm hôi chua thì cũng đem những thứ ấy trao lại. Từ Úy Như nghĩ những thứ ấy có ích cho người đói nên nhiều lần lưu truyền; tuy ý nghĩa có thể chấp nhận được, nhưng văn từ chẳng đáng xem, chẳng ngờ rốt cuộc làm bẩn mắt xanh của các hạ, cảm thấy hổ thẹn khôn xiết!

Bộ Văn Sao hèn tệ được in hai lần là vì mùa Hè, Úy Như về cưu tang mẹ, rời Bắc Kinh, nhờ người bạn giảo chánh, đối chiếu. Do người hiểu biết ấy không chú tâm, nên đến nỗi sai ngoa mấy mươi chỗ. Mùa Xuân năm ngoái, Úy Như lại yêu cầu Thượng Hải Thương Vụ Ấn Thư Quán in soạn riêng và giữ lại bản lưu (lần này giảo chánh, đối chiếu khá kỹ càng), đến tháng Giêng mùa Xuân năm nay in xong. In được hai ngàn bộ, chưa hết tháng Giêng đã bán sạch. Nhà in bận bịu nên chưa rảnh để in lần nữa. Về sau, do những người muốn thỉnh sách nhiều

lần thôi thúc, nhà in bèn thừa dịp rảnh rỗi in trước một ngàn cuốn để cung ứng. Đợi sau này rảnh rỗi sẽ in nhiều hơn, nay kính dâng lên ông hai bộ, mong ông hãy xét duyệt. So với hai lần in ở Bắc Kinh, bản in lần này nhiều hơn ba mươi thiên. Trong bộ sách này, những ý chỉ *"chánh tâm thành ý, dốc lòng thành, cạn lòng kính"* cũng được phát huy đại lược hòng đối trị thói hướng ngoại mong cầu cũng như cái bệnh phóng túng không kiêng dè của người hiện thời, cũng có ích đôi chút cho người sơ học. Nếu bậc thông Tông, thông Giáo trông thấy không khỏi phát ói. Nhưng nếu quả thật họ ói sạch những thứ thức ăn nặng nề chẳng tiêu của Tông, của Giáo, thì những thứ cơm thừa canh cặn này cũng có thể bồi bổ nguyên khí, đợi khi nào sức lực sung túc sẽ lại dùng tiệc vua thì mới được lợi ích thật sự.

Ở Tứ Xuyên, nếu có những người chẳng hiềm hôi chua thì hãy nên thay cho chi nhánh Thương Vụ Ấn Thư Quán đại diện phát hành ở đó cũng được. Các pháp môn Luật, Giáo, Thiền, Tịnh, pháp nào hợp căn cơ ư? Hãy nên lắng lòng đọc kỹ Tịnh Độ Quyết Nghi Luận[91] sẽ tự biết đại khái; nay tôi chẳng viết kỹ. Còn như bảo dùng Phật pháp hỗ trợ đạo Nho, cùng hành hai pháp ngõ hầu hết thảy mọi người đối với pháp thế gian là chân Nho, đối với pháp xuất thế là chân Thích. Nếu là bậc đại thông gia thì Thiền Tịnh song tu, nhưng phải lấy Tịnh Độ làm chánh. Nếu là hạng người bình thường, cũng bất tất phải nghiên cứu rộng rãi các kinh luận sâu

---

[91] Tịnh Độ Quyết Nghi Luận là một bài viết về Tịnh Độ của tổ Ấn Quang, được in trong quyển thứ hai của bộ Ấn Quang Văn Sao này. Tổ mượn lời Mộ Liên pháp sư ở núi Hồng Loa bàn định về giới hạn giữa Thiền và Tịnh.

xa, uyên áo, chỉ nên đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương là được rồi! Những người này chẳng bỏ nghiệp tại gia nhưng kiêm tu pháp xuất thế. Tuy dường như là bình thường không kỳ lạ gì, nhưng lợi ích chẳng thể nghĩ bàn! Ấy là vì ngu phu, ngu phụ cắm cúi niệm Phật liền sẽ ngầm thông Phật trí, thầm hợp đạo mầu, so với những bậc đại thông gia dò đoán, suy lường, suốt ngày thần thức miệt mài trong vòng phân biệt, thì lợi ích càng nhiều hơn. Vì thế, ngu phu, ngu phụ niệm Phật dễ được lợi ích. Bậc đại thông gia nếu có thể buông xuống toàn thân, cũng dễ được lợi ích. Nếu chỉ suy lường nghĩa lý sẽ chẳng được lợi ích, trái lại còn thành bệnh, và có kẻ còn chưa được nói đã được, nhập vào bọn cuồng nữa kia!

Một pháp tham Thiền chẳng phải là pháp con người hiện thời nên học. Dù có học cũng chỉ thành tri kiến văn tự, quyết chẳng thể nhanh chóng sáng tỏ tự tâm, đích thân thấy tự tánh. Vì sao vậy? Một là không có thiện tri thức đề trì[92], quyết trạch[93] cho, hai là kẻ học chẳng biết căn cội của Thiền. Tuy gọi là tham Thiền, nhưng thật ra là hiểu lầm. Trong những bài Tông Giáo Bất Nghi Hỗn Lạm Luận (Luận về sự chẳng nên lẫn lộn giữa Tông và Giáo) và Tịnh Độ Quyết Nghi Luận, Quang đã chỉ bày

---

[92] Đề trì: phương pháp của vị thầy trong nhà Thiền dùng để hướng dẫn học trò, tức là nhằm tiếp độ hàng hậu học, thầy bèn dùng những cử chỉ, hành vi, lời nói để phá sạch những kiến giải, Ngã Kiến sẵn có của trò, chỉ cho đường nẻo hướng thượng.

[93] Quyết trạch (nairvedhika): Nói đầy đủ là "quyết đoán giản trạch", tức là dùng Vô Lậu Thánh Trí để đoạn trừ dứt khoát (quyết đoán) các mối nghi, phân biệt chọn lựa (giản trạch) những gì phù hợp với Tứ Đế.

đại khái. Con người hiện thời bất luận thượng, trung, hạ căn đều phải chuyên chú tận lực giữ vẹn luân thường, đề cao lòng kính, giữ lòng thành, tin sâu nhân quả, rộng hành các điều thiện, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Một pháp nhân quả chính là lò luyện lớn lao để nung phàm luyện thánh của thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian. Nếu thoạt đầu chẳng xét thấu nhân quả thì sau khi thông Tông, thông Giáo, vẫn còn có chuyện hiểu lầm nhân quả. Hễ hiểu lầm nhân quả thì đọa lạc ắt có phần, không do đâu siêu thăng được! Đừng cho lý này là thiển cận rồi coi thường. Như Lai thành Chánh Giác, chúng sanh đọa tam đồ đều chẳng ra ngoài nhân quả.

Nhưng phàm phu tâm lượng nhỏ nhoi rất có thể sẽ chẳng lãnh hội được những chuyện đại nhân quả nói trong kinh, nên lấy chuyện nhân quả thế gian làm phương tiện để nhập vào sự thù thắng; như Văn Xương Âm Chất Văn, Thái Thượng Cảm Ứng Thiên v.v… (ở Trung Hoa Thư Cục có Cảm Ứng Thiên Vựng Biên là tác phẩm chú giải bậc nhất về Cảm Ứng Thiên từ xưa đến nay, văn và lý đều hay, có hai bản), hãy đọc nhuần, nghĩ kỹ rồi hành theo thì ai nấy đều có thể thành lương dân, ai nấy đều được liễu sanh thoát tử. Năm ngoái, Quang từng khắc An Sĩ Toàn Thư (trong Văn Sao có hai bài tựa, có thể biết được đại khái), tồn bản ở Dương Châu, các chỗ phát hành kinh đều có lưu thông, quả thật là một bộ sách quan trọng khiến cho đời yên dân lành vậy.

Niệm Phật chú trọng tại vãng sanh, niệm đến cùng cực cũng có thể minh tâm kiến tánh, chứ không phải Niệm Phật hoàn toàn chẳng ích gì cho đời hiện tại. Xưa

kia, Minh Giáo Tung thiền sư[94] công khóa mỗi ngày niệm mười vạn thánh hiệu Quán Âm; về sau, đối với mọi kinh sách thế gian không cần đọc đều biết. Nên xem Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục mới biết được sự hay khéo của việc niệm Phật, trong bộ Văn Sao dở tệ của Quang từng nhắc đến nhiều lần. Cư sĩ bảo [niệm Phật] là vô ích cho đời hiện tại tức là không những ông chưa thấu hiểu sâu xa các kinh luận Tịnh tông mà đối với bộ Văn Sao của Quang cũng chỉ cưỡi ngựa xem đèn, chưa bỏ công đọc kỹ.

Luật không phải chỉ là những sự việc thuộc về mặt thô mà thôi; nếu chẳng chú trọng lòng kính, giữ lòng thành thì cũng là phạm luật, nhưng nhân quả là cốt lõi của Luật. Nếu ai không biết nhân quả và lầm lẫn nhân quả thì đều là phạm Luật. Người niệm Phật khởi tâm động niệm thường hợp với Phật thì Luật, Giáo, Thiền, Tịnh cùng hành cả. Phải biết: Hết thảy các pháp môn đức Như Lai đã dạy đều phải đoạn Hoặc chứng Chân mới hòng liễu sanh tử, trọn chẳng có chuyện Hoặc nghiệp chưa đoạn mà được liễu thoát.

Riêng trong pháp môn Niệm Phật, người đoạn Hoặc vãng sanh sẽ mau chứng Pháp Thân; người còn đủ Hoặc nghiệp vãng sanh cũng đã siêu lên địa vị thánh. Một đằng cậy vào Tự Lực, một đằng là nương theo Phật Lực, lại kiêm Tự Lực. Hai đằng khó - dễ, khác nào trời

---

[94] Tức ngài Khiết Tung đời Tống. Sư là người Đàm Tân, Đằng Châu (nay là huyện Đằng, tỉnh Quảng Tây), thông suốt các nội ngoại điển tịch, có tài trước thuật. Năm Gia Hựu thứ 7 (1062) đời Tống Nhân Tông, Sư soạn bộ Truyền Pháp Chánh Tông Ký. Phụ Giáo Thiên v.v… được nhập tạng, nên được vua ban hiệu là Minh Giáo Đại Sư.

với vực. Thường có kẻ thông minh xem tràn lan sách Thiền, biết được mùi vị ấy bèn muốn lấy Thiền làm tánh mạng, muốn làm bậc cao nhân thông suốt. Đấy đều là hạng chẳng biết căn cội của Thiền và Tịnh, lầm lạc tự cho mình là cao quý. Tri kiến như thế trọn chẳng thể nương theo! Nếu nương theo tri kiến ấy, sợ rằng dù trải qua số kiếp nhiều như bụi trần vẫn không có hy vọng gì được liễu sanh thoát tử! Mong hãy xem kỹ bộ Văn Sao của Quang ắt sẽ biết.

132. Thư gởi cư sĩ Ngô Bích Hoa

Tâm tánh của bọn ta giống hệt như Phật, chỉ do mê trái nên luân hồi chẳng ngơi. Như Lai thương xót, tùy cơ thuyết pháp, khiến cho khắp mọi hàm thức theo đường trở về nhà. Pháp môn tuy nhiều, nhưng trọng yếu chỉ có hai, tức là Thiền và Tịnh liễu thoát dễ nhất. Thiền chỉ có Tự Lực, Tịnh kiêm Phật Lực. So sánh hai pháp, thì Tịnh khế cơ nhất. Như người vượt biển, nhờ vào thuyền bè, mau đến được bờ kia, thân tâm thản nhiên. Chúng sanh đời Mạt chỉ kham hành được pháp này. Nếu không thì là trái cơ, nhọc nhằn nhưng khó thành! Phát đại Bồ Đề, sanh chân tín nguyện, suốt đời giữ vững, chỉ nghĩ đến Phật, niệm đến cùng cực, tình kiến mất sạch, tuy niệm mà vô niệm, diệu nghĩa Thiền Giáo triệt để hiển hiện, đợi đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn, thẳng lên Thượng Phẩm, chứng Vô Sanh Nhẫn. Có một bí quyết tha thiết bảo ban: *"Cạn lòng thành, tận lòng kính",* mầu nhiệm làm sao!

133. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ nhất)

Nói *"ngoài việc trường trai niệm Phật ra, nên giữ quy luật",* chính là tận sức hiếu [với cha mẹ], hòa thuận [cùng anh em], chuyên chú trọn hết luân thường, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, chẳng để lòng động niệm nơi tà vạy, hư ngụy, hễ làm việc cho người bèn trọn hết chức trách, gặp kẻ hữu duyên bèn khuyên lơn khiến cho nhập đạo. Những hành tướng ấy chẳng cần phải nêu ra hết, chỉ khuyên ông nên đọc Ấn Quang Văn Sao và An Sĩ Toàn Thư sẽ tự biết. Phải biết: Làm đệ tử Phật, phàm những hành vi đều phải vượt trỗi những hành vi thế tục, thì chính mình mới hưởng lợi ích thật sự, khiến cho người ta trông vào thấy là lành. Nếu miệng nói tu hành, tâm ôm ấp những điều bất thiện, đối với cha mẹ, anh em và hết thảy mọi người trên cõi đời chưa thể trọn hết bổn phận thì người như thế gọi là thiện nhân giả dối; nhân địa đã hư ngụy, làm sao đạt lợi ích thật sự cho được! Cái học của thánh hiền đều khởi đầu từ cách vật trí tri, thành ý chánh tâm, huống chi muốn liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ư? Về *"cách vật trí tri"* nên xem bài tựa bản in lại cuốn chú giải Tứ Thư của ngài Ngẫu Ích và bài tựa sách Liễu Phàm Tứ Huấn của ông Viên Liễu Phàm [95].

Xưa kia, ông Bạch Cư Dị hỏi Ô Khoa thiền sư: *"Thế nào là đại ý của Phật pháp?"* Ngài Ô Khoa đáp: *"Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện".* Ông Bạch nói: *"Hai câu ấy đứa trẻ lên ba cũng nói như thế được!"* Ngài Ô Khoa nói: *"Tuy đứa trẻ lên ba nói được,*

---

[95] *Bài số 14 và 13 trong Văn Sao, Quyển 3*

ông lão tám mươi làm không được!" Phải biết lời này chính là lời nói tổng quan thiết yếu cho hết thảy những ai học Phật pháp. Các điều ác, những điều thiện đều là từ tâm địa mà luận, chứ không chuyên chỉ về sự thực hành nơi mặt sự tướng mà thôi. Trong tâm địa trọn chẳng khởi ác thì toàn thể là thiện, niệm Phật như thế hơn công đức của người bình thường niệm Phật trăm ngàn vạn ức lần. Muốn được tâm địa "chỉ thiện không ác" thì trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, phải chú trọng lòng kính, giữ lòng thành như đối diện Phật, trời, mới hòng đạt được! Nếu tâm vừa phóng túng thì các ý niệm không đúng pháp sẽ theo nhau khởi lên.

134. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ hai)

Trong phần giải quyết mối nghi về Quyền, Thật, Tiệm, Đốn của sách Tây Phương Lộ (con đường Tây Phương), trước hết phải giảng rõ bốn chữ Quyền, Thật, Tiệm, Đốn; rồi mới luận đến niệm Phật, tham Thiền là Quyền, hay Thật, là Tiệm hay Đốn thì mới trọn chẳng bị nghi ngờ nghĩa lý! "Quyền" có nghĩa là Như Lai thuận theo căn cơ của chúng sanh, bày ra phương tiện khéo léo. "Thật" có nghĩa là Phật án theo những nghĩa chính tâm Ngài đã chứng mà nói. "Đốn" là chẳng cần theo thứ tự, thẳng tắt, mau chóng, hễ vượt khỏi liền chứng nhập ngay. "Tiệm" nghĩa là dần dần tu cao lên, chứng nhập theo thứ tự, cần phải tốn nhiều đời nhiều kiếp mới có thể đích thân chứng được Thật Tướng.

Những kẻ tham Thiền nói pháp Tham Thiền chính là pháp *"chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật; do vậy, Thiền là Thật, là Đốn"*; nhưng chẳng biết Tham Thiền dù có đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh mới chỉ là thấy được vị Phật Lý Tánh sẵn có trong tự tâm. Nếu là căn tánh đại Bồ Tát thì hễ ngộ bèn chứng, tự có thể vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, vượt thoát khỏi tam giới. Từ đấy, thượng cầu, hạ hóa, dùng đó làm nền tảng để trang nghiêm cả phước lẫn huệ. Loại căn tánh này nếu luận trong số những người đại triệt đại ngộ thì cũng phải cả trăm ngàn người mới có được một hai! Nếu căn khí kém hơn, dù có thể diệu ngộ, nhưng Kiến Tư phiền não chưa thể đoạn trừ thì vẫn ở trong tam giới chịu sống, chịu chết. Đã bị sống - chết thì từ ngộ thành mê sẽ nhiều, từ ngộ vào ngộ hiếm lắm!

Do vậy, tuy pháp này là Thật, là Đốn, nhưng nếu không đúng người cũng sẽ chẳng được hưởng lợi ích thật sự nơi Thật, nơi Đốn, vẫn trở thành pháp Quyền Tiệm mà thôi! Vì cớ sao? Do cậy vào tự lực! Nếu tự lực mười phần đầy đủ thì còn may mắn nào hơn! Hễ kém khuyết một chút sẽ chỉ ngộ được Lý Tánh, chẳng thể đích thân chứng được Lý Tánh. Ngày nay, kẻ đại triệt đại ngộ còn khó kiếm được, huống gì người chứng được điều họ đã ngộ!

Một pháp niệm Phật thông trên thấu dưới, vừa là Quyền vừa là Thật, vừa Tiệm vừa Đốn, chẳng thể phê phán bằng giáo lý thông thường. Trên đến Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến chủng tánh A Tỳ đều nên tu tập (Đây gọi là "thông trên thấu dưới" vậy!) Như Lai vì chúng sanh thuyết pháp, chỉ muốn cho hết thảy chúng sanh liễu

sanh thoát tử. Các pháp môn khác bậc thượng căn có thể giải quyết ngay trong một đời này, kẻ hạ căn bao kiếp vẫn khó thành được! Chỉ có mình pháp này, bất luận căn tánh nào, đều vãng sanh Tây Phương, liễu được sanh tử ngay trong đời này. Thẳng chóng như thế đó, há gọi là Tiệm được ư?

Tuy có căn cơ nhưng chẳng phải là loại căn cơ như trong những pháp viên đốn thông thường nên có vẻ giống như Tiệm. Nhưng oai lực của pháp môn này nằm ở chỗ thệ nguyện của Như Lai khiến cho những căn tánh hèn kém mau được đại lợi ích. Lợi ích ấy hoàn toàn do cậy vào Phật từ lực. Phàm những kẻ giảng Thiền, nếu chưa nghiên cứu Tịnh Tông, không ai chẳng miệt thị Tịnh Độ là thiển cận. Nếu nghiên cứu Tịnh Tông sâu xa, ắt sẽ tận tâm kiệt lực hoằng dương, há còn chấp trước vào những biện luận sai lầm Quyền, Thật, Tiệm, Đốn để tự lầm, lầm người nữa ư?

Niệm Phật phải khéo phát tâm, tâm là chủ của sự tu trì. Nếu hợp với Tứ Hoằng Thệ Nguyện thì niệm một câu Phật hiệu, làm một chuyện lành, công đức vô lượng, vô biên. Huống chi ba nghiệp thân - khẩu - ý luôn chú trọng lấy niệm Phật để lợi sanh! Nếu tâm chỉ cầu tự lợi, chẳng muốn lợi người, tuy làm nhiều việc, nhưng đạt được công đức rất ít; huống chi lại đèo thêm ý niệm khuynh loát người, hại người, cũng như cái tâm khoác lác, tự kiêu thì cái tâm niệm Phật, điều thiện đã làm ấy cũng chẳng phải hoàn toàn là không có công đức gì, nhưng thật ra trong trăm ngàn vạn ức phần chỉ đạt được một phần, hay nửa phần, nhưng cái lỗi ác niệm cũng

chẳng nhỏ nhoi đâu! Vì vậy, người tu hành đều phải khéo phát tâm, chứ không riêng gì người niệm Phật!

Nếu ước theo Thật Nghĩa rốt ráo để nạn ("nạn" nghĩa là cật vấn) chuyện "lấy - bỏ" thì tức là chẳng biết "rốt ráo không lấy không bỏ" chính là chuyện sau khi đã thành Phật. Nếu chưa thành Phật thì trong khi ấy, đoạn Hoặc chứng Chân đều thuộc về lấy - bỏ. Đã chấp nhận đoạn Hoặc chứng Chân là lấy - bỏ thì sao không chấp nhận chuyện lấy - bỏ trong việc bỏ Đông, lấy Tây, lìa cấu lấy tịnh? Nếu trong pháp Tham Thiền, lấy - bỏ đều sai, thì trong pháp Niệm Phật lấy - bỏ lại đều là đúng. Bởi một đằng chuyên suy xét Tự Tâm, một đằng kiêm nhờ Phật lực. Những người chẳng xét đến duyên do của pháp môn, lầm lẫn dùng pháp Tham Thiền để phá pháp Niệm Phật, tức là dùng sai ý nghĩa.

Chuyện không lấy - bỏ vốn là Đề Hồ, nhưng người muốn niệm Phật cũng chẳng lấy - bỏ thì lại thành độc dược! Mùa Hạ mặc áo mỏng, mùa Đông mặc áo cừu, khát uống, đói ăn, chẳng thể trái nghịch mà cũng chẳng thể cố chấp, chỉ chọn lấy những gì thích nghi sẽ có lợi ích không gì tệ hại! Chỉ mong ông dốc sức trọn hết luân thường, chuyên chí niệm Phật. Nếu còn sức thì đối với cha mẹ, anh em, vợ con, bằng hữu v.v… tùy phần tùy sức khuyên dạy, ngõ hầu họ đều cùng được lợi ích nơi Niệm Phật để khỏi uổng dịp gặp gỡ trong kiếp sống này!

135. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ ba)

Phó Đại Sĩ Ngữ Lục[96] sai ngoa không biết bao nhiêu mà kể, lại thêm những bài kệ tụng trong ấy đa phần đề

---

[96] Tác phẩm gồm bốn quyển, do ngài Lâu Dĩnh triều Đường biên tập kể về hành trạng của Phó Hấp (497-569). Bộ sách này còn có tên là Thiện Huệ Đại Sĩ Ngữ Lục, hoặc Thiện Huệ Đại Sĩ Lục, được xếp vào tập 120 của Vạn Tự Tục Tạng Kinh. Nội dung gồm những pháp ngữ, hành trạng và thi ca do Phó Hấp sáng tác, cũng như những lời vấn đáp về đạo giữa người tham học và Phó Hấp. Nguyên tác phẩm này gồm tám quyển, đến đời năm Thiệu Hưng 13 (1143) đời Tống, Lâu Chiểu san định, lược bỏ những chỗ rườm rà, sai sót, thâu gọn thành bốn quyển. Phó Hấp (497-569) là một vị tôn túc trong Thiền Tông đời Lương Nam Triều, người huyện Đông Dương (nay thuộc Nghĩa Ô, tỉnh Chiết Giang), tự là Huyền Phong, hiệu là Thiện Huệ. Còn được gọi là Thiện Huệ đại sĩ, Ngư Hành đại sĩ, Phó đại sĩ, Đông Dương đại sĩ v.v… Cùng với ngài Bảo Chí, được đời xưng tụng là "hai vị đại sĩ đời Lương" (Lương đại nhị đại sĩ). Ngài thường cùng người bắt cá, mỗi khi bắt cá bèn bỏ vào giỏ tre, nhúng xuống chỗ nước sâu, bảo: *"Muốn đi thì đi, muốn ở thì ở"*. Người khi ấy cho Ngài là kẻ ngu. Năm mười sáu tuổi, lấy bà Lưu Diệu Quang, sanh được hai con là Phổ Kiến, Phổ Thành. Năm hai mươi bốn tuổi, đang bắt cá bên sông, chợt gặp Hồ Tăng Tung đầu đà (tức tổ Đạt Ma) bèn vứt bỏ đồ bắt cá, vào dựng am ở Tùng Sơn thuộc huyện Ô Thương, tự xưng là Song Lâm Thụ Hạ Đương Lai Giải Thoát Thiện Huệ Đại Sĩ, tự cho biết mình từ trời Đâu Suất xuống giảng kinh thuyết pháp. Ban ngày làm lụng, ban đêm kinh hành, khổ hạnh bảy năm, tự bảo đã đắc Thủ Lăng Nghiêm Định, người theo về học đông dần. Năm Đại Thông thứ sáu (534), đời Lương Võ Đế, ông sai đệ tử dâng lên vua ba thiên sách. Tháng 12 nhuận năm ấy, vua truyền nhập cung, giảng kinh tại Trùng Vân Điện, vua đích thân đến nghe. Mọi người thấy vua đến đều đứng lên, riêng Ngài ngồi im bất động. Quần thần bắt bẻ, Ngài đáp: *"Pháp địa nếu động, hết thảy bất an"*. Tháng Tư năm Đại Đồng nguyên niên (535) lại trở về Tung Sơn. Năm Đại Đồng thứ năm, lại vào Thọ Quang Điện giảng Chân Đế cho vua nghe, dâng bài kệ. Năm Đại Đồng thứ sáu, ngài dựng điện Phật tại Tùng Sơn, xây tháp gạch chín tầng, chép kinh luật hơn ngàn quyển. Năm Đại Đồng thứ bảy, tự xưng là một trong ngàn vị Phật ở Hiền Kiếp. Năm Thái Thanh thứ hai (549) muốn thiêu thân cúng dường Tam Bảo, đệ tử van nài, có đến 19 người xin thiêu thân thế thầy, Ngài bèn thôi. Đồ chúng tại gia của Phó Hấp rất đông, Ngài thường hay suất lãnh đồ chúng thiêu ngón tay đốt cánh tay cúng dường Phật, tổ chức pháp hội tụng Pháp Hoa hai mươi mốt lần, nhiều lần tổ chức Vô Giá Hội. Ngoài ra, Ngài còn có chỗ phát huy độc đáo về giáo thuyết Nhất Tâm Tam Quán của tông Thiên Thai, đề xướng thuyết Tam Quán Nhất Tâm Tứ Vận. Tháng Tư năm Thái Kiến nguyên niên (569) đời Trần, dặn dò đệ tử xong, Ngài ngồi kiết già tịch diệt. Đệ tử làm lễ trà-tỳ trên đảnh núi Song Lâm, đặt hiệu cho thầy là Di Lặc Hạ Sanh. Những trước tác

xướng Thiền Tông, sợ ông không đủ học thức, nếu không nghi Đại Sĩ nói sai cũng sẽ dựa theo ý kiến của chính mình hiểu lầm ý Ngài thì tội lỗi vô lượng. Hãy nên đưa cho bậc thông gia coi, còn ông ngàn vạn lần chớ nên xem! Nếu muốn coi thì đợi đến năm sau, Hưng Từ pháp sư khắc ván in lần thứ hai xong, mới lại thỉnh về coi. Thoạt đầu, Hưng Từ pháp sư được bản này bèn giám định, khắc bản; năm ngoái gởi cho Quang một bộ. Quang lắng lòng giảo chánh, khuyên thầy ấy khắc bản khác. Thầy ấy định năm sau mới in, bản này đáng nên đọc kỹ nhiều lần.

Sách Hộ Pháp Lục[97] rất hay, nhưng không chuyên chú Tịnh Độ, những chỗ sách ấy bàn về Thiền chớ nên hiểu sai, nhưng đọc đến lời hay hạnh đẹp của bậc cao Tăng sẽ trưởng dưỡng thiện căn. Đối với Vãng Sanh Luận Chú[98] nên chiếu theo những gì Quang đã chỉ bày, có chiếu theo được hay chưa? Cuốn sách này cả văn lẫn lý đều thật tuyệt, hãy nên đọc kỹ.

Cái tâm vọng tưởng của ông ngập trời trùm đất, không biết lắng lòng niệm Phật, có thể nói là "hướng ngoại rong ruổi tìm cầu, chẳng biết phản chiếu hồi quang". Học Phật như thế rất khó được lợi ích thật sự!

---

của Ngài gồm có Vương Tâm Minh, Ngữ Lục bốn quyển, Hoàn Nguyên Thi v.v…

[97] Hộ Pháp Lục gồm mười quyển, do ngài Tống Liêm soạn vào đời Minh, Tiền Ích Khiêm giảo đính. Tống Liêm đã từng đọc hết Đại Tạng Kinh ba lần, là một bậc thâm nho đa văn. Tác phẩm này bao gồm những bài nói về hộ trì Tam Bảo trích từ cuốn Kim Hoa Văn Tập của chính ông, kèm thêm những bài minh, bài bia, bài ký, bài tựa, cáo, tán, tụng, kệ, thuyết, đề bạt do ông ta soạn.

[98] Tác phẩm gồm hai quyển do ngài Đàm Loan thời Bắc Ngụy soạn, nhằm chú giải bộ Vãng Sanh Luận của ngài Thế Thân soạn. Bộ luận này nguyên mang tên là Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Ba Đề Xá Nguyện Sanh Kệ.

Mạnh Tử nói: *"Đạo học vấn chẳng có gì khác, cầu sao buông được cái tâm mà thôi!"* Ông học Phật mà chẳng biết lắng lòng niệm Phật, đối với Nho Giáo còn chưa thật sự tuân thủ, huống gì đối với Phật giáo là pháp thật sự lắng lòng ư? Quán Thế Âm Bồ Tát xoay trở lại nghe nơi Tự Tánh, Đại Thế Chí Bồ Tát nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, kinh Kim Cang không trụ vào đâu để sanh tâm, chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để hành bố thí, cho đến vạn hạnh; Tâm Kinh *"soi thấy năm Uẩn đều không"* đều nhằm dạy cho con người diệu pháp "từ cảnh biết được tâm" vậy. Nếu cứ một mực muốn xem rộng khắp hết thảy thì sẽ không có lợi ích gì. Hễ nghiệp chướng chưa tiêu, sẽ chưa đạt lợi ích ấy, mà trước hết còn bị mắc bệnh!

136. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ tư)

Những sách của ngài Vĩnh Minh có sách nào không hợp? Ông hãy nên nghiêm túc niệm Phật. Một cuốn sách Tịnh Độ Thập Yếu xem nhiều lần là đủ rồi, những thứ khác đợi đến khi nào tài trí có thừa hãy thỉnh về mà đọc cũng chẳng trễ tràng đâu! Niềm vui niệm Phật chỉ người thật sự niệm Phật tự biết, nhưng cần phải chí thành khẩn thiết, nhiếp tâm mà niệm, chẳng được chấp trước cảnh tướng bên ngoài. Nếu không, tâm địa chẳng thông, quán đạo chẳng rành, ma cảnh hiện tiền cũng chẳng hiểu rõ thì tệ lắm! Hãy nhớ lấy, nhớ lấy nhé!

Nay những người thật sự hoằng dương Tịnh Độ thật khó có ai. Nếu đổi ý niệm "tham học với khắp các tri thức" thành "nhất tâm niệm Phật" thì lợi ích lớn lao lắm!

Nếu không, sẽ thành ra nhọc nhằn, bôn ba mà thôi! Nên thỉnh giáo nhiều ở chỗ Đế Pháp Sư (ngài Đế Nhàn), những người khác Quang không biết. An Sĩ Toàn Thư đứng đầu các thiện thư xưa nay, hãy nên khắc in phổ biến lưu truyền, nhờ đó vãn hồi thế đạo nhân tâm. May là cư sĩ Vưu Tích Âm đã cực lực chuyên lo quảng cáo, khuyên khắp mọi người in tặng, nhân đó cho làm ra bốn khuôn in, tính in hai mươi, ba mươi vạn bộ, ngõ hầu những chỗ quan trọng thuộc hai ngàn bốn mươi mốt huyện trong toàn quốc và những người quan trọng đều được xem đến, về sau sẽ càng lưu thông phổ biến xa rộng hơn nữa. Nhưng thành sự tại trời, chẳng cần phải tính trước, chỉ lấy chuyện cứu quốc cứu dân làm trọng, tận lực mà làm đó thôi!

Niệm Phật chẳng thể thuần nhất thì phải chế ngự tâm chẳng cho nó đuổi theo bên ngoài, lâu dần sẽ tự có thể thuần nhất. "Thành phiến" là thuần nhất không tạp. Đại trượng phu nếu như văn chương trùm lấp thiên hạ, công nghiệp rền vang vũ trụ, nhưng không thể đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử là vì chấp vào cái bên ngoài, bỏ phế cái bên trong, chấp vào cái ngọn hữu vi, bỏ sót cái gốc vô vi. Người thế gian ai có thể vẹn toàn mọi điều, chúng ta chỉ giữ lấy chuyện trọn hết luân thường, tận lực tu Tịnh nghiệp mà thôi! Cần gì phải tính toán chi khác nữa!

137. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ năm)

Lúc niệm Phật, ai nấy hãy cốt sao thích hợp với mình. Nay niệm Phật đường trong các tùng lâm đều

trước hết niệm kinh Di Đà, tụng kinh xong, niệm chú Vãng Sanh ba biến hoặc một biến, sau đó mới cử bài kệ tán Phật, niệm kệ xong, niệm tiếp *"nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật"*, liền vừa đi nhiễu vừa niệm. Phải đi nhiễu từ Đông qua Nam, qua Tây rồi lên Bắc. Đó là thuận chiều, là tùy hỷ. Nhiễu theo chiều thuận có công đức, Tây Vực coi trọng nhất là đi nhiễu quanh. Phương này (Trung Hoa) cũng thực hiện chuyện đi nhiễu cùng với lễ bái. Nếu đi từ Đông sang Bắc, đến Tây, đến Nam là đi nhiễu ngược chiều, có tội lỗi, chẳng thể không biết. Nhiễu niệm một nửa [thời gian] rồi ngồi niệm thầm ước chừng một khắc, lại niệm ra tiếng. Niệm xong lại quỳ niệm Phật mười tiếng, Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mỗi danh hiệu ba lượt. Sau đó, niệm bài văn phát nguyện. Người tại gia sợ rằng thất nhỏ khó đi nhiễu thì đứng, quỳ, ngồi niệm, đều án theo tinh thần mà định, đúng là chẳng cần cậy người khác lập pháp tắc cho mình.

Niệm nhưng không niệm, vô niệm mà niệm, niệm đến lúc tương ứng thì tuy thường niệm Phật, nhưng trọn chẳng có tướng khởi tâm động niệm (trước lúc tương ứng, chẳng khởi tâm động niệm để niệm thì sẽ không có niệm). Tuy chẳng khởi tâm động niệm, nhưng một câu Phật hiệu thường luôn xưng niệm, hoặc ức niệm, vì thế nói *"niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm"*. Chớ hiểu *"vô niệm"* là không niệm, *"vô niệm mà niệm"* nghĩa là không có cái tướng khởi tâm động niệm để niệm, nhưng vẫn niệm niệm không gián đoạn, cảnh giới này thật chẳng dễ đạt được, chớ có hiểu sai! Pháp quán tưởng tuy hay, nhưng

phải biết rõ tượng Phật ta thấy được vốn thuộc về duy tâm sở hiện. Nếu cho đó là cảnh bên ngoài sẽ rất có thể bị ma dựa phát cuồng, không thể không biết [điều này]. *"Duy tâm sở hiện"* là tuy những hình tướng ấy rành rành phân minh, nhưng quả thật chẳng phải là vật cụ thể. Nếu nghĩ là cảnh bên ngoài, coi nó là thật có thì liền thành ma cảnh. Nhắm mắt hay mở mắt cứ thuận tiện là được!

Kiêm trì thánh hiệu Quán Thế Âm đáng là pháp để nương tựa, hết thảy mọi người đều nên tu như thế. Lúc làm lụng chẳng thể *"niệm đâu chú tâm vào đó"* là vì chưa đạt đến cảnh giới nhất tâm bất loạn nên tâm không thể dùng vào hai việc cùng một lúc được, khó tránh khỏi bị gián đoạn. Nếu có thể thường giữ được sự giác chiếu thì không trở ngại gì. Con người ai nấy nên tuân thủ bổn phận, ông trên còn có bà nội, có cha mẹ, dưới có em nhỏ, vợ con, nhưng công việc cực nhàn, dễ dàng tu trì nhất, chẳng thể chân thật, khẩn thiết dụng công trong cảnh ấy lại vọng động mong muốn xuất gia tu hành. Nếu xuất gia thì ông có được cơ duyên tốt như thế để chuyên tâm tu đạo hay chăng? Ông chẳng biết xuất gia có công chuyện xuất gia, ai mà có thể việc gì cũng chẳng cần phải ngó ngàng tới? Ngay như Quang trọn chẳng có chuyện gì mà cũng gần như bận bịu quanh năm, chẳng rảnh rỗi để chuyên tâm niệm Phật, huống gì những người khác? Mong hãy tùy phận, tùy lực tu trì, chớ mong tưởng chuyện ngoài bổn phận thì may mắn lắm!

138. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ sáu)

Người tu hành phải lắng lòng tịnh dưỡng. Ông tên là Tịnh Am, sao chẳng nghĩ đến ý nghĩa của cái tên ấy, cứ một mực vô sự bày ra chuyện, khiến cho hết thảy mọi người chán nhàm, tự mình bụng dạ chương phềnh, chóng mặt, mệt trí, lại chẳng biết tự giữ sức khỏe, đến nỗi thổ huyết. Nhẹ thì sẽ thành bệnh dây dưa, nếu nặng thì ắt đến nỗi tổn mạng, đâm ra khiến cho người ta nói: "Ông học Phật tu hành chẳng những vô ích mà còn bị tổn hại". Từ đó, những kẻ vô tri bèn chê Phật pháp sai trái; nhân đấy, phỉ báng, ngăn trở, đoạn mất thiện căn của người, chứ họ đâu biết là vì ông chẳng y theo lời Phật dạy để tu hành nên mới bị như thế. Ông phải tự biết tốt - xấu!

Tu hành chuyện gì phải tận hết sức mình, ngầm tu thầm khế hợp thì mới nên. Bệnh của ông là do chính ông tự chuốc lấy, nói gì bây giờ? Hãy gấp gáp sửa lỗi, nhiếp tâm niệm Phật, ngay cả kinh cũng tạm thời chẳng nên xem. Một hai tháng sau bèn được phục hồi. Nếu không, bèn tuyệt giao, ngày sau gặp nhau, đối đãi với nhau như người đi trên đường thấy nhau mà thôi!

139. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ bảy)

Danh để biểu thị cái thực, có danh có thực cũng chẳng lấy làm vinh, vì sao? Vì thuộc về bổn phận. Không có thật mà được danh thì còn gì nhục bằng! Huống hồ muốn phô trương dấy động cho người ta nghe biết, ắt phải đăng trên khắp báo chí. Kẻ nào phô

phang như thế, ắt phải nghi ngờ, đoán định kẻ ấy là kẻ dối đời trộm danh vậy. Ông chỉ biết một, chẳng biết đến hai, do vậy không thể không bảo rõ một lần nữa. Ông tín tâm khá sâu, nhưng ưa phô phang, ham giao du, ham kết giao, quả thật là đại chướng ngại cho việc tu hành. Ông mới hơn hai mươi tuổi mà đã kết giao như thế, sau này lúc học Phật thông suốt rồi, suốt ngày sẽ chẳng thể rảnh rỗi! Mong ông hãy náu mình ẩn tiếng, ắt được lợi ích vô lượng. Hãy coi chừng!

140. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ tám)

Đã nhiều lần răn nhắc ông nên náu mình, kín tiếng, nhất tâm niệm Phật, nhưng rốt cuộc vẫn không chịu buông xuống thói quen phô phang, Hiển Ấm đã đem bản thảo ghi những chuyện đã biết cho đăng trên tờ Hải Triều Âm, đó đã là chuyện không thông hiểu sự việc, ông lại lấy làm đắc ý, chẳng phải là cũng chỉ nhằm cầu danh hay sao? Việc quyên góp in Ấn Quang Văn Sao nên dừng lại, vì chưa phải là lúc ông nên làm chuyện đó. Hãy nên lắng lòng niệm Phật, đừng cầu đọc rộng khắp. Lệnh nội[99] đã phát tâm quy y, tôi bèn đặt pháp danh là Khế Tịnh. Tên ấy có nghĩa là tuy hiện thời chưa có công phu, nhưng đến lúc rảnh sẽ hành. Những câu hỏi trong phần sau của thư ông quả thật đều là những chuyện thiết yếu, chỉ vì ông chẳng lắng lòng niệm Phật nên vẫn ngẩn ngơ chẳng biết đi về đâu. Ông hãy nên nghiêm túc niệm Phật, lâu dần ắt tự biết, không cần ai bảo cho nữa! Lệnh nội đã quy y, nên khiến cho bà ta

[99] Lệnh nội: Tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng vợ người khác.

tâm y theo lời Phật, trừ khử tập khí nữ nhân, ngõ hầu được đại lợi ích. Y theo lời Phật chính là nương vào Tứ Hoằng Thệ Nguyện, và đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Tuy chưa phải là bổn phận của bà ta, nhưng cố nhiên phải nên phát cái tâm lợi mình lợi người. Trừ khử tập khí nữ nhân, đừng chăm chút trang điểm, đừng ôm lòng dua vạy. Đối với người trưởng thượng, hoặc kẻ ngang hàng đều tận hiếu, tận tình hòa thuận. Như thế mới chẳng thẹn là đệ tử Phật vậy!

141. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ chín)

Tiện Mông Sao[100] là tác phẩm được soạn bởi Mộ Liên pháp sư ở núi Hồng Loa vào năm cuối triều Đạo Quang, Tịnh Độ Quyết Nghi Luận đặc biệt mượn giọng điệu của Ngài để phát khởi. Năm Dân Quốc thứ ba (1914), ông Địch Sở Thanh gởi thư bảo tôi viết bài luận ấy để đóng góp tài liệu cho Phật Học Tùng Báo. Quang trước đó đã không muốn dùng cái tên Ấn Quang, nên bèn mượn tên ngài. Dưới tựa đề ghi rằng *"Di cảo của Hồng Loa Sơn Mộ Liên pháp sư, Vân Thủy Tăng Thường Tàm*[101] *sao chép";* đến khi gởi cho ông Mạnh Do thì đề là *"mượn khẩu khí của Mộ Liên pháp sư ở Hồng Loa".* Khi ông Úy Như ấn hành, cả hai thứ tiêu đề ấy đều bị lược bỏ mất, nên ông mới nghi Ấn Quang đã từng soạn sách ấy; trước kia đã hỏi, nay trình bày rõ.

---

[100] Tức cuốn Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải Tiện Mông Sao của Đạt Mặc pháp sư (chỉ biết Sư có hiệu là Mộ Liên, chưa rõ sự tích). Tác phẩm này nhằm chú giải đại lược cuốn A Di Đà Kinh Yếu Giải của tổ Ngẫu Ích. Tác phẩm này nằm trong Vạn Tục Tạng, mang số thứ tự 875, tập 91.

[101] Thường Tàm (thường hổ thẹn) là một biệt hiệu khác của Tổ Ấn Quang.

Tâm vốn không có hình tượng, nhưng sâm la vạn tượng đều do tâm hiện. Tâm vốn không có pháp (pháp là sự, phàm những gì có thể gọi tên đều gọi chung là "pháp"), nhưng hết thảy các pháp đều do tâm hiển hiện. Vì thế, mới nói: *"Không có hình tượng nhưng là chủ của muôn hình tượng, không có pháp nhưng là tông của các pháp" (*Tông có nghĩa là quy thú (hướng về), như sông ngòi chảy xuôi về biển. Tông lại có nghĩa là chủ thể, bởi các pháp không pháp nào chẳng lấy tâm làm thể vậy), chúng sanh và Phật đồng thể, nào có sai biệt! Nếu sai biệt sao gọi là "đồng" được! Ông lẫn lộn Tướng, Dụng với Thể, nên mới hỏi câu ấy.

Chúng sanh và Phật về Thể vốn không hai, chỗ bất đồng chính là mê - ngộ, thuận - nghịch nơi Tướng và Dụng của Thể. Chúng sanh mê nghịch đối với Thể, còn Phật, Bồ Tát ngộ thuận theo Thể. Mê - ngộ, thuận - nghịch nơi Tướng và Dụng bèn thành khác biệt một trời một vực. Ngài Phổ Hiền dùng mười đại nguyện vương khuyến tấn Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng, hãy nên xem Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm sẽ tự biết. Trong bộ Văn Sao của Quang chỗ nào cũng nói đến [điều này], sao chẳng lãnh hội? Về bốn cõi của Cực Lạc thì kẻ đới nghiệp vãng sanh sống trong Phàm Thánh Đồng Cư Độ, người đã đoạn Kiến Tư Hoặc sống trong Phương Tiện Độ, người phá được vô minh sống trong cõi Thật Báo. Người đoạn sạch vô minh sống trong cõi Tịch Quang.

Thêm nữa, cõi Thật Báo là ước trên quả báo cảm được mà nói. Tịch Quang là ước trên lý tánh chứng được mà nói, vốn cùng là một cõi, nhưng giảng như thế để cho người ta dễ hiểu. Do vậy, kẻ phần chứng thuộc

về Thật Báo, còn người mãn chứng thuộc về Tịch Quang, chứ thật ra trong hai cõi đều có phần chứng và mãn chứng. Trong Văn Sao cũng nói cặn kẽ điều này. Cõi Đồng Cư tuy có đủ ba cõi kia, nhưng người chưa đoạn Hoặc chỉ thọ dụng được cảnh của Đồng Cư. Tuy là người đới nghiệp vãng sanh nhưng chẳng thể gọi là phàm phu vì họ đã đều đắc ba thứ Bất Thoái. Đây chính là lý luận thông thường, muốn so sánh với sở chứng của người được vãng sanh Cực Lạc thì cứ đọc kỹ sẽ tự biết.

Sự Trì là tin có Phật A Di Đà ở Tây Phương, tuy chưa đạt *"tâm này làm Phật, tâm này là Phật"*, nhưng quyết chí cầu sanh như con nhớ mẹ, không lúc nào tạm quên. Đây là chưa đạt lý tánh nhưng chỉ tu trì theo mặt Sự. Lý Trì là tin Tây Phương A Di Đà Phật tâm ta sẵn có đủ, do tâm ta tạo. *"Tâm có đủ"* nghĩa là tâm ta vốn sẵn đủ lý ấy. "Tâm tạo" là nương vào lý "tâm có đủ" ấy để khởi tu, thì lý ấy mới hiển hiện. Do vậy, gọi là "tạo". "Tâm đầy đủ" chính là Lý Thể, "tâm tạo" chính là Sự Tu. "Tâm đầy đủ" chính là "tâm này là Phật"; "tâm tạo" chính là "tâm này làm Phật". "Tâm này làm Phật" bèn xứng tánh khởi tu; "tâm này là Phật" bèn toàn tu nơi tánh. Tu đức hữu công, tánh đức mới hiển. Tuy ngộ lý nhưng vẫn chẳng phế sự thì mới là chân tu. Nếu không, bèn rớt vào tri kiến cuồng vọng chấp lý phế sự! Do vậy, mới nói: *"Dùng cái hồng danh tự tâm sẵn đủ, do tâm tạo ra, để buộc tâm nơi cảnh, chẳng để cho tạm quên mất"*. Giải pháp này thiên cổ chưa từng có, quả thật là khế lý lẫn khế cơ, lý sự viên dung, chẳng phải là bậc Pháp Thân đại sĩ, ai có thể đạt đến điều này?

Vì Sự Trì dẫu chưa ngộ Lý nhưng há có thể ra ngoài Lý được ư? Bất quá là hành nhân chưa thể viên ngộ tự tâm. Hễ đã ngộ thì Sự chính là Lý, há nào phải cái Lý được ngộ chẳng nằm trong Sự? Lý chẳng lìa Sự, Sự chẳng lìa Lý, Lý - Sự vô nhị! Như thân và tâm con người, cả hai thứ cùng sử dụng một lúc, trọn chẳng hề có chuyện thân và tâm đây kia tách rời nhau, người đã đạt dù có muốn chẳng dung hợp cũng không được! Còn tri kiến cuồng vọng chấp Lý phế Sự thì chẳng thể dung hợp được. Toàn chân thành vọng, toàn bộ vọng chính là chân, do giống như toàn thể nước biến thành sóng, toàn thể sóng chính là nước. Nước là tướng tịnh, sóng là tướng động. Động - tịnh tuy khác, tánh ướt vốn đồng. Suốt ngày tùy duyên, suốt ngày bất biến; suốt ngày bất biến nhưng suốt ngày tùy duyên.

Giống như hư không trọn chẳng có các tướng, nhưng mây đùn bèn tối, mặt trời chiếu bèn sáng tỏ. Bụi do gió thổi dậy nên bẩn thỉu, bụi do mưa gột bèn sạch sẽ. Hư không là bất biến, chẳng ngại tùy thuận các duyên, thành ra sáng - tối, trong - đục. Tuy là sáng - tối, trong - đục khác nhau, nhưng bản thể của hư không trọn chẳng biến đổi. Hiểu rõ điều này sẽ tùy thuận cái duyên ngộ tịnh để tạo cõi Phật sẵn có trong tự tâm, bỏ cái duyên mê nhiễm để diệt sáu cõi và tam giới huyễn hiện trong chính cái tâm này (đây chính là ước theo mười pháp giới mà nói, nên bảo lục đạo là sáu cõi và tam thừa là ba cõi, chớ nên hiểu lầm!) Tâm này trọn khắp thường hằng, hệt như hư không. Chúng ta do mê nhiễm nên khởi các chấp trước; ví như hư không bị vật ngăn ngại nên chẳng thể trọn khắp, chẳng thường hằng vậy. Nhưng chẳng trọn

khắp, chẳng thường hằng chính là chấp trước vọng hiện, há nào phải hư không thật sự bị vật chướng ngại nên chẳng thể trọn khắp, chẳng thể thường hằng! Do vậy, cái tâm phàm phu và cái tâm bất sanh bất diệt mà đức Như Lai đã chứng trọn chẳng khác gì nhau. Có khác là vì phàm phu mê nhiễm nên thành ra như vậy, chứ không phải tâm thể vốn có biến đổi!

Tịnh Độ của Phật Di Đà hoàn toàn ở trong một niệm tâm tánh của chúng ta, tâm ta sẵn có Phật Di Đà. Đã là tâm ta sẵn có thì cố nhiên phải nên thường niệm. Đã có thể thường niệm thì sẽ cảm ứng đạo giao, tu đức hữu công, tánh đức mới hiển hiện. Sự - Lý viên dung, chúng sanh và Phật chẳng hai; do vậy, nói*: "Dùng cái tâm sẵn có Phật của ta để niệm đức Phật tâm ta sẵn có, lẽ đâu đức Phật sẵn có trong tâm ta lại chẳng ứng với cái tâm ta sẵn có Phật?"* Những điều đã nói đến trong phần sau của thư ông viết đều là vì chẳng hiểu: Thật sự chẳng có tự tướng, thuận theo mê nhiễm nên cái Thể ấy biến thành vọng. Vọng vốn không có tự tánh, bởi lẽ bản thể của mê nhiễm vốn là chân. Hai câu *"suốt ngày tùy duyên, suốt ngày bất biến"* và *"suốt ngày bất biến, suốt ngày tùy duyên"* soi rọi lẫn nhau, tán trợ lẫn nhau. Do tâm ông không có chánh trí nên nghi hai điều ấy là mâu thuẫn. Niệm Phật xong, bèn khởi [ý niệm] ta - người chính là tự sanh chướng ngại. Phàm người hành đạo Bồ Tát, phải phát Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Nếu có được cái tâm Tứ Hoằng Thệ Nguyện thì dù cảnh ta - người có phát, trong tâm địa rốt cuộc vẫn chẳng khởi chấp trước ta - người. Khởi ta - người đều là do tâm trụ vào tướng, chẳng biết ý chỉ vi diệu *"tâm Bồ Tát không trụ vào đâu,*

hành lục độ vạn hạnh, thượng cầu hạ hóa". Những điều vừa nói trên đây nếu tự lãnh hội được thì tốt; nếu như không thể lãnh hội thì cứ lắng lòng niệm Phật đến lúc nghiệp tiêu trí rạng, sẽ tự hiểu biết rõ ràng, chẳng cần phải chuyên chú hỏi ai khác nữa!

142. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ mười)

Pháp danh của lệnh ái[102] nên đặt là Phước Trinh. Trinh là chánh, là gốc đức hạnh của phụ nữ. Nếu có thể nhất tâm niệm Phật khiến cho phiền não Hoặc nghiệp tiêu diệt hết sạch, công đức, trí huệ triệt để phơi bày toàn thể, cũng như đức hạnh trinh lương của người nữ không bị bên ngoài làm nhiễm, chánh đáng nghiễm nhiên tự lập. Vì thế, kinh Dịch nói: *"Trinh giả, sự chi cán dã"* (Trinh là cái cốt lõi của sự). *"Cán"* chính là cái thân chánh của cây cối. Vì thế, người tu hành đạt được chánh thân Bồ Đề, thì đạo nghiệp sẽ tự thành tựu, tự được trọn đủ phước huệ. Tuy đứa bé chưa thể đạt được như vậy, nhưng mong mỏi như thế nên đặt tên như vậy đó, mong nó sẽ nghĩ đến ý nghĩa của cái tên rồi cuối cùng cũng đạt được như vậy thì sau này sẽ là vợ hiền của người ta, là mẹ hiền của người ta, giúp chồng thành tựu đức hạnh, dạy con cái từ khi còn đang mang thai, vẻ vang nào hơn? Lệnh nội đã quy y, nên siêng năng tu trì, chớ để hữu danh vô thật, thì may mắn lắm! Kinh lướt qua mắt tức là đã duyệt rồi, chớ nên xem rồi vướng mắc vào đó. Nếu có cần xem thì cũng mong nên xem ít, chỉ lấy việc niệm Phật để đối trị tập khí, tiêu nghiệp làm

---

[102] Lệnh ái: Tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng con gái người khác.

trọng. Nghiệp tiêu rồi thì hễ xem sách, vừa đọc liền lãnh hội được chỗ mầu nhiệm. Đây là ước theo sự đạt được diệu pháp mà luận. Người đời nay căn tánh hèn kém, xem nhiều sẽ lan man, không nơi nương tựa, tâm tình lắm mối phân vân, khó thể tương ứng được!

143. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ mười một)

Hai lần bão lốc, các xứ bị tai ương, Phổ Đà cũng thế. Ấy là do chúng sanh đồng phận ác nghiệp chiêu cảm mà ra. Chẳng biết quý trạch[103] phòng ốc ra sao? Cư Khoa đang độ tuổi tráng niên, phong thái thuần hậu, đáng làm pháp khí nhập đạo. Quang vì người khác trọn chẳng chấp trước. Ai trước đó nghĩ Quang đáng tin tưởng được bèn chẳng ngại kết giao, sau cho rằng Quang chẳng thể tin được bèn chẳng ngại tuyệt giao. Đến - đi mặc người, tôi vốn không để tâm đến chuyện kết giao hay cự tuyệt. Người khác dạy người đa phần chú trọng dốc sức nơi chỗ huyền diệu, còn Quang dạy người đa phần phát huy ý chỉ *"tận hết bổn phận"*. Nếu chẳng thể tận hết bổn phận thì dù có thấu triệt tận nguồn tột đáy mọi sự trong Thiền, trong Giáo, cũng chỉ thành một kẻ khiến cho tam thế chư Phật bị oan mà thôi! Huống chi còn có sự chưa thể tột nguồn thấu đáy ư!

Cư Quân đã đến núi này rồi, cần gì tháng Bảy lại phải lên đây? Qua lại nhiều lượt, lộ phí tiêu dùng tốn kém biết là bao nhiêu! Xin đừng tới nữa! Nếu có nghi

---

[103] Quý trạch: danh xưng hoa mỹ để chỉ nhà của người khác.

vấn thì đã có cư sĩ Hiển Vi rồi! Nếu muốn hỏi Quang thì bưu điện là tiện lợi nhất, cần gì lại phải lên đây, làm chuyện vô ích khiến hại đến sự hữu ích! Nay vì Cư Quân đặt pháp danh là Khế Tâm. Vì ông ta tên là Bỉnh Bàn, tự Thấu Am. Nếu tâm ông ta quả thật ngay thẳng, kiên cố, chẳng động như "bàn thạch" (đá tảng), lại còn "thấu đãng" (gột rửa sạch) những chất nhơ bên ngoài thì bổn thể của cái tâm sẽ tự hiển hiện. Chữ Tâm chỉ cho chân tâm thường trụ, chứ không phải là cái tâm tùy duyên khởi lên tập khí. Tâm tập khí chính là tình nhiễm, chứ không phải là bổn thể!

144. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ mười hai)

(răn đừng in [danh hiệu Phật, Bồ Tát] lên vải bọc đệm quỳ lễ[104])

Đương gia[105] của hạ viện đem thơ Nhậm Niên gởi đến và gói hàng giao cho Quang, mới biết vải trơn được gởi tới là nhờ Nhậm Niên in. Chuyện này tội lỗi đến cùng cực, đem danh hiệu của Bồ Tát [in trên vải] làm đệm quỳ để lễ, thuộc vào cái tội khinh nhờn đến cùng cực. Huống chi có chỗ dùng vải ấy để bọc đệm ngồi. Năm Quang Tự thứ hai mươi (1894), ở Phổ Đà tôi đã từng trông thấy. Năm Quang Tự hai mươi mốt (1895) ở chùa A Dục Vương, tôi lại thấy, thật là quái dị. Tôi bảo cùng điện chủ điện Xá Lợi, ông ta bảo: "Đấy là tập

---

[104] Nguyên văn là "kháp đầu bố" (vải để rập đầu). Đây chính là loại vải dùng để bọc những cái tọa ỷ để người ta quỳ làm lễ, hay những cái đệm để áp đầu vào khi làm lễ.

[105] Đương gia: Theo nghĩa thông thường, đương gia là người lãnh trách nhiệm quản trị sự vụ chánh yếu trong một gia đình. Trong tùng lâm có thể hiểu là vị Tăng đảm lãnh trách nhiệm trị sự trong chùa. Chùa ở trên núi chia làm nhiều khu vực nên mới có thượng viện, hạ viện.

quán của vùng Ninh Ba". Tự thẹn mình không có sức để cứu vãn thói ác đấy. Nếu như Quang là chủ nhân một phương, ắt sẽ đi khắp chốn nói rõ lỗi hại của chuyện này, ngõ hầu những ai có tín tâm chỉ được lợi ích chứ không bị tổn hại. Người gởi đã là bà con rất thân của ông, sao không thuật rõ tội phước, mong ông ta chỉ dùng vải trơn để làm đệm quỳ lễ, một là chẳng làm bẩn vải, hai là chỉ được lợi ích không bị tổn hại. Vậy mới là có ích cho ông ta, có nên theo thói tục im lặng chăng? Hãy thay tôi thỉnh cầu ông ta! An Sĩ Toàn Thư in chữ ở cuối sách (bìa sau) ông còn chịu nói đến tội lỗi, thế mà cái lỗi này còn lớn gấp trăm ngàn vạn lần lỗi kia! Hãy nên bảo tường tận cùng hết thảy những người tín tâm.

Ấn ở chùa A Dục Vương đã hư nát chẳng thành dạng chữ nữa (Đây chính là cái ấn mà Quang đã thấy trong năm Quang Tự hai mươi mốt), quả thật là ấn chân thân xá-lợi bảo tháp của Thích Ca Như Lai. Phổ Đà có mấy cái ấn, ấn vàng, ấn ngọc chùa Pháp Vũ, đều là Quán Âm bảo ấn sắc tứ kiến tạo Nam Hải Pháp Vũ thiền tự. Trong cõi tục, nếu con cháu đem tên tuổi tổ phụ in trên đệm quỳ lễ, ắt bị quở là ngỗ nghịch, huống hồ danh hiệu của Phật, Bồ Tát, đại thánh nhân ư? Hãy nên tự đối trước kẻ thân tín, khuyên họ chớ làm như thế, từ một truyền mười, từ mười truyền trăm, truyền ngàn, truyền vạn, há chẳng thể diệt được thói ác ấy hay sao? Phàm mọi chuyện đều do một người đề xướng, mọi người hùa theo bèn thành tục lệ, há riêng mình chuyện phản tà quy chánh là chẳng giống như vậy ư?

145. Thư gởi đốc quân[106] Trần Bá Sanh ở Thiểm Tây

Quang là một ông Tăng tầm thường, trọn không có hành trạng tốt đẹp nào. Tuy xuất gia đã bốn mươi mốt năm, lìa khỏi đất Tần[107] ba mươi sáu năm, nhưng đạo nghiệp vẫn chưa thành, không mặt mũi nào để gặp người cùng quê cũ, còn dám cho phép mình quay về nữa ư? Năm ngoái được lọt mắt xanh của các hạ, khiến cho Định Huệ hòa thượng sai Quang về đất Tần hoằng dương pháp hóa. Quang tuy cảm cái tâm chẳng chê bỏ, nhưng quả thật chẳng có tài đức đảm đương trách nhiệm ấy. Do vậy, lấy cái nguyện đã lập ban đầu *"nếu đạo nghiệp chưa thành, dù chết già nơi đất khách trọn chẳng quay lại đất Tần"* để từ tạ. Các hạ gương sáng treo cao, ắt sẽ thể tình lượng thứ cho. Kẻ bất tiếu[108] như Quang còn được từ ái chấp thuận như thế, đủ thấy cái tâm tôn trọng đức hạnh, thích đạo, vì pháp vì dân của các hạ. Mùa Xuân năm nay, Thượng Hải Thương Vụ Ấn Thư Quán có xuất bản bộ Ấn Quang Văn Sao, riêng gởi đến ngài năm bộ để đáp tạ lòng yêu thương nồng hậu.

Người dân đất Tần đáng gọi là lương thiện. Thói đời ngày càng biến đổi, pháp luật bỏ phế, những phường du thủ du thực bại hoại bèn mặc sức hoành

---

[106] Đốc quân: Cấp chỉ huy quân sự cao nhất của một tỉnh sau cách mạng Tân Hợi (1911) trước khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa được thành lập.

[107] Tỉnh Thiểm Tây là lãnh thổ nước Tần thời Xuân Thu Chiến Quốc nên người ta thường quen gọi Thiểm Tây là Tần.

[108] Bất tiếu: kẻ không xứng đáng, không nối nghiệp tổ tiên được, không xứng với ông bà cha mẹ, trò không xứng với thầy thì gọi là "bất tiếu".

hành, cấu kết với những kẻ bại hoại nơi địa phương cướp đoạt hương thôn, thê thảm chẳng nỡ nghe. Trong mấy năm gần đây, có người từ đất Tần đến cho biết tình trạng hiện thời của đất Tần, không thể không ứa lệ nghẹn ngào. Bởi thổ phỉ xông đến gặp ai dư giả đôi chút bèn nung nướng, kềm kẹp, không chuyện gì chẳng làm, miễn sao người ta phải dâng sạch những gì đã tích cóp mới thôi. Người ta không chịu nổi khổ, ắt phải hiến sạch. Nhưng người đã bị hành hạ kiểu ấy, dẫu chưa chết ngay khi ấy cũng khó sống lâu được. Có nhiều nhà giàu đều phải đào sâu ba thước đất, phàm hầm lò tường vách đều bị hủy hoại để tìm chỗ chôn vàng. Thói cướp đoạt hung tàn quá mức ấy quả là từ ngàn xưa chưa từng nghe nói đến. Do quan phủ chẳng ngăn chặn được, trăm họ không biết kêu vào đâu, thật giống như ở mãi trong địa ngục, trọn chẳng có kỳ ra. Đấy là bọn thổ phỉ lớn. Còn bè lũ thổ phỉ nhỏ, tuy ít người hơn, nhưng cũng tàn khốc y hệt như thế. Chúng thường đến cướp vào ban đêm, nên mỗi khi nghe tin tức ấy, lúc trời sắp tối, mọi người đưa phụ nữ ra ngoài thôn trước hoặc cho ẩn vào đồng lúa, rừng cây, hoặc nơi mồ mả, dù mưa gió, tuyết, sương, cũng chẳng dám về. Trẻ con kêu khóc bèn dùng đồ vật nhét vào miệng, thường có đứa bị nghẹt thở chết luôn. Đàn ông thường núp ở trong nhà, thổ phỉ kéo qua như lửa cháy rụi, không còn vật gì sống sót được. Tình trạng khổ sở ấy nói chẳng thể hết nổi, còn chẳng biết rốt cục sẽ ra sao?

Các hạ tuy ở đất Tần, nhưng quả thật chưa nghe [những chuyện ấy], bởi đi thì có quân lính ủng hộ, ở thì có lính bảo vệ, chưa từng đích thân đi thăm hỏi, xem

xét; trăm họ cũng khó kêu nài, nên không cách chi biết được! Do vậy, phàm những kẻ có của ăn của để đều bỏ đi nơi khác, đều phải bỏ quê cha đất tổ, trốn tránh sang đất khách quê người. Những người trốn sang Thượng Hải không biết là bao nhiêu, huống chi các xứ khác! Chỉ một nạn thổ phỉ đã khó chịu đựng nổi, lại thêm quân Tĩnh Quốc[109] đánh nhau nhiều năm, đội quân ấy đi đến đâu cướp bóc tràn lan, còn nói gì được nữa! Ô hô! Người xứ Tần do tội gì mà phải mắc hung hiểm đến thế?

Các hạ túc căn sâu dầy, tài thao lược rộng sâu, nên binh lính suy tôn làm đốc soái. Tiếc là trong kiếp xưa, ít kết duyên cùng người nên đa số nhân dân chẳng chịu mến mộ. Do vậy, những kẻ chẳng lo cho nước, cho dân, lén gia nhập Nam Quân, trở thành quân Tĩnh Quốc đối địch cùng các hạ. Tuy đánh nhau mấy năm, chưa phân thắng bại. Quân hai bên đối địch, tiếng đại bác như sấm, tiếng đạn bay như mưa, người bị chết kẻ bị thương đều là đồng bào xứ Tần chúng ta. Binh lính hai đoàn quân đi đến đâu, nhân dân bị cướp đoạt tàn nhẫn cũng đều là đồng bào xứ Tần chúng ta. Thương thay đồng bào, kêu trời không thấu, không lối chui xuống đất, thân làm cá thịt, ai thương xót cho?

Quang trộm nghĩ: Tuy các hạ địa vị tôn quý, quyền oai cao trọng, ai dám khinh thường, nhưng thật ra trăm

---

[109] Sau Cách Mạng Tân Hợi (1911), Trung Hoa rơi vào tình trạng nội chiến, các tướng lãnh quân phiệt thừa cơ nổi lên thống trị từng địa phương, đánh nhau lung tung để giành quyền lực. Chính quyền Trung Hoa Dân Quốc phải phái quân đi dẹp các sứ quân, đội quân ấy mang tên là Tĩnh Quốc. Do chính quyền Dân Quốc lúc đó đóng đô ở Nam Kinh nên quân đội chính phủ còn được gọi là Nam Quân.

họ sợ thổ phỉ, không phân thượng hạ, lỡ có kẻ muốn hành thích, sẽ chẳng biết như thế nào? Huống chi quân Tĩnh Quốc đang phất cờ gióng trống để chống cự ngài! May là các hạ túc phước sâu dầy, chưa phải lo điều ấy! Nhưng quân hai bên đánh nhau, cố nhiên nguy hiểm muôn bề! Nếu chẳng lo liệu, thì hai vị cao đường (cha mẹ) và anh em, vợ con nương tựa vào đâu? Huống chi tâm của địch nhân quyết khó thể nghĩ tình hiếu hữu để bảo bọc cả nhà, chẳng chịu ra tay tàn sát một phen ư? Mối hoạn hại cay đắng của trăm họ thảm độc còn cạn, mối hoạn hại cay đắng của các hạ, thảm độc càng sâu. Chánh phủ trung ương thiết tha nghĩ đến dân chúng, cho rằng các hạ tuy tài đức cao sâu, nhưng chưa hợp lòng người, nên mới có quân Tĩnh Quốc dấy lên. Nếu các hạ chịu lui, ắt quân Tĩnh Quốc sẽ tự triệt thoái; vì thế mới đặc phái Diêm đốc tướng thay thế.

Các hạ đã từng trải, hãy nên nghĩ lại mấy năm gần đây, cừu địch như rừng, tuy chưa bị thương, cũng rất nguy hiểm. Dẫu cho quân oai lừng lẫy, quả thật là mộng mị chẳng yên, dẫu muốn rút mình ra khỏi cũng không thể được. Nay may sao có người khác thay thế, tự có thể trút bỏ được trách nhiệm nặng nề, rút lui về vườn rẫy, tiêu dao an lạc, dùng hiếu hữu để cai trị, vui với thiên chân của chính mình, gác ra ngoài chuyện cạnh tranh, khuyến hóa kẻ tham tàn kia. Tuy sống trong thời đại cạnh tranh, nhưng làm người trong thời Hy - Hoàng[110]. Một là chẳng phụ sở học, hai là vĩnh viễn đáp

---

[110] Hy Hoàng: Hy là Phục Hy, Hoàng là Hoàng Đế, hai vị thánh quân của Trung Hoa thời cổ, tương truyền thời ấy là thời thái bình thịnh trị, con người đều là thánh hiền. Sử gọi là thời Hoàng Kim.

ứng lòng kỳ vọng của dân. Bỏ chuyên chế, hưng khởi cộng hòa, triệt để tương ứng với danh xưng tạo phước cho đồng bào, trọn chẳng trái nghịch. Há có nên nghe lời xúi giục sai trái của những kẻ chẳng biết đại thể, lầm lạc mong mỏi đoạt công danh mà cự tuyệt chẳng nghe lệnh chánh phủ, đem binh chống cự, khiến cho nhân dân lầm than, ngân sách đất nước trống rỗng? Dẫu cho các hạ một trận thắng ngay, vẫn giữ được nguyên chức vị, há có tránh khỏi về sau không bị các đội quân tấn công hay chăng?

Phàm vũ khí là thứ bất tường, thánh nhân bất đắc dĩ mới phải dùng đến! Nay chẳng phải là chuyện bất đắc dĩ, chỉ vì nghe lời kẻ dối trá, dua vạy, mong muốn giữ chắc tước vị của chính mình, chẳng đoái hoài trăm họ thường bị lầm than, nguyên khí quốc gia bị hao hớt. Hành vi như thế khác nào như cái đích để bắn được dựng thẳng để hứng lấy các mũi tên, há có nên hằng ngày đem thân mạng tối trọng và cha mẹ, anh em, vợ con ra đánh đổi lẽ sống trong tay cừu địch? Ấn Quang tuy ngu, cũng chẳng thấy đó là cách hay. Dẫu thủy chung không lo lắng đến chuyện đó, nhưng trong lúc đêm thanh lặng lẽ nghĩ suy, há không hổ thẹn đối với những binh lính chết trận, người dân chết đói ư?

Mạnh Tử nói: *"Tuy có trí huệ chẳng bằng nương theo thế. Tuy có phương tiện, chẳng bằng được thời"*. Tài trí, thao lược của các hạ chính là trí huệ, phương tiện vậy. Dân không bội phục, đua nhau nổi dậy chống lại, là vì đời trước ít kết duyên cùng người. Nay cai trị chưa hợp lòng người tức là không có cái thế nào để nương vào. Không có thế gì để nương vào mà cứ cưỡng

làm tức là chẳng đắc thời vậy. Đại trượng phu muốn tạo đại công, lập đại nghiệp, chưa hề có ai trên chẳng thuận theo thiên lý, dưới chẳng hợp lòng người cả! Vì thế, Khổng Tử thấy ra làm quan được bèn làm quan, nên thôi bèn thôi, cái gì nên lâu thì lâu, cái gì nhanh được thì nhanh, đợi thời cơ thích hợp, không gì chẳng thích đáng. Ngài từng bảo Nhan Uyên: *"Dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng. Duy ngã dữ nhĩ hữu thị phù"* (Dùng đến thì ra sức, bỏ đi thì ẩn. Chỉ mình ta với ngươi là được như vậy thôi!) Mong các hạ noi gương Khổng Tử, coi cái địa vị Đốc Quân giống như nguồn tội, chẳng những không khởi chiến sự, mà cũng chẳng sanh tâm tiếc nuối thì không những dân Tần được nhờ mà quốc gia cũng chẳng phải lo âu. Các hạ sẽ thật sự được phước không ngằn mé, phước thừa đượm khắp hậu duệ. Nếu giữ chắc ý kiến ấy, chẳng chịu nghĩ lại, ắt sẽ thành tượng Kháng Long Hữu Hối[111] của quẻ Càn, tuy quý nhưng không có địa vị, cao nhưng không có dân, sau này ắt phải hối hận. Sau này có hối, há còn kịp chăng? Khổng Tử giải thích [quẻ này] như sau: *"Kháng là đức, biết tiến nhưng không biết thoái, biết còn mà chẳng biết mất, biết được nhưng chẳng biết mất. Chỉ mình thánh nhân biết tiến thoái tồn vong, nhưng chẳng đánh mất lẽ chánh, chỉ có mỗi mình thánh nhân ư?"* Nhắc lại câu *"chỉ mình thánh nhân ư"* lần nữa để con người suy nghĩ

---

[111] Kháng Long Hữu Hối: Kháng Long Hữu Hối là phần Tiểu Tượng Truyện (giải thích ý nghĩa hình tượng từng vạch trong mỗi quẻ). Tượng "Kháng Long Hữu Hối" chỉ vạch thứ sáu trong quẻ Thuần Càn (gồm sáu hào Dương), cụ Nguyễn Hiến Lê giảng: *"Rồng lên cao quá, có hối hận. Hào Dương này ở trên cao của quẻ, cương kiện đến cùng rồi, như con rồng bay lên cao quá, không xuống được nữa, nếu vẫn còn hành động sẽ có điều đáng tiếc, vì lẽ thịnh quá ắt suy, đầy thì không được lâu".*

sâu xa học lấy. Dẫu các hạ chẳng ở vào bậc thánh nhân, nhưng chẳng lẽ không xuôi theo cái tốt, tránh cái xấu hay sao? Mong các hạ trên hãy nghĩ đến chuyện nối tiếp dài lâu đức dầy của tổ tiên, dưới nghĩ để lại hạnh phước cho con cháu, sanh ý tưởng tri túc, mau dứt chiến sự thì nhân dân đất Tần mới còn sống sót được. Cường bạo các nơi không cậy vào đâu hoành hành được nữa! Tuy lui về ruộng rẫy, nhưng quả thật đã ban ân trạch *"xương khô được mọc thịt"* cho dân Tần không gì lớn lao hơn!

Ấn Quang tài đức đều thiếu, nào dám mạo phạm oai phong, bất quá muốn báo đáp các hạ một phen yêu thương nồng hậu, ngõ hầu dân xứ Tần ít phải chịu tai nạn binh đao. Do vậy, chẳng nề hà bị giết chóc, dâng lời thẳng lên ngài, nếu ngài rủ lòng xét soi tấm lòng ngu thành thì dân Tần may lắm, quốc gia may mắn lắm. Lại mong các hạ thiết thực nghĩ đến đời sống của nhân dân, ắt sẽ suy xét nguyên do họa phước, kết quả thiện ác. Một là để mở rộng bụng dạ, hai là để hướng dẫn, cảm hóa đồng nhân, nên tự đem một bộ Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, Phật Học Tiệp Kính, Phật Học Cơ Sở, Phật Học Khởi Tín Thiên, Phật Học Chỉ Nam, Lục Đạo Luân Hồi Lục[112], mỗi thứ một bản gởi kèm theo thư, mong ngài sẽ đọc vào những lúc nhàn hạ vô sự thì cái đạo thành ý, chánh tâm, cùng lý tận tánh, siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử sẽ tự đạt được nơi tâm.

An Sĩ Toàn Thư là thiện thư đứng đầu thiên hạ từ xưa đến nay. Lưu tỉnh trưởng từng thỉnh bốn trăm bộ

---

[112] Ba cuốn Phật Học Khởi Tín Thiên, Phật Học Chỉ Nam, Lục Đạo Luân Hồi Lục là tác phẩm của ông Đinh Phước Bảo. Trong Ấn Quang Văn Sao quyển 3, Tổ có viết lời tựa cho ba tác phẩm này.

kết duyên, sẽ bảo ông ta gởi cho các hạ đọc. Ngoài ra, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên cũng thuộc vào bậc nhất. Sách này tuy nghị luận chẳng mười phần thấu triệt bằng An Sĩ Toàn Thư, nhưng so trong các thiện thư, chưa thấy sách nào bằng được, huống gì là hay hơn! Năm bộ sách kia đều từ cạn tiến vào sâu, do nhân quả để liễu sanh tử, không căn cơ nào chẳng kể đến, không pháp nào chẳng bao gồm. Người sâu sắc sẽ thấy sách sâu sắc, tự có thể đoạn Hoặc chứng Chân. Người nông cạn sẽ thấy chúng là nông cạn, cũng kham tiêu tai tăng phước. Pháp không có tướng nhất định, tổn hại hay lợi ích là do mỗi người. Người dốc chí tận tụy nơi đại sự để mình được luôn trường tồn bao kiếp sẽ chẳng cho là Quang lắm chuyện.

Phật pháp một phen nghe đến, lợi ích vô tận. Ông Vương Thiết San ở Bắc Thông Châu, từng làm chức Phiên Đài tỉnh Quảng Tây đời nhà Thanh trước kia. Do cõi ấy thổ phỉ quá đông, ông bèn lập cách tiêu diệt, giết hại không biết bao nhiêu mà kể. Đến năm trước bị bệnh, vừa chợp mắt bèn thấy thân ở trong nhà tối, vô số quỷ muốn đến bức bách khổ não, bèn hoảng hốt tỉnh dậy. Lúc lâu sau chợp mắt, lại thấy y hệt như thế, lại kinh hoảng thức dậy. Suốt ba ngày ba đêm chẳng ngủ yên giấc như thế, người đã suy sụp không kham nổi. Vợ ông ta dạy ông niệm *"nam mô A Di Đà Phật",* ông bèn cạn kiệt lòng thành niệm rõ, chưa được một lúc lâu sau bèn ngủ thiếp đi, ngủ được đẫy giấc, bệnh dần khỏi hẳn, mới biết công đức Niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn. Mùa Hè năm ngoái, ông Thiết San lên núi, chính ông ta kể cùng Quang chuyện ấy. Quang đem chuyện này tỏ bày

cùng các hạ, cũng mong các hạ được lợi ích thật sự nơi Niệm Phật.

146. Thư trả lời cư sĩ X… ở Dũng Giang[113]

Chuyện sắc dục là bệnh chung của người cả cõi đời, chứ không riêng gì hạng trung hạ căn bị sắc mê hoặc. Dù là người thượng căn nếu chẳng luôn canh cánh giữ gìn, luôn nghĩ kinh sợ thì cũng khó khỏi bị mê hoặc. Thử xem từ xưa đến nay bao nhiêu hào kiệt lỗi lạc, kham làm thánh làm hiền, chỉ do chẳng phá được cửa ải này, đâm ra thành kẻ hạ ngu bất tiếu, lại còn bị vĩnh viễn đọa trong ác đạo, chẳng biết là bao nhiêu! Kinh Lăng Nghiêm nói: *"Nếu chúng sanh thuộc sáu đường trong các thế giới tâm chẳng dâm sẽ chẳng bị sống - chết tiếp nối. Ông tu tam-muội vốn để thoát trần lao, dâm tâm không trừ, chẳng thể xuất trần được!"* Người học đạo, vốn để thoát lìa sanh tử, nếu chẳng đau đáu dứt trừ bệnh này thì khó thể thoát lìa sanh tử.

Ngay như pháp môn Niệm Phật tuy có thể đới nghiệp vãng sanh, nhưng nếu tập khí dâm cố kết sẽ bị cách ngăn cùng Phật, khó thể cảm ứng đạo giao! Muốn tuyệt cái họa này, không gì bằng trông thấy hết thảy nữ nhân đều khởi thân tưởng, oán tưởng, bất tịnh tưởng:

1) Thân tưởng là thấy người già coi như mẹ, thấy người lớn hơn coi như chị, thấy người trẻ hơn coi như

---

[113] Dũng Giang là một con sông lớn thuộc tỉnh Chiết Giang, chảy qua thành phố Ninh Ba.

em gái, thấy trẻ nhỏ coi như con. Dục tâm dẫu lừng lẫy chẳng dám khởi ý niệm bất chánh đối với mẹ, chị, em, con. Xem hết thảy nữ nhân đều là mẹ, chị, em, con của mình thì lý bèn chế ngự dục, dục không do đâu phát được!

2) Oán tưởng là phàm thấy gái đẹp bèn khởi tâm ái; do tâm ái đó bèn đọa ác đạo, chịu khổ bao kiếp chẳng thể thoát lìa. Như thế thì những gì gọi là mỹ lệ, kiều mị so ra còn độc hại hơn giặc cướp, cọp, sói, rắn độc, bò cạp độc, phê sương, trầm độc[114] gấp trăm ngàn lần. Với những oan gia cực đại ấy vẫn cứ quyến luyến mơ tưởng, há chẳng phải là kẻ mê gấp bội ư?

3) Bất tịnh là vẻ đẹp lộng lẫy động lòng người chỉ là một lớp da mỏng bên ngoài. Nếu bóc lớp da ấy đi thì chẳng dám nhìn: xương, thịt, máu mủ, phân, tiểu, lông, tóc, đầm đìa, ròng ròng, trọn không có vật gì đáng cho người khác yêu mến được! Nhưng do lớp da mỏng bao bọc, nên lầm sanh ái luyến; bình đẹp đựng phân, người ta chẳng muốn nâng niu. Nay lớp da mỏng của mỹ nhân chẳng khác cái bình đẹp đẽ, những thứ được bọc trong đó còn gớm ghiếc hơn phân nữa! Há nên yêu mến lớp da bên ngoài, quên đi những thứ bẩn thỉu chứa bên trong da, lan man khởi vọng tưởng ư? Nếu chẳng khăng khăng kiêng sợ, đau đáu trừ khử tập khí ấy, sẽ chỉ thấy tư chất mỹ lệ khiến cho mũi tên ái lọt thấu xương chẳng thể nhổ được. Thường luôn như thế, lại muốn chết đi

---

[114] Phê sương (đôi khi còn gọi là tỳ sương) là chất độc, tức chất arsenic, còn gọi là Thạch Tín hoặc Nhân Ngôn. Trầm độc là chất độc của con chim Trầm (hoặc còn đọc là Trấm), một loài chim rất độc theo truyền thuyết, tương truyền một cái lông của nó rớt xuống sẽ làm chết sạch cả hồ cá.

chẳng vào bụng người nữ sẽ chẳng thể được! Vào trong bụng người nữ còn tạm được, chứ vào trong bụng súc sanh cái biết làm sao đây? Thử suy nghĩ đến điều này, tâm thần kinh hãi.

Nhưng muốn thấy cảnh mà chẳng khởi nhiễm tâm thì phải trong lúc chưa thấy cảnh, thường khởi ba thứ tưởng này; khi thấy cảnh sẽ tự có thể chẳng bị cảnh chuyển. Nếu không, dẫu không thấy cảnh, ý vẫn vấn vương, rốt cục vẫn bị tập khí dâm dục ràng buộc. Vì thế, phải nỗ lực gột trừ các tập khí ác nghiệp thì mới có phần được tự do. Mỗi ngày ngoại trừ lúc làm việc ra, chuyên tâm niệm danh hiệu Phật. Sáng chiều đối trước Phật, cạn lòng thành, trọn lòng kính, khẩn thiết sám hối tội nghiệp từ vô thỉ đến nay. Hành như thế lâu ngày sẽ có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn mà không hề hay biết. Kinh Pháp Hoa dạy: *"Nếu có chúng sanh nhiều dâm dục, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát liền được lìa dục",* sân khuể, ngu si cũng thế. Do vậy, ta biết: Chí thành niệm thánh hiệu Di Đà, Quán Thế Âm thì ba Hoặc tham - sân - si sẽ tự tiêu trừ. Thêm nữa, cõi đời nay đang hoạn nạn, ngoại trừ việc niệm Phật ra, cần phải niệm thêm thánh hiệu Quán Thế Âm, trong âm thầm sẽ có sự xoay chuyển chẳng thể nghĩ bàn, ngõ hầu chẳng đến nỗi khi túc nghiệp hiện tiền, không cách gì đối phó. Lại nên thường đọc những sách dạy về kiêng dâm, nhân quả, báo ứng, xa lìa những bạn bè cuồng loạn, phóng đãng, hèn tệ thì trong tâm được chánh, sự dụ hoặc bên ngoài dứt tuyệt, sẽ tự có thể thành tựu tịnh nghiệp vậy! Hãy gắng lên!

147. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như

Nhận được thư nhưng công việc bộn bề, chưa thể trả lời được. Quang tuy vì thái phu nhân sáng chiều hồi hướng, há nào thật sự có ích cho thái phu nhân? Chỉ mong thái phu nhân thương cho một niệm chân thành của tôi, lôi kéo Di Đà, Quán Âm đến cứu vớt tôi. Các hạ ngợi khen tôi quá lẽ, khôn ngăn khiến cho người ta thẹn thùng. Lệnh đệ cũng đã phát tâm, xin hãy vì ông ta diễn giảng, đủ biết đời trước đã cùng gieo thiện căn, tương lai cùng làm anh em muôn kiếp trong Liên Trì Hải Hội, mừng mừng tủi tủi. Bài thuốc cai thuốc phiện đăng báo nên đăng nhiều kỳ suốt năm thì người ta mới biết rộng rãi được. Nên kêu gọi những người có tài lực cùng làm. Nếu một người trang trải phí tổn, e không đủ sức kéo dài.

Cách tóm gọn bộ Văn Sao hủ bại đều nên làm sao cho hợp lý, bởi thư Quang đã viết đều chỉ nhằm cho một người nào đó, nếu phổ cập đại chúng thì phải trọn không có chỗ trở ngại nào mới khỏi chuốc lấy lời gièm chê. Những chỗ chỉ trích những thứ cuồng vọng của bọn con cái của ma nên dùng cách trình bày tóm lược, sao cho phù hợp với văn thể. Nhưng nay đa phần môn đồ Thiền Tông chẳng biết Thiền, nếu chẳng chỉ ra những hình tích thật sự đơm đặt đồn thổi của bọn họ, môn đồ Thiền Tông sẽ cho là Quang báng Thiền. Ngay cả đối với bài Tông Giáo Bất Nghi Hỗn Lạm Luận (luận về Tông và Giáo chẳng nên xen trộn), bọn Thiền giả chẳng hiểu Tông phong cũng cho là báng Thiền.

Kiến thức của đồ chúng nhà Thiền đa phần đều là như thế cho nên pháp Thiền mới bị suy sụp sát đất.

Gần đây, Phật pháp lưu thông, cư sĩ Vương Hoằng Nguyện[115] ở Triều Châu rất ham Mật Tông; y theo đó tu trì, hơi có hiệu nghiệm, đối với các tông khác tuy chưa thông tỏ hoàn toàn, nhưng đã mon men ngoài bờ rào. Ông ta dịch cuốn Mật Giáo Cương Yếu[116] của Nhật Bản rồi in ra, gởi cho tôi hai bộ. Nay tôi gởi cho ông một bộ, mong ông tùy hỷ. Nhưng ông ta là người hoằng truyền Mật Tông, nên thiên về đề cao Mật Tông. Ước theo giáo mà luận, cố nhiên chẳng trở ngại lớn lao gì; nhưng nếu xét trên pháp môn Tịnh Độ độ khắp ba căn, thuyết giáo tương ứng với căn cơ mà luận thì cố nhiên khác hẳn nhau. Những điều Vương Hoằng Nguyện đã viết trong thư gởi đến đều là ước theo giáo bỏ sót căn cơ. Quang gởi thư cho ông ta ước trên căn cơ để luận sự lợi ích của giáo pháp, tuy chẳng phù hợp, nhưng cũng không trái nghịch cho lắm. Người ấy đã ngoài bốn mươi tuổi, nếu lại nghiên cứu hơn mười năm nữa cũng có thể trở thành bậc đại thông gia.

---

[115] Ông Vương Hoằng Nguyện người Triều An, Quảng Đông, là người đi tiên phong trong việc phục hưng Đông Mật tại Trung Hoa. Ông từng theo học Mật Tông với Quyền Điền Lôi Phủ suốt 13 năm, được truyền pháp Quán Đảnh. Về sau ông truyền quán đảnh cho người khác ở chùa Lục Dung tại Quảng Châu, chủ trương cư sĩ có thể làm A Xà Lê, chấp nhận các tỳ-kheo thọ pháp đảnh lễ mình, khiến cho các vị Thái Hư, Mạn Thù Yết Đế v.v… công kích, tạo thành đầu mối tranh luận gay gắt giữa Hiển Giáo và Mật Giáo.

[116] Mật Giáo Cương Yếu là tác phẩm nhập môn Mật Giáo gồm bốn quyển của ông Quyền Điền Lôi Phủ người Nhật biên soạn, Vương Hoằng Nguyện dịch cuốn này ra tiếng Hán vào năm 1918. Nội dung trình bày sự phát triển của Mật giáo tại Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản, trình bày những giáo nghĩa, cách thức tác pháp tu trì theo truyền thống Đông Mật (gọi là Đông Mật để phân biệt với truyền thống Mật Giáo của Tây Tạng).

Bài bạt Thiền Tông Bí Mật Liễu Nghĩa Kinh, quyết phải nên thủ tiêu để khỏi gây nghi ngờ, lầm lẫn. Còn như Thanh Văn chuyển xoay Tiểu Quả họ đã chứng để hướng về Như Lai đại đạo, tuy là đốn - tiệm sai khác, nhưng những địa vị theo thứ tự trong khoảng giữa ấy bất tất phải dẹp mất. Đại bàng hễ cất cánh bèn bay chín vạn [dặm], cũng là từ thấp bốc dần lên cao. Dao bén chặt một nhát đứt ngàn tờ giấy, cũng là từ một đến ngàn. Đốn giáo chỉ ước trên mặt đốn mà nói nên không có địa vị thứ tự, nhưng trong chỗ không có địa vị thứ tự ấy, chẳng trở ngại chuyện có địa vị thứ tự rành rành. Nếu khác với Tiệm thì Tiệm chẳng phải là Tiệm như trong Đốn Giáo nói, mà Đốn cũng chẳng phải là Đốn như trong Tiệm Giáo. Hai pháp phán định khác biệt, trọn chẳng tương tức[117], chỉ nên dùng Thật Nghĩa để lập ngôn, chẳng nên dùng cách biểu hiện Tiệm Đốn làm căn cứ thì Phật pháp không pháp nào chẳng thông với nhau.

Vương Hoằng Nguyện luận về Mật Tông cũng là dùng những lời lẽ biểu thị hoằng dương Mật Tông để luận. Do vậy, biết là ông ta vẫn chưa hiểu biết ý tột cùng trong giáo pháp Như Lai là "phải khế cơ". Căn tánh La Hán cũng không nhất định. Có người hồi Tiểu hướng Đại bèn vượt lên, chứng ngay vào địa vị sâu; có người tiến lên từ từ. Dù đốn - tiệm sai khác, nhưng vị thứ vẫn rành rành, tợ hồ chẳng sai khác gì lớn. Tùy loại hiện thân trong mười phương thế giới, bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo đã làm được như vậy. Không trải qua các địa

---

[117] Tương tức: Pháp này chính là pháp kia, như thường nói *"một tức là nhiều, nhiều tức là một"*.

vị Hạnh, Trụ, Hồi Hướng v.v... thì chỉ có bậc đã thành Phật, rồi thị hiện làm La Hán, mới có thể như thế. Nếu là thật chứng, tức thật sự là bậc La Hán hồi Tiểu hướng Đại, e rằng không có bản lãnh ấy. Nếu có thì các Bồ Tát thuộc những địa vị Trụ, Hạnh, Hồi Hướng đều thành hạng người độn căn, không có gì kỳ lạ cả, có lẽ ấy chăng? Lìa Đốn nói Tiệm, lìa Tiệm nói Đốn, lìa Giáo nói Tông, lìa Tông nói Giáo, đề cao Mật Tông, miệt thị Hiển Giáo, đều đáng gọi là "đảm bản hán"[118] (gã vác gỗ) chỉ thấy được một bên mà thôi. Khéo hiểu Phật pháp thì pháp pháp lưu thông. Nếu không, pháp nào cũng gây ra trở ngại. Quang thật là kẻ thấy ít, nghe ít, nhưng ước nghĩa, ước lý mà luận thường dung thông như thế, trọn chẳng có hai đạo lý! Ý kiến hèn mọn của tôi là như vậy đó, chẳng biết các hạ nghĩ như thế nào?

148. Thư trả lời hai vị cư sĩ Từ Ngạn Như và Từ Dật Như

Quý vị nói chuyện đời ràng buộc, không cách gì thoát khỏi được thì ngay trong lúc bị ràng buộc ấy chỉ cần không bị chúng xoay chuyển thì ràng buộc liền thành cởi gỡ như gương chiếu hình tượng, hình đến chẳng cự tuyệt, hình đi chẳng giữ lại. Nếu không biết

---

[118] Nguyên văn là *"từ lục đảm bản, chỉ kiến nhất biên"* (kẻ đi vác gỗ, chỉ thấy được một bên). Đảm Bản Hán nguyên là những người công nhân chuyên vác các tấm gỗ, phiến gỗ. Do khiêng nặng và cồng kềng họ chỉ có thể nhìn về đằng trước, không thể ngó xung quanh. Thiền lâm dùng thuật ngữ *"đảm bản hán"* để chỉ kẻ thiên chấp, chẳng dung thông toàn thể.

nghĩa này, dẫu có trừ sạch mọi chuyện thế tục không còn có chuyện gì phải lo toan thì cũng vẫn bị cái tâm vọng tưởng, tán loạn, ràng buộc kiên cố, chẳng thể gột rửa, thoát khỏi. Người học đạo phải hành xử thuận theo địa vị, tận hết bổn phận của mình. Như thế thì dù suốt ngày việc đời ràng buộc, nhưng suốt ngày vẫn cứ tiêu dao ngoài vật. Câu nói *"nhất tâm vô trụ, vạn cảnh đều nhàn, chẳng ghét lục trần vẫn đồng Chánh Giác"* chính là nói về điều này vậy.

Chuyện niệm Phật quan trọng nhất là liễu sanh tử, đã vì liễu sanh tử thì tự sanh lòng nhàm chán đối với nỗi khổ sanh tử, tự sanh lòng ưa thích đối với sự vui Tây Phương. Như thế thì hai pháp Tín - Nguyện sẽ được vẹn toàn ngay trong một niệm, lại thêm niệm chí thành khẩn thiết như con nhớ mẹ thì Phật lực, pháp lực, sức công đức tín nguyện nơi tự tâm, ba pháp đều phô bày trọn vẹn. Ví như mặt trời rạng rỡ giữa hư không, dẫu mây dầy, băng đóng tầng tầng, chẳng mấy chốc liền tiêu tan. Lúc sơ tâm niệm Phật, chưa tự chứng được tam-muội, ai có thể không có vọng niệm cho được? Quý sao tâm thường giác chiếu, chẳng chuyển theo vọng, ví như quân hai bên đối địch, ắt phải giữ vững thành quách của chính mình, chẳng cho quân giặc xâm phạm tí ti nào, đợi khi giặc vừa tấn công bèn đánh chặn đầu. Ắt phải xua quân Chánh Giác vây kín bốn mặt khiến cho chúng nó không lối lên trời, không nẻo chui xuống đất, khiến chúng sợ bị diệt chủng, liền đua nhau quy hàng. Quan trọng nhất là chủ soái không mê muội, không lười nhác, thường luôn tỉnh táo mà thôi! Nếu mê muội, lười nhác thì chẳng những không diệt được giặc

mà trái lại còn bị giặc diệt. Do vậy, người niệm Phật không biết nhiếp tâm thì càng niệm càng sanh vọng tưởng. Nếu nhiếp được tâm thì vọng niệm sẽ dần dần mỏng nhẹ, cho đến không còn nữa! Vì thế, nói:

Học đạo do như thủ cấm thành,
Trú phòng lục tặc, dạ tỉnh tỉnh,
Tướng quân chủ soái năng hành lệnh,
Bất động can qua định thái bình.
(Tạm dịch:
Học đạo dường như giữ cấm thành,
Ngày phòng sáu giặc, đêm thường tỉnh,
Tướng quân chủ soái nghiêm quân lệnh,
Chẳng dấy can qua, quyết thái bình)

149. Thư gởi cư sĩ Bao Sư Hiền

Tai họa ở Ôn Châu nghe thê thảm quá. Thiên tai, nhân họa không biết đến mức nào. Quả đúng là *"ba cõi không yên, giống như nhà lửa",* đấy cũng là lời răn nhắc thiết yếu nhất đối với chuyện tín nguyện niệm Phật vãng sanh Tây Phương. Niệm Phật tâm không quy nhất là do tâm sanh tử chưa khẩn thiết. Nếu nghĩ như đang bị nước cuốn lửa đốt, không được cứu giúp, tưởng sắp bị chết, tưởng sắp đọa địa ngục thì tâm sẽ tự quy nhất, không cần đến diệu pháp nào khác. Vì thế, trong kinh thường nói: *"Nghĩ cái khổ trong cõi địa ngục, phát tâm Bồ Đề".* Đấy chính là khai thị thiết yếu nhất của đức Đại Giác Thế Tôn, tiếc là con người chẳng chịu

thật sự suy nghĩ! Cái khổ trong địa ngục so với sự thảm thương của nước - lửa sâu nặng hơn vô lượng vô biên lần. Thế mà nghĩ đến nước dâng lửa đốt bèn run rẩy, nghĩ đến địa ngục lại coi thường là vì một đằng do tâm lực nhỏ nhoi chẳng thể thấu hiểu sự khổ ấy, còn một đằng là chính mắt thấy, bất giác lông tóc đều dựng đứng!

150. Thư gởi Hoằng Nhất thượng nhân

Giảng Khởi Tín Luận bất tất phải tuân theo Liệt Võng Sớ[119], nhưng quyết chẳng thể nói Liệt Võng là sai. Đấy là pháp quyết định chẳng thay đổi! Những trước thuật của ngài Linh Phong xưa nay hiếm có. Những kẻ chưa mở Chánh Nhãn chẳng biết được lẽ trọng yếu, bèn giống như chó sủa bóng trăng khiến người sơ học bị lầm lạc. Còn người quả thật đầy đủ chánh tri chánh kiến nghe đến sẽ triệt để thấu hiểu bụng dạ của Ngài. Linh Phong lão nhân chính là người độc nhất vô nhị trong thời Mạt Pháp. Câu chữ, lý sự đầy đủ, lợi ích không thể lường được! Tùy theo căn cơ của mỗi người ai nấy đều được lợi ích.

---

[119] Đại Thừa Khởi Tín Luận Liệt Võng Sớ (còn gọi là Khởi Tín Luận Liệt Võng Sớ, hoặc Liệt Võng Sớ) gồm sáu quyển, là tác phẩm của ngài Ngẫu Ích Trí Húc, được xếp vào quyển 44 trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh. Đây là tác phẩm chú giải cuốn Khởi Tín Luận (bản dịch của ngài Thật Xoa Nan Đà). Tổ Ngẫu Ích đặt tên bản chú giải này là Liệt Võng (xé rách lưới) với ngụ ý phá trừ lưới rập kiến giải sai biệt giữa hai tông Pháp Tướng và Pháp Tánh. Trong luận này, Tổ đã dùng giáo nghĩa Viên Giáo để phối hợp nhất tâm với chúng sanh, nêu lên vọng tâm trong quán cảnh của Viên Giáo.

151. Thư trả lời đại sư Pháp Hải

Hơn mười năm qua tọa hạ tầm thầy hỏi đạo, tự lợi, lợi tha khôn ngăn khâm phục. Nay ngài buông xuống muôn duyên, nhất tâm niệm Phật, lấy cái Giác nơi quả địa làm cái tâm tu nhân, ắt sẽ tự chứng Niệm Phật tam-muội, lâm chung chắc chắn lên Thượng Phẩm. Đã chịu dốc lòng, quyết được thành tựu. Nhưng người đời niệm Phật thì đông, chứng được tam-muội thật ít lắm, ấy là do chưa thể *"buông xuống toàn thân, chỉ để khởi một niệm"*! Do vậy, thành ra tâm và Phật khó thể tương ứng. Tọa hạ đã chân thành, thiết tha buông xuống, quyết chẳng lẽ nào không chứng đắc; nhưng đối với những chuyện liễu sanh thoát tử, minh tâm kiến tánh, và "nắm được mấu chốt sự chứng đạo" cần phải phân biệt đôi chút.

Nếu dựa theo giáo lý thông thường để tu thì dù đã minh tâm kiến tánh vẫn còn cách liễu sanh thoát tử xa lắm! Bởi minh tâm kiến tánh là ngộ, chứ chưa phải là chứng. Người đời nay ngộ được còn ít, huống chi là chứng! Chứng là Hoặc nghiệp hết sạch, đã đoạn cái nhân sanh tử, tự chẳng cảm lấy cái quả sanh tử. Bậc Sơ Quả bảy lần sanh lên trời, bảy lần trở lại nhân gian mới đoạn sạch được Kiến Hoặc và Tư Hoặc, chứng quả A La Hán. Ngài Thiên Thai (Trí Giả đại sư) thị hiện ở địa vị Ngũ Phẩm, ngài Nam Nhạc[120] thị hiện ở địa vị Thập Tín. Bậc đại sĩ như thế còn tự ẩn đức mình, thị hiện

[120] Tức ngài Huệ Tư, thầy của tổ Trí Khải.

trong địa vị nội ngoại phàm phu[121], thì việc chứng đạo không phải là chuyện dễ. Đây là ước theo giáo lý thông thường, muốn ngay trong một đời này chứng đạo khó lắm.

Nếu căn cứ theo pháp môn đặc biệt mà đức Như Lai đã lập *"sanh lòng tin, phát nguyện, niệm Phật cầu sanh Tây Phương"* thì trên đến bậc Đẳng Giác, dưới đến phường Ngũ Nghịch, Thập Ác không ai chẳng nương Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Đã sanh về Tây Phương thì ngộ đạo, chứng đạo đều giống nhau khít khao, cực nhanh, cực dễ. Tọa hạ đã chuyên tâm niệm Phật, nhưng đối với chuyện lâm chung chẳng nói là *"vãng sanh"* mà nói là *"bằng cớ chứng đạo đến tay"*. Phàm nói *"chứng đạo"* là được rồi, há nên nói là *"bằng cớ đến tay"*. Bằng cớ đến tay thì không cần phải bàn nữa, nếu bằng chứng không nắm được thì làm sao đây? Xem ngữ ý của các hạ tợ hồ chỉ niệm Phật chứ không sanh lòng tin, không phát nguyện cầu sanh! Đấy là cách Thiền, Giáo dùng câu niệm Phật như câu thoại đầu vậy, chứ không phải là pháp Tín - Nguyện - Hạnh ba điều cùng hành trong Tịnh Tông. Không tín nguyện niệm Phật so với tham Thiền, khán thoại đầu tuy công đức lớn hơn, nhưng chưa tự đoạn Hoặc, cậy vào tự lực sẽ chẳng thể liễu thoát.

---

[121] Là những địa vị trước khi đạt đến địa vị Kiến Đạo. Theo Thành Thật Luận, tu hành Phật đạo chưa thấy được chánh lý thì gọi là "phàm phu". Có trí giải tương tự đối với Chánh Lý thì gọi là "nội phàm", chưa phát được tương tự trí giải thì gọi là "ngoại phàm". Trong Tiểu Thừa, ba địa vị Ngũ Đình Tâm, Biệt Tướng Niệm Xứ, Tổng Tướng Niệm Xứ là "ngoại phàm"; bốn địa vị thiện căn Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế Đệ Nhất là "nội phàm". Trong Đại Thừa, Thập Tín Phục Nhẫn là "ngoại phàm", Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng là "nội phàm"; những địa vị này còn gọi là Địa Tiền Bồ Tát.

Lại nữa, không có tín nguyện sẽ chẳng được Phật tiếp dẫn liễu thoát, nên vẫn là pháp môn thông thường cậy vào tự lực. Chứng đạo kiểu này chẳng phải dễ dàng chi lắm! Đừng bảo tín nguyện cầu sanh là hèn kém, Hoa Tạng hải hội đều cùng dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh làm chỗ kết thúc cuối cùng cho kinh Hoa Nghiêm. Huống chi tất cả ngôn giáo của các Bồ Tát, tổ sư Tịnh Độ, đều dạy tín nguyện cầu sanh. Sao tọa hạ lại tự lập môn đình, chẳng dựa theo quy củ đã thành lập của Phật, của Tổ?

Vả nữa, người suốt đời suốt ngày trọn năm niệm Phật há có nên đối với Phật chẳng hành lễ kính? Trong mười đại nguyện vương, lễ kính đứng đầu. Mọi chuyện tọa hạ có thể bỏ, chứ lễ kính quyết chẳng được bỏ! Nếu không lễ Phật, sẽ khó cảm thông. Vì sao vậy? Do thân mong cầu an nhàn, thong dong, nên tâm thành cũng không cách nào đạt đến cùng cực được! Ngài Thiện Đạo chuyên tu, thân nghiệp chuyên lễ, khẩu nghiệp chuyên xưng, ý nghiệp chuyên niệm. Niệm đến cùng cực thì vị Phật trong tâm và vị Phật bên ngoài hệt như một không hai. Chứng đạo như vậy thì sự chứng đạo do tự lực chẳng thể nào so sánh được. Cổ nhân nói: *"Kẻ hèn kém nhờ vào sức Luân Bảo*[122] *một ngày có thể đi khắp bốn đại bộ châu*[123]*",* há có nên dùng pháp môn Niệm Phật đặc biệt để tu quán hạnh theo đường lối tự lực thông thường? Quang tuy hạ ngu, chẳng dám tán

---

[122] Tức Kim Luân Bảo (bánh xe bằng vàng) của Chuyển Luân Thánh Vương, Luân Vương ngự trên luân bảo này bay đi khắp bốn bộ châu.

[123] Bốn đại bộ châu là Nam Thiệm Bộ Châu (Diêm Phù Đề), Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Câu Lô Châu và Đông Thắng Thần Châu. Bốn châu này ở quanh núi Tu Di.

thành. Nếu đem cái tâm thanh tịnh mảy trần chẳng nhiễm này để viên chứng tam tâm thì đời này tự chứng tam-muội, lâm chung vãng sanh Thượng Phẩm, xin mừng trước cho tọa hạ. Một tấm lòng ngu, kính mong soi xét.

152. Thư trả lời cư sĩ Vương Dữ Tiếp

Quang là một ông Tăng tầm thường, trọn chẳng có hành trạng tốt đẹp gì, một bề ăn xin mà còn chẳng được, nên bèn nhặt nhạnh những thứ cơm thừa canh cặn vứt bỏ ngoài cửa trưởng giả đại phú để tự nuôi thân. Cũng có người chẳng hiềm chua hôi, nài ép tôi thí cho, bèn đem những thứ ấy trao ra, chỉ nhằm thích hợp giữa hai bên [người xin, kẻ cho] chứ chẳng dám khiến cho người khác chán nghe chẳng muốn thấy. Do vậy, một là chẳng có tông phái gì, hai là không môn đình, ba là không quyến thuộc, chưa từng kết bạn lập hội để tham cứu cùng ai. Phàm có ai hỏi đến đều bảo nên trọn hết bổn phận, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, dẫu là người thiên tư thượng đẳng, học thức tót vời cũng dâng lên những lời ấy. Ví như bé trai dâng cát[124], chỉ mong bày tỏ lòng thành của mình, hoàn toàn chẳng tính xem người khác có dùng được hay chăng! Chẳng ngờ hai chữ tiện danh đã làm bẩn tai các hạ. Ngày hai mươi nhận được thư, khôn ngăn thẹn thùng, hoảng sợ, vui mừng, lo lắng xen lẫn.

---

[124] Thời Phật còn tại thế, có một đứa trẻ thấy Phật hoan hỷ, kính quý, bèn dâng một vốc cát lên Phật để cúng dường.

Do các hạ nghe lầm lời người, lầm tưởng tôi là người trong pháp môn, nên bèn đem sai lầm đáp tạ sai lầm, trình bày quẩn quanh kiến giải hèn kém của mình để đáp tạ sự khen lầm. Biết lời mình viết cố nhiên chẳng đáng lọt vào mắt các hạ, nhưng chẳng ngại giãi bày tấm lòng mình mà thôi. Trộm nghĩ hiện nay thế đạo nhân tâm chìm đắm đến cực điểm, lại thêm quốc khố trống rỗng, thuế má nặng nề hơn trước biết bao lần, vật giá đắt đỏ, dân không lẽ sống, thiên tai, nhân họa liên miên xảy ra. Gặp thời buổi này, muốn hoằng pháp đạo chỉ có thể đối với khắp những người đến hỏi chỉ dạy họ học lấy những nghĩa trọng yếu của Phật. Với cha nói đến từ, với con nói đến hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng, vợ theo, ai nấy tận hết bổn phận để lập nền tảng. Từ đấy, lại thêm trọng lòng kính, giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ, hiểu nhân rõ quả, mong khỏi luân hồi, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dù thiên tư cao cũng vẫn cứ hành theo đó. Lúc có dư sức chẳng ngại nghiên cứu hết thảy kinh luận, dạy cho họ ở trong gia đình, tùy phận tu trì, chẳng cần phải tạo dựng điện đường cho nhiều, cắt đặt nhân viên cho đông, hai bên qua lại bận bịu chức vụ, tốn kém thời gian. Đây thật là cách tương kế tựu kế thích hợp nhất để hoằng pháp hiện thời.

Còn như chương trình khai khẩn chốn hoang vu của các hạ đã định, dù lúc đất nước hưng thạnh, dân chúng giàu có còn chẳng nên làm, huống chi đang lúc vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống này! Nhưng các hạ đã đưa ra đề nghị ấy, người trong toàn quốc không ai

chẳng hoan hỷ khen ngợi, mừng đạo pháp sắp được hưng khởi. Quang thật ôm lòng lo lắng sâu xa, không thể không vì các hạ trình bày đại khái. Chỉ dựa theo những việc đã nêu ra trong chương trình thì số tiền vàn muôn cũng chẳng đủ dùng. Nếu các hạ có thể biến cả đại địa thành vàng ròng thì lời Quang nói quả thật là ngu si vô tri. Còn nếu muốn dựa vào sự quyên góp để thực hiện sự nghiệp trùm khắp vũ trụ này thì thật giống như giấc mộng đêm Xuân, chẳng thực tế mảy may nào! Huống chi chưa từng nghe các hạ có đại thần thông, bất luận ai dù xa hay gần đều có cách nhiếp trì, khiến họ chẳng vượt thoát được mảy may giống như tôn giả Ưu Ba Cúc Đa[125].

---

[125] Ưu Ba Cúc Đa (Upagupta), vị tổ thứ tư của Thiền Tông Ấn Độ, tên Ngài còn được phiên âm là Ưu Ba Cấp Đa, Ưu Ba Quật Đa, Ô Ba Quật Đa, Ưu Ba Cúc Đề, Ưu Ba Cúc, Ưu Ba Quật, hoặc gọi tắt là Quật Đa, dịch sang tiếng Hán là Đại Hộ, Cận Tạng, Cận Hộ. Ngài là người xứ Mathura, Ấn Độ, là một trong những vị thầy nổi danh của vua A Dục (Asoka). Ngài là người nổi tiếng thông minh, từ mẫn. Ngài được vị tổ thứ ba là ngài Thương Na Hòa Tu dạy phép quán: *"Nếu khởi ác tâm, bèn quán tướng có một viên đá đen ở bên trái, nếu khởi thiện tâm, quán một viên đá trắng bên phải"*. Ngài bèn nhiếp tâm quán niệm. Thoạt đầu đá đen rất nhiều, quán đến ngày thứ bảy, chỉ thấy tướng đá trắng. Tổ Thương Na Hòa Tu bèn thuyết pháp Tứ Đế, ngay khi đó, tổ Ưu Ba Cúc Đa bèn chứng quả Tu Đà Hoàn. Ngài lần lượt quán các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã, chứng lần lượt từ Nhị Quả đến quả A Na Hàm. Khi xuất gia thọ Cụ Túc Giới bèn chứng A La Hán Quả. Ngài trụ tại núi Ưu Lưu Mạn Trà ở nước Mathura thuyết pháp. Đồ chúng đông đến một vạn tám ngàn người. Ngài từng thuyết pháp cho vua nước Hoa Thị, chỉ bày các dấu tích cũ của Phật, dựng tháp cúng dường Phật và các đại đệ tử như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, A Nan v.v… Số tháp dựng nhiều đến tám vạn bốn ngàn cái. Theo các nhà nghiên cứu hiện thời, tôn giả Mục Liên Tử Đế Tu (Moggaliputta-tissa), thầy của vua A Dục, rất có thể chính là tôn giả Ưu Ba Cúc Đa, bởi lẽ danh hiệu Mục Liên Tử Đế Tu chính là ghép tên của ngài Mục Liên và họ của ngài Xá Lợi Phất. Theo truyện ký, ngài Ưu Ba Cúc Đa trí huệ như Xá Lợi Phất, thần thông như Mục Liên, nên rất có thể cổ nhân dùng danh xưng Mục Liên Tử Đế Tu để xưng dương tổ Ưu Ba Cúc Đa.

Như vậy, đại sự như thế, số người sử dụng há có thể bảo đảm ai nấy đều ôm lòng vì việc chung, tuyệt đối chẳng nẩy sanh mối tệ hay chăng? Con người hiện thời con thờ cha còn làm chuyện tệ hại, nữa là đại sự mênh mông không bờ bến này? Thêm nữa, con người hiện thời không có chí hướng nhất định, bất luận xã hội nào, đa phần đều thuộc loại như vậy. Nếu có kẻ mang lòng sai khác, xen vào trong ấy, dẫn dụ kẻ vô tri vô thức làm vây cánh, một mai sự việc dấy động ắt đến nỗi lửa thiêu rặng Côn Luân, ngọc đá đều cháy. Nhằm lúc nhân tâm chìm đắm đến cùng cực này, sao các hạ chẳng lo nghĩ đến điều ấy?

Tống Từ Vân Sám Chủ qua đất Tô giảng kinh, người nghe giảng ngày đến vạn người, đêm cả ngàn người, kẻ đồ tể, kẻ bán rượu chẳng buôn bán, pháp đạo lừng lẫy, quả là chưa từng có. Ngài Từ Vân lo sợ, e rằng có điều mình chưa tính đến, ắt sẽ có chỗ vụng về. Ngài Từ Vân là bậc cao tăng đại trí huệ, đại biện tài, lại còn có thần thông, nhằm lúc quốc gia thái bình, nhân tâm thuần thiện mà còn thận trọng như thế. Những nội hạnh bí mật của các hạ đương nhiên Quang chẳng thể biết được, nhưng căn cứ theo bên ngoài thì các hạ so với ngài Từ Vân nào chỉ như đem Thái Sơn sánh với Tu Di! Huống đang nhằm lúc trên không pháp để suy lường, dưới không pháp để tuân theo, dẫu là đại ân của cha mẹ, tình nghĩa vợ chồng riêng tư còn muốn vứt bỏ, họ công nhiên đề xướng ý tưởng "tận hiếu chính là tánh chất nô lệ, cùng chia xẻ vợ với nhau". Nếu những kẻ như vậy trà trộn vào thì nên xử trí thế nào? Nếu không thì họ kỵ pháp mình, lại nói bậy bạ, lại phải xử trí thế

nào đây? Phàm một pháp đã lập, trăm mối tệ dần dần sanh; chẳng cẩn thận từ đầu, khó thể xong xuôi được! Vả nữa, cổ đức hoằng pháp ai nấy đều tự lập giới hạn. Các hạ vứt bỏ thời đại chuyên chế, lại lập một môn đình Phật pháp chuyên chế, mình nghiễm nhiên làm pháp vương, tự tại nơi pháp, ngàn căn cơ đều nuôi dưỡng, muôn phái đều chầu hầu; hay thì hay lắm, quả thật chỉ sợ không có sức thần thông chế phục, ắt có kẻ gian trà trộn phá hoại, hoặc ôm lòng đố kỵ, ghen ghét nên bèn vu báng, chưa thấy được ích lợi hưng thịnh pháp đã mắc vào cái họa diệt pháp. Do tâm đại Bồ Đề chuốc lấy quả ác này; người có tâm không ai chẳng đau thương! Tuy đau thương, rốt cuộc có ích gì?

Vì thế, Quang không thể không vì các hạ nói trước, chẳng tính đến chuyện người ta ghi nhận hay không! Nếu nhất quyết làm theo chương trình đã định thì Quang cũng chỉ khen ngợi cái tâm tốt đẹp của các hạ mà thôi, há có thể cưỡng các hạ đừng nên làm hay sao? Ngàn phần mong hãy đem cái tên hèn kém của Ấn Quang thủ tiêu đi, Ấn Quang quyết chẳng dám thừa nhận cái chức vị danh dự "Thượng Tọa đạo sư" đâu! Quang một mực rút lui, bởi kiến giải của mình khác với người ta. Nếu chẳng cho lời Quang là đúng, ắt sẽ có lúc phải hối nhưng không kịp. Kinh Dịch nói: "*Chỉ có mình thánh nhân mới biết tiến thoái tồn vong mà chẳng mất lẽ chánh, có lẽ chỉ có mình thánh nhân đó ư?*" Xin các hạ hãy suy nghĩ cặn kẽ!

153. Thư gởi cư sĩ X… ở Vĩnh Gia

Lệnh hữu cầu con tính bỏ ra trăm đồng để thỉnh một trăm bộ Cảm Ứng Thiên Vựng Biên để tặng cho những bậc chánh nhân quân tử thông hiểu văn lý, có tín tâm, quả thật là công đức chẳng thể nghĩ bàn, sẽ được cảm thông. Lại nên biết để cầu con thì phải bắt đầu từ chuyện vun bồi đức, tiết dục. In tặng thiện thư chính là một cách để vun bồi đức, nhưng không phải chỉ có mỗi cách đó. Hãy xem Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn để biết cách vun bồi đức: Điều thiện thì tùy phận, tùy sức thực hành, còn điều ác thì bỏ đi như thù, như oán. Viên Liễu Phàm nỗ lực chiêm nghiệm Công Quá Cách[126], chẳng chịu bỏ lỡ mảy may gì. Vì thế, mạng ông ta vốn không thọ lại sống thọ, không đại công danh lại được đại công danh, không con mà có con. Nếu có thể noi theo dấu thơm ấy để mong đức ngày càng tăng trưởng, lỗi ngày càng giảm, dẫu chẳng dùng đến Công Quá Cách thì những gì Viên Liễu Phàm đạt được, lệnh hữu cũng sẽ đạt được!

---

[126] Công Quá Cách là một bộ thiện thư Đạo giáo, không rõ xuất hiện vào thời nào, thường được coi là của Phù Hựu Đế Quân (tức Thuần Dương Lã Động Tân) giáng cơ, có thuyết nói là Thái Vi Tiên Quân giáng cơ. Bản Công Quá Cách hoàn chỉnh cổ nhất mang tựa đề Thái Vi Tiên Quân Công Quá Cách được chép năm 1171. Từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 18, có rất nhiều dị bản Công Quá Cách khác nhau được lưu hành. Do nội dung khuyến thiện tích cực của nó, Công Quá Cách được Phật giáo Trung Hoa đón nhận nồng nhiệt và đề xướng. Người tích cực nhất chính là tổ Vân Thê Liên Trì, cuốn Tự Tri Lục của Ngài được viết theo tinh thần Công Quá Cách. Hiện nay bản được phổ biến nhất là bản đầu đời Thanh mang tựa đề Thái Vi Tiên Quân Lữ Thuần Dương Tổ Sư Công Quá Cách. Công là những điều thiện, Quá là những chuyện ác. Ghi chép lại như nhật ký để tự sửa đổi nên gọi là Cách.

Huống chi ông ta làm chủ tòa báo, nắm quyền cơ quan ngôn luận, phàm những văn tự thương phong bại tục vô ích trọn chẳng cho đăng báo. Phàm những lời hay ý đẹp khiến đời yên dân lành mỗi ngày nên đăng mấy câu, dùi mài mãi sẽ từ từ nhiễm, khiến cho con người ngày càng hướng đến điều thiện mà chẳng tự biết. Đấy chính là đại trượng phu chẳng có quyền thế mà lại thực hành quyền hạn lớn lao để cứu quốc cứu dân vậy. Đầy đủ những nhân duyên này mà không biết làm như thế, có thể nói là *"tuy đã lên núi báu nhưng vẫn trở về tay không"*. Tiếc thay!

Chuyện tiết dục về lý rất thâm, quan hệ rất lớn, nói chẳng dễ dàng đâu nhé! Phàm trời sanh trai gái, thánh nhân phỏng theo trời lập ra quy củ cho nam nữ lập gia đình, chính là mối quan hệ lớn nhất giữa người với người, trên liên quan đến phong hóa, dưới để tiếp nối giống nòi, há phải đâu hằng ngày mong cầu khoái lạc, coi dục sự là trọng ư? Người tham dục, tinh loãng vô lực, như hạt giống lép chẳng thể nẩy mầm; vì thế khó sanh con. Nếu sanh con được, đa phần chưa thành người đã chết yểu! Nếu may mắn không chết yểu thì cũng bấy bớt, yếu đuối, không thể lớn mạnh được! Nếu bảo dưỡng tinh thần, tiết dục nửa năm, đợi đến khi vợ qua kỳ thiên quý, chọn ngày lành tháng tốt, cùng nhau vui vầy, quyết sẽ hoài thai. Sau đấy, vĩnh viễn dứt dục sự thì đứa con được sanh ra chẳng những tánh hạnh trinh lương, dục niệm mỏng nhẹ, mà thể chất mạnh mẽ, không lo bị thai độc, đậu chẩn[127], tật bệnh v.v… "Thiên

[127] Thai độc: các bệnh truyền nhiễm từ người mẹ lây sang con trong khi mang thai. Đậu chẩn: các loại sởi, ban đỏ, thủy đậu v.v…

quý" tức là hành kinh vậy. Phải qua kỳ kinh nguyệt mới đậu thai được, những lúc khác chẳng thể thọ thai. Khi kinh nguyệt chưa hết, trọn chẳng được ân ái. Ân ái thì người vợ sẽ mắc bệnh dây dưa, đừng mong chi hoài thai nữa.

Chuyện quan hệ lớn lao của con người há có thể làm vào ngày xấu, tiết xấu; vì thế, phải chọn lấy bữa tốt lành. Thiên Nguyệt Lệnh của sách Lễ Ký[128] có chép thánh nhân vào lúc giữa Xuân, trước khi sấm động ba ngày, đánh mõ lớn để truyền cho dân biết: *"Lôi tương phát thanh, hữu bất giới dung chỉ giả, sanh tử bất bị, tất hữu hung tai"* (Sấm sắp động. Kẻ nào chẳng biết kiêng cử chuyện ăn nằm thì sanh con chẳng vẹn toàn, ắt bị tai họa hung hiểm). *"Gõ mõ gỗ truyền lệnh cho nhân dân"* là sai quan địa phương truyền báo cho trăm họ. *"Dung chỉ"* còn gọi là *"động tịnh"*. *"Bất giới dung chỉ"* (chẳng biết kiêng cử chuyện ăn nằm) là cứ ân ái. *"Sanh con chẳng vẹn toàn"* nghĩa là ngũ quan[129] chẳng hoàn toàn v.v… Trong đời thường có kẻ sanh con chẳng ra người, hoặc thân hình thiếu sứt đều là vì lẽ này. *"Ắt có tai họa hung hiểm"* ý nói cha mẹ còn gặp tai ương nguy hiểm như mắc bệnh ngặt nghèo, yểu thọ

---

[128] Lễ Ký là một bộ cổ thư ghi chép những nguyên lý về lễ nghi, ứng xử thời cổ. Tác phẩm này là công trình ghi chép, san định của các môn đệ Khổng Tử và các học giả đời sau. Thoạt đầu, bộ sách này gồm 214 thiên. Về sau, Đới Đức san định, rút gọn thành 85 thiên, tục gọi là Đại Đới Ký. Về sau, Đới Thánh đời Hán lại chỉnh lý lần nữa, rút gọn thành 49 thiên, tục gọi là Tiểu Đới Ký. Lễ Ký thông dụng hiện thời chính là Tiểu Đới Ký. Nguyệt Lệnh là một thiên sách trong Lễ Ký, ghi chép những chánh lệnh trong 12 tháng. Chánh lệnh là những quy định, lễ nghi phải tuân thủ theo quan điểm cổ nhân.

[129] Ngũ quan: Theo tự điển Từ Hải, Ngũ Quan có hai cách hiểu: 1. Tai, mắt, mũi, miệng, tim. 2. Tai, mắt, mũi, miệng, da.

v.v… chứ chẳng phải chỉ sanh con không vẹn toàn! Thời xưa, thánh vương coi trọng mạng dân nên đặc biệt chú ý đến điều này, gõ mõ gỗ để báo cho dân biết. Chẳng những khi sấm sắp động nên kiêng kỵ, mà ngay cả khi mưa to gió lớn, gặp ngày có sao xấu, và lúc đổi mùa, nhằm ngày đản sanh của Phật, Thánh đều nên kiêng kỵ cả.

Đây thật là đại đạo tôn trời kính thánh, tuân theo vương pháp, giữ vẹn nhân luân. Tiếc rằng người đời nhất loạt chẳng chịu nói ra điều này khiến cho thể chất của con cháu đời sau ngày càng tệ hơn đời trước, hoặc là tuổi trẻ đã sớm chết yểu, hoặc vì hành dục quá độ, dẫu không chết yểu, cũng trở thành suy tàn, không làm nên trò trống gì! Quá nửa đều là do cha mẹ chẳng biết đạo nhân luân mà nên nỗi! Cha mẹ không biết là vì ông bà không dạy. Lúc con cái trưởng thành, nên đem những chuyện tiết dục bảo tồn thân thể v.v… cặn kẽ bảo ban, cha dạy con gái không tiện, còn mẹ thì không ngại gì! Làm được như thế mới là thật sự yêu thương con cái. Nhưng thế gian yêu thương đa phần là mặc cho nó phóng túng dục sự thì cái hại ấy còn quá giết chết con cái nữa, chẳng đáng buồn ư?

Thánh nhân trọng thai giáo, hết sức chú ý đến điều này: Lúc chưa có thai đã chuẩn bị dạy sẵn. Tôi lạm dự vào Tăng chúng, há nên lại bàn chuyện ăn nằm giữa vợ chồng? Là vì trước khi xuất gia đã từng coi những lời luận bàn chí lý của cổ nhân về chuyện củng cố cái gốc, nên muốn truyền cho tri kỷ để báo cái ân hộ pháp. Một lẽ nữa là vì đức Phật là đại y vương, không bệnh nào chẳng trị, Quang làm đệ tử Phật cũng muốn tùy phận,

tùy sức hành y đạo. Căn bệnh này là căn bệnh lớn chung của cả thế gian. Nếu cứ để cho căn bệnh lớn phổ biến của cả thế gian này mặc tình phát sanh nẩy nở, chuyên đi trị những căn bệnh riêng biệt nhỏ nhặt khác, há chẳng phải là điên đảo không phân nặng - nhẹ hay sao?

Đặng Bá Thành cũng muốn cầu con, Quang viết thư cũng lược thuật ý này, đến khi ông Úy Như ấn hành ba lá thư ấy và in bộ Văn Sao đều lược đi, vì cho rằng chuyện ấy chẳng hợp với tăng sĩ, cũng chẳng hợp với những gì đã nói trong Phật pháp. Ý ấy cố nhiên là tốt lành, nhưng người ta khổ vì không con, dám đem sự ấy hướng về Phật mà cầu, hướng về Tăng mà nói, Tăng bèn vì người ấy nói đầu đuôi thiện pháp, khiến cho con cháu người ấy đều được đại thọ dụng thì nào có lỗi gì! Cho rằng Tăng dạy người tiết dục là lạm bàn dâm dục, hóa ra Tăng dạy người tránh giết chính là dính vào sát nghiệp ư?

Nhưng chuyện này chẳng thể nói cùng kẻ vô tri vô thức, sợ hắn không hiểu được ý, trái lại còn giễu cợt. Nếu nói cùng người quân tử hiểu lý, đúng là chẳng có địa vị mà lại gõ mõ gỗ để hiệu triệu nhân dân. Trị khi chưa loạn, giữ đất nước khi chưa nguy chính là cùng một phương kế với điều này vậy. Bảo nói đến chuyện này là sai trái thì thánh vương, thánh hiền, Phật, Bồ Tát chính là đầu sỏ gây lỗi vậy. Ở Hồ Nam có một nho sĩ họ Lưu, không nhớ tên, cưới vợ nhưng không gần gũi. Vợ bảo: "Cưới vợ vốn để sanh con, ông không gần gũi thì dòng giống bị đoạn tuyệt", bèn gần gũi một lần, sanh được con, nhân đó đặt tên là Truyền Chi, rồi tuyệt dục.

Vợ lại bảo: "Chỉ một mụn con, trơ trọi không nương tựa, chi bằng sanh thêm một đứa nữa". Lại gần vợ lần nữa, lại sanh con, đặt tên là Tái Chi, hai con đều vào viện Hàn Lâm. Cả đời người ấy chỉ ân ái hai lần, nhưng lại ghi rõ những ngày nên kiêng ăn nằm, cũng như thanh tâm ít dục, bảo tồn nguyên khí, khang kiện tinh thần, chép vào trong gia phả ngõ hầu con cái đời đời tuân theo đó. Một người bạn ở Hồ Nam kể cho tôi nghe chuyện này.

Muốn cầu quý tử mà bỏ cách này để cầu thì dù có được, cũng chỉ là chuyện cầu may. Cầu theo cách này thì cầu ắt được! Phàm đỗ đạt đều là do tổ phụ có đại âm đức. Nếu không âm đức cứ dùng sức người để phát khởi ắt sẽ có đại họa về sau, chẳng thà không phát còn tốt hơn! Xem khắp từ xưa đến nay, bậc đại thánh đại hiền sanh ra đều là do tổ phụ tích đức mà được, đại phú đại quý cũng thế. Con cháu sanh trong phú quý chỉ biết hưởng phước tạo nghiệp, quên mất tổ phụ đã một phen vun bồi, do đấy chôn vùi tổ đức, phá sạch tổ nghiệp, trở thành nghèo hèn. Đấy chính là căn bệnh chung cho những người phú quý trong cả cõi đời.

Đời đời giữ được đức tổ tiên, vĩnh viễn không thay đổi chỉ có nhà họ Phạm ở Tô Châu xưa nay là bậc nhất. Từ Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yêm[130]) đời Tống

---

[130] Phạm Trọng Yêm (989 - 1052), người đời Tống, tự là Hy Văn, mồ côi cha từ năm hai tuổi, nhà nghèo nên mẹ phải tái giá. Lớn lên một chút, bèn bỏ nhà ở nhờ ngôi chùa trong làng, dốc sức học hành. Sau đỗ Tiến Sĩ, giữ chức Giảo Lý trong Bí Thư Các. Thường khảng khái luận chuyện thiên hạ, sĩ phu đương thời rất kính trọng. Ông làm tướng thời Tống Nhân Tông, trấn thủ tỉnh Thiểm Tây, phòng ngự quân Tây Hạ, giặc chẳng dám xâm phạm. Sau bị sàm báng, bị truất làm Thị Lang bộ Hộ. Ông mất năm Hoàng Hựu thứ tư, hưởng thọ sáu

cho mãi đến cuối đời Thanh, hơn tám trăm năm gia phong chẳng đọa, luôn luôn đỗ đạt, có thể nói là nhà đức hạnh thư hương đời đời. Họ Bành (dòng họ của ông Bành Tế Thanh) ở Trường Châu từ đầu đời Thanh đến nay đỗ đạt đứng đầu thiên hạ. Nhà ấy bốn năm người đỗ Trạng Nguyên, có khi anh em cùng đỗ ba hạng đầu của bảng vàng, nhưng họ đời đời sùng phụng Phật pháp, dẫu là trạng nguyên, tể tướng vẫn hằng ngày đọc Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn ngõ hầu thành ý chánh tâm, làm tấm gương tận trung với vua, yêu dân. Kẻ cuồng sinh kia cho những sách ấy là những chuyện để ông già, bà cả dốt nát thực hành, chẳng những không biết vì sao thánh hiền thành thánh hiền mà còn chẳng biết con người phải nên làm người như thế nào nữa. Sống làm thây đi thịt chạy, chết mục nát cùng cỏ cây, nhưng ác nghiệp khó tiêu, vĩnh viễn trầm luân ác đạo. Bọn họ vênh váo tự cho mình là người thông suốt hiểu rộng đến nỗi đời sau trong thời gian không biết là bao lâu sau, những danh từ "trời đất, cha mẹ" còn chẳng được nghe!

Muốn cho con cháu chẳng theo con đường hư hỏng, cùng vào chánh đạo, hãy nên dùng Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, Âm Chất Văn Quảng Nghĩa làm kim chỉ nam định hướng, dù thế tục tập nhiễm sóng ác ngập trời, mây đen che khuất mặt trời cũng chẳng đến nỗi không biết phương hướng, lạc lõng, chìm đắm. Nếu không,

---

mươi bốn tuổi, được truy tặng chức Binh Bộ Thượng Thư, đặt thụy hiệu là Văn Chánh (do vậy, tổ Ấn Quang thường gọi ông là Văn Chánh Công). Trọng Yêm nghiêm trì giới luật, khắc khổ tinh chuyên. Dù làm quan lớn, thích thân cận cao tăng, tham cứu Thiền pháp, thích làm lành, bố thí, tạo nghĩa điền (ruộng nghĩa) nuôi người nghèo. Ngày ông mất, tiếng than khóc khôn xiết kể, dân chúng khóc như mất cha mẹ vậy.

dẫu gió lặng, sóng yên, mặt trời rạng chiếu, cũng khó giữ khỏi lặn ngụp, bị đắm chìm mất. Huống chi trọn chẳng có hy vọng thế đạo nhân tâm sẽ sóng yên, gió lặng, mặt trời chiếu rạng! Phải biết hai chữ Âm Đức bao trùm rộng lắm! Khiến cho con em người ta được thành tựu, khiến cho chúng được dự vào bậc thánh hiền, cố nhiên là âm đức. Thành tựu con em của chính mình, khiến cho chúng nó được dự vào bậc thánh hiền cũng là âm đức. Trái lại, khiến cho con em người ta bị lầm lạc cố nhiên bị tổn đức, mà làm con cái mình lầm lạc cũng bị tổn đức. Nếu đủ sức làm được thì còn may mắn nào hơn? Nếu không thì hãy nêu gương thánh, gương hiền qua những cư xử hằng ngày trong gia đình, đấy chính là tu chân ngay trong cõi tục, hiện thân cư sĩ để thuyết pháp vậy. Mong ông hãy đem ý này bảo cùng lệnh hữu và hết thảy bạn tri giao, tha thiết bảo ban, chưa bao giờ không phải là một cách để tự lập, lập người, tự lợi, lợi tha vậy!

154. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư thứ nhất)

Nhận được thư biết phu nhân mắc phải bệnh tật đã hơn cả tháng. Dùng thuốc khó khăn, các thầy thuốc đều bó tay. Nhằm ngay lúc này, đúng là lúc nên dùng thuốc A Già Đà trị chung vạn bệnh. Các hạ hay đem thuốc này thí khắp cho người, sao đối với bệnh của phu nhân lại chần chừ, lo ngại khó dùng thuốc này vậy? Lệnh lang, lệnh ái, lệnh tức[131] v.v… đều thọ ân sanh thành; đúng ngay lúc thân mẹ mắc bệnh nặng, sống chết khó

[131] Lệnh tức: Tiếng gọi con dâu người khác một cách kính trọng.

bảo đảm này, hãy dạy họ ai nấy vì mẹ chí thành khẩn thiết niệm *"nam-mô A Di Đà Phật"*, để cầu tuổi thọ mẹ chưa hết sẽ chóng lành bệnh, tuổi thọ đã hết sẽ mau được sanh về Tây Phương. Các cậu con trai… hiếu tâm thuần thành, sốt sắng, ắt đều như cứu đầu cháy, sẽ thường trì niệm. Như thế chẳng phải chỉ hữu ích cho phu nhân mà còn có lợi ích sâu xa cho các cậu con trai, các cô con gái v.v… nữa! Phàm con người mắc bệnh, có thể dùng thuốc để trị được thì cũng không nhất quyết chẳng dùng đến thuốc. Nếu chẳng dùng thuốc để trị được thì dù có thuốc tiên cũng vô ích, huống gì là thuốc thế gian?

Bất luận bệnh có trị được hay không, đều nên uống thuốc A Già Đà. Thuốc này tuyệt đối chẳng hại người, uống vào dù thân hay tâm đều thấy công hiệu. Người sống trong thế gian, bất luận lâu mau, rốt cục đều phải chết. Chết không đáng tiếc, chết rồi sẽ đi về đâu há chẳng nên sắp đặt sẵn ư? Người có sức tự mình sắp đặt thỏa đáng sẵn sàng thì khi lâm chung cố nhiên chẳng cần đến ai khác giúp đỡ, nhưng nếu được phụ trợ lại càng thêm đắc lực. Người không có sức nên bảo gia thuộc thay mình niệm Phật, ắt đề khởi được chánh niệm, chẳng đến nỗi bị ân ái buộc ràng, vẫn cứ bị ái tình trói buộc y như cũ, trụ mãi nơi đây không thoát ra được!

Quang nói lời này chẳng những vì lệnh phu nhân tính kế mà còn vì thái phu nhân đã tám mươi ba tuổi, dẫu đức của các hạ đủ để kéo dài tuổi thọ của mẹ, sau này rốt cuộc phải có ngày qua đời. Sợ các hạ chưa thể nghĩ tới điều này, lại chú ý lo chạy thuốc men, tức là bỏ gốc theo ngọn, chẳng đạt lợi ích. Trái lại, khiến cho

nhất tâm niệm Phật do bận bịu nơi thuốc men thành ra gián đoạn, chẳng thể thuần nhất. Như thế sẽ bị tổn hại lớn. Vì thế, nương theo căn bệnh của phu nhân, trình bày sẵn để các hạ tận tâm lực lo cho điều mà thần thức của mẹ sẽ đạt được, ngõ hầu rốt cuộc các hạ có thể báo được ân mẹ. Nay đem bài "Nêu Tỏ Ý Nghĩa Phật Tánh và Trợ Niệm Cho Trần Liễu Thường"[132] gởi kèm theo thư, tuy văn không tao nhã, trôi chảy, nhưng ý nghĩa thì có thể chấp nhận được.

Đối với việc cầu an cho người bệnh, tiến vong, người đời nay hay chú trọng tụng kinh, bái sám, làm đàn Thủy Lục[133] v.v… Quang đều bảo những bạn bè quen biết nên niệm Phật, bởi niệm Phật lợi ích hơn tụng kinh, bái sám, làm đàn Thủy Lục nhiều lắm. Vì sao vậy? Tụng kinh thì người không biết chữ chẳng thể đọc theo. Dù biết chữ nhưng tụng nhanh như nước chảy thì người miệng lưỡi hơi chậm chạp cũng không tụng được. Người biếng nhác tuy tụng được nhưng cũng không chịu tụng, thành ra hữu danh vô thực. Bái sám, làm đàn Thủy Lục cũng cứ theo đó mà suy. Niệm Phật thì không một ai chẳng thể niệm được, dẫu cho kẻ biếng nhác không chịu niệm, nhưng mọi người đồng thanh cùng

---

[132] Xin coi bài "Sự tích vãng sanh của ưu-bà-di Trần Liễu Thường và nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của Phật Tánh" trong quyển 4

[133] Còn gọi là Thủy Lục Trai, Thủy Lục Đạo Tràng, Bi Trai Hội. Đây là pháp hội thí thực cho tất cả hữu tình sống trong nước (thủy) trên đất liền (lục) và các loài ngạ quỷ. Nguyên khởi do Lương Võ Đế (Tiêu Diễn) mộng thấy có vị Tăng dạy lập đàn Thủy Lục, cúng thí cho lục đạo tứ sanh. Vua bèn ra lệnh cho biên tập khoa nghi từ các kinh điển, dựa theo chuyện A Nan gặp Diện Nhiên ngạ quỷ (quỷ mặt bốc lửa cháy bừng bừng), được Phật dạy tạo Bình Đẳng Hộc để thí cho ngạ quỷ, soạn ra khoa nghi, tu Thủy Lục Trai Hội tại chùa Kim Sơn khoảng năm 504. Khoa nghi này được các đời sau bổ sung chi tiết hơn

niệm, kẻ ấy nếu không bịt tai thì một câu Phật hiệu cố nhiên sẽ rành rẽ phân minh rót vào tâm, tuy chẳng niệm mà cũng chẳng khác gì niệm. Như người nhiễm hương thân có mùi thơm, tuy không cố ý muốn thơm mà ngờ đâu lại được như thế. Vì thân quyến đảo bệnh, cầu siêu, không thể không biết điều này.

155. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư thứ hai)

Ngày Hai Mươi Tám tháng Năm nhận được thư viết ngày 24, biết tôn phu nhân bệnh tình trầm trọng, các thầy thuốc đều bó tay, nhân đó yêu cầu gia quyến vì bà ta niệm Phật ngõ hầu tuổi thọ chưa hết sẽ mau lành, tuổi thọ đã hết sẽ mau được vãng sanh. Chẳng ngờ phu nhân tịnh nghiệp đã chín muồi bèn thoát xác ra đi, hôm qua nhận được thư Khế Tây gởi đến mới biết, khôn ngăn than thở cho các hạ đã mất đi vợ hiền, lệnh lang mất nơi nương tựa. Nhưng phu nhân túc căn sâu dầy, nên mới khiến cho lệnh từ[134], các hạ và lệnh lang v.v… cùng tha thiết nghĩ đến sự vô thường, gấp cầu xuất ly, riêng dùng thân mình thuyết pháp, ngõ hầu mọi người cùng tu Tịnh nghiệp, đồng sanh Tịnh Độ vậy! Quang được lọt vào mắt xanh, cũng chẳng thể không tận hết tấm lòng, nhưng Quang luôn khác với người đương thời, tuy hết sức đau buồn trước tang tóc của thân hữu, nhưng trọn chẳng làm những chuyện phúng viếng, viết điếu văn v.v… chỉ trong khóa tụng sáng tối, đối trước Phật hồi hướng một hai thất cho trọn tình bạn. Chiều tối hôm qua đã vì phu nhân hồi hướng, toan lấy hai thất làm

[134] Lệnh từ: tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng mẹ người khác.

chừng, nhưng ban ngày đủ mọi chuyện bận rộn, chỉ ban đêm mới có lúc rảnh. Mong các hạ đem đại nghĩa khai thị cho các con để họ lắng buồn, niệm Phật, ngõ hầu người mất, kẻ còn đều được lợi ích. Nếu chấp theo tình đời, buồn đau đến cùng cực, rốt cuộc có ích gì cho vong linh của mẹ đâu!

Làm Phật sự, bất tất phải niệm kinh, bái sám, làm đàn Thủy Lục, bởi những chuyện ấy đều thuộc bề ngoài, nên chuyên niệm Phật, khiến cho các con trai gái từ đầu đến cuối đều niệm theo, những người nữ nên ở trong phòng niệm, chẳng nên ngồi sau chư Tăng. Như thế thì chẳng những tôn phu nhân và lệnh quyến thật sự được lợi ích mà ngay cả những vị Tăng niệm Phật và những ai thấy nghe không ai chẳng được lợi ích. Phàm khi làm Phật sự, nếu chủ nhân chịu tham dự đàn tràng thì Tăng sẽ tự phát tâm chân thật, nếu chủ nhân chỉ làm cho đủ lệ, thì Tăng cũng chỉ làm chiếu lệ! Như một kỳ Phật sự đã xong, trong ban đêm tổ chức lễ Diệm Khẩu[135] là xong.

---

[135] Diệm Khẩu: Pháp sự nhằm thí thực cho ngạ quỷ căn cứ trên Cứu Bạt Diệm Khẩu Ngạ Quỷ Đà La Ni Kinh. Pháp hội này lấy ngạ quỷ làm đối tượng chủ yếu để cúng thí, thường được cử hành nhằm hồi hướng công đức cầu siêu cho người đã khuất. Pháp cúng căn bản của Diệm Khẩu là cúng nước sạch, cùng một chút thức ăn như cơm, mì, bánh trái v.v.. tụng chú Biến Thực, chú Cam Lộ Thủy mỗi thứ bảy biến, xưng danh hiệu các vị Phật Đa Bảo, Diệu Sắc Thân, Ly Bố Úy v.v.. rồi đổ vào chỗ đất sạch. Về sau, những nghi thức Diệm Khẩu thêm vào các khoa phức tạp hơn như thăng tòa, nhập định, sái tịnh, quy y, đạo tràng quán, hiến Mạn Đà La v.v… Theo Mật điển, khoa nghi này không được cử hành kéo dài quá 11 giờ đêm vì sau giờ đó, các ngạ quỷ không ăn được nữa. Bản kinh Diệm Khẩu được dịch sớm nhất ở Trung Hoa bởi ngài Thật Xoa Nan Đà (tức kinh Cứu Diện Nhiên Ngạ Quỷ Đà La Ni và Cam Lộ Đà La Ni) vào đời Đường. Về sau, ngài Bất Không Tam Tạng dịch thêm Du Già Tập Yếu Cứu A Nan Đà La Ni Diệm Khẩu Nghi Quỹ Kinh. Đến đời Tống, do nhận thấy chư sư thực hành khoa này chưa đúng cách nên ngài Tuân

Quang đem chuyện bốn mươi ba năm trải đời của mình tỏ bày cho tri kỷ. Nếu chẳng coi lời này là hủ bại, thì may mắn lắm! Thư chưa dán đã thấy bưu tá mang thư các hạ viết hôm mồng Năm đến, nhân đấy biết phu nhân bệnh tình tuy nặng, nhưng chánh niệm vẫn phân minh, đã có thể thường thấy Đại Sĩ, lại thêm có tín nguyện, có thể đoan chắc bà ta được vãng sanh. Như trong thư nói cho [người đã khuất] ăn mặc theo kiểu ni cô thì không nên; bà ta đã nguyện thọ Tam Quy, Ngũ Giới thì vẫn cứ mặc thường phục, đắp thêm pháp y lên trên là được rồi (pháp y chính là áo dài Tăng nhân thường mặc), hoặc mặc vào thân, hoặc xếp vào trong quan tài.

Thức bèn soạn lại nghi thức, ngoài các mật chú, còn thêm phương pháp quán tưởng của tông Thiên Thai, chia pháp thí thực thành ba loại: Hộc Liệu, Minh Đạo và Thủy Lục. Hộc Liệu chính là Du Già Diệm Khẩu, Minh Đạo chính là đại trai Vô Giá thí thực cho người cõi âm. Thế nhưng vẫn có vị như Tông Hiểu chủ trương thí chung tất cả như thí Khoáng Dã Quỷ Thần, Quỷ Tử Mẫu v.v… Đến đời Nguyên, do ảnh hưởng của Mật Giáo, nghi thức Du Già Diệm Khẩu của Tây Tạng được truyền vào Trung Hoa. Nghi thức này cũng hơi giống với khoa nghi Du Già Tập Yếu Cứu A Nan Đà La Ni Diệm Khẩu Nghi Quỹ Kinh do ngài Bất Không dịch, nhưng thêm các phần Tam Quy, Đại Luân Minh Vương Thần Chú, Chuyển Pháp Luân Bồ Tát Chú, danh hiệu 35 vị Phật, Phổ Hiền Hạnh Nguyện Kệ, nhập Quán Âm định, Phá Địa Ngục chân ngôn, phần sau lại thêm những chú như Tôn Thắng Chân Ngôn, Kim Cang Tát Đỏa Bách Tự Chú v.v… Đến đời Minh, do các khoa nghi Diệm Khẩu truyền thừa bất nhất, trở thành mạnh ai nấy làm theo cách mình, nên ngài Thiên Cơ bèn san định lại, lược bỏ những chỗ rườm rà, soạn thành Tu Tập Du Già Tập Yếu Thí Thực Đàn Nghi, khoa nghi này được gọi là Thiên Cơ Diệm Khẩu. Tổ Vân Thê Liên Trì của Tịnh tông lại san định khoa nghi Diệm Khẩu của ngài Thiên Cơ một lần nữa, soạn thành Tu Thiết Du Già Tập Yếu Thí Thực Đàn Nghi, đồng thời viết lời chú giải. Năm Khang Hy 32 (1693), ngài Đức Cơ ở núi Bảo Hoa lại biên tập khoa nghi do tổ Liên Trì soạn một lần nữa, đặt tên là Du Già Diệm Khẩu Thí Thực Tập Yếu. Khoa nghi này thường được gọi là Bảo Hoa Diệm Khẩu. Ngày nay, hai khoa nghi Diệm Khẩu được sử dụng phổ biến nhất ở Trung Hoa là Thiên Cơ và Bảo Hoa Diệm Khẩu. Ở Việt Nam, khoa nghi Trai Đàn Chẩn Tế do chư Tổ người Việt soạn, có các bước pháp sự gần giống với đàn Thủy Lục hơn Diệm Khẩu.

Nếu quan tài đã đóng thì đốt trước linh vị, quy y, thọ giới sẽ tiến hành trong đêm nay, một mình Quang đối trước Phật kiền thành lễ bái xong, sẽ thuyết giới [cho phu nhân]. Vì thế, chẳng nên dùng các nghi thức phô trương lòe loẹt, chỉ nên lấy lòng chí thành cảm thông là được rồi. Pháp danh sẽ là Uẩn Không, trở thành Tam Quy Ngũ Giới Ưu Bà Di vậy. Nếu làm như hình thức ni sư thì về sự, về lý đều bị trở ngại.

Nên khuyên lơn các con trai gái, dâu v.v… lấy chí thành tựu sự vãng sanh cho mẹ làm hiếu, nỗ lực thay mẹ niệm Phật, ngõ hầu phẩm sen được cao thêm, hoa nở mau hơn, đấy mới là tận hiếu. Đừng uổng công bắt chước người đời làm chuyện vô ích gây hại cho chuyện hữu ích. Còn về tang sự, từ đầu đến cuối chẳng ăn mặn, để nhờ vào đây dạy dỗ cho kẻ ngu tục. Đấy cũng là trách nhiệm lớn lao của ông vậy!

156. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư thứ ba)

Thư ngày mồng Chín đã nhận được, hôm qua nhận được thư ngày mồng Mười, biết tôn phu nhân quả thật được vãng sanh, trọn không còn nghi ngờ gì nữa! Đời trước bà ta đã vun bồi lớn lao nơi pháp môn Tịnh Độ, tiếc rằng các hạ đề xướng hơi chậm, chứ nếu đề xướng trước đó mười năm khiến cho đối với pháp môn Tịnh Độ dù sự hay lý thảy đều hiểu rõ lại thêm tận lực tu tập thì bà ta sẽ thành tựu Tịnh nghiệp không biết cao trỗi hơn bao nhiêu lần nữa! Bình thời, tâm yêu thương con cháu sâu nặng, tự nghĩ mình yếu hèn, đến lúc lâm chung lại bỏ sạch tình ái, quyết chí cầu sanh, đấy chính

là thiện căn đời trước sai khiến. Bình thời, nằm hướng mặt về Đông, lúc lâm chung ngoảnh mặt về Tây nằm bên hông phải, cũng là do sức thiện căn đời trước xui khiến nên mới không mong cầu mà được như vậy. Lúc lâm chung có những thứ tướng lành sẽ chắn chắn vãng sanh, không cần phải khám xem hơi nóng nơi đảnh và ngực chỗ nào lạnh trước! Mặc pháp y hiện hình tướng đệ tử Phật, thỏa mãn ý nguyện, thật tốt lành thay!

Đã dặn dò con trai, con gái, dâu… sáng chiều đối trước bài vị niệm Phật cho nhiều thì các hạ nên khai thị cho họ biết: Thỏa nguyện cho thần thức của mẹ chính là hiếu cùng cực; dù thật sự được vãng sanh vẫn phải chí thành niệm Phật để cầu cho phẩm sen được tăng cao, mau chứng Vô Sanh, ai nấy tận hết lòng hiếu kính. Chuyện này tuy là lợi lạc cho vong linh nhưng cũng giúp cho con trai, con gái, dâu v.v… cùng gieo căn lành. Nếu đứa cháu nào niệm được cũng bảo chúng niệm theo. Lúc lâm chung, cả nhà không khóc lóc, niệm Phật là có lợi ích nhất. Lúc ấy tuy ngắn ngủi nhưng nên trong ba tiếng đồng hồ, không dứt tiếng niệm Phật, chẳng cất tiếng khóc, và di chuyển v.v… là tốt nhất. Mong hãy nhớ kỹ!

Lục số[136] cũng không cần phải bày vẽ thêm thắt, bởi nó không quan trọng, khẩn yếu. Nếu cho đó là nhất định thì lại thành ra xuyên tạc. Phải biết Sáu là con số của

---

[136] Lục số: một khái niệm dựa theo Dịch Học. Căn cứ theo Hà Đồ Lạc Thư, người ta chia ra Thiên Số và Địa Số. Địa Số gồm những số chẵn 2, 4, 6, 8, 10. Số 6 thuộc Âm, hào Âm cũng được gọi là hào Lục. Quẻ Khôn (tượng trưng cho đất, cho nữ giới) cũng thuộc về Âm. Phép Lục Số ở đây là nói đến chuyện coi ngày giờ chết để đoán định sự cát hung cho người thân còn đang sống.

quẻ Khôn, phu nhân trọn vẹn đức hạnh người nữ, kham làm khuôn mẫu cho đời, dẫu cho không có con số nào là Sáu, nhưng từ sống đến chết, hằng ngày xoay vần trong con số Sáu, vì thế không một hơi thở nào không phải là Sáu. Ý nghĩa của con số Sáu là tận tụy làm, chứ không phải ở nơi năm tháng, nhà cửa v.v… Năm tháng, nhà cửa trúng nhằm con số Sáu cũng rất bình thường, trọn chẳng có mảy may gì lạ lùng, đặc biệt cả. Ấy là *"các pháp từ duyên sanh, các pháp theo duyên diệt"*.

Người ác nghiệp nặng cứ hở ra là bị tai họa, người thiện căn sâu dày, không gì chẳng tốt lành, cũng là tự nhiên như thế, chẳng an bài gì mà tợ hồ thật sự có an bài. Người đời muốn được tốt lành, may mắn nhưng chẳng biết vun bồi đức, như phá hủy đuốc để cầu ánh sáng, muốn đi về hướng Nam mà xoay bánh xe hướng về phía Bắc, uổng công nhọc nhằn khổ tâm, bị tổn hại vô ích. Mong hãy đem nghĩa này bảo cùng lệnh lang và dâu, con v.v…sẽ có lợi lớn lắm. Chuyện làm Phật sự, Quang trước đây đã nói rõ rồi. Mong đừng bắt chước thói đời, làm những chuyện sáo rỗng.

Nếu niệm Phật suốt bốn mươi chín ngày thì so với chuyện tụng kinh lợi ích nhiều hơn lắm lắm. Phép niệm Phật trọng tại tín nguyện. Tín nguyện chân thành, khẩn thiết, dù trong tâm chưa thể thanh tịnh, cũng được vãng sanh. Vì sao vậy? Do trong tâm có Phật để có thể cảm, nên Phật Di Đà bèn ứng. Như nước trong sông, biển, chưa thể trọn không có tướng động, nhưng hễ không có gió bạo, sóng cuồng, thì vầng trăng sáng trên không trung sẽ hiện bóng rõ ràng. Cảm ứng đạo giao như mẹ

con nhớ nhau. Những ai chuyên trọng tự lực, chẳng cậy vào Phật lực là vì không biết đến nghĩa này vậy!

157. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư thứ tư)

Nhận được thư khôn ngăn mừng rỡ. Tôn phu nhân đời trước có đại thiện căn, nên được các hạ uyển chuyển giúp thành Tịnh nghiệp, hỗ trợ vãng sanh. Lại còn suất lãnh con trai, con gái, dâu v.v… niệm Phật dài lâu, há chẳng riêng gì người mất được lợi, mà quả thật cũng khiến cho những người kia gieo thiện căn sâu xa. Lập pháp như thế có thể nói là đại từ, so với người đời vẫn giữ chuyện sát sanh nên bị chiết phước tổn thọ, khiến người mất bị lụy chốn u đồ; há có thể sánh kể được ư?

Chuyện của tôn phu nhân có thể nói là đúng pháp, nhưng thái phu nhân tuổi đã tám mươi ba, hãy nên thường khuyên dụ, khiến cho cụ tín nguyện niệm Phật. Nếu muốn cho cụ suốt ngày niệm Phật, e rằng chẳng thể làm như thế được. Trước đây tôi đã từng muốn lập cách để trợ niệm ngay khi còn sống, nhưng nghĩ chưa ra. Khi trấn thủ sứ Vương Duyệt Sơn đưa mẹ lên núi, thấy quyển thuộc đông đảo, nhân đấy tìm được một cách trợ niệm tuyệt diệu; tôi đã từng nói đại lược cùng ông ta, nay cũng đem những lời đã bảo cùng ông ta kể với các hạ. Nếu các hạ thực hành được thì ông ta cũng chẳng đến nỗi coi thường bỏ xó, cũng là đạo tự lợi, lợi tha vậy!

Trong quyển thuộc của các hạ thì các ông con trai ai nấy đều có công việc làm, cố nhiên khó thể thường

xuyên hành theo được, nhưng bọn con dâu thì vô sự rảnh rỗi, bọn tớ gái như các bà vú v.v… cũng không có chuyện gì quan trọng, nên dạy bọn họ căn theo đồng hồ, suốt ngày ở bên cạnh thái phu nhân, lớn tiếng niệm Phật nửa tiếng đồng hồ. Hết giờ lại đổi phiên, suốt ngày không ngớt tiếng niệm Phật. Thái phu nhân có thể niệm theo thì cũng tốt, nếu chẳng thể niệm theo thì hãy bảo cụ nhiếp tâm lắng nghe, trong một ngày sẽ thường chẳng rời Phật. Mà những người kia cũng không mất sức, do trong một ngày, bất quá chỉ niệm một lần, hoặc hai lần, thời gian cách quãng cũng lâu. Bọn họ không có sự gì để phải chăm lo, nhờ vào việc này để tận lòng hiếu kính, gieo căn lành. Bọn tớ gái cũng nhờ vào nhân này gieo duyên thoát ly sanh tử.

Từ đây trở đi, lấy đó làm thường, dẫu cho thái phu nhân sống rất thọ, cũng chớ để cách này bị thiếu sót giữa chừng, lợi ích sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Phàm những ai có tín tâm muốn thành tựu đạo nghiệp vãng sanh cho cha mẹ, đều nên đem lời này bảo cùng họ. Các hạ việc nước đa đoan, chẳng thể lập giờ giấc nhất định. Nếu có rảnh rỗi cũng nên niệm như thế một lần để làm gương thì con, dâu, tớ gái v.v... cũng sẽ hớn hở, hoan hỷ. Ý Quang cho rằng hành như thế quả thật là thuận tiện, ích lợi, nên đem cách này viết thành một bài, in kèm vào sau bộ Ấn Quang Văn Sao để những người muốn báo ân phụ mẫu chẳng đến nỗi uổng công ngâm câu *"hạo thiên võng cực"*[137]

---

[137] Bài thơ Lục Nga (cỏ nga xanh mướt) trong phần Nhĩ Nhã của kinh Thi, có đoạn: *"Phụ hề sanh ngã, mẫu hề cúc ngã, phụ ngã súc ngã, trưởng ngã dục ngã, cố ngã phúc ngã, xuất nhập phúc ngã, dục báo chi đức, hạo thiên võng*

158. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Ngọc Như ở Sùng Minh

Nhận được thư, khôn ngăn mừng rỡ, an ủi. Pháp Trì Danh là pháp thích ứng căn cơ nhất trong đời Mạt Pháp. Ngài Thiện Đạo tuy sớ giải Quán Kinh, nhưng thật ra Ngài trọng nhất hạnh Trì Danh. Chẳng thấy [đoạn văn Ngài viết]: *"Chúng sanh đời Mạt Pháp thần thức chông chênh, tâm thô, cảnh tế, quán khó thành tựu. Đại Thánh bi mẫn, riêng khuyên chuyên trì danh hiệu, bởi xưng danh dễ dàng, [niệm Phật] liên tục bèn được vãng sanh"* hay sao? Tuy có mười sáu hạnh (pháp quán), nhưng hành giả tu tập phải hành từ pháp dễ tu trước, hoặc là quán tướng Bạch Hào[138] của Như Lai, hoặc quán tưởng pháp Tạp Quán thứ mười ba. Đến phần quán chín phẩm, chẳng qua là để cho người ta biết nhân trước và quả sau của hành nhân vãng sanh mà thôi. Chỉ

---

cực" (Tạm dịch: Cha sanh ra ta, mẹ nuôi nấng ta, vỗ về chăm nom, quan tâm che chở, ra vào lo lắng, muốn báo ân đức, trời xanh thăm thẳm, khôn thấu cho cùng). Cổ nhân thường mượn bài thơ này để diễn tả nỗi lòng người con ngậm ngùi, hận chưa báo được ân cha mẹ.

[138] Bạch Hào (ūrna laksana): Còn gọi là hào tướng, mi gian bạch hào tướng, bạch hào trang nghiêm tướng, mi gian bạch hào nhuyễn bạch đâu-la-miên tướng. Đây là một trong 32 tướng hảo của đức Như Lai. Tức là khoảng giữa hai mày Phật có một sợi lông mềm mại, trắng, sạch, cuộn tròn, kéo ra dài đến một Tầm (có kinh nói lúc sơ sanh dài năm thước Tàu, lúc thành đạo dài một trượng sáu), buông tay ra liền uyển chuyển xoay về phía hữu, trông như một con ốc trắng, bên trong rỗng, lóng lánh như ống lưu ly. Bạch Hào trông xa như một viên minh châu giữa trán, tỏa quang minh chói ngời, quang minh ấy gọi là "bạch hào quang". Chúng sanh được quang minh ấy chạm vào bèn tiêu trừ túc nghiệp, thân tâm yên vui. Tướng này do trong lúc tu nhân, Như Lai luôn tán dương tùy hỷ những người tu tập Giới - Định - Huệ. Theo kinh Quán Phật Tam Muội Hải, tướng Bạch Hào là tướng thù thắng nhất trong vô lượng tướng của Như Lai (theo kinh này, ba mươi hai tướng đại nhân chỉ là ba mươi hai tướng tiêu biểu, dễ thấy nhất trong vô lượng tướng của Như Lai).

mong hiểu rõ là được rồi, thật ra không cần phải quán riêng phép này.

Quán về mặt Lý không thể không biết, nhưng về mặt Sự, phải từ từ hành. Nếu không hiểu rõ Lý, quán cảnh chẳng rành, dùng cái tâm tháo động, bộp chộp để tu rất có thể khởi lên ma sự. Khi quán cảnh hiện tiền, nếu tâm lầm lạc nẩy sanh ý niệm vui sướng, thì cũng do vui sướng mà thành chướng, rất có thể bị lui sụt công tu tập từ trước. Do vậy, kinh Lăng Nghiêm nói: *"Chẳng khởi tâm tưởng là thánh [cảnh] thì gọi là cảnh giới lành; nếu tưởng là thánh cảnh bèn vướng vào các tà"*. Mong ông nhất tâm trì danh, bởi đây là hạnh ngàn vạn phần ổn thỏa, thích đáng. Đợi đến khi tâm đã quy nhất, tịnh cảnh sẽ tự hiện tiền. Tứ Thiếp Sớ[139] bị [in chép] sai ngoa rất nhiều; hai mươi năm trước, Quang đã từng giảo chánh đại lược. Năm ngoái, hòa thượng Diệu Liên thuộc Quán Âm Am ở ngõ Dương Bì tại Nam Kinh muốn khắc riêng bản ấy, sang năm chắc sẽ ra sách, xin hãy thỉnh về xem.

Tùy Tự Ý tam-muội[140] là hạnh cùng tu của ba căn thượng, trung, hạ. Người niệm Phật tuy chẳng chuyên

---

[139] Tứ Thiếp Sớ chính là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ của ngài Thiện Đạo trước tác. Do tác phẩm này được chia thành bốn quyển nên còn gọi là Tứ Thiếp Sớ.

[140] Theo Ma Ha Chỉ Quán, quyển 2, Tùy Tự Ý tam-muội là một trong bốn loại tam-muội của tông Thiên Thai, còn gọi là *"phi hành phi tọa tam-muội"*. Gọi là Tùy Tự Ý với ngụ ý: Hễ khởi ý liền tu tập Thiền Định, chẳng hạn cuộc là đi, đứng, hay nằm, ngồi. Kinh Đại Phẩm Bát Nhã gọi cách tu này là Giác Ý tam-muội, ngài Nam Nhạc Huệ Tư gọi là Tùy Tự Ý tam-muội, với thâm ý: Trong hết thảy thời, hết thảy sự, tùy ý dụng quán, hễ niệm khởi bèn giác, hễ ý khởi bèn tu tam-muội.

lấy pháp ấy làm chủ, nhưng cũng không thể không biết. Biết pháp này thì tâm Bồ Đề niệm Phật càng thêm thù thắng, bởi biết đi, đứng, nằm, ngồi, ăn uống, nói năng, không lúc nào chẳng phải là lúc tự lợi, lợi tha. Nhưng cần phải từ *"không làm các điều ác, vâng làm các điều lành, ăn chay, kiêng giết"* mà khởi sự thì mới là người thật sự niệm Phật vậy.

159. Thư trả lời cư sĩ Hà Huệ Chiêu

Nhận được thư, biết túc căn rất sâu, hạnh hiện tại khá thuần, nên mới có các cảnh tướng thù thắng hiển hiện, nhưng người đời nay quá nửa là chuộng thể diện, xây lầu gác trên không. Tuy chỉ có một phần, nửa phần, lại nói là có trăm ngàn vạn phần. Như trong cuốn sách của ông cư sĩ X… nọ, những cảnh giới được thuật toàn là do ngọn bút tạo ra, chẳng phải do tâm địa tạo thành. Cố nhiên ông chẳng bịa chuyện, tôi thật chỉ sợ ông có tập khí ấy thì lỗi hại chẳng nhỏ. Phật xếp vọng ngữ vào năm giới căn bản, chính là để ngăn ngừa thói tệ này. Nếu như thấy nói là không thấy, không thấy nói thấy thì thuộc vào hạng vọng ngữ. Nếu xây lầu gác trên không, bịa nói cảnh giới thù thắng, chính là phạm vào giới đại vọng ngữ; chưa đắc bèn nói là đã đắc, chưa chứng nói đã chứng, tội ấy còn gấp trăm ngàn vạn ức lần tội giết, trộm, dâm! Người ấy nếu chẳng tận lực sám hối, khi một hơi thở ra không hít vào được nữa liền đọa địa ngục A Tỳ, bởi kẻ ấy hoại loạn Phật pháp, gây lầm lạc, nghi ngờ cho chúng sanh.

Ông phải rất thận trọng; thấy cảnh chỉ có một phân chẳng được nói lên một phân mốt, cũng chẳng được nói chín ly chín. Nói quá lên cũng là tội lỗi, mà nói giảm cũng là tội lỗi. Vì sao vậy? Do hàng tri thức chưa đắc Tha Tâm Đạo Nhãn, chỉ có thể dựa vào lời nói để phán định. Đem cảnh giới ấy thưa cùng tri thức để chứng minh tà - chánh, đúng - sai thì không có lỗi gì. Nếu chẳng vì để chứng minh, chỉ muốn tự khoe khoang, cũng sẽ có lỗi. Nếu hướng về hết thảy những người khác nói ra thì sẽ mắc lỗi! Ngoại trừ chuyện cầu tri thức chứng minh ra, đều không được nói. Hễ nói ra, sau này sẽ vĩnh viễn không thể đạt được cảnh giới thù thắng ấy nữa. Cái ải lớn nhất của người tu hành này trong giáo thuyết tông Thiên Thai đã nhiều lần nói đến. Sở dĩ gần đây những người tu hành phần nhiều bị ma dựa, đều là do tâm tháo động, vọng niệm, mong cầu cảnh giới thù thắng. Đừng nói là cảnh ma, dẫu cho cảnh ấy là cảnh thù thắng, vừa sanh tâm tham chấp, hoan hỷ v.v… bèn bị tổn hại, chẳng được lợi ích, huống chi cảnh ấy chưa đích xác là cảnh thù thắng ư? Nếu người ấy có hàm dưỡng, không mang tâm bộp chộp, vọng động, tâm không tham đắm, dù thấy các cảnh giới cũng hệt như không thấy. Đã không sanh tâm hoan hỷ, tham đắm, lại chẳng sanh tâm sợ hãi, kinh nghi, thì đừng nói là người ấy sẽ được lợi ích khi cảnh thù thắng hiện, dẫu là cảnh ma hiện cũng vẫn được lợi ích. Vì sao vậy? Do chẳng bị ma chuyển nên có thể tiến lên.

Lời này tôi chẳng thường bảo cùng người khác, chỉ vì ông có chuyện ấy nên mới không thể không nói. Hình tượng Đại Sĩ ông thấy được khi mới lễ Phật không

đích xác, bởi nếu thật sự là đúng thì sẽ chẳng vì ông nghĩ hình tượng đó không phù hợp với Quán Kinh mà hình tượng ấy bèn ẩn. Nhưng do đấy, tín tâm của ông càng tha thiết nên đó cũng là nhân duyên tốt; tuy vậy, chớ nên thường mong được thấy tượng, chỉ nên chí thành lễ bái mà thôi, để khỏi phải lo lắng chi khác! Lúc ngủ thấy trước mắt có ánh sáng trắng và khi lễ Phật thấy tượng Phật đứng lơ lửng trên hư không tuy thuộc về thiện cảnh, nhưng chẳng nên tham đắm. Từ rày, chẳng lấy đó làm điều mong mỏi nữa thì sẽ có thể không hiện. Trộm xem căn tánh của ông, tợ hồ đời trước đã từng tu tập Thiền Định, nên mới thường hay có tướng ấy.

Đời Minh, ngài Ngu Thuần Hy bế tử quan[141] tịnh tu trên ngọn núi cao của núi Thiên Mục[142], lâu ngày, bèn có khả năng tiên tri, đoán trước được trời sẽ âm u hay trong sáng, việc họa - phước của người khác. Sư quy y với Liên Trì Đại Sư, Đại Sư nghe chuyện, gởi thư cực lực quở trách, bảo Sư đã lọt vào rọ ma; về sau, Sư không biết nữa. Nên biết: Người học đạo phải biết chuyện lớn; nếu không, được điều ích nhỏ nhặt ắt sẽ bị tổn hại lớn lao. Đừng kể chi loại cảnh giới này, dẫu thật sự đắc Ngũ Thông vẫn còn phải gác bỏ ra ngoài thì mới

---

[141] Bế quan suốt đời không ra khỏi nơi ấy nữa thì gọi là tử quan.

[142] Núi Thiên Mục ở huyện Lâm An, tỉnh Chiết Giang, tiếp giáp ranh giới tỉnh An Huy. Tên cổ là núi Phù Ngọc. Chia làm hai ngọn: Đông Thiên Mục dài đến 290 km, cao 1.520 m, gồm các ngọn Đại Sơn, Tướng Quân, Bảo Châu v.v... Tây Thiên Mục lấn sang địa phận huyện Tiềm dài 216 km, cao 1.547 m. Ngọn núi này từ cổ đã nổi tiếng vì các đạo tràng đạo Phật, đạo Lão. Ngài Trung Phong Minh Bổn cũng từng tu ở núi này.

đạt được Lậu Tận Thông. Hễ tham đắm sẽ khó thể tiến lên, rất có thể bị lui sụt, không thể không biết!

Mộng thấy vào Phật điện nhớ hai câu kinh văn cố nhiên là thiện cảnh, nhưng hai câu kinh ấy lời lẽ thật minh bạch: "*Quay lưng với hư, nương theo đường giác. Quy chân, ngộ thường không",* ý nói: Con người lầm tưởng các pháp thế gian là thật, cho nên mê muội vào trong sanh tử. Nếu có thể xoay trở lại, quán sát bản thể của pháp vốn là không thì sẽ đi theo con đường giác, xuất mê nhập ngộ, quy Chân Đế, ngộ Chân Thường Chân Không Thật Tướng. Cảnh ma và cảnh thù thắng phân biệt ở chỗ nó có hợp với kinh giáo hay không. Nếu thật sự là thánh cảnh sẽ khiến cho người ta vừa trông thấy thì ngay khi đó tâm địa thanh tịnh, trọn không có cái tâm vọng động, chấp lấy. Nếu là cảnh ma, trông thấy sẽ khiến cho tâm không thanh tịnh, lại sanh khởi những tâm chấp trước, tháo động, vọng niệm v.v… Hơn nữa, Phật quang tuy cực sáng chói, nhưng chẳng lóa mắt. Nếu ánh sáng làm chói mắt thì không phải là đức Phật thật.

Khi Phật hiện, nếu dùng lý *"phàm những gì có tướng đều là hư vọng"* để khám định sẽ càng hiển hiện. Nếu dùng lý này để khám những tướng do ma hiện, chúng sẽ ẩn mất. Đây chính là lò nung luyện lớn để khám nghiệm chân - ngụy vậy. Ban đêm thấy ánh sáng trắng và những cảnh xanh trắng trên hư không thì đó đều là do tâm tịnh biến hiện, sao lại nghĩ là pháp giới nhất tướng tịch chiếu bất nhị? Tự nghĩ như thế sẽ thành "đem phàm lạm thánh", lỗi ấy thật chẳng nông cạn đâu!

Hai câu kinh văn ấy chưa thấy phát xuất từ đâu, có lẽ cũng là văn được ghi nhớ từ đời trước, chưa chắc đã là câu văn từ trong kinh. Người tu Tịnh nghiệp chẳng coi các cảnh giới là quan trọng, nên cũng chẳng thấy các cảnh giới phát sanh. Nếu trong tâm cứ chuyên muốn thấy cảnh giới thì cảnh giới sẽ nhiều lắm. Nếu chẳng khéo dụng tâm, rất có thể bị tổn hại, không thể không biết!

Lời nói của vị đầu-đà kia thuộc về đạo lý Thiền gia. Ông ta không phá Tịnh Độ, ấy là điểm hay; nhưng ông ta hoàn toàn chẳng biết tông chỉ Tịnh Độ, vì thế đem Thiền bàn luận [Tịnh Độ]. Lời ông ta luận chú trọng nơi ánh sáng tốt lành và cảnh thù thắng phải thật cân nhắc; nếu không, sẽ khiến cho người khác lầm lạc chẳng cạn. Lại nói chẳng được chấp trước, bởi Phật pháp vô lượng, hễ chấp sẽ thành hữu lượng nên chẳng thể nhập Phật trí được. Nào phải chỉ chẳng thể nhập Phật trí không thôi, còn rất có thể bị lạc vào ma giới nữa! Còn những điều ông ta nói về đức Phật nơi mỗi người chính là lời luận ước trên cái lý nơi tâm của nhà Thiền, chẳng liên can gì đến Tịnh Độ! Ánh sáng trắng trong sạch giữa hư không chỉ bằng chừng mảy lông công đức của Như Lai, sao ông lại lầm tưởng đấy chính là pháp giới nhất tướng tịch - chiếu bất nhị? Thật ra, nó chính là cảnh Định trong đời trước do tâm tịnh nên hiện ra, cố nhiên chẳng thể coi là chuyện lạ lùng đặc biệt được!

Pháp môn Tịnh Độ lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông. Có tín nguyện chẳng cần biết là hạnh nhiều - ít, sâu - cạn, đều được vãng sanh. Không có tín - nguyện, dù có đạt đến mức độ Năng - Sở cùng mất,

thoát khỏi căn trần, cũng khó được vãng sanh. Còn như người thật sự chứng được Thật Lý *"Năng - Sở đều mất, thoát khỏi căn lẫn trần"* bèn có thể dùng tự lực để liễu sanh tử thì chẳng cần phải bàn đến nữa! Nếu chỉ có công phu thấy được lý ấy, nhưng chưa thật chứng, lại không có tín nguyện thì cũng khó thể vãng sanh. Thiền gia nói đến Tịnh Độ bèn quy về Thiền Tông, không nói đến tín - nguyện; nếu tu tập theo đó thì cũng có thể khai ngộ. Nhưng chưa đoạn Hoặc nghiệp mà muốn liễu sanh tử thì dù có nằm mơ cũng chẳng mộng được! Bởi lẽ, phàm phu vãng sanh do tín nguyện cảm Phật, nên có thể cậy vào Phật từ lực, đới nghiệp vãng sanh. Nay đã không sanh tín nguyện, lại đem mỗi lời Phật nói quy hết về tự tâm thì làm sao cảm Phật cho được? Cảm và ứng chẳng phù hợp nhau thì chúng sanh là chúng sanh, Phật là Phật, biến pháp "hoành siêu" (vượt thoát tam giới theo chiều ngang) thành "thụ xuất" (thoát ra theo chiều dọc), được lợi ích ít, bị tổn hại nhiều, không thể không biết! Được lợi ích là nương theo lời đó cũng có thể khai ngộ; còn bị tổn hại là đã bỏ tín nguyện thì không cách gì nương vào Phật từ lực cho được!

Vì thế, tôi nói: "*Đối với người thật sự tu Tịnh Độ, những khai thị của nhà Thiền chẳng thể dùng được; bởi lẽ pháp môn, tông chỉ bất đồng".* Mong hãy sáng suốt suy xét. Nếu chẳng chấp nhận như thế, xin hãy thỉnh cầu nơi những bậc đại thông gia hầu có thể phù hợp với tâm chí của ông, dĩ nhiên Quang chẳng chấp trước!

160. Thư trả lời cư sĩ Thang Xương Hoằng

Nhận được thư, khôn ngăn cảm khái, hổ thẹn. Quang là hạng người như thế nào làm sao kham nổi những lời khen ngợi quá mức như thế? Tuy vậy, người cùng bệnh mến nhau, nên chẳng thể không bày tỏ nỗi lòng cùng nhau. Nay những kẻ học thánh học hiền chỉ học lấy văn ngôn mà thôi! Đối với những chỗ vì sao thánh hiền thành thánh hiền, họ đều coi thường chẳng suy xét tới. Đấy là cái gốc bệnh của mọi người học trong cả thế gian này, chứ chẳng phải chỉ là căn bệnh của một hai người như tôi, như ông đâu! Đã có cái gốc ấy, chắc chắn sẽ chẳng thể thuận theo địa vị mà hành, chắc chắn khi gặp phải những cảnh phú quý, bần tiện, oai vũ ắt sẽ thành dâm, di, khuất[143] vậy!

Đừng nói gì người đời này, ngay những kẻ truyền tâm pháp của thánh nhân trong Tống Nho, đối với hai chữ *"cách vật"* vẫn còn chưa thể hiểu rõ, huống gì người đời sau! Muốn làm sáng tỏ Minh Đức (minh Minh Đức) mà trước hết chẳng *"cách trừ"* (trừ khử) "món vật" là sự ham muốn trong tâm con người thì chuyện làm sáng tỏ Minh Đức trở thành nói xuông. Dù có học đến mức văn chương trùm lấp cõi đời vẫn cứ quanh quẩn trong vòng ham muốn của con người, sao không bị chuyển theo cảnh?

Như ông nói *"minh Minh Đức giống như chứng Bồ Đề, Nho - Phật cố nhiên không hai; học Khổng, học*

---

[143] Nho giáo có câu: *"Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, oai vũ bất năng khuất"* (Phú quý chẳng phóng đãng, nghèo khó chẳng đổi dời, oai vũ chẳng khuất phục)

Phật, lý không ngoài những gì đã nói trong một chương sách Đại Học" chính là người minh bạch cưỡng làm hồ đồ, ấy có phải là muốn thử xem Ấn Quang đối với những chuyện đó có hiểu được phần nào hay chăng? Nếu có thì đủ chứng tỏ cái nhìn sáng suốt của các hạ; nếu không thì tôi muốn phát huy ý nghĩa tột cùng về duyên do vậy. Nhưng đã là đồng bệnh tương lân, nào ngại gì nói lên tình huống khổ sở, ngõ hầu nhẹ bớt nỗi uất ức mà thôi. Bản thể của Nho và Phật cố nhiên không hai, nhưng công phu của Nho và Phật, nếu luận một cách nông cạn thì cũng khá tương đồng; nhưng nếu bàn sâu xa hơn thì khác biệt như trời với đất. Vì sao nói thế? Nho lấy Thành làm gốc, Phật lấy Giác làm tông. Thành chính là Minh Đức, do Thành khởi Minh, do Minh đạt Thành, nên Minh và Thành hợp nhất, ấy chính là *"minh Minh Đức"* (làm sáng tỏ cái đức sáng). Giác có Bổn Giác và Thỉ Giác[144]; do Bổn Giác khởi Thỉ Giác, do Thỉ Giác chứng được Bổn Giác, Thỉ và Bổn hợp nhất bèn thành Phật. Bổn Giác chính là Thành, Thỉ Giác chính là Minh. Thuyết pháp như vậy thì Nho và Phật trọn chẳng hai.

Như các hạ nói *"học Khổng, học Phật, lý chẳng ngoài một chương Đại Học",* đấy chính là lời quyết định không nghi, nhưng chỉ là lời biện luận ở mức độ nông cạn! Đối với việc phát huy thứ lớp công phu tu chứng sâu - cạn theo thì gốc tuy đồng, nhưng cái chứng

---

[144] Bổn Giác là giác tánh sẵn có. Theo giáo nghĩa Thiên Thai, thông qua tu tập, từ từ nhận biết, khơi mở được tâm nguyên sẵn có, đó gọi là Thỉ Giác. Còn bản tánh sẵn có thường hằng không hề bị nhiễm ô bởi phiền não, trần cảnh, thì gọi là Bổn Giác. Thành Phật Đạo chính là từ Thỉ Giác ngộ được Bổn Giác, Bổn Giác và Thỉ Giác hợp nhất.

được, cái đạt đến khác biệt rất lớn! Nho gia làm sáng tỏ Minh Đức há có giống được như nhà Phật đoạn sạch hoàn toàn Tam Hoặc, nhị nghiêm (phước và trí) toàn vẹn chăng? Có được như hàng Bồ Tát chứng Pháp Thân phá từng phần vô minh, thấy được từng phần Phật Tánh hay chăng? Có được như Thanh Văn, Duyên Giác đoạn sạch Kiến Tư hai Hoặc hay chăng? Trong ba hạng trên, chỉ có Thanh Văn đoạn Kiến Tư Hoặc là thấp kém nhất, nhưng đã lục thông tự tại. Vì vậy, ngài Tử Bách[145] nói: *"Nếu có thể quên ngay tình kiến thì vách núi còn có thể xuyên thẳng qua được!"* Sơ Quả còn phải bảy lần sanh lên trời, bảy lần sanh vào nhân gian, nhưng đã có đạo lực tùy ý chẳng phạm Sát Giới. Do vậy, họ đi đến đâu, các loài trùng tự lìa khỏi chỗ ấy. Nên mới có câu: *"Sơ*

---

[145] Tử Bách đại sư (1543-1603): Húy là Chân Khả, pháp tự Đạt Quan, hiệu là Tử Bách Lão Nhân, là người ở Ngô Giang, sống vào thời Minh. Sư tánh tình mạnh mẽ, quyết đoán, thân thể khôi vĩ, thuở nhỏ thích đi đó đây làm việc nghĩa hiệp. Năm mười bảy tuổi, xin xuống tóc với ngài Minh Giác ở núi Hổ Khâu, thường đóng cửa đọc sách, trọn chẳng ra ngoài phạm vi nơi ấy suốt cả nửa năm. Hễ thấy người xuất gia uống rượu, ăn mặn, Sư quở: "Người xuất gia như vậy đáng giết đi!" Sau khi thọ Cụ Túc Giới, Sư bế quan suốt ba năm tại chùa Cảnh Đức ở Vũ Đường. Hạn kỳ mãn, bèn tham học các nơi. Nghe tụng bài kệ của Trương Chuyết: *"Đoạn trừ vọng tưởng càng thêm bệnh, hướng đến Chân Như cũng chỉ tà"* càng ôm mối nghi tình lớn. Một ngày nọ thọ trai xong, đang uống nước bỗng đại ngộ, nói: *"Nếu ta thuộc tông Lâm Tế, ở dưới tòa ngài Đức Sơn, vỗ một cái liền tỉnh"*. Ngài lên kinh đô, y chỉ với Biến Dung đại lão suốt chín năm. Cùng với Hám Sơn Đại Sư, ngài Tử Bách san nhuận tu bổ bộ Đại Minh Truyền Đăng Lục. Năm Vạn Lịch 28 (1600), triều đình đặt ra thuế má nặng nề, quan lại thừa cơ bòn rút dân chúng tàn tệ, Sư phẫn nộ, lên kinh đô kháng nghị. Sẵn có vụ án yêu thư yêu ngôn phát sinh, bọn tham quan vu cáo Sư chủ xướng nên Sư bị hạ ngục. Đến năm 1603, dẫu không bằng chứng, Sư vẫn bị kết tội tử hình. Nghe kết án, Sư thản nhiên nói: "Đời đã đến thế, ở lâu nơi đời làm gì?" Sư tắm gội, đọc kệ, dặn dò thị giả rồi ngồi ngay ngắn qua đời, thọ sáu mươi mốt tuổi. Sư để lại các tác phẩm: Bát Nhã Tâm Kinh Thuyết, Bát Nhã Tâm Kinh Yếu Luận, Bát Nhã Tâm Kinh Lược Đàm, Tử Bách Lão Nhân Tập (15 quyển), Tử Bách Lão Nhân Biệt Tập (4 quyển).

Quả cày đất, trùng tránh xa bốn tấc", huống gì là hạng Nhị, Tam, Tứ Quả ư?

Hãy gác những người học theo Nho Giáo lại đã, chỉ bàn đến những bậc thánh nhân. Những vị thánh nhân ấy đa phần là bậc Đại Quyền thị hiện, không bàn đến Bổn của họ, nếu chỉ căn cứ theo Tích để luận thì e rằng chưa thể sánh bằng bậc đã đoạn sạch Kiến Tư Hoặc, huống chi bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ phá vô minh, chứng pháp tánh! Cứ cho là *"làm sáng tỏ Minh Đức"* ngang vai bằng lứa với bậc đã phá vô minh đi nữa, nhưng phá vô minh có bốn mươi mốt địa vị, những kẻ đã làm *"sáng tỏ Minh Đức ấy"* có bằng vai được với Sơ Trụ là địa vị đầu tiên hay không? Có bằng vai được với địa vị tối hậu là Đẳng Giác hay không? Dẫu cho có bằng vai với bậc tối hậu là Đẳng Giác đi nữa, thì Minh Đức vẫn chưa thể làm sáng tỏ đến cùng cực, còn phải phá một phần vô minh nữa mới có thể nói là Thành và Minh hợp nhất, Thỉ - Bổn không hai vậy! Vì thế, tôi nói: "*Về Thể tuy đồng, nhưng phát huy công phu chứng đắc bất đồng!"*

Người đời nghe nói là "đồng" bèn cho rằng Nho Giáo hoàn toàn bao trọn Phật giáo, nghe nói là "khác" bèn cho là Phật giáo hoàn toàn chẳng phải là Nho Giáo, chẳng biết duyên do *"tuy đồng nhưng bất đồng, bất đồng nhưng đồng"* vậy. Do đó, cứ tranh luận lung tung, ai nấy chia vạch môn đình, ai nấy đánh mất bản tâm yên đời, độ người của Phật, Bồ Tát, thánh nhân, chẳng đáng buồn sao? Trong tháng Sáu, ông Dương Lệ Đường người xứ Hương Sơn, Quảng Đông, từ Đàn Hương Sơn (Honolulu) trong Thái Bình Dương gởi thư cho Tạng

Quán Thiền ở Sơn Đông nhờ đem cuốn sách hòa hội [những giải thích về] Nho - Phật xưa nay do ông ta biên soạn, đặt tên là Nho - Thích Nhất Quán, muốn dẫn dụ Nho nhập Phật, lầm lẫn ủy thác Quán Thiền nhờ Quang viết bài tựa. Quang thuở nhỏ không gắng sức, đến già vô tri, vì ông ta kèo nài, khó thể thoái thác, bèn nguệch ngoạc hơn ngàn chữ cho xong trách nhiệm. Nay đem bản thảo ấy gởi đi, xin hãy giảo chánh tỉ mỉ.

161. Thư gởi hội Phóng Sanh ở Đại Đồng, Tuyền Châu

Phóng sanh là lấy việc đề xướng kiêng giết, bảo vệ sanh mạng làm gốc. Phàm những ai nhập hội đều nên ăn chay thì mới có thể đem lợi ích của việc ăn chay bảo cùng hết thảy mọi người. Dẫu không thể làm cho ai nấy đều thuận theo, nhưng do các vị trong quý hội đều là bậc quân tử đức dày, thật hành ăn chay, nên người ta cũng tự nhiên ngầm bị cảm hóa mà thay đổi, đều không còn sát sanh, không còn ăn thịt nữa. Nếu cứ ăn thịt như cũ thì công đức phóng sanh vẫn chẳng thể nghĩ bàn, nhưng vẫn tự mâu thuẫn với hạnh mình đang làm, vẫn là chẳng y theo đạo từ bi, trung hậu, khoan thứ để thực hành vậy; huống hồ là muốn cho những ai thấy nghe sẽ ngầm được cảm hóa, thay đổi ư? Quang chẳng có đạo đức, tài lực gì, chẳng thể giúp gì cho nghĩa cử tốt lành của quý hội được, kính dâng tấm ngu thành để bố thí.

Các vị cư sĩ ở Thượng Hải lập ra Thường Trai Hội (hội thường ăn chay). Phàm ai gia nhập hội, bất luận quan, hôn, tang, tế đều chẳng ăn mặn. Năm ngoái, cư sĩ

Quan Quýnh Chi yêu cầu Quang viết một bài tựa. Xem bài ấy sẽ biết được đại khái. Muốn biết tường tận thì nên gởi thư cho cư sĩ Quan Quýnh Chi ở đường Bạch Khắc, phố Hoài An, Thượng Hải. Họ có chương trình, hãy xin họ gởi cho một bản. Trong bộ Văn Sao của Quang, những văn tự khuyên người kiêng giết cũng có hơn mười thiên; tuy văn chương vụng về, chất phác, chẳng đáng lọt mắt người tao nhã, nhưng ý nghĩa cố nhiên có những chỗ chấp nhận được. Nếu chẳng chê là ô uế đáng vứt bỏ thì cũng có thể làm trò cười "đem hạt bụi vun vào hòn núi" vậy.

Thêm nữa, quý hội đề xướng học Phật, lại suy tôn tiên sinh Tấn Tô chẳng tiếc sức. Đã rộng thí Đạo Vị Lục, lại còn giới thiệu người muốn học đạo, cầu ông ta truyền thọ chân kinh diệu quyết hòng đồng lên được bờ Giác. Tâm chí ấy có thể nói là thành khẩn, chân thực nỗ lực mong làm lợi người khác, nhưng tiếc là chưa biết nguyên do Phật pháp nên mới coi pháp trường sanh luyện đan vận khí là Phật pháp! Nếu nói: "Phàm những ai muốn cầu trường sinh và phép vệ sinh bèn giới thiệu cho họ sách ấy" thì cố nhiên không trở ngại gì. Bởi cái lợi lớn của pháp luyện đan là có thể kéo dài tuổi thọ, sống lâu, còn cái lợi nhỏ là có thể bảo dưỡng sắc thân; quả thật là pháp có ích cho con người.

Nếu mù mờ gọi pháp ấy là Đạo, rồi xui khiến đệ tử Phật cầu cho được chân quyết (bí quyết chân thật) thì Danh và Thực mâu thuẫn lớn! Vì sao? Phật pháp có đầy đủ hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng sót mảy may điều thiện nào; chỉ có mỗi một pháp luyện đan tuyệt nhiên chẳng nhắc tới, lại còn cấm thật ngặt.

Là vì trong bước đầu nhập đạo, Phật dạy con người tu Tứ Niệm Xứ Quán: Một là quán thân bất tịnh, hai là quán thọ là khổ, ba là quán tâm vô thường, bốn là quán pháp vô ngã. Muốn thấy thấu suốt cái thân tâm huyễn vọng này ngõ hầu ngộ chứng chân tâm diệu tánh sẵn có. Luyện đan chỉ chăm chú bảo dưỡng sắc thân, chẳng hợp với tông chỉ của Phật. Nhưng ai tu pháp nấy, tùy mỗi người tự đạt được lợi ích, nên hai bên chẳng trở ngại lẫn nhau.

Xem sách Đạo Vị Lục do tiên sinh Tấn Tô viết, đến phần khẩu quyết luyện Hỏa Hầu cho rằng*: "Đó là đạo liễu tánh mạng của Phật môn, gộp Tam Giáo đồng quy, thường hằng vạn cổ bất tuyệt. Lìa khỏi đạo này chính là ngoại đạo. Ra khỏi môn này bèn thành bàng môn. Đạo mạch Tiên Thiên đời đời nhất quán truyền thừa, từ lúc Đạt Ma Sơ Tổ từ trời Tây sang Đông, cho đến Bạch Mã Thất Tổ, y bát truyền trong nhà lửa"* v.v… Đấy chính là mượn danh nghĩa Phật giáo để truyền pháp luyện đan, đâm ra hủy báng Phật pháp. Tháng trước, ông ta đã gởi cho tôi hai bản. Quang thấy ông ta tự phụ quá sâu, lẽ đâu chịu nghe theo Quang là kẻ bất tài ư? Nên để đó chẳng bàn đến. Nay thấy quý hội đề xướng Phật học, mà vẫn không biết ông ta không phải là học Phật, cho nên không thể không dốc hết lòng ngu thành của tôi để thưa trình.

Nếu cho Quang là đa sự, cho là Quang thấy biết lầm lạc, chưa nghe đại đạo thì cũng xin cứ tùy ý. Chim cú giữ xác chuột rữa, phượng hoàng quyết chẳng thể bảo nó đừng ăn. Nay gởi đến một gói Văn Sao tổng cộng ba bộ, mong mọi người trong quý hội hãy đọc, và gởi cho

cư sĩ Châu Tử Tú xem. Nếu cho là đúng thì cũng chưa từng bao giờ không phải là điều may mắn cho quý hội, nếu cho là sai thì cũng mặc tình bịt vò thay củi[146]. Từ đấy gia công dụng hạnh khuếch trương đạo luyện đan vận khí của tiên sinh Tấn Tô, khiến cho người trong thiên hạ cùng được trường sanh cũng tốt, nhưng nếu gọi đó là Phật pháp thì tuy chẳng báng Phật pháp, cũng vẫn mắc lỗi hủy báng Phật pháp. Tôi trộm cho rằng quý hội chưa phân biệt được chánh - tà nên mới thành ra như thế. Đã coi Quang là người trong pháp môn, nếu Quang cứ đối đãi với quý hội như ông Tấn Tô thì Quang đã phụ lòng quý hội, cho nên mới phải một phen đôi co như thế.

162. Thư trả lời hiệu trưởng Vạn An ở An Huy

Bốn câu của nhà trường quý vị: *"Tận tánh học Phật, tận nhân luân học Khổng, Đạo học làm thể, khoa học làm Dụng",* quả thật là tông chỉ học đạo không thay đổi. Từ khi nhà Nho chú trọng cái học từ chương khiến cho pháp học đạo biến thành học nghề khéo, đau tiếc khôn xiết! Cái học mới mẻ ngày nay đa số bỏ gốc theo ngọn, nêu tông chỉ như nhà trường quý vị thật là ít thấy. Tận

---

[146] Nguyên văn: "Phú phẫu đại tân" (bịt vò, thay củi). Lấy tích từ chuyện Dương Hùng đời Hán soạn sách Thái Huyền chú giải kinh Dịch muốn lưu danh hậu thế. Lưu Hâm đọc xong quở: *"Học giả trong thiên hạ còn không hiểu kinh Dịch, sao ông dám diễn giải Thái Huyền? Chỉ sợ người đời sau đem sách này để bịt vò tương mà thôi".* Do đó, có thành ngữ "phú phẫu đại tân" (bịt vò thay củi) với ngụ ý văn chương không đáng trọng, chỉ đáng dùng giấy ấy để bịt miệng vò tương hay đốt thay củi mà thôi!

tánh học Phật thì mới có thể tận hết luân thường học Khổng. Tận hết luân thường học Khổng thì mới có thể tận tánh học Phật. Thử xem những bậc đại trung đại hiếu xưa nay cũng như những vị phát huy tâm pháp thánh hiền Nho Giáo, không một ai chẳng nghiên cứu sâu xa kinh điển nhà Phật, ngầm tu mật chứng.

Nho Giáo và Phật Giáo kết hợp lại thì cả hai cùng tốt đẹp, tách ra thì cả hai cùng bị thương tổn. Bởi lẽ trong cõi đời không một ai chẳng thuộc trong luân thường, cũng không một ai có thể vượt ngoài tâm tánh. Đầy đủ cả luân thường lẫn tâm tánh thì dùng "*không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện"* của nhà Phật để giúp cho "*khắc kỷ, giữ lễ, dứt lòng tà, giữ lòng thành, cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính"*. Do vậy cha con, anh em v.v… dắt dìu nhau tận hết luân thường, tận hết tâm tánh để trừ khử phiền hoặc huyễn vọng, khôi phục Phật tánh sẵn có. Chẳng những Thể là một, mà Dụng cũng chẳng có hai! Đấy là sự thực!

Nói *"Phật hóa Nho tông"* chẳng qua chỉ nhằm biểu thị sự thật mà thôi, lẽ đâu chẳng thể được? Nhưng tại gia học Phật, ắt phải lấy tin sâu nhân quả, tận hết bổn phận, kiêng giết, cứu giúp sanh mạng, chí tâm niệm Phật làm cách tu trì quyết định chẳng thay đổi! Nói *"tận hết bổn phận"* chính là những điều từ, hiếu, nhường, kính v.v… Thế nhưng, cõi đời loạn lạc, nước thiếu người hiền, căn bản là do gia đình không khéo dạy dỗ mà ra! Nhưng giáo dục gia đình, trách nhiệm người mẹ càng nặng. Vì thế, Quang hay nói *"dạy con là cái gốc để trị quốc, bình thiên hạ, nhưng dạy con gái lại càng trọng yếu hơn"* là vì như vậy đó. Nếu thường đem

điều này bảo cùng học trò ngõ hầu chúng nó cùng đem điều này đề xướng, chỉ dạy nhau, còn lo chi chẳng thấy cõi đời bình trị nữa!

163. Thư trả lời cư sĩ Úc Trí Lãng

Chuyện của Phước Tuấn theo như lời ông kể lúc còn sống và sau khi đã mất, nếu mọi điều đều thật thì chắc chắn là vãng sanh! Do lúc sống đã thấy thấu suốt cái vỏ thân xác này, điều này thuộc về sự lợi ích lớn nhất, vì nữ nhân thường hay lưu luyến huyễn chất, hằng ngày lo trang điểm. Đã không có ý niệm ấy, sẽ tự dễ dàng tương ứng với pháp môn Tịnh Độ. Lâm chung gầy còm và bị bệnh khổ chính là do nghiệp chướng nhiều kiếp. Do vì bà ta dốc lòng tu Tịnh nghiệp nên mới chuyển hậu báo nặng nề thành báo nhẹ trong hiện tại. Ông bảo: "Do tu trì tinh tấn đến nỗi thân thể ngày càng yếu ớt'; nói như vậy không hợp lẽ, lại còn mắc lỗi khiến cho kẻ tín tâm nông cạn nhân đó bèn thoái đọa.

Phải biết: Người niệm Phật quyết định tiêu trừ nghiệp chướng. Những người có nghiệp chướng hiện tiền đều là chuyển ác báo tam đồ trong tương lai thành bệnh khổ hiện tại để giải quyết cho hết. Kinh Kim Cang dạy người trì kinh Kim Cang do có nỗi nhục nhỏ là bị người khác khinh rẻ, liền diệt được nỗi khổ nhiều kiếp trong ác đạo. Như vậy Phước Tuấn khi sắp sanh về Tây Phương, do nỗi khổ nhỏ nhặt này sẽ giải quyết sạch các ác báo trong vô lượng kiếp đến nay, quả thật là may mắn lớn lao! Chớ nên học theo kẻ chẳng biết sự việc, bảo là "do tu trì nên thành bệnh, bị chết!"

Người niệm Phật bình thời có lòng tin chân thành, nguyện khẩn thiết thì không ai chẳng được vãng sanh, huống chi Phước Tuấn lâm chung chánh niệm rỡ ràng, hiện các tướng xá bái, đảnh lễ v.v… Mất rồi thân thể vẫn mềm mại, sạch sẽ, vẻ mặt như còn sống, há có nên vì công phu của bà ta còn ít ỏi mà nghi ngờ hay chăng? Đối với Di Đà nguyện vương, mười niệm còn được độ, huống chi bà ta tinh tấn tu trì đã hai ba năm, há còn ngờ ư? Trong đời có hạng người ý chí thấp hèn, tuy thường niệm Phật, nhưng chẳng cầu vãng sanh, chỉ mong cầu phước báo nhân thiên; hạng người như vậy dù có tu hành suốt đời cũng chỉ được hưởng si phước trong đời sau mà thôi! Người có chánh tín tự mình dùng tín nguyện cảm Phật, Phật do lòng từ bi nhiếp thọ, cảm ứng đạo giao, ắt có thể cậy vào Phật từ lực, đới nghiệp vãng sanh, cần gì phải hỏi người ấy có thấy Phật hay chăng rồi mới phán đoán được!

Ngay như trước lúc lâm chung, nếu [người sắp mất] tự tắm rửa, thay áo thì rất hay! Nếu người ấy không thể thì trọn chớ nên tắm rửa thay áo sẵn, khiến cho người ấy đau đớn khó chịu đựng nổi đến nỗi mất chánh niệm. Ông còn tiếc rằng lúc ấy bà ta còn chưa mặc pháp y, chưa ngồi khoanh chân xếp bằng; không biết lúc ấy, tốt nhất chỉ nên đồng thanh niệm Phật, vàn muôn phần chẳng được bày vẽ phô trương (như tắm rửa, thay áo, bắt ngồi lên v.v…) Nếu phô trương, bày vẽ sẽ thành ra như đã rớt xuống giếng còn bị ném đá, hãy nhớ kỹ! Lệnh từ tuổi đã cao, nếu Quang không nói lên mối tệ này, về sau, ông do tấm lòng tận hiếu sẽ gây trở ngại cho sự vãng

sanh của mẹ, khiến mẹ phải lưu chuyển trong sanh tử bao kiếp dài lâu, không thể thoát ra được!

Chúng ta chỉ nên giữ lấy cái thật, chớ chuộng cái danh, bài ký của ông khá hay, chẳng cần phải nhờ người viết văn để lưu truyền. Đấy đều là những chuyện hư huyễn, phù phiếm trong thế gian, chỉ nên chính mình cùng người nhà niệm Phật mong cùng sanh Tây Phương là được rồi. Trong khóa tụng sáng tối mỗi ngày, lúc hồi hướng Quang đều đọc kèm tên của Phước Tuấn, hồi hướng một thất để tận mối tình thầy trò. Hơn nữa, Phước Tuấn sanh tử phen này có thể nói là chẳng sống thừa chết phí, may mắn thay! Còn như chuyện xương cốt làm thành viên bột thì rất tốt, nhưng chẳng được hời hợt làm! Phải đem xương nghiền thành bột mịn, dùng cái lưới kín mắt rây kỹ, không khác gì bột mì thì mới được. Nếu thô tâm nghiền qua loa, khi hòa với bột mì làm thành viên, chỉ sợ loài cá nhỏ ăn vào sẽ bị xương cứng xóc bụng. Quang sợ ông vô tâm, không thể không nói!

164. Thư trả lời cư sĩ X…

Bệnh và ma đều do túc nghiệp mà ra. Ông chỉ nên chí thành khẩn thiết niệm Phật thì bệnh sẽ tự lành, ma sẽ tự xa lìa. Nếu tâm ông không chí thành, hoặc khởi lên những ý niệm bất chánh, tà dâm v.v… thì toàn thể cái tâm ông đọa trong hắc ám. Do vậy, ma quỷ khuấy nhiễu! Niệm Phật xong, lúc hồi hướng, ông nên hồi hướng cho hết thảy oán gia trong đời trước, khiến cho ai nấy đều được hưởng lợi ích do việc niệm Phật của

ông, siêu sanh đường lành. Ngoài ra, nhất loạt chẳng bận tâm đến chúng. Nếu chúng phát ra tiếng, cũng chẳng quan tâm, đừng sợ hãi. Chúng không phát ra tiếng, cũng đừng bận tâm sanh lòng hoan hỷ, cứ chí thành khẩn thiết niệm, tự nhiên nghiệp chướng tiêu, phước lẫn huệ đều được tăng trưởng.

Xem kinh điển chớ bắt chước như người đời nay đọc sách, trọn chẳng cung kính mảy may nào! Ắt phải như đang đối trước Phật, Tổ, thánh hiền giáng lâm thì mới có ích thật sự! Nếu ông làm được như thế thì tâm địa chánh đại quang minh, bọn tà quỷ, tà thần kia sẽ không có chỗ nào để ở yên được. Nếu tâm ông tà vạy trước thì sẽ do tà chiêu tà, làm sao có thể khiến cho bọn chúng xa lìa không quấy nhiễu cho được! Tuy quỷ thần có Tha Tâm Thông, nhưng vừa nhỏ lại vừa gần; còn nếu là bậc nghiệp tận tình không thì như gương báu đặt trên đài, có hình liền hiện bóng. Ông không chí tâm niệm Phật, lại muốn nghiên cứu chân tướng ấy, chẳng biết tâm ấy sẽ thành ma chủng. Ví như gương báu, không có mảy may bụi nhơ, sẽ tự có thể chiếu trời, chiếu đất. Tâm ông đã bị bụi nhơ phủ kín dày chắc, mà muốn được như thế, thì cũng như tấm gương bị bụi phủ dày kín mít, trọn chẳng thể tỏa sáng. Nếu có phát sáng thì cũng là ánh sáng yêu quái, chứ không phải là ánh sáng của gương. Hãy nên gác lại chuyện ấy, hãy niệm Phật như đang mắc nạn lửa nước, như cứu đầu đang bị cháy thì không nghiệp nào, ma nào chẳng tiêu!

165. Thư trả lời tiên sinh Trương Quý Trực

Quang chỉ là một ông Tăng tầm thường vô tri vô thức, chỉ biết cơm cháo. Do ông Từ Úy Như lầm lẫn bốn lần đem bản cảo dở tệ của Quang ra ấn hành, đến nỗi làm bẩn mắt xanh. Ông không những không chê bỏ là ô uế, trái lại, còn khen là Nho - Thích dung thông, có Thể, có Dụng. Đúng là chí tại kính Phật nên quên mất sự hèn kém, tầm thường của ông Tăng. Cảm thấy hết sức xấu hổ! Dịch Viên và Quang đã có túc duyên, thường muốn lôi kéo các hạ cùng về Tây Phương để thiện căn, phước đức đã vun bồi từ vô lượng kiếp đến nay cũng như trong đời hiện tại đều quy về Thật Tế. Quang hết sức bội phục! Bởi lẽ các hạ là bậc văn chương lỗi lạc đương thời, còn Quang là một ông Tăng sống nhờ ăn bám[147] vô tri vô thức, nên chẳng dám tuân theo lời mời dự vào ban tu thư của Dịch Viên.

Nay nhận được tờ hoa, nét mực của các hạ, thấy ông đã từng xem kinh, chẳng biết Thiền như thế nào, chỉ giác Tịnh mà thôi, khôn ngăn vui mừng, an ủi! Đủ biết các hạ đã gieo chủng tử Bát Nhã chẳng phải chỉ ở chỗ một, hai, ba, bốn, năm đức Phật. Phàm Thiền đến mức chẳng biết nó là gì thì mới là chân Thiền, bởi thấy - nghe - hay - biết đều là chuyện thuộc về ý thức, chỉ không biết thì mới có thể linh quang riêng chiếu, vượt thoát căn trần, thể lộ chân thường, chính là Như Như

---

[147] Nguyên văn Quải Đáp, còn gọi là Quải Đơn, Quải Tích, Quải Bát, nghĩa là một vị Tăng du phương hành cước, ôm y bát, hành lý vào ở nhờ trong Tăng Đường một tự viện nào đó. Nếu vị trụ trì đồng ý cho vị du Tăng ấy nhập chúng ở lại thì gọi là "hứa quải đáp". Ở đây, Tổ dùng chữ này với ý nghĩa mình chỉ là sống nhờ ở đậu nơi Phổ Đà.

Phật[148] vậy! Tịnh đến mức chỉ giác thì toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm - Phật chẳng hai, tâm - Phật như một. Nếu không, sao gọi là Giác cho được? Các hạ kiến giải như thế, đã là vượt trỗi vàn muôn lần những kẻ học Phật trong thời gần đây. Nếu lại có thể sanh lòng tin, phát nguyện, hồi hướng vãng sanh thì đài sen thượng phẩm sẽ tự độc chiếm. Chỉ sợ các hạ đối với duyên do của Thiền và Tịnh, Phật lực và tự lực, lớn - nhỏ, khó - dễ còn chưa biết sâu xa; cho rằng *"đã ngộ tự tâm thì ngay nơi này chính là Tây Phương, chẳng cần cầu vãng sanh"* thì nỗi sai lầm ấy chẳng cạn đâu!

Vì sao vậy? Do phàm phu dù có thể ngộ đến cùng cực, nhưng nếu còn có tập khí phiền não từ vô thỉ đến nay chưa thể nhanh chóng đoạn được thì hễ còn có mảy may phiền não tập khí sẽ chẳng thể siêu xuất ra ngoài sanh tử luân hồi được! Đây chính là sự khó khăn của việc cậy vào tự lực để liễu sanh tử. Pháp môn Niệm Phật chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, bất luận công phu cạn hay sâu, công đức lớn hay nhỏ, đều có thể cậy vào Phật từ lực, đới nghiệp vãng sanh. Chúng sanh đời Mạt muốn liễu sanh tử mà chẳng y vào pháp này sẽ khó khăn chẳng thể sánh ví được nổi! Mong hãy đọc kỹ sách Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, ắt sẽ tự biết Quang nói không sai. Nếu chẳng cho lời Quang là sai lầm, lại không rảnh rỗi nhiều, chỉ cần lắng lòng đọc Văn Sao sẽ tự biết hết.

---

[148] Như Như Trí là Chân Như Diệu Trí, vốn sẵn thanh tịnh, không bị vô minh che lấp, không bị phiền não nhiễm ô, chiếu trọn các pháp, bình đẳng bất nhị. Chứng được Như Như Trí thì gọi là Như Như Phật

166. Thư tuyên ngôn kết xã niệm Phật của chùa Thanh Liên ở Lô Sơn

Đại Giác Thế Tôn thương các chúng sanh mê trái tự tâm, luân hồi sáu nẻo trải nhiều kiếp lâu xa, không thể thoát ra. Do vậy, khởi lòng Vô Duyên Từ, vận dụng lòng Đồng Thể Bi, thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, tùy thuận cơ nghi rộng giảng các pháp. Nói bao quát đại cương thì gồm có năm tông, năm tông là như thế nào? Chính là Luật, Giáo, Thiền, Mật và Tịnh. Luật là Phật thân, Giáo là Phật ngữ, Thiền là Phật tâm. Phật sở dĩ thành Phật chỉ do ba pháp này, Phật sở dĩ độ sanh cũng chỉ có ba pháp này. Nếu chúng sanh thật sự có thể nương theo Luật, Giáo, Thiền của Phật để tu trì thì ba nghiệp của chúng sanh sẽ chuyển thành ba nghiệp của chư Phật. Ba nghiệp đã chuyển thì phiền não chính là Bồ Đề, sanh tử chính là Niết Bàn. Lại sợ kẻ túc nghiệp sâu nặng ắt chẳng dễ chuyển, nên dùng sức gia trì Đà La Ni tam mật[149] để un đúc. Như tò vò bảo con nhộng: "Giống ta, giống ta", bảy ngày sau sẽ biến thành tò vò[150]. Lại sợ kẻ căn khí kém hèn, chưa được giải thoát, thọ sanh lần nữa, khó tránh khỏi mê mất; do vậy, đặc biệt mở ra một môn "tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ" để dù thánh hay phàm cùng trong đời này được vãng sanh Tây Phương. Thánh sẽ mau chứng Vô Thượng Bồ Đề, phàm thì vĩnh viễn thoát

---

[149] Tam Mật là thân mật, khẩu mật, tâm mật.

[150] Đây là truyền thuyết nói về sự biến thái từ ấu trùng thành tò vò. Ở đây, Tổ chỉ mượn truyền thuyết của dân gian Trung Quốc để nói cho dễ hiểu tác dụng của chú ngữ.

khỏi sanh tử buộc ràng. Do cậy vào Phật từ lực, nên công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn.

Phải biết: Luật chính là nền tảng của Giáo, Thiền, Mật, Tịnh. Nếu chẳng nghiêm trì cấm giới sẽ chẳng thể đạt được lợi ích thật sự nơi Giáo, Thiền, Mật, Tịnh. Giống như xây lầu cao vạn trượng nếu nền móng không vững thì chưa xây xong đã sụp. Tịnh là chỗ quy túc của Luật, Giáo, Thiền, Mật, như trăm sông vạn dòng đều đổ vào biển cả. Bởi lẽ pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn *"trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh, thành thủy, thành chung"* của mười phương tam thế chư Phật. Vì vậy, trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài được Phổ Hiền Bồ Tát gia bị, khai thị, đã chứng Đẳng Giác, ngài Phổ Hiền bèn dạy phát mười đại nguyện vương, hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để mong viên thành Phật Quả, lại dùng mười nguyện ấy khuyên khắp Hoa Tạng hải chúng. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, chương Hạ Phẩm Hạ Sanh, dẫu là kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác sắp đọa A Tỳ địa ngục, được thiện tri thức dạy cho niệm Phật hoặc niệm mười tiếng, hoặc chỉ mấy tiếng rồi liền mạng chung, cũng được đức Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương.

Xem đó thì trên từ Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể ra ngoài pháp này; dưới đến tội nhân Ngũ Nghịch Thập Ác cũng có thể vào trong pháp này. Công đức lợi ích ấy vượt trỗi hết thảy [các pháp khác] trong giáo pháp cả một đời đức Phật, bởi những giáo pháp trong cả một đời Ngài đều cậy vào tự lực để thoát sanh tử; còn pháp môn Tịnh Độ, kẻ chưa đoạn Hoặc, cậy vào Phật từ lực, liền

có thể đới nghiệp vãng sanh. Người đã đoạn Hoặc cậy vào Phật từ lực bèn mau chứng lên bậc Địa Thượng Bồ Tát[151]. Đây chính là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp cả một đời đức Phật, chẳng thể dùng những giáo pháp theo đường lối thông thường để bàn luận được. Vì thế, các kinh Đại Thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa v.v… các vị đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền v.v…, các đại tổ sư như Mã Minh, Long Thọ v.v… thảy đều xiển dương, khen ngợi, chỉ dạy, khuyên khắp chúng sanh vãng sanh.

Đến khi đại giáo truyền sang Đông, Viễn Công đại sư (sơ tổ Huệ Viễn) bèn dùng pháp này lập tông. Thoạt đầu, Ngài muốn cùng đồng học là Huệ Vĩnh[152] qua La Phù, nhưng bị pháp sư Đạo An[153] lưu lại, sư Huệ Vĩnh

---

[151] Địa Thượng Bồ Tát: Từ địa vị Sơ Địa trong trở lên.

[152] Huệ Vĩnh (332-414), cao tăng đời Tấn, người xứ Hà Nội, họ Phan, xuất gia năm 20 tuổi, thờ ngài Trúc Đàm Hiện làm thầy, sau theo ngài Huệ Viễn qua học với ngài Đạo An. Khi ngài biệt cư ở Đông Lâm tại một chòi tranh trên đỉnh núi để tu tập, thất ngài ở thường tỏa mùi thơm lạ, nên người đời gọi là Hương Cốc. Có một con hổ quần quanh gần đấy, hễ ai đến, Ngài xua hổ chạy lên đỉnh núi. Người đi rồi, hổ lại về nằm phục bên lều. Ngài thông thạo kinh điển, khéo thuyết giảng, khi nói thường hay mỉm cười. Suốt đời cơm rau, áo vải thô, siêng năng tu hành không mệt mỏi. Năm Nghĩa Hy thứ mười Sư bị bệnh nhưng vẫn trì giới tinh chuyên. Lâm chung, tự đắp y, chắp tay, bảo đại chúng: "Phật đến rồi!" Nói xong, an tường qua đời, thọ 83 tuổi. Tăng tục ở trên núi ấy đều ngửi thấy mùi hương lạ, bảy ngày sau mới tan. Đường Huyền Tông truy tặng thụy hiệu Giác Tịch Đại Sư.

[153] Ngài Thích Đạo An sống nhằm thời Đông Tấn, là một trong những vị đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phát triển Phật giáo thời sơ kỳ ở Trung Quốc. Sư người huyện Thường Sơn, nay thuộc tỉnh Hà Bắc. Họ Vệ, sanh nhằm năm Vĩnh Gia thứ sáu nhà Đông Tấn (312), có thuyết nói là năm Kiến Hưng thứ hai (314). Ngài cực thông minh, mẫn tiệp, nối pháp của đại sư Phật Đồ Trừng. Sau phương Bắc Trung Hoa đại loạn, thầy trò hai vị phải lưu lạc khắp các nơi, giảng pháp, giáo hóa suốt 15 năm trong vùng Hồ Bắc, Tương Dương. Sau Phù Kiên nhà Tiền Tần, nghe danh đại sư, đem binh công hãm Tương Dương, đón ngài Đạo An về Trường An, cho sống ở chùa Ngũ Trùng,

bèn đi một mình trước. Đến Tầm Dương, thứ sử Đào Phạm ngưỡng mộ đạo phong, bèn lập chùa Tây Lâm cho Ngài ở. Thời gian ấy nhằm năm Đinh Sửu tức năm Thái Nguyên thứ hai (377) đời Tấn Hiếu Võ Đế. Đến năm Giáp Thân, tức năm Thái Nguyên thứ chín (384), Viễn Công mới đến Lô Sơn. Thoạt đầu ở tại chùa Tây Lâm, do học trò tụ họp đông đảo, Tây Lâm chật hẹp không chứa hết nổi, thứ sử Hoàn Y bèn lập chùa ở phía Đông núi, đặt tên là Đông Lâm. Đến năm Canh Dần, tức năm Thái Nguyên thứ mười lăm (390), ngày hai mươi tám tháng Bảy, Viễn Công bèn cùng Tăng - tục một trăm hai mươi ba người kết liên xã niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sai ông Lưu Di Dân làm bài văn khắc vào đá để minh thị lời thề, Huệ Vĩnh pháp sư cũng dự vào liên xã này.

Vĩnh Công (ngài Huệ Vĩnh) sống ở Tây Lâm, kết riêng một lều tranh trên đỉnh núi để thường lên đó thiền tư. Đến bên thất ấy bèn nghe mùi hương lạ; do vậy, người ta gọi là Hương Cốc (hang thơm), cứ suy nghĩ sẽ biết Ngài là người như thế nào! Lúc Viễn Công kết xã,

---

dùng lễ đãi Ngài như thầy. Ngài khuyên Phù Kiên nên thỉnh pháp sư Cưu Ma La Thập sang Tần. Chính ngài Đạo An đã khởi xướng việc đặt pháp danh và dùng chữ Thích trước tên họ Tăng chúng, với ngụ ý: Tăng chúng là con cháu nối tiếp pháp của Phật Thích Ca. Ngài chế định tăng y, nghi thức, oai nghi, quy củ của Tăng chúng cho nhất quán. Ngài còn chỉnh lý kinh luận Hán dịch, biên tập Tổng Lý Chúng Kinh Mục Lục (một loại thư mục kinh điển đầu tiên của Trung Hoa). Thư mục này nay không còn, nhưng bản Xuất Tam Ký Tập được biên soạn dựa trên thư mục này. Chính ngài Đạo An cũng là người đầu tiên đề xướng phân chia kinh Phật thành ba phần Tự Phần, Chánh Tông và Lưu Thông Phần để chú giải. Ngài tinh thông nhiều giáo thuyết Đại Tiểu Thừa, đặc biệt là Tánh tông. Chính sơ tổ Tịnh Tông là ngài Huệ Viễn nghe đại sư Đạo An giảng kinh Bát Nhã bèn cảm thán: *"Chín phái Nho - Đạo đều là tấm cám",* rồi bèn xuất gia, hầu dưới tòa. Ngài tịch năm Thái Hòa thứ 10 (385).

bèn có một trăm hai mươi ba người, đều thuộc hàng long tượng[154] trong pháp môn, là Thái Sơn, Bắc Đẩu trong làng Nho, do đạo phong của Viễn Công lan tỏa nên đều ùa nhau kéo đến. Nhưng trong suốt đời Ngài, trong hơn ba mươi năm, những người dự vào liên xã tu Tịnh nghiệp được tiếp dẫn vãng sanh nhiều khó thể biết được!

Sau đấy, như các vị Đàm Loan, Trí Giả, Đạo Xước, Thiện Đạo, Thanh Lương, Vĩnh Minh, không vị nào chẳng dùng pháp này để tự hành, hóa độ người. Ngài Đàm Loan viết Vãng Sanh Luận Chú, diệu tuyệt cổ kim. Ngài Trí Giả viết Thập Nghi Luận, chỉ bày tột cùng lẽ được - mất; ngài soạn Quán Kinh Sớ chỉ bày sâu xa pháp quán Tam Đế[155]. Ngài Đạo Xước giảng ba kinh Tịnh Độ gần hai trăm lượt. Ngài Thiện Đạo sớ giải ba kinh Tịnh Độ, cực lực khuyên chuyên tu. Ngài Thanh Lương sớ giải Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, phát huy đạo rốt ráo thành Phật. Tổ Vĩnh Minh nói bài Tứ Liệu Giản chỉ thẳng pháp liễu thoát ngay trong đời này. Từ xưa, những bậc cao nhân các tông, không ai chẳng quy tâm Tịnh Độ, chỉ có các sư Thiền Tông là chuyên chăm chú ngầm tu, ít vị nào chịu xiển dương rõ ràng.

---

[154] Thông thường, "long tượng" vốn để chỉ con voi mạnh mẽ nhất trong loài voi, nên thường được dùng để ví cho hàng Bồ Tát có năng lực oai mãnh. Ngài Cát Tạng cho rằng con vật nào giỏi nhất, tốt nhất thì dùng chữ Long để biểu thị, như ngựa quý sẽ gọi là "long mã". Kinh Đại Bát Niết Bàn gọi hàng Bồ Tát đã đoạn trừ các kết lậu Hoặc là Đại Long Tượng Bồ Tát. Kinh Hoa Nghiêm lại nói "long tượng" để ví cho hàng Bồ Tát oai nghi tốt đẹp khôn sánh. Có thuyết nói "long tượng" là rồng và voi, hai loài có thế lực mạnh mẽ nhất trên cạn lẫn dưới nước, nên đời sau thường gọi người có sức Thiền Định mạnh mẽ tối thắng là bậc "long tượng".

[155] Tức quán Chân Đế, Tục Đế và Đệ Nhất Nghĩa Đế.

Từ sau khi ngài Vĩnh Minh xướng suất, ai nấy đều để lại ngôn giáo rõ rệt, thiết tha khuyên tu trì. Vì thế, bài Khuyến Tu Tịnh Độ Văn của Tử Tâm Tân thiền sư[156] có câu: *"Di Đà thật dễ niệm, Tịnh Độ thật dễ sanh",* lại viết: *"Người tham Thiền tốt nhất nên niệm Phật, nếu căn cơ độn chỉ sợ chẳng thể đại ngộ trong đời này, hãy nhờ vào nguyện lực tiếp dẫn vãng sanh của đức Di Đà"*. Lại nói: *"Nếu ông niệm Phật chẳng sanh Tịnh Độ thì lão tăng sẽ đọa trong địa ngục Bạt Thiệt (kéo lưỡi)".* Bài Tịnh Độ Thuyết của Chân Hiết Liễu thiền sư[157] có câu: *"Trong tông Tào Động đều chăm chú ngầm tu là do nguyên nhân nào vậy? Ấy là do pháp môn Niệm Phật là đường tắt tu hành, căn cứ theo Đại Tạng thì pháp này để tiếp độ căn khí thượng thượng, tiếp dẫn kèm thêm căn cơ trung hạ".* Lại nói: *"Những bậc đại tượng trong Tông Môn đã ngộ pháp bất không bất hữu bèn dốc chí khăng khăng nơi Tịnh nghiệp, chẳng phải vì tịnh nghiệp thấy Phật đơn giản, dễ dàng hơn Tông môn nhiều lắm hay sao?"* Lại nói: "*Dù Phật hay Tổ, dù Giáo hay Thiền, đều tu Tịnh nghiệp, đồng quy một nguồn. Nhập được môn này thì vô*

---

[156] Tử Tâm Tân Thiền Sư chính là ngài Ngộ Tân (1044-1115), cao Tăng đời Tống, thuộc pháp hệ Hoàng Long trong tông Lâm Tế, đệ tử của ngài Hoàng Long Tổ Tâm, không rõ hành trạng. Ngài dốc lòng chuyên tu Tịnh Độ, tự xưng là Tử Tâm Tẩu (ông già lòng đã chết), còn lưu lại ngữ lục là Tử Tâm Ngộ Tân Thiền Sư Ngữ Lục, được xếp trong quyển 12 của Vạn Tục Tạng.

[157] Ngài Chân Hiết, húy Thanh Liễu (1089-1151) là một vị cao tăng thuộc tông Tào Động, nối pháp ngài Đan Hà Tử Thuần, người An Xương (tỉnh Tứ Xuyên), họ Ung. Xuất gia năm 11 tuổi với ngài Thanh Tuấn chùa Thánh Quả, thoạt đầu học Pháp Hoa. Ngài từng tham học khắp Nga Mi, Ngũ Đài. Sau đến Đặng Châu (Hà Nam), lên núi Đan Hà tham yết ngài Tử Thuần bèn khai ngộ, được phó chúc nối pháp mạch của Ngài. Ngài thọ 63 tuổi, pháp lạp 45 năm. Trước tác gồm Tín Tâm Minh Niêm Cổ, Nhất Chưởng Lục v.v…

lượng pháp môn thảy đều chứng nhập". Trường Lô Trách thiền sư kết liên hoa thắng hội, khuyên khắp Tăng, tục niệm Phật vãng sanh, cảm được hai vị Phổ Hiền, Phổ Huệ Bồ Tát xin được tham dự vào hội thù thắng ấy trong giấc mộng, bèn ghi tên hai vị đứng đầu trong hội. Đủ thấy pháp này khế lý, khế cơ, chư thánh ngầm tán dương vậy!

Trong đời Tống Thái Tông - Tống Chân Tông, pháp sư Tỉnh Thường[158] trụ trì chùa Chiêu Khánh ở Chiết Giang hâm mộ đạo phong của ngài Lô Sơn Viễn Công bèn kết Tịnh Hạnh Xã, Vương Văn Chánh Công Đán quy y đầu tiên, làm người đề xướng. Phàm là bậc tể phụ đại thần, học sĩ đại phu xưng là đệ tử dự vào Tịnh Hạnh Xã hơn một trăm hai mươi người, sa-môn số đến mấy ngàn, còn dân thường chẳng biết là bao nhiêu. Sau này có Lộ Công Văn Ngạn Bác làm quan suốt bốn triều Nhân Tông, Anh Tông, Thần Tông, Triết Tông, ra vào làm quan cao chức cả hơn năm mươi năm, làm đến chức Thái Sư, được phong là Lộ Quốc Công. Bình sinh ông dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tuổi già càng dốc sức làm lợi cho đạo, chuyên niệm A Di Đà Phật. Sáng - tối, đi - ngồi chưa từng biếng nhác. Ông cùng với pháp sư

---

[158] Ngài Tỉnh Thường (959-1020) là vị Tổ thứ bảy của tông Tịnh Độ, sống vào đời Tống, người huyện Tiền Đường, tỉnh Chiết Giang, họ Nhan. Ngài xuất gia từ năm bảy tuổi, thọ Cụ Túc Giới năm 17 tuổi. Sau trụ trì chùa Chiêu Khánh ở Tây Hồ, Hàng Châu. Ngài hâm mộ di phong của tổ Lô Sơn Huệ Viễn, nên lập Bạch Liên Xã ở Tây Hồ, sau đổi thành Tịnh Hạnh Xã, lấy ý từ phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm. Tể tướng Vương Đán làm xã chủ. Ngài tịch năm 62 tuổi, nhục thân được táng ở núi Linh Ẩn gần phần mộ của Ô Khoa thiền sư, đời gọi Ngài là Tiền Đường Bạch Liên Xã Chủ, được phong hiệu là Chiêu Khánh Viên Tịnh Pháp Sư. Do ông Vương Đán có tước phong là Văn Chánh Công nên tổ Ấn Quang gọi là Vương Văn Chánh Công Đán.

Tịnh Nghiêm ở kinh đô kết xã gồm hơn mười vạn người cầu sanh Tịnh Độ. Các vị sĩ đại phu thời ấy đa phần chịu sự giáo hóa của ông; có bài tụng rằng:

Tri quân đảm khí đại như thiên,
Nguyện kết Tây Phương nhất vạn duyên,
Bất vị tự thân cầu hoạt kế,
Đại gia tề thượng độ đầu thuyền.
(Tạm dịch:
Biết ông gan lớn bằng trời,
Tây phương xin hãy kết mười nghìn duyên,
Sống còn chẳng tính kế riêng,
Mọi người ai nấy đã lên thuyền rồi!)

Ông thọ đến chín mươi hai tuổi, niệm Phật qua đời. Trong đời Nguyên - Minh thì có các ngài Trung Phong, Thiên Như, Sở Thạch, Diệu Hiệp hoặc là sáng tác thi ca, hoặc là biện luận, không vị nào chẳng cực lực xiển dương pháp "khế lý khế cơ, thông trên thấu dưới" này; nhưng các vị Liên Trì, U Khê, Ngẫu Ích là thiết tha, thành khẩn nhất. Đời Thanh có các ngài Phạm Thiên Tư Tề[159], Hồng Loa Triệt Ngộ, cũng dốc sức hoằng dương

[159] Phạm Thiên Tư Tề (1686-1734), tức tổ Thật Hiền, Tổ mười một của tông Tịnh Độ, người xứ Thường Thục, Giang Tô, Ngài có pháp tự là Tư Tề, pháp hiệu là Tỉnh Am, thuộc gia đình đời đời học Nho. Xuất gia năm 15 tuổi, kinh điển đọc qua không bao giờ quên. Năm 24 tuổi thọ Cụ Túc Giới, nghiêm trì giới luật, chẳng lìa y bát, ngày chỉ ăn một bữa, không hề đặt mình xuống giường. Sau ngài tham yết sư Thiệu Đàm, nghe giảng Duy Thức, Lăng Nghiêm, Ma Ha Chỉ Quán, thông đạt giáo nghĩa Thiên Thai, Pháp Tướng v.v… nối tiếp pháp của ngài Thiệu Đàm thuộc Thiên Thai Chánh Tông, pháp phái Linh Phong. Ngài yểm quan ba năm tại núi Chân Tịch, đọc hết Đại Tạng, sáng chiều trì danh hiệu Phật. Sau ứng lời thỉnh của mười phương tùng lâm,

đạo này. Bài Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn của ngài Phạm Thiên, bài Thị Chúng Pháp Ngữ của ngài Triệt Ngộ đều có thể kế tục các vị thánh đời trước, khai ngộ cho hàng hậu học. Kinh trời đất, động quỷ thần! Người học nếu có thể hành theo đó thì nào có ai không từ tạ Sa Bà, cao đăng Cực Lạc, làm đệ tử Phật Di Đà, làm bạn tốt trong hải hội!

Kể từ sau đó, vận nước ngày càng suy, chẳng ai đề xướng, pháp vận cũng suy sụp theo. Đến thời Hàm Phong - Đồng Trị, binh lửa bốn mặt nổi lên, bậc triết nhân ngày càng hiếm hoi, bọn kém cỏi ngày càng đông đúc. Nhà Nho chỉ sùng phụng những thuyết báng Phật của Âu, Dương, Trình, Châu, cho là danh ngôn chí lý, chẳng biết Phật pháp bao quát cái đạo tân truyền[160] của các thánh, nêu tỏ tâm tánh của đương nhân; nghĩa mầu nhiệm, lời lẽ tinh vi, công đức lợi ích ấy chẳng thể hình dung bằng ngôn ngữ, văn tự được. Do vậy, họ dốc chí hủy diệt Phật pháp, chẳng chịu đọc tụng, thọ trì, bảo vệ, lưu truyền, khiến cho Phật pháp bại hoại sát đất. Ví như trẻ nhỏ thấy châu ma-ni chẳng những không trân trọng, gìn giữ, lại còn muốn phá hủy, vứt đi.

---

giảng kinh hơn mười năm, tăng tục vùng Giang Tây quy y đông đảo. Tuổi già, ngài cự tuyệt mọi duyên, kết liên xã, chuyên tu Tịnh nghiệp, người đời xưng tụng là Vĩnh Minh Tái Lai. Năm Ung Chánh 11 (1733), Sư báo trước ngày mất, suốt ngày đêm niệm Phật đến hơn 10 vạn tiếng, đến tháng Tư năm sau bèn thị tịch, thọ 49 tuổi. Ngài còn để lại 108 bài thơ Tịnh Độ, Tây Phương Phát Nguyện Văn Chú, Tục Vãng Sanh Truyện, Niết Bàn Sám, nhưng bài Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn của Ngài nổi tiếng hơn cả và được đặc biệt coi trọng trong mọi tông phái.

[160] Tân truyền: tức là nói gọn của thành ngữ "tân tận hỏa truyền" (củi hết nhưng lửa còn) ngụ ý đạo được truyền thừa từ thầy sang trò.

Đến cuối đời Quang Tự, phế trừ cử nghiệp, khởi đầu du học rộng rãi, phàm những kẻ có thiên tư cao, đều lấy chuyện đọc nhiều làm trọng, tất cả các học thuyết lý luận đều chẳng đủ thỏa mãn tâm họ, chỉ có mình Phật học sâu xa, lớn lao, mênh mông, không hay khéo nào chẳng đầy đủ, chân - tục hỗ trợ nhau, Không - Hữu viên dung. Từ đấy, họ xúm vào nghiên cứu, tu tập. Lễ Kinh nói: *"Tuy có thức ăn ngon, không ăn sẽ không biết được vị ngon. Tuy có đạo chí lý, không học sẽ chẳng biết là hay".* Nay đã biết ý chỉ, biết cái hay, há nhường cho cổ nhân riêng hưởng vô thượng tâm pháp này, còn chính mình và hết thảy những đồng nhân chẳng hưởng được gì ư? Do vậy, Nghiên Cứu Hội, Cư Sĩ Lâm, Niệm Phật Xã, Hội Ăn Chay lập ra khắp nơi. Những người kiêng giết, cứu vật, ăn chay, niệm Phật ngày thấy càng nhiều. Ví như đứa con nghèo khó, tự mê mất quê nhà, một ngày nọ được người khác chỉ dạy bèn thẳng hướng cầu đường về, trọn chẳng chịu đi ăn xin quẩn quanh, lẻ loi tha phương như cũ. Chùa Thanh Liên từ khi Hoàng Cốc pháp sư khai sơn đến nay đã là một đạo tràng Tịnh Độ lớn, hình thế hùng vĩ, quả thật là chốn thù thắng bậc nhất của Lô Sơn. Do vậy, một ngàn mấy trăm năm qua, đạo phong chẳng suy, qua nạn Hồng Dương[161], đều thành tro tàn. Do pháp môn suy vi, không người khôi phục nên thành núi hoang. Diệu Bồi đại sư từ khi xuất gia trở đi bèn lấy Tịnh Độ làm tông, toan đem pháp "liễu thoát ngay trong một đời này" lợi khắp đồng nhân nên bèn đến Hồng Loa tu tập mấy năm.

---

[161] Tức nạn Thái Bình Thiên Quốc (1851-1864). Hồng Tú Toàn và Dương Tú Thanh là hai lãnh tụ của đám loạn tặc này đã đốt phá rất nhiều chùa miếu ở Hoa Nam trong nỗ lực cải đạo Trung Hoa theo tà giáo của họ.

Mùa Xuân năm nay sang chơi Lô Sơn, cảm khái sâu xa *"đạo của Viễn Công không người chấn hưng, khiến cho thế đạo nhân tâm mất nhiều lợi ích"*. Khi đến nền cũ của chùa Thanh Liên, thấy hình thế giống như một đóa sen, chắn trước mặt là dòng thác Tam Điệp, sau lưng dựa vào ngọn núi Ngũ Lão hùng vĩ, hai bên là ngọn Sư Tử và Mũi Voi che chở. Đúng là một đạo tràng Tịnh Độ trời xây đất dựng, chẳng nỡ để vùi lấp, bèn phát nguyện khôi phục nhằm hoằng dương Liên Tông, nên thương nghị cùng các đại cư sĩ Thượng Hải, may đều được họ bày tỏ đồng tâm. Do vậy, trước hết xây cất vài gian điện đường làm chỗ tu trì. Còn như chuyện xây cất hoàn bị ngôi chùa phải đợi long thiên cảm ứng, không phải là chuyện cấp bách hiện thời.

Chuyện cấp bách bây giờ là mở liên xã hành đạo. Nếu bảo niệm Phật vãng sanh Tây Phương là được rồi, cần gì phải kết xã, tức là chẳng biết thế gian muôn sự cần phải có các duyên giúp đỡ mới hòng thành tựu được, huống chi là học vô thượng diệu pháp liễu sanh thoát tử! Kinh Dịch nói: *"Lệ Trạch Đoài; Quân tử dĩ bằng hữu giảng tập"*.[162] Ấy là lấy ý nghĩa hai cái đầm cùng tồn tại, hai bên giúp ích cho nhau. Hơn nữa, thánh nhân liệt bằng hữu vào Ngũ Luân là vì khuyên làm lành, vạch điều lỗi, có nghĩa như hai vầng trăng cùng chiếu[163], giúp đỡ trong khi nguy, gìn giữ trong khi yên; như hai

---

[162] Trong Kinh Dịch Phổ Thông (nxb Văn Hóa Thông Tin, tháng 07, 1997), nơi trang 383, tác giả Bùi Hạnh Cẩn dịch: *"Nước chằm chan chứa, giao lưu, vui mừng. Quân tử cần vui cùng bè bạn, giảng giải đạo lý, trao đổi học thuật"*.

[163] Bằng 朋 (bạn) gồm hai chữ Nguyệt (mặt trăng) ghép lại.

tay giúp đỡ nhau (chữ Hữu 友, viết theo lối cổ lại có nghĩa là tay).

Thói thường con người nếu không có gì để nương tựa, đa phần sẽ vướng vào thói tệ biếng nhác, coi thường. Đại chúng ở cùng nhau, công khóa nhất định, dẫu muốn biếng nhác cũng không thể được! Ngoài công khóa ra, những người mạnh mẽ tinh tấn cũng có thể thúc đẩy những người biếng nhác gắng sức tu hành. Ai nấy đều tiến lên, có ai đành chịu tụt hậu? Đây kia giúp đỡ nhau, nên hạnh dễ thành. Nếu có nghi ngờ và có kiến giải gì bèn có thể quyết trạch cho nhau. Mỗi ngày lúc rảnh, thỉnh các bậc kỳ túc chỉ bày đại lược cương yếu Tịnh Tông thì chuyện bỏ tà, giữ chánh sẽ rành mạch phân minh. Có những lợi ích như vậy nên cổ nhân đều đề xướng chuyện kết xã.

Nếu thân mang chức vụ, chẳng thể đích thân tham dự, chỉ tu trì theo chương trình của liên xã, đợi ngày Khai Hội hoặc đích thân đến, hoặc gởi thư báo, thuật rõ mình tu trì siêng hay lười, lợi ích lớn - nhỏ cũng chẳng khác gì như đã tham dự tu tập tại liên xã. Do tâm mong đua chen cùng liên hữu sẽ chẳng dám biếng nhác, bỏ bê! Phải biết Phật pháp vốn chẳng lìa pháp thế gian, phàm các xã hữu[164] ai nấy phải tận hết bổn phận, như cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng, vợ theo, chủ nhân từ, tôi tớ trung thành v.v… Lại phải đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, kiêng giết, cứu mạng, chẳng ăn mặn, chẳng uống rượu, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ, tự lợi, lợi tha, lấy đó

[164] Xã hữu: Người dự vào liên xã.

làm trách nhiệm. Như thế chính là nền tảng vững vàng, ngay ngắn, đáng được nhuần thấm bởi pháp. Nếu quả thật đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, ắt sẽ vãng sanh thượng phẩm.

Người ngu trong cõi đời thường chẳng tu hành chân thật, cứ muốn được cái hư danh là bậc chân tu, nên bày ra đủ mọi cách bôi son trát phấn, thành ra dáng vẻ giống như thật nhưng chẳng phải thật, cốt sao người khác ca ngợi mà thôi. Tâm hạnh đã ô trược chẳng kham nổi, dù có tu trì thì cũng vì tâm đã nhơ bẩn nên chắc chắn khó thể đạt được lợi ích chân thật! Đấy gọi là "ham danh ghét thật", là điều đại kỵ bậc nhất cho chuyện tu hành. Nếu đầy đủ những điều nên làm như trong phần trước, không có những điều đáng kỵ như đã nói ở phần sau thì trong thế gian là hiền nhân, trong Phật pháp là bậc Khai Sĩ[165]. Dùng thân mình làm gương cho người khác từ nhà đến làng, từ làng đến ấp, cho đến toàn quốc và khắp thiên hạ thì lễ nghĩa hưng thạnh, can qua vĩnh viễn dứt bặt, từ thiện khởi, tai họa chẳng sanh, thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc. Nguyện người thấy kẻ nghe đều cùng phát khởi, đề xướng thì may mắn lắm thay! Chương trình đơn giản sẽ ghi trong phần sau.

---

[165] Khai Sĩ là một danh xưng khác của Bồ Tát.

167. Thư trả lời ông Dương Minh Trai, Phó Tư Lệnh Đệ Ngũ Quân ở Hà Nam

Nói tu hành ở chốn công môn không chỉ có nghĩa là tụng kinh, trì chú, niệm Phật mà thôi, mà còn phải tận hết chức phận của mình, trừ kẻ bạo, giữ yên cho người lành, cũng như binh lính thuộc quyền mình cai quản ai nấy đều dốc chí trừ kẻ bạo, giữ yên cho người lành, bảo vệ nhân dân thì địa phương ấy được hưởng phước, mà chủ tướng, quân lính sẽ ngầm cùng được nghiệp chướng tiêu trừ, tăng trưởng phước thọ. Nếu chẳng coi trọng chuyện này, dùng tấm lòng khẩn thiết chí thành để khuyến khích binh sĩ, thì quân đi đến đâu, nơi ấy phải chịu nỗi thảm cướp bóc bừa bãi chẳng thể nào kể xiết; huống hồ thậm chí có kẻ còn hủy hoại nhà cửa, giết người để thị uy!

Nếu cư sĩ quả thật làm được như thế này: Dùng cái tâm chí thành dạy binh sĩ coi dân địa phương như người nhà của chính mình, chẳng để họ phải chịu bức bách, đè nén khổ sở vô lối thì công đức lớn lắm. Làm được như vậy, lại thêm tụng kinh, trì chú, niệm danh hiệu Phật thì sẽ được Phật, trời che chở, hộ trì. Khi vô sự thì quân oai lan xa, kẻ đớn hèn khuất phục. Khi hữu sự sẽ nương sức Phật, trời, đánh thắng quân địch, trở thành hộ quốc tướng quân, thành bậc Bồ Tát cứu thế vậy. Quang vốn thiếu đức, há kham làm thầy, nhưng nếu coi tượng đất nặn, gỗ khắc như Phật, kính trọng như đức Phật thật thì sẽ được lợi ích chẳng khác gì kính trọng đức Phật thật. Vì thế, tôi thuận theo chí ông, chịu làm thầy. Nếu ông kính Phật trọng Tăng thì cũng từ nơi ông Tăng tầm

thường, chỉ biết cơm cháo này, ắt cũng chẳng đến nỗi không thể nhờ đó được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử.

Nếu chỉ đòi hỏi Quang có đủ đạo đức thì Quang sẽ phụ lòng mong mỏi, chẳng thà không quy y còn tốt hơn. Nay tôi đặt pháp danh cho ông là Trí Nghị. Do bởi có trí mạnh mẽ, kiên nghị, nên trong có thể tu thánh đạo đoạn Kiến Hoặc, ngoài có thể giữ nước yên dân. Ông nghĩ tưởng đến ý nghĩa của cái tên ấy sẽ có lợi cho cả quốc gia lẫn xã hội, chứ nào phải riêng một mình ông đâu! Đối với chuyện tụng kinh, trì chú, niệm Phật, một mực dùng lòng chí thành, cung kính để thọ trì là được rồi, bất tất phải lấy chuyện mong mau hiểu được ý nghĩa làm trọng. Nếu thọ trì được như vậy thì lâu ngày nghiệp chướng tiêu trừ, trí huệ phát hiện, còn chứng được lợi ích thật sự nơi kinh, huống gì văn nghĩa! Trong Văn Sao đã từng nhiều lần đề cập đến chuyện này, nên chẳng nói nhiều. Xin hãy đọc kỹ Văn Sao, ấy chính là thường gặp gỡ lẫn nhau, chứ nào phải chỉ một hai lá thư mà thôi!

168. Thư trả lời anh em ông Châu Mạnh Do

Mẹ các ông tuổi đã cao, đối với pháp Tịnh Độ còn chưa thể nỗ lực tu trì, hãy nên thường kể cùng bà cụ nỗi khổ luân hồi sáu nẻo, sự vui trong thế giới Cực Lạc. Con người sống trong thế gian, siêu thăng rất khó, đọa lạc thật dễ. Nếu không vãng sanh Tây Phương, đừng nói chi nhân đạo chẳng đáng tin tưởng, dù sanh lên trời phước thọ thật dài lâu, hễ phước lực hết vẫn bị đọa lạc

trong nhân gian y như cũ, cũng như phải chịu khổ trong Tam Đồ ác đạo! Nếu không biết Phật pháp thì chẳng biết làm sao, nay đã hiểu đại khái Phật pháp, há nhường một mối đại lợi ích này cho người khác, còn chính mình đành lòng luân hồi trong sáu nẻo, thoạt chìm thoạt nổi, vĩnh viễn không có ngày thoát khỏi ư? Nói như vậy sẽ có thể làm cho thiện căn đời trước của cụ được phát khởi bèn tin nhận phụng hành! Bồ Tát độ sanh tùy thuận cơ nghi, trước hết dùng Dục để lôi kéo, sau mới dạy cho nhập Phật trí. Ông tận lực tu tập hiếu hữu[166] và đem pháp môn Tịnh Độ khuyên dạy quyến thuộc của chính mình cùng hết thảy kẻ hữu duyên đồng làm người trong hội Liên Trì thì công đức lớn lắm!

Người đời có bệnh và có những chuyện tai nạn, nguy hiểm v.v… nhưng chẳng biết niệm Phật, tu thiện, cứ lầm lạc muốn cầu đảo quỷ thần, bèn giết hại sanh mạng, nghiệp chồng thêm nghiệp, thật là đáng thương! Con người sống trong thế gian phàm có cảnh duyên đa phần do túc nghiệp. Đã mắc bệnh khổ thì phải niệm Phật tu thiện, sám hối nghiệp cũ, hễ nghiệp tiêu, bệnh liền lành! Những quỷ thần kia còn đang ở trong biển nghiệp, làm sao có thể tiêu nghiệp cho người khác được? Dẫu là vị chánh thần có đại oai lực thì oai lực của vị ấy sánh với oai lực của Phật, Bồ Tát khác nào lửa đom đóm sánh với ánh sáng mặt trời! Đệ tử Phật chẳng hướng về Phật, Bồ Tát cầu đảo lại hướng về quỷ thần cầu đảo. Đấy chính là tà kiến, chính là trái nghịch lời Phật dạy, không thể không biết!

---

[166] Hiếu kính cha mẹ, hòa thuận, thương yêu anh em.

Lại nữa, hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ, là vị lai chư Phật, lẽ ra phải nên kiêng giết, cứu mạng, yêu tiếc sanh mạng loài vật, chớ thuận theo tri kiến thế tục, cho là phải cung phụng miếng ngon vật lạ cho cha mẹ mới là hiếu. Những kẻ chưa nghe được Phật pháp đó chẳng biết sự lý luân hồi lục đạo, lầm tưởng như vậy là hiếu, còn tha thứ được. Chớ nếu là người đã nghe biết Phật pháp, lại giết cha mẹ, thân thuộc quá khứ để phụng dưỡng cha mẹ hiện tại cũng như để ma chay, cúng giỗ v.v… thì chẳng những không phải là hiếu đạo mà còn trở thành ngỗ nghịch nữa! Vì vậy, những bậc thông đạt do nghe được chân thật nghĩa đế của Phật pháp bèn chẳng chịu hành theo những pháp quyền biến của thế gian, bởi những pháp quyền biến ấy đều là thuận theo tình kiến mê muội của thế tục mà lập, chứ không phải là đạo thấy thông suốt nhân quả ba đời của đức Như Lai. Nếu muốn hiểu sâu hơn, hãy đọc những bài văn khuyên kiêng giết trong bộ Văn Sao [167] và bài Phổ Khuyến Giới Sát Vãn Kiếp Văn (văn khuyên khắp mọi người kiêng giết để vãn hồi kiếp vận) trong bộ Quán Âm Tụng ắt sẽ tự biết.

Người niệm Phật nếu mắc bệnh hãy nên một dạ đợi chết. Nếu tuổi thọ chưa hết sẽ chóng lành bệnh, vì toàn thân buông xuống niệm Phật có thể tiêu được nghiệp chướng mạnh nhất. Nghiệp tiêu, bệnh sẽ lành. Nếu không buông xuống được, cứ muốn cầu lành bệnh thì vẫn chưa thể lành bệnh được, mà cũng chắc chắn không cách gì vãng sanh được vì chẳng nguyện vãng sanh! Nếu không hiểu rõ những đạo lý này, há còn có thể cậy

[167] Bài số 10 trong phần Tạp Trước, Quyển 4

vào Phật từ lực được ư? Đối với bệnh của mẹ ông, hãy khuyên bà cụ nên buông xuống, cầu vãng sanh. Nếu tuổi thọ chưa hết, đâm ra sẽ mau lành bệnh, vì tâm chí thành nên được Phật từ gia bị. Mong ông hãy uyển chuyển khuyên mẹ, đừng bắt chước kẻ si nói lời ngây ngô!

Hôm qua nhận được thư Thủ Lương, biết mẹ ông chưa thật sự phát tâm cầu sanh. Mẹ đang bệnh đừng nhắc đến chuyện đó, chỉ khuyên mẹ chí tâm niệm Phật sẽ được Phật gia bị khiến cho thân tâm an lạc. Đợi khi nào cụ khỏe hẳn, hãy khéo léo khuyên chỉ, khiến cho cụ cầu sanh thì lợi ích lớn lắm. Cũng mong ông đối trước cụ, thay tôi hỏi thăm sức khỏe, cũng như bảo cụ rằng Quang khuyên cụ nên buông xuống hết thảy, nhất tâm niệm Phật, lấy đó làm chuyện trọng yếu cho chính mình, mọi chuyện khác đều phó cho con cháu lo lắng để khỏi gây trở ngại cho lợi ích niệm Phật của chính mình.

Quần Tranh hãy nên biết rõ: Mẹ ông hiện đang có bệnh, mẹ chưa lành bệnh trọn chẳng thể bỏ đi. Nhưng Quang xem ra mẹ ông e rằng khó sống lâu, hãy nên cùng Mạnh Do và Trí Chiêu v.v… hằng ngày thay phiên nhau niệm Phật bên mẹ, khiến cụ niệm theo. Chẳng niệm được thì lặng lẽ nghe. Nếu tuổi thọ đã hết, hành như thế, sẽ quyết định vãng sanh. Nếu tuổi thọ chưa hết, cũng sẽ tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng thiện căn. Nếu ông nhất quyết muốn lên núi, chỉ đành bàn bạc như thế này cùng ông, ngõ hầu hai đằng đều không trở ngại: Hiện nay mẹ ông bệnh chưa khỏi, quyết chẳng thể phát cái tâm ấy. Nếu phát thì cả thế gian lẫn xuất thế gian hai đằng đều trái nghịch. Con người lâm

chung được trợ niệm quyết có thể vãng sanh. Không được trợ niệm, hoặc lại vì khóc lóc, chuyển dời, khiến tình yêu mến hay lòng sân hận dấy động thì sẽ khó tránh khỏi bị đọa lạc, nguy hiểm lắm thay! Ông thành tựu được sự vãng sanh cho mẹ thì cũng chính là chánh nhân Tịnh nghiệp của tam thế chư Phật, ấy là *"hành Phật sự ngay trong trần lao",* công đức thù thắng vạn phần hơn những chuyện tầm thường khác! Xin hãy bảo cùng Mạnh Do cách trợ niệm này và khuyên mẹ hãy nghe theo lời Quang. Vì mẹ diễn bày Phật pháp cố nhiên là đại thiện, nhưng chuyện thăm hỏi vỗ về cũng càng phải đặc biệt lưu ý thì may mắn lắm!

Mẹ ông phát nguyện gởi tiền cho Quang để tùy ý làm công đức và giúp in bộ Văn Sao hủ bại. Theo cái nhìn hèn tệ của Quang, hễ làm công đức thì phải coi việc khai phát trí thức cho con người là trọng yếu nhất. Quang tính dùng khoản tiền này in Quán Âm Tụng để thí khắp gần xa khiến cho hết thảy mọi người cùng biết Quán Âm Đại Sĩ là bậc nương cậy cho chúng sanh trong pháp giới, tùy loại hiện thân, tầm thanh cứu khổ, lại còn phù tá Phật Di Đà tiếp dẫn chúng sanh. Huống chi thế nhân hiện thời hằng ngày ở trong hoạn nạn, không cách chi ngăn ngừa, gìn giữ được. Nếu ai nấy thấy được sách này, biết ân đức Đại Sĩ, không ai chẳng muốn cậy vào oai lực Ngài để tránh khỏi tai họa.

Đã phát tâm quy y, tin tưởng, nương tựa Đại Sĩ thì tự nhiên sẽ giữ lòng từ thiện, tu sửa lỗi cũ hòng chẳng trái nghịch Đại Sĩ để được che chở, gìn giữ, ban phước. Cõi đời loạn lạc là vì lòng người hiểm ác. Nếu ai nấy đều ngưỡng mộ lòng từ bi của Đại Sĩ, ắt có ngày tự đến

được chốn lành. Do vậy, lưu thông sách này lợi lạc vô cùng, so với in những thứ lợi ích tạm thời khác quả thật cách xa một trời một vực! Do chuyện này mẹ ông sẽ tăng phước huệ, tiêu trừ tội khiên, ắt sống được an lạc, mất về Liên Bang. Còn như bộ Văn Sao hủ bại, người trông thấy phát tâm tu thiện niệm Phật rất nhiều, ở đây không viết tường tận.

Vì sao mẹ ông bệnh chẳng thấy lành? Ấy là do túc nghiệp mà ra! Là do báo nặng đời sau chuyển thành báo nhẹ trong hiện tại để giải quyết cho xong ngay lúc này đó vậy! Huyền Trang pháp sư lúc lâm chung cũng có chút bệnh khổ, tâm nghi ngờ những kinh mình dịch có bị sai lầm gì chăng, có một vị Bồ Tát an ủi Ngài: *"Do sự khổ nhỏ này, tội báo của Sư trong những kiếp trước đều tiêu cả, chớ hoài nghi!"* Hãy nên đem ý này an ủi mẹ ông, khuyên cụ sanh lòng hoan hỷ, đừng sanh lòng oán hận thì quyết định được Phật gia bị. Thọ mạng chưa hết sẽ chóng lành, đã hết sẽ vãng sanh. Phàm nhân trong lúc bệnh khổ nếu nghĩ thoái lui một bước thì an lạc vô lượng.

Gần đây, binh lửa liên miên, may sao chúng ta chưa mắc phải nạn ấy. Tuy có bệnh khổ, nhưng vẫn còn có thể dùng đó làm lời cảnh tỉnh, răn nhắc thoát khổ, phải nên cảm kích, tinh chuyên tu tập thì sẽ tự được lợi ích. Nếu không, oán trời hận người, chẳng những không tiêu được túc nghiệp, lại còn đèo thêm cái nghiệp oán trời trách người! Hãy bảo cùng mẹ ông như thế. Nếu có thể chẳng oán trời trách người, tịnh tâm niệm Phật thì tiêu được nghiệp như nước sôi tan tuyết. Từ khi Quang trở về núi, lúc hồi hướng trong khóa tụng hằng ngày đều

hồi hướng cho mẹ ông, cầu Tam Bảo gia bị mạng chưa tận sẽ chóng lành, tuổi thọ đã hết sẽ mau được vãng sanh Tây Phương.

*

Nhận được thư biết mẹ ông đã niệm Phật vãng sanh bữa mồng Hai, khôn ngăn thương cảm, than thở! Tuy nhiên, các ông đã biết Phật pháp, nên y theo Phật pháp, chăm chú tạo lợi ích cho thần thức của cụ bà, chớ đừng buồn thương vô ích, khiến cho kẻ còn lẫn người mất chẳng được lợi ích gì. Trong lúc ma chay, toàn dùng đồ chay, đừng bị thế tục xoay chuyển. Dẫu bị kẻ chẳng hiểu thời thế chê là không đúng, cũng cứ mặc cho họ cười chê. Tang ma, chôn cất, chớ nên bày vẽ phô trương quá mức. Làm Phật sự chỉ nên niệm Phật, đừng làm Phật sự gì khác, cũng như bảo cả nhà đều khẩn thiết niệm Phật thì đối với mẹ ông, đối với quyến thuộc các ông và thân thích, bằng hữu đều có lợi ích thật sự. Có tài lực thì làm nhiều công đức. Nếu tiền chi tiêu cho tang sự không dư dả thì chuyên lo tang sự là được rồi, đừng gắng gượng bày vẽ, đến nỗi thiếu hụt, để rồi sau này túng quẫn, không nên!

Nhận được thư, biết mẹ ông qua đời rất an lành. Ấy là do mẹ ông xưa kia tích chứa thiện căn cũng như do thiện nguyện trong hiện tại, mà cũng là kết quả của việc các ông giúp cho mẹ được thành tựu. Con người suốt cả một đời chuyện gì cũng có thể giả vờ được, chỉ có lúc sắp chết là không thể giả dối được! Huống chi cụ không có tình ái luyến, vẻ mặt vui tươi, ngồi yên qua đời. Nếu không phải là Tịnh nghiệp thành thục, làm sao được

như thế? Chỉ cần nhìn vào anh em ông và gia đình quyến thuộc tích cực vì mẹ niệm Phật, chẳng những bà cụ được lợi ích mà thật ra so với công đức niệm Phật cho chính mình lại càng lớn hơn. Do vậy, đức Phật dạy con người phàm tụng kinh, trì chú, niệm Phật, làm các công đức đều hồi hướng cho pháp giới chúng sanh. Bình thời còn hồi hướng cho chúng sanh không liên hệ gì với mình, huống gì lúc mẹ mất lại chẳng chí tâm vì mẹ niệm Phật hay sao? Do hồi hướng cho hết thảy chúng sanh chính là phù hợp với thệ nguyện Bồ Đề của Phật, như một giọt nước gieo vào biển cả cũng trở thành sâu rộng như biển cả. Nếu chưa đến được biển, đừng nói chi là một giọt nước, dẫu trường giang, sông lớn hiển nhiên vẫn thua xa biển cả như trời với đất. Do vậy, biết rằng phàm thí cho mẹ và hết thảy mọi người đều chính là tự vun bồi phước cho mình!

Biết được nghĩa này thì người có lòng hiếu sẽ càng tăng trưởng lòng hiếu; kẻ không có lòng hiếu cũng sẽ phát khởi tâm hiếu. Thỉnh Tăng niệm Phật suốt bốn mươi chín ngày rất tốt. Lúc niệm thì anh em ông phải có người hiện diện niệm theo, phụ nữ bất tất phải ngồi sau Tăng. Bởi lẽ, niệm nhiều ngày, ắt quen biết nhau, dễ khiến người ta khởi hiềm nghi! Nên lập riêng một chỗ cho phụ nữ, hoặc cho họ ngồi sau màn, ra vào theo cửa riêng, hai bên chẳng thấy nhau để làm gương cho làng ấp, mở đầu khuôn phép nghi thức tốt đẹp. Nếu tràn lan không giới hạn thì rất có thể người khác bắt chước theo, lâu ngày nẩy sanh thói tệ. Người xưa lập pháp dẫu là thượng thượng nhân cũng phải tuân thủ khuôn phép dành cho kẻ hạ hạ, cho nên không thể có tệ hại.

Anh em ông vì mẹ có thể niệm Phật như thế lại còn vì mẹ in tặng Quán Âm Tụng, Văn Sao v.v… có thiện tâm, tư lương thanh tịnh, và chuyện công đức lợi người như thế há chẳng riêng gì mẹ ông phẩm sen được tăng cao, chắc rằng tổ phụ, tổ mẫu, phụ thân ông và tổ tiên nhiều đời cùng được thấm nhuần pháp lợi, cùng được vãng sanh. Những gì Quang nói vốn có lý có tình, chứ không phải là nói lan man để làm đẹp lòng vui dạ các ông. Con em nhà phú quý đa phần chẳng thành trò trống gì, vốn là do chẳng biết cách thương yêu, hoặc là thiên về cho con tiền tài, hoặc là thiên về cho con ăn mặc sang trọng, mặc sức dùng tiền, ắt đến nỗi ăn bậy thành bệnh. Nếu cho một đứa nào giữ tiền của để kiếm lời, những đứa khác không được sẽ sanh tâm oán cha mẹ, sanh lòng đố kỵ với những anh em, chị em được giữ tiền. Đấy đều chẳng phải là cách dạy con hiếu đễ.

Nếu con gái có tiền, khi lấy chồng sẽ cậy tiền tự kiêu, hoặc khinh thường chồng, hoặc không hiểu việc, đem tiền giúp chồng làm chuyện trái pháp. Muốn con cái thành hiền nhân thì hãy nên vun bồi phước, chẳng nên tích cóp tiền tài. Tài là gốc họa, các ông thấy bao kẻ tay trắng làm nên đều là do không tiền nhưng siêng năng mà được, còn những nhà giàu to không ít kẻ chẳng bao lâu gia sản trống rỗng. Cổ nhân nói: *"Để cho con một rương đầy vàng, không bằng dạy con một bộ kinh"*. Học được thì học, không học được thì hoặc làm ruộng, làm thợ, buôn bán, mỗi đứa một nghề để làm cái vốn lập thân nuôi gia đình. Nếu con gái có tiền, hiểu biết đạo lý thì tiền sẽ thành cái gốc để giúp cho đạo. Nếu

không hiểu đạo lý thì sẽ hại cả con lẫn rể, hại lây đến cháu trai, cháu gái.

Mẹ ông khéo kinh doanh, may là tổ đức nhà ông sâu dầy nên anh em trai, chị em gái đều hiền lành, hòa thuận. Dù mẹ có thương yêu một đứa con nào hơn những đứa khác cũng chẳng đến nỗi so bì lẫn nhau. Nhưng chẳng thể coi đó là cách hay, phải làm sao cho con cái vĩnh viễn không so đo, nẩy sanh hiềm khích, cũng như không sanh trưởng ý niệm ỷ lại, kiêu căng, ngõ hầu gia đạo hưng thịnh, con cháu đều tuân thủ quy củ. Quang thường hay có cái tánh dài dòng; do anh em ông coi Quang là thầy, chỉ sợ rằng sau này con cái các ông bị mắc hại nên mới lắm lời. Nếu không coi những gì tôi đã nói là không có nguyên nhân, không xem là lời thừa thì may mắn thay! Chỉ mong anh em ông tích cực niệm Phật, đấy chính là báo ân mẹ mà cũng là báo ân Phật vậy.

Cách hỏa táng khi Phật pháp hưng thạnh vào thời Đường - Tống, người tại gia thường dùng. Nhưng hãy nên thuận theo thói đời chôn cất, vì sợ kẻ chấp trước câu nệ sẽ lầm lạc nói ra nói vào, chứ thật ra thiêu sẽ dễ dàng gọn gàng hơn. Qua bốn mươi chín ngày hãy thiêu là ổn thỏa. Chôn lâu ngày rất có thể xương cốt bị phơi bày. Chuyện để tang ba năm không dùng đến lễ nhạc, cố nhiên nên tuân thủ. Đời Thanh trước kia, hễ là quan văn thì phải xin nghỉ cư tang, quan võ không cần phải cư tang do việc quân chẳng thể thiếu sót được, nên chẳng lấy đó làm lệ. Nay thì những thói "phế bỏ luân thường, bất hiếu" nhao nhao khởi lên, chuyện vâng giữ tang chế theo kỳ hạn há còn đáng để nhắc tới hay chăng?

Chúng ta nên dựa theo cổ lễ, châm chước mà hành, chớ nên biến đổi hết, nhưng cũng bất tất phải câu nệ!

Những thuyết *"đảnh thánh nhãn thiên"*[168] quả thật có chứng cứ, nhưng Quang sợ kẻ vô tri chỉ chăm chú thăm dò chỗ nóng - lạnh, ý tôi cho rằng: *"Hễ có tín nguyện và lúc lâm chung chánh niệm phân minh bèn được vãng sanh, chẳng cần phải chuyên thăm dò nóng - lạnh để làm chứng cứ",* nên mới nói cũng đừng theo lệ ấy vì sợ rằng thăm dò quá nhiều lần đến nỗi hỏng việc. Không thể không biết [điều này]!

Trong pháp hội Vô Lượng Thọ Như Lai của kinh Đại Bảo Tích[169] có nói những kẻ nghi ngờ hối hận thì

---

[168] Đảnh thánh, nhãn sanh thiên: Đây là một bài kệ thời cổ luận về sự vãng sanh, nguyên văn như sau:
Đảnh thánh, nhãn thiên sanh
Nhân tâm, ngạ quỷ phúc
Súc sanh tất cái ly,
Địa ngục cước phản xuất
Ý nói: Khi người chết tắt hơi, toàn thân đã lạnh, chỉ còn đảnh đầu nóng thì ắt đã siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Nếu mắt cùng trán còn nóng thì sanh trong thiên đạo. Chỗ ngực còn ấm thì sanh nhân đạo. Riêng bụng còn nóng thì sanh ngạ quỷ. Riêng đầu gối còn nóng thì sanh làm súc sanh. Riêng bàn chân còn nóng thì sanh địa ngục.

[169] Kinh Đại Bảo Tích (Mahā-Ratnakūta-Sūtra) gồm 120 quyển, thật ra là bộ tổng tập các kinh liên quan đến những phương pháp tu hành, thọ ký, thành Phật của các Bồ Tát. Bảo Tích có nghĩa là tích tập pháp bảo. Do pháp Đại Thừa sâu mầu nên gọi là Bảo, tích tập vô lượng pháp môn nên gọi là Tích. Toàn kinh chia thành 49 hội. Trong số ấy, những bản dịch kinh cùng nội dung nhưng khác tên của các nhà dịch kinh trong thời Ngụy, Tấn, Nam Bắc Triều, Tùy, Đường gồm hơn 28 hội, gọi là phần Cựu Dịch. Ngài Bồ Đề Lưu Chí dịch mới hai mươi sáu hội nữa, gọi là bản Tân Dịch. Bản kinh Bảo Tích hiện thời là tổng hợp của hai phần này. Như vậy, mỗi một pháp hội là một bộ kinh. Bản kinh này đã được tập thành tại Ấn Độ, khi ngài Huyền Trang về lại Trung Hoa có mang theo Phạn bản. Theo Đại Từ Ân Tự Tam Tạng Pháp Sư Truyện, quyển 10, sau khi dịch xong bộ Đại Bát Nhã 600 quyển, pháp sư Huyền Trang thuận theo lời cầu thỉnh của chư sơn cao đức dịch kinh này, nhưng tinh lực đã

gọi là Thai Sanh, cũng có chỗ gọi là Nghi Thành; tức là ước theo chướng ngại, che lấp, ngăn cách, trở ngại cho nên gọi là Thai Sanh, là Nghi Thành. Đó là vì ở trong hoa sen năm trăm năm chẳng thấy Phật, nghe pháp. Sao lại hiểu nghĩa theo kiểu chấp chết cứng vào văn tự, không kể những người ấy vào loại chín phẩm vãng sanh? Phải biết: Tây Phương không có Thai Sanh, cũng không có thành quách. Nói Thai Sanh hay Nghi Thành là ước trên ý nghĩa "chẳng vượt ra khỏi hoa sen và bị ngăn cách với Phật", nên ví như thai, như thành! Ông chấp chặt vào từ ngữ, cho rằng những người ấy không thuộc vào phẩm sen.

Hạ Phẩm Trung Sanh là sáu kiếp [hoa mới nở], Hạ Phẩm Hạ Sanh là mười hai kiếp; như vậy thành ấy, thai ấy lại càng dày, càng xa. Mười hai kiếp còn gộp trong chín phẩm, sao chỉ năm trăm năm lại lọt ra ngoài? Sao lại không thấy tám chữ *"ở trong hoa sen chẳng thể xuất hiện",* hoa sen ấy chẳng phải là sen trong chín phẩm hay sao? Phật pháp vốn chẳng thể nói được, hễ chấp chết vào điều gì thì là vô sự bèn sanh sự, phí hết bút mực vậy! Nói chung, do mình nghi nên bèn [ví như] ở trong thai, ở trong thành, dày còn hơn Thiết Vi. Nếu ngay đó bèn hiểu rõ thì đại địa phẳng phiu, Thiết Vi trọn chẳng còn có nữa. Mạnh Tử nói: *"Do ý nghịch chí, cho nên bèn có"*[170]. Chỉ một chữ Nghịch ấy cũng là nghi thành. Nếu biết là nghịch sẽ phù hợp cùng ý, Nghi

---

tận, nên chỉ dịch vài trang rồi ngưng. Bản kinh này đã được hòa thượng Trí Tịnh chuyển dịch sang Việt Văn.

[170] Theo Tứ Thư Bạch Thoại Dị Giải, câu này có nghĩa là "dùng ý kiến ức đoán của chính mình suy lường nên bị trở ngại, vướng mắc".

Thành hóa ra không còn nữa! Do vậy, những gã chấp chết cứng suốt ngày giảng nói nhưng suốt ngày nghi ngờ, trái nghịch, đều là vì cái gốc bệnh chấp chết cứng này chưa tiêu được cho nên khó thể đạt được lợi ích thật sự!

169. Thư trả lời cư sĩ Phùng Bất Cửu

Nếu muốn giáo hóa người thì chính mình phải thật sự làm, người ta sẽ tự tin. Quang nói *"thật sự làm"* không chỉ có nghĩa là niệm Phật mà thôi! Phàm người phát tâm học Phật thì việc làm phải cao trỗi hơn người bình thường. Nói *"cao trỗi"* có nghĩa là phải tận lực giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, cha từ, con hiếu là những điều phải nên làm. Trong hết thảy thời, hết thảy chỗ chăm chú giữ lòng chân thật, phàm khởi tâm động niệm làm việc gì đều phải *"đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện"*. Phàm có ai mê chẳng tin tưởng thì phải dùng thành ý chân thật để tuyên nói những sự lý nhân quả mình biết. Nếu không biết, chớ nên cưỡng nói. Chúng sanh đang mê như sanh ra đã mù, mê nhưng vốn có nhà, muốn quay về phải nhờ vào người dẫn thì mới khỏi va tường đụng vách, sa hầm xảy hố. Người được dẫn dắt phải hoàn toàn tuân theo lời người dẫn đường, chẳng được nẩy sanh chút chống trái nào. Nếu chống trái thì chẳng những không thể về đến nhà, e rằng còn bị mất cả thân mạng. Pháp môn Tịnh Độ do đức Phật đã nói chính là vị thầy dẫn đường cho hết thảy chúng sanh trong tam giới. Chúng sanh tuân theo ngôn giáo của Phật mà tu hành quyết sẽ đến được

Tây Phương Cực Lạc thế giới, tức là quê nhà mình sẵn có, hưởng thụ an lạc. Chỉ vì dùng phàm tình không hiểu được thánh trí nên lại tự cho mình thông minh, rồi lầm lạc cật vấn, bắt bẻ, thật đáng xót thương! Nay tôi sẽ lần lượt đáp từng điều:

1) *"Vật đạt đến cùng cực sẽ xoay ngược lại, vui quá hóa buồn"* chính là lý chung, nguyên tắc chung thường hằng cổ kim, thông suốt khắp thiên hạ, trọn chẳng thể thay đổi mảy may nào. Tây Phương mang tên là Cực Lạc, như vậy cũng sẽ hóa thành buồn ư?

Đáp: Trong thế gian, tất cả căn thân (căn chính là cái thân chúng ta) hay thế giới (tức là trời đất mình đang sống) đều là đồng nghiệp (thế giới) và biệt nghiệp (căn thân) được cảm thành trong cái tâm sanh diệt của chúng sanh, đều có thành - hoại, đều chẳng lâu bền. Thân có sanh - lão - bệnh - tử, thế giới có thành - trụ - hoại - không. Nói *"vật đạt đến cùng cực ắt xoay ngược lại, vui quá hóa buồn"* chính là ý này. Bởi lẽ nhân đã là sanh diệt thì quả không thể nào không sanh diệt! Cực Lạc thế giới là do A Di Đà Phật chứng triệt để Phật Tánh sẵn có trong tự tâm, tùy tâm hiện ra thế giới xứng tánh trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, sự vui không có thời kỳ cùng tận. Ví như hư không rộng rãi lớn lao, bao hàm hết thảy sâm la vạn tượng. Tuy thế giới bao lượt thành, bao phen hoại, nhưng hư không rốt ráo chẳng tăng - giảm.

Ông dùng sự vui thế gian để cật vấn sự vui nơi Cực Lạc. Ông chưa thể thấy được sự vui nơi Cực Lạc; tuy ông chưa thể thấy hư không hoàn toàn, nhưng hư không

trong vòng trời đất ông đã từng thấy qua, nó có biến đổi hay chăng? Phải biết hết thảy chúng sanh đều sẵn có Phật Tánh; vì thế, đức Phật (chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật) dạy người niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Do nương vào đại từ bi nguyện lực của Phật A Di Đà nên cũng được hưởng sự vui bất sanh bất diệt ấy. Bởi lẽ căn thân là liên hoa hóa sanh nên không có nỗi khổ sanh - già - bệnh - chết; còn thế giới do công đức xứng tánh biến hiện nên không có những sự biến đổi thành - trụ - hoại - không! Dẫu là thánh nhân cũng còn có những điều không biết, há có nên do pháp thế gian sanh - diệt mà nghi ngờ ư?

2) *"Nhất Âm nhất Dương gọi là Đạo"*. Đời đồn đại tiên sinh Giang Thận Tu[171] ở một mình trong núi thẳm, làm ra thiên, địa, nhật, nguyệt, tinh tú đều thành hình, nhưng chúng đều đứng yên không vận chuyển được, đến khi chúng được hưởng khí Âm của đứa tớ gái mới vận hành được! Tây Phương không có thân nữ, riêng có một mình Dương, làm sao sanh trưởng cho được?

Đáp: Giang Thận Tu là một bậc quân tử ẩn dật đời Thanh, đối với tâm pháp thánh hiền, thiên văn, địa lý, không gì chẳng thông đạt, quả là trong thế gian hiếm được mấy kẻ! Tiên sinh chưa từng nghiên cứu Phật pháp, nhưng đối với chuyện kiêng giết, phóng sanh

---

[171] Giang Thận Tu là người huyện Hấp, tỉnh An Huy, thích nghiên cứu, rất tinh thông thuật bói toán. Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là Châu Dịch Thích Nghĩa gồm mười sáu quyển, vẫn còn được phổ biến đến tận ngày nay. Ông đề ra những kiến giải đặc biệt, tân kỳ và tinh xác về thuật Dịch Học, nhất là Hà Đồ và Lạc Thư. Ông còn nghiên cứu rộng rãi nhiều học thuật, triết học đương thời, nên được coi là bậc đại học giả cuối đời Thanh.

v.v… lại suốt đời khen ngợi (Quang từng viết lời tựa cho sách và bản Niên Phổ của tiên sinh, cùng cho lưu truyền). Đối với pháp thiển cận nhất của Phật pháp, tiên sinh còn như thế; nếu khi đó được bậc cao nhân thông suốt Phật pháp hóa độ, ắt sẽ thâm nhập pháp tạng, triệt chứng tự tâm.

Còn như nói *"ông ta làm ra thiên, địa, nhật, nguyệt, tinh tú đều thành hình, nhưng chúng chỉ đứng yên không vận chuyển được, phải đợi đến khi có Âm Khí của đứa tớ gái mới xoay vần được"* thì đấy chính là lời đơm đặt, đồn thổi của bọn hạ lưu luyện đan, nhằm lôi kéo những kẻ vô thức làm chuyện tà bậy, nên mượn chuyện ông Thận Tu làm ra thiên địa hòng chứng minh *"Âm Dương hòa hợp chính là Đạo"*. Đấy là chuyện cực ác, trái pháp, vô luân lý, vô liêm sỉ, dẫn con người sa vào lời ma, tà kiến cầm thú. Kẻ vô tri tưởng là diệu đạo, chẳng đáng buồn ư?

"Nhất Âm nhất Dương gọi là Đạo" chính là lời Khổng Tử khen ngợi kinh Dịch. Dịch lấy Âm Dương làm gốc nên Khổng Tử nói như thế. Người đời sau không biết đạo, liền hiểu sơ sài hai chữ "Âm Dương" có nghĩa là khí Âm, khí Dương; kẻ tà kiến lại hiểu lệch lạc Âm Dương là nam nữ, đúng là *"két học tiếng người, trọn chẳng biết chuyện người"*.

Nay chẳng nài phiền toái, chỉ bày đại lược ngõ hầu chẳng đến nỗi khiến cho lời dạy đạo của thánh nhân bị kẻ vô tri hiểu lầm tạo thành ác nghiệp vĩnh viễn đọa trong tam đồ. *"Nhất"* không phải là "một" như trong *"nhất, nhị"* (một, hai), mà có nghĩa là *"hỗn hợp, không*

gián đoạn". Dương chính là Minh Đức; Minh Đức này ai ai cũng có. Do bị món vật là lòng ham muốn của con người ngăn lấp nên Minh Đức sẵn có chẳng thể hiển hiện được! Nếu *"cách trừ"* (trừ khử) được "món vật" (tức "cách vật") là lòng Dục thì Minh Đức sẽ tự hiển lộ, đó gọi là *"minh Minh Đức"* (làm sáng tỏ đức sáng). Dương là Minh Đức, còn Âm là công dụng làm sáng tỏ Minh Đức.

Sách Trung Dung nói là *"thành minh".* Thành chính là Minh Đức, Minh chính là sự sáng tỏ của việc *"minh Minh Đức".* Thành và Minh hợp nhất chính là *"minh Minh Đức".* Đấy chính là đạo được truyền bởi các vị Phục Hy, Thần Nông, Nghiêu, Thuấn, Vũ (vua Đại Vũ), Thang (vua Thành Thang), Văn (tức Châu Văn Vương), Vũ (tức Châu Vũ Vương), Châu Công, Khổng Tử. Trong sách Đại Học, Khổng Tử gọi thẳng là *"minh Minh Đức",* còn trong Trung Dung, Tử Tư gọi là *"thành minh".* Sách Châu Dịch chính là sách thánh nhân xem xét hình tượng để sánh ví đạo nhằm dạy người, nên bảo *"nhất Âm nhất Dương là Đạo".*

Đời sau trí thức nông cạn, hèn kém, hiểu chết cứng chữ "Âm Dương", rốt cuộc hiểu thành nam nữ, rồi tà nhân dùng đó làm chứng cứ để gạt gẫm người vô tri làm chuyện tà bậy. Cái tội vu báng, miệt thị Khổng Tử, phá hoại Dịch lý, gây nghi ngờ lầm lạc cho hậu thế há cùng cực được ư? Tôi nói như vậy, sợ ông không tin. Hãy xem phần Tượng Truyện nói về những con rồng

trong sáu hào[172] của quẻ Thuần Càn ắt tự biết rõ, cũng chẳng cần phải nghiên cứu toàn bộ sáu mươi bốn quẻ. Kẻ kia cho Âm Dương hợp nhau là Đạo, trong núi sâu há lẽ chẳng có khí Âm Dương, cần chi cứ phải dùng đến khí Âm Dương của con người? Khí Âm Dương của con người là cái gốc để sanh con cái, nào phải là cái gốc của thiên, địa, nhật, nguyệt, tinh tú? Loại tà kiến này xú uế đến cùng cực, chẳng đáng nhắc đến. Kẻ ấy vẫn cho đó là đạo, đúng là *"dùng phân người để làm chiên-đàn[173]"*, chính là hạng người chẳng biết thơm - thối! Buồn thay!

3) Do tham Thiền điều thần dưỡng khí nên tin là có ích, còn niệm Phật nói nhiều tổn khí, há cũng có ích chăng? Vả nữa, nếu có kẻ nào đó suốt ngày ở bên cạnh ông, réo tên ông không ngừng, ông chẳng chán ghét hay sao?

Đáp: Nói "Thiền là tịnh tọa, dưỡng khí, điều thần" thì cũng là lời lẽ của kẻ chẳng biết Thiền, chỉ thấy được da lông của Thiền, chẳng biết nguồn cội Thiền. Thiền giả tuy ngồi nhưng tham cứu bản lai diện mục, chứ không phải nhằm dưỡng khí điều thần. Niệm Phật cũng

---

[172] Quẻ Thuần Càn gồm sáu hào Dương (tức sáu vạch liền), mỗi vạch đều được giảng bằng chữ Long, từ hào thứ nhất (sơ cửu) là Tiềm Long Vật Dụng, hào thứ hai là Hiện (Kiến) Long Tại Điền, cho đến hào thứ sáu (thượng cửu) là Kháng Long Hữu Hối.

[173] Chiên Đàn (gośīrṣa-candana): Thường được gọi đủ là Ngưu Đầu Chiên Đàn, hay Ngưu Đàn Hương là một loại gỗ trầm hương (sandalwood), tương truyền lấy từ rặng núi Ngưu Đầu. Người Ấn Độ tin rằng bôi loại hương này lên thân sẽ ngăn được lửa, trị lành vết thương. Có nhiều loại chiên đàn, kinh Pháp Hoa nói có loại Hải Ngạn Chiên Đàn, một Thù của loại hương này giá trị bằng cả tam thiên đại thiên thế giới.

là pháp dưỡng khí điều thần, mà cũng là pháp tham cứu bản lai diện mục! Vì sao nói thế? Cái tâm của chúng ta thường luôn rối loạn, nếu chí thành niệm Phật thì sẽ thấy hết thảy tạp niệm vọng tưởng dần dần tiêu diệt. Hễ vọng tưởng tiêu diệt thì tâm quy về một mối, quy về một mối thì thần khí tự nhiên sung mãn, thông suốt.

Ông không biết niệm Phật là dứt vọng. Cứ thử niệm đi sẽ nhận thấy đủ mọi vọng niệm trong tâm đều hiện. Nếu niệm lâu ngày sẽ tự chẳng còn những vọng niệm ấy. Thoạt đầu biết có vọng niệm, do niệm Phật nên mới hiển lộ được những vọng niệm trong tâm, không niệm thì chẳng hiển. Ví như trong nhà thanh tịnh không bụi, nhưng một tia nắng lọt qua khe cửa sổ sẽ thấy không biết bao nhiêu là bụi! Bụi trong nhà do ánh nắng thấy rõ, vọng trong tâm cũng do niệm Phật mà hiện rõ. Nếu thường niệm Phật, tự tâm thanh tịnh. Khổng Tử hâm mộ đạo của Nghiêu, Thuấn, Châu Công niệm niệm chẳng quên, nên thấy vua Nghiêu trong canh, thấy vua Thuấn nơi tường, thấy Châu Công trong mộng! Đấy là do thường luôn nghĩ nhớ, có khác gì niệm Phật!

Do tâm miệng của chúng sanh bị phiền não, Hoặc nghiệp nhiễm ô nên Phật dạy dùng tâm miệng xưng niệm hồng danh thánh hiệu *"nam-mô A Di Đà Phật"*. Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm. Niệm lâu ngày, nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận, phước cao, Phật tánh sẵn có nơi tự tâm sẽ tự hiển hiện. Sao lại lấy chuyện người thế gian réo tên để so sánh vậy? Nếu như vậy thì Khổng Tử thường niệm Nghiêu, Thuấn, Châu Công cũng là chẳng đúng. Nếu cho niệm niệm nghĩ đến, ngưỡng mộ là đúng, thì sao lại coi mỗi tiếng luôn niệm

Phật là sai? Huống chi niệm Phật chính là diệu pháp để chuyển phàm thành thánh, pháp thế gian há thể sánh bằng được ư?

4) Bệnh của con người là do trong thân thể có nhiều trùng, dùng thuốc để trị thì là giết trùng. Còn bỏ thuốc thì là ngồi nhìn người khác chết. Hai đằng phải làm sao đây?

Đáp: Bệnh thì có bệnh trị được, có bệnh không trị được! Bệnh trị được là bệnh ngoại cảm nội thương, còn nếu là bệnh do oán nghiệp thì thần tiên cũng chẳng thể trị được! Niệm Phật bèn có thể khiến cho oán gia đời trước cậy vào Phật từ lực siêu sanh thiện đạo. Vì vậy, khi mối oán thù được cởi bỏ, bệnh liền lành mạnh. Ngoại cảm nội thương niệm Phật cũng rất hữu ích, không phải chỉ có bệnh do oán nghiệp mới có ích. Ông Giang Dịch Viên làm hiệu trưởng, do tận lực dạy dỗ học trò, dụng tâm quá độ nên mắc bệnh trầm trọng (khi đó, ông ta ở Thượng Hải), thuốc Tây, thuốc Tàu đều vô hiệu. Ông ta vốn không biết Phật pháp, ông Giang Vị Nông[174] đến thăm, nói: *"Thuốc đã không công hiệu thì không cần dùng đến thuốc nữa, hãy nên chí tâm niệm Phật liền có thể khỏi bệnh"*. Dịch Viên tin theo, bệnh liền khỏi. Do vậy, ông ta cực lực khuyên người khác niệm Phật. Sau ông về nhà, có một người thân thích

---

[174] Giang Vị Nông (1873-1938), người xứ Ninh Ba, tỉnh Giang Tô, sống ở Hồ Bắc. Ông tên thật là Trung Nghiệp, tên tự là Vị Nông, pháp danh Diệu Hy. Từ nhỏ đã theo cha trì tụng kinh Kim Cang. Tuổi trung niên vợ mất, ngộ thế sự vô thường. Năm 1918, lễ ngài Vi Quân thiền sư làm thầy, thọ Bồ Tát Giới. Cuốn sách Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của ông được đánh giá rất cao, lưu truyền hết sức rộng rãi.

tuổi gần bảy mươi, hai mắt lòa cả, Dịch Viên khuyên cụ nên niệm Phật, chưa đầy một năm, mắt bèn sáng lại. Mùa Hạ năm nay, vùng eo sông Vụ Nguyên hạn hán, Dịch Viên khuyên mọi người niệm Phật cầu mưa, chưa đầy bảy ngày liền mưa to; dân một vùng mừng rỡ, hớn hở!

Dịch Viên liền lập Phật Quang Xã, dạy hết thảy nam nữ, già trẻ đều niệm Phật, cũng lôi kéo Quang làm hội trưởng. Đủ thấy một pháp Niệm Phật với bất cứ chuyện gì cũng đều có thể thành tựu, nhưng chẳng thể dùng Niệm Phật để thành tựu việc ác. Nếu muốn làm việc ác, niệm Phật cầu thành tựu sẽ bị sét đánh, sợ kẻ ngu không biết nên phải nêu rõ! Lợi ích của việc niệm Phật xưa nay không biết là bao nhiêu, nay chỉ đem chuyện thấy được, có thể hỏi được ra nói để không còn nghi ngờ gì nữa! Người ta nói "bỏ thuốc niệm Phật, ngồi nhìn người khác chết" ư? Thử hỏi: Dịch Viên dùng thuốc sao không lành, niệm Phật lại lành bệnh? Đấy chỉ là lợi ích nhỏ, còn lợi ích lớn là vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, thậm chí thành Phật. Kẻ ếch ngồi đáy giếng kia làm sao biết được nổi sự rộng sâu của biển cả Phật pháp, nên mới nói những lời nhảm nhí, hồ đồ như thế, càng lộ rõ sự thiếu hiểu biết của chính mình!

5) Như gà ăn trùng, nuôi gà chính là giết trùng. Bảo vệ trùng ắt phải giết gà. Vậy phải làm sao?

Đáp: Phật đại từ bi khiến cho hết thảy mọi loài được sống. Gà cũng do con người nuôi, nếu chẳng lập cách cho nó sống thì chúng sẽ chết mất, chúng không được

như loài tự nuôi sống. Gà ăn trùng là vì nó đói. Nếu không đói sẽ chẳng ăn, không nhất định cứ phải ăn trùng! Nếu như ông nói "giết gà chính là cứu trùng" thì do con người ăn hết thảy mạng loài vật, cũng nên giết đi để cứu hết thảy tánh mạng loài vật, có nên hay không? Trí nhỏ chẳng biết lý lớn, lầm lạc đem ý kiến ngu muội của chính mình để ngăn trở thiện sự kiêng giết, phóng sanh của người khác. Về sau, làm thân con vật, quyết định chẳng gặp được người phóng sanh cứu mạng. Cái khổ khi ấy chính là do tà trí ngày nay vun bồi thành.

6) Phật cho vạn pháp đều là không, sao lại có Tây Phương Cực Lạc thế giới?

Đáp: Vạn pháp đều không chính là những cảnh do Hoặc nghiệp của phàm phu cảm thành, sao lại đem sánh với thế giới Cực Lạc là cảnh do phước huệ của đức Như Lai cảm thành. Kẻ kia cho Tây Phương cũng giống hệt như thế giới này chẳng khác gì ư? Dùng phàm tình suy lường thánh cảnh, khác nào kẻ thọt nghi "bậc thánh nhân Lục Thông trong một niệm có thể đến khắp hết thảy thế giới, ắt sẽ mệt đến chết!" Lại khác gì kẻ ngu cho một vầng trăng in bóng khắp ngàn dòng sông sẽ nhọc nhằn khôn xiết! Phật gọi đó là Thế Trí Biện Thông, không thể nhập đạo. Những kẻ nói như vậy, chính là người bị Phật quở là ngu si mà vẫn nhơn nhơn tự xưng là trí, há chẳng đáng đau buồn quá đỗi ư? Muốn nói cặn kẽ chuyện này, rất tốn bút mực. Đọc kỹ bộ Văn Sao thì không mối nghi nào chẳng được cởi gỡ!

170. Thư trả lời cư sĩ Mã Thuấn Khanh

Nhận được thư biết tâm cư sĩ vui đạo hết sức chân thành, tha thiết. Còn những lời khen ngợi Bất Huệ chưa thoát khỏi thói quen thế tục. Quang là một ông Tăng tầm thường, chỉ biết học theo ngu phu ngu phụ chuyên niệm danh hiệu Phật, sao lại khen ngợi quá mức như thế? Như ông quyên góp in bộ An Sĩ Toàn Thư, thật đúng là pháp chí thành tu [thân] tề [gia] trị [quốc] bình [thiên hạ] và đoạn Hoặc chứng Chân liễu sanh thoát tử, mỗi mỗi đều đầy đủ. Tùy mỗi người thấy biết nông - sâu mà ai nấy đều được lợi ích. Những bộ Quang chịu trách nhiệm đã gởi đi xong hết cả rồi, nay đem một bộ do bạn bè kết duyên ấn tống còn sót lại đem gởi đi, xin hãy đọc kỹ, ắt sẽ có niềm vui tay vỗ chân giậm vậy.

Thêm nữa, Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao do Từ Úy Như ba bốn lượt in ra, đã gởi đi hết. Nếu tháng Chín đến Thượng Hải sẽ thỉnh một bộ từ Thương Vụ Ấn Thư Quán gởi cho ông. Nếu ông xem kỹ thì nguyên do cũng như giới hạn giữa Thiền và Tịnh, Phật lực, tự lực, lớn - nhỏ, khó - dễ, lợi - hại, được - mất sẽ rõ ràng như nhìn vào ngọn lửa, sẽ vĩnh viễn không còn lo ngờ nữa! Nhưng văn chương chẳng đáng coi, chỉ thích hợp cho người sơ cơ nhập đạo mà thôi! Nếu dùng khuôn mẫu trước tác của cổ nhân để giám định thì vứt đi còn chẳng kịp, nào đáng để nghiên cứu! Thoạt tiên dùng bộ sách này để nhập đạo thì sẽ biết được đường lối, rồi lại xem những trước tác của cổ nhân sẽ dễ dàng hiểu rõ. Đá nơi núi khác có thể coi là ngọc [cho chính mình]. Người tàn

phế không chân ở giữa đường chỉ lối, trao ngọc cho hành nhân, chớ nên vì [kẻ ấy] thô tệ, tàn phế mà vứt bỏ vậy!

Ngày 13 nhận được thư và hai bộ sách ghi chép lời giáng cơ liền đưa cho người ngoài đời. Tôi vốn muốn trả lời thư ngay, nhưng công việc đa đoan, chẳng rảnh rỗi. Đến ngày 21 lại nhận được thư và những lời lẽ có được do cầu cơ v.v… Về ý tứ, cố nhiên cũng muốn cho con người cải ác tùng thiện. Chịu cải ác tùng thiện thì lợi ích còn gì lớn hơn! Nếu bảo đó là do thầy Minh Ấn đến núi Phổ Đà được Đại Sĩ giáng cơ chỉ dạy thì chính là vu báng, miệt thị Phổ Đà và Đại Sĩ. Quang ở Phổ Đà đã tròn ba mươi năm, chưa từng thấy nghe có chuyện phù cơ[175]. Minh Ấn đã là bậc cao tăng, nên đem những sự lý nhân quả báo ứng trong Phật giáo và pháp tắc tu trì Tịnh Độ để phát huy chỉ dạy người, sao lại mạo danh Đại Sĩ để tạo lời bịa đặt, tuy cũng có cái lợi là khuyên người, nhưng chính mình trước hết đã hãm trong cái tội cuồng vọng!

Còn như Cứu Kiếp Tiên Phương lại càng thô tệ chẳng kham nổi, đấy chính là do kẻ thiêu đốt lưu ly đặt ra, trọn chẳng hề biết Quán Âm là người như thế nào, Ngọc Đế là người như thế nào. Cư sĩ xem kỹ cuốn đầu bộ An Sĩ Toàn Thư, ắt trời sẽ ban tưới phước cho cư sĩ; cũng như xem bài văn luận về trời, Phật, Bồ Tát trong

---

[175] Do các đàn cầu cơ thường dùng cơ bút có hình cái giỏ, đầu giỏ có một cái mỏ nhọn, đôi khi khắc hình chim loan. Khi cầu cơ, hai người hầu cơ (thường gọi là đồng tử hay thanh đồng) nâng hai bên thành giỏ, hướng mũi chim loan xuống mâm cát hay mâm gạo viết thành chữ, nên thường gọi là "phù cơ" hay "phù (phò) loan".

cuốn ba sách Dục Hải Hồi Cuồng sẽ chẳng bị những lời lẽ tào lao, hồ đồ này mê hoặc! Tuy cư sĩ tín tâm thiết tha, hiềm rằng chưa từng được Phật pháp thấm đẫm, nên một bề tôn trọng những lời giáng cơ mạo danh tiên Phật của các linh quỷ!

Hai bộ sách nói trên (tức hai bộ sách giáng cơ, mà Cứu Kiếp Tiên Phương là một cuốn) là văn khuyên đời, hơi có lợi ích thiết thực cho thế đạo nhân tâm, nhưng tạp nhạp, lộn xộn chẳng thành chương đoạn. Huống chi Phật pháp được nói trong ấy đa phần không đúng pháp. Thiện nhân tại gia nên nhận lấy những lời khuyên răn trong ấy, nhưng không cần phải học theo những lời dạy về tu hành trong đó, ắt sẽ có lợi ích lớn, không tệ hại gì! Còn như Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn, Giác Thế Kinh[176] đều là những bộ bảo giám dạy người khắc kỷ, giữ lễ, cố nhiên chẳng nên đem so với những lời cơ bút vớ vẩn, phù phiếm, coi cùng một giuộc như nhau! Đạo cầu cơ quả thật có thần tiên giáng lâm, nhưng trong trăm lần, không có đến hai ba lần [thần tiên thật sự giáng]. Nếu cứ nhất loạt cho là chân tiên thì chính là dân thường xưng bừa là đế vương. Những kẻ giáng đàn đa phần là linh quỷ. Nếu là linh quỷ có học thức thì lời lẽ còn hơi khả quan, nhưng bàn đến Phật pháp là điều họ chẳng biết nên đa số thường nói sai bét, bậy bạ! Những kẻ vô tri vô thức bèn tưởng là chân Phật, chân Bồ Tát, những chỗ sai lạc trong lời lẽ của bọn họ hại

---

[176] Giác Thế Kinh chính là Quan Thánh Đế Quân Giác Thế Chân Kinh (tương truyền do Quan Thánh Đế Quân, tức Quan Công giáng cơ) có nội dung khuyến thiện, nêu lẽ nhân quả nên cũng rất được Phật môn Trung Hoa coi trọng.

người thật sâu. Cư sĩ hãy nên lắng lòng đọc An Sĩ Toàn Thư và Ấn Quang Văn Sao. Nếu thâm nhập được, hãy nghiên cứu thêm các kinh Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, sẽ biết rõ như xem ngọn lửa vậy.

Nhận được thư khôn ngăn cảm thương cho đời, hơn mười năm nay, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, toàn là do không biết nhân quả ba đời, chỉ mong tự lợi, chẳng hề đoái hoài chuyện sát sanh hại mạng cũng như hại người mà nên nỗi! Muốn vãn hồi kiếp vận, nếu không đề xướng nhân quả ba đời, sanh tử, luân hồi, cùng kiêng giết, cứu vật, ăn chay, niệm Phật sẽ không thể được! Cõi đời hiện tại thường trong hoạn nạn, chỉ có A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát là nương cậy được, hãy nên thường trì thánh hiệu, trong âm thầm sẽ tự có sự chuyển dời chẳng thể nghĩ bàn. Lại mong ông đối với quyến thuộc, thân hữu, làng xóm đều đề xướng, chỉ dạy điều này thì có lợi lớn lắm! Cách đề xướng chỉ dạy thì nên lấy An Sĩ Toàn Thư và Ấn Quang Văn Sao làm gốc, ngõ hầu chẳng đến nỗi họ đi vào pháp tà kiến của ngoại đạo.

Tháp Lôi Phong[177] bị đổ, kinh trong ấy bị phá hoại khôn xiết, kẻ hiếu sự ra giá cao tìm mua, ý họ thật ra

---

[177] Tháp Lôi Phong ở Tây Hồ thuộc huyện Hàng, tỉnh Chiết Giang, là thắng cảnh bậc nhất ở Tây Hồ. Tháp do bà vương phi họ Hoàng của vua nước Ngô Việt thời Ngũ Đại xây dựng để cất giữ mớ tóc xoắn ốc của đức Phật. Ngô Việt Vương Tiền Thục từng sai chép tám vạn bốn ngàn bản kinh cất trong tháp này. Tháp có tám cạnh, mỗi chiều rộng 18 bộ, trang hoàng rực rỡ. Thời Nguyên - Minh, tháp chỉ lại chỉ còn năm tầng, còn lại tám cửa. Do nền tháp bằng đá đỏ, trên xây bằng gạch hồng, lợp ngói vàng, trông rất rực rỡ trong nắng chiều. Năm Dân Quốc 14 (1925) đột nhiên sụp đổ, mới phát hiện gạch xây tháp toàn là khắc kinh Bảo Khiếp Ấn vào thời Ngũ Đại, nét chữ khắc rất tinh vi nên rất được giới yêu văn chương trân quý, tranh nhau sưu tập.

chẳng phải là trọng kinh mà là chuộng đồ cổ. Nếu như họ quý trọng những bản kinh hoàn chỉnh hiện thời như những kinh [cổ bị hư nát ấy] thì công đức lợi ích chỉ có Phật mới có thể biết được! Bọn họ cho đó là thứ do cổ nhân cất giữ, chẳng nghĩ rằng những bản kinh hoàn bị [hiện thời] há chẳng phải do cổ nhân truyền lại hay sao? Quý trọng những kinh ấy cố nhiên có công đức, nhưng chỉ cho đồ cổ là quý, chẳng coi kinh là quý, nên thành ra vứt gốc theo ngọn vậy!

Kinh Kim Cang chú giải rất nhiều. Người tại gia nếu chưa nghiên cứu cùng tận giáo lý quả thật sẽ chẳng dễ gì lãnh hội được! Chỉ có bản chú giải kinh Kim Cang của Lã Tổ, trước hết chú thích ý nghĩa, rồi dùng lời lẽ để giải thích kinh văn là dễ hiểu rõ. Các hạ có tâm cứu vãn kiếp vận thì hãy nên cực lực đề xướng nhân quả báo ứng, cùng kiêng giết, cứu vật, ăn chay, niệm Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tận lực giữ vẹn luân thường, ai nấy trọn hết bổn phận thì sẽ có lợi ích thật sự. Nếu không, chỉ là nói xuông, quyết chẳng có hiệu quả thật sự gì!

Nhận được thư khôn ngăn cảm khái, thẹn thùng. Quang là hạng người gì mà dám nhận lời khen ngợi ấy. Thuyết pháp trong các nhà tù là do các cư sĩ ở Thượng Hải đề xướng, nhưng những người thường đi đến các huyện thuyết pháp đều là đệ tử quy y của Quang, do vậy họ để tên Quang làm hội trưởng danh dự; chỉ vì họ thỉnh cầu nên gần đây mới đến nhà tù số hai để chỉ dạy. Quán Âm Đại Sĩ Tụng là cuốn sách do Quang thỉnh một vị cư sĩ đại văn học ở Giang Tây soạn ra, năm ngoái mới hoàn tất bản thảo. Do chiến tranh nổ ra, chưa thể

khắc in được, mùa Thu năm nay đến Thượng Hải ấn loát, sang năm sẽ ra sách. Cuốn sách này có quan hệ lớn lao đối với thế đạo nhân tâm, Quang muốn in đến hơn mấy chục vạn cuốn để truyền bá rộng khắp trong ngoài nước, chỉ sợ rằng con người đức mỏng, không cách nào cảm hóa được. [In] hơn mười vạn bộ là chuyện có thể thực hiện được, nay đã in xong hơn năm vạn cuốn. Quyển sách này chính là quyển đầu của bộ Phổ Đà Sơn Chí, do [Sơn Chí] số quyển quá nhiều nên in riêng cuốn này.

Sơn Chí bản mới soạn đã hoàn tất bản thảo, nhưng còn đợi Quang giảo chánh rồi mới ấn hành. Quang do bận rộn công việc, sợ rằng năm sau mới giao cho thợ in được! Sách in ra sẽ gởi tặng ông một hai bộ. Còn nói về những chỗ dị - đồng giữa các giáo thì con người thường hay thiên chấp. Nếu ai chấp là khác thì người ấy không thấy biết được cái gốc của đạo; nếu chấp là đồng thì chẳng biết tướng trạng phát huy, tu chứng sâu - cạn giữa các giáo khác biệt nhau rất lớn. Các hạ đừng bàn đến chuyện đồng - dị nữa. Nếu chẳng cho Phật pháp là sai thì hãy lắng lòng nghiên cứu tu trì, lâu ngày sẽ tự biết nguyên do đạo thể, đạo dụng tuy đồng nhưng chẳng giống hệt nhau, tuy dị (khác) nhưng chẳng thể tách rời nhau được. Phật pháp uyên áo, sâu xa, người đại thông minh tận hết tâm lực cả một đời còn chẳng thể nghiên cứu tường tận được! Nhưng Phật pháp tùy cơ ban giáo, nếu muốn được lợi ích thật sự, hãy nên nghiên cứu, tu trì từ nơi pháp môn đặc biệt siêu việt, lạ lùng là pháp Tịnh Độ thì sẽ bớt nhọc nhằn tâm lực, quả thật là đạo tối trọng yếu.

Các hạ sống trong lưới đời, lại khổ vì không có tri thức để thỉnh giáo. Nếu chẳng vì văn tự của Quang chất phác, vụng về mà vứt bỏ thì xin hãy đọc kỹ bộ Văn Sao, tu trì theo những điều nói trong đó sẽ được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Tuy văn chương của Quang khá gai mắt, nhưng dẫn nhiều kinh luận để viết thành, hoặc nêu bật ý nghĩa kinh luận, cho nên phải tận lòng thành, cạn lòng kính mà đọc thì mới hòng đạt được lợi ích. Sách Luận Ngữ nói: *"Chẳng hạ mình trước người thật sâu sẽ chẳng thể đạt được sự thật"*. Cung kính tượng Phật bằng đất nặn, gỗ khắc như đức Phật thật thì lợi nhỏ là sẽ tiêu tai tăng phước, còn lợi lớn là siêu phàm nhập thánh, những lợi ích ấy là do chính mình có thành kính hay không, chứ chẳng phải vì tượng Phật là thật hay giả! Nếu các hạ quả thật có thể thuận theo ý này, ý lặng, tâm tịnh, đọc rồi tận lực thực hành thì sẽ là bạn bè tốt lành trong pháp môn [Niệm Phật cầu sanh] Tây Phương Cực Lạc thế giới. Xin hãy gắng lên, chớ phụ lòng mong mỏi này thì may mắn thay!

171. Thư trả lời cư sĩ Cừu Bội Khanh (thư thứ nhất)

Nói đến sân tâm thì nó chính là tập tánh từ túc nghiệp. Nay đã biết sân là tổn hại vô ích thì đối với mọi chuyện trước mắt, hãy nên dùng tâm lượng biển rộng trời cao để dung nạp, tập tánh rộng rãi sẽ chuyển biến được tập tánh hẹp hòi trong đời trước. Nếu chẳng ra sức đối trị thì thói sân càng tăng, cái hại chẳng cạn. Đối với việc niệm Phật, phải án theo tinh thần, khí lực của chính mình để chọn lựa niệm lớn tiếng, nhỏ tiếng, hay niệm

thầm, hoặc kim cang niệm (tức là niệm có tiếng, nhưng người khác không nghe thấy được. Những người trì chú gọi đó là kim cang niệm), sao lại niệm quá mạnh mẽ đến nỗi thành bệnh? Cái tâm quá mạnh mẽ ấy cũng là vì cái bệnh muốn cho lẹ. Nay đã chẳng thể niệm ra tiếng, nhưng chẳng lẽ trong tâm cũng không niệm thầm được hay sao, có gì chỉ hạn định trong Thập Niệm?

Huống chi người bệnh nằm trên giường, trong tâm trống rỗng như bị rửa sạch, trọn chẳng có niệm gì. Nếu nghĩ đến chuyện khác sao bằng niệm danh hiệu Phật chẳng tốt hơn ư? Nên đem những sự vụ quan trọng, cần gấp giao cho người nhà, luôn nghĩ mình sắp chết, nghĩ sắp đọa địa ngục, trong tâm chẳng để ý đến chuyện gì. Dùng cái tâm thanh tịnh ấy nghĩ tưởng hình tượng Phật, và thầm niệm danh hiệu Phật, cũng như hình tượng và danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát. Nếu làm được như vậy, chắc chắn nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, tật bệnh khỏi hẳn, thân tâm khỏe mạnh. Bệnh của các hạ vốn do túc nghiệp, do niệm Phật quá mạnh mẽ làm duyên nên bệnh mới phát hiện, chứ không phải chỉ hoàn toàn do vì niệm Phật quá mạnh mẽ mà có. Nếu không niệm Phật, cũng sẽ do nhân duyên khác mà bị bệnh. Trong đời, người không niệm Phật rất nhiều, nhưng nào có ai không bị bệnh, sống lâu, khỏe mạnh mãi mãi ư? Hiểu rõ điều này thì chính mình không lầm lạc, cho là "niệm Phật sanh bệnh, chỉ tổn hại, vô ích!" Quang và các hạ chưa từng gặp mặt, nhưng vì các hạ tính kế, thật chẳng khác nào cha mẹ, anh em của chính mình vậy! Do vì đức Phật vốn từ bi, muốn cho hết thảy những ai hữu duyên đều cùng được vãng sanh ngay

trong đời này. Nếu chưa hiểu rành pháp môn Niệm Phật thì mỗi ngày hãy nên xem qua vài thiên Văn Sao để tìm sự hướng dẫn cho bước tiền đồ, mới khỏi phí một phen qua lại, bàn bạc, giãi bày vậy!

172. Thư trả lời cư sĩ Cừu Bội Khanh (thư thứ hai)

Các hạ đã tin tưởng Quang thì hãy nên làm theo lời Quang mới hòng được lợi ích thật sự. Nếu không, dẫu có tín tâm nhưng cũng chỉ là gieo thiện căn trong đời tương lai mà thôi. Chúng ta đã ở bao kiếp dài lâu trong sanh tử luân hồi, đã tạo ác nghiệp vô lượng vô biên. Nếu cậy vào tự lực để tu trì hòng diệt sạch Hoặc nghiệp phiền não để liễu sanh thoát tử thì còn khó hơn lên trời! Nếu có thể tin vào pháp môn Tịnh Độ do đức Phật đã nói, dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm danh hiệu Phật A Di Đà, cầu sanh Tây Phương thì bất luận nghiệp lực lớn hay nhỏ đều có thể cậy vào Phật từ lực, vãng sanh Tây Phương. Ví như một hạt cát bỏ vào nước liền chìm; nhưng khối đá mấy ngàn, mấy vạn cân đặt trên một chiếc đại hỏa luân thuyền[178] chẳng những không chìm, còn chuyển sang được nơi khác để tùy ý sử dụng. Đá ví như nghiệp lực sâu nặng của chúng sanh, đại hỏa luân thuyền ví như Di Đà nguyện lực rộng lớn.

Nếu không niệm Phật, cậy vào sức tu trì của chính mình để mong liễu sanh tử thì phải đạt đến địa vị nghiệp tận tình không mới được. Nếu không, dù cho

---

[178] Thời xưa gọi tàu chạy bằng hơi nước, có bánh xe để đẩy nước ở phía sau tàu là "đại hỏa luân thuyền".

đoạn được phiền não Hoặc nghiệp chỉ còn sót lại một tí xíu thì cũng chẳng thể liễu được. Ví như một hạt cát cực bé cũng phải chìm trong nước, quyết chẳng thể tự mình vượt ra ngoài nước được! Các hạ chỉ nên sanh lòng tin, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, đừng nghĩ gì khác nữa. Nếu làm được như thế thì tuổi thọ chưa tận sẽ liền mau được lành bệnh; vì công đức chuyên nhất, chí thành niệm Phật có thể diệt trừ được ác nghiệp đời trước. Ví như mặt trời đã mọc lên, tuyết sương bèn tan mất. Tuổi thọ đã tận thì liền vãng sanh. Do tâm không có ý niệm khác nên bèn được cảm ứng đạo giao cùng Phật; vì thế, được Phật từ tiếp dẫn vãng sanh. Nếu các hạ tin được lời này thì sống cũng được đại lợi ích mà thác cũng được đại lợi ích.

Sân tâm chính là tập tánh từ đời trước, nay nghĩ mình đã chết, mặc kệ người ta dao cắt hay hương bôi, chẳng ăn nhập gì đến mình. Đối với tất cả những cảnh trái ý, cứ nghĩ như mình đã chết, ắt sẽ chẳng khởi tâm sân được nữa! Đấy chính là tam-muội pháp thủy do đức Như Lai đã truyền để rửa sạch khắp các kết nghiệp của hết thảy chúng sanh, Quang riêng vì các hạ trình bày, chứ không phải là Quang tự ý bịa ra đâu nhé! Nếu không niệm Phật cầu sanh Tây Phương, dù có sanh vào chỗ cực tôn quý là Phi Phi Tưởng Thiên, khi phước trời hết sẽ lại luân hồi lục đạo. Nếu có đủ lòng chí thành khẩn thiết niệm Phật, dù có đọa vào A Tỳ địa ngục cũng được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương.

Vàn muôn chớ đặt mình vào chỗ hèn kém, cho là mình nghiệp nặng, sợ rằng không thể vãng sanh. Nếu suy nghĩ như thế, chắc chắn sẽ không thể vãng sanh. Vì

sao? Do tâm không có lòng tin chân thật, không nguyện thiết tha, không cách gì cảm Phật được! Quán Âm Bồ Tát thành Phật đã lâu, do tâm từ bi thiết tha bèn hiện thân trong chín pháp giới, dùng đủ mọi phương tiện độ thoát chúng sanh (chín pháp giới chính là Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, trời, người, A Tu La, súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ). Trong pháp giới con người, Ngài lại hiện đủ mọi thân, hoặc hiện làm thân đế vương, tể quan, hoặc làm thứ dân ẩn dật, hoặc làm phụ nữ, hoặc làm ăn mày, trọn không nhất định. Nhưng vì hình tượng Bồ Tát vi diệu trang nghiêm người đời chẳng thể hình dung được, cho nên đa phần tạc tượng Ngài là nữ nhân, chứ không phải Bồ Tát thật sự mang thân nữ.

Muốn cúng dường Ngài hãy nên thỉnh hình Tây Phương Tam Thánh in theo lối thạch ấn (lithography) của Phật Kinh Lưu Thông Xứ ở ngõ Trường Khang, đường Bắc Kinh. Loại hình lồng gương đẹp đẽ nơi đó cũng có. Như vậy là Di Đà, Quán Âm, Thế Chí đều đầy đủ. Nếu phòng ngủ không thanh khiết, hãy nên thờ tượng Phật nơi tịnh thất, mỗi ngày đến nhìn kỹ một hai lần thì trong tâm sẽ có thể ức niệm được. Niệm Phật tuy quý tại chí thành thanh khiết, nhưng người bệnh không thể làm được thì chỉ cốt sao giữ lòng chí thành thầm niệm, hoặc niệm ra tiếng, công đức vẫn giống hệt nhau. Do Phật từ [lực] rộng lớn, như con trong lúc bệnh khổ, cha mẹ chẳng tính theo cách thức lúc bình thường để quở trách con, lại còn vỗ về xoa nắn thân thể, tẩy rửa gột trừ ô uế cho con. Nếu con cái đã lành bệnh, mà vẫn đối xử với cha mẹ như lúc mình còn đang bệnh thì sẽ bị sét đánh. Sao các hạ lại nghĩ mình đang nằm trên

giường niệm thầm là có tội vậy? Nếu người không có bệnh, lúc ngủ còn nên thầm niệm, huống chi là bệnh nhân!

173. Thư gởi cư sĩ Phương Thánh Dận

Nghe ông mắc bệnh, mong có ngày được lành bệnh. Người chẳng hiểu lý trong thế gian, mỗi khi mắc bệnh nếu không oán trời trách người cũng bèn cầu thần vái quỷ, uổng công tăng thêm nghiệp chướng, chỉ tổn hại vô ích! Các hạ hoàn toàn tu Tịnh nghiệp, vợ ông lo chăm sóc mọi chuyện trong nhà. Vợ hiền, con hiếu, trong tâm trọn chẳng phải lo âu gì, hãy nên đem hết thảy gia sự và sắc thân của chính mình toàn thân buông trọn xuống. Dùng cái tâm chẳng nhiễm mảy trần để trì thánh hiệu vạn đức hồng danh, coi mình như đã chết, ngoại trừ niệm Phật cầu tiếp dẫn ra, chẳng khởi một tạp niệm nào. Làm được như thế thì quyết định vãng sanh Tây Phương, siêu phàm nhập thánh. Tuổi thọ chưa hết thì quyết định nghiệp tiêu, bệnh lành, huệ rạng, phước cao. Nếu không thể niệm như thế, cứ si dại cầu chóng được lành bệnh thì chẳng những không thể chóng lành, trái lại bệnh còn nặng thêm! Nếu mạng đã hết, chắc chắn phải trôi nổi theo nghiệp, vĩnh viễn không có lúc thoát khỏi cõi khổ Sa Bà này. Mong hãy sáng suốt suy xét thì may mắn lắm!

II. LUẬN

1. Tịnh Độ Quyết Nghi Luận

Thuốc không quý - tiện, thuốc trị lành bịnh là thuốc hay. Pháp không hơn - kém, pháp khế hợp căn cơ là pháp diệu. Thuở xưa, căn tánh con người thù thắng, tri thức như rừng, tùy ý tu một pháp đều có thể chứng đạo. Người đời nay, căn tánh kém cỏi, tri thức hiếm hoi, nếu bỏ Tịnh Độ thì chẳng nhờ vào đâu để được giải thoát. Tôi tự thẹn nhiều đời, nhiều kiếp, ít gieo căn lành, phước mỏng, huệ cạn, chướng nặng, nghiệp sâu; lúc đang cầu học hỏi lại chẳng gặp thiện hữu, chưa được nghe đạo truyền tân[179] của thánh hiền, lậm cái độc của Hàn, Âu[180] phế Phật. Học vấn chưa thành, nghiệp lực đã hiện ra trước. Từ đấy, bệnh nặng cả mấy năm, chẳng làm gì được. Nghĩ kỹ thiên địa quỷ thần chiếu soi như thế, cổ kim thánh hiền đông nhiều đến thế, huống chi Phật vốn chẳng có quyền lực để ép người thuận theo; ắt phải nhờ vào vua thánh, tôi hiền hộ trì thì đạo Phật mới có thể lưu truyền khắp thiên hạ vậy. Nếu pháp ấy quả thật đúng như lời họ Hàn, họ Âu: "Phật pháp trái nghịch thánh đạo, gây hại cho Trung Quốc" thì chẳng những riêng vua thánh, tôi hiền xưa nay chẳng dung thứ cho Phật pháp tồn tại nơi đời, mà thiên, địa, quỷ thần cũng

---

[179] Truyền tân: nói gọn của thành ngữ *"tân tận hỏa truyền"* (củi hết lửa còn) ý nói đạo truyền thừa giữa thầy và trò.

[180] Âu Dương Tu và Hàn Dũ: Hai nhà Nho bài xích Phật giáo mạnh mẽ nhất vào thời Đường - Tống

tru diệt chẳng còn sót từ lâu rồi; nào phải đợi đến họ Âu, họ Hàn dùng lời hư vọng để bác bỏ nữa!

Sách Trung Dung nói: *"Đạo quân tử thì kẻ ngu phu, ngu phụ còn có thể biết được, hành được"*; còn như cái đạo đạt đến mức cùng cực thì ngay cả thánh nhân cũng có chỗ chẳng hay biết, chẳng thể thực hiện được nổi. Ông Âu, ông Hàn tuy hiền, nhưng còn kém xa thánh nhân rất nhiều! Huống gì có những điều thánh nhân còn chẳng biết chẳng hay! Phật pháp nào có phải là pháp mà phàm tình, trí thế gian có thể suy lường được nổi. Tôi bèn nhanh chóng sửa đổi tâm trước, xuất gia làm Tăng, tự lượng sức mình: Nếu chẳng nương vào sức thệ nguyện rộng lớn của đức Như Lai thì quyết khó có thể ngay trong đời này thoát khỏi sanh tử. Từ ấy, chỉ niệm Phật, chỉ cầu Tịnh Độ. Từ nhiều năm qua, tôi đã lạm dự vào chốn giảng pháp, nhiều phen tham vấn các bậc Thiền Đức[181], chẳng qua là muốn làm sáng tỏ Đệ Nhất Nghĩa Đế Tịnh Độ để làm tư lương[182] thượng phẩm vãng sanh mà thôi. Hận rằng sức lực yếu ớt nên hạnh khó dũng mãnh; nhưng tôi tín nguyện kiên cố, không những các sư giảng Thiền trong thế gian không thể lay chuyển tôi chút nào, dẫu cho chư Phật hiện thân dạy tu pháp khác, tôi cũng chẳng chịu bỏ pháp này nhận lấy pháp khác, trái nghịch cái tâm ban đầu. Hiềm rằng túc

---

[181] Nguyên văn là Thiền tượng: Tượng là thợ giỏi, thợ khéo, thường được chỉ những bậc thông đạt pháp môn. Ở đây tạm dịch là Thiền Đức.

[182] Tư lương (sambhāra): Hiểu theo nghĩa hẹp là những thứ cần dùng, cần chuẩn bị. Tư là giúp đỡ, lương là lương thực. Như người đi xa ắt phải nhờ vào lương thực để duy trì cái thân. Cũng vậy, người muốn chứng quả trong tam thừa phải nhờ công đức thiện căn làm lương thực nuôi dưỡng cái thân huệ mạng. Do vậy, Tư Lương hiểu theo nghĩa rộng là hết thảy các thứ góp phần thành tựu đạo Bồ Đề.

nghiệp gây chướng ngại nên rốt cuộc tôi chưa đạt được nhất tâm bất loạn để đích thân chứng được Niệm Phật Tam Muội, thẹn thùng vô kể.

Một ngày nọ có một Thượng Tọa, tham học Thiền tông đã lâu, kiêm thông giáo lý, mắt xem bốn biển rỗng không, thề chứng Nhất Thừa, noi gương Thiện Tài tham học khắp các tri thức, đến Loa Sơn gõ cửa thất tôi. Khi ấy, tôi vừa xem tập Di Đà Yếu Giải thấy văn sâu lý thẳm, chẳng tiện cho kẻ sơ cơ, mông muội, nên muốn thâu thập những giáo lý của tông Thiên Thai để viết lời giải thích, ngõ hầu giúp bậc sơ học dễ bề tiến bộ, chứ chẳng dám bắt chước cổ đức hoằng xiển đạo mầu, chỉ toan tạo nhân duyên thâm nhập chỗ thù thắng cho hậu học. Mừng có vị Thượng Tọa ấy đến, nên tôi liền tặng ông ta một cuốn Yếu Giải, rồi tỏ ý muốn viết lời giải thích. Nhân đấy, Thượng Tọa bảo tôi:

- Một cuốn Yếu Giải trước kia tôi đã từng xem, thấy trong ấy viết rằng: *"Tạng sâu thẳm của Hoa Nghiêm, cốt tủy bí nhiệm của Pháp Hoa, tâm yếu của hết thảy chư Phật, kim chỉ nam cho vạn hạnh của Bồ Tát đều chẳng ra khỏi kinh này".* Những câu như vậy chẳng thể kể hết, thật đúng chèn ép Tông (Thiền), Giáo (các tông phái khác như Hoa Nghiêm, Thiên Thai...), quá khen Tịnh Độ, báng chánh pháp luân, khiến chúng sanh nghi lầm! Chẳng hiểu đại sư Ngẫu Ích đã có học thức thiên cổ hy hữu sao lại không trực chỉ nhân tâm, hoằng dương Chỉ Quán. Trái lại, Ngài chấp vào thứ kiến giải ấy khiến kẻ ngu phu, ngu phụ dùng đó như bùa hộ thân, chỉ mong hàng Tăng, tục trong đời giữ một pháp buông bỏ vạn hạnh; lấy vũng nước nơi dấu chân, bỏ cả biển

rộng, cùng bước vào nẻo mê, vĩnh viễn quay lưng với đường chánh, đoạn diệt giống Phật, tội ngập cả trời. Muốn báo ân Phật thì trước hết nên hủy diệt sạch sách này, sao thầy còn tính viết lời giải thích để giúp cho sách ấy được lưu thông vậy? Tâm giận ngùn ngụt, như đối diện cừu thù.

Tôi đợi cho ông ta bình tĩnh lại, thong thả bảo rằng:

- Ông coi lời giải thích này của ngài Ngẫu Ích là tội lỗi quá nặng; ấy là chỉ biết ngọn, nhánh, chứ chẳng biết đến cội, nguồn, như con chó khờ chạy theo hòn đất, như con ngỗng chúa chẳng chọn sữa[183]. Phải biết cái lỗi ấy chẳng do cuốn Yếu Giải này của ngài Ngẫu Ích mà thật sự là do Phật Thích Ca, Phật Di Đà, mười phương chư Phật và ba kinh Tịnh Độ, kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, các kinh Đại Thừa và các vị đại Bồ Tát, tổ sư: Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Thiện Đạo, Thanh Lương, Vĩnh Minh v.v... Nếu ông có thể làm đại pháp vương trừng trị tội ấy thì lời ông sẽ được cả thế gian phụng hành; bằng không thì kẻ dân ngu nơi rừng núi xưng bừa là hoàng đế, tự chế pháp luật, bội phản luật vua, chẳng mấy chốc sẽ bị diệt môn tru tộc vậy. Ông nói như thế là báng Phật, báng Pháp, báng Tăng, ngay đời này sẽ hãm vào A Tỳ địa ngục thọ khổ bao kiếp, trọn không có lúc thoát ra. Cậy chút phước trong

---

[183] Theo Tổ Đình Sự Uyển, quyển 5, nếu bỏ sữa và nước cùng trong một đồ đựng, ngỗng chúa chỉ uống sữa bỏ lại nước. Nước tượng trưng cho chúng sanh, sữa tượng trưng cho Phật. Dùng điển tích "ngỗng chúa chọn sữa" để tỷ dụ bậc giác ngộ sống trong thế gian chẳng bị nhiễm ô. Điển tích này còn dùng để chỉ khả năng phân biệt chân - ngụy, thiện - ác.

quá khứ, tạo khổ báo bao kiếp. Hạng người được tam thế chư Phật gọi là "đáng thương xót" chính là ông vậy.

Ông ta giật mình, nói:

- Thầy bảo tội nơi đức Thích Ca, Di Đà v.v... Sao mà lại trái nghịch lý thường đến như thế? Xin thầy giải thích cặn kẽ nguyên do. Nếu lý ấy thật sự thù thắng, tôi đâu dám chẳng tuân theo!

Tôi bảo:

- Như Lai vì một đại sự nhân duyên nên xuất hiện trong đời. Đại sự nhân duyên vừa nói đó chính là muốn cho chúng sanh khai, thị, ngộ, nhập[184] tri kiến của Phật, thẳng cho đến khi thành Phật mà thôi; há còn có gì khác nữa đâu!

Khốn nỗi chúng sanh căn tánh có lớn - nhỏ, mê có cạn - sâu, chẳng thể tỏ thấu trực tiếp bản hoài của Phật. Do đó, đức Phật mới thuận theo căn cơ đặt bày giáo pháp, đối bệnh phát thuốc, vì lẽ thật mà bày ra phương

---

[184] Đây là luận điểm chủ yếu của kinh Pháp Hoa: Khai là phá trừ vô minh của chúng sanh, mở toang Như Lai Tạng, thấy được lý Thật Tướng. Thị nghĩa là hiển thị, Hoặc chướng đã trừ thì tri kiến bộc lộ bản thể, pháp giới vạn đức hiển thị phân minh. Ngộ là chứng ngộ, sau khi chướng trừ, bản thể hiện thì sự (hiện tượng), lý (bản thể) dung thông nên có sở ngộ. Nhập nghĩa là chứng nhập, tức là sự lý đã dung thông nên tự tại vô ngại, chứng nhập biển trí huệ. Sách Pháp Hoa Văn Cú quyển 4 còn mở rộng hơn, phối hợp bốn mươi địa vị Pháp Thân đại sĩ như sau:

1. Khai tương ứng địa vị Thập Trụ.
2. Thị tương ứng địa vị Thập Hạnh.
3. Ngộ tương ứng địa vị Thập Hồi Hướng.
4. Nhập tương ứng địa vị Thập Địa.

Nếu phối hợp với Tứ Trí thì Khai là Đạo Huệ, Thị là Đạo Huệ Chủng, Ngộ là Nhất Thiết Trí, Nhập là Nhất Thiết Chủng Trí…

tiện quyền biến, khai Quyền hiển Thật[185]; [chỉ một pháp] Nhất Thừa mà bèn nói ra các thuyết. Nếu có kẻ thiện căn thành thục thì sẽ làm cho họ sanh lên được bờ kia; còn đối với kẻ ác nghiệp sâu dày, sẽ khiến họ dần dần thoát khỏi trần lao, rủ lòng tiếp dẫn; khéo khuyến dụ dần dần. Dẫu có dùng các ví dụ như trời, đất, mẹ cha… cũng chẳng diễn tả nổi chút phần [từ ân của Phật]. Hơn nữa, do hết thảy pháp môn đều nhờ vào tự lực. Dẫu là kẻ túc căn thâm hậu triệt ngộ tự tâm, nhưng nếu hai thứ Kiến Hoặc, Tư Hoặc vẫn còn sót chút ít chưa hết thì vẫn sanh tử trong luân hồi y như cũ không thoát được! Huống hồ là kẻ đã thọ thai ấm, đối cảnh liền sanh chấp trước, từ giác đến giác thì ít, nhưng từ mê vào mê lại nhiều. Bậc thượng căn còn như vậy, đối với kẻ trung căn, hạ căn còn biết nói sao nữa! Đoạn Kiến Hoặc giống như cắt dứt dòng sông rộng bốn mươi dặm, huống hồ là Tư Hoặc! Liễu sanh thoát tử há có dễ đâu!

Do vậy, [các pháp môn khác] chẳng thể độ trọn ba căn, thỏa trọn bản hoài của Phật; chỉ có một pháp Niệm Phật Cầu Sanh Tịnh Độ, chuyên cậy vào hoằng thệ nguyện lực của Phật Di Đà, chẳng cần biết đến thiện căn thành thục hay chẳng thành thục, ác nghiệp nặng hay nhẹ; cứ hễ chịu sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật thì lúc lâm chung sẽ quyết định được Phật Di Đà rủ lòng từ tiếp dẫn, vãng sanh Tịnh Độ. Người thiện căn thuần thục sẽ nhanh chóng viên thành Phật quả; dẫu là kẻ ác nghiệp nặng nề cũng được dự vào dòng thánh.

---

[185] Khai Quyền hiển Thật: Khai trừ những chấp trước của Quyền Giáo, hiển thị nghĩa chân thật. Nói cách khác, khai trừ, gạt bỏ những chấp trước vào những phương tiện quyền biến để hiển thị nghĩa Nhất Thừa chân thật.

Đấy chính là đạo cốt yếu để độ sanh của tam thế chư Phật, là pháp mầu nhiệm để thượng thánh lẫn hạ phàm cùng tu. Do vậy, các kinh Đại Thừa đều tuyên bày pháp trọng yếu này; lịch đại tổ sư không vị nào chẳng tuân hành. Ông tự phụ Thiền - Giáo, bảo xằng rằng hoằng dương Tịnh Độ là báng chánh pháp luân, là đoạn diệt hạt giống Phật, đủ chứng tỏ ông đã bị ma dựa vào thân, mất trí điên rồ, nhận mê là giác, chỉ chánh bảo tà, là chủng tử địa ngục vậy!

Trong kiếp xưa, đức Thích Ca, đức Di Đà từng phát đại thệ nguyện độ thoát chúng sanh. Một vị thị hiện sanh nơi uế độ, dùng cái uế, dùng điều khổ để chiết phục, đưa đi; một vị an cư Tịnh Độ, lấy tịnh, lấy lạc để nhiếp thọ hòng nhào luyện chúng sanh. Ông chỉ biết ngu phu, ngu phụ vẫn có thể niệm Phật nên đến nỗi miệt thị Tịnh Độ, sao chẳng xét suy: Trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, sau khi ngài Thiện Tài đã chứng ngộ gần bằng chư Phật, Phổ Hiền Bồ Tát bèn dạy dùng mười đại nguyện vương, hồi hướng vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, ngõ hầu viên mãn Phật quả. Lại còn khuyên dạy khắp Hoa Tạng hải chúng[186] đó ư? Trong toàn thể Hoa Tạng hải chúng,

---

[186] Biển Hoa Tạng tức Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải (Kusuma-tala Garbha Vyūhā Kāra Lokadhātu Samudra), dịch đủ nghĩa là Liên Hoa Xuất Sanh Thế Giới, hoặc Diệu Hoa Bố Địa Thai Tạng Trang Nghiêm Thế Giới, Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải, Thập Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải, hoặc chỉ gọi gọn là Hoa Tạng Giới hoặc Thập Hoa Tạng. Đây là thế giới thanh tịnh trang nghiêm do đức Tỳ Lô Giá Na Phật khi tu nhân phát nguyện cảm thành. Thế giới này do Tu-di sơn vi trần số phong luân nâng giữ. Trên tầng phong luân cao nhất có một biển nước thơm. Trong ấy có một hoa sen lớn, tên là Chủng Chủng Quang Minh Nhụy Hương Tràng. Hoa Tạng Thế Giới nằm chính giữa hoa sen ấy, vây quanh bằng Kim Cang

chẳng có một ai là phàm phu, Nhị Thừa, mà đều là bậc Pháp Thân Đại Sĩ thuộc bốn mươi mốt địa vị cùng phá vô minh, cùng chứng pháp tánh, đều có thể nương vào bổn nguyện luân hiện thân làm Phật trong thế giới không có Phật.

Hơn nữa, trong biển Hoa Tạng có vô lượng Tịnh Độ, nhưng các ngài đều hồi hướng vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới thì đủ biết: Vãng Sanh Cực Lạc chính là huyền môn để thoát khổ, là đường tắt để thành Phật. Vì vậy, tự cổ chí kim, trong tất cả tùng lâm dù Thiền hay Giáo, hay Luật, không nơi nào chẳng sớm tối trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây phương. Ông đã tham bái khắp các tùng lâm, ắt hẳn hằng ngày cũng tu tập, cớ sao lại sanh hủy báng đến thế! Sách Nho có nói: *"Tu tập mà chẳng xem xét, dùng hằng ngày mà không biết"*, há không phải là nói đến hạng người như ông hay sao? Hoa Nghiêm là vua của các kinh, vua trong Tam Tạng;

Luân Vi Sơn. Đất trong đó do Kim Cang tạo thành, kiên cố không hư hoại, thanh tịnh bằng phẳng, có thế giới hải vi trần số sự trang nghiêm. Trong ấy lại có vi trần số biển nước thơm, mỗi biển rộng bằng bốn thiên hạ và có vi trần số con sông nước thơm. Đất hai bờ sông ấy đều bằng diệu bảo trang nghiêm, xếp đặt khéo léo như lưới Thiên Đế. Trong mỗi một biển nước thơm lại có bất khả thuyết vi trần số thế giới chủng, mỗi một thế giới chủng lại gồm bất khả thuyết vi trần số thế giới. Biển nước thơm chính giữa Hoa Tạng thế giới, có tên là Vô Biên Diệu Hoa Quang. Giữa biển ấy mọc lên một hoa sen, thế giới chủng trong hoa sen ấy tên là Phổ Chiếu Thập Phương. Trong đó có hai mươi thứ bất khả thuyết vi trần số thế giới xếp vòng quanh. Đức Phật xuất hiện trong thế giới này. Sách Hoa Nghiêm Ngũ Giáo Chương giảng thêm: Cứ mười cảnh giới Phật gọi chung là một quốc độ hải hay thế giới hải. Thế giới hải chính là các thế giới thuộc phạm vi nhiếp hóa của mười đức Phật v.v… Nói chung, cảnh giới Hoa Nghiêm Thế Giới Hải rất phức tạp, rộng lớn, hầu như không thể hình dung được nổi! Cảnh giới đã rộng lớn như thế thì dĩ nhiên thánh chúng trong ấy vô lượng vô biên không thể tính đếm được, cho nên dùng chữ *"hải chúng"* (chúng nhiều như biển) để tạm hình dung.

chẳng tin Hoa Nghiêm thì là nhất-xiển-đề[187]. Dẫu cho chẳng đọa vào A Tỳ ngay khi còn sống thì khi báo hết sẽ quyết định rớt vào Vô Gián. Tôi muốn thoát khổ nên cầu sanh Tịnh Độ, ông muốn được khổ nên hủy báng Hoa Nghiêm. Ông cứ giữ cái chí của ông, tôi hành cái đạo của tôi. Tướng quân chẳng xuống ngựa, ai nấy tự ruổi theo đường mình. Đạo đã khác thì chẳng thể cùng bàn luận được! Ông đi đi, tôi chẳng muốn trò chuyện với ông nữa!

Ông ta đáp:

- Đạo quý ở chỗ hoằng thông, hễ nghi thì cần phải đoạn nghi, sao thầy lại cự tuyệt đến thế? Tôi thường nghe *"Tỳ Lô Giá Na Như Lai ở khắp hết thảy chỗ, nơi đức Phật ở gọi là Thường Tịch Quang";* chỉ cần chứng được Pháp Thân thì đương xứ (ngay nơi người ấy đang ở) chính là Tịch Quang Tịnh Độ. Sao lại phải dùng cái tâm sanh diệt "bỏ Đông lấy Tây" mới coi là được vậy?

Tôi đáp:

- Ông nói sao dễ dàng quá! Tuy đương xứ chính là Tịch Quang Tịnh Độ, nhưng nếu chẳng phải là Trí

---

[187] Nhất xiển đề: Nhất-xiển-đề (Icchantika hoặc Ecchantika): được dịch nghĩa là đoạn thiện căn, lòng tin không đầy đủ, lòng ham muốn cùng cực, tham lam to lớn, hoặc Vô Chủng Tánh, Thiêu Chủng (hạt giống cháy), tức là hạng người không có lòng tin, đoạn sạch thiện căn. Kinh Lăng Già chia Nhất Xiển Đề thành hai loại:
1. Đoạn Thiện Xiển Đề, tức kẻ vốn thiếu nhân giải thoát (đoạn thiện căn).
2. Đại Bi Xiển Đề: Hoặc Bồ Tát Xiển Đề, tức bậc Bồ Tát thị hiện, cố ý không nhập Niết Bàn do bi nguyện.
Đa phần các kinh luận nói Nhất Xiển Đề không thể thành Phật, riêng Đại Bát Niết Bàn kinh khẳng định Nhất Xiển Đề vẫn có khả năng thành Phật.

Đoạn[188] đã đạt đến rốt ráo, đã viên chứng pháp thân Tỳ Lô thì chẳng thể đích thân thọ dụng triệt để được nổi! Các địa vị như: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Đẳng Giác, cả bốn mươi mốt địa vị trong Viên Giáo vẫn là Phần Chứng! Nếu ông đã chứng được trọn vẹn Tỳ Lô Pháp Thân thì nói *"đương xứ chính là Tịch Quang"* cũng chẳng hại gì; còn nếu chưa được như thế thì dẫu có nói đến thức ăn và tính đếm của cải vẫn chẳng thể khỏi bị chết vì đói lạnh được!

Ông ta hỏi:

- *"Duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà"* là điều trong Tông môn thường nói chẳng lẽ là sai lầm hay sao?

Tôi nói:

- Thuyết đó của nhà Thiền chuyên chỉ về lý tánh, chứ chẳng bàn đến sự tu. Vì sao vậy? Nhà Thiền muốn cho người ta trước hết biết đến cái lý *"chẳng dính mắc nhân quả, phàm - thánh, chúng sanh và Phật tu chứng"*. Sau đấy, mới y theo lý đó mà phát khởi tu nhân hòng chứng quả, siêu phàm nhập thánh. Đấy chính là mặt Sự: Chúng sanh chứng thành Phật đạo. Sao ông lẫn lộn Sự và Lý, tri kiến điên đảo đến thế? Ông lại bảo bỏ Đông lấy Tây là sanh diệt, nhưng chẳng biết chấp Đông phế Tây lại là đoạn diệt. Hễ còn chưa chứng Diệu Giác thì có ai thoát khỏi lấy - bỏ? Ba A Tăng Kỳ kiếp luyện hạnh, trăm kiếp tu nhân, thượng cầu, hạ hóa, đoạn Hoặc

---

[188] Có hai cách hiểu chữ "Trí Đoạn":
1. Dùng trí Bát Nhã đoạn trừ phiền não.
2. Trí Đoạn là Trí Đức và Đoạn Đức. Soi thấu tỏ chân lý thì gọi là Trí Đức, đây chính là Bồ Đề. Đoạn sạch phiền não thì gọi là Đoạn Đức, tức là Niết Bàn.

chứng Chân, có việc gì chẳng phải là chuyện lấy - bỏ đâu? Phải biết: Đức Như Lai muốn cho hết thảy chúng sanh mau chứng Pháp Thân và Tịch Quang, nên Phật mới đặc biệt khuyên trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây phương vậy!

Hỏi:

- Sách Hoa Nghiêm Hợp Luận[189] của Táo Bá Lý Trưởng Giả[190] nhận định Tây phương Tịnh Độ chỉ [dành cho] hàng phàm phu còn có một phần chấp tướng, chưa tin nổi thật lý Pháp Không. Nếu chuyên ức niệm

---

[189] Gọi đủ là Hoa Nghiêm Kinh Hợp Luận, gồm 120 quyển của cư sĩ Lý Thông Huyền soạn vào đời Đường, tác phẩm này được xếp vào Tục Tạng Kinh quyển 5. Đây là tác phẩm chú giải bản dịch kinh Hoa Nghiêm 80 cuốn (Bát Thập Hoa Nghiêm). Nội dung cuốn luận này chia kinh Hoa Nghiêm làm mười môn để nêu tỏ những ý nghĩa trọng yếu: Y giáo tông phần, y tông giáo biệt, giáo nghĩa sai biệt, thành Phật đồng biệt, thuyết giáo thời phần, Tịnh Độ quyền thật, nhiếp hóa cảnh giới, nhân quả diên súc (nhân quả kéo dài hay rút ngắn), hội giáo thỉ chung. Tác giả Lý Thông Huyền đặc biệt sùng mộ giáo thuyết Thập Huyền Lục Tướng của tông Pháp Tướng nên đã vận dụng những khái niệm này vào trong cách giải thích kinh điển. Tác phẩm Hoa Nghiêm Kinh Hợp Luận này đã ảnh hưởng sâu đậm đến ngài Thanh Lương Trừng Quán, ta có thể thấy rõ điều này qua tác phẩm Hoa Nghiêm Đại Sớ Sao.

[190] Tức Lý Thông Huyền (635-730) là học giả Hoa Nghiêm thời Đường, xuất thân từ hoàng tộc, quê ở Thương Châu (nay thuộc Thương Huyện, tỉnh Hà Bắc), thông minh dĩnh ngộ, tinh thông sách Nho lẫn kinh Phật. Năm Khai Nguyên thứ 7 (719), ông ẩn cư ở Phương Sơn, Thọ Dương, phủ Thái Nguyên để nghiên cứu kinh Hoa Nghiêm bản tân dịch (tức Bát Thập Hoa Nghiêm), chỉ ăn táo, lá tùng bách để sống suốt mấy năm trong núi. Vì vậy, thế gian gọi là Táo Bách (Bá) tiên sinh. Tháng Ba, năm Khai Nguyên thứ 18 (730), ông tọa hóa trong thất, hưởng thọ 96 tuổi. Tống Huy Tông ban hiệu là Hiển Giáo Diệu Nghiêm Trưởng Giả. Do vậy, người ta thường gọi ông là Lý Trưởng Giả. Ông lưu lại những tác phẩm như Hoa Nghiêm Kinh Hội Thích Luận 14 quyển, Tân Hoa Nghiêm Kinh Luận 40 quyển, Lược Thích Tân Hoa Nghiêm Kinh Tu Hành Thứ Đệ Quyết Nghi Luận 4 quyển, Thích Giải Mê Hiển Trí Thành Bi Thập Minh Luận 1 quyển, Thập Huyền Lục Tướng, Bách Môn Nghĩa Hải, Phổ Hiền Hạnh Môn, Hoa Nghiêm Quán… Lý Thông Huyền được coi là một nhân vật tiên phong trong trào lưu nghiên cứu kinh Hoa Nghiêm bản tân dịch.

thì tâm sẽ được tịnh một phần, sẽ được sanh Tịnh Độ. Pháp đó là Quyền pháp chứ chẳng phải Thật pháp; cớ sao Hoa Tạng hải chúng lại cùng nguyện vãng sanh? Ngài Táo Bá chứng thánh quả ngay trong hiện đời, thần thông trí huệ chẳng thể nghĩ bàn; nhất quyết Ngài phải là Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm thị hiện nên lời Ngài nói nhất định chẳng sai lầm!

Đáp:

- Tuy ngài Táo Bá là Bồ Tát thị hiện, nhưng khi ấy kinh Hoa Nghiêm chưa được truyền đến [Trung Hoa] trọn vẹn, Ngài chẳng dự đoán được nên mới lập thuyết như vậy. Xét ra, ngài Táo Bá tạo luận vào niên hiệu Khai Nguyên đời vua Đường Huyền Tông. Sau khi viết xong luận, Ngài liền nhập diệt; phải hơn năm mươi năm sau, mãi đến năm Trinh Nguyên thứ mười một (795) đời vua Đức Tông, vua nước Ô Trà[191] ở Nam Thiên Trúc mới dâng bộ Hoa Nghiêm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm gồm bốn mươi cuốn bằng Phạn văn. Đến năm Trinh Nguyên thứ mười bốn (798), kinh mới dịch xong để lưu thông. Ba mươi chín quyển trước tương ứng với phẩm Nhập Pháp Giới [của bản] Hoa Nghiêm tám mươi cuốn, nhưng văn nghĩa [trong bản Hoa Nghiêm bốn mươi quyển] có phần tường tận hơn. Trong cuốn thứ tám mươi, ngài Thiện Tài nương vào sức oai thần lực của ngài Phổ Hiền, sở chứng đã ngang với ngài Phổ Hiền, ngang bằng chư Phật, nên ngài Phổ Hiền bèn đọc

[191] Ô Trà (Odra), nước cổ ở Đông Ấn Độ, nay là Orissa, thường bị người Hán phiên sai thành Ô Trành. Theo Đại Đường Tây Vực Ký, người dân xứ này khôi ngô, hiếu học, tín phụng Phật pháp, Tăng chúng đông đến hơn vạn người, đều học giáo pháp Đại Thừa.

cho nghe bài kệ khen ngợi công đức thắng diệu của Như Lai. Do kinh văn đến đây chưa hết nên [pháp hội] chưa kết thúc mà kinh [Bát Thập Hoa Nghiêm] đã hết. Kịp đến khi phẩm Hạnh Nguyện truyền đến, trong cuốn thứ bốn mươi, ngài Phổ Hiền dùng mười đại nguyện vương để khuyến tấn Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng khiến cho họ hồi hướng vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới; nói xong, Như Lai khen ngợi, đại chúng phụng hành. [Đến đây], kinh văn mới hoàn bị. Vì lẽ đó, cổ đức mới đem quyển này đặt nối theo sau tám mươi quyển kia để lưu thông, muốn cho kẻ hậu học đều được thọ trì toàn bộ bản kinh vậy. Cổ đức nói: *"Một pháp Niệm Phật Cầu Sanh Tịnh Độ chỉ Phật với Phật mới biết trọn vẹn, bậc Đăng Địa Bồ Tát*[192] *còn chẳng biết nổi ít phần"*, chính là ý này. Pháp Tịnh Độ tóm trọn hết thảy bậc thượng căn lợi khí chẳng còn sót vậy.

Kinh Đại Tập dạy: *'Đời mạt pháp ức ức kẻ tu hành, hiếm một ai đắc đạo. Chỉ nương theo pháp Niệm Phật thì mới thoát khỏi sanh tử';* như vậy, pháp Tịnh Độ cũng thâu nhiếp hết thảy thiên nhân, lục đạo cụ phược phàm phu[193] chẳng còn sót gì! Ông tin ngài Táo Bá mà chẳng tin phẩm Hạnh Nguyện và kinh Đại Tập, tức là tuân theo cáo thị quyền nghi một thuở của quan huyện, trái nghịch sắc chỉ của hoàng đế muôn đời chẳng đổi. Sao mà chẳng biết tôn, ty, khinh, trọng đến như thế ấy!

Hỏi:

---

[192] Đăng Địa Bồ Tát: tức Địa Thượng Bồ Tát, hay nói cách khác, những vị đã chứng từ Sơ Địa cho đến Thập Địa.

[193] Lục đạo cụ phược phàm phu: Phàm phu trong sáu nẻo có đầy đủ các món phiền não, chưa đoạn được một món nào.

- Nếu đã là hải chúng thị hiện, sao lại phải đợi có kinh truyền đến mới biết?

Đáp:

- Hoằng dương Phật pháp quả thật chẳng phải là việc dễ! Cần phải có chứng cứ thì mới gây được lòng tin. Một bộ kinh Hoa Nghiêm siêu việt các kinh, chẳng thể không có dẫn chứng mà tự lập thuyết được!

Hỏi:

- Lúc kinh Niết Bàn chưa truyền đến Trung Hoa, sao ngài Đạo Sanh[194] đã đề xướng trước là Nhất Xiển Đề cũng có Phật tánh. Há có nên bảo là ngài Táo Bá chẳng bằng ngài Đạo Sanh ư?

---

[194] Tức ngài Trúc Đạo Sanh (355-434), nhà học giả Niết Bàn thời Đông Tấn. Ngài là người Cự Lộc (nay thuộc Bình Hương, Hà Bắc), họ Ngụy. Sư nổi tiếng thông minh dĩnh ngộ từ nhỏ, xuất gia với ngài Trúc Pháp Thải. Năm 15 tuổi đã lên tòa giảng, bậc túc học danh sĩ cũng không biện luận thắng Sư được. Khi ngài Tăng Già Đề Bà dừng gót tại Lô Sơn, dịch A Tỳ Đàm Tâm Luận, Sư bèn theo học giáo nghĩa Nhất Thiết Hữu Bộ với ngài. Khi ngài Cưu Ma La Thập vào Trung Nguyên, Sư lại quảy tráp theo học. Sư cùng với các vị Đạo Dung, Tăng Duệ, Tăng Triệu trở thành những học trò kiệt xuất của ngài La Thập, được đời gọi bằng mỹ hiệu "Quan Nội Tứ Thánh". Sư từng thỉnh ngài Phật Đà Thập dịch bộ Ngũ Phần Luật. Sư tinh thông học thuyết của các ngài Long Thọ, Đề Bà v.v… Chính Sư đề xướng thuyết "đốn ngộ thành Phật" và soạn các bộ luận Nhị Đế Luận, Phật Tánh Đương Hữu Luận, Pháp Thân Vô Sắc Luận, Phật Vô Tịnh Độ Luận. Nhân đọc bộ Nê Hoàn Kinh sáu quyển do ngài Pháp Hiển dịch, Sư bèn đề ra thuyết Nhất Xiển Đề vẫn có khả năng thành Phật. Lúc ấy, kinh Đại Bát Niết Bàn chưa truyền đến Trung Hoa, nên thuyết này của Sư bị công kích kịch liệt. Sư bị đại chúng tẫn xuất, phải ẩn cư tại Lô Sơn. Về sau, bản Đại Bát Niết Bàn Kinh của ngài Đàm Vô Sấm truyền đến phương Nam, nội dung hoàn toàn tương đồng với thuyết của ngài Đạo Sanh, đại chúng hết sức khâm phục. Theo truyền thuyết, Sư từng gom đá ở núi Hổ Khâu, tỉnh Giang Tô làm pháp chúng để giảng kinh. Do vậy mới có câu *"Sanh công thuyết pháp, ngoan thạch điểm đầu"* (ngài Đạo Sanh giảng kinh, đá cũng gật đầu). Ngài mất trong khi đang giảng pháp trên tòa sư tử, thọ tám mươi tuổi.

Đáp:

- Xiển Đề nguyên là chúng sanh mà hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh thì sao riêng Xiển Đề lại chẳng có? Bậc có trí thức đều có thể dự đoán được điều này; còn chuyện vãng sanh sẽ viên mãn Phật quả thì các kinh tuyệt chưa tuyên nói, ai dám tự ý suy đoán dựng lên giáo nghĩa lạ lùng đó? Điều thứ hai là Sự và Lý tuyệt đối chẳng ngang bằng như nhau nên chẳng thể dẫn trường hợp này làm chứng. Còn về sở chứng của hai vị thì chẳng phải điều bọn phàm phu thấp sát đất ta có thể biết được nổi, nào dám hý luận! Phải biết: Bồ Tát hoằng pháp hoặc thuận hoặc nghịch, dùng các thứ phương tiện chẳng thể nghĩ bàn. Biết đâu ngài Táo Bá thị hiện không biết cốt là để đôn đốc sự tin tưởng nơi người đời sau!

Hỏi:

- Các sư Thiền tông đa số chê bỏ Tịnh Độ, đó là vì lẽ gì?

Đáp:

- Các sư Thiền tông chỉ truyền Phật tâm nên tất cả ngôn thuyết đều quy về hướng thượng. Ông đã tham Thiền nhiều năm mà còn chẳng biết lẽ này thì sự hiểu biết của ông đều là ác tri kiến phá hoại Thiền tông vậy.

Hỏi:

- Tôi còn đang là phàm phu sát đất, dám đâu lung lăng! Đấy thật là lời lẽ của chư Tổ, quyết có thể lấy làm bằng chứng. Lục Tổ nói: *"Người Đông phương tạo tội, niệm Phật cầu sanh Tây phương. Người Tây phương*

tạo tội, niệm Phật cầu sanh cõi nào?" Ngài Triệu Châu[195] nói: *"Một chữ Phật tôi chẳng thích nghe"*. Lại nói: *"Lão tăng niệm Phật một tiếng, súc miệng ba ngày"*. Phần nhiều các sư Thiền tông có những câu nói như thế ấy thì thầy lại nói như thế nào đây?

Đáp:

- Lục Tổ trực chỉ hướng thượng để cho người ta biết giữ lấy tự tâm, còn ông lại chẻ văn giải nghĩa, biện luận pháp môn tu trì; đấy là như câu nói *"tưởng miếng xương lừa có hình yên ngựa là cái cằm của cha"*[196], lầm lẫn quá thể! Ông phải biết là người ở Tây phương đã hết sạch Kiến Hoặc và Tư Hoặc, tiến lên phá được Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc. Họ chỉ có tấn tu, tuyệt đối chẳng có chuyện tạo tội. Tổ nói *"kẻ ấy cầu sanh cõi nào?"* là nếu trong lúc ấy mà chưa đoạn được Kiến Hoặc, Tư Hoặc thì nương nhờ Phật từ lực, kẻ đới nghiệp vãng sanh sẽ được sanh vào cõi Phàm Thánh

---

[195] Triệu Châu Tùng Thẩm (778-897) là Thiền tăng đời Đường, người Tào Châu, Hác Hương (có thuyết nói là Thanh Châu, Lâm Truy), họ Hác, pháp hiệu Tùng Thẩm. Xuất gia từ nhỏ tại Hỗ Thông Viện, Tào Châu. Trước khi thọ Cụ Túc Giới đã từng tham yết ngài Nam Tuyền Phổ Nguyện. Sau khi thọ giới tại Lưu Ly Đàn ở Tung Sơn, quay lại y chỉ với ngài Nam Tuyền hai mươi năm. Sau đó tham học khắp với các đại đức Bảo Thọ, Diêm Quan, Giáp Sơn, Ngũ Đài v.v… Năm Sư tám mươi tuổi, đại chúng thỉnh trụ tích tại Quán Âm Viện thuộc Đông Thành, Triệu Châu. Sư tận lực chấn hưng Nam Tông Thiền suốt bốn mươi năm, thọ 120 tuổi, được vua ban thụy hiệu là Chân Tế Đại Sư.

[196] Đây là một điển tích xuất phát từ sách Ngũ Đăng Hội Nguyên, quyển 11. Nguyên văn: *"Nhận lư yên kiều tác a da hạ hàm"*. "Yên kiều" tức là cái yên ngựa, do hình trạng của nó giống như cái cầu nên gọi như thế. "Lư yên kiều" có nghĩa là cái xương lừa có hình dạng giống như cái yên ngựa, chứ không phải thật sự là yên ngựa. Trong truyện cổ dân gian Trung Quốc có chuyện đứa trẻ ngu si tưởng lầm cái xương lừa hình yên ngựa là xương hàm của cha. Thiền lâm hay dùng hình ảnh này để ví cho kẻ ngu muội, chẳng phân biệt được thật - giả.

Đồng Cư Tịnh Độ. Một phen đã sanh trong cõi kia rồi thì hai hoặc Kiến và Tư sẽ triệt để tiêu diệt, giống như quăng miếng tuyết vào lò lửa lớn, tuyết chưa rơi đến nơi đã biến mất. Thân cận người đức hạnh thì ý niệm hèn tệ sẽ tiêu hết. Nếu như Kiến Hoặc, Tư Hoặc đã hết sạch thì sẽ sanh vào Phương Tiện Hữu Dư Tịnh Độ; phá được một phần vô minh thì sanh vào Thật Báo Vô Chướng Ngại Tịnh Độ. Vô minh hết sạch, phước huệ viên mãn thì sẽ sanh vào Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Tại cõi này hiện chứng như thế thì tại cõi kia tấn tu cũng sẽ như thế.

Sao ông quá lo họ không có chốn để sanh về để rồi tự chướng mình, chướng người, chẳng chịu cầu sanh? Nghe nói [người khác] ăn bị mắc nghẹn bèn bỏ cả ăn đến nỗi chết mất thì đúng là kẻ si trong thiên hạ không ai bằng ông! Ông chỉ biết một câu của ngài Triệu Châu: *"Một chữ Phật, ta chẳng thích nghe"* sao chẳng lấy luôn câu kế tiếp. Ông Tăng hỏi: *"Hòa thượng có vì người hay không?"* Triệu Châu nói: *"Phật, Phật!"* Ông chỉ muốn căn cứ vào câu *'Niệm Phật một tiếng, súc miệng ba ngày'* mà chẳng dựa theo câu: *"Hòa thượng được đại vương cúng dường như thế, sẽ dùng gì để báo đáp?"* Triệu Châu nói: *"Niệm Phật"*. Sao lại chẳng y theo câu: *"Tăng hỏi: 'Mười phương chư Phật còn có thầy hay chăng?' Triệu Châu nói: 'Có'. Hỏi: 'Thầy của chư Phật là gì?' Triệu Châu đáp: 'A Di Đà Phật, A Di Đà Phật'*. Ông bảo phần nhiều các sư Thiền tông nói như thế, nhưng chẳng biết lời đáp tương ứng căn cơ của nhà Thiền được gọi là "cơ phong", gọi là "chuyển ngữ". Hỏi ở nơi đáp, đáp ở nơi hỏi. Ông chẳng biết phản

chiếu hồi quang, tham cứu nơi chính mình, chỉ một bề nhai bã hèm, chạy theo hòn đất, bao giờ mới liễu thoát được! Tôi xuất gia hơn ba mươi năm, luôn nghe chư Tăng cùng nhắc những câu *"Niệm Phật súc miệng ba ngày, Phật hiệu chẳng thích nghe"*, còn câu *"lấy Phật, Phật để độ người", "dùng niệm Phật báo ân", "A Di Đà Phật là thầy mười phương chư Phật"* tuyệt chưa từng nghe có ai nhắc đến một lần.

Ôi! Những câu trên đều cùng từ một miệng thốt ra, nếu đã cho những câu trước là thật và đáng tin thì những câu sau cũng phải là thật và đáng tin, cớ sao chỉ chấp nhận lời tổn, còn lời ích lại chống báng! Một thuận, một chống, tự mâu thuẫn nhau. Phàm lời nói của ngài Triệu Châu đều quy về bổn phận; những câu *"Phật chẳng thích nghe"* và *"Niệm Phật báo ân"* đều là chuyển ngữ. Nếu có thể ngay từ những câu đó biết được tự tâm thì mới biết đạo của ngài Triệu Châu vượt khỏi thường tình, ý nghĩa vượt ngoài ngôn ngữ, ắt sẽ cắm cúi niệm Phật suốt cả ngày mà vẫn còn thấy là chưa đủ vậy! Nếu như đã không được đích thân gặp ngài Triệu Châu, sao chẳng lấy việc Niệm Phật để tu trì, há có nên chấp lấy câu bác Phật làm căn cứ! Hễ niệm Phật thì ngay trong đời này sẽ thoát khỏi luân hồi, trong tương lai quyết định thành Phật đạo. Còn nếu nương theo lời bác Phật thì là báng Phật, báng Pháp, báng Tăng; hiện đời tội nghiệp chất như núi, phước huệ băng tiêu, khi mạng chung vĩnh viễn đọa trong A Tỳ chịu khổ nhiều kiếp. Lẽ lợi - hại, được - mất thật là một trời, một vực!

Nói chung, người đời nay toàn là hạng phước mỏng, huệ cạn, nghiệp nặng, chướng sâu; đối với điều được

lợi ích thì khủng khỉnh nghe; đối với điều khiến mình bị tổn hại lại toàn thân rạp lạy ("được lợi ích, bị tổn hại" là đối với những kẻ chưa ngộ, hiểu lầm mà nói, chứ không phải pháp của cổ đức nói có tổn hay ích). Lời chư sư đáp theo căn cơ thảy đều như thế, chẳng phiền phải giải thích cặn kẽ. Ông bảo lời chân thành của Tổ quyết có thể dùng làm bằng chứng thì sao chẳng tuân theo lời ngài Bách Trượng[197]: *"Tu hành thì niệm Phật là ổn đáng!"* Sao ông cũng lại chẳng tuân những quy củ ngài Bách Trượng đã lập: cầu đảo cho vị Tăng mắc bệnh, tống táng, thiêu hóa vị Tăng đã mất, [những quy củ ấy] chẳng phải đều là hồi hướng vãng sanh Tịnh Độ đó ư? Có nên bảo là: Ngài Bách Trượng chỉ muốn cho kẻ chết được vãng sanh, chứ chẳng muốn kẻ sống cầu sanh hay sao! Sao ông lại chẳng thuận theo tổ thứ mười bốn ở trời Tây là ngài Long Thọ Bồ Tát: Như Lai huyền ký Bồ Tát sẽ vãng sanh, khôi phục kinh Hoa Nghiêm từ long cung. Ngài tạo nhiều bộ luận để riêng khen ngợi Tây phương như luận Tỳ Bà Sa[198] khen ngợi Tịnh Độ là

---

[197] Bách Trượng Hoài Hải (720-814): Cao tăng đời Đường, từ nhỏ đã thích đi thăm chùa viện. Năm 20 tuổi, xuất gia với ngài Huệ Chiếu ở Tây Sơn, sau thọ Cụ Túc Giới với ngài Pháp Triều luật sư. Khi gặp Mã Tổ Đạo Nhất hoằng pháp tại Nam Khang bèn hết sức ngưỡng mộ, y chỉ theo, được ngài Mã Tổ ấn khả. Sư cùng với Tây Đường Trí Tạng, và Nam Tuyền Phổ Nguyện được xưng tụng là "tam đại sĩ". Về sau, Sư lập thiền viện ở núi Bách Trượng tỉnh Giang Tây, chế định Thanh Quy, hướng dẫn đại chúng tu trì. Thanh Quy tức là quy định sinh hoạt của Tăng đoàn theo chế độ nông thiền. Sư thường nói: *"Một ngày không làm là một ngày không ăn".* Sư nhập diệt năm Nguyên Hòa thứ chín, thọ 95 tuổi, được vua ban thụy hiệu là Đại Trí Thiền Sư. Các đệ tử nổi tiếng của Sư là Hoàng Bá Hy Vận, Quy Sơn Linh Hựu v.v… Thanh Quy do Sư lập ra được gọi là Bách Trượng Thanh Quy, được khắp các tùng lâm trong thiên hạ tuân phụng.

[198] Luận Tỳ Bà Sa nói ở đây là bộ Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận do ngài Long Thọ Bồ Tát soạn. Trong quyển năm của luận này, có câu: *"Phật pháp có vô lượng môn, như đường đi trên thế gian có khó, có dễ. Đi theo đường bộ thì khó nhọc,*

đạo "dễ tu chóng đạt" đó ư! Sao ông lại chẳng tuân theo tổ thứ mười hai là Mã Minh Bồ Tát: Trong phần cuối của luận Khởi Tín, Ngài có dạy phương tiện tối thắng khiến người niệm Phật cầu sanh Tây phương thường hầu Di Đà, trọn chẳng thoái chuyển? Sao ông lại chẳng làm theo Nhị Tổ A Nan, Sơ Tổ Ca Diếp kết tập Tam Tạng và các kinh Tịnh Độ? Nếu Tịnh Độ chẳng đáng là pháp, có hại cho đời thì các Ngài há chẳng phân biệt tốt - xấu vẫn giữ lại tạo thành nguồn tội cho hậu thế hay sao? Thêm nữa, các kinh Đại Thừa đều khen ngợi Tịnh Độ, chỉ có kinh Tiểu Thừa là không có lấy một chữ nhắc đến. Há nên bảo các kinh Đại Thừa chẳng đáng là pháp sao?

Hơn nữa, lúc đức Phật nói kinh Di Đà, sáu phương hằng hà sa số chư Phật đều hiện tướng lưỡi rộng dài khuyên tin kinh này; có nên nói là sáu phương chư Phật cũng khiến cho người ta mắc tội hay sao? Nếu như ông bảo chẳng thể không tin các vị Lục Tổ, Triệu Châu... thì các ngài Long Thọ, Mã Minh, A Nan, Ca Diếp, Thích

---

đi đường thủy ngồi thuyền thì sung sướng. Bồ Tát đạo cũng giống như thế, có đạo thì khó hành tinh tấn, có đạo chỉ dùng lòng tin làm phương tiện, dễ đi, mau đạt đến địa vị Bất Thoái". Tỳ Bà Sa (Vibhasa) có nghĩa là Quảng Giải (giảng giải rộng lớn), Quảng Thuyết (nói rộng), Thắng Thuyết, Chủng Chủng Thuyết, tức là những trước tác nhằm chú giải luật hay luận. Ngoài ra, còn một thể loại nhằm giải thích chi tiết kinh luận được gọi Tỳ Bà Sa Luận (Vibhasa-sastra). Hiện trong Đại Tạng có bốn bộ Tỳ Bà Sa Luận: A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa Luận, Tỳ Bà Sa Luận, Ngũ Sự Tỳ Bà Sa Luận và Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận (Dasabhumika-vibhasa-sastra). Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận gồm 17 quyển, do ngài Cưu Ma La Thập dịch sang tiếng Hán, thường gọi tắt là Thập Trụ Luận. Bộ luận này nhằm giải thích phẩm Thập Địa của kinh Hoa Nghiêm (tức biệt bản của kinh Hoa Nghiêm với danh xưng Thập Địa Kinh). Ngài La Thập dịch chữ Thập Địa thành Thập Trụ nên luận này có tên như vậy. Thiên thứ 9 trong phẩm thứ 35 của luận này chính là Dị Hành Phẩm, là một điển tịch trọng yếu của Tịnh Tông.

Ca, Di Đà, sáu phương chư Phật, các kinh Đại Thừa lại càng chẳng thể không tin! Nếu bảo chư Phật, chư Tổ, các kinh đều chẳng đáng tin thì sao lại tin lời Lục Tổ, Triệu Châu...? Thấy gần mà chẳng thấy xa, biết nhỏ chẳng biết lớn, giống như kẻ nhà quê chỉ nể thế lực ông huyện, chẳng biết oai đức của hoàng đế; trẻ nhỏ thấy tiền đồng bèn chộp lấy, gặp ma-ni bảo châu chẳng đoái hoài. Ông có biết bài Tứ Liệu Giản của ngài Vĩnh Minh chỉ bày lẽ có - không, lợi - hại, được - mất của Thiền và Tịnh hay chăng? Ngài Vĩnh Minh là hóa thân của Phật Di Đà, há lẽ nào Ngài đành để người khác mắc tội báng chánh pháp luân, khiến cho chúng sanh nghi lầm, đoạn diệt Phật chủng hay sao?

Ông ta đáp:

- Bài Liệu Giản của ngài Vĩnh Minh quá chi ly, chẳng đáng để làm khuôn phép, vì sao vậy? Ông ấy nói: "*Có Thiền, có Tịnh Độ, ví như cọp mọc sừng, hiện đời làm thầy người, đời sau làm Phật, Tổ".* Nếu đúng như lời ông ta nói thì phần đông các Thiền giả hiện tại đều khán câu *"Người Niệm Phật Là Ai?"* Lại có vị trụ trong Niệm Phật Đường niệm Phật bao năm, họ có đều hiện đời là thầy của người ta, kiếp sau liền thành Phật, Tổ hay chăng? Lại nói: *"Không Thiền có Tịnh Độ, muôn người tu muôn người đỗ, nếu gặp Phật Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ?"* Nay kẻ ngu phu, ngu phụ chuyên niệm danh hiệu Phật đâu đâu cũng có; chưa thấy mấy kẻ khi lâm chung hiện các tướng lành, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây phương. Bởi vậy, tôi biết Liệu Giản của ngài Vĩnh Minh chẳng đáng coi là khuôn phép!

Tôi nói:

- Sao ông hấp tấp nuốt trộng quả táo, chẳng nếm mùi vị của nó như thế. Liệu Giản của tổ Vĩnh Minh chính là cương tông của Đại Tạng, là khuôn phép tu trì. Trước hết phải nhận thức đích xác thế nào là Thiền, thế nào là Tịnh? Thế nào là Hữu, thế nào là Vô? Rồi mới phân tích theo lời văn thì sẽ biết mỗi một chữ đều như trời tạo, đất dựng, không chữ nào chẳng xác đáng, không chữ nào có thể thay đổi được! Trong vòng mấy mươi năm lại đây, tôi thấy lời lẽ các sư giảng Thiền đều giống hệt lời của ông, chẳng khác chút nào! Kiến thức như thế thì đúng là Thiền cùng Tịnh Độ mỗi ngày một suy tàn.

Hỏi:

- Sao gọi là Thiền, Tịnh cùng với Hữu, Vô, cúi xin dạy rõ cho!

Đáp:

- Thiền chính là Chân Như Phật tánh vốn sẵn có của chúng ta. Trong nhà Thiền gọi đó là *"bản lai diện mục trước lúc cha mẹ chưa sanh ra";* nhưng nhà Thiền chẳng nói toạc ra, chính là để người khác tham cứu tự chứng ngộ nên mới nói như vậy. Đó chính là tâm thể thuần chân, không Năng, không Sở, vừa tịch, vừa chiếu, linh tri ly niệm vậy (Linh tri ly niệm nghĩa là trọn chẳng có ý niệm nhưng luôn nhận thức rõ ràng cảnh vật hiện tiền).

Tịnh Độ là tín nguyện, trì danh, cầu sanh Tây phương, chứ chẳng phải chỉ nói đến "Duy Tâm Tịnh Độ, Tự Tánh Di Đà".

"Có Thiền" là tận sức tham cứu đến cùng cực, niệm tịch, tình vong, thấy thấu suốt cái bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra, minh tâm kiến tánh.

"Có Tịnh Độ" là chân thật phát Bồ Đề tâm, sanh tín, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây phương. Thiền và Tịnh Độ chỉ là ước theo giáo, ước theo lý. "Có Thiền" và "có Tịnh Độ" là ước theo căn cơ, ước về tu. Về giáo lý thời hằng nhiên như thế; Phật chẳng thể tăng, phàm chẳng thể giảm. Xét về căn cơ, tu hành thì phải nương vào giáo để khởi hạnh; hành cho đến khi chứng ngộ tột cùng lý, sao cho thật có mới thôi! Điều thứ hai là xét về văn từ tuy tương tự nhưng thật ra rất khác nhau, phải suy xét kỹ càng, chớ có lẫn lộn! Nếu như tham Thiền nhưng chưa ngộ hoặc ngộ chưa triệt để thì đều chẳng được gọi là Có Thiền. Nếu như niệm Phật nhưng thiên chấp duy tâm, không có tín, nguyện; hoặc có tín nguyện nhưng chẳng chân thành, thiết tha, lơ là, hờ hững, làm cho lấy có; hoặc hành tuy tinh tấn nhưng tâm mến luyến trần cảnh, hoặc cầu đời sau sanh trong nhà phú quý để hưởng vui ngũ dục, hoặc cầu sanh lên trời để hưởng phước lạc cõi trời, hoặc cầu đời sau xuất gia làm Tăng, nghe một ngộ cả ngàn, đắc Đại Tổng Trì, hoằng dương pháp đạo, phổ lợi chúng sanh thì đều chẳng được gọi là Có Tịnh Độ.

Hỏi:

- Xuất gia làm Tăng hoằng pháp lợi sanh lại có lỗi chi mà cũng bị loại trừ?

Đáp:

- Nếu đã đoạn Kiến Tư Hoặc, đã liễu sanh tử, nương theo đại nguyện luân, thị hiện sanh trong đời trược, thượng hoằng hạ hóa, độ thoát chúng sanh thì được. Nếu như tuy có trí nguyện nhưng chưa đoạn được Kiến, Tư Hoặc, dẫu cho lúc ban đầu thọ sanh chẳng mê, cũng khó giữ [không mê] trọn đời, nhiều đời. Tuy có thể hoằng pháp nhưng chưa chứng Vô Sanh, tình chủng vẫn còn nên khi gặp cảnh đối duyên khó tránh khỏi bị mê hoặc. Nếu đã mê theo cảnh mà còn có thể mau giác ngộ thì trong cả vạn người chẳng có được một, hai; từ mê vào mê, chẳng thể tự dứt, bao kiếp trầm luân, thật là vô số! Vì nghĩa ấy, đức Như Lai mới dạy người vãng sanh Tịnh Độ, gặp Phật, nghe pháp, chứng Vô Sanh Nhẫn. Sau đó, nương theo Phật từ lực và tâm nguyện của chính mình, trở vào Sa Bà độ thoát chúng sanh thì chỉ có tiến chẳng thoái, có được không mất vậy. Chưa đoạn Kiến Tư Hoặc mà trụ trong cõi này hoằng pháp thì các tông khác không tông nào chẳng như vậy, chứ Tịnh Tông dứt khoát chẳng chấp thuận. Đời lắm kẻ cho rằng "tham Thiền là Có Thiền, niệm Phật là có Tịnh Độ"; như vậy thì chẳng những đã không hiểu Thiền, Tịnh, lại còn chẳng hiểu văn nghĩa, cô phụ tấm lòng đại từ bi của ngài Vĩnh Minh Cổ Phật, cắt đứt con đường tắt thoát khổ cho hành nhân đời sau. Tự mình lầm, làm người lầm, gây hại nào có cùng cực? Đấy chính là nhận lầm vạch khắc ở đòn cân, sai suyển hào ly, xa cách như trời với đất!

Ông ta nói:

- Tôi đã tạm hiểu ý nghĩa của Thiền, Tịnh và có - không; xin thầy giảng giải rành mạch lời văn sâu nhiệm của cả bốn bài kệ cho!

Tôi nói:

- Có Thiền, có Tịnh Độ.
Như cọp mọc thêm sừng.
Hiện tại làm thầy người,
Đời sau làm Phật, Tổ

Nghĩa là: Người ấy triệt ngộ Thiền tông, minh tâm kiến tánh, lại còn thâm nhập Kinh tạng, hiểu trọn vẹn các pháp môn Quyền, Thật của đức Như Lai; nhưng trong các pháp lại chỉ chọn lấy một pháp Tín Nguyện Niệm Phật để làm chánh hạnh chung nhằm tự lợi, lợi người. Bậc thượng phẩm thượng sanh đọc tụng Đại Thừa, hiểu Đệ Nhất Nghĩa như đã nói trong Quán Kinh chính là hạng người này vậy. Người ấy có đại trí huệ, có đại biện tài; tà ma, ngoại đạo nghe tên vỡ mật. Người ấy như cọp đeo thêm sừng oai mãnh không chi sánh bằng. Đối với kẻ đến học sẽ thuyết pháp tùy theo căn cơ: Thấy nên dùng Thiền Tịnh Song Tu để tiếp dẫn thì sẽ dùng Thiền Tịnh Song Tu tiếp độ; chỉ nên dùng chuyên tu Tịnh Độ để tiếp dẫn thì sẽ dùng chuyên tu Tịnh Độ tiếp độ. Bất luận thượng, trung, hạ căn, không ai là chẳng được đội ơn, há chẳng phải là bậc đạo sư của trời, người hay sao? Đến lúc lâm chung, người ấy được Phật tiếp dẫn vãng sanh thượng phẩm; trong khoảng khảy ngón tay hoa nở gặp Phật, chứng Vô Sanh Nhẫn; thấp nhất thì cũng chứng bậc Sơ Trụ trong Viên giáo; cũng có người đốn siêu các địa vị, đạt đến bậc

Đẳng Giác. Bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo đã có thể hiện thân làm Phật trong trăm cõi, huống hồ là các địa vị kế tiếp đó lại càng lần lượt thù thắng hơn; nhất là địa vị Đẳng Giác thứ bốn mươi mốt! Vì vậy Tổ mới nói: "*Đời sau làm Phật Tổ*".

Không Thiền, có Tịnh Độ.
Vạn người tu, vạn đỗ.
Nếu gặp Phật Di Đà,
Lo gì chẳng khai ngộ

Nghĩa là: Hành nhân tuy chưa minh tâm, kiến tánh, nhưng đã quyết chí cầu sanh Tây phương. Do vì trong kiếp xưa, đức Phật đã phát đại thệ nguyện nhiếp thọ chúng sanh như mẹ nhớ con; nếu chúng sanh thật sự có thể [nhớ Phật] như con nhớ mẹ, chí thành niệm Phật thì sẽ cảm ứng đạo giao, liền được đức Phật nhiếp thọ. Vì ra sức tu Định, Huệ nên được vãng sanh. Kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác lúc lâm chung bị các sự khổ bức bách bèn sanh lòng hổ thẹn lớn lao, xưng niệm danh hiệu Phật đến mười tiếng hoặc chỉ một tiếng rồi mất ngay trong lúc đó, họ đều được Phật hóa thân tiếp dẫn vãng sanh. Đấy há chẳng phải là "*vạn người tu, vạn đỗ*" hay sao? Những kẻ đó tuy niệm Phật chẳng lâu nhưng do niệm Phật cực kỳ mãnh liệt nên có thể đạt được lợi ích lớn lao ấy, chẳng nên so với kẻ tu hành lơ là hờ hững mà bàn luận niệm nhiều hay ít. Đã sanh về Tây phương thì tuy gặp Phật, nghe pháp có nhanh - chậm chẳng đồng, nhưng đều đã cao dự dòng thánh, trọn chẳng thoái chuyển. Tùy theo căn tánh sâu, cạn, hoặc tiệm hay đốn mà chứng các quả vị. Đã được chứng quả thì cần gì

bàn đến khai ngộ nữa. Ấy chính là: "*Nếu gặp Phật Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ"* vậy.

Có Thiền không Tịnh Độ,
Mười tu, chín lần chần,
Ấm cảnh nếu hiện tiền,
Chớp mắt đi theo nó.

Nghĩa là: Hành nhân tuy triệt ngộ Thiền tông, minh tâm kiến tánh, nhưng Kiến Tư phiền não chẳng dễ đoạn trừ, phải trải qua nhiều duyên trui luyện để trừ sạch hết chẳng sót, mới có thể xuất ly phần đoạn sanh tử[199]. Người chưa đoạn một mảy nào thì chẳng cần bàn đến! Dẫu chỉ còn một mảy chưa đoạn sạch hết thì lục đạo luân hồi vẫn y như cũ khó thoát. Biển sanh tử sâu thẳm, đường Bồ Đề xa vời vợi; còn chưa về được đến nhà thì đã mạng chung! Người đại ngộ mười người hết chín đều như vậy. Cho nên mới nói: "*Mười người, chín lần chần"*. Lần chần (ta đà) người đời thường nói là "chần chờ".

"Ấm cảnh" là cảnh của Trung Ấm thân; tức là những cảnh được hiển hiện trong khi lâm chung bởi nghiệp lực thiện - ác trong đời này và bao kiếp. Một khi

---

[199] Phần đoạn sanh tử là sự sanh tử của chúng sanh trong tam giới. Do quả báo sai khác nên có hình mạo, thọ lượng sai khác. Vì vậy gọi là phần đoạn (đoạn diệt theo phần hạn). Theo Duy Thức Học, phần đoạn sanh tử lấy nghiệp thiện ác làm thân nhân (cái nhân gần), lấy phiền não chướng làm trợ duyên để cảm quả trong tam giới. Do tuổi thọ có dài ngắn khác nhau, do sức nhân duyên nên có hạn định khác biệt; do vậy gọi là Phần Đoạn. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương lại chia phần đoạn sanh tử thành ác đạo phần đoạn (quả báo trong tam đồ) và thiện đạo phần đoạn (quả báo trong đường trời người).

những cảnh ấy hiện ra, trong chớp mắt sẽ liền theo nghiệp lực thiện - ác nào mạnh mẽ nhất để đi thọ sanh trong đường thiện hay ác; chẳng thể làm chủ tình thế một mảy may nào! Giống như người mắc nợ, chủ nào mạnh sẽ kéo đi trước. Tâm tình lắm mối đa đoan, coi trọng chỗ nào sẽ rớt vào đấy. Ngũ Tổ Giới lại sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại sanh làm Lỗ Công, đều là do lẽ trên vậy! Bởi thế mới nói: "*Ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó*". Chữ Ấm: âm và nghĩa đồng với chữ Âm, nghĩa là che đậy; tức là: do nghiệp lực này che lấp nên chân tánh chẳng thể hiển hiện. Miết (瞥), âm giống chữ Phiết (撇), nghĩa là nháy mắt, chớp mắt. Có người hiểu chữ Ta (蹉) nghĩa là "lầm lẫn", Ấm Cảnh là Ngũ Ấm Ma Cảnh, chung quy vì chẳng hiểu chữ Thiền và chữ Có nên mới nói hồ đồ như vậy. Lẽ nào những bậc đại triệt đại ngộ mười người tu chín người lạc đường đi theo Ngũ Ấm Ma nên bị ma dựa phát cuồng? Phàm những kẻ bị ma dựa phát cuồng đều là kẻ chẳng biết giáo lý, chẳng minh tự tâm, là giống tăng thượng mạn, tu mù luyện đui mà thôi. Sao chẳng biết hay - dở, lại đem gán cho bực đại triệt đại ngộ! Điều này quan hệ rất lớn, chẳng thể không biện luận rõ!

Không Thiền không Tịnh Độ.
Giường sắt và cột đồng.
Vạn kiếp cùng ngàn đời.
Không một ai nương dựa.

Có kẻ bảo *"không Thiền, không Tịnh"* tức là vùi đầu tạo nghiệp ác, chẳng tu pháp lành. Lầm to, lầm to! Dù pháp môn vô lượng nhưng chỉ có Thiền và Tịnh là thích hợp cho các căn cơ hơn hết. Hành nhân chưa được triệt ngộ, lại chẳng cầu sanh, lơ là, hời hợt tu các pháp môn khác, Định - Huệ đã chẳng thể quân bình để đoạn Hoặc chứng Chân, lại chẳng nương vào Phật từ lực để đới nghiệp vãng sanh; đem công đức trọn đời tu trì để cảm lấy phước báo đời sau sanh trong trời, người. Đời này đã không chánh trí thì đời sau ắt bị phước chuyển mê đắm trong ngũ dục, tạo đủ các ác nghiệp. Đã tạo ác nghiệp sẽ khó thoát ác báo. Khi một hơi thở chẳng hít vào được nữa thì liền đọa địa ngục, rành rành sẽ ở trong bao kiếp dài lâu nằm lăn nơi giường sắt, ôm ấp cột đồng để đền trả lòng tham thanh sắc, giết hại sanh mạng v.v... các thứ ác nghiệp. Tuy chư Phật, Bồ Tát rủ lòng xót thương, nhưng do ác nghiệp ngăn chướng, người ấy vẫn chẳng thể được hưởng lợi ích. Người xưa nói: *"Người tu hành nếu chẳng chánh tín, cầu sanh Tây phương, tu hành đủ các việc thiện khác thì gọi là kẻ oán đời thứ ba"*, chính là nói đến ý này. Ấy là vì đời nay tu hành, đời sau hưởng phước; vì ỷ phước làm ác nên liền bị đọa lạc. Đạt được cái vui giả tạm trong đời kế mà muôn kiếp phải vĩnh viễn chịu khổ. Ví dù nghiệp địa ngục tiêu thì lại chuyển sanh làm ngạ quỷ, súc sanh; muốn lại được thân người thì thật là điều khó nhất trong những điều khó. Vì vậy, Phật lấy tay bốc đất rồi hỏi A Nan rằng: "Đất trong tay ta là nhiều, hay đất trong đại địa là nhiều?" A Nan bạch Phật: "Đất trong đại địa nhiều". Phật nói: *"Được thân người như đất trong tay, mất thân người như đất trong đại địa"*. [Xét theo lời Phật] thì

"*muôn kiếp, ngàn đời, không một người nương dựa*" vẫn là lời luận rất nông cạn vì câu ấy còn hạn cuộc vào âm vận của bài kệ.

Ôi! Hết thảy pháp môn chuyên cậy vào tự lực; pháp môn Tịnh Độ chuyên nhờ Phật lực. Trong hết thảy pháp môn, phải trừ sạch Hoặc nghiệp mới liễu sanh tử; còn trong pháp môn Tịnh Độ: do đới nghiệp vãng sanh liền dự dòng thánh. Đại sư Vĩnh Minh sợ đời chẳng hiểu biết nên mới đặc biệt phân định để chỉ bày cho tương lai. Liệu Giản đáng gọi là chiếc bè báu nơi bến mê, là đạo sư (người dẫn đường) nơi đường hiểm. Đáng tiếc người trong cõi đời hờ hững đọc lướt qua, chẳng chịu nghiên cứu kỹ. Có phải là do chúng sanh ác nghiệp đồng phận nên xui khiến thế chăng?

Ông ấy nói:

- Tôi xưa tội gì mà sớm mê mất chân thuyên[200], xưa có phước gì nay được nghe lời xuất yếu? Xin được ghé dự vào hàng đồ chúng, cầm nắm bình, khăn.

Tôi bảo:

- Tôi nào có đức gì mà dám nhận lời ấy. Những lời tôi nói đều là tuân theo ý chư Phật, chư Tổ. Nếu ông có thể ngưỡng tín Phật, Tổ, hoằng dương Tịnh Độ thì không đức gì chẳng báo được, không tội gì chẳng diệt được. Xưa ngài Thiên Thân Bồ Tát lúc ban đầu báng Đại Thừa, sau hoằng dương Đại Thừa để chuộc lỗi. Nếu ông có thể noi theo dấu chân thơm của Ngài thì tôi nguyện xả thân cúng dường.

---

[200] Chân thuyên: lời giảng về lẽ thật, về chân lý.

Thượng tọa bèn lễ Phật, phát nguyện rằng:

- Con tên là... từ nay trở đi chuyên tu Tịnh nghiệp, chỉ cầu khi lâm chung vãng sanh thượng phẩm, gặp Phật, nghe pháp, đốn chứng Vô Sanh. Sau đấy, chẳng rời An Dưỡng, vào khắp mười phương, dùng các thứ phương tiện: nghịch, thuận, ẩn, hiển để hoằng thông pháp này, độ thoát chúng sanh đến tột cùng vị lai chẳng hề gián đoạn. Hư không có tận, nguyện của con vô cùng. Nguyện Phật Thích Ca, Phật Di Đà, Thường Trụ Tam Bảo thương xót tấm lòng ngu thành của con, cùng rủ lòng nhiếp thọ.

Tôi bảo:

- Về Sự, Tịnh Độ là đại nhân duyên; về Lý, Tịnh Độ là bí mật tạng. Ông có thể tin nhận phụng hành được thì chính là lấy sự trang nghiêm của chư Phật để tự trang nghiêm.

Thượng Tọa vâng dạ lui ra. Nhân đấy chép lại cuộc vấn đáp này để khuyên bảo người chưa biết đến pháp này.

2. Tịnh Độ pháp môn phổ bị tam căn luận

(Luận về pháp môn Tịnh Độ độ khắp ba căn)

Hết thảy chúng sanh đều có đủ trí huệ đức tướng của Như Lai, nhưng do mê chân đuổi theo vọng, trái nghịch giác, xuôi theo trần lao nên toàn thể chuyển thành phiền não ác nghiệp. Do vậy, trải nhiều kiếp lâu xa luân hồi sanh tử. Như Lai thương xót, giảng ra các

pháp khiến họ phản vọng quy chân, trái nghịch trần lao, xuôi theo tánh giác, khiến cho phiền não ác nghiệp của họ toàn thể khôi phục thành trí huệ đức tướng. Từ đây cho đến tận đời vị lai, an trụ trong Tịch Quang. Khác nào nước đọng thành băng, băng tan thành nước; Thể vốn chẳng khác, Dụng thật khác xa. Nhưng căn cơ chúng sanh có lớn - nhỏ, mê có cạn - sâu, nên tùy theo cơ nghi của mỗi người đều làm cho được lợi ích. Các pháp môn đã nói rộng nhiều như cát sông Hằng; trong ấy, cầu lấy một pháp chí viên chí đốn, tối diệu, tối huyền, hạ thủ dễ thành công cao, dùng sức ít được hiệu quả nhanh chóng, thích hợp khắp cho ba căn, thống nhiếp các pháp, thượng thánh lẫn hạ phàm đều cùng tu, căn cơ lớn - nhỏ đều cùng nhận lãnh được thì không gì thù thắng, siêu tuyệt bằng pháp môn Tịnh Độ!

Vì sao nói vậy? Hết thảy pháp môn tuy là Đốn - Tiệm khác nhau, Quyền - Thật mỗi pháp mỗi khác, nhưng đều phải dụng công tu tập sâu xa mới có thể đoạn Hoặc chứng Chân, thoát ly sanh tử, siêu phàm nhập thánh. Đấy gọi là hoàn toàn cậy vào tự lực, không nương cậy vào chi khác. Nếu Hoặc nghiệp còn đôi chút chưa tận thì vẫn phải luân hồi y như cũ! Vả nữa, những pháp ấy lý đều rất sâu, chẳng dễ tu tập. Nếu chẳng phải trước đã có linh căn thì thật khó lòng chứng nhập được ngay trong đời này! Chỉ có pháp môn Tịnh Độ bất luận phú quý, bần tiện, già, trẻ, nam, nữ, ngu, trí, Tăng, tục, sĩ, nông, công, thương, hết thảy mọi người đều có thể tu tập do vì A Di Đà Phật đại từ bi nguyện lực nhiếp thủ chúng sanh khổ não trong Sa Bà. Do vậy, so với các môn khác, pháp này dễ đắc quả hơn.

Phàm bọn hữu tình chúng ta được nghe pháp môn Tịnh Độ này, phải tin Sa Bà rất khổ, Tây Phương cực vui. Phải tin từ nhiều đời đến nay nghiệp chướng sâu nặng, nếu không cậy vào Phật lực, thật khó thể thoát lìa. Phải tin cầu sanh quyết định có ngày được sanh. Phải tin niệm Phật nhất định được Phật từ bi nhiếp thọ. Do vậy, kiên định nhất tâm, nguyện lìa Sa Bà như tù nhân muốn thoát khỏi lao ngục, trọn chẳng có tâm lưu luyến. Nguyện sanh Tây Phương như người lữ khách nghĩ mong về cố hương, nào có ý niệm chần chừ! Từ đây, tùy phận, tùy lực, chí tâm trì niệm thánh hiệu A Di Đà Phật. Bất luận nói năng, im lặng, động, tịnh, đi, đứng, nằm, ngồi, đón tiếp khách khứa, mặc áo, ăn cơm, đều chú ý giữ sao cho Phật chẳng lìa tâm, tâm chẳng lìa Phật. Ví như có chuyện quan trọng canh cánh bên lòng, dù làm trăm việc vẫn không quên chuyện ấy. Nếu có chuyện công việc tư trọn chẳng rảnh rỗi chút nào, thì sáng tối nên tu Thập Niệm Niệm Phật, chí tâm phát nguyện thì cũng được vãng sanh. Do A Di Đà Phật từng có nguyện rằng: *"Mười phương chúng sanh chí tâm tin ưa, muốn sanh về cõi ta, dẫu chỉ mười niệm mà chẳng được sanh thì ta không lấy ngôi Chánh Giác"* . Do vậy, mười niệm Niệm Phật cũng được vãng sanh vậy!

Nhưng đã niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì phải phát tâm từ bi, hành phương tiện sự, dứt tham - sân - si, kiêng giết - trộm - dâm, tự lợi, lợi người thì mới hợp với ý Phật. Nếu không, tâm trái với Phật, cảm ứng đạo giao bị ngăn cách, chỉ thành gieo nhân cho mai sau, khó gặt được quả trong hiện tại. Nếu chí thành niệm Phật, hạnh hợp với tâm Phật, tâm và miệng tương ứng thì

người niệm Phật như thế đến lúc lâm chung, A Di Đà Phật và các vị thánh thảy đều rủ lòng tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương. Hễ sanh về Tây Phương rồi thì siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn lìa khỏi các khổ, chỉ hưởng các sự vui. Đây là hoàn toàn cậy vào Phật lực, bất luận công sâu hay cạn, có phiền não hay không, chỉ cốt sao có đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha thì nhất định vạn người chẳng sót một ai. Còn như người đã đoạn Hoặc cầu sanh thì mau vượt lên Thập Địa. Nếu đã Đăng Địa mà cầu sanh thì mau chứng Phật thừa. Do vậy, Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ v.v… các vị Bồ Tát đều nguyện vãng sanh. Kẻ có đủ Thập Ác niệm Phật còn dự vào phẩm chót. Người sắp đọa địa ngục niệm Phật còn lên được Liên Bang. Do vậy, Trương Thiện Hòa, Trương Chung Quỳ, Hùng Tuấn, Duy Cung[201] v.v… là những kẻ ác đồng thoát luân hồi.

---

[201] Theo Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Hùng Tuấn, họ Châu, người Thành Đô, Tứ Xuyên, tuy thường khuyên người làm lành, nhưng chẳng có giới luật và đức hạnh, từng hoàn tục làm lính. Chẳng lâu sau, lại xuất gia làm Tăng, nhưng cũng biết hổ thẹn, sám hối. Thường ngày thường trì niệm danh hiệu Phật. Trong niên hiệu Đại Lịch thời Đường Đại Tông, đột nhiên chết đi, vào U Minh, bị Diêm Vương quở trách, sai tống vào địa ngục. Hùng Tuấn kêu to: "*Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói tạo trọng tội Ngũ Nghịch, chỉ cần lâm chung niệm Phật mười tiếng liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc. Hùng Tuấn tôi tuy từng tạo ác, nhưng cũng chưa hề phạm trọng tội Ngũ Nghịch. Nếu chiếu theo công đức niệm Phật thường ngày của tôi, đáng lẽ phải vãng sanh Tịnh Độ mới phải. Nếu không, mười phương chư Phật đều thành đại vọng ngữ!*" Nói xong, chắp tay cung kính chuyên tâm niệm Phật hiệu, ngay lúc đó, đài sen bảy báu chợt xuất hiện, Hùng Tuấn bèn cỡi đài sen báu ấy bay về Tây.

Duy Cung là người Kinh Châu (nay thuộc tỉnh Hồ Bắc), thường có những ác nghiệp rượu chè, cờ bạc, nhưng nếu không làm chuyện ấy bèn thường tụng kinh, cầu nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Một ngày nọ, Duy

Những người khác tu đủ cả Giới lẫn Thiện, Định - Huệ đều bình đẳng, sống trong trần nhưng chẳng nhiễm trần, ở trong cõi trược nhưng lòng luôn thanh tịnh, quyết chí cầu sanh Tây Phương, cao đăng thượng phẩm như mọi ngôi sao chầu về Bắc Đẩu, như các dòng nước đổ vào biển Đông, làm sao kể nổi số! Do vậy, ngàn kinh muôn luận chỗ nào cũng chỉ quy, vãng thánh tiền hiền ai nấy đều hướng về, bởi pháp này là đạo trọng yếu để Như Lai phổ độ chúng sanh, là diệu pháp để chúng sanh thoát khổ ngay trong một đời này.

3. Tông - Giáo Bất Nghi Hỗn Lạm Luận

(Bài luận về chuyện không nên lẫn lộn giữa Thiền và Giáo)

Do người giảng kinh thường thích bàn về Thiền nên làm luận này.

Như Lai nói kinh, chư Tổ tạo luận. Hai môn Tông và Giáo vốn là một pháp. Dẫu không thể tách rời, nhưng cũng không thể hợp lại! Tùy theo căn cơ mà được lợi ích, tùy theo từng lợi ích mà đặt tên. Thượng căn vừa nghe liền nhanh chóng liễu giải tự tâm, viên tu đạo phẩm, nên gọi là Tông (Đây là ước theo đời sau mà nói, chứ thoạt đầu chỉ gọi là giáo pháp Viên Đốn). Hàng trung hạ nghe đến, tấn tu đạo phẩm, dần dần ngộ được chân lý, nên gọi là Giáo.

Cung sanh bệnh, Linh Quy ra ngoài chùa chơi, thấy một bầy trẻ nhỏ cầm nhạc khí bèn hỏi chúng đi đâu. Chúng đáp đến chuẩn bị tiếp dẫn Duy Cung Thượng Nhân về Tây. Trong đám đó, có một người cầm một đóa sen, búp sen còn chưa nở to như nắm tay. Cánh sen phóng quang minh. Ngày hôm sau, Linh Quy về chùa thấy Duy Cung đã vãng sanh; nhân đó, Linh Quy cảm kích, giác ngộ, từ đấy cải ác tu thiện, sau cũng được tiếng là người đức hạnh.

Đến cuối thời Tượng Pháp, Phật pháp truyền sang cõi này (Trung Hoa), căn cơ con người thông minh, nhạy bén, đa số đắc Văn Trì nên chú trọng chuyện ghi nhớ, đọc tụng, giảng nói. Tăng chúng chú trọng đến chuyện bổn phận, hướng thượng, chứ người thật chứng, thật ngộ thì ít, kẻ nói chuyện ăn, đếm của báu thì nhiều. Do vậy, đại sư Đạt Ma đặc biệt sang đây, xiển dương pháp Trực Chỉ Nhân Tâm (chỉ thẳng vào cái tâm của con người) khiến cho con người tự thấy được bản lai diện mục. Đời sau gọi đó là Tông. Đã thấy được bản lai diện mục rồi, sau đó xem kinh, tu hành, mới biết giáo pháp của toàn bộ Đại Tạng đều là những lời nói trong nhà mình, Lục Độ vạn hạnh đều là chuyện trong nhà mình. Do vậy, sự ngộ giải của Tông môn là mắt, sự tu trì của Giáo là chân. Không mắt thì không cách gì thấy đường được; không chân không thể về đến nhà. Như vậy, Tông - Giáo cần nhau, chứ không hề trái nghịch, hợp cùng nhau chứ chẳng tách lìa. Xét đến chỗ chỉ quy rốt ráo của các vị Nam Nhạc, Thiên Thai thì đại lược đều giống nhau. Do vậy, hai bộ sách Truyền Đăng Lục và Chỉ Nguyệt Lục[202] đều xếp hai vị này vào bậc Thánh Hiền ứng hóa, Cao Tăng Truyện không kể tên hai vị trong những vị nghĩa giải[203] mà xếp vào tiểu loại tu

---

[202] Chỉ Nguyệt Lục: tác phẩm của Cù Nhữ Tắc soạn vào đời Minh, gồm 32 quyển, còn gọi là Thủy Nguyệt Trai Chỉ Nguyệt Lục. Nội dung chép về quá khứ thất Phật và hành trạng, pháp ngữ của tổ sư Tây Thiên, Đông Độ gồm sáu trăm năm mươi vị từ Sơ Tổ Ca Diếp cho đến ngài Đại Huệ Tông Cảo.

[203] Nghĩa giải: Hiểu rõ ý nghĩa; còn có nghĩa là phân tách chữ nghĩa để giải thích nghĩa lý. Trong Thiền Lâm thường dùng chữ "nghĩa giải thiền hòa tử" để chỉ kẻ chỉ hiểu nghĩa lý theo mặt văn tự bên ngoài, chẳng biết đường lối tu hành, không có thật hạnh.

Thiền. Đấy là những vị tri thức đầy đủ con mắt thời xưa, cho Tông và Giáo là nhất quán.

Từ ngài Tào Khê (Lục Tổ Huệ Năng) trở về sau, Thiền Đạo thạnh hành, loại văn tự *"chẳng lập văn tự"* truyền khắp hoàn vũ. Đường giải ngày càng mở rộng, cửa ngộ[204] ngày càng lấp. Vì thế, các vị tổ Nam Nhạc, Thanh Nguyên đều dùng cơ ngữ để tiếp độ người, khiến cho Phật - Tổ đều thành ngữ ngôn, không cách nào trả lời câu hỏi được. Nếu không thật sự liễu ngộ thích đáng sẽ không thể suy lường được lời Tổ. Dùng điều đó để khám nghiệm hòng phân biệt vàng - thau, tách rời ngọc - đá vĩnh viễn, không thể giả dối để làm hại pháp đạo được! Đấy là duyên do của cơ phong chuyển ngữ!

Từ đấy về sau, pháp này ngày càng thịnh. Tri thức nêu bày, chỉ sợ lạc vào lối cũ của người khác thành ra sáo rỗng, gây nghi ngờ, lầm lạc cho người học khiến Tông phong bị bỏ phế, rối bời; vì vậy, cơ phong được dùng ngày càng cao chót vót, không cách chi chuyển biến được, khiến cho người ta không cách nào dò dẫm, nắm níu được! Do vậy, mới có kẻ quở Phật mắng Tổ, bài xích kinh giáo, phế bỏ Tịnh Độ (hai câu của Nam Nhạc Huệ Tư đại sư đã nói trọn tác dụng như vậy: *"Siêu quần xuất chúng thái hư huyền, chỉ vật truyền tâm nhân bất hội"* (Tạm dịch: Siêu quần xuất chúng huyền diệu như hư không. Chỉ vật để truyền thọ tâm pháp, con người không hiểu thấu được). Nếu hiểu đó là thật pháp thì tội giống như Ngũ Nghịch!) Dùng ngôn ngữ này để tước đoạt tình kiến của con người, lấp mất lối

---

[204] Đường giải, cửa ngộ: Tạm dịch hai chữ "giải lộ" và "ngộ môn". Giải lộ ý nói chỉ hiểu biết trên văn tự chứ không chứng ngộ, còn ngộ môn là thật sự chứng nhập.

hiểu của họ. Người căn cơ chín muồi sẽ ngay lúc đó biết đường về, triệt ngộ nẻo hướng thượng. Người căn cơ còn sống sít sẽ thật sự tận lực tham cứu đến khi nào đại triệt đại ngộ mới thôi!

Ấy là do hàng tri thức còn đông, căn cơ người vẫn còn bén nhạy, giáo lý minh bạch, tâm sanh tử thiết tha. Dù chưa thể liễu ngộ ngay khi đó, quyết chẳng chịu sanh tâm kém hèn cho đó là thật pháp. Người đời nay đa phần ít đọc sách Nho, chẳng hiểu lẽ đời, chưa cùng tột giáo thừa, chẳng hiểu Phật pháp. Vừa mới phát tâm bèn vào ngay Tông môn. Còn hàng tri thức chỉ nhằm duy trì môn đình, cũng học đòi cổ nhân chỉ bày, xiển dương, chẳng đoái hoài chuyện lợi - hại cho pháp đạo. Người học chẳng hạ nghi tình chân thật, ai nấy cho đó là thật pháp. Hoặc có những điều người đời nay nêu lên đều là những đạo lý do họ tự ý suy lường, phỏng đoán những chuyện trong sách của cổ nhân xưa, nói chung không ngoài chuyện dựa theo văn tự để giải thích ý nghĩa, lại tự cho là mình triệt ngộ hướng thượng, đã tham học xong xuôi, tự dự vào địa vị tri thức để mở mang, chỉ dạy cho hàng hậu học!

Kẻ nắm giữ một môn đình, chỉ sợ người khác bảo mình không phải là bậc thông gia; do đó, cùng hoằng dương cả Thiền lẫn Giảng, muốn được gọi là bậc *"Tông thuyết đều thông"*. Bàn đến Tông thì những gì họ giảng về những lời chỉ quy hướng thượng của cổ đức toàn là giải thích ý nghĩa dựa theo văn tự. Giảng về Giáo thì đạo tu nhân chứng quả của Như Lai bị họ biến thành thuyết "*dùng pháp để tượng trưng, nhằm thuyết minh ý nghĩa"*. Dùng Giáo phá Tông, dùng Tông phá Giáo,

người mù dẫn lũ đui, kéo nhau vào lửa! Đến nỗi về sau chẳng được nghe khuôn mẫu hay đẹp của cổ nhân, uổng công học đòi khinh Phật khinh Tổ, bài bác nhân quả mà thôi, trọn chẳng hiểu được lời lẽ của cổ nhân. Bổn phận của Tăng chúng há còn mộng thấy! Nay tôi sẽ đem lời lẽ, bản ý của Tông và Giáo phân biệt đại lược, ngõ hầu ai nấy chỉ được lợi ích, chẳng bị bệnh vậy!

Tông là gì? Giáo là gì? Về mặt diễn nói thì Tông và Giáo đều là Giáo, về mặt khế ngộ thì Tông và Giáo đều là Tông. Giáo cố nhiên có Tông, mà Tông cũng có Giáo. Tông của bên Giáo chính là diệu lý Thật Tướng, tam đức bí tạng; đấy chính là bổn phận hướng thượng của tăng chúng bên Tông vậy (Đây là đối với Tông mà nói, nên gọi Thể là Tông. Nếu luận theo Giáo thì gọi là Thể. Tông trong Giáo chính là cửa ngõ để nhập Thể, không giống như chỗ chú trọng hướng thượng của bên Tông).

Giáo của bên Giáo chính là văn tự, lời lẽ trong kinh luận và hành tướng của pháp môn, không gì đều chẳng nhằm diễn tả diệu lý, đều quy về bí tạng; cũng giống như những tác dụng của cơ phong chuyển ngữ bên Tông. Nhưng Giáo thì chưa ngộ vẫn làm cho hiểu được, còn Tông nếu chưa ngộ sẽ không biết. Đấy gọi là chỗ khác nhau [giữa Tông và Giáo].

Giáo của bên Tông chính là cơ phong chuyển ngữ, giơ nắm tay, dựng đứng phất trần, hoặc nói, hoặc im lặng, mọi thứ tác dụng đều thuận theo căn cơ của người đến tham vấn để chỉ quy hướng thượng. Những câu chuyển ngữ ấy nhằm để nêu bày lẽ hướng thượng, là ngón tay chỉ mặt trăng thật sự, chứ không phải những

câu chuyển ngữ đó chính là lẽ hướng thượng hay mặt trăng thật sự. Nếu có thể nương theo ngón tay nhìn vào mặt trăng thì ngay khi đó sẽ tự thấy được vầng trăng thật sự. Vầng trăng thật sự được thấy ấy mới chính là Tông của Tông gia. Người đời nay lấy cơ phong chuyển ngữ làm Tông, chẳng cầu khế ngộ, chỉ cho rằng học theo đó sẽ hiểu thấu, tức là coi ngón tay chính là mặt trăng, không còn biết đến vầng trăng thật sự! Tiếc thay!

Vả nữa, Giáo thích hợp khắp ba căn, lợi - độn cùng thâu; ví như tờ chiếu sáng suốt của bậc vua thánh, muôn nước đều khâm phục, tôn sùng. Dù trí hay ngu, dù hiền hay tệ đều hiểu được, đều phải tuân hành; kẻ nào không tuân sẽ bị xử cực hình. Kẻ nào không tuân lời Phật dạy sẽ đọa trong ác đạo. Tông chỉ độ riêng bậc thượng căn, chẳng thâu nhiếp trung hạ. Ví như mật lệnh của vị tướng quân, kẻ trong doanh mới biết, người ngoài doanh dẫu cho thông minh cũng không thể hiểu được! Do vậy, toàn quân mới diệt được giặc, thiên hạ thái bình. Quân lịnh hễ bị tiết lộ thì ba quân sẽ tan vỡ; Tổ ấn bị tiết lộ, năm tông chết sạch. Trước khi ngộ, chỉ cho phép tham cứu thoại đầu, chẳng cho phép đọc sách Thiền thật ra là vì sợ hiểu lầm ý Tổ, coi mê là ngộ, đem giả loạn chân, đấy gọi là "tiết lộ", cái hại rất lớn! Sau khi đại ngộ, ắt phải rộng xem ngữ lục của chư Tổ hòng quyết trạch kiến địa của mình, hòng mở mang Sai Biệt Trí, để hiểu thấu chỗ cấm kỵ của thuốc. Lại còn phải trải qua nhiều duyên rèn luyện, khiến cho hạnh giải tương ứng mới thành bậc xuất thế, hoằng dương, xiển phát Tông phong.

Người đời nay chẳng dạy người tận lực tham cứu, cứ vì người diễn giảng, khiến cho đường hiểu mở rộng, khởi ý suy đoán, dùng ý kiến của mình để hiểu ý Tổ, dường như gần giống, suy tưởng nghĩa lý. Hoàn toàn sai lầm, nhưng cứ cho là đúng. Nói không sai cho lắm thì chỉ toàn là rồng bằng đất nặn, bánh vẽ, há có thể phun mưa, đỡ đói được chăng? Do vậy, nhà Thiền phải thật sự tham cứu mới có lợi ích thật sự! Người chưa mở mắt, nghe những lời giảng nói đó, mừng rỡ lộ ra ngoài. Còn người có đầy đủ con mắt ắt sẽ đau thấu xương tủy. Hoằng dương Tông kiểu đó chỉ có tổn hại lớn, chẳng có mảy may lợi ích thật sự gì! Khác nào đem quân lịnh bảo khắp quân địch, mời mọc chúng nó đánh nhau với mình mà không tự diệt vong thì hiếm lắm! Do vậy, kẻ giả vờ ngộ đạo không biết là bao nhiêu! Kẻ hoại loạn Phật pháp thật là đông đảo!

Thêm nữa, Giáo thì do văn tự hiển lộ ý nghĩa, y nghĩa tu Quán. Quán thành tựu sẽ chứng Lý, khiến cho con người do hiểu rồi bèn nhập. Vì vậy, ngài Thiên Thai dùng Tam Chỉ, Tam Quán[205] để truyền Phật tâm

---

[205] Tam Chỉ: Chỉ là ngưng dứt. Tam Chỉ là ba thứ Chỉ Hạnh được lập đối ứng ba phép quán Không, Giả, Trung, gồm:

a. Chân Thể Chỉ: đối ứng với Không Quán. Thấu hiểu cái vọng vô minh điên đảo chính là cái chân nơi Thật Tướng, nên gọi là Chân Thể Chỉ. Do thấu triệt các pháp nhân duyên hòa hợp, không có tự tánh nên có thể dứt hết thảy những phan duyên vọng tưởng, chứng nhập lý Không. Đạt đến cảnh giới này sẽ phát định, mở huệ nhãn, thấy được Đệ Nhất Nghĩa, thành tựu Chân Đế tam-muội.

b. Phương Tiện Tùy Duyên Chỉ: Đối ứng với Giả Quán. Bồ Tát tùy duyên trải qua mọi cảnh, ở trong Tục Đế nhưng tâm bất động, chẳng bị ngoại cảnh xoay chuyển. Người đạt cảnh giới này sẽ mở Pháp Nhãn, thành tựu Tục Đế tam-muội.

c. Tức Nhị Biên Phân Biệt Chỉ, còn gọi là Chế Tâm Chỉ: Đối ứng với Trung Quán. Không còn phân biệt hai bên sanh tử, Niết Bàn, tướng có, tướng không.

ấn. Còn Tông thì lìa văn tự để hiển ý, hễ lãnh hội được ý thì minh tâm, minh tâm rồi bèn khởi hạnh, dạy hành nhân do tham cứu mà chứng đắc. Do vậy, Thiền Tông lấy *"trực chỉ nhân tâm"* để truyền Phật tâm ấn.

Vả nữa, nhân - quả, tu - chứng, phàm - thánh, chúng sanh - Phật, sự - lý, hành - tướng được nói trong kinh giáo vằng vặc phân minh. Nếu tu được nhân thì tự nhiên sẽ chứng quả, siêu phàm nhập thánh, tức là chúng sanh thành được Phật đạo! Đã đạt được sự này thì chẳng dính dáng đến lý nhân - quả, tu - chứng, phàm - thánh, chúng sanh - Phật, há còn mong cầu bên ngoài nữa ư? Những gì nhà Thiền nói đều quy về bổn phận, chẳng dính dáng đến "nhân - quả, tu - chứng, chúng sanh - Phật" (Đây là Lý Tức Phật). Nếu hiểu được ý này (Đây gọi là Danh Tự và Quán Hạnh Sơ Tâm), quyết định y theo cái lý "chẳng dính dáng nhân - quả, tu - chứng, phàm - thánh, chúng sanh - Phật" để khởi sự tu nhân chứng quả, siêu phàm nhập thánh thì đó chính là Sự để chúng sanh thành Phật đạo vậy (Đây là từ Quán Hạnh cho đến Cứu Cánh).

Do vậy, cổ đức sau khi đại ngộ có những vị ba lần bảy lượt xem Đại Tạng Kinh (Phần Châu Vô Nghiệp ba lượt đọc hết Đại Tạng. Ngài Tri Vi ở chùa A Dục Vương, là môn nhân của ngài Đại Huệ Tông Cảo, giam mình trên tháp viện hơn mười năm, bảy lượt đọc hết Đại Tạng. Xem trong sách Dục Vương Sơn Chí). Có người cho ngồi đọc là không cung kính, bèn quỳ đọc, đi thì đội lên đầu, đứng tụng (ngài Thê Hiền Đề ba lần đọc hết Đại Tạng đều như thế). Có vị suốt

---

Nếu đạt cảnh giới này sẽ phát Trung Đạo định, mở Phật Nhãn, thành tựu Trung Đạo tam-muội.

đời hằng ngày trì một bộ kinh Pháp Hoa (như các vị Vĩnh Minh Diên Thọ, Thủ Sơn Niệm). Có vị xem kinh chỉ sợ bị làm phiền, bèn dán thiếp ở cửa phương trượng, ghi: *"Lúc xem kinh chẳng được hỏi han"* (ngài Ngưỡng Sơn Tịch). Có vị trì thánh hiệu Quán Âm (ngài Minh Giáo Tung, mỗi ngày trì mười vạn thánh hiệu Quán Âm. Kinh sách thế gian, xuất thế gian không đọc nhưng đều biết. Lại còn có ngài Hoa Lâm Giác thường niệm Quán Âm, cảm được hai con hổ thường theo hầu). Có vị trì chú Chuẩn Đề (như Kim Hoa Câu Chi hòa thượng). Có vị mỗi ngày làm 108 Phật sự (Vĩnh Minh Diên Thọ, tụng một bộ Pháp Hoa cũng thuộc trong 108 việc ấy). Có vị đối trước tượng đứng không dám ngồi, đối trước tượng ngồi không dám nằm (ngài Đại Thông Bổn. Hễ thấy những vật thực mang tên thịt cá, Ngài không ăn). Có vị một ngày không làm sẽ không ăn suốt ngày đó (ngài Bách Trượng Hoài Hải). Còn những vị niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì nhiều không biết bao nhiêu mà kể!

Ấy là vì ngài Bách Trượng là đích tử truyền đạo của Mã Tổ, Ngài có lời khai thị rằng: *"Tu hành dùng niệm Phật là ổn thỏa, thích đáng"*. Ngài còn lập ra Thanh Quy, phàm kỳ đảo cho vị Tăng bị bệnh, hóa tống Tăng đã mất, đều quy về Tịnh Độ. Do vậy, chư sư trong năm tông[206] đều chăm chú ngầm tu. Có lắm vị nhiều năm tận tụy làm những việc khó khăn (như ngài Quy Sơn làm Điển Tọa[207], ngài Tuyết Phong làm phạn đầu). Không vị nào chẳng

---

[206] Năm Tông của nhà Thiền, tức Quy Ngưỡng, Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn và Pháp Nhãn.

[207] Điển Tọa: là chức phụ trách việc quản trị cơm nước cho đại chúng trong Thiền lâm, đảm bảo mọi thứ cúng dường phải tinh khiết, vật liệu sử dụng thích đáng, tiết kiệm. Tuy là chức quản lý tạp dịch ẩm thực, nhưng từ xưa chức này rất được coi trọng, thường cử vị tăng chí hạnh cao khiết giữ chức

nhằm viên mãn Lục Độ, tự lợi, lợi tha, đều trọng Pháp này như của báu, coi thường cái thân như bụi bặm, trọn chẳng hề như người đời nay khinh mạn cổ kim, khinh nhờn kinh luận! Do vậy, biết Tông là đội xung kích, Giáo là quân mạnh mẽ theo sau. Những việc họ tu là một sự, những gì họ nói là một pháp, nhưng do lập bày ngôn ngữ, kiến lập môn đình bất đồng! Kẻ ngoài cửa chẳng biết duyên do "tuy đồng nhưng không thể hợp, tuy khác nhưng chẳng thể tách lìa", lầm lạc dựa theo ý mình, cưỡng làm chủ tể, nếu không báng bổ lẫn nhau thì cũng xen lộn.

Cái lỗi báng bổ lẫn nhau may ra kẻ ngu còn biết, chứ cái tội xen lộn thì người trí vẫn khó lòng hiểu được. Ấy là trở về nguồn thì không hai, nhưng phương tiện lắm cửa. Phương tiện của nhà Thiền vô cùng khác biệt, tợ hồ quét sạch tất cả ngôn ngữ. Kẻ không hiểu được ý, chẳng lãnh hội ý chỉ "lìa ngôn ngữ" chỉ nhai bã hèm: Nơi Tông môn bèn mở ra đường hiểu, chẳng chịu tận lực tham cứu; nơi Giáo bèn lầm học viên dung, phá hoại sự tướng. Chỉ có bậc đại đạt mới được lợi ích ở cả hai bên. Nếu không, đề-hồ, cam lộ chứa trong đồ đựng dính thuốc độc bèn biến thành phê sương, trầm độc.

Giáo tuy thường minh thị *"vạn pháp duy tâm",* nhưng cần phải dựa trên Sự để luận Sự. Sự - Lý, nhân - quả, chẳng được lẫn lộn mảy may. Vốn đã có đầu thì phải có cuối, chẳng ra ngoài duy tâm. Nhà Thiền thương lượng đích thực cũng giống như thế. Nếu chỉ

---

này. Chức vụ này rất vất vả, nhưng đối với bậc cao tăng thì lại là một phương tiện thù thắng để tu hành.

nêu bày hướng thượng, thì dù có chỉ muôn pháp muôn sự trọn khắp thế gian để hỏi nhưng lúc đáp luôn quy về bổn phận, trọn chẳng đem Sự luận Sự. Đó gọi là *"hỏi ngay nơi đáp, đáp ngay tại chỗ hỏi*".

Dù tợ hồ dùng Sự để nói, nhưng ý nhằm đến chỗ khác chứ không phải ở tại đây. Nếu hiểu ngay nơi sự đó sẽ thành mây trắng ngàn dặm! Những thương lượng đích thực sách Thiền không chép, chỉ ghi chép những lời thuộc về bổn phận. Nếu muốn biết phải coi khắp mọi sách. Nếu không thì hãy xem bộ Vạn Thiện Đồng Quy Tập và những trước thuật của bậc Thiền Tượng trong Tịnh Độ Thập Yếu, cũng có thể thấy được đại khái.

Bàn rạch ròi Phật pháp về mặt đại thể, thì chẳng ngoài Chân - Tục nhị đế. Chân Đế thì một pháp chẳng lập, đó gọi là *"Thật Tế Lý Địa chẳng nhiễm mảy trần"*. Tục Đế thì không pháp nào chẳng đủ, đó gọi là *"trong cửa Phật sự, chẳng bỏ pháp nào!"* Giáo thì Chân - Tục cùng xiển dương, nhưng đa phần luận về Tục. Tông thì ngay từ Tục bèn nói Chân, nhưng quét sạch Tục tướng. Phải biết: Chân và Tục đồng thể, không phải là hai vật. Ví như gương báu tròn lớn, trống rỗng, sáng ngời, thông suốt, trọn không có một vật gì. Tuy trọn chẳng có vật gì nhưng lại có thể "người Hồ đến bèn hiện bóng người Hồ, người Hán đến bèn hiện bóng người Hán". Sâm la vạn tượng thảy đều hiện. Dẫu cho mọi tướng cùng hiện, nhưng vẫn trọn không có một vật nào. Dẫu không có một vật nào, nhưng chẳng ngại gì mọi tướng cùng hiện!

Đối với chỗ "mọi tướng cùng hiện", nhà Thiền chuyên nói "trọn không có một vật"; còn Giáo đối với chỗ "trọn không có một vật" lại nói cặn kẽ "mọi tướng đều hiện". Ấy là đối với Sự Tu, Tông bèn chỉ rõ Lý Tánh; chứ không vứt bỏ Sự Tu. Còn Giáo thì bèn luận Sự Tu nơi Lý Tánh, nhưng vẫn quy về Lý Tánh. Đấy gọi là *"xứng tánh khởi tu, toàn tu nơi tánh, bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, Sự - Lý cùng được, Tông - Giáo bất nhị"* vậy! Tuy trung căn, hạ căn được lợi ích nơi Giáo, nhưng nếu không phải là bậc thượng thượng căn sẽ chẳng thể thông suốt vì phải học biết rộng rãi. Tuy trung hạ căn khó thể gởi lòng nơi Tông, nhưng bậc thượng căn lại có thể đại triệt; do đó phải ước theo căn cơ vậy!

Giáo thì thế gian pháp, Phật pháp, sự - lý, tánh - tướng đều phải thông đạt, lại phải đại khai viên giải (tức là *"đại triệt đại ngộ"* trong nhà Thiền) thì mới có thể làm đạo sư cho trời người. Tông phải tham sao cho thấu suốt một câu thoại đầu, đích thân thấy được bản lai mới hòng xiển dương tông phong Trực Chỉ. Lúc Phật pháp đại hưng thịnh và nếu là bậc thông đạt Phật pháp thì nên y theo Tông để tham cứu. Ví như ông Tăng Dao[208] vẽ rồng, vừa chấm mắt, rồng bèn bay lên ngay lập tức. Lúc Phật pháp suy nhược, và nếu là kẻ túc căn hèn kém,

---

[208] Trương Tăng Dao (502-549) là một danh họa đời nhà Lương thời Nam Bắc Triều, cùng với Cố Khải Vi, Lục Thám Vi và Ngô Đạo Tử (thuộc đời Đường) được xưng tụng là Họa Gia Tứ Tổ (bốn ông tổ của hội họa). Tăng Dao sở trường tài vẽ diện mạo nhân vật. Lương Võ Đế từng sai ông vẽ hình các hoàng tử phải đi trấn nhậm nơi xa cho đỡ nhớ. Ông vẽ tài tình đến nỗi hoàng đế phải khen ngợi nhìn hình giống như thấy người thật. Ông chịu nhiều ảnh hưởng của hội họa Ấn Độ, là người đi tiên phong trong cách vẽ thể hiện không gian ba chiều.

hãy nên y theo Giáo tu trì. Ví như thợ vụng làm đồ vật, bỏ dây mực sẽ hoàn toàn không làm được gì.

Giáo phần nhiều nói rõ (hiển thuyết), còn Tông hay nói kín (mật thuyết). Chuyện rõ ràng trong nhà Thiền là như Tổ Đạt Ma nói: *"Tịnh trí diệu viên, thể tự không tịch"* hay Mã Tổ nói*: "Tâm chính là Phật",* ngài Bách Trượng nói: *"Linh quang riêng chiếu, thoát khỏi căn trần; thể lộ chân thường, chẳng câu nệ văn tự, tâm tánh vô nhiễm, vốn tự viên thành. Chỉ lìa vọng niệm thì chính là Như Như Phật".* Những câu này chẳng khác các kinh Đại Thừa như Pháp Hoa, Lăng Nghiêm… mảy may nào! Nói chung, trước thời Lục Tổ đa phần là hiển thuyết, kể từ Lục Tổ trở đi đa phần là mật thuyết.

Kẻ ngu chẳng biết căn cội giống nhau – khác nhau giữa ngôn ngữ của Tông và Giáo, thường thấy khi Thiền sư nêu câu hỏi, những vị thuộc bên Giáo không thể đáp được, bèn đề cao Thiền Tông, miệt thị kinh sách bên Giáo, xem kinh Phật như giấy cũ, coi lời Tổ trọng hơn luân âm (luân âm tức là thánh chỉ). Nay muốn báo ơn Phật, lợi lạc hữu tình thì bên Thiền dù chuyên xiển dương Tông phong, vẫn phải dùng đến Giáo để ấn chứng, bên Giáo thì tận lực tu quán hạnh, chẳng xen lạm lời Thiền. Ấy là vì tâm thông diệu đế, gặp duyên bèn chính là Tông. Nếu *"cây bách, que phẩn khô, quạ kêu, sẻ hót, nước chảy, hoa rơi, khạc nhổ, vung tay, cười chê, giận chửi",* pháp gì, chuyện gì cũng đều là Tông, thì lẽ đâu diệu pháp viên đốn do chính kim khẩu Như Lai nói ra lại chẳng đáng coi là Tông ư?

Cần gì phải vay mượn cái then chống cửa nhà người ta để chống đỡ môn đình của mình, còn những cây tiện, cây nam[209] đẹp đẽ nhà mình sẵn có lại bỏ đi không dùng? Phải biết: Pháp không thù thắng hay kém hèn, chỉ là một đạo thường nhiên. Căn cơ có sống - chín, nên tuy chỉ là một pháp mà thành ra hết sức sai khác đó thôi. Nếu vậy, cái thuyết *"giáo ngoại biệt truyền"* (truyền riêng ngoài giáo) chẳng đúng hay sao? Thưa: Nói *"giáo ngoại biệt truyền"* nhằm để cho con người thấy được mặt trăng ở ngoài ngón tay. Vả lại cách đề trì[210] trong nhà Thiền vượt ra ngoài cách thức thông thường, nên gọi là *"giáo ngoại biệt truyền".* Nhưng bốn chữ *"giáo ngoại biệt truyền"* khiến bao hào kiệt mai một, nay nói toạc ra. Đối với Giáo mà nói thì là *"giáo ngoại biệt truyền"*, chứ cơ phong, chuyển ngữ v.v… cũng vẫn là Giáo. Đối với Tông mà nói thì [Giáo chính là] *"cơ phong chuyển ngữ ngoại biệt truyền",* mới khỏi cô phụ ơn Phật, uổng công gây tạo khẩu nghiệp.

Nếu thật sự những lời Phật dạy chẳng thể truyền được Phật tâm ấn, thì những vị Ca Diếp, A Nan, Mã Minh, Long Thọ đã được biệt truyền, đương nhiên sẽ truyền riêng cái pháp biệt truyền ấy, cần gì phải kết tập Tam Tạng, chú giải kinh, tạo luận để làm chi nữa? Tông phải dùng Giáo để ấn chứng cũng giống như gỗ phải

---

[209] Nam là tên một loại gỗ quý (Phoebe Zhennan), gần giống gỗ chò bên ta. Tiện là một loại danh mộc chỉ được nhắc đến trong cổ thư, thường gọi là Hoàng Tiện, rất cứng.

[210] Đề trì: phương pháp của vị thầy trong nhà Thiền dùng để hướng dẫn học trò, tức là nhằm tiếp độ hàng hậu học, thầy bèn dùng những cử chỉ, hành vi, lời nói để phá sạch những kiến giải, Ngã Kiến sẵn có của trò, chỉ cho đường nẻo hướng thượng.

cưa theo vạch dây mực mới ngay được! Tôi thường khuyên một vị cuồng Tăng niệm Phật, ông ta nói: "Lỗ mũi của nạp tăng[211] tam thế chư Phật còn chẳng mò trúng được, niệm Phật để làm gì?" Tôi nói: "Nếu quả thật mò trúng được cái mũi mà tam thế chư Phật chẳng mò trúng được thì vẫn phải thường dẫm theo vết chân của tam thế chư Phật mà đi. Nếu chẳng dẫm theo vết của tam thế chư Phật mà đi thì không phải là mò trúng lỗ mũi của nạp tăng mà là mò đúng lỗ lửa trên giường sắt, cột đồng trong A Tỳ địa ngục!" Tổ Đạt Ma nói: *"Hơn hai trăm năm sau, người hiểu đạo thì nhiều, người hành đạo thì ít; người nói lý thì nhiều, người thông lý thì ít".* Ngài Trí Giả thị hiện chứng địa vị Ngũ Phẩm, ngài Nam Nhạc thị hiện chứng địa vị Thiết Luân. Do vậy, biết rằng người đời nay đối với hai môn Tông và Giáo, mở mắt còn khó, huống gì thật chứng?

Có những ai từ bi, nguyện sâu nặng, tâm sanh tử khẩn thiết, hãy nên noi theo các ngài Huệ Viễn, Trí Giả, Vĩnh Minh, Liên Trì, chuyên dốc sức nơi một môn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Viết đến đây, có người bên cạnh chẳng cam lòng, quở rằng: "Phật pháp rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, diệu tánh viên minh, lìa các danh tướng, sao ông lại đôi co, chia ranh vạch giới vậy?" Tôi đáp: "Diệu tánh tuy lìa danh tướng, nhưng danh tướng nào trở ngại diệu tánh. Hư không, pháp giới tuy không có ranh giới, nhưng ranh giới nào trở ngại hư không, pháp giới! Tôi muốn bỏ Đông về Tây nên phải biện định Nam - Bắc, ngõ hầu chẳng mê

---

[211] Áo ca-sa của Tăng gồm những mảnh vải khâu dính lại, nên gọi là "nạp y" (áo chằm), do đó, tăng nhân thường xưng là nạp tử, nạp tăng hay lão nạp.

phương hướng, có nơi tá túc. Lại sợ mình thấy sai lầm, muốn thỉnh giáo bậc thông đạt. Đây chính là lộ trình của kẻ thọt chân, chứ không phải là "dư bản" của Luân Vương đi!" ("Dư bản" là bản địa đồ).

Nếu là bậc Khai Sĩ hiểu thấu suốt phương hướng, là bậc đại nhân đại lượng thì pháp thế gian đều là Phật pháp, không nghiệp đạo nào chẳng phải là Phật đạo, ý Tổ, giáo lý, kinh Phật, sách Thiền vốn tự dung thông, há nào xen lộn? Tận hết cái trí của tôi chẳng thể suy lường được cảnh giới ấy. Dốc cạn sức tôi, chẳng thể trộm bén mảng ngoài rào! Lời luận hèn tệ của tôi chỉ để dành cho những người căn cơ kém tệ như tôi vậy. Sao ông lại đem chuyện bay lượn của Ca Lâu La[212] vương để quở trách loài ruồi nhặng muỗi mòng, muốn coi đều ngang như nhau vậy!

---

[212] Ca Lâu La (Garuda), đôi khi còn phiên là Ca Lưu La., Già Lâu La, Yết Lộ Trà, dịch nghĩa là Thực Thổ Bi Khổ Thanh (ăn vào, phát ra tiếng buồn bã đau khổ), hoặc dịch là Kim Xí Điểu (chim cánh vàng), hoặc Diệu Thúy Điểu. Đây là một loại giống như chim đại bàng cực to, thần thoại Ấn Độ thường kể thần Tỳ Thấp Nô (Vishnu) hay cưỡi chim này. Theo kinh Trường A Hàm, quyển 19, Ca Lâu La có bốn loại: Thấp sanh, thai sanh, noãn sanh, hóa sanh. Loài noãn sanh sẽ ăn loại rồng sanh ra từ trứng, loài thai sanh ăn loại rồng sanh ra bằng thai v.v… Kinh Quán Phật Tam Muội Hải, quyển 1, cho biết: Do nghiệp báo chim này bay khắp Diêm Phù Đề, trong một ngày đêm phải ăn một long vương và năm trăm rồng nhỏ. Sải cánh của loài chim này rất lớn có thể quạt mạnh đến tách đôi nước biển cả. Các chùa Miên, Lào, Thái, Miến thường tạc Garuda với hình dạng đầu chim, hình người, có hai cánh to đứng nâng đỡ mái chùa (chữ Garuda bị biến thể theo âm Thái thành Krut). Garuda cũng được dùng làm biểu tượng cho hoàng gia Thái Lan.

4. Phật Giáo Dĩ Hiếu Vi Bổn Luận

(Luận về Phật giáo lấy Hiếu làm gốc)

Hiếu là đạo không gì lớn hơn được nữa; bao trùm trời đất, uốn nắn thánh, đào tạo hiền, tiên vương tu đạo hiếu nên thành tựu đức tột cùng, Như Lai nương theo đạo này chứng được đạo Giác. Vì thế, Hiếu kinh[213] đạo Nho có câu: *"Ôi! Hiếu là kinh của trời, là nghĩa của đất, là hạnh của dân vậy!"* Giới kinh nhà Phật dạy: *"Hiếu thuận phụ mẫu, sư Tăng, Tam Bảo. Hiếu thuận là pháp chí đạo. Hiếu gọi là Giới, cũng gọi là ngăn dứt. Thế gian hay xuất thế gian không gì chẳng lấy Hiếu làm gốc".* Hiềm rằng thế tục phàm tình chỉ biết hành đạo Hiếu nơi mặt hình tích rõ ràng, chẳng biết chỗ cùng cực tận hiếu. Hễ cứ thấy hàng Thích Tử xuất gia, liền dựa theo ngay ý kiến ức đoán của chính mình, mặc tình hủy báng: "Chẳng hiếu thuận phụ mẫu, chẳng khác gì phường đãng tử nghịch đồ!" Chẳng biết pháp thế gian trọng hiếu mà pháp xuất thế gian cũng không hề không trọng hiếu.

Bởi lẽ, Hiếu như thế gian nói thì có hình tích để tuân theo, còn đạo Hiếu của họ Thích thì giản lược nơi bề ngoài, mà chuyên chú dốc sức nơi cái gốc. Có hình

---

[213] Hiếu Kinh có thuyết nói do chính Khổng Tử trước tác, có thuyết nói do Tăng Tử. Tổng Mục của Tứ Khố Toàn Thư ngả về thuyết cho rằng Hiếu Kinh do Tăng Tử hoặc một trong bảy mươi người học trò kiệt xuất của Khổng Tử biên soạn. Sách được hình thành vào thời Tần Hán. Đây là tác phẩm được chú giải mạnh mẽ nhất ngoài Tứ Thư. Bản Hiếu Kinh được lưu hành hiện thời do chính Đường Huyền Tông (Lý Long Cơ) chú giải. Toàn sách chia thành 18 chương, bàn luận xoay quanh chữ Hiếu. Sách này được xếp vào Thập Tam Kinh, tức 13 tác phẩm bắt buộc phải học của người theo đạo Nho.

tích để tuân theo thì rõ ràng dễ thấy, còn chuyên chú dụng sức nơi gốc thì kín đáo, khó thể tỏ rõ. Vì sao nói như vậy? Nho thì hầu hạ, phụng dưỡng cho cha mẹ yên thân, coi đó là Hiếu. Lập thân, hành đạo, dương danh hậu thế khiến cho cha mẹ nở mày nở mặt thì gọi là đại hiếu. Luận đến cùng cực thì phàm là Ngũ Thường[214], Bách Hạnh, không gì chẳng nhằm phát huy đạo Hiếu. Vì thế, thiên Tế Nghi của sách Lễ Ký có câu: *"Chặt một cái cây, giết một con thú chẳng đúng thời thì chẳng phải là hiếu"*. Vì thế mới nói: *"Đạo Hiếu Để thông thấu thần minh, sáng khắp bốn biển vậy"*. Luận về Hiếu đến mức như vậy, có thể nói là tột cùng, chí lý vậy, không còn thêm gì được nữa! Nhưng hiếu như vậy rõ ràng thuộc trong vòng tai mắt, con người ta dễ thấy.

Chỉ có hàng Thích Tử chúng ta lấy chuyện thành đạo lợi sanh làm cách báo ân tối thượng. Không chỉ báo đáp cha mẹ nhiều đời mà còn báo đáp hết thảy cha mẹ trong tứ sanh lục đạo từ vô lượng kiếp. Không những hiếu kính cha mẹ khi còn sống mà còn độ thoát linh thức của cha mẹ, khiến cho họ vĩnh viễn thoát khỏi khổ luân, thường trụ Chánh Giác. Vì vậy, mới nói: *"Đạo Hiếu của họ Thích ẩn kín, khó thể hiểu rõ vậy!"* Tuy vậy, đạo Hiếu của Nho lấy chuyện phụng dưỡng cha mẹ làm đầu, nếu đệ tử Phật từ biệt cha mẹ xuất gia thì có phải là chẳng đoái hoài công cha mẹ nuôi dưỡng hay chăng? Đức Phật chế định: Xuất gia phải bẩm cùng cha mẹ. Nếu có anh em, con cháu có thể nhờ cậy thì mới được bẩm thưa cùng cha mẹ, cha mẹ bằng lòng mới được xuất gia. Nếu không, chẳng cho xuống tóc. Có

---

[214] Ngũ Thường: Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín.

người xuất gia rồi, nếu anh em gặp chuyện, cha mẹ không nhờ cậy ai được, cũng được phép xẻ bớt cơm áo để giúp cho cha mẹ.

Do vậy, ngài Trường Lô còn nêu vết thơm phụng dưỡng mẹ (thiền sư Trường Lô Tông Trách đời Tống, người xứ Tương Dương, lúc nhỏ mồ côi. Bà mẹ ngài họ Trần nuôi nhờ con trong nhà người cậu. Đến lớn, Sư thông thạo bác lãm kinh điển thế tục. Năm hai mươi chín tuổi xuất gia, hiểu sâu xa tông yếu. Sau trụ tại chùa Trường Lô, đón mẹ về ở nơi thất phía Đông phương trượng, khuyên mẹ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Bảy năm sau, mẹ niệm Phật qua đời. Chuyện này chép trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục), ngài Đạo Phi có chuyện lạ "chôn cha" (ngài Đạo Phi là tông thất nhà Đường, người Trường An. Sanh ra mới vừa đầy năm, cha vì vương sự bỏ mình. Ngài xuất gia năm bảy tuổi. Đến năm mười chín, đời loạn gạo mắc, bèn cõng mẹ vào Hoa Sơn, tự nhịn ăn, khất thực nuôi mẹ. Năm sau, ngài tìm đến chiến trường Hoắc Sơn, thâu thập xương trắng, kiền thành tụng kinh chú, mong tìm được xương cha. Vài ngày sau, xương cha từ giữa đống xương trồi lên, tiến thẳng đến trước mặt ngài Đạo Phi. Ngài bèn chôn vùi những bộ xương khác, mang xương cha đem về chôn cất. Chuyện này được chép trong Tống Cao Tăng Truyện). Vì thế kinh nói: *"Công đức cúng dường cha mẹ bằng với công đức cúng dường bậc Nhất Sanh Bổ Xứ Bồ Tát"*.

Cha mẹ còn sống thì khéo léo khuyên dụ, khiến cho cha mẹ trì trai niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Cha mẹ đã khuất thì đem công đức tu trì đọc tụng của chính mình thường chí thành hồi hướng cho cha mẹ, khiến họ vĩnh viễn thoát khỏi Ngũ Trược, từ biệt mãi mãi sáu nẻo, chứng Vô Sanh Nhẫn, đạt địa vị Bất Thoái. Đến tột cùng đời vị lai độ thoát chúng sanh khiến cho cả mình lẫn người đều thành giác đạo. Như vậy là chẳng giống

với đại hiếu của thế gian. Luận đến cùng cực, toàn bộ Lục Độ vạn hạnh, không gì chẳng nhằm mở rộng đạo Hiếu. Do vậy, trong Phạm Võng Giới Kinh, nhất nhất đều dạy nên sanh tâm từ bi, tâm hiếu thuận. Lại nói: *"Nếu là đệ tử Phật hãy nên dùng tâm từ bi thực hiện chuyện phóng sanh vì hết thảy người nam đều là cha ta, hết thảy nữ nhân đều là mẹ ta. Đời đời không lúc nào ta chẳng được họ sanh ra. Do vậy, lục đạo chúng sanh đều là cha mẹ ta. Giết chúng sanh ăn thịt chính là giết cha mẹ".*

Do vậy, hết thảy những gì mình tu trì đều đem hồi hướng cho khắp pháp giới chúng sanh chính là nghĩ đến tột cùng đời vị lai, hiếu với trọn khắp các hữu tình. Nếu đem đạo Hiếu thế gian ra so sánh thì về mặt hình tích cũng chẳng thiếu khuyết, mà về mặt gốc lại càng dư thừa! Tiếc cho những kẻ không thấy được lý này, nếu không bảo là nói dối, hoang đường thì cũng cho là mờ mịt! Nào biết theo chiều dọc thì suốt ba đời, theo chiều ngang thì trọn khắp mười phương, Phật nhãn thấy trọn vẹn như nhìn vào lòng bàn tay vậy!

5. Như Lai Tùy Cơ Lợi Sanh Thiển Cận Luận

(Lời bàn luận thiển cận về chuyện Như Lai tùy theo căn cơ lợi lạc chúng sanh)

Con người cùng một cái tâm này, tâm cùng một lý này: *"Chúng sanh và Phật không hai, phàm và thánh hệt như nhau".* Do mê - ngộ phân cách, đến nỗi thăng - trầm thật khác biệt! Đại Giác Thế Tôn thương xót, thị

hiện thành Chánh Giác phổ độ chúng sanh, từ một vị Đề Hồ tùy cơ nghi nói ra sai khác. Vì hàng đại căn bèn nói đốn pháp, khiến cho họ mau chứng Phật đạo. Với hàng tiểu căn bèn trao truyền Tiệm Giáo, khiến họ dần dần thoát khỏi trần lao. Tùy thuận thế gian, khéo dẫn dụ lần lần; dạy giới thiện để vạch ra con đường trời - người bằng phẳng; nêu rõ nhân quả để tỏ bày khuôn mẫu tốt lành nhằm để tiến đến và né tránh. Nói *"giới thiện"* có nghĩa là trong Ngũ Giới, không giết là Nhân, không trộm là Nghĩa, không tà dâm là Lễ, không nói dối là là Tín, không uống rượu thì tâm thường trong, chí thường lặng, thần chẳng hôn mê nên lý hiện. Ấy chính là Trí. Trì trọn Ngũ Giới sẽ chẳng đọa Tam Đồ, luôn sanh trong Nhân đạo.

Về đại thể, những điều này giống với Ngũ Thường của Nho giáo, nhưng Nho chỉ dạy tận nghĩa, còn Phật giảng thêm về quả báo. Thập Thiện là không giết, không trộm, không tà dâm; đó là ba nghiệp nơi Thân. Không nói dối, không nói thêu dệt, không nói đôi chiều, không ác khẩu, đó gọi là bốn nghiệp của Miệng. Không tham, không sân, không si, gọi là ba nghiệp của Ý. Những điều này gần giống với Ngũ Giới, nhưng Ngũ Giới đa phần ước theo thân, còn Thập Thiện đa phần ước theo tâm. Thập Thiện trọn đủ nhất định sanh trong thiên giới. Còn như gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, đối với anh nói nhường, đối với em nói kính, đủ mọi luân lý răn dạy đều nhằm làm cho con người ai nấy tận hết bổn phận, không bị thiếu khuyết gì, tùy thuận tướng thế gian, tu pháp xuất thế. Lại còn rộng nói nhân quả báo ứng, chẳng sai sót hào ly, đọa địa ngục, sanh thiên,

chỉ do con người tự chuốc lấy! Ấy chính là tâm Như Lai từ bi tột bậc muốn cho hết thảy chúng sanh vĩnh viễn thoát khỏi các khổ, chỉ hưởng các sự vui! Vì thế, chẳng tiếc sức thị hiện tướng lưỡi rộng dài, vì các chúng sanh tận tình tuyên diễn.

Kinh dạy: *"Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả"*. Nếu muốn chẳng nhận lãnh quả khổ, ắt phải đoạn trước cái nhân ác! Nếu thường tu nhân lành, nhất định thường hưởng quả vui! Ý này chính là như kinh Thư nói: *"Làm thiện, giáng điều lành. Làm điều chẳng lành, tai ương giáng xuống"*, hoặc như kinh Dịch nói: *"Tích thiện ắt điều mừng vui có thừa, tích chứa điều chẳng lành, ắt tai ương có thừa"*. Nhưng Nho chỉ ước trên đời này và con cháu mà luận, còn nhà Phật luận trọn tam thế quá khứ, hiện tại, vị lai vô tận; thế nhưng, phàm tình không thể suy lường nổi bèn coi là mịt mờ, chẳng chịu tin nhận. Như kẻ mù không tuân theo người dẫn đường, tự đi vào đường hiểm; muốn chẳng sa hầm xảy hố há có được chăng?

Vì vậy, Phật pháp rộng độ khắp mọi căn cơ trong mười phương pháp giới. Nếu luận trên nhân đạo thì không một ai chẳng thể kham nhận Phật pháp, mà cũng không ai không thể lãnh nhận Phật pháp. Nếu như ai nấy tu trì giới thiện thì phong tục tốt đẹp, con người hòa thuận, nhà yên, nước ổn, phong tục hưng thịnh thuở Đường Ngu sẽ lại được thấy trong đời này nào còn khó chi! Do vậy, pháp khởi đầu từ Tây Càn (Ấn Độ), truyền sang Đông Chấn (Trung Hoa), vua quan các đời thảy đều sùng phụng. Do đạo này ngầm cải hóa nhân tâm, lại ngầm tán trợ trị đạo, khuất phục hung ác ngay khi chưa

dấy, tiêu họa hoạn khi chưa chớm! Còn như xuất gia làm Tăng, chính là nhằm chuyên chí nơi Phật thừa và để gìn giữ pháp đạo mà đặt ra; đừng cho là "trong Phật pháp chỉ có Tăng mới có thể tu trì". Những lời nói nông cạn này chính là [luận trên phương diện] Như Lai tùy thuận thế gian, dần dần dạy cho pháp xuất thế Nhân Thiên Thừa. Còn như những thừa Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát khác đều lấy những điều trên đây làm cơ sở. Nếu ai là bậc đại căn, tiến thẳng về Diệu Giác, triệt chứng Phật tánh sẵn có trong tâm mình, phô diễn cùng cực bản hoài xuất thế của Như Lai. Nghĩa ấy rộng sâu, hãy để lại đó không bàn tới!

6. Trì Kinh Lợi Ích Tùy Tâm Luận

(Luận về việc trì kinh được lợi ích tùy theo cái tâm)

Hết thảy các kinh Đại Thừa hiển hay mật do đức Đại Giác Thế Tôn đã nói, về lý đều vốn duy tâm, đạo phù hợp Thật Tướng. Trải ba đời chẳng biến đổi, cả mười pháp giới đều tuân theo. Là người dẫn đường để trở về nguồn, quay lại cội, dẹp khổ, ban vui, là đạo sư của chư Phật, là bậc cha lành dẹp khổ ban vui cho chúng sanh. Nếu có thể tột lòng thành, tận lòng kính, lễ tụng, thọ trì thì cả mình lẫn người đều được lợi ích thù thắng, u - hiển đều được gội ân quang. Dường như Như Ý Châu, giống như Vô Tận Tạng, lấy chẳng hết, dùng chẳng cùng. Tùy tâm hiện lượng đều vẹn sở nguyện. Kinh Lăng Nghiêm nói: *"Cầu vợ được vợ, cầu con được con, cầu tam-muội được tam-muội, cầu sống lâu*

được sống lâu, như thế cho đến cầu đại Niết Bàn được đại Niết Bàn". Đại Niết Bàn chính là quả đức rốt ráo.

Nếu luận về bổn tâm của Như Lai thì toàn lực Khế Kinh thật ra đều nhắm về điều này. Nhưng do chúng sanh chí nguyện hẹp hòi, kém cỏi, lại thêm chẳng chí thành cùng cực nên chẳng thể trực tiếp khế hợp được. Vì thế, Phật thuận theo tâm hạnh của họ, thỏa mãn nguyện của họ. Nếu là bậc túc căn sâu dầy sẽ nhanh chóng hiểu rõ tự tánh, triệt chứng duy tâm, phá phiền hoặc, tiến thẳng vào Bồ Đề, viên mãn phước huệ, chóng thành giác đạo, đạt được lợi ích hoàn toàn nơi Khế Kinh, thông suốt bản hoài của Như Lai. Ví như một trận mưa tưới khắp, cây cỏ đều tươi tốt. Đại căn thì [tăng trưởng] chọc mây, che lấp mặt trời. Tiểu căn thì cũng tăng trưởng vài phân, vài tấc. Đạo vốn Chân Như duy nhất, lợi ích do tùy theo tâm mà có thù thắng hay kém cỏi; nhưng nếu đã gieo căn lành thì Phật quả rốt cục sẽ thành. Dẫu chẳng thể đạt được lợi ích lớn lao ngay, cũng sẽ nhờ đó mà được độ thoát. Nghe tiếng cái trống bôi thuốc độc, xa gần đều chết. Ăn chút Kim Cang, quyết định chẳng tiêu. Trước dùng Dục để lôi kéo, sau mới làm cho nhập Phật trí. Chính là như vậy đó!

7. Kiệt Thành Phương Hoạch Thật Ích Luận

(Bàn về chuyện phải dốc kiệt lòng thành mới đạt được lợi ích thật sự)

Ngạn ngữ có câu: *"Chẳng hạ mình thật sâu trước người khác, chẳng đạt được lẽ thật"*. Lời này tuy nhỏ,

nhưng có thể ví cho điều lớn lao. Phàm trong thế gian, lớn như kinh thuật[215], văn chương; nhỏ như một tài, một nghệ, nếu muốn thâm nhập diệu nghĩa đến mức thần tình, muốn được cốt tủy nơi đạo truyền tân, tài nghệ xuất chúng, danh truyền cổ kim, nếu chẳng chuyên tâm dốc ý, kiệt lòng thành, tận lòng kính, sẽ chẳng thể nào đạt được! Vì vậy, sách Quản Tử[216] có câu: *"Hãy suy nghĩ đi, hãy suy nghĩ đi, lại suy nghĩ chín chắn đi. Nghĩ không ra thì quỷ thần sẽ tương thông"*. Không phải là quỷ thần tương thông mà chính là do lòng tinh thành đến cùng cực vậy!

Đời Hán, Ngụy Chiêu gặp Quách Lâm Tông, cho rằng thầy dạy kinh sách dễ gặp, thầy dạy làm người khó gặp, bèn xin theo học, hầu hạ, quét tước. Lâm Tông thường hay bị bệnh, sai Chiêu nấu cháo. Cháo nấu xong, dâng lên, Lâm Tông mắng âm ĩ: *"Vì người trên nấu cháo chẳng để lòng kính cẩn làm, nên không ăn được!"* Chiêu lại nấu cháo khác, dâng lên, lại mắng như thế ba lượt, mặt ông Chiêu vẫn không đổi sắc. Lâm Tông nói: *"Thoạt đầu ta thấy được mặt ông, nay ta mới biết được tâm ông"*. Đời Tống, Dương Thời và Du Thố thờ [Trình] Y Xuyên làm thầy. Một bữa học hỏi đã lâu, Y Xuyên chợt nhắm mắt vờ ngủ, hai người học trò đứng hầu chẳng dám bỏ đi. Lúc lâu sau, Y Xuyên chợt tỉnh giấc nói: "Các trò vẫn còn ở đây à? Về nghỉ đi!" Bèn lui ra, ngoài cửa tuyết xuống đã dầy hơn cả thước. Trương

---

[215] Theo Lý Hồng Nham, trong bài Sử Thuật Thông Quán Kinh Thuật, thì Kinh Thuật chính là nghệ thuật cai trị, nghệ thuật chính trị, hoặc nói rộng hơn là ứng dụng lễ và những lý thuyết vào thực tế.

[216] Quản Tử: Một bộ sách thời cổ gồm 24 quyển, tác giả có thể là Quản Trọng thời Chiến Quốc (theo từ điển Từ Hải)

Cửu Thành, mười bốn tuổi sang chơi Quần Tường, suốt ngày đóng cửa, không có chuyện gì thì chẳng vượt ra ngoài giới hạn ấy. Người học trò ở bên cạnh xoi lỗ nhìn sang, thấy chàng ta ôm gối quỳ sát, đối trước thi thư như đối diện thần minh, bèn kính phục như trò đối với thầy. Bốn vị trên đây, những gì họ học chính là đạo *"minh đức tân dân"* của thế gian, là pháp *"tu tề trị bình",* mà họ còn tôn sư trọng đạo chí thành như thế, cho nên học được thành, đức được lập, khiến cho khi còn sống cũng như sau khi đã khuất, người đời ngưỡng mộ không thôi! Còn như Dịch Thu dạy cờ vây cũng chỉ do chuyên tâm dốc chí cho nên giỏi giang, như [ông lão] khom lưng đón ve[217], do dụng chí chẳng phân nên đạt được như vậy.

Do vậy, thấy rằng: Sự học không phân lớn hay nhỏ, đều phải lấy thành kính làm chủ. Huống nữa, Như Lai trong bao kiếp xưa, muốn khiến cho chúng sanh đồng thành giác đạo, nếu không gieo duyên, sẽ không do đâu đắc độ! Do vậy, Phật bèn hiện đủ mọi sắc thân hiện

---

[217] Theo sách Trang Tử, thiên Đạt Sinh, có câu chuyện: Vào tiết Hạ, Khổng Tử dẫn học trò sang nước Sở, nghỉ chân trong bóng mát tại một khu rừng, trong rừng có một ông lão dùng gậy dính nhựa để bắt ve sầu. Thấy ông ta bắt ve quá dễ dàng, mọi người nhìn say mê. Khổng Tử hỏi: "Sao ông bắt ve khéo thế? Có bí quyết gì không?" Ông lão đáp: "Đương nhiên là có! Loài ve nhỏ này rất tinh ranh, gió thổi động cỏ nó chạy mất ngay, do vậy trước tiên phải luyện sao cho tay cầm cành tre không run rẩy. Tập đến mức ném hai viên bi vào cành tre chẳng rung động, sẽ nhất định bắt được ve…. Cho đến khi ném năm viên bi vào cành tre chẳng run tay, sẽ bắt ve như tiện tay tóm lấy vậy. Tôi đứng dưới gốc cây như cành cây khô, duỗi tay ra như nhánh cây. Cuối cùng, khi tôi bắt ve, bất kể trời đất bao lớn, vạn vật nhiều thế nào, tôi chỉ thấy hai cánh của con ve, chẳng cần biết tình huống chung quanh ra sao, không phân tán được ý lực của tôi". Do từ câu chuyện này, mới có thành ngữ *"khom lưng đón ve"* (câu lũ thừa điêu), ý nói tập luyện tinh thục, chuyên nhất, không còn bị phân tâm.

hình trong sáu nẻo, đủ mọi phương tiện tùy cơ lợi vật, mở ra đủ cả ngàn môn, đồng quy một đạo. Kẻ thiện căn chưa gieo, chưa chín muồi, chưa giải thoát, Phật bèn làm cho kẻ ấy gieo, chín muồi, giải thoát. Nên dùng thân nào để độ được, bèn hiện thân ấy để thuyết pháp. Mây bủa cửa Từ, sóng trào biển Hạnh. Lục Độ đều tu, Tứ Nhiếp cùng lợi ích trọn khắp. Đấy là bố thí, trong ngoài đều xả, nghĩa là: quốc thành, vợ con, đầu mắt, tủy não, thịt trên thân, chân tay đều hoan hỷ thí cho. Vì vậy, kinh Pháp Hoa nói: *"Xem trong tam thiên đại thiên thế giới, không có chỗ nào chừng bằng hạt cải mà chẳng phải là chỗ Bồ Tát xả thân mạng"*.

Như Lai vì chúng sanh nên trải qua ba đại A Tăng Kỳ kiếp rộng hành Lục Độ, để kết khắp duyên chủng. Đợi đến lúc căn cơ chín muồi, rồi Ngài mới thị hiện thành Chánh Giác, hoằng khai pháp hội, phổ ứng quần cơ. Với bậc thượng căn bèn hiển thị Thật Tướng khiến họ sanh lên được bờ đạo. Với trung hạ căn bèn khéo léo tiếp dẫn, un đúc dần dần, Hiển, Mật, Quyền, Thật, Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, tùy theo căn cơ xếp đặt, nên dùng pháp nào bèn dùng pháp đó. Tuy có ba thừa, nhưng đạo vốn không hai. Vì Thật lập Quyền, Quyền là Quyền đối với Thật; khai Quyền hiển Thật, Thật là Thật đối với Quyền. Thuận theo căn cơ, khéo léo khuyến dụ dần dần, khiến cho cả lý lẫn cơ đều khế hợp thì giải cùng hạnh mới được viên mãn. Dù người học chuyên chú Đại Thừa, cũng chẳng được khinh miệt, vứt bỏ Tiểu Thừa, bởi Tiểu Thừa chính là pháp được lập ra để [người học] tiến nhập Đại Thừa, là diệu dụng độ sanh

của Như Lai, quả thật là phương kế rộng lớn để cho hàng hạ căn thoát khổ.

Vì thế, kinh Tứ Thập Nhị Chương nói: *"Người học đạo Phật thì đối với những gì Phật đã nói đều phải nên tin thuận. Ví như ăn mật, dù ở chính giữa hay chung quanh đều ngọt ngào, kinh của ta cũng giống như thế. Biển cả tuy có chỗ cạn, chỗ sâu, nhưng nước vốn chẳng hai vị".* Phàm những gì thuộc về kinh Phật đều phải nhất loạt tôn kính, như mạng lệnh của Luân Vương dẫu đủ mọi chuyện khác nhau, nhưng đều cùng từ vua sắc truyền. Người viên đốn lãnh thọ pháp thì không pháp nào chẳng viên. Những lời cư xử trong cõi đời, những nghề nghiệp để nuôi sống v.v… đều thuận theo chánh pháp, huống chi những pháp như Sanh Diệt, Vô Sanh, Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên v.v… do chính kim khẩu Như Lai nói ra. Đến khi một kỳ sự nghiệp của Như Lai đã xong, Phật bèn thị hiện diệt độ. Các đại đệ tử Ca Diếp, A Nan… kết tập pháp tạng lưu thông khắp pháp giới. Một ngàn năm sau, giáo pháp truyền sang cõi này. Cao tăng hai cõi, sang Đông, qua Tây, phiên dịch, lưu truyền kinh Phật, chẳng tiếc thân mạng. Đọc truyện các vị Pháp Hiển, Đàm Vô Kiệt[218], Huyền Trang v.v… thấy

---

[218] Pháp Hiển là một vị cao tăng đời Tấn (không rõ năm sanh và năm mất), người xứ Vũ Dương (nay là Thiểm Tây). Xuất gia từ ba tuổi, 20 tuổi thọ Cụ Túc Giới, cảm thán tình trạng kinh luật còn thiếu sót, bèn cùng đồng học là Huệ Cảnh, Đạo Chỉnh, Huệ Ứng, Huệ Nguy, rời Trường An vào năm Long An thứ ba (399), sang tận Ấn Độ cầu pháp. Ngài đi hơn 30 nước, đến năm Nghĩa Hy thứ 9 (413) mới về Trung Hoa, đem về rất nhiều bản kinh Phật bằng tiếng Phạn. Tại Trường An, Sư hợp sức cùng Phật Đà Bạt Đà La dịch Ma Ha Tăng Kỳ Luật, Đại Bát Nê Hoàn Kinh, Tạp Tạng Kinh, Tạp A Tỳ Đàm Tâm Luận. Ngài còn soạn bộ Phật Quốc Ký ghi lại cuộc viễn trình cầu pháp của mình.

đường lối hiểm trở, vô cùng gian nan, khó nhọc, bất giác nghẹn ngào, ứa lệ không sao thôi được.

Kinh dạy: *"Thân người khó được, Phật pháp khó được nghe".* Nếu không có nhân duyên kiếp xưa thì danh hiệu kinh Phật còn chẳng được nghe, huống chi là được thọ trì, đọc tụng, tu nhân, chứng quả ư? Những gì đức Như Lai đã nói đều y theo lý vốn sẵn có trong tâm chúng sanh, ngoài tâm tánh trọn chẳng có một pháp nào để đạt được cả. Chỉ vì chúng sanh đang mê nên chẳng thể hiểu rõ, trong Chân Như Thật Tướng bèn huyễn sanh vọng tưởng, chấp trước. Do vậy, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, mê trí huệ nên thành phiền não, ngay nơi thường trụ bèn thành sanh diệt, trải trần điểm kiếp, không thể thoát được. May gặp được những kinh Đại Thừa hiển - mật do đức Như Lai đã nói, mới biết hạt châu vẫn y nguyên nơi chéo áo, Phật tánh vẫn tồn tại. Tự coi mình là khách, là kẻ hạ tiện, nhưng vốn thật là con ông trưởng giả. Trời - người sáu nẻo chẳng phải là chỗ mình ở; Thật Báo, Tịch Quang mới là quê nhà sẵn có. Nghĩ lại từ vô thủy đến bây giờ, chưa nghe lời Phật nên dù sẵn có tâm tánh này, vô cớ bị luân hồi oan uổng! Thật là đáng đau đớn khóc than, tiếng rền đại thiên, tim từng miếng xé toạc, ruột từng tấc đứt lìa. Ân ấy, đức ấy quả còn hơn trời đất, cha mẹ gấp trăm ngàn vạn lần. Dẫu nghiền thân nát xương, há có thể báo đền được! Chỉ có y theo lời dạy tu hành, tự hành, hóa độ

Đàm Vô Kiệt (Dharmodgata): Cao Tăng đời Đường, người U Châu, họ Lý, siêng tu khổ hạnh, nghe chuyện ngài Pháp Hiển sang Ấn Độ cầu pháp, rất hâm mộ, lập chí noi theo. Ngài đi từ xứ Lưu Sa, qua Quy Tư, Sớ Lặc, đến tận Kế Tân, cầu được kinh Quán Thế Âm Thọ Ký bằng tiếng Phạn. Không rõ năm sanh và năm mất.

người khác thì cỏ Xuân mới đền đáp được ân nắng soi chút phần, hoa quỳ mùa Hạ hướng theo ánh mặt trời mà thôi. Nhưng hiện thời Tăng - tục mở xem kinh sách, trọn chẳng thành kính tí ti nào. Đủ mọi điều khinh nhờn, khó thể nêu trọn; nhưng tập thành thói đã lâu, ai nấy coi là thường, hình tích khinh nhờn đó không nỡ nêu đủ. Xem pháp ngôn của Như Lai giống như giấy cũ rách nát! Đừng nói chi những kẻ không biết chỉ thú nên trọn chẳng được lợi ích; ngay cả những người biết thật nghĩa sâu xa cũng chỉ là tam-muội đằng miệng, tỏa sáng ngoài mặt. Như đang đói kể chuyện ăn, như nghèo cùng đếm của báu, dù có công nghiên cứu, nhưng trọn chẳng được lợi ích thật chứng. Huống chi cái tội khinh nhờn quả thật ngập trời, thời gian thọ khổ há nào phải chỉ hết kiếp? Tuy là nhân lành, nhưng lại chuốc lấy quả ác. Dẫu thành cái nhân đắc độ cho tương lai, khó tránh khỏi nhiều kiếp chịu đủ mọi bề khổ sở.

Dùng cái tâm ôm nỗi thảm thương dám bày tỏ lời quê mùa, mong những ai vâng làm theo lời Phật chỉ được lợi, không bị tổn hại. Kinh Kim Cang dạy: *"Nếu kinh điển này ở đâu, chỗ ấy có Phật, phải như đệ tử tôn trọng [Phật]"*. Lại dạy: *"Nơi nơi, chốn chốn, nếu có kinh này thì hết thảy thế gian trời, người, A Tu La đều phải nên cúng dường. Phải biết chỗ ấy chính là tháp, đều nên cung kính, làm lễ, đi nhiễu, dùng các hương hoa rải lên nơi đó"*. Vì sao lại dạy như thế? Do hết thảy chư Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của hết thảy chư Phật đều từ kinh này mà ra; các kinh Đại Thừa đâu đâu cũng dạy con người phải cung kính kinh điển, chứ không phải chỉ nói một lần rồi thôi! Ấy

là vì các kinh Đại Thừa chính là mẹ của chư Phật, là thầy của Bồ Tát, là Pháp Thân xá-lợi của tam thế Như Lai, là thuyền từ thoát khổ của chúng sanh trong chín giới. Dù cao đăng Phật quả vẫn còn phải kính pháp, ngõ hầu báo đáp đến tận gốc, chẳng quên đại ân. Vì thế, kinh Niết Bàn dạy: *"Pháp là mẹ của Phật, Phật từ Pháp sanh".*

Tam thế Như Lai đều cúng dường Pháp, huống gì hạng phàm phu sát đất, toàn thân đầy nghiệp lực, như tù phạm tội nặng bị giam cầm lâu ngày trong lao ngục, không cách gì thoát ra được! May sao nhờ vào thiện căn đời trước, được xem kinh Phật, như tù nhân nhận được lệnh tha, mừng rỡ vô ngần! Do vậy, bèn nương theo kinh pháp vái chào tam giới mãi mãi, thoát khỏi lao ngục sanh tử vĩnh viễn, đích thân chứng Tam Thân, về thẳng quê nhà Niết Bàn. Vô biên lợi ích do nghe kinh bèn đạt được, há có nên dựa theo tri kiến cuồng vọng chẳng giữ lòng kính sợ, giống như nhà Nho đọc sách trong cõi tục, buông tuồng khinh nhờn ư? Đã đọc kinh Phật, sao không nương theo những gì kinh Phật dạy mà cung kính, tôn trọng? Đã khinh nhờn Phật pháp, há có thể đạt được tất cả những lợi ích chân thật nơi Phật pháp ư? Nếu có thể tạm dứt những kiến giải cuồng vọng, đêm thanh tự nghĩ, tâm thần ắt sẽ kinh hoàng, thẹn thùng, nước mắt ràn rụa, buồn cho ngày trước vô tri, thề suốt đời sẽ dốc kiệt lòng thành. Từ ấy, tâm ý nghiêm túc, cung kính, thân miệng thanh tịnh, vĩnh viễn dứt sạch tâm thái xấu xa thô lậu, luôn y theo khuôn phép thánh hiền của kinh luận.

Nếu làm được như thế ắt sẽ ở trong biển cả Phật pháp, tùy phần, tùy sức đạt được lợi ích. Như Tu La, hương tượng và các loài muỗi mòng uống nước biển cả, [loài nào loài nấy] đều được no bụng. Lại như một trận mưa thấm ướt khắp, cây cỏ đều tươi tốt. Như thế thì cái công thọ trì của chính mình mới chẳng uổng phí, mà tâm Như Lai giảng kinh, tâm hoằng pháp của chư Tổ cũng được vui đẹp, an ủi, sung sướng phần nào! Nay đem những sự tích lợi ích do cung kính kinh điển của chư cổ đức chép đại lược vài điều, ngõ hầu những người chân tu thật hành có cái để noi theo:

1) Vị Tăng tên Đức Viên đời Tề, không biết thuộc tộc họ nào, người xứ Thiên Thủy, thường lấy kinh Hoa Nghiêm làm sự nghiệp, thọ trì, đọc tụng nắm vững chỗ yếu diệu đến cùng cực. Sư sửa dọn một khu vườn sạch, trồng toàn cây cốc chử[219] và trồng cỏ thơm, trồng xen lẫn các loại hoa tươi. Mỗi lần vào vườn, đều tắm rửa, thân mặc áo sạch. Tưới bằng nước thơm, cây dó mọc được ba năm, mùi thơm sực nức. Lại tạo riêng tịnh thất, dùng chất bùn thơm tô vách, trát đất, kết đàn, bày đồ vật tinh sạch, tắm gội. Nhà tắm có để sẵn áo dành riêng cho khi đi vệ sinh. Thợ đều phải trai giới, ra vào đều phải thay áo, súc miệng cho thơm tho. Lột vỏ cây dó, ngâm trong nước trầm cho sạch để làm giấy. Cả năm mới làm xong. Bèn đắp riêng một cái nền sạch, lại cất một ngôi thất mới. [Từ đầu] cho đến khi bắc kèo, lợp ngói, tắm rửa đều dùng nước thơm, mỗi việc đều

---

[219] Cốc: Một loại cây có tên khoa học là Broussonetia Papyrifera, vỏ thường được dùng để làm giấy (theo Trần Văn Chánh). "Chử" là cây dó (vỏ được dùng để làm giấy bản).

nghiêm khiết. Trong nhà, đặt một tòa vuông bằng gỗ bách khảm ngà, chung quanh xếp hương hoa, phía trên treo lọng báu, treo các thứ ngọc có tiếng thanh tao, kết xen lẫn thành tua rủ xuống chung quanh. Dùng gỗ bạch đàn và tử trầm (gỗ trầm tía) làm án kinh và quản bút. Người chép kinh hằng ngày giữ trai giới, tắm gội bằng nước thơm ba lần, đội mão hoa, mặc áo sạch, chưng diện như người cõi trời.

Lúc vào kinh thất, bèn đốt hương hai bên đường, có người xướng tụng dẫn đường đằng trước. Đức Viên cũng ăn mặc theo hình thức nghiêm tịnh như thế, cầm lư hương cung kính dẫn đường. Rải hoa cúng dường rồi mới biên chép. Đức Viên hồ quỳ[220], vận tưởng, mắt nhìn chăm chú, dốc lòng. Vừa chép được mấy hàng, mỗi chữ đều phóng quang, chiếu khắp cả viện, mọi người đều thấy, không ai chẳng bi cảm, một lúc lâu sau mới hết. Lại có thần nhân cầm giáo hiện hình hộ vệ, Đức Viên và người chép kinh đều thấy, người khác không thấy được! Lại có phạm đồng áo xanh, không biết từ đâu đến, tay cầm hoa trời, chợt dâng lên cúng dường. Những chuyện linh cảm trước sau đều giống như vậy. Phải mất hai năm, mới chép xong kinh. Đựng trong hộp thơm, đặt trong trướng báu, cất trong tịnh đường. Mỗi lần đều đảnh lễ rồi mới chuyển đọc, hộp tỏa ra ánh sáng lạ. Nghiêm khiết đến thế, kính trọng

---

[220] Cách thức quỳ lễ của người Hồ (từ thời cổ, Ấn Độ hay những xứ phía Tây Trung Hoa đều được gọi là Hồ), có nhiều cách hiểu khác nhau:
a. Chỉ gập gối là hồ quỳ.
b. Hồ quỳ là trường quỳ, tức là đặt sát hai đầu gối sát đất, hai đùi dựng thẳng lên theo thân mình.
c. Gối hữu đặt sát đất, gối trái dựng lên

tuyệt cổ siêu kim. Bộ kinh này được trao truyền đến nay qua năm đời (Ngũ Đại), có ai thanh tịnh chuyển đọc thì cũng có lúc hiện sự linh ứng rõ rệt như vậy. Bộ kinh ấy nay được thủ hộ cúng dường ở chỗ pháp sư Hiền Thủ chùa Tây Thái Nguyên.

Chú thích[221]:

Chuyện này và hai chuyện tiếp theo đều là nói về bản Lục Thập Hoa Nghiêm (Hoa Nghiêm bản dịch gồm sáu mươi quyển) được dịch vào đời Tấn. Chữ Cốc 穀 đọc như chữ Cốc 谷, thân mộc chứ không phải thân thảo, là một loài khác của giống cây Chử 楮 (cây dó). Đức Viên trồng cây dó để làm giấy chép kinh. Vào trong vườn trồng cây dó này mà còn phải tắm gội, mặc y phục sạch sẽ. Do đây biết rằng: Hằng ngày Sư lễ Phật tụng kinh, thành kính, tịnh khiết [đến mực nào!] Người thời nay lên Đại Hùng bảo điện còn chẳng được kiền thành, thanh khiết như sư Đức Viên vào vườn trồng cây dó. Thật đáng cảm khái, than thở! [Trong câu *"mộc cụ tân y"* (dịch theo ý là "tắm rửa, vào chỗ bẩn đều thay áo mới")], thì "mộc" là "mộc thất" (nhà tắm), còn "tân" nên đọc là "xúc" (dơ bẩn), ý nói: Trong nhà tắm có áo để mặc riêng khi vào nhà cầu. Câu *"tượng nhân trai giới, dịch phục xuất nhập"* nghĩa là những người thợ được dùng ở đây đều phải trì Ngũ Giới, hằng ngày thọ pháp Bát Quan Trai. Phàm muốn đi vệ sinh, phải đến chỗ nhà tắm, cởi bỏ thường phục, mặc áo dành riêng

---

[221] Đây là phần giải thích của tổ Ấn Quang đối với câu chuyện vừa được sao lục.

cho nhà vệ sinh. Khi đi ra, phải tắm gội sạch rồi mới được mặc lại thường phục.

"Tuyền tô" là những cái tua: Dùng những sợi tơ, đầu thắt lại, cho rủ xuống. *"Bái"* tức là "xướng tán". Ngũ Đại là Tề, Lương, Trần, Tùy, Đường. Truyện này do người đời Đường soạn, nên ghi là *"cho đến nay là năm đời"*. Lòng thành của Đức Viên siêu việt cổ kim, nên mới linh ứng nhiều điều như thế. Người đời nay dù không tài lực, nhưng với những chuyện sức mình làm được, há chẳng nên dốc kiệt lòng thành, vét tận lòng kính để mong Tam Bảo rủ lòng từ, gia bị thầm kín hay rõ ràng ư? Nếu chỉ chuộng bề ngoài, trọn chẳng thành kính, sẽ không cách gì cảm thông được pháp lực vô biên, bèn cho là Phật pháp không linh, há có được ư? Chuyện này sao lục từ bộ Hoa Nghiêm Huyền Đàm[222] và dung hội hai bộ Huyền Ký[223].

2) Vị tăng Tu Đức ở Trung Sơn, Định Châu vào đời Đường, không biết họ tên, khổ hạnh, tiết tháo thành

---

[222] Hoa Nghiêm Huyền Đàm: Tác phẩm của ngài Trừng Quán soạn vào đời Đường, gọi đủ là Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao Huyền Đàm, gồm chín quyển. Tác phẩm này trình bày cương yếu của bộ Bát Thập Hoa Nghiêm, hiển dương những ý nghĩa chánh yếu của tông Hoa Nghiêm. Nội dung được chia thành nhiều phần như luận về nhân duyên, tạng giáo, nghĩa lý, căn cơ được hóa độ bởi kinh này, giáo thể, tông, thú, bộ loại, phẩm, hội của kinh, những chuyện cảm ứng… Tác phẩm này thật ra là những phần liên quan đến huyền nghĩa trong bộ Hoa Nghiêm Kinh Tùy Sớ Diễn Nghĩa Sao được trích riêng ra.

[223] Tức là Hoa Nghiêm Sưu Huyền Ký (gọi đủ là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Sưu Huyền Phận Tề Thông Trí Phương Quỹ) do ngài Trí Nghiễm soạn vào đời Đường nhằm giải thích kinh Hoa Nghiêm. Nội dung nêu lên cương yếu huyền nghĩa của kinh và giải thích đại lược kinh văn. Bộ thứ hai là Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký do ngài Pháp Tạng (cũng sống vào đời Đường) soạn nhằm đặc biệt phát huy giáo nghĩa Thập Huyền Môn được giảng trong phần huyền nghĩa trong bộ Hoa Nghiêm Sưu Huyền Ký.

tánh, tu hành nơi rừng núi. Kết nghiệp an tâm nơi kinh Hoa Nghiêm và luận Khởi Tín. Năm Vĩnh Huy thứ tư (653), phát tâm sao chép. Vì thế, lập riêng một tịnh viện, trồng cây dó, trồng kèm các loại hoa thơm. Tưới bằng nước thơm, ba năm sau, tịnh khiết làm thành giấy. Lại cất riêng một cái đài thanh tịnh, dựng nhà trên đó. Mời người viết chữ đẹp ở Vi Châu là Vương Cung, trai giới nơi biệt viện, tắm gội, mặc áo sạch, thắp hương, rải hoa, treo các loại phan lọng, lễ kinh sám hối rồi mới lên tòa viết. Hạ bút xuống bèn ngậm hương, nhấc bút lên mới thở ra. Mỗi ngày đều như thế. Sư Tu Đức vào tịnh thất, vận tưởng. Mỗi lần chép xong một quyển bèn tặng mười xấp lụa mịn, một bộ tặng tổng cộng sáu trăm tấm lụa mịn. Ông Cung dốc kiệt lòng chí thành, đều chẳng nhận lấy; vừa chép xong kinh, liền mất ngay. Do kinh đã hoàn thành, Tu Đức bèn mở trai hội ăn mừng. Đại chúng nhóm đến, Tu Đức đối trước Phật, đốt hương, rải hoa, phát hoằng thệ nguyện, rồi mới mở hộp đựng kinh, tỏa ra quang minh lớn, chiếu khắp hơn bảy mươi dặm, chiếu đến tận thành Định Châu. Dân chúng trong thành đều thấy. Đại chúng đến dự trai hội tại Trung Sơn đều gieo thân phủ phục, nghẹn ngào khóc lóc sám hối.

Chú thích:

Truyện này gần giống với sự tích ở phần trước. Đủ thấy cổ nhân đối với Tam Bảo đều kiệt thành tận kính, hoàn toàn chẳng như người bây giờ coi thường, khinh nhờn, hữu danh vô thực! *"Nâng bút, thở ra"* có nghĩa là muốn ho hắng, hoặc muốn ngáp, đều ngừng bút một chút, mặt hướng sang phía bên cạnh, thở hơi ra, chẳng dám để hơi thở xông vào kinh. *"Vừa chép kinh xong,*

ngay lập tức bèn mất" nghĩa là do chuyên tâm chép kinh, chẳng cầu danh lợi, chí thành đến cùng cực, đến nỗi nghiệp tận tình không, liễu sanh thoát tử, cao đăng sen báu thượng phẩm, tự chứng địa vị Bất Thoái. Xem đây có thể biết Phật pháp chẳng cô phụ con người, nhưng Tăng, tục thời nay đa phần đều cô phụ Phật pháp. Biết làm sao được! Chuyện này gộp từ hai sách Huyền Ký.

3) Sư Pháp Thành đời Đường, họ Phan, người huyện Vạn Niên thuộc Ung Châu, xuất gia từ nhỏ, lấy việc tụng Hoa Nghiêm làm sự nghiệp. Do gặp Huệ Siêu thiền sư ẩn cư trong ngọn núi cao Lam Cốc, bèn vứt bỏ phiền hoặc, dốc lòng thành cầu học. Về sau, Sư tạo Hoa Nghiêm Đường ở ngọn núi phía Nam chùa, trong ngoài đều trong sạch. Trang nghiêm xong xuôi, bèn vẽ cảnh bảy xứ chín hội[224]. Lại dốc cạn lòng chí thành tinh

---

[224] Bảy xứ chín hội: Kinh Hoa Nghiêm được nói ở bảy nơi, chia thành chín hội. Căn cứ theo kinh Bát Thập Hoa Nghiêm thì:

1) Hội thứ nhất tại Bồ Đề đạo tràng gồm sáu phẩm, mười một quyển. Phổ Hiền Bồ Tát giảng về y báo nhân quả của đức Tỳ Lô Giá Na Phật.

2) Hội thứ hai giảng tại điện Quang Minh, cũng là do Phổ Hiền Bồ Tát nói về chánh báo nhân quả của Phật, gồm ba phẩm. Nửa phần sau hội thứ hai, Văn Thù Bồ Tát giảng Thập Tín, giảng về Sơ Phát Tâm, tổng cộng ba phẩm.

3) Hội thứ ba trên trời Đao Lợi, giảng trên cung trời Đao Lợi do Pháp Hội Bồ Tát chủ giảng. Vì thế, hội thứ ba do Pháp Hội Bồ Tát giảng Thập Trụ, có sáu phẩm, ba quyển.

4) Hội thứ tư tại trời Dạ Ma, do Công Đức Lâm Bồ Tát giảng pháp môn Thập Hạnh, cũng gồm bốn phẩm, ba quyển.

5) Hội thứ năm trên trời Đâu Suất – Di Lặc Bồ Tát sống trên trời Đâu Suất – Hội này do Kim Cang Tạng Bồ Tát giảng pháp môn Thập Hồi Hướng, có ba phẩm, gồm mười hai quyển.

6) Hội thứ sáu tại trời Tha Hóa Tự Tại, do Kim Cang Tạng Bồ Tát làm hội chủ, giảng pháp môn Thập Địa. Hội này chỉ có một phẩm, nhưng là một phẩm rất dài, dài đến cả sáu quyển.

chuyên, biên chép, thọ trì. Hoằng Văn học sĩ Trương Tịnh, là người chữ đẹp nổi tiếng tài hoa hãn hữu khi ấy. Sư bèn thỉnh đến sơn xá, bảo hãy thọ trai giới, khiết tịnh tự tu. Miệng ngậm nước thơm, thân mặc áo sạch. Trương Tịnh chép kinh lâu ngày, mỗi trang giấy đòi giá năm mươi đồng. Sư Pháp Thành liệu trước, vừa chép hai trang, đã ứng trước năm trăm. Trương Tịnh được lợi, dốc sức chép. Cho đến hết bộ kinh, Pháp Thành hằng ngày đều thiêu hương cúng dường trước án. Trong khi vẽ vời, tâm duyên theo, mắt nhìn chăm chú, trọn chẳng sót chút nào. Do dốc lòng chăm chú, khi đó cảm được con chim lạ, hình sắc hiếm có trong đời, bay vào trong nhà, bay quanh quẩn cổ vũ, đáp xuống án kinh, rồi lại đậu lên lư hương, lặng lẽ đứng nhìn, tự nhiên như thân quen, một hồi lâu sau bay đi.

Năm sau, kinh chép xong, sắp sửa ăn mừng, chim lại bay tới, lẩn quẩn như trước, hót tiếng thánh thót. Năm đầu niên hiệu Trinh Quán (627), Sư vẽ hình ngàn vị Phật, chim lại bay tới, đậu trên lưng người thợ. Sau Sư mở trai hội, cúng mừng các kinh tượng. Trong ngày hôm ấy, Sư lấy làm lạ không thấy chim đến, nhìn lên đỉnh núi nói: *"Chim đã không đến, ta thật không cảm*

---

7) Hội thứ bảy lại là điện Phổ Quang Minh, trong hội này, đức Phật làm chủ, giảng về Đẳng Giác, về Diệu Giác. Phần này gồm mười một phẩm, mười ba quyển.

8) Hội thứ tám cũng tại điện Phổ Quang Minh, Phổ Hiền Bồ Tát giảng, chủ yếu nói về các pháp môn tu hành. Phổ Hiền Bồ Tát nói hai ngàn pháp môn tu hành. Phần này chỉ có một phẩm, gồm bảy quyển.

9) Hội thứ chín tại rừng Thệ Đa, tức là vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, diễn tả cuộc cầu pháp tham học với năm mươi ba vị thiện tri thức của Thiện Tài Đồng Tử.

[được chim]. Phải chăng hiềm vì có các uế hạnh nên mới có điềm này?” Nói xong, chim đột nhiên bay đến chao lượn kêu hót, đậu vào trong nước thơm, nhảy nhót tắm gội, rồi lại bay đi. Trước sau đều như thế, không cần phải nhắc lại. Trương Tịnh khéo tài bút mực, nên được trong làng đề cử, các bài kinh kệ được khắc trên vách núi bên đường đều do ông ta viết. Ông chép Pháp Hoa ở ngay nơi đất trống. Nhân có chuyện phải đi nơi khác, chưa kịp đem cất. Mưa to như trút, khe, suối đều ngập tràn. Chạy đến xem thấy cả án kinh đều khô ráo, còn những thứ khác đều ướt đẫm. Ông từng tựa vào cây tùng mọc ngang, bị té xuống dòng suối chảy xiết, chưa trôi đến khe nước bên dưới, bất giác đã lên được bờ cao, chẳng tổn hại một mảy lông.

Chú thích:

Pháp Thành, Trương Tịnh đều dốc kiệt lòng thành kính nên được cảm ứng, đều khó thể nghĩ bàn. Truyện này trích từ Hoa Nghiêm Huyền Đàm và dung hội hai sách Huyền Ký và Tục Cao Tăng Truyện.

4) Sư Đàm Vận đời Đường, người Định Châu. Năm bảy mươi tuổi, nhằm lúc cuối đời Tùy đất nước loạn lạc, bèn ẩn cư trong Ly Thạch Bắc Thiên Sơn, thường tụng kinh Pháp Hoa. Sư muốn chép kinh này, nhưng không ai cùng chí hướng. Qua nhiều năm như thế, chợt có người thư sinh không biết từ đâu đến, nói muốn tắm gội sạch sẽ, rồi mới chép được. Liền vào lúc sáng sớm, ăn xong, tắm gội, mặc áo sạch, thọ tám giới, vào tịnh thất, miệng ngậm đàn hương, đốt hương, treo phan, lặng lẽ sao chép, đến chiều mới ra. Hôm sau lại như trước,

chưa từng than mệt. Đến khi kinh chép xong, Sư đúng pháp dâng tiền công, đưa ra ngoài cửa, liền chẳng thấy đâu nữa. Còn như trang hoàng [bản kinh đã chép], một mực đúng chánh pháp, Đàm Vận thọ trì, đọc tụng, thắt trong bảy lớp bọc. Cứ mỗi một lớp là một lượt dùng nước thơm rửa tay. Lúc đầu chưa từng tạm sót, sau gặp phải giặc Hồ, bèn bỏ kinh trong rương, đặt trên ngọn núi cao. Năm sau, giặc yên, tìm lại, nhưng không thấy. Lục tìm cùng khắp, cuối cùng tìm được rương dưới vách đá. Vải bọc rương đã mục nát rã rời, bới gỗ mục ra, thấy kinh vẫn tốt nguyên y như cũ.

Chú thích:

Chép kinh tâm chí thành, cảm thánh chúng ứng đến. Thánh tuy ứng hiện, nhưng thị hiện giống như phàm phu. Vì thế, một mực theo đúng pháp: Sáng sớm, ăn xong bèn tắm gội, mặc áo sạch… *"Tám giới"* là Bát Quan Trai pháp. Lấy việc quá Ngọ không ăn để làm Thể, lấy tám giới như không giết v.v… để hỗ trợ nhằm đóng lấp các phiền não Hoặc nghiệp tham, sân, si v.v… chẳng cho sanh khởi. Đây chính là khiến cho người tại gia thọ giới xuất gia. Kỳ hạn thọ giới này là từ lúc sáng sớm ngày hôm nay cho đến rạng sáng ngày hôm sau. Do chép kinh hằng ngày phải trì, vì thế phải hằng ngày thường thọ. *"Đến chiều mới ra"* tức là giờ Ngọ cũng không ăn. Chữ Khỏa 裹 âm đọc giống như chữ Quả, tức là cái bao. *"Mỗi một lớp bao là một lượt rửa tay bằng nước thơm"*, tức là đọc một hồi kinh, bèn dùng nước thơm rửa tay một lượt. *"Vải bọc rương mục nát mà kinh vẫn còn nguyên, đẹp đẽ"* thì một là do được pháp

lực của thánh nhân gia trì, hai là do thành tâm của ngài Đàm Vận chiêu cảm, ba là do công đức khó thể nghĩ bàn của bộ kinh mầu nhiệm này. Về sau, sư Đàm Vận trụ tại Thấp Châu. Năm Trinh Quán thứ mười một (637), Đạo Tuyên luật sư đã đến gặp Sư. Khi ấy, Sư niên kỷ đã bảy mươi. Những chuyện tiếp theo đây đều trích từ Tam Bảo Cảm Thông Lục[225].

4) Năm Trinh Quán thứ năm (631) đời Đường, có ông Lệnh Hồ Nguyên Quỹ ở huyện Ba Tây, Long Châu, kính tín Phật pháp, muốn chép kinh Pháp Hoa, Kim Cang, Bát Nhã, Niết Bàn v.v… nhưng không cách nào tự kiểm lại được, bèn nhờ Kháng thiền sư ở nơi ấy kiểm giảo. Thầy Kháng bèn ở trong chùa, khiết tịnh đúng pháp. Chép xong cuốn cuối, bèn đưa về trang trại tại Kỹ Châu, giữ kinh trong trang và năm ngàn lời của Lão Tử cùng để một chỗ, chợt bị lửa bên ngoài cháy lan đến, nhà lợp bằng cỏ, bị lửa cháy sạch hết. Khi ấy, ông Quỹ đang làm huyện lệnh ở Bằng Dực, gia nhân liều mạng bới tro, lôi được ống đồng pha vàng đựng kinh ra khỏi tro. Các kinh đựng trong ống vẫn như cũ không bị hư hại gì, màu sắc đẹp đẽ không thay đổi. Chỉ có lớp bọc là biến thành tro. Lại tìm kinh của Lão Tử, nó đã bị cháy tiêu. Họ bèn thâu thập các kinh ấy, người trong làng xóm đều khen là lạ lùng. Quyển kinh Kim Cang Bát Nhã, hàng chữ ghi tựa đề bị cháy đen, hỏi đến nguyên do, thì ra lúc viết tựa đề kinh, có vị quan trong châu viết

---

[225] Tác phẩm của ngài Đạo Tuyên Luật Sư soạn vào đời Đường, gồm 3 quyển, có tên gọi đầy đủ là Tập Thần Châu Tháp Tự Tam Bảo Cảm Thông Lục; đôi khi còn gọi là Đông Hạ Tam Bảo Cảm Thông Lục. Nội dung chép về sự tích xá-lợi Phật, tượng Phật, chùa Phật, kinh điển và chuyện linh dị của hàng Tăng, tục.

chữ đẹp, vị này đi gấp, không giữ khiết tịnh mà cất bút viết ngay. Do vậy, đề kinh bị lửa đốt. Người này hiện vẫn còn sống, những kinh tốt lành ấy vẫn còn. Chủ Thần Tế ở chùa Tây Minh tại kinh đô chính mắt chứng kiến, kể lại.

Chú thích:

"Năm ngàn lời của Lão Tử" chính là Đạo Đức Kinh. Hết thảy Phật sự đều lấy giới hạnh, thành kính làm chủ. Nếu giới hạnh tinh nghiêm, thành kính, chuyên dốc thì Tam Bảo chư thiên sẽ đều ủng hộ. Nếu không, sẽ không cách nào cảm được vô biên pháp lực. Xem thấy những kinh ấy không bị tổn hại mảy may, chỉ có tựa đề kinh Kim Cang nét chữ bị cháy đen là do người ấy đã không có giới lực, lại không thành tâm vậy! Người thọ trì kinh Phật há chẳng lấy việc trì giới dốc cạn lòng thành làm nhiệm vụ cấp bách ư?

5) Đời Đường, ở Hà Đông, có ni sư tên Luyện Hạnh thường tụng kinh Pháp Hoa, mời người viết chữ đẹp chép kinh, phải trả công cao gấp nhiều lần, nhưng khiết tịnh, ân cần quả thật có thừa! Cứ mỗi lần khởi đầu là một lần tắm, đốt hương xông áo, thở vào ống đồng thông ra ngoài vách. Chép hết bảy quyển phải tám năm mới xong. Sư Pháp Đoan chùa Long Môn nhóm chúng giảng thuyết, mượn ni sư bộ kinh ấy để thẩm định. Cố nhiên ni sư không cho, Pháp Đoan quở trách. Sự chẳng đặng đừng, ni sư bèn tự đem đưa cho Pháp Đoan. Pháp Đoan mở ra đọc, chỉ thấy giấy vàng, trọn chẳng có chữ nào! Các quyển khác cũng vậy. Đoan hổ thẹn, đưa trả cho ni sư. Ni sư buồn khóc, nhận lấy. Dùng nước thơm

rửa hộp đựng kinh, đội lên đầu nhiễu Phật bảy ngày không nghỉ. Mở ra xem, chữ hiện như cũ. Khi ấy nhằm năm Trinh Quán thứ hai (628), Sư Pháp Đoan tự kể chuyện này (tôi vốn muốn sao chép rộng rãi những lợi ích do cung kính Tam Bảo và những tội khiên do khinh nhờn Tam Bảo để người nghiên cứu học Phật có cơ sở để giữ pháp, không do đâu mắc tội, nhưng vì mục lực chẳng đủ nên đành ngưng).

8. Vãn hồi kiếp vận hộ quốc cứu dân chánh bản thanh nguyên luận

(Luận về "gốc chánh nguồn trong" của việc vãn hồi kiếp vận bảo vệ đất nước cứu dân)

Đạo đức, nhân nghĩa chính là tánh đức sẵn có của chúng ta. Nhân quả, báo ứng quả thật là phương tiện quyền biến lớn lao để sanh thành dưỡng dục của thiên địa. Con người sống giữa trời đất; cái thân bảy thước nhỏ nhoi lại đứng cùng trời đất rộng lớn, cao dày không lường thành ba yếu tố, gọi chung là Tam Tài. Ai lãnh hội được đức của trời đất sẽ đều là Nghiêu, Thuấn, đều có thể thành Phật, góp phần giúp đỡ sự sanh thành dưỡng dục vậy. Vì thế, đối với hai tượng Càn - Khôn trong kinh Dịch, thánh nhân lấy pháp *"tự cường không ngơi"* của Trời, lấy "*đức dầy chở vật"* của Đất để giáo hóa con người. *"Tự cường không ngơi"* thì ngăn lòng tà, giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ, không đạt đến mức "làm sáng tỏ Minh Đức, trụ nơi chí thiện, trừ hết sạch lòng ham muốn của con người, thiên lý lưu hành" để khôi phục lại tánh đức sẵn có thì không đành lòng! *"Đức dầy chở vật"* thì yêu dân, thương vật, khiến cho

chính mình lẫn người đều ôm lòng chuyên chú trung hậu, khoan thứ, hành từ bi, coi như ruột thịt, coi loài vật và ta giống hệt như nhau, không tận hết thiên chức góp phần tán trợ sự sanh thành dưỡng dục thì chẳng thôi!

Những lời này chẳng phải chỉ để nói về hạng người có địa vị, nắm quyền cai trị, mà ngay cả thất phu, thất phụ cũng đều có thể hành được; bởi lẽ, đạo của Nghiêu - Thuấn chỉ là hiếu - đễ mà thôi! Cái học của thánh hiền chỉ là tu thân mà thôi! Tu được thân, ắt sẽ tu hiếu đễ, ắt trừ sạch vật dục, mở rộng lương tri để cho riêng thân mình được thiện, nhưng sẽ có hiệu quả [giống như Văn Vương] nêu gương cho vợ, gương ấy lan đến anh em, rồi phổ biến khắp đất nước! Huống chi người có địa vị nắm quyền cai trị, há lẽ nào chẳng khiến cho thiên hạ đều cùng được tốt lành ư? Thiên hạ loạn lạc, thất phu có trách nhiệm! Nếu ai nấy đều dốc tận lòng thành, ai nấy tận sức hiếu - đễ, ai nấy làm điều từ thiện, thương cô nhi, giúp đỡ kẻ góa bụa, cứu nạn, thương nghèo, kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, thì do con người dùng điều lành để cảm, trời sẽ ứng phước xuống, tự nhiên mưa thuận, gió hòa, dân yên, vật thịnh vượng, quyết chẳng đến nỗi trời thường giáng những tai nạn như lụt lội, hạn hán, ôn hoàng[226], gió bão, động đất v.v…mà thời thế sẽ yên ổn, được mùa, dân an cư lạc nghiệp. Lại còn từ hòa, nhân nhượng, quen tập thành phong tục. Dẫu có một hai kẻ ngu độn ương bướng, cũng sẽ hóa thành lương thiện. Như cảm hóa được

[226] Ôn: bệnh dịch, hoàng: tức nạn cào cào, châu chấu, sâu bọ phá hoại mùa màng.

chàng quân tử trên kèo nhà[227] thì một phương sẽ vĩnh viễn tuyệt sạch nạn trộm cắp; điều phục được đứa dòm lén trong nhà kín thì từ đấy về sau nó sẽ thành người lành.

Cổ nhân dùng nhân từ để cai trị, chân thành yêu dân, còn cảm hóa được dị loại, như những chứng cớ tốt lành: hổ không vào cõi ấy, cá dữ bỏ sang nơi khác v.v…. chép trong các sử sách, nào phải chỉ một chuyện! Nếu ai nấy đều có thể dùng từ thiện tương cảm, quyết chẳng đến nỗi thường có những cái họa: thổ phỉ, đao binh, giày xéo, cướp đoạt v.v… Nhưng bẩm tánh con người có vàn muôn thứ chẳng giống nhau. Người căn tánh thiên bẩm sâu dày, ắt tự có thể tận lực tuân thủ đạo nghĩa để tận hết trách nhiệm con người. Những người có tập khí sâu dầy từ kiếp trước, nên tánh đức bị ngăn lấp, đến nỗi những gì tâm họ nghĩ, những gì tâm họ nói, những gì thân họ làm mỗi mỗi đều trái nghịch đạo nghĩa. Nhưng do nghe đến lẽ phước thiện họa dâm và trông thấy sự thiện ác báo ứng thì chưa ai chẳng kinh hoàng, run sợ, bèn tự tu tỉnh, mong sao được phước khỏi họa!

Do vậy, biết rằng trời đất dùng phước thiện dâm họa làm phương tiện lớn lao để thâu tóm con người đều tuân thủ đạo đức nhân nghĩa. Thánh nhân vốn dùng cái tâm của trời đất để giáo hóa. Vì vậy, những câu *"thuận theo đạo lý dẫn đến điều lành, trái nghịch lại sẽ đưa đến hung hiểm, ngũ phước, lục cực, làm lành thì trăm điều tốt lành giáng xuống, làm ác thì trăm sự tai ương*

---

[227] Quân tử trên kèo nhà (lương thượng quân tử) tức kẻ trộm.

giáng xuống, nhà tích thiện ắt điều vui có thừa, nhà tích điều bất thiện ắt tai ương có thừa" thường thấy đầy trong các kinh. Do vậy, cảm phát thiện tâm của con người, nghiêm cấm, răn đe chí ý phóng dật của con người hết sức thâm thiết.

Nhưng cát - hung, họa - phước do nhân quả báo ứng chính là chứng nghiệm sự chân thật hay giả dối của việc y thuận hay trái nghịch đạo đức, nhân nghĩa. Đã biết là chứng nghiệm thật sự thì muốn làm lành ắt sẽ càng thêm mạnh mẽ, hăng hái cho đến khi thành tựu; muốn làm chuyện chẳng lành sẽ sanh lòng sợ hãi, có khi không dám làm. Như vậy, đề xướng nhân quả báo ứng chính là vâng theo tâm thiên địa, thánh nhân để thành toàn tánh đức "đạo đức, nhân nghĩa" cho người đời. Nếu coi nhân quả báo ứng là chuyện mông lung không bằng cớ, thì chẳng những trái nghịch tâm thiên địa thánh nhân mà thần thức của chính mình còn vĩnh viễn bị đọa trong đường ác. Lại còn khiến cho bậc thượng trí không thể dũng mãnh quyết chí ưu thời mẫn thế để tu đức của mình, kẻ hạ ngu không e dè gì, dám làm chuyện ác đến nỗi quyền nuôi dạy của thiên địa, thánh nhân bị ngăn trở không tỏ lộ được; cái lý vốn sẵn có trong tâm của chúng ta sẽ bị ẩn, không sao hiển lộ được! Cái họa ấy khôn xiết kể! Nhưng thánh nhân thế gian lời lẽ giản lược, lại chỉ nói chuyện đời này và con cháu; còn như chuyện trước khi sanh và chuyện sau khi chết, cũng như nhân duyên tội phước từ vô thỉ đến nay, luân hồi sáu nẻo, đều chưa thể làm cho sáng tỏ được! Bởi vậy, kẻ thấy biết nông cạn dù hằng ngày đọc những lời

dạy về nhân quả báo ứng của thánh nhân, vẫn không tin vào nhân quả báo ứng!

Đại giáo của Như Lai hiển thị sự mầu nhiệm của tâm tánh chúng ta cũng như sự tinh vi của lẽ nhân quả ba đời. Phàm là đạo cách vật trí tri, thành ý chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ và pháp đoạn Hoặc chứng Chân liễu sanh thoát tử không gì chẳng nêu đầy đủ. Do vậy, gặp cha nói về từ, gặp con nói đến hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng, vợ theo, chủ nhân từ, tôi tớ trung thành, ai nấy trọn hết bổn phận, như vậy là trọn chẳng khác với những gì thánh nhân thế gian đã dạy; nhưng với mỗi một điều lại chỉ rõ nhân trước quả sau là những điều thánh nhân thế gian chưa hề đề cập tới.

Những lời dạy về tận phận, tận nghĩa, chỉ có thể dạy được bậc thượng trí, chứ chẳng thể chế phục kẻ hạ ngu. Nếu biết nhân quả báo ứng thì thiện - ác, họa - phước rõ ràng như xem ngọn lửa, ai lại chẳng muốn xuôi theo điều tốt lành, tránh né điều hung hiểm, tránh nạn được phước ư? Vả nữa, chẳng biết nhân quả sẽ đa phần phô bày tướng thiện bề ngoài, chứ thật ra ngầm ôm lòng ác để làm chuyện ác. Cứ nghĩ rằng người ta đã không biết, nào có trở ngại gì! Chẳng biết cái tâm chúng ta tương tức tương thông[228] với tâm thiên địa, quỷ thần, và chư Phật, Bồ Tát. Hễ mỗi khi chúng ta khởi lên một niệm, các vị ấy không điều gì không biết! Vì thế, nói: *"Những*

---

[228] Tương tức tương thông: Tâm ta và tâm người hệt như nhau, cùng một bản thể nên có thể coi như một. Do có cùng bản thể nên thông suốt không trở ngại, người khác khởi lên tâm niệm, ta nhận biết rõ ràng; ta khởi lên tâm niệm, người khác biết ngay.

lời nói riêng tư trong nhân gian, chư thiên nghe như tiếng sấm. Tâm tồi tệ trong nhà kín, trong mắt thần giống như ánh chớp". Ông Châu An Sĩ nói: *"Ai nấy đều biết nhân quả, ấy chính là đạo để thiên hạ đại thái bình vậy! Người người không biết nhân quả, chính là đạo gây đại loạn vậy!"* Quả là ân Phật thấm đẫm con người; chỉ vì con người không suy nghĩ sâu xa nên chẳng hề biết đến vậy!

Đời thượng cổ, tánh tình con người thuần phác, hơn hẳn những đời sau tệ bạc biết bao lần! Ân trạch của Văn Vương thấm nhuần đến cả xương khô suốt mấy trăm năm; nhưng cái phong tục giết người tuẫn táng đầy khắp thiên hạ. Chư hầu thời Liệt Quốc[229] chết đi, giết theo những sủng thần, thiếp yêu cả mấy chục, mấy trăm người. Chẳng những không sanh lòng thương xót, lại còn ngược ngạo cho đó là vinh, ai nấy đua nhau học theo. Ngay như Tần Mục Công là vua hiền, còn giết một trăm bảy mươi bảy người để tuẫn táng theo. Ba người con của Tử Xa là bầy tôi trung lương của đất nước, mà cũng chẳng vì nước và dân mà được tính miễn trừ! Huống chi những bạo quân vô đạo khác! Vua

---

[229] Liệt Quốc: Tức thời kỳ Xuân Thu Chiến Quốc của Trung Hoa kể từ sau khi Châu Bình Vương (Cơ Nghi Cữu) nghe lời ông ngoại là Thân Hầu, mượn sức Hung Nô diệt phe đảng Bao Tự, lên ngôi, kinh đô bị giặc Hung Nô tàn phá, phải dời đô sang Đông, Sử gọi Đông Châu, cho đến khi Tần Thủy Hoàng diệt sáu nước, thống nhất Trung Hoa. Trong thời này, vua Châu chỉ còn hư vị, chư hầu đánh phá lẫn nhau, xưng bá. Thời kỳ này kéo dài từ năm 770 trước Công Nguyên cho đến 221 trước Công Nguyên, và được chia làm hai giai đoạn: Xuân Thu (770 tr.CN - 476 tr.CN) và Chiến Quốc (475 tr. CN – 221 tr.CN). Thời Xuân Thu có 12 nước chư hầu lớn, nhiều nước nhỏ (phụ dung); thời Chiến Quốc chỉ còn sáu nước. Tần Mục Công, làm vua Tần từ năm 659 tr. CN đến năm 620 tr. CN, là người có công đưa nước Tần lên địa vị bá chủ chư hầu.

cả một nước đã như thế thì đại phu và các quan ai nấy cũng tùy sức làm theo. Dù Khổng, Mạnh, Lão, Trang cùng xuất hiện cũng không thể ngăn dứt được!

Đến khi Phật giáo truyền sang Đông, xiển minh nhân quả báo ứng, dạy người kiêng giết, phóng sanh, bỏ ăn mặn mà ăn chay thì trùng, kiến, rận rệp còn được thương tiếc, che chở, không đành sát hại, huống chi con người! Do hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh, đều biết tham sống sợ chết, đều là cha mẹ quyến thuộc trong quá khứ, đều là vị lai chư Phật Thế Tôn. Vì thế phải thương xót, che chở, nào dám giết hại bừa bãi để thỏa bụng miệng. Gió Từ vừa thổi, thắng hung tàn, trừ sát hại. Đừng nói chi hàng chư hầu, đại phu, quan chức chẳng dám giết người tuẫn táng, ngay cả kẻ hướng mặt về phía Nam xưng Trẫm[230] cũng chẳng dám hành ác pháp này. Dẫu có một hai kẻ bạo ngược làm như thế, cũng trọn chẳng dám cho giết nhiều người là vinh! Nếu không có thuyết sanh tử luân hồi, nhân quả báo ứng của Phật pháp thì người đời sau hết tuổi thọ rồi mới chết cũng là chuyện hiếm hoi lắm.

Đấy mới là pháp thiển cận mà hiệu quả còn được như thế, huống gì những lý luận về tâm tánh cực sâu xa và đạo đoạn Hoặc chứng Chân ư? Như Lai tùy thuận chúng sanh, từ từ khuyến dụ khéo léo. Thoạt tiên, dùng Nhân Thiên Thừa Ngũ Giới Thập Thiện để tiếp dẫn những căn cơ kém cỏi, dùng đó làm phương tiện ban

---

[230] Hoàng đế ngồi ở phía Bắc ngoảnh mặt về phía Nam. Trẫm vốn là một đại từ nhân xưng thông dụng thời cổ, có nghĩa là ta, hay tôi. Về sau, Tần Thủy Hoàng hạ lệnh cấm dân chúng dùng chữ này, chỉ mình hoàng đế được quyền xưng là Trẫm.

đầu để siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Nếu căn cơ hơi sâu hơn, bèn giảng Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên khiến cho đoạn Kiến Tư Hoặc, chứng Thanh Văn, Duyên Giác là những quả Nhị Thừa. Nếu là căn tánh Đại Thừa bèn dạy phát Đại Bồ Đề tâm, tu khắp Lục Độ vạn hạnh, thượng cầu hạ hóa chúng sanh, khởi lòng Vô Duyên Từ, khởi Đồng Thể Bi, chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để hành Bố Thí và Lục Độ vạn hạnh, độ thoát hết thảy chúng sanh, khiến cho họ nhập Vô Dư Niết Bàn, nhưng chẳng thấy ta là người hóa độ và người khác cùng chúng sanh là kẻ được độ, và tướng thọ giả của Vô Dư Niết Bàn để chứng. Do chẳng chấp vào bốn tướng nên tam luân thể không. Vì vậy, Trần Sa vô minh nhân đó bèn tiêu diệt. Tùy theo công hạnh, lần lượt chứng các quả Bồ Tát Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, và hiển lộ toàn thể tự tánh, triệt ngộ duy tâm, phước huệ viên mãn, Phật Quả trí đoạn rốt ráo.

Lại do căn cơ chúng sanh đời mạt kém hèn, nếu không cậy vào thệ nguyện lực lớn lao của Như Lai quyết sẽ khó thể thoát khỏi sanh tử ngay trong đời này. Vì vậy, do lòng đại từ bi, Phật đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ cậy Phật từ lực, liễu sanh thoát tử. Chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật, cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, làm một mảy may điều thiện thế gian nào cũng như mọi công đức Lục Độ vạn hạnh đều đem hồi hướng vãng sanh. Đây chính là dùng tín nguyện của chính mình để cảm Phật từ bi, cảm ứng đạo giao, ắt được Phật nhiếp thọ. Đợi đến khi lâm chung, được Phật tiếp dẫn vãng

sanh Tây Phương. Đã vãng sanh rồi sẽ lìa xa trọn vẹn các khổ, chỉ hưởng các sự vui, thân cận Di Đà, dự vào hải chúng, chứng Vô Sanh, thành giác đạo, như trao bằng khoán lấy lại vật cũ. So với các pháp cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử khác thì sự khó - dễ cố nhiên là khác biệt một trời một vực.

Hơn nữa, cậy vào tự lực thì trong trăm ngàn vạn người khó được một hai kẻ liễu thoát ngay trong đời này, bởi lẽ Định - Huệ phải trọn đủ, phải hết sạch Hoặc nghiệp thì mới được như nguyện. Nếu Hoặc nghiệp còn mảy may chưa đoạn hết thì sanh tử luân hồi quyết khó thể xuất ly. Cậy vào Phật từ lực thì tín nguyện chân thành thiết tha, vạn kẻ chẳng sót một ai! Độ khắp ba căn, gồm thâu lợi - độn, thượng căn thì mau chứng Pháp Thân, hạ căn bèn đới nghiệp vãng sanh. Bản hoài độ tận chúng sanh của Như Lai chỉ có mình pháp môn Tịnh Độ mới có thể thỏa rốt ráo được. Do có những sự lợi ích như trên cho nên xưa nay, vua thánh, tôi hiền, hào kiệt, vĩ nhân không ai chẳng tự hành, dạy người, hộ trì lưu thông, để về mặt ngầm là giúp cho việc trị nước, còn mặt hiển là yên dân tình, tiêu họa loạn khi chưa chớm nẩy, chứng Phật Tánh vốn sẵn có.

Gần đây, thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống, ai nấy chấp vào sự hiểu biết của chính mình, cạnh tranh với nhau đến nỗi đao binh liên miên, không lúc nào yên ổn. Hễ người trên thích điều gì, kẻ dưới ắt làm cho được. Những tên dân ương bướng đều thành thổ phỉ hết, mặc tình cướp đoạt, độc hại dân sanh. Do sự ác của con người chiêu cảm, nên trời bèn ứng thiên tai, lụt lội, hạn hán, tật dịch, gió bão, động đất, đủ mọi tai họa thảm

khốc thường thấy xảy ra luôn, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống! Muốn ra tay cứu vớt, nhưng khổ nỗi không sức, chỉ khẩn cầu những vị đương có quyền thế và hết thảy đồng bào, ai nấy hãy dùng cái tâm trung hậu, khoan thứ sẵn có để hành đạo từ bi, coi hết thảy nhân dân đều như người ruột thịt, nâng đỡ lẫn nhau, chớ nên tàn hại! Nghĩ đến tiền nhân hậu quả ắt sẽ tu đức hành nhân, lợi người quả thật chính là lợi mình, đời này, đời khác phước báo vô cùng. Hại người gây ra sự khổ còn hơn tự hại, đời này, tương lai, khổ báo vô tận! Phô phang quyền thế trong một lúc để rồi thần thức chịu khổ mãi bao kiếp. Sao bằng tu đức suốt đời, ngõ hầu thân tâm được hưởng vui sướng nhiều đời!

Nhưng còn trong địa vị phàm phu chưa đoạn được Hoặc nghiệp, dẫu sanh vào nhân thiên, rốt cuộc vẫn chẳng phải là chỗ an ổn rốt ráo. Nếu có thể tùy phận, tùy sức, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương, để mong khi hết Báo Thân này sẽ cao đăng Cực Lạc, đấy là đạo thoát khổ tối thượng. Nhưng đường đường là trượng phu, nỡ để Phật tánh sẵn có thường bị Hoặc nghiệp xoay chuyển, chịu sanh tử đau khổ ư? Trong Trung Hoa Tân Báo, ông Trương Quý Loan mỗi ngày chuyên dành riêng một cột để in bài đề xướng Phật học, tùy thời đăng tải hết những chuyện Như Lai ứng hóa, pháp đạo lưu thông, tội - phước do tin nhận hay hủy báng, lợi ích do tu trì, và những ngôn luận sự tích kiêng giết, phóng sanh, ăn chay niệm Phật, ngõ hầu những vị đọc báo đều cùng ngộ được lý *"Phật, tâm, chúng sanh ba điều không sai biệt"* và làm chuyện "đoạn ác, tu thiện, khôi phục nguồn tâm sẵn có". Tôi cho rằng đây

quả thật là đạo "gốc chánh, nguồn trong" để giữ nước, bảo vệ dân, nhân đó toan đem những điều quan trọng về thiên chức của chúng ta, sự sanh thành dưỡng dục của trời đất, tâm pháp của thánh hiền, cương yếu của Phật giáo, và nguồn gốc đời loạn, nguyên do thái bình, thuật đại lược hòng cống hiến cho bậc cao nhân có đủ con mắt trong cõi đời, nhưng thẹn mình văn tự thô vụng, chất phác, chẳng thể diễn tả sâu xa, uẩn súc. Tuy vậy, về mặt ý nghĩa cố nhiên chẳng phải là bàn xằng, bịa đặt, nên có thể chấp nhận được!

Hơn nữa, con người sống trong thế gian, việc thành đức đạt tài, dựng lập công nghiệp, cũng như thành được một tài một nghề để nuôi thân mình và gia đình đều phải nhờ vào sức văn tự chủ trì giúp đỡ thì mới được thành tựu. Chữ nghĩa là của báu quý nhất trong thế gian, có thể khiến cho phàm thành thánh, ngu thành trí, nghèo hèn trở thành phú quý, bệnh tật trở thành khỏe mạnh, yên ổn. Đạo mạch thánh hiền được lưu truyền thiên cổ, việc kinh doanh của gia đình mình được truyền đến con cháu, không gì không nhờ vào sức văn tự. Nếu cõi đời không có văn tự thì hết thảy sự lý đều chẳng thành lập, con người chẳng khác gì cầm thú! Đã có công sức như thế, cố nhiên phải nên trân trọng mến tiếc chữ nghĩa. Trộm thấy con người hiện thời mặc tình khinh nhờn, quả thật coi của quý báu nhất khác nào phân, đất; sao không đến nỗi hiện đời tổn phước, giảm thọ; đời sau trở thành vô tri vô thức ư? Thêm nữa, chẳng những không được khinh nhờn, ruồng rẫy văn tự hữu hình, mà đối với chữ nghĩa vô hình lại càng chẳng được khinh nhờn, ruồng rẫy! Hiếu, đễ, trung, tín, lễ,

nghĩa, liêm, sỉ, nếu chẳng tận sức thực hiện thì chính là quên mất tám chữ đó. Đã quên mất tám chữ ấy thì sống làm hạng cầm thú mặc áo, đội mũ; chết sẽ đọa trong tam đồ ác đạo, có đáng buồn hay chăng?

III. SỚ

1. Sớ [231]trùng tu ao phóng sanh chùa Cực Lạc ở Nam Tầm[232]

Kiêng giết phóng sanh về mặt Sự thì nông cạn, dễ thấy; nhưng về mặt Lý lại sâu xa, khó hiểu rõ. Nếu chẳng hiểu rõ Lý, dù có làm chuyện này, trong tâm chắc chắn chẳng chí thành, thương xót thiết tha, phước điền lợi ích cũng do tâm lượng mà trở thành nhỏ nhoi, nông cạn. Nếu gặp phải kẻ vô tri ngăn trở, phỉ báng, [người phóng sanh] sẽ bị kẻ đó xoay chuyển, khiến cho một dạ thiện tâm vì đó bị tiêu diệt chẳng còn. Do vậy, chẳng ngại lắm lời giãi bày ý nghĩa, để những loài vật đều được gội từ ân, loài người đều được vun bồi nền phước,

---

[231] Sớ: Theo từ điển Từ Hải, chữ Sớ có hai nghĩa:
1) Trình bày rõ ràng từng điểm một.
2) Chú thích ý nghĩa của sách vở.
Ngoài ra, Sớ còn được dùng để chỉ những công văn hoặc tờ trình lên thượng cấp, lên vua. Do vậy, những bài văn được tuyên đọc trong khi tụng kinh với mục đích cầu đảo, giãi bày ý nghĩa của pháp hội đang làm cũng được gọi là Sớ. Ở đây, chữ Sớ được dùng theo nghĩa thứ nhất. Những bài Sớ trong phần này được viết nhằm trình bày rõ ý nghĩa sự việc để cổ động mọi người tham gia, ủng hộ.

[232] Thị trấn Nam Tầm thuộc thành phố Hồ Châu, tỉnh Chiết Giang.

ngõ hầu khẩn thiết động đến lòng nhân sâu xa, diệt được sát báo cho ta lẫn người, cùng đều được về cõi thọ, cùng vui tuổi trời. Lại nguyện đem công đức này hồi hướng Tây Phương để vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, vượt thoát tam giới, làm đệ tử Phật Di Đà, làm bạn tốt trong hải chúng. May ra sẽ được người đọc chú ý vậy! Nhất niệm tâm tánh của chúng sanh sống trên đất hay dưới nước, vốn quả thật chẳng hai, chẳng khác gì với tam thế chư Phật; nhưng vì sức ác nghiệp đời trước chướng lấp nên diệu minh chẳng thể hiển hiện, trầm luân trong dị loại, đến nỗi sự hay biết hèn kém, ngoại trừ chuyện tìm cái ăn, tránh cái chết ra, trọn chẳng biết đến điều chi khác nữa!

Ví như tấm gương đồng quý báu lớn, trải bao kiếp bị bụi lấp, chẳng những không có mảy may quang minh nào, ngay cả chất đồng của gương cũng chẳng thể hiển hiện được, khác gì phế vật! Chợt gặp được người trí, biết là gương báu sẵn có đủ vô biên quang minh chiếu trời soi đất, bèn ngày ngày chăm chú giồi mài. Thoạt đầu bèn lộ chút chất gương, dần dần tỏa ra ánh sáng. Mài đến cùng cực thì ánh sáng chiếu trời soi đất bèn hiển hiện toàn thể; người vô trí mới bèn quý trọng, xem là vật quý báu nhất. Phải biết: Ánh sáng ấy gương vốn sẵn tự có, nào phải do mài mà có! Tuy là tự sẵn có, nhưng nếu không có duyên giồi mài thì từ kiếp này sang kiếp khác cũng chẳng có ngày tỏa ra quang minh. Tâm tánh của hết thảy trời - người chúng sanh lục đạo đều giống như vậy. Do Hoặc nghiệp từ vô thỉ đến nay che lấp nên chẳng thể tỏ lộ diệu minh sẵn có, mê trái chân tánh, tạo nghiệp sanh tử. Đức Đại Giác Thế Tôn

biết nhất niệm tâm tánh của các chúng sanh bằng với chư Phật; do vậy, [dùng] đủ mọi phương tiện tùy cơ thuyết pháp, khiến cho khắp mọi loài đều tu đạo Giới - Định - Huệ, ngõ hầu đoạn Hoặc chứng Chân, khôi phục cái mình sẵn có, trọn vẹn phước huệ để chứng Pháp Thân.

Lại dạy người đời phát tâm từ bi, kiêng giết, phóng sanh; ấy là vì ta và hết thảy chúng sanh đều ở trong luân hồi, từ vô thỉ đến nay lần lượt sanh ra nhau, xoay vần giết lẫn nhau. Bọn họ cố nhiên là cha mẹ, anh em trai, chị em gái, con cái của ta, mà ta cũng là cha mẹ, anh em trai, chị em gái, con cái của mỗi một người trong bọn họ. Bọn họ nhiều phen do ác nghiệp lực mà sanh trong loài người hoặc sanh trong dị loại[233], bị ta giết chóc; ta cũng nhiều phen do ác nghiệp lực mà sanh trong loài người hoặc sanh trong dị loại, bị họ giết chóc. Trải bao kiếp lâu xa, sanh ra nhau, giết lẫn nhau, trọn không ngơi ngớt! Phàm phu không biết, Như Lai thấy thấu suốt. Hễ không nghĩ thì thôi, nếu nghĩ đến ắt khôn ngăn hổ thẹn, thương xót! Nay ta may nhờ phước thiện đời trước, sanh trong loài người, cố nhiên nên cởi gỡ mối oán kết, kiêng giết, phóng sanh, khiến cho hết thảy những loài có sanh mạng đều được yên ổn; lại vì họ niệm Phật hồi hướng Tịnh Độ, khiến cho họ được độ thoát. Nếu họ nghiệp nặng chưa thể vãng sanh ngay, ta bèn nhờ vào công đức từ thiện này, quyết cầu lâm chung vãng sanh Tây Phương. Đã vãng sanh ắt sẽ siêu phàm nhập thánh,

---

[233] Dị loại: Khác chủng loại. Do loài vật không thuộc loài người nên thường được gọi là Dị Loại.

liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, dần dần chứng được Phật quả.

Vả nữa, yêu thương loài vật, phóng sanh thì bậc cổ thánh tiên hiền đều làm chuyện này. Vì thế, kinh Thư có đoạn văn chim, thú, cá, ba ba đều được sống yên vui[234], Văn Vương ân trạch thấm đến xương khô, huống chi loài vật có tri giác. Như Giản Tử thả chim cưu, Tử Sản[235] nuôi cá, Tùy Hầu giúp rắn[236], Dương Bảo cứu chim sẻ[237]. Đấy là tâm thánh hiền cùng dùng lòng nhân

---

[234] Nguyên văn: *"Điểu, thú, ngư, miết hàm nhược"*. Trong bài tựa cho cuốn Vệ Sinh Tập, Tổ đã giải thích: *"Nhược là thuận. Hàm Nhược có nghĩa là đều được thuận theo thiên tánh, chẳng vướng mắc nỗi khổ bị sát hại"*. Ở đây, chúng tôi chỉ dịch tóm gọn là *"chim, thú, cá, ba ba đều được sống yên vui"*.

[235] Tử Sản (không rõ năm sinh -522 trước Công nguyên), tên thật là Công Tôn Kiều, tự Tử Sản, hiệu là Tử Khương, sống vào thời Xuân Thu, người nước Trịnh. Ông chính là dòng dõi của Trịnh Mục Công, nổi tiếng thông minh từ nhỏ, rất giỏi về cai trị, làm chức Khanh đời Trịnh Giản Công, chấp chính suốt hai mươi ba năm, rất nhân từ. Ông tiến hành nhiều cải cách quan trọng, chỉnh đốn quyền tư hữu ruộng đất của quý tộc để nông dân có ruộng làm, định lại sắc thuế cho hợp lý hơn. Ông là người đầu tiên cho biên soạn hình luật và cho khắc tân luật lên một cái đỉnh to đặt trong cung vua để mọi người đều được biết luật. Ông chủ trương thuyết Nhân Bản, và cũng được coi là một trong những Nho Gia điển hình trước thời Khổng Tử. Không rõ chuyện nuôi cá của ông ta được trích từ điển tích nào.

[236] Đời Xuân Thu, Tùy Hầu (vua nước Tùy) đi ra ngoài chơi thấy một con rắn bị người ta đánh gần chết, vứt trên vệ đường, động lòng thương xót, liền sai tùy tùng đem thuốc cứu rắn, rồi đem thả đi. Ít lâu sau, rắn từ sông ngoi lên, nhả tặng vua một viên minh châu để báo ân cứu mạng. Do vậy, viên ngọc ấy thường được gọi là Tùy Hầu Châu, hoặc Linh Xà Châu. Sách Sưu Thần Ký mô tả viên ngọc ấy như sau: *"Kích thước tròn trặn chừng một tấc, trắng muốt, ban đêm tỏa ánh sáng, có thể soi sáng cả gian phòng"*.

[237] Có lần Dương Bảo vào Hoa Sơn thấy con chim sẻ bị thương rơi xuống đất, máu me bê bết, cảm thương ông liền đem về băng bó, chăm sóc, khi chim lành bèn thả đi. Chim tha đến bốn cái chén ngọc, lại nói: "Mong con cháu ông sẽ trắng trong, tinh thuần như bạch ngọc". Đêm ấy, ông mộng thấy một vị trời mặc áo vàng đến bảo: "Tôi là con chim sẻ vàng được ông cứu mạng. Tôi vốn là sứ giả của Tây Vương Mẫu, bị thương giữa đường. May được ông cứu giúp,

đối đãi với loài vật, dẫu họ không biết đến những nghĩa lý: *"Những loài có tri giác, có cử động đều có Phật tánh, lần lượt thăng lên, đọa xuống, làm kẻ oán người thân lẫn nhau, và tương lai quyết định thành Phật"*. Đến khi đại giáo truyền sang Đông, thì nhân quả ba đời và lý *"chúng sanh, Phật, tâm, ba thứ bình đẳng không hai"* sáng lòa trong thế gian. Phàm là bậc đại thánh đại hiền, không ai chẳng kiêng giết, phóng sanh, nhằm vãn hồi sát kiếp để vun bồi quả phước, làm nền tảng để dứt nạn binh đao, vui hưởng tuổi trời. Cổ nhân nói: *"Dục tri thế thượng đao binh kiếp, tu thính đồ môn bán dạ thanh"* (tạm dịch: "Muốn biết đao binh trong cõi thế, hãy nghe lò mổ giữa đêm thanh"). Lại nói: *"Muốn cho thế gian không còn nạn đao binh thì trừ phi chúng sanh không ăn thịt"*. Do vậy, biết rằng: Kiêng giết, phóng sanh chính là khuôn mẫu tốt đẹp để nhổ rễ lấp nguồn [tai nạn], cứu đời.

Vì thế, Trí Giả đại sư đời Trần mua hơn sáu mươi chỗ ở Lâm Hải, Giang, Hỗ, Khê, Lương, cả hơn bốn trăm dặm làm ao phóng sanh, xin sắc chỉ lập bia cấm ngặt đánh cá. Kẻ nào bắt trộm làm càn sẽ bị mắc vạ. Đến niên hiệu Trinh Quán đời Đường (triều vua Đường Thái Tông) vẫn còn như thế. Đến năm Càn Nguyên thứ hai đời Đường Túc Tông (759), vua hạ chiếu truyền các châu trong thiên hạ lập ao phóng sanh, sai Nhan Chân Khanh[238] soạn bài văn bia và viết bằng bút son; trong ấy

---

nay được trở về Nam Hải nên đến đáp tạ". Về sau, con cháu ông đều nổi tiếng đức hạnh, hiển đạt.

[238] Nhan Chân Khanh (707-784), tự Thanh Thần, thường được gọi là Lỗ Công (vì ông được phong chức Lỗ Quận Khai Quốc Công), là một thư pháp gia nổi tiếng thời Đường. Tuy cũng là thi nhân, thơ ông không nổi tiếng như các nhà

có câu: *"Đức vua ta lấy cả thiên hạ làm ao, hết thảy [các loài] trong toàn cõi đều nhờ phước, nương sức Đà La Ni gia trì, cạn bờ mé phiền não sanh tử; suy đến tận ngàn xưa, chưa hề phảng phất giống được như vậy"*. Năm Thiên Hỷ nguyên niên (1017) đời Tống Chân Tông, hạ chiếu truyền thiên hạ lập ao phóng sanh, Tây Hồ ở Hàng Châu cũng trở thành ao phóng sanh của vua Tống. Đời Minh, đại sư Liên Trì lập ao phóng sanh ở hai nơi là Thượng Phương và Trường Thọ. Bài Giới Sát Phóng Sanh Văn của ngài lưu truyền khắp thiên hạ. Cho đến nay đã hơn ba trăm năm, những người thông hiểu trong hàng Tăng - tục đều ngưỡng mộ cao phong, từ bi cứu tế loài vật không thể tính kể.

Như có kẻ nói:

- Kẻ quan quả cô độc[239], bần cùng hoạn nạn đâu đâu cũng có, sao không châu cấp, lại gấp rút lo lắng cho loài dị loại chẳng liên quan gì đến ta? Đấy chẳng phải là điên đảo nơi chuyện thong thả - gấp rút, nặng - nhẹ đó ư?

Đáp:

- Ông chưa biết nguyên do đức Như Lai dạy người kiêng giết, phóng sanh. Tuy người và vật khác nhau, nhưng Phật tánh vốn đồng. Do ác nghiệp nên chúng bị trầm luân trong dị loại, ta do thiện nghiệp may được

---

thơ khác thời Thịnh Đường. Tài thư pháp của ông được người đương thời bình luận: *"Phóng khoáng nhưng không buông tuồng, dễ dãi nhưng không vụng về, đặt bút viết xuống là được ngay"*. Lối viết Khải Thư của ông được coi là mẫu mực cho mọi hành giả viết chữ Khải Thư về sau. Ông còn được coi là truyền nhân của Trương Húc về lối chữ Thảo.

[239] Quan quả cô độc: Quan là góa vợ, quả là góa chồng, cô là mất cha mẹ, độc là không con cái.

thân người. Nếu chẳng xót thương, giúp đỡ, cứ mặc tình giết hại, ăn nuốt, thì một mai kia nếu phước ta hết rồi, tội của chúng đã trả xong, khó tránh khỏi phải đền trả từ đầu, [đem thân mình] thỏa miệng bụng của chúng. Phải biết đao binh đại kiếp đều do sát nghiệp đời trước cảm thành. Nếu không có sát nghiệp, dẫu thân gặp phải giặc cướp, chúng cũng sẽ khởi lòng lành, chẳng giết hại mình. Huống chi những tai nạn bất ngờ như ôn dịch, nước, lửa thì người kiêng giết, phóng sanh rất ít gặp phải. Do vậy, biết rằng: Che chở loài vật chính là tự che chở mình. Kiêng giết sẽ khỏi bị trời giết, quỷ thần giết, trộm cướp giết, [khỏi bị] oán - thân giết nhau báo thù trong tương lai. Những kẻ quan quả cô độc bần cùng hoạn nạn cũng nên tùy phần tùy lực châu cấp cho họ, chứ nào phải người kiêng giết phóng sanh hoàn toàn chẳng hành những điều công đức ấy! Tuy người quan quả cô độc rất đáng thương, nhưng họ chưa đến nỗi lâm vào tử địa, còn loài vật nếu không bỏ tiền chuộc mạng, sẽ lập tức phải lên chảo, thớt để thỏa bụng miệng con người!

Lại có kẻ nói:

- Loài vật vô tận, phóng sanh được mấy?

Đáp rằng:

- Phải biết chuyện phóng sanh thật ra nhằm để phát khởi thiện tâm tối thắng "bảo vệ sanh mạng mọi loài vật" của mọi người, ngõ hầu lãnh hội được ý nghĩa của chữ "Phóng" (thả), trong tâm đã động lòng trắc ẩn, ắt chẳng nỡ ăn nuốt. Đã không có người ăn nuốt thì người đánh bắt sẽ phải thôi, khiến cho hết thảy loài vật dưới

nước, trên mặt đất, trên hư không đều tự tại bay, chạy, bơi lội trong nơi sinh sống của chúng. Như vậy, thành ra không phóng sanh mà hóa ra là phóng sanh khắp tất cả. Đấy chẳng phải là "*cả thiên hạ biến thành một cái ao"* ư? Dẫu không phải ai cũng đều như vậy cả, nhưng một người chẳng nỡ ăn thịt thì vô lượng sanh mạng trên đất liền, dưới nước khỏi bị giết chóc; huống chi nào phải chỉ có một người! Lại vì hiện tại, vị lai hết thảy đồng nhân đoạn trừ cái nhân của quan quả, cô độc, hoạn nạn, bần cùng, tạo cái duyên trường thọ, không bệnh, phú quý, an lạc, cha con đoàn viên, vợ chồng giai lão cho họ. Đấy chính là làm chuyện châu cấp, cứu tế sẵn để đời đời kiếp kiếp trong vị lai mãi mãi chẳng bị những nỗi khổ quan quả cô độc v.v… hưởng thụ dài lâu những niềm vui sống lâu, giàu sang v.v… Đấy chẳng phải là *"toàn nước được hưởng phước"* ư? Há có nên coi thường gác bỏ? Ông hãy nghĩ kỹ đi, kiêng giết, phóng sanh rốt ráo là khăng khăng vì con người hay là khăng khăng vì loài vật, điên đảo nơi chuyện thong thả - gấp rút, nhẹ - nặng vậy?

Phía ngoài chùa Cực Lạc ở Nam Tầm từ trước đã có ao phóng sanh, nhưng do bờ vách chưa xây nên bị sụp lở, lại thêm nhiều năm chưa được khơi vét, bùn lầy đầy ứ. Thường có những người lành phải ra sông phóng sanh, dù phát thiện tâm nhưng sanh vật khó được hưởng lợi ích. Sáng vừa được thả, chiều lại bị bắt, quá nửa là như vậy. Nếu gần sông to thì dĩ nhiên nên thả xuống sông, nơi sông nhỏ trọn chớ nên thả xuống. Viên Lâm đại sư lòng bất nhẫn, muốn đào sâu ao đó, phía ngoài đắp tường vây bọc bảo vệ để có chỗ phóng sanh mà kẻ

bắt cá trộm cũng không làm gì được! Ý ấy cũng rất tốt lành, nhưng chưa tiến hành, đến khi Giác Tam đại sư từ Phổ Đà đến đó, vừa trông thấy liền hợp ý, trở về chùa bàn bạc chuyện ấy, nhưng tôi đã buông xuống vạn duyên, chuyên tu Tịnh nghiệp rồi [nên không thể cáng đáng việc ấy]. Thầy Giác Tam kế thừa đầu mối cũ, muốn sự ấy chóng thành, nhưng công trình rộng lớn, sức một mình Sư khó thể thành tựu, tính quyên mộ thiện tín toàn trấn cùng giúp cho việc thù thắng, xin tôi viết lời tự (phần sau lược đi).

2. Bài sớ về ao phóng sanh chùa Pháp Vân ở sông Tam Xoa[240], Kim Lăng

Kim Lăng[241] là đất văn hiến, thường được gọi là Phật Quốc. Người xứ ấy đa phần có căn tánh Đại Thừa. Từ khi đại pháp truyền sang Đông, hơn một trăm bảy mươi năm chỉ ở phương Bắc. Đến năm Xích Ô thứ tư (241) đời Tôn Quyền nhà Ngô, tôn giả Khang Tăng Hội đến giáo hóa đất này, cảm được xá-lợi Phật giáng lâm, Tôn Quyền bèn cho dựng tháp lập chùa để hoằng pháp hóa. Đến đời Tấn, ngài Phật Đà Bạt Đà La[242] cũng dịch

---

[240] Sông Tam Xoa nằm phía Nam Kim Lăng, do sông hợp nhánh cùng với sông Tần Hoài ở phía Đông và Thanh Giang tại phía Nam cùng đổ ra biển, có hình dáng giống như cái chĩa ba nên có tên như vậy.

[241] Kim Lăng là tên cũ của Nam Kinh. Nam Kinh còn có tên khác là Giang Ninh. Đây là kinh đô của nhiều triều đại trong lịch sử, thường được biết đến dưới tên gọi Lục Triều Cổ Đô. Năm Vĩnh Lạc 19, Minh Thành Tổ dời đô lên Bắc Kinh; do vậy, đổi Kim Lăng thành Nam Kinh.

[242] Phật Đà Bạt Đà La (359-429), tiếng Phạn là Buddhabhadra, dịch nghĩa là Giác Hiền hoặc Phật Hiền. Ngài là vị cao tăng, người thành Na Hạ Lợi, Bắc Ấn, là hậu duệ của Cam Lộ Phạn Vương thành Ca Tỳ La Vệ. Xuất gia năm

kinh Hoa Nghiêm ở nơi đây. Từ đời Tống, Tề, Lương, Trần trở đi, dịch kinh hoằng pháp có rất nhiều vị. Một là do thiện căn xưa kia un đúc khiến thành ra như thế; hai là núi cao, nước sâu, địa linh khiến thành ra như vậy. Đến thời Đường Túc Tông, Lỗ Công Nhan Chân Khanh trấn giữ đất này, vua hạ chiếu truyền các châu trong thiên hạ đều lập ao phóng sanh, sai Lỗ Công soạn bài văn, có câu: *"Cả thiên hạ đều thành ao, trọn đất nước đều nhờ phước, chứ nào phải chỉ tính kế riêng cho loài vật mà thôi ư!"* ấy là muốn cho [người đọc đến] phải cảm động vậy!

Đầm Ô Long dưới núi Thanh Lương chính là ao phóng sanh do Lỗ Công tự lập. Lỗ Công lòng tinh trung ngời nhật nguyệt, văn bút động gió mây, nhưng lại dốc lòng tin tưởng Phật pháp, cực lực bảo vệ sanh mạng loài vật. Đức hạnh tốt đẹp, lòng từ bao la ấy một ngàn trăm năm sau không ai chẳng kính ngưỡng! Gần đây, thế đạo nhân tâm suy kém đã đến độ cùng cực, thiên tai, nhân họa xảy ra liên miên. Người có lòng lo lắng cho đời đều cho rằng những nghiệp quả ấy đều do sát nghiệp tạo ra. Nếu biết được loài vật chẳng nên giết,

---

mười bảy tuổi, tu hành tinh tấn, đọc rộng các kinh sách, tinh thông Thiền, Luật. Sau Ngài cùng đồng học là Tăng Già Đạt Đa qua Kế Tân học Thiền với ngài Phật Đại Tiên. Rồi ngài nhận lời thỉnh của sư Trí Nghiêm, đến Trường An vào năm Hoằng Thỉ thứ 10 (408) nhà Hậu Tần để hoằng truyền Thiền học. Do không quen tập tục ở Trường An, lại không hợp với ngài Cưu Ma La Thập nên cùng những đệ tử như Huệ Quán v.v… hơn 40 người rời Trường An, sang cư ngụ ở Lô Sơn với ngài Huệ Viễn mấy năm, dịch kinh Đạt Ma Đa La Thiền Kinh. Năm Nghĩa Hy thứ 11 (415), Sư đến Kiến Khang, nay là Nam Kinh, ở lại chùa Đạo Tràng, chuyên chú dịch thuật. Ngài cùng đại sư Pháp Hiển hợp dịch Ma Ha Tăng Kỳ Luật, Đại Bát Nê Hoàn Kinh, lại dịch bộ Hoa Nghiêm sáu mươi quyển một mình. Ngài tịch diệt năm Nguyên Gia thứ sáu nhà Lưu Tống, thọ 71 tuổi. Đời gọi Ngài là Thiên Trúc Thiền Sư.

chắc chắn không khi nào có người giết! Do vậy, những người ôm lòng từ thiện nâng đỡ lẫn nhau, sẽ tự có thể thay đổi phong tục, chiêu cảm được thiên hòa. Do vậy, các vị cư sĩ Phùng Mộng Lão, Vương Ấu Nông, Bàng Tánh Tồn, Ngụy Mai Tôn… tính lập ao phóng sanh để đề xướng đạo "ngưng giết, hành từ", ngõ hầu đề cao phong tục "coi dân chúng như ruột thịt, coi loài vật như chính mình".

Do nền cũ đầm Ô Long của Lỗ Công không thông ra sông, nên họ tìm riêng một cuộc đất rộng rãi hơn một trăm mấy mươi mẫu ở phía dưới bờ đập nhà họ Phương ở sông Tam Xoa, đủ để kiến lập đạo tràng, đào ao phóng sanh. May là chủ cuộc đất ấy là ông Phương Tuấn Sanh vốn là bậc quân tử thích làm lành, chỉ lấy nửa giá, cũng có thể nói là công đức hy hữu vậy! Bàn bạc vừa xong, nhằm đúng lúc tôi đến Kim Lăng, ông Ngụy đem chuyện này bảo với tôi, nhờ viết tờ sớ để xướng suất. Tôi thường đau đớn trước nỗi thảm sát kiếp trong thời gần đây, muốn vãn hồi nhưng không có sức. Nay do ông ta thỉnh, lòng xúc động, trước kia tôi từng soạn bài sớ cho ao phóng sanh chùa Cực Lạc ở Nam Tầm, đã trình bày đại lược chuyện chúng ta cùng loài vật vốn có đủ chân tâm, do tùy theo nghiệp mà thăng - trầm, cũng như quả báo do sát sanh hay phóng sanh trong hiện tại - tương lai, nên ở đây chỉ nói đại lược, không nhắc lại nữa.

Kính mong chư vị đàn-việt[243] cùng phát thiện tâm, cùng bỏ ra tịnh tài khiến cho việc này mau được thành

---

[243] Đàn-việt (danapati): Thí chủ, người đứng ra bố thí.

công, ngõ hầu muôn vật loài nào loài nấy sống yên; công đức lợi ích ấy vô lượng, vô biên, há nào phải chỉ trong hiện đời vạn họa băng tiêu, ngàn sự tốt lành nhóm đến như mây, mà trong đời vị lai những người đền ân báo đức cũng chẳng biết là bao nhiêu ngàn vạn ức! Phải biết phóng sánh vốn là kiêng giết, kiêng giết phải khởi đầu từ việc ăn chay! Nếu ai nấy đều kiêng giết, ai nấy đều ăn chay thì nhà nhà tập thói từ thiện, người người giữ trọn lễ nghĩa, phong tục tốt đẹp tinh thuần, thời thế hòa bình, được mùa, nào đến nỗi có chuyện đao binh kiếp khởi, đây - kia đánh lẫn nhau! Đấy chính là chuyện trọng yếu, là "nguồn trong gốc chánh" để vãn hồi thiên tai nhân họa vậy! Phàm những ai muốn cho cửa nhà yên ổn, thân tâm khỏe mạnh, yên vui, thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc, xin hãy cầu từ nơi kiêng giết phóng sanh, ăn chay, niệm Phật thì cầu gì mà chẳng được!

3. Bài sớ [kêu gọi đóng góp] xây dựng viện mồ côi Phật giáo chùa Pháp Vân ở sông Tam Xoa, Kim Lăng

Càn là đại phụ, Khôn là đại mẫu. Dân là đồng bào của chúng ta, loài vật và ta cũng giống như thế. Do vậy, Khổng Tử lấy chuyện yên ổn người già, lo lắng cho trẻ nhỏ làm chí, đức Như Lai lấy việc phổ độ chúng sanh làm tâm. Do hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều là cha mẹ thân thuộc trong quá khứ của chúng ta, đều sẽ thành Phật đạo trong đời tương lai. Có những kẻ do nghiệp lực nên đọa trong dị loại sống trên đất, dưới nước, trên không trung, nhưng Phật tánh của họ chẳng

bị tổn hại chút nào. Cái tâm tham sống, sợ chết, tránh khổ, cầu vui chẳng khác chúng ta chút nào! Do vậy, ông Phùng Mộng Lão mời các vị cư sĩ cùng chí hướng đề xướng tạo dựng Pháp Vân Tự làm đạo tràng niệm Phật phóng sanh. Mong hết thảy thiện nhân cảm cái tâm của cha trời mẹ đất, cùng mang ý niệm *"dân là đồng bào, loài vật cũng giống như ta"*, dứt sát nghiệp cho cả người lẫn ta, vun cội đạo Bồ Đề, chứ nào phải chỉ chăm chú vào một đạo tràng nhỏ bé mà thôi! Ấy là vì muốn cho cả thiên hạ đều cùng phát khởi cái tâm trắc ẩn không chi chẳng thấu.

Đối với hết thảy những kẻ quan quả cô độc, khốn khổ, lênh đênh, không nơi nương tựa, không phải là chẳng muốn cứu giúp, nhưng do tài lực khó khăn, nên bèn lập thêm một Viện Mồ Côi nơi cuộc đất hẹp bên cạnh ao phóng sanh chùa Pháp Vân, đem những cô nhi không cha, không mẹ, không cách sống còn về nuôi dạy cho đến khi chúng thành tài tự lập, để chúng khỏi bị đói lạnh mà chết vùi lấp bên khe ngòi, no lòng quạ, chó; đến nỗi tổ tông chúng không người thờ phụng, cũng như quốc gia thiếu nhân dân. Tâm ấy có thể nói là chân thành khẩn thiết, biết điều gì cần phải lo trước. Ấy là vì trẻ nhỏ hễ mất cha mẹ ắt phải đến nỗi chết đi. Dẫu cho nó có thể xin ăn được đôi chút, không đến nỗi chết ngay, nhưng vì không thể học hành, bất quá chỉ suốt đời làm mướn, làm sao mở mang trí thức để thấu đạt thiên tư sẵn có, giữ vẹn luân lý hòng chẳng trái đạo làm người cho được? Hãy thử nghĩ: Ngài Đạo An đời Tấn, ngài Nhất Hạnh đời Đường, ngài Diệu Phong đời Minh[244]

---

[244] Về ngài Đạo An, xin xem chú thích 153, trang 204, quyển 2.

* Nhất Hạnh (683-727), thường được xưng tụng là Nhất Hạnh A Xà Lê, là một cao tăng bên Mật Tông, đồng thời là một nhà thiên văn lịch số nổi tiếng. Ngài sống vào thời Đường, quê ở Cự Lộc (nay thuộc huyện Cự Lộc, tỉnh Hà Bắc). Xuất thân từ nhà quyền quý, tánh ưa thích kinh sử, xuất gia với ngài Cảnh thiền sư ở Kinh Châu, sau học Thiền với ngài Phổ Tịch thiền sư ở Tung Sơn, rồi lại học Luật với ngài Đương Dương Chân Toản. Ngài gom góp những đoạn kinh văn trọng yếu trong các kinh luận soạn thành bộ Nhiếp Điều Phục Tạng, mười quyển. Sư còn theo học với các vị Thiện Vô Úy, Kim Cang Trí, cùng với ngài Thiện Vô Úy dịch bộ kinh căn bản quan trọng nhất của Mật Tông là kinh Đại Nhật. Sư được ngài Kim Cang Trí truyền thọ Bí Mật Quán Đảnh. Năm Khai Nguyên thứ chín (721), vua xuống chiếu sai Sư hiệu đính lịch pháp. Sư soạn thành bộ Đại Diên Lịch gồm 52 quyển (lịch pháp này đến nay vẫn được người Nhật sử dụng). Ngài còn cùng với ông Lương Lệnh Toản chế ra dụng cụ thiên văn gọi là Hoàng Đạo Du Nghi để trắc định vị trí của hơn 150 hằng tinh, cũng như tính ra kinh độ của các ngôi sao ấy. Tác phẩm quan trọng của Sư là bộ Đại Nhật Kinh Sớ gồm 20 quyển, được coi là tác phẩm kinh điển trọng yếu, có thẩm quyền nhất trong các sớ giải của Mật giáo. Ngài tịch diệt năm Khai Nguyên 15, thọ 45 tuổi, thụy hiệu là Đại Huệ Thiền Sư. Ngài còn soạn những tác phẩm nổi tiếng khác là Tú Diệu Nghi Quỹ, Phạm Thiên Hỏa La Nghi Quỹ, Thất Diệu Tinh Thần Biệt Hành Pháp, Dược Sư Lưu Ly Như Lai Tiêu Tai Trừ Nạn Niệm Tụng Nghi Quỹ. Ngoài ra, còn có bộ Hoa Nghiêm Kinh Hải Ấn Đạo Tràng Sám Nghi bốn mươi hai quyển soạn chung với đệ tử là Huệ Giác.

* Ngài Diệu Phong sống vào thời Minh, tên là Phước Đăng, người Bình Dương, Sơn Tây, họ Tục, hậu duệ của Tục Cúc Cư thời Xuân Thu. Sanh ra đã có tướng mạo kỳ lạ: Môi trớt, răng vẩu, mũi huếch, cổ lộ hầu. Bảy tuổi mồ côi, phải đi chăn dê cho người ta. Năm 12 tuổi xin vào tu tại một ngôi chùa gần đó, bị Tăng nhân đối xử tàn tệ, phải trốn sang Bồ Bản, xin ăn ở chợ, đêm ngủ nhờ ở Văn Xương Các tại phía Đông quận ấy. Gác ấy do Sơn Âm Vương xây để mời Lương Công chùa Vạn Thọ ở. Một bữa, Sơn Âm Vương trông thấy bèn bảo Lương Công: "Đứa bé này ngũ quan đều lộ, nhưng thần trí ngưng lặng, xương cứng cỏi, ắt ngày sau thành đại khí, nên thâu làm đồ đệ, đối đãi tử tế". Ít lâu sau, có động đất lớn, những chỗ dân chúng cư ngụ bị sụp đổ hết, Sư bị đè ở dưới nhưng không bị thương. Vương càng lấy làm lạ, bèn cho sửa Lâu Nham Lan Nhã trong Điều Sơn, bảo Sư bế quan chuyên tu Thiền Quán, đêm ngày đứng sừng sững suốt ba năm. Bế quan không lâu đã có chỗ ngộ, Vương bảo: "Đứa bé này kiến giải đã như thế, nếu không chiết phục ắt về sau phát cuồng". Bèn lấy một miếng đế giầy rách, viết bài kệ rằng*: "Đế giày hôi thối này, gói lại gởi cho ngươi, đừng làm chuyện chi khác, hãy chuyên chú ngâm thơ"*. Gói lại, gởi cho Sư. Sư nhận được, lễ Phật, lấy vải trùm đầu, từ đấy im lặng không nói năng gì nữa. Ba năm bế quan xong, đến gặp Vương đã thông tỏ bổn phận. Vương rất mừng, bảo đi nghe giảng kinh Lăng Nghiêm, thọ Cụ

đều là cô nhi. Do các vị được làm Tăng nên đạo bèn truyền khắp thiên hạ, đức phủ triệu dân. Ông Lã Văn Mục đời Tống lúc hàn vi đọc sách, xin ăn nuôi thân; một vị Tăng thương xót bèn giúp đỡ, ông đậu cao, tận tụy với vua, thương yêu dân chúng. Do vậy, ông có phát nguyện rằng: *"Nguyện con cháu đời đời ăn lộc, hộ trì Phật pháp. Kẻ nào chẳng tin Tam Bảo đừng sanh vào nhà ta"*. Ấy là vì lòng cảm kích sâu xa. Do vậy,

---

Túc. Sư tham học với khắp các tri thức. Sư triều bái Phổ Đà, do không quen phong thổ, bị ghẻ khắp người, bèn phát nguyện thếp vàng ba tượng Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm Đại Sĩ, tạo khám thờ bằng đồng gởi đến Ngũ Đài, Nga Mi, Phổ Đà để cúng dường vĩnh viễn. Khi trở về Ninh Ba, Sư mắc bệnh thời khí, gần chết. Đêm đi đường, tìm không ra một giọt nước, bèn lấy tay vốc nước từ trong một cái chậu tắm, uống vào ngọt ngào vô cùng. Sáng ra thấy nước ấy dơ quá, ói mật xanh mật vàng, liền ngộ*: "Uống vào thật ngon, trông thấy thật dơ. Dơ sạch do tâm, chẳng liên quan đến vật bên ngoài"*, toàn thân đổ mồ hôi bèn lành bệnh, nhưng vẫn còn ghẻ. Đến chùa Đại Báo Ân ở Nam Kinh, nghe Vô Cực pháp sư giảng Hoa Nghiêm Huyền Đàm, ngài Hám Sơn làm phó giảng. Sư xin làm chức Tịnh Đầu (trông coi nhà tiêu) để dưỡng bệnh nghe kinh. Mỗi ngày đại chúng ăn trưa xong, nghỉ ngơi, Sư bèn quét dọn nhà xí cho thật sạch sẽ. Ngài Hám Sơn biết vị Tịnh Đầu ắt là một cao tăng, bèn đến thăm riêng, ước hẹn làm bạn đồng tham. Không lâu sau, nhà xí không sạch nữa, Hám Sơn đoán vị Tịnh Đầu đã bỏ đi, bèn đi tìm. Sư sau khi bỏ đi, tìm chỗ sâu nhất trong núi ở Bồ Châu, kết tranh làm am, không ăn cơm suốt ba năm, được đại ngộ. Sơn Âm Vương dựng chùa ở Nam Sơn, mời Sư về ở, lại nhờ lên Bắc Kinh thỉnh Tạng kinh. Sư gặp Hám Sơn ở giữa chợ tại kinh đô, kinh cũng đã thỉnh xong, bèn cùng nhau về Bồ Châu. Năm sau, cùng đến Ngũ Đài, ở nhờ nơi am Diệu Đức thuộc Long Môn dưới chân ngọn Bắc Đài. Ba năm sau, mỗi vị đều trích máu từ lưỡi hòa vụn vàng chép kinh Hoa Nghiêm. Vàng và giấy do Từ Thánh Thái Hậu ban tặng. Chép kinh xong, Sư tổ chức Vô Già Đại Hội hai mươi ngày. Thái Hậu sai quan đến xin Sư cầu hoàng tự (người nối dòng cho hoàng triều), họ bèn đem công đức ấy hồi hướng cho việc ấy. Mười tháng sau, sanh được hoàng nam, tức Thái Xương. Thấy quá nổi tiếng, không thể ở lâu được, hai vị bèn xuống núi ẩn cư. Sư vào núi Lô Nha, kết am tu. Thái hậu sai người tìm được, bèn cho cất chùa Hoa Nghiêm nơi ấy. Từ đó, suốt hai mươi năm, xây dựng tùng lâm, sửa cầu cống, đắp đường trong núi, phàm những công trình lớn, người khác không hoàn thành được thỉnh Sư trông coi, chẳng lâu sau đều hoàn thành. Việc xong liền đi, không bận tâm đến nữa. Sư ngồi viên tịch, thọ 73 tuổi, tăng lạp 49 năm.

biết rằng thần long còn bé thường hay bị cát đá gây khốn, người có lòng nhân đem nước chừng một thưng, một đấu giúp cho, đợi đến khi rồng đủ vây cánh, gió mây gặp hội, ắt có thể rưới mưa ngọt khắp cả thiên hạ. Dẫu những đứa thiên tư tầm thường, không bản lãnh gì, nhưng được nuôi dưỡng lương năng lương tri khiến cho đứa nào đứa nấy hiền lành thì cũng có thể tạo thành cái gốc làm cho thiên hạ thái bình. Huống hồ cô nhi rất nhiều, trong ấy ắt có những đứa tài năng xuất chúng, có thể thành đạo lập đức, tán trợ quyền giáo hóa, dưỡng dục, như các vị Đạo An, Nhất Hạnh, Diệu Phong, Văn Mục vậy! Công đức nuôi dạy thành tựu ấy há thể tính lường được ư?

Kính mong những bậc quân tử nhân từ, hết thảy thiện tín, đều khởi lòng giúp đỡ trẻ nhỏ, đừng keo kiệt, giúp đỡ nhỏ giọt. Phải biết bố thí là cội phước, đạo trời sẽ đền đáp tốt đẹp. Mình đã giúp con côi của người ta thì con cháu mình ắt sẽ có nhiều đứa tài năng xuất chúng, làm chuyện lớn lao, quyết chẳng đến nỗi khổ sở lênh đênh, không biết kêu ca vào đâu! Phạm Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yêm) đời Tống chỉ chăm chú giúp đời, cứu người. Con cháu ông cho đến tận bây giờ nhiều người hiển đạt. Do vậy biết rằng cứu giúp người bị tai ương thì chính mình và con cháu mình đời đời kiếp kiếp đều chẳng đến nỗi bị tai ương phải đợi người cứu giúp. Nếu có thể nhận lãnh lời bàn luận kém hèn, chẳng tiếc của báu trong nhà, ngõ hầu sự việc này được thành tựu mỹ mãn, thì há nào phải chỉ cô nhi được may mắn, mà thật ra chính là thiên hạ quốc gia được may mắn lớn lao vậy!

4. Sớ phổ khuyến thí tiền khắc in Đại Tạng

Đại Tạng chính là tùng lâm Bát Nhã, là kho tàng Chân Như, là biển thẳm của hết thảy các pháp thế gian, xuất thế gian. Toàn bộ đạo do chính đức Như Lai rốt ráo chứng đắc, pháp sẵn có trong tâm của chúng sanh và pháp rộng khắp mười phương thế giới, tinh vi như nhân quả ba đời, cũng như những đạo luân thường hiếu đễ từ thiện thường ngày thảy đều xiển dương, khen ngợi, chỉ dạy hoàn toàn chẳng sót chút nào. Do vậy, bậc hoằng pháp đại sĩ không ai chẳng lấy việc lưu thông Đại Tạng làm nhiệm vụ cấp bách để hoằng pháp lợi sanh.

Khắc Đại Tạng Kinh khác với chỉ khắc một hai bộ kinh luận, nhưng không được nói là công đức này lớn, công đức kia nhỏ, pháp này thích đáng căn cơ, pháp kia không thích đáng căn cơ. Ấy là vì một Đại Tạng giáo tuy có kinh, luật, luận, và những trước thuật của Tây Trúc (Ấn Độ), phương này (Trung Hoa), bộ loại khác biệt, số quyển vượt quá vạn cuốn, nhưng đều là một bộ Đại Tạng Kinh. Đã là một bộ sao có thể chia xẻ cương vực, lầm lạc phân chia hơn - kém? Ví như vạn con sông đổ vào biển cả cùng một vị mặn, trăm hoa gom thành mật cùng một vị ngọt. Cây cỏ tuy có lớn - nhỏ, nhưng ánh nắng xuân trọn chẳng thiên vị; hình tướng tuy rất khác biệt, nhưng gương sáng nào soi khác nhau? Như xây tháp chín tầng, xếp gạch đá thành từng bậc, công đức giống hệt như nhau. Như đúc tượng Phật ngàn thước, nung vàng và đồng trong cùng một lò, nào phân cao - thấp?

Chỉ nên do ngọn tìm được gốc, há nên chấp nguồn bỏ giòng! Bồ Tát độ sanh chẳng thấy tướng người độ và kẻ được độ. Bồ Tát hành bố thí chẳng chấp vào tướng Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp. Vì thế, đắc nhất tâm vô trụ, tam luân thể không, đạt được phước đức bằng với mười phương hư không, cùng một dạng rộng lớn lâu dài. Giáo pháp Đại Tạng tuy có Đại, Tiểu, Quyền, Thật, Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, Hiển, Mật, Chân, Tục, Thiền, Tịnh, Tánh, Tướng, đủ mọi thứ bất đồng, nhưng tâm quang huyết mạch cố nhiên đều dung hội quán thông, không một điều gì trệ ngại. Ví như ngàn hạt châu nơi cái lưới của Đế Thích, rọi bóng lẫn nhau trùng trùng; như ngàn ngọn đèn trong điện Phật, ánh sáng bao phủ lẫn nhau. Đàn-việt giúp khắc in kinh chỉ [cần biết] là tiền bỏ ra chẳng uổng phí, đừng hỏi khắc in những kinh gì, khiến cho người đứng trông coi đỡ tốn tâm lực và Đại Tạng mênh mông chóng được viên thành. Nếu như có tâm phân biệt, lầm lạc sanh lòng chọn lựa, thì ai nấy có lòng ưa thích riêng, ắt đến nỗi có loại được nhiều người nguyện khắc trở thành trùng lặp, có loại thì không ai phát tâm, thường bị thiếu sót. Công đức tuy có, nhưng thong thả hay gấp rút chẳng thích đáng, biết đến khi nào toàn tạng mới được lưu thông?

Huống chi lúc này người trông nom, giảo chánh, đối chiếu đều đã có, duyên thù thắng ấy khó thể có lần nữa, nỡ nào bỏ lỡ qua ư? Phải biết: Vì Thật bày Quyền, Quyền ấy là Quyền đối với Thật. Khai Quyền hiển Thật thì Thật ấy là Thật đối với Quyền vậy. Như Lai nói kinh, Bồ Tát tạo luận, nếu không có chư tổ sư Tây Trúc, phương này trước thuật, phụ giúp khen ngợi thì làm sao

có thể lưu thông trong nước ngoài nước mãi cho đến nay chẳng suy phế được?

Vả nữa, bậc thế chủ trị quốc còn phải nhờ vào văn võ phù tá thì mới được vạn dân ngưỡng mộ đức, kiêng oai, nhìn vào gương sáng mà tự thay đổi. Huống chi tam đức bí tạng do đức Như Lai đã chứng, diệu lý Thật Tướng, nếu bỏ đi những thứ phát huy tùy thuận cơ nghi của cổ đức những gì tâm Phật đã chứng thì chỉ có Phật và các vị Pháp Thân đại sĩ biết được, còn những chúng sanh căn cơ kém cỏi khác sẽ dựa vào đâu để biết được? Nhờ vào đâu để chứng được? Do vậy, biết rằng hơn một vạn quyển kinh trong Đại Tạng đều là cùng một pháp, há có thể phân biệt được sao? Mong rằng các đại đàn-việt bỏ tiền của giúp khắc in đều cùng dùng vô sở trụ để sanh tâm, chẳng trụ vào pháp để hành bố thí thì công đức chẳng thể nghĩ bàn của Đại Tạng ai nấy đều đạt được toàn phần. Như một vầng trăng giữa trời hiện bóng khắp muôn sông, cùng một tiết khí cả cõi đất đều là mùa Xuân.

5. Sớ sáng lập chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân, tỉnh Cát Lâm

Phật pháp lưu thông, lợi ích vô lượng. Người căn cơ thiên bẩm sâu sẽ đạt sâu xa, tức là có thể minh tâm kiến tánh, đoạn Hoặc chứng Chân. Người căn cơ thiên bẩm nông cạn sẽ đạt được nông cạn, cũng có thể cải ác tu thiện, mong thành thánh, thành hiền. Ấy là do Như Lai lập giáo, tuy chánh yếu vì lẽ xuất thế, nhưng tùy thuận

cơ nghi nên khéo léo khuyên dụ dần dần. Vì thế, đối với đạo xử thế cũng phát huy trọn vẹn, chẳng sót mảy may điều gì. Gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh kính, em nhường, chồng xướng, vợ theo. Phàm hết thảy đạo luân thường hằng ngày trọn chẳng khác gì đạo Nho đã dạy. Điểm khác biệt là trong mỗi pháp đều dạy nhân quả ba đời, thiện ác báo ứng, khiến cho con người giữ tấm lòng kính sợ, chẳng dám vượt phạm, dẫu ở trong nhà tối phòng kín vẫn thường như đối trước Phật, trời. Dẫu là phường tham tàn bạo ác trọn không có lòng tin, nhưng do nghe chuyện nhân quả báo ứng lâu ngày, tâm chúng cũng ngầm bị chế phục, cũng chẳng đến nỗi mười phần tàn khốc.

Xem thời Liệt Quốc, giết người để tuẫn táng, càng giết nhiều càng vinh. Đến khi Phật giáo truyền sang Đông, phong tục này bèn bị diệt là đủ thấy vậy! Thấm sâu vào con người, lợi ích rộng lớn, ví như mặt trời sáng rực giữa trời, dẫu kẻ mù từ lúc mới sanh vẫn đều được an lạc; ánh dương xuân chiếu xuống đất, mầm đã bị thiêu cũng được sanh thành. Quả thật: *"Nếu Như Lai không xuất thế, vàn muôn đời như đi trong đêm tối. Nếu Phật pháp lưu thông, trời người đều có chỗ nương tựa"*. Giáo pháp truyền sang Đông Chấn[245] gần hai ngàn năm, trong thời gian ấy những bậc thông minh duệ trí, lập

[245] Theo Tiên Thiên Bát Quái của Văn Vương, quẻ Chấn thuộc phương Đông, Trung Hoa ở phương Đông của Ấn Độ nên cũng thường được gọi là Đông Chấn. Có người giải thích: Vì người Trung Hoa nghĩ Ấn Độ ở phía Tây Bắc Trung Hoa (do thời xưa, các vị tổ sư thường theo con đường Tơ Lụa ở phía Tây Bắc Trung Hoa vào Trung Nguyên, người Tàu thường nghĩ Ấn Độ nằm về phía Tây Bắc Trung Hoa) nên gọi là Tây Càn (quẻ Càn ở phía Tây Bắc trong Tiên Thiên Bát Quái đồ). Xin ghi lại lời giải thích này như một vấn đề tồn nghi.

nên sự nghiệp lòa trời rợp đất, học thức thông trời thấu người, tiết tháo át gió mây, không ai chẳng sùng phụng, hộ trì, cực lực lưu thông, chẳng tiếc tiền của lớn lao tạo dựng chùa tháp. Là vì về mặt ngầm thì đạo Phật giúp cho việc trị đạo, về mặt rõ ràng là làm cho dân tình được yên, khiến cho dân ngày càng hướng về điều lành mà chẳng hay biết duyên do. Vì thế, xưa nay những bậc lỗi lạc không ai chẳng lưu thông Phật pháp để làm nền tảng khiến thiên hạ thái bình, muôn nước đều được yên ổn.

Thành phố Cáp Nhĩ Tân tỉnh Cát Lâm hẻo lánh chốn biên thùy, xưa kia chỉ là vùng đánh cá của Trung Hoa và Nga mà thôi! Từ khi đường sắt được mở, bèn trở thành một địa điểm giao thông trọng yếu giữa Âu và Á, muôn thương nhân như mây tụ về, các hãng la liệt như sao. So với Bắc Kinh, Thiên Tân, Thượng Hải, Vũ Hán, không kém cạnh cho mấy! Thế nhưng hoàn toàn chẳng có chùa, miếu, cao tăng chẳng đến trụ tích[246], kinh điển chưa lưu truyền, nhân dân không có duyên để tu tập, bồi dưỡng. Cục trưởng giám sát đường sắt Trung Đông là ông Trần Phi Thanh, xưa đã gieo cội lành, dốc lòng tin vào Phật thừa, muốn khiến cho mọi người cùng sống ở vùng Cáp Nhĩ Tân, Hắc Long Giang, đều được tắm gội pháp hóa của Như Lai, nên bèn hướng về cục quản trị đường sắt Trung Đông, xin vài mẫu đất, muốn dựng một tùng lâm thập phương, đặt tên là Cực Lạc, hòng hoằng truyền Phật pháp, giúp cho tín ngưỡng. Những lãnh tụ của hàng thân sĩ, thương nhân như ông

---

[246] Trụ tích: Vị tăng trụ lại một nơi nào gọi là trụ tích, tích ở đây là tích trượng.

này, ông nọ, mấy mươi người không ai chẳng có lòng thành tựu cho mình, thành tựu cho người, dốc lòng hành tự lợi, lợi tha, hiệp lực giúp đỡ cho việc này mau được thành công. Quy mô kiến trúc chùa đều phỏng theo quy cách những ngôi đại tự trong nội địa. Pháp sư Đàm Hư[247] bác học đa văn, thông hiểu kinh giáo sâu xa, chí thiết tha hoằng pháp lợi người, nên được mời làm Trụ Trì. Mong sau khi chùa này được thành lập xong sẽ giảng kinh suốt năm, ngõ hầu nhân sĩ đến Cáp Nhĩ Tân đều biết đạo tu thân yên đời và pháp liễu sanh thoát tử, kèm thêm mở liên xã, kế thừa di phong của Lô Sơn, mở ra nơi chốn đọc kinh, thấu hiểu tột cùng bí yếu tu trì.

Nhưng xây dựng từ nơi đất trống và hoằng pháp lâu dài, sự thể rất lớn, phí tổn rất nhiều. Do vậy, khẩn thiết mong những bậc trưởng quan đang cai trị, những phú

---

[247] Đàm Hư (1875-1963), cao tăng thời cận đại. Sư họ Vương, tên Phước Đình, pháp tự Long Hàm, pháp hiệu Đàm Hư, người Ninh Hà, tỉnh Hà Bắc. Năm 17 tuổi, vâng lệnh cha lập gia đình, sanh được năm người con. Trước kia, Sư làm nghề nông và buôn bán, sau theo nghề y. Năm 40 tuổi, nhân nghe kinh Pháp Hoa, liền phát chí xuất gia. Năm 1917, Sư xin xuất gia với ngài Ấn Khôi tại chùa Cao Minh. Rồi về Nam, y chỉ với ngài Đế Nhàn chùa Quán Tông ở Ninh Ba học giáo nghĩa Thiên Thai. Năm 1921, đảm nhiệm dạy học tại Phật Học Viện chùa Vạn Thọ tại Thẩm Dương. Năm 1925, được ngài Đế Nhàn phó pháp trở thành người nối pháp đời bốn mươi bốn tông Thiên Thai, được ban tên là Kim Hàm. Từ đó, Sư chuyên giảng kinh hoằng pháp tại các nơi thuộc Đông Bắc Trung Hoa, sáng lập đạo tràng. Các chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân, chùa Bát Nhã ở Trường Xuân, và chùa Lăng Nghiêm ở Doanh Khẩu là những ngôi phạm-sát lớn nhất. Sau Ngài thường trụ tại chùa Trạm Sơn thuộc Thanh Đảo, tự xưng là Trạm Sơn Lão Nhân. Về cuối đời, Sư sang hoằng pháp tại Hương Cảng, sáng lập Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán, Hoa Nam Phật Học Viện. Ngài mất năm 1963, thọ 89 tuổi. Sư từng kể lại những chuyện trong cuộc đời mình và môn đệ là Đại Quang đã chép lại thành cuốn Ảnh Trần Hồi Ức Lục. Những trước tác quan trọng của Sư là Tâm Kinh Sớ Nghĩa, Tâm Kinh Giảng Nghĩa, Khởi Tín Luận Giảng Nghĩa, Thiên Thai Truyền Phật Tâm Ấn Ký Thích Yếu, Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa.

thương, đại thân sĩ và hết thảy hàng thiện tín, ai nấy đều phát Bồ Đề tâm, hành phương tiện sự, mở kho báu, vun bồi ruộng phước, quyên tiền góp gạo, lần lượt khuyên bảo, quyên mộ, ngõ hầu điện báu mênh mông sớm ngày thành tựu, mãn nguyệt kim dung[248] thường trụ bao kiếp, cao tăng đến đây ở lại, kinh điển lưu thông, liên xã mở, tông phong Tịnh Độ chấn hưng, kinh giáo được tuyên giảng khiến cho thuyền bè [cứu độ] trong biển khổ được tồn tại mãi. Từ đấy, con người cẩn thận tam nghiệp, nhà nhà chăm lo Thập Thiện, đè nén hung tàn, bỏ giết chóc, đồng chứng cảnh nhân từ, sống thọ, tín nguyện niệm Phật, cùng sanh cõi Cực Lạc. Sẽ thấy hàng thiện sĩ xuất tiền của thường được Phật trời phù hộ, tai chướng ắt băng tiêu, cát khánh (điều tốt lành, may mắn) như mây nhóm, thân tâm yên vui, thanh thản, cửa nhà yên tịnh, dư dật, sống lâu, mạnh khỏe, bình an, hiện đời ngũ phước nườm nượp, chức tước tăng cao, hậu duệ được hưởng trăm điều lành như đã nói trong bài Y Huấn[249].

6. Sớ duyên khởi thành lập liên xã chùa Di Đà tại Hàng Châu

Nhất niệm tâm tánh của hết thảy chúng sanh và chư

---

[248] Mãn nguyệt kim dung: Khuôn mặt đức Phật được ví như vầng trăng đầy viên mãn, thân Phật sắc vàng ròng nên gọi là kim dung.

[249] Y Huấn là một đoạn văn nhỏ trong kinh Thư, ghi lại lời khuyên dạy của Y Doãn, trong đó có câu: *"Tác thiện giáng bách tường, tác bất thiện giáng bách ương"* (Làm lành trăm điều tốt đẹp giáng xuống, làm điều chẳng lành, trăm tai ương giáng xuống).

Phật hoàn toàn giống nhau, nhưng suy nghĩ và cư xử hoàn toàn khác với chư Phật. Là do lẽ gì vậy? Ấy là do mê tánh đức sẵn có, bèn lầm lạc xuôi theo trần lao, khiến cho Giới - Định - Huệ không vướng mắc vốn sẵn có trong tánh bị biến thành tham - sân - si nhiễm ô nơi cảnh, tạo ra những chuyện giết - trộm - dâm tranh chấp nơi sự. Do vì lẽ đó, luân hồi lục đạo, chịu các nỗi khổ cùng cực trải kiếp dài lâu, không thể thoát được. Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót, khởi Vô Duyên Từ, vận lòng Bi Đồng Thể, thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng kinh hơn ba trăm hội. Trong khoảng thời gian ấy, do căn cơ [khác nhau] nên giáo pháp sai khác, pháp do duyên mà khác biệt. Đại - Tiểu, Thiên - Viên, Quyền - Thật, Tiệm - Đốn, khiến cho ai nấy tùy theo cơ nghi[250] đều được lợi ích. Trong ấy, nếu cầu lấy pháp độ khắp ba căn, gồm thâu lợi - độn, hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít được hiệu quả nhanh, chẳng đoạn Hoặc nghiệp mà được dự vào Hải Hội, ngay trong một đời này nhất định thoát khỏi luân hồi, thì không gì thù thắng siêu tuyệt bằng tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Do vậy, các kinh Đại Thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa v.v… các đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền... các đại tổ sư như Mã Minh, Long Thọ… đều cực lực tán dương, khuyên khắp [mọi người] vãng sanh.

---

[250] Cơ là căn cơ, Nghi là thích đáng. Ý nói chúng sanh có thiện căn, muốn giáo hóa thì phải thuận theo căn cơ lập ra giáo pháp thích nghi. Pháp Hoa Huyền Nghĩa quyển 1, có câu: *"Giáo vốn ứng cơ, cơ nghi bất đồng nên bộ loại khác biệt!"*

Đến khi đại giáo truyền sang Đông, Viễn công đại sư ẩn cư tại Lô Sơn, sáng lập Liên Xã, hoằng thông pháp này. Thoạt đầu, lúc kết xã, cao tăng, đại nho dự vào hội là một trăm hai mươi ba người. Nếu tính suốt cuộc đời Ngài, thì trong hơn ba mươi năm, những người gia nhập liên xã niệm danh hiệu Phật được tiếp dẫn vãng sanh nhiều không biết bao nhiêu mà kể! Từ đấy trở đi, đời đời có bậc cao nhân hoằng dương Liên tông, dẫn dắt lợi lạc hàm thức. Đầu đời Tống có Vĩnh Minh đại sư trụ trì Tịnh Từ (chùa Tịnh Từ thoạt đầu có tên là Vĩnh Minh), tu trọn vạn thiện, riêng xưng tán Tịnh Độ. Ngài sợ kẻ học chẳng biết cội nguồn của Phật lực và tự lực bèn soạn Tứ Liệu Giản để làm kim chỉ nam, ngõ hầu thượng trung hạ căn dù thánh hay phàm đều có cái để noi theo. Nếu không phải là Di Đà hóa thân, dễ đâu được như vậy! Sau đấy có Tỉnh Thường pháp sư, nhằm vào đời Tống Thái Tông và Tống Chân Tông, trụ trì chùa Chiêu Khánh, hâm mộ di phong Lô Sơn, bèn kết Tịnh Hạnh Liên Xã, mà ông Văn Chánh Công Vương Đán là người quy y đầu tiên, trở thành người đề xướng, hướng dẫn. Những quan to chức cả, học sĩ, đại phu xưng là đệ tử dự vào liên xã, hơn một trăm hai mươi người. Hàng sa-môn có đến mấy ngàn, còn những hạng thứ dân không thể ghi chép nổi.

Cuối đời Minh, đại sư Liên Trì sau khi tham Thiền đại ngộ, bèn tận lực tu Tịnh nghiệp, trùng hưng chùa Vân Thê. Do pháp khế lý khế cơ không gì hơn được Tịnh Độ nên Ngài bèn viết Di Đà Kinh Sớ Sao, phát huy chỉ thú thật sâu. Tông phong Tịnh Độ được chấn

hưng lớn lao, suốt đời Ngài bi kính song tu[251], Sự - Lý bất nhị. Do vậy, gương cao đẹp kiêng giết, phóng sanh, giúp kẻ côi cút, lợi lạc cõi âm của Ngài được trong nước lẫn ngoài nước kính ngưỡng suốt cả mấy trăm năm. Trong thời Ung Chánh đời Thanh, Tỉnh Am pháp sư trụ trì chùa Phạm Thiên[252], hoằng dương xiển phát Tịnh Độ chẳng tiếc sức. Bài Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn của Ngài quả thật đã tranh sáng cùng nhật nguyệt, thọ ngang với hư không.

Do vậy, tâm quang của chư Tổ tỏa sáng, nhân sĩ Hàng Châu đa phần đều tin tưởng, hướng về. Lại do nước non xinh đẹp, cao nhân nẩy sanh đông đảo, con người tụ hội đông đúc, nên nhiều bậc tri thức trong pháp môn cũng đến ở lại. Vì thế, pháp hóa hưng thạnh, trỗi hơn mọi xứ. Địa linh nhân kiệt, pháp nhờ vào duyên mà hưng khởi, lòng tin chẳng phải là nói xuông. Đến đầu thời Quang Tự, Ngọc Phong pháp sư sáng lập chùa Di Đà để làm đạo tràng Tịnh Độ, khoét núi khắc kinh, hoằng dương Tịnh Độ. Tuy đạo đức chẳng dám sánh bằng chư tổ như Vĩnh Minh, nhưng thệ nguyện hoằng thâm, lời lẽ thống thiết, chẳng thẹn là bậc tạo ảnh hưởng, dắt dìu trong Tịnh Độ, là bậc tri thức trong pháp môn. Kế thừa quá khứ, chỉ dạy tương lai, quả thật công lao ấy chẳng cạn nhỏ.

---

[251] Bi kính song tu: Tu bi điền và kính điền đồng thời. Bi điền là thương xót giúp đỡ chúng sanh, kính điền lễ kính Tam Bảo, chăm tu pháp yếu.

[252] Chùa Phạm Thiên thuộc huyện Đồng An, tỉnh Phước Kiến, nằm vào phía Đông Bắc ngọn núi chính của rặng Đại Luân Sơn. Chùa được dựng vào đời Tùy, thoạt đầu có tên là chùa Hưng Quốc, vốn là chùa thập phương. Đời đời có các thiền sư nổi tiếng trụ trì, Tổ Sư Hoàng Bá cũng từng ngộ đạo tại đây.

Về sau, đất nước lắm nỗi gian truân, không người trụ trì, đến nỗi suy sụp sát đất. Mấy năm gần đây, tầm mắt của mọi giới được rộng mở, phàm những ai có chí học thánh, học hiền không ai chẳng nghiên cứu Phật học, tu trì Tịnh nghiệp. Những vị cư sĩ như ông X…. chẳng nỡ để đạo tràng bị chìm lấp mãi, cùng suy cử Trí Huệ pháp sư làm trụ trì, ngõ hầu đề xướng Liên tông, lợi lạc khắp hết thảy. Thầy Trí Huệ có tâm tự lập, lập người, tự lợi, lợi tha, ngửa trông theo đường lối tu trì trước kia, đặc biệt mở ra liên xã. Mỗi tháng, vào sáu ngày chay, cử hành một lần. Người có tín tâm đồng đến niệm Phật. Niệm xong được một chốc bèn cung thỉnh thầy Trí Huệ, hoặc những bậc tri thức khác, hoặc hàng cư sĩ thông hiểu Phật pháp thăng tòa diễn giảng hết thảy lý sự trong pháp môn Tịnh Độ, để cho ai nấy đều khắc phục tập khí, tăng trưởng tín tâm, quả thật là một việc tốt đẹp. Quang và thầy Trí Huệ chí đồng đạo hợp, nên thầy bèn ủy thác Quang trần thuật duyên khởi để khuyên hết thảy đại chúng.

Thiền sư Trường Lô Trách đời Tống, hâm mộ Lô Sơn liên xã nên lập ra Liên Hoa Thắng Hội, trong mộng cảm được hai vị Bồ Tát Phổ Hiền, Phổ Huệ xin được ghi danh. Do đó, biết rằng hội này được gọi là hội pháp thí tối thắng. Phàm những ai nhập hội, đều phải gắng công. Vả nữa, con người gần đây đa phần chuộng hư danh, chẳng tu thật hạnh. Miệng tuy niệm Phật, tâm trái nghịch Phật. Ví như thuốc và chất kỵ thuốc đều uống hết, làm sao lành bệnh cho được! Ắt phải niệm niệm khắc phục, đối trị tập khí của chính mình, tâm tâm ức niệm hồng danh Di Đà. Phàm có những ý niệm chẳng

phù hợp với Phật thì phải tự trách rằng: "Ngươi là người niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sao lại khởi lên ý niệm ấy?" Chánh niệm vừa khởi thì tà niệm tự tiêu, quyết chẳng cho nó tồn tại trong khoảnh khắc, phải làm sao cho trong tâm sạch sẽ không tỳ vết, không nhơ bẩn như tịnh lưu ly, bên trong đựng bảo nguyệt. Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tín nguyện trì danh, quyết định cầu sanh thì mới là người thật sự tu Tịnh Độ. Nếu tâm có một niệm cầu phước báo trời người trong đời sau thì tuy tu trì tinh thuần vẫn gọi là "trái nghịch Phật giáo". Tuy gieo thiện căn, nhưng liễu sanh thoát tử vẫn còn dài lâu lắm, chẳng đáng buồn ư? Tuy đoạn này chẳng ăn nhập gì đến duyên khởi, nhưng quả thật là nghĩa lý tu trì trọng yếu, nên viết lẫn vào đây!

7. Sớ trùng tu bảo tháp của Vinh Quốc Thiền Tự ở Nam Cao Phong, Hàng Châu (viết thay cho thầy trụ trì Chấn Cơ)

Đấng Đại Giác Thế Tôn thương các chúng sanh mê mất diệu tâm vốn có, luân hồi sanh tử, nên thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, tùy theo căn tánh của chúng sanh mà nói diệu pháp, khiến cho mọi loài hữu tình đều được lợi lạc. Đến khi xong việc, bèn thị hiện diệt độ. Lại do bi tâm vô tận nên đặc biệt nát toàn thân thành tám hộc bốn đấu xá-lợi, phân bố trong cõi trời, nhân gian, để làm nhân duyên vô thượng chẳng thể nghĩ bàn bậc nhất cho chúng sanh vị lai được diệt tội gieo phước, thoát ly luân hồi, vượt thoát sanh tử cho đến thành Phật. Do vậy, những ai có được xá-lợi Phật

không ai chẳng dựng tháp báu cao vút để cất giữ, khiến cho cả mình lẫn người, u lẫn hiển cùng được tiêu túc nghiệp, cùng gieo thiện căn.

Nam Cao Phong là danh sơn thuộc Tỉnh Hội - một thị trấn lớn của tỉnh Chiết Giang. Từ chân núi lên đến đỉnh hơn một ngàn sáu trăm trượng, lên đỉnh nhìn ra xa, Trường Giang như một dải thắt lưng, Tây Hồ như cái chén. Nhìn trọn vẹn vẻ đẹp của hồ lẫn núi, bậc khoát đạt ưa thích. Đứng sóng đôi cùng ngọn Bắc Cao Phong, cách nhau hơn mười dặm. Thế núi trùng điệp, quanh co uốn lượn. Hình thế núi cao ngất, lại hay có mưa, nên trên đỉnh thường có mây phủ. Núi cao ngất lẫn vào trong mây, có lúc lộ ra hai chóp núi, trông xa như được cắm vào mây. Do đó, được gọi là Song Phong Sáp Vân (hai ngọn núi cắm vào mây), là một trong mười cảnh của Tây Hồ.

Trong niên hiệu Thiên Phước (936-942) của nhà Thạch Tấn[253] thời Ngũ Đại; khi ấy, Chiết Giang thuộc về xứ Ngô Việt, có Phạm tăng từ Tây Trúc đến đây, lên ngọn Nam Cao Phong, trông xa không ngằn mé, bèn vui vẻ nói: *"Nơi đây có thể lập làm chỗ biểu hiện hình tướng của đấng Đại Giác Thế Tôn khiến cho những người trong bốn phương dõi nhìn cùng gieo thiện căn"*. Do đó, Sư bỏ ra một viên xá-lợi, gởi cho vị tăng có đạo đức trọng vọng là Đạo Viên, bẩm với quốc chúa xứ

[253] Gọi là Thạch Tấn vì triều đại này do Thạch Kính Đường thành lập, chỉ truyền được hai đời (936-946). Sử còn gọi triều đại này là Hậu Tấn để phân biệt với nhà Tiền Tấn do Tư Mã Viêm sáng lập.

Ngô Việt là Văn Mục Vương[254] lập bảo tháp, cao bảy tầng, rộng mười trượng, quy mô kiểu cách tinh diệu tuyệt luân. Dưới chân tháp lập một ngôi chùa, đặt tên là Vinh Quốc, coi việc xá-lợi của Như Lai truyền đến là điều vinh dự, vui mừng cho đất nước. Trải các triều Hán, Châu[255], Tống, Nguyên, Minh, Thanh cho đến ngày nay, đã tròn một ngàn năm, sửa cũ xây mới không phải chỉ một lần.

Hiện thời bảo tháp hư nát, chỉ còn một tầng, tự viện đổ nát gần hết, mấy gian nhà nát không che được mưa gió. Vị trụ trì trước đây không chịu nổi khổ đã bỏ đi. Gần đây, Chấn Cơ tôi đến làm trụ trì, hầu hạ nhang đèn. Trộm nghĩ tiền nhân dựng tháp vốn là để gieo phước cho quốc dân, nay đã hư nát gần hết, nỡ nào để cổ tích mất đi, làm tổn hại thắng cảnh Tây Hồ, bỏ hoang ruộng phước của chúng sanh ư? Mắt nhìn lòng đau, chẳng thể yên tâm được! Tính khởi công sửa chữa, tận lực trùng tu. Lại do cách kiến tạo của tiền nhân khó thể tồn tại lâu dài, nay không thể không suy nghĩ dự phòng cẩn thận

---

[254] Văn Mục Vương tên thật là Tiền Nguyên Quyền, con của Tiền Mục, theo cha chinh chiến, lập nhiều chiến công, từng làm Thanh Hải Quân Tiết Độ Sứ, Trấn Đông Quân Tiết Độ Sứ. Vào thời Ngũ Đại, Trung Hoa bị chia nát thành từng tiểu quốc. Các Tiết Độ Sứ đua nhau chiếm cứ, lập quốc tự xưng vương. Tiền Mục chiếm Chiết Giang, lập nước Ngô Việt. Khi Tiền Mục chết, Tiền Nguyên Quyền lên thay. Về sau Tiền Nguyên Quyền thần phục nhà Nam Đường, dùng niên hiệu Nam Đường. Văn Mục Vương xây dựng quá nhiều cung điện, sưu thuế nặng nề khiến dân chúng oán thán. Năm 914, kinh thành Hàng Châu bị phát hỏa. Vua hoảng sợ, chạy tới đâu, lửa cháy theo tới đó. Đấy là do lòng dân quá phẫn uất, cố ý phóng hỏa trả thù. Do vậy, vua kinh hãi, sanh bệnh, chết vào tháng Chín năm đó.

[255] Hai triều đại Hán, Châu được nói ở đây nhằm thời Ngũ Đại, tức là nhà Hậu Hán do Lưu Trí Viễn sáng lập chỉ tồn tại được năm năm (946-950), nhà Hậu Châu do Quách Oai sáng lập chỉ tồn tại được gần mười năm (951-960).

từ trước. Ấy là vì cổ nhân dựng tháp nhằm để chứa xá-lợi của Như Lai, khiến cho kẻ ở xa ngưỡng vọng, người ở gần lễ bái đều trồng thiện căn, cùng được giải thoát, nên bên trong tháp lại tạo đường đi quanh co, uốn vòng từ thấp dần lên cao cho đến tận đỉnh. Bốn mặt đều trổ cửa sổ để nhìn ra bốn phương, không gì chẳng nhằm làm cho chúng sanh hiểu rõ *"muốn đạt được Phật Quả, thì phải giẫm trên Thật Địa*[256]*; đoạn ác tu thiện từ phàm đến thánh tăng tiến theo từng bậc"*. Thân đã Đăng Địa (dự vào những địa vị thuộc Thập Địa) thì mới tự có thể vĩnh viễn đoạn phàm tình. Do vậy, thấy thấu suốt chân không, nào khó chứng ngay vào Diệu Giác. Nhưng do chính giữa trống rỗng nên tháp không kiên cố, chẳng tồn tại lâu dài.

Thêm nữa, người vô tri không biết chỗ dụng ý của cổ nhân, thường cứ thích lên cao để nhìn ra xa, thành ra khinh nhờn thật sâu, mắc tội chẳng cạn. Nay dự tính bên trong tháp không lập đường đi, làm toàn bộ tháp kín chắc, chính giữa dựng trụ sắt để làm cái lõi cứng. Một là để khỏi bị gió lốc, động đất xô đổ; hai là khỏi mắc tội lỗi lên cao vui chơi. Như vậy thì chỉ được lợi ích, không bị tổn hại. Ắt sẽ được Phật, trời chấp thuận, được thiện tín tán thành vậy! Nhưng do công trình lớn lao, nếu không có hơn ba vạn đồng sẽ chẳng thể hoàn thành được! Do vậy, cung kính vẽ hình tháp, kính cẩn giãi bày lòng ngu thành, khẩn cầu các đàn-việt mười phương cảm ân đức Phật, phát Bồ Đề tâm, mở rộng kho báu, vun bồi phước điền, khiến cho bảo tháp vòi vọi lại

---

[256] Ý nói phải thật sự tu hành, chứ không thể nói lý xuông, phô phang ngoài miệng được.

được chọc trời, chúng sanh đông đảo lại được ngắm nhìn pháp tướng, diệt tội nghiệp trong quá khứ, gieo thiện căn cho tương lai. Chỉ thấy Phật, trời như mây che chở, tai chướng băng tiêu, thân tâm yên vui, cửa nhà đón tiếp chuyện lành, tiền trình thuận theo cõi lòng được xa rộng, quyết định đạt được những điềm giàu, thọ, khỏe mạnh, yên ổn, những điều mừng vui đều dồi dào, đức không ngằn mé, vĩnh viễn hưởng phước quyền cao chức cả.

8. Sớ mộ duyên làm đàn thủy lục vạn niên ở Phật Đảnh Sơn

(Đây là phần dẫn khởi, phần sau trình bày sự việc, lược đi, không sao lục)

Trộm nghĩ lòng Từ vô duyên mới độ được hạng vô duyên, việc phi thường ắt phải đợi người phi thường. Truy nguyên, duyên khởi Thủy Lục là do đức Quán Âm hành phương tiện khéo, hiện tướng Diện Nhiên để nhắc nhở A Nan cầu xin đức Như Lai nói thần chú bí mật, khiến cho tất cả kẻ đói khát đều được no đủ, khiến cho tất cả loài quỷ, hữu tình trong địa ngục đều được sanh lên trời hay vào nhân gian. Đến khi đại giáo từ phương Tây truyền sang, Lương Võ Đế lên ngôi vua, kiền thành tu trì trai giới, cảm thông u minh, mộng thấy cô hồn đến cầu xin cứu độ, bèn lập pháp để cầu siêu cứu độ, rộng thỉnh cao tăng trong Thiền, Giáo, xem khắp các áo điển Hiển - Mật, vận dụng tài thi văn, soạn ra văn Thủy Lục, cậy vào chân thuyên của Tam Thừa Tam Mật[257], nương

[257] Tam Mật: Thân mật, ngữ mật, ý mật.

theo oai lực của vạn đức vạn linh để tiêu tan Hoặc nghiệp, diệt trừ tội khiên. Như sương mỏng phơi trước mặt trời rạng rỡ, khác nào mảnh tuyết rớt vào lò to, lợi ích khó nêu, công huân khôn lường. Những kẻ thiện căn từ những kiếp trước [nay đã] chín muồi liền bỏ cõi khổ mau siêu về lạc bang, dẫu cho căn cơ từ đời trước hãy còn sống sít vẫn được thăng lên cõi trời người, vĩnh viễn lìa khỏi địa ngục, ngạ quỷ. Do vậy, đương thời cầu Phật chứng minh, ngọn đuốc này tàn bèn tự nhiên có ngọn đuốc khác tiếp nối. Đời sau, y theo khoa nghi này làm khuôn phép để siêu tiến cha mẹ thì cha mẹ liền được độ thoát.

9. Sớ quyên mộ tu bổ điện đường, tăng phòng và vét ao phóng sanh của chùa Di Đà, núi Thạch Kinh, Hàng Châu

Danh lam thắng cảnh trong thiên hạ được truyền rộng trong vũ trụ thì trước hết phải có chỗ, rồi sau đó là có được người thì tên tuổi mới bắt đầu [nổi lên được]. Chỗ đất thù thắng ấy, ngọn núi nổi tiếng ấy thoạt đầu phải nhờ vào bậc cao nhân đủ đức có thể làm gương cho hiện tại, tương lai, khiến cho người ta mơ tưởng tới, sanh lòng kính ngưỡng. Như Lô Sơn nổi tiếng nhờ Viễn Công, Vân Thê được trọng vọng bởi ngài Liên Trì. Non nước Chiết Giang đứng đầu thiên hạ, nơi ấy thường được gọi là "Phật quốc". Cao nhân, triết sĩ nối tiếp nhau xuất hiện, đúng là *"hễ địa linh ắt có nhân kiệt"*.

Trong niên hiệu Đồng Trị (1862-1874) đời Thanh, Diệu Nhiên pháp sư chuyên tu Tịnh nghiệp. Do thấy

kinh Di Đà độ khắp ba căn, quả thật là nghĩa trọng yếu quy túc của kinh Hoa Nghiêm, mà cũng là thuyền từ tối thắng trong đời Mạt Pháp, nên Ngài tính tạc vào đá núi để kinh được lưu truyền vĩnh cửu, ngõ hầu những ai thấy nghe trong hiện tại hoặc tương lai đều gieo căn lành, nẩy sanh chánh tín, tu Tịnh nghiệp vãng sanh Tây Phương. Nhân thấy khoảnh đất trồng cây tùng phía Bắc thành ấy, vách đá chót vót, chất đá cứng rắn, bèn mua khu đất đó, thuê thợ đục chạm, mời người viết chữ đẹp là cư sĩ Trầm Thiện Đăng[258] đến viết.

Cư sĩ bèn lên núi Đặng Úy[259], trước hết thỉnh bốn vị đạo hữu phát Bồ Đề tâm ngày đêm niệm Phật để gia trì, chính mình buông xuống vạn duyên, trai giới, tắm gội, kính cẩn viết. Cứ hễ viết một chữ thì trước đó lễ Phật ba lạy, trì Phật hiệu 108 lần, kết ấn trì chú Uế Tích Kim Cang[260] bảy lần, quỳ gối viết. Ngoài việc viết kinh ra,

---

[258] Trầm Thiện Đăng, tên thật là Trầm Cốc Thành, pháp hiệu Giác Trần, giữ chức Hàn Lâm Viện Thứ Cát Sĩ cuối đời Thanh. Ông chủ trì việc viết kinh Di Đà để khắc lên vách núi vào năm Quang Tự thứ 4 (1878). Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là Báo Ân Luận.

[259] Núi Đặng Úy cách Tô Châu ba mươi dặm, nhìn xuống Thái Hồ, tương truyền thái úy Đặng Vũ thời Đông Hán ẩn cư tại đây nên có tên như thế. Đây là một thắng cảnh về hoa mai nổi tiếng của vùng Tô - Hàng.

[260] Uế Tích Kim Cang: Uế Tích Kim Cang (Ucchushma), còn phiên là Ô Xu Sa Ma, hoặc Ô Sô Sa Ma Minh Vương, dịch nghĩa là Bất Tịnh Khiết, Trừ Uế Phần Thiêu, Uế Ác, Uế Tích Kim Cang, Thọ Xúc Kim Cang, Hỏa Đầu Kim Cang, Bất Tịnh Kim Cang. Ngài là một vị Phẫn Nộ Tôn được tôn thờ trong Mật Tông và các tự viện Thiền Tông. Ngài là giáo lệnh luân thân của Bắc Phương Yết Ma Bộ. Trong Mật Tông có nhiều cách giải thích về vị này. Có thuyết coi Ngài đồng thể với Kim Cang Dạ Xoa (tức là giáo lệnh thân luân của Bất Không Thành Tựu Như Lai). Theo thuyết này, Ngài là một trong năm vị đại Minh Vương. Có thuyết lại nói Ngài chính là các thân hóa hiện của những vị Thích Ca, Phổ Hiền, Bất Động, Kim Cang Thủ v.v… Nói chung, tánh đức của Ngài là chuyển bất tịnh thành thanh tịnh. Ngài đại bi sâu xa, chẳng nề hà nhơ uế, dùng đại oai quang như ngọn lửa hừng hực, thiêu trừ cái tâm vọng

chỉ lắng lòng niệm Phật, chẳng bận tâm đến chuyện gì khác. Do công đức Phật lực, pháp lực gia trì này mong hết thảy mọi người hiện tại hoặc trong vị lai nếu thấy hay nghe đều phát đại tâm Bồ Đề, mau thoát khỏi Sa Bà uế khổ. Năm mươi ba ngày như thế, hơn một ngàn tám trăm chữ mới viết xong. Chữ lớn độ mấy tấc, sắc sảo[261], cứng cáp, tròn đầy, tươi đẹp, thật là hy hữu.

Thầy Diệu Nhiên bèn cho khắc đá, đục sâu xuống tám phân, hằng ngày trì Phật hiệu để gia trì. Việc còn chưa xong, Sư bèn quy Tây, bạn của Sư là hai vị pháp sư Ngọc Phong và Thành Phương vốn đã giúp đỡ từ trước, đến nay bèn tận lực lo liệu. Kinh khắc trên đá xong xuôi, dùng vàng trang hoàng. Phàm những ai trông thấy, không ai không nghiêm trang cung kính, sanh ý tưởng hy hữu nên công đức của toàn bản kinh cố nhiên đã in vào trong tám thức điền, tạo thành chủng tử vãng sanh Tây Phương rốt ráo thành Phật trong vị lai. Như vậy là lấy Phật lực, pháp lực và tâm lực của ba vị pháp sư và Trầm cư sĩ làm tăng thượng duyên để hiển phát công đức sẵn có nơi tánh của người thấy, kẻ nghe, khiến cho họ cuối cùng được thọ dụng. Do vậy, các đàn-việt thảy đều hoan hỷ, trước hết đua nhau cúng vàng, nên Phật điện, phòng Tăng mỗi mỗi đều được hoàn chỉnh, nghiễm nhiên trở thành một đại đạo tràng

---

kiến, phân biệt, nhơ sạch, sanh diệt của chúng sanh. Do vậy, Ngài được gọi là Trừ Uế Kim Cang. Ngài thường được tạc với hình dáng phẫn nộ, khắp lỗ chân lông tỏa ra ngọn lửa hừng hực, có bốn tay, tay phải phía trên cầm kiếm, tay phải phía dưới cầm dây quyến sách, tay trái cầm gậy, tay tiếp đó cầm chĩa ba. Mỗi món khí giới đều bốc lửa. Ở đây với mục đích khiết tịnh thân tâm, cõi đất, cư sĩ Trầm Thiện Đăng trì Mật chú của Ngài trước khi viết kinh.

[261] Nguyên văn *"thiết hoạch ngân câu"*: Ý nói chữ viết sắc sảo, đẹp đẽ, từng nét vạch như khắc bằng sắt, từng nét móc như được chạm bằng bạc.

chuyên tu Tịnh nghiệp, chẳng phải là *"đất do người tạo thành"* hay sao? Ngoài cửa tam quan, đào ao để thả các loài động vật thủy tộc, kế thừa hạnh từ bi của các vị Vân Thê, Thiên Thai, khiến cho những loài sắp phải vào chảo vạc để thỏa bụng miệng con người đều được bơi lội trong ấy, được sống hết tuổi trời. Đấy chính là sách lược tốt đẹp cao cả nhất để dứt đao binh, ngưng sát kiếp vậy!

Từ khi kiến lập cho đến nay đã hơn năm mươi năm đều theo quy củ đã định, không tu sửa gì thêm. Mấy năm gần đây, trụ trì tài lực bạc nhược, khá khó khăn. Đã không có điền sản để trang trải những nhu cầu của thường trụ, lại không có đạo đức để cảm đàn-việt tin tưởng cúng dường; đạo tràng này gần như diệt mất. Các cư sĩ lo lắng, mùa Thu năm ngoái ép pháp sư Trí Huệ làm trụ trì. Sư riêng mở liên xã để nối nghiệp ngài Ngọc Phong, mong cho tứ chúng cùng niệm Di Đà, cùng cầu vãng sanh. Lại còn chuyển hóa hết thảy đều cùng từ tạ ngũ trược, cùng lên chín phẩm mới thôi.

Điện đường, liêu xá đã hơn năm mươi năm chưa từng tu bổ. Lại thêm, mùa Hạ năm nay có tai nạn gió lốc, nhiều chỗ bị hư sụp, đổ nát. Nếu không sửa ngay, lâu ngày sẽ khó đủ sức. Đã thế, ao phóng sanh nhiều năm không nạo vét, bùn lầy đầy ứ, gây trở ngại lớn cho việc phóng sanh nên tính khơi đào, nạo vét cho rộng hơn. Phía ngoài dựng lan can vây quanh để gìn giữ, ngõ hầu có chỗ phóng sanh, mà kẻ đánh bắt trộm cũng không làm gì được, khiến cho lòng từ bi bố thí của Lưu

Thủy[262], Trí Giả, Từ Vân, Liên Trì vĩnh viễn không bị mất đi. Đấy chẳng phải chỉ hoàn toàn vì sanh mạng loài vật mà quả thật là còn muốn khơi gợi lòng nhân từ trong đời.

Nếu như con người ai nấy đều không giết, thì thế đạo chẳng thái bình hay sao? Nhưng do công trình lớn lao, phí tổn thật nhiều, nên cậy Quang viết sớ, khẩn cầu khắp các đại đàn-việt, ai nấy phát tâm Bồ Đề, cùng trồng nghiệp xuất thế, bỏ ra một giọt nước trong biển báu, để tạo thành cảnh phạm vũ trang nghiêm. Phải biết: Vừa khởi công xây cất Kỳ Viên, cung điện trên thiên giới đã hiện[263]. Phật niệm vừa phát khởi, hoa sen trong Tịnh Độ liền mọc. Những con cá được ngài Lưu Thủy cứu vớt, đã trở thành mười ngàn vị thiên tử. Những con vật được ngài Trí Giả thả, đa phần là vương thần ngoài biển Đông. Xưa đã như thế, nay há chẳng vậy? Do nhân

---

[262] Lưu Thủy là tiền thân của Phật Thích Ca lúc còn hành đạo Bồ Tát. Theo phẩm thứ tư "Lưu Thủy Trưởng Giả Tử" trong kinh Kim Quang Minh thì vị trưởng giả này cùng hai con là Thủy Không, Thủy Tạng đi chơi đến một thôn xóm, thấy trong vùng đồng lầy có một cái ao, nước ao đã cạn, những con cá trong ấy sắp bị nắng thiêu chết, bị chim thú chầu chực chờ ăn. Trưởng giả thương xót, bèn lấy nhánh cây che đậy, rồi mượn hai con voi lớn chở nước sông đổ đầy ao cho cá được sống. Lại còn thí thức ăn cho cá, nói cho chúng nghe danh hiệu Phật và Phật pháp. Sau đó, khi ông quay về nhà, đang cùng khách khứa ăn uống, chợt thấy đại địa chấn động, mười ngàn con cá cùng mạng chung trong ngày ấy, cùng sanh lên trời Đao Lợi. Khi ấy, trưởng giả say rượu nằm ngủ trên lầu, thấy mười ngàn thiên tử đem vô số trân châu, anh lạc xếp quanh bốn phía, lại rải hoa trời để báo ân. Phật bảo Lưu Thủy khi ấy chính là thân ta, Thủy Không là La Hầu La, Thủy Tạng là A Nan. Mười ngàn con cá khi ấy chính là mười ngàn vị thiên tử đang hiện diện trong pháp hội Kim Quang Minh.

[263] Khi trưởng giả Cấp Cô Độc vừa khởi công xây dựng tinh xá Kỳ Viên, trên thiên giới đã có cung điện hóa hiện sẵn chờ khi ông hết tuổi thọ trong nhân gian sẽ sanh về trong ấy.

như thế, cảm quả như thế. Nếu chẳng tiếc của quý báu là tài sản chung của năm nhà[264] để thành tựu sự nghiệp thù thắng hưng long Tam Bảo, ắt thấy đời này vĩnh viễn hưởng nhiều phước, lâm chung cao đăng chín phẩm, ngõ hầu phô bày trọn vẹn Phật tánh sẵn có, mau chứng Vô Thượng Bồ Đề.

10. Sớ quyên mộ xây bến thuyền cho Phổ Đà Sơn

Quán Âm đại sĩ thệ nguyện hoằng thâm, tế độ không ngằn mé, là chốn nương náu không lường, trọn chẳng phan duyên mà ứng hóa đến với mọi chúng sanh cơ cảm. Như một vầng trăng in bóng khắp ngàn con sông, trụ trong Chân Tế nhưng ứng khắp quần cơ, như ánh nắng Xuân tăng trưởng khắp muôn cây cỏ. Vận lòng Bi đồng thể, khởi lòng Từ vô duyên, theo tiếng cứu khổ, hiện thân ứng hóa mọi chốn, tùy theo từng loài mà hiện hình, nơi nơi làm bậc chỉ đường trong nẻo mê. Ân bủa khắp muôn loài, thấm nhuần muôn dân, mong hàm thức tự thấy được bầu trời chân tánh. Vì thế, không cõi nào Ngài chẳng ứng hiện theo lòng cảm. Bởi muốn cho chúng sanh có chỗ gieo lòng thành nên đặc biệt ứng tích nơi Phổ Đà. Do vậy, bao triều đại khâm kính, cả cõi đời tôn sùng. Điện Phật, lầu kinh cao ngất tầng mây, văn chương trác tuyệt huy hoàng trong chốn biển cả.

---

[264] Ý nói tài vật thế gian là tài sản chung của năm nhà: Vua, giặc cướp, lửa, nước, con cháu ngỗ nghịch. Gọi là "của chung của năm nhà" vì năm loại trên sẽ cướp mất tài sản của ta bất cứ lúc nào.

Theo phẩm Nhập Pháp Giới trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử đi về Nam tham học [với vị thiện tri thức] thứ hai mươi tám, tham học với Quán Thế Âm Bồ Tát ở Bổ Đát Lạc Ca[265], chính là núi này vậy.

Xưa kia, khi đại giáo chưa truyền sang, đạo tràng chưa mở, tuy phàm tục chưa đích thân thấy được từ dung, nhưng chân tiên cố nhiên thường chiêm ngưỡng Phật nhật. Vì thế, ông An Kỳ Sinh đời Tần, ông Mai Tử Chân đời Hán, ông Cát Trĩ Xuyên đời Tấn[266] đều sống

---

[265] Bổ Đát Lạc Ca (Potalaka) còn được phiên âm là Phổ Đà Lạc Già, hay gọi tắt là Phổ Đà. Núi Phổ Đà thuộc quần đảo Châu Sơn trong biển Đông, huyện Định Hải, tỉnh Chiết Giang. Núi này trước kia có tên là Mai Sầm Sơn. Tương truyền trong niên hiệu Đại Trung đời Đường (847-860), có một vị tăng Ấn Độ đến đây đốt mười ngón tay, đích thân thấy Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân thuyết pháp, trao cho hòn đá báu bảy màu, nên nơi đây được coi là thánh địa của Quán Âm. Trong năm Trinh Minh thứ hai (916) đời Hậu Lương, sư Huệ Ngạc người Nhật lén đem tượng Quán Thế Âm từ Ngũ Đài Sơn trốn về nước, thuyền đi đến đây không tiến được nữa, bèn dựng chùa Bảo Đà ở nơi này để thờ tượng Ngài. Do trụ xứ của Quán Thế Âm Bồ Tát ở Ấn Độ tên là Bổ Đát Lạc Ca, nên bèn đặt cho hòn đảo này tên là Phổ Đà. Còn núi Bổ Đà Lạc Già ở Ấn Độ (dịch nghĩa là Tiểu Hoa Thụ, Tiểu Bạch Hoa, Tiểu Thụ Man Trang Nghiêm, Hải Đảo, Quang Minh) nằm ngoài biển Nam Ấn Độ, phía Đông núi Malaya. Theo kinh Hoa Nghiêm, núi này do các báu hợp thành, hết sức thanh tịnh, bên trong có cung điện trời bằng đá của Bồ Tát Quán Thế Âm.

[266] An Kỳ Sinh theo truyền thuyết là một tiên nhân sống vào thời Tần Hán, họ Trịnh, tên là An Kỳ, được Đạo Giáo coi là một trong tám vị Chân Tiên thuộc Thượng Thanh. Tương truyền, ông già đánh rớt giày dưới chân cầu bắt Trương Lương ba lần lượm lên, Trương Lương vẫn kiên nhẫn nhặt, nên được truyền cho binh thư, phù chú, chính là An Kỳ Sinh. Tại Trung Hoa có rất nhiều nơi được coi là chỗ tu luyện của An Kỳ Sinh, nhất là các đảo ngoài biển Đông, hai nơi nổi tiếng nhất là Phổ Đà và đảo Đào Hoa (sau gọi là Bạch Vân Sơn) thuộc quần đảo Châu Sơn ở miền Nam Trung Hoa. Người Việt cho rằng núi Yên Tử ở Đông Triều, Việt Nam cũng từng là nơi tu luyện của An Kỳ Sinh.

Theo Hán Thư, Mai Phước Truyện thì Mai Tử Chân tên thật là Mai Phước, người huyện Thọ Xuân, Cửu Giang, thông hiểu sách vở, đặc biệt sùng bái Nho

nhờ núi này để tu chân dưỡng đạo. Đến đời Châu Lương[267] khai sơn, tứ chúng mới biết quy hướng. Tâm báo đức thiết tha, chẳng sợ nhọc nhằn trèo núi, vượt biển. Do gieo lòng thành ân cần, cho nên phải thể hiện lòng cung kính bằng cách chiêm ngưỡng thánh tượng, lễ dưới chân Phật. Nhưng do thuyền to chưa có bến, thường phải dùng thuyền nhỏ để đón vào bờ, hễ hơi có chút sóng gió bèn thành ra rất nguy hiểm. Người trẻ mạnh còn được, chứ người già yếu, phụ nữ thật rất đáng lo. Do vậy, không tu bổ bến thuyền thì quả thật là một chuyện đáng tiếc lớn đối với tâm từ bi của Đại Sĩ, mà cũng là chuyện thiếu sót lớn lao trong việc báo đáp thiện tín.

Học. Do chán ghét thời cuộc hỗn loạn sau khi Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán bèn đem vợ con về ẩn cư tại Hồng Nhai. Sau ông ngao du khắp vùng Mân Việt, tu tiên.

Cát Trĩ Xuyên, tên thật là Cát Hồng, hiệu là Bão Phác Tử, người huyện Cú Dung, Đơn Dương (nay thuộc Giang Tô). Ông sanh ra trong khoảng niên hiệu Thái Khang đời Tấn, mất vào năm Hưng Ninh nguyên niên (363). Về già, ẩn cư tại núi La Phù vùng Quảng Đông. Chuyên nghiên cứu luyện đan, làm thuốc. Tác phẩm quan trọng nhất của ông là bộ Bão Phác Tử, được chia thành Nội Thiên (gồm hai mươi quyển) và Ngoại Thiên (năm mươi quyển). Nội Thiên dạy cách luyện thuốc tiên (kim đan), sự biến hóa của quỷ thần, cách dưỡng sanh kéo dài tuổi thọ. Những chương Kim Đan, Tiên Dược, Hoàng Bạch trong ấy được coi là thánh điển cho những kẻ luyện đan. Ngoại Thiên bàn về lẽ được mất trong nhân gian, thế đạo tốt xấu v.v… Ngoài ra ông ta còn soạn sách y học như Kim Quỹ Dược Phương (100 quyển), Thần Tiên Phục Dược Phương (10 quyển), Phục Dược Phương (4 quyển), Ngọc Hàm Tiễn Phương (năm quyển). Những bài kim đan của ông ta thường chứa những chất độc như thủy ngân, chì v.v… Rất nhiều đạo sĩ, vua chúa luyện kim đan xong, uống vào hộc máu chết tươi!

[267] Châu Lương là nhà Lương thuộc đời Ngũ Đại do Châu Ôn sáng lập, lập ra năm 907. Gọi là Châu Lương hay Hậu Lương để phân biệt với nhà Lương của Tiêu Diễn (Lương Võ Đế). Ngài Huệ Ngạc khai sơn Phổ Đà vào thời Châu Lương.

Hễ gió lớn vừa dậy thì sóng dữ ào ạt, đá to mấy vạn cân khác nào viên thuốc bị xoay vần. Nếu chẳng bỏ vốn liếng lớn lao, quyết chẳng thể tồn tại lâu dài, không bị hư hoại được! Do vậy, gần đây nhiều người phát tâm nhưng vẫn chưa thể thực hiện vì phí tổn quá lớn lao, sợ rằng chẳng tồn tại lâu dài thì uổng phí tiền của, uổng công nhọc nhằn tâm lực. Vị đại hộ pháp là ông Chúc Lan Phưởng và con là Y Tài, nhiệt tâm làm chuyện ích lợi chung, lại còn dốc lòng tin nơi Tam Bảo, thấy tình hình này lòng thương xót, phát Bồ Đề tâm, tuy biết chẳng dễ tạo dựng, nhưng cứ muốn thực hiện chuyện này. Nếu không mang lòng tự lợi, lợi tha của đức Như Lai, mang tâm tự lập, lập người của Khổng Tử há có thể dũng mãnh, kiên nghị như vậy ư?

Nhưng công đức này nào phải chỉ có mấy mươi vạn đồng nên sức họ không lo liệu được hết. Không những do sức mình chẳng đủ, mà còn vì muốn cho người khác cùng làm lành nên mới ủy thác cho Quang trình bày duyên khởi. Quang sống ở núi này đã nhiều năm biết rõ việc này khó khăn, lại may là ông Chúc có chí làm lợi cho người, đứng ra đề xướng, ắt sẽ có những người có tâm lực, tài lực giống như ông Chúc đua nhau phụ họa. Mọi người dốc chí sẽ thành, khó gì chẳng thành tựu?

Huống nữa khắp tứ chúng cùng kết tâm báo ân chí thành, khế hợp nguyện lực từ bi của Đại Sĩ, sẽ thấy Hải Nhược, Phong Bá[268] cũng trên là tuân theo thánh ý, dưới là thuận phàm tình nên thường ủng hộ, khiến cho

---

[268] Hải Nhược: Theo truyền thuyết xưa, thần biển có tên là Nhược. Phong Bá là thần gió.

vĩnh viễn không còn phải lo lắng nữa. Ngõ hầu sau này những người đến lễ Đại Sĩ khỏi bị lo lắng không đáng, yên ổn lên được bờ kia. Kinh dạy: *"Nếu làm cho chúng sanh sanh tâm hoan hỷ thì chính là làm cho hết thảy Như Lai hoan hỷ"*. Vì thế, biết rằng: Dùng một câu, hoặc dùng một đồng tán thành chuyện này, thì hết thảy chư Phật đều cùng hoan hỷ, huống chi còn làm nhiều hơn nữa! Nếu chỉ luận về công đức tối thiểu thì ví như một giọt nước, gieo vào trong biển cả, sẽ rộng sâu, dài lâu hệt như biển cả. Nếu nhiều hơn thì cần gì phải luận nữa! Nay hãy dốc lòng đem tịnh tài gieo vào biển giác thì biển khổ ắt sẽ khô cạn, biển phước rộng sâu, cho đến khi nào biển giác tròn đầy, lặng trong mới thôi. Khẩn cầu những người vào núi báu chớ trở về tay không; người được tắm gội nơi pháp phải dốc lòng báo ân Phật!

11. Sớ quyên mộ tu bổ điện Tam Thánh chùa Thượng Phương Quảng núi Thiên Thai

Thiên Thai là đệ nhất danh sơn vùng Đông Nam, Thượng Phương Quảng chính là cổ tự khai sơn bậc nhất của Thiên Thai. Truy nguyên, kể từ khi tôn giả Đàm Du đời Tấn[269] dùng thần thông đạo lực hàng phục sơn thần,

---

[269] Theo Cao Tăng Truyện, Đàm Du (còn có tên là Pháp Du, Bạch Đạo Du), người xứ Đôn Hoàng, bỏ nhà xuất gia năm 20 tuổi. Sau Ngài xuống miền Giang Đông, trụ tại núi Thạch Thành, khất thực tu hành. Sau Ngài dời đến núi Xích Thành. Ngài vào núi Thiên Thai trong niên hiệu Hưng Ninh (363-365) thời Đông Tấn chuyên tu Thiền Định. Khi Ngài tụng kinh trong hang núi, khoảng mười mấy con hổ vây quanh hang, gầm rú, Sư vẫn an tường tụng kinh. Từng con cọp nằm phục trước hang, Sư cứ tụng kinh mãi không ngừng, mặt trời dần dần xế bóng, cọp ngủ gục trước hang. Sư cầm cây như ý gõ nhẹ vào đầu cọp quở: "Nghiệt chướng! Sao chẳng chịu nghe kinh?" Cọp chồm dậy, Sư

khai sơn dựng nên chùa này. Thoạt đầu chùa có tên là Thạch Kiều Tự, do chùa ở gần bên cầu đá. Qua khỏi cầu đá có chùa Phương Quảng, tức là thánh tự của năm trăm bậc Ứng Chân ở nhờ. Nếu không phải là bậc Ứng

---

lại tụng kinh tiếp. Không lâu sau, từng đàn rắn lớn bò tới quấn quanh cửa hang, ngẩng cổ nhìn. Nghe mãi rắn mệt cũng từ từ bỏ đi. Đến ngày thứ hai, sơn thần hiện thân thưa hỏi:

- Pháp sư oai nghi, phong thái nghiêm túc, đức hạnh khác người, đã đến nơi đây, đệ tử xin dâng nhà cửa! Sư nói:

- Bần tăng ở nhờ núi này, chỉ xin một miếng đất chừng một trượng vuông. Ông đến khiến tôi vui lắm, sao không ở lại?

- Con thì không nói làm gì, nhưng thuộc hạ chưa được đại pháp thuần hóa, rất khó cai quản, Ngài là người từ xa đến, đi ra ngoài khó tránh khỏi bị chúng xâm phạm. Thần và người không cùng một đường, đệ tử không thể thường ở bên thầy được!

- Ông là thần phương nào? Trụ nơi đâu bao lâu rồi? Sẽ dời đi đâu?

- Con vốn là con trai của Hạ Đế, đã sống ở đây hơn hai ngàn năm rồi. Núi Hàn Thạch là chỗ cậu con ở, con sẽ dời sang đó.

Nói xong, thần triệu tập thuộc hạ bay lên mây bỏ đi. Không lâu sau, tiếng tăm Sư lan rộng, người học Thiền tìm đến. Trong núi có cây cầu đá, rêu phủ đầy vừa trơn vừa ướt, vì thế từ không ai dám trèo lên. Sư đến gần khu vực có cầu đá, chợt nghe trên không có tiếng nói: "Biết ngươi lòng tin tưởng kiền thành, chuyên dốc, nhưng hiện thời ngươi chưa qua được, 10 năm nữa hãy lại đến đây!" Lúc đó, trời đã tối, Sư nghỉ lại qua đêm, mơ hồ nghe thấy những âm thanh giống như đang có pháp sự tụng niệm cử hành. Sáng ra, Sư dò dẫm lên đường, đi nửa đường gặp một ông lão tóc lẫn lông mày trắng muốt, hỏi Sư đang đi đâu. Sư thuật đầu đuôi, ông lão nói: "Thầy là người có thân thể hữu sanh hữu tử. Đi tiếp chẳng phải là đón nhận cái chết ư? Ta là sơn thần đến khuyên ngăn thầy!" Đàm Du đành quay về, giữa đường thấy một cái hang đá, bèn vào nghỉ trong ấy, chợt chim ở đâu tụ lại trong hang nhiều vô kể, kêu la ầm ĩ. Sư vẫn thản nhiên, không sợ hãi. Ngày hôm sau, có một người đầu bịt khăn, mặc áo đơn, đến bảo: "Đây là chỗ ở của bỉ nhân, ngày hôm qua vắng nhà khiến thầy bị khuấy nhiễu, thật thẹn hãi sâu xa!" Đàm Du bảo: "Nếu đây là nhà ông, xin hãy dọn đi nơi khác". Thần nói: "Con đã dọn rồi, xin Sư cứ ở!" Đàm Du ở lại đó mấy ngày. Sư trai giới thanh tịnh mấy ngày, rồi lại đến bên cầu đá, chợt thấy thạch động nứt ra, thấy tinh xá Phương Quảng và các thần tăng, liền tiến đến dâng hương, được họ đãi ăn. Ăn xong, thần tăng bảo: "Mười năm nữa, ông sẽ tự nhiên đến được nơi đây. Bây giờ chưa thể lưu lại được, hãy về đi!" Sư trở ra, nhìn lại đã thành chốn hoang vu như cũ. Năm trăm vị Ứng Chân chính là năm trăm vị La Hán trong ngôi chùa nơi cầu đá.

Chân gần đạo sẽ không thể thấy được. Ngài Đàm Du từng vào chùa này, thọ trai rồi ra, biết đó là sự thị hiện vô ngại của các vị Ứng Chân. Về sau, do hâm mộ thắng tích của những bậc Ứng Chân bèn gọi chùa Thạch Kiều là Phương Quảng.

Chỗ cao nhất trong chùa Phương Quảng là điện Tây Phương Tam Thánh, trước kia là Niệm Phật Đường, ba gian chánh điện thờ tượng Tam Thánh, để làm chỗ lễ niệm. Hai gian hai bên dùng làm chỗ an trụ cho những vị Tăng niệm Phật. Trộm nghĩ pháp môn vô lượng, đều phải đoạn hết Kiến Hoặc mới có thể liễu sanh thoát tử, chỉ riêng pháp Niệm Phật chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì đều có thể nương vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Do vậy, những bậc cao nhân lỗi lạc xưa nay không vị nào chẳng chú trọng pháp này, tự hành, dạy người, ngõ hầu hết thảy đồng nhân đều được siêu phàm nhập thánh ngay trong một đời này.

Điện Tam Thánh của chùa Phương Quảng trải qua năm tháng lâu xa, rường cột mục nát, lẽ ra phải trùng tu từ lâu, hiềm rằng trụ trì không đủ tài lực, đành phải đợi thời cơ. Đầu tháng Ba năm nay, có một vị khách Tăng đến trụ nơi đó niệm Phật, khá là siêng năng, khẩn thiết, đến đêm mồng Bốn tháng Tư tự thiêu thân nơi điện Tam Thánh. Đến khi mọi người trong chùa biết được thì ngọn lửa đã cháy to, không cách gì cứu chữa được. Nhưng may là chỉ cháy nơi ấy, những nơi khác không bị ảnh hưởng. Không biết có phải là vị Tăng ấy muốn sửa mới điện ấy nên làm như vậy? Hay là những vị linh thiêng nơi núi ấy muốn tu bổ chùa nên mới xui khiến vị Tăng ấy làm như vậy? Hay là Phật, Bồ Tát, năm trăm vị

Ứng Chân muốn hoằng dương pháp môn Tịnh Độ lớn lao để hết thảy các thiện tín bỏ tiền của giúp trùng tu, cùng nhờ vào thiện căn này thoát khỏi cõi khổ Sa Bà, sanh về Cực Lạc thế giới, mà xui khiến vị Tăng ấy làm như thế?

Nay Trụ Trì muốn trùng tu, nhờ Quang viết sớ, thuật chuyện khai sơn dựng chùa và chuyện điện ấy đáng lẽ phải được trùng tu từ lâu, gặp nhân duyên này, bèn mong hết thảy đàn-việt nghĩ đến chỗ mầu nhiệm khế lý khế cơ của pháp môn Tịnh Độ, lòng thành vì pháp tổn thân của vị Tăng ấy, ai nấy đều bỏ ra tịnh tài giúp cho công việc thù thắng này. Công đức ấy chỉ có Phật mới có thể biết được!

12. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện Bán Sơn Am ở Phổ Đà Sơn (soạn giùm)

Viên Thông đại sĩ lưu dấu nơi Phổ Đà, thệ nguyện không ngằn mé, từ bi khôn lường, hoàn toàn không phan duyên mà ứng hiện khắp cả, như một vầng trăng in bóng nơi ngàn con sông, trụ nơi Chân Tế nhưng ứng khắp quần cơ, như một trận mưa thấm khắp vạn loài thảo mộc. Bán Sơn Am là chùa phụ của chùa Pháp Vũ, là biệt viện của Đại Sĩ. Trống khuya chuông sớm, tiếp nối nhịp điệu trong trẻo của chùa Phổ Tế, cầm cành hoa phe phẩy, ngưỡng thừa tông phong chùa Pháp Vũ, phù tá hai chùa, hoằng xiển Nhất Thừa. Do vậy, mới gọi tên là Bán Sơn (lưng chừng núi).

Kể từ khi sáng lập đến nay, trải năm tháng đã lâu, sửa cũ dựng mới đời nào cũng có người. Đến nay, mưa dầm, nắng hun, sương ngấm, mây chưng, gần muốn sụp đổ, cần phải sửa chữa gấp. Nạp tăng xuất gia nơi viện ấy, tham phỏng khắp các phương, một buổi nọ đi rách cả giày cỏ, gót chân bết đất. Do vậy, biết mệt quay về, quên duyên vui đạo, hưởng gió trăng nơi cố hương, giữ gìn môn đình của Biệt Am. Trông thấy hình thế của chùa nhức mắt đau lòng, thường sợ kim dung khuất sắc, không tỏ lộ ánh sáng trong tam thiên. Phổ Môn cửa gài, khó thể làm đường nẻo cho hai mươi lăm [pháp Viên Thông].

Muốn triệt để thay đổi để khôi phục diện mạo sẵn có của chùa, hiềm rằng phí tổn lớn lao, bát rỗng, túi không, toan giãi bày tấm lòng thành hèn kém, quyên mộ khắp các đàn-việt, khẩn khoản mong hãy phát Bồ Đề tâm, hành phương tiện sự, bỏ ra của quý báu sẵn có trong nhà để vun bồi công đức chẳng mục nát. Lượng sức tùy duyên, thí tiền quyên thóc, ngõ hầu điện báu thênh thang sớm có ngày thành tựu, mãn nguyệt kim dung thường trụ cả kiếp. Khiến cho hàng truy tố nam tham[270], phường Tăng tục đông thỉnh vào cửa quy mạng, trông thấy hình tướng bèn phát tâm, hiểu rõ các tướng lìa tướng, đích thân chứng diệu tướng Thật Tướng. Môn nào cũng đều là Phổ Môn, vào thẳng pháp môn Vô Môn. Mở mang phong thái huyền diệu vượt ngoài cả kiếp,

---

[270] Nam tham là nhắc đến điển tích Thiện Tài đồng tử từ Phước Thành đi về phía Nam lần lượt tham học với 53 vị thiện tri thức, không rõ Đông Thỉnh muốn nhắc đến điển tích nào, nhưng theo mạch văn đều cùng có nghĩa là đi tham học. Truy là áo có màu thâm, tức là Tăng chúng, Tố là áo trắng, tức người tại gia (xưa kia, cư sĩ tại gia Ấn Độ hay mặc áo trắng).

giúp cho sự bình trị trong cả vũ trụ. Công đức lợi ích ấy há có thể hình dung bằng ngôn ngữ, văn tự được nổi ư?

13. Sớ quyên mộ thiết lập đại đạo tràng Phổ Môn Vô Giá[271] Phổ Độ Thắng Hội (viết giùm)

Quán Âm Đại Sĩ nương đại nguyện luân, độ thoát chúng sanh, gọi là Phổ Môn vì pháp nào, sự nào cũng đều quy về Thật Tướng, [do từ] căn nào, trần nào cũng đều chứng Viên Thông, chẳng có pháp nào không thông Niết Bàn, do vậy gọi là Phổ Môn. Lại khiến cho thượng trung hạ căn đều theo đường trở về nhà, thiện, ác, hay trung dung[272], không ai chẳng được bình đẳng nhiếp thọ. Không một ai Bồ Tát chẳng rủ lòng từ cứu vớt, nên gọi là Phổ Môn. Nhưng do chúng sanh ở trong mê, đối với những cảnh Căn, Trần v.v… lầm lạc khởi Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp chịu khổ, trải bao kiếp lâu xa, trọn chẳng có lúc ra. Do vậy, thiên tai nhân họa càng ngày càng nổi lên, thủy, hỏa, đao binh, liên tiếp xảy ra. Há phải đâu trời đối xử hung cuồng, bạo ngược với dân, mà là do nghiệp xưa của dân chiêu cảm!

---

[271] Vô Giá (còn đọc là Vô Già) Thắng Hội (Pañcavārsika Maha), còn được phiên âm là Bát Giá Vu Sắt Hội. Gọi là Vô Giá (không ngăn trở) với ngụ ý đây là một pháp hội khoan dung, không ngăn ngại, chẳng phân biệt hiền thánh, đạo tục, quý tiện, bình đẳng bố thí tài thí lẫn pháp thí. Thời cổ, các vua chúa thường cứ năm năm cử hành một lần nên còn gọi là Ngũ Niên Đại Hội. Phong tục này có nguồn gốc từ thời vua A Dục. Ngài Huyền Trang từng tham dự một đại hội Vô Giá tại Khúc Nữ Thành do vua Giới Nhật tổ chức vào thế kỷ thứ 7. Lương Võ Đế từng tổ chức hội Vô Giá tại chùa Đồng Thái vào năm Đại Thông thứ năm (529), quy tụ năm vạn Tăng, tục.

[272] Trung dung ở đây là không thiện, không ác, hay thiện ác xen lẫn.

Nếu không quy mạng Đại Sĩ thì khổ quả lại sanh ra khổ nhân. Nếu khẩn cầu nơi tòa sen thì do thiện duyên sẽ đạt thiện báo. Trộm nghĩ vùng chúng ta mấy năm gần đây nhiều lượt bị ôn dịch, lại trải qua nạn đao binh, lại gặp nạn động đất, lụt lội, hạn hán, châu chấu, sâu rầy thình lình xảy ra. Do mấy lẽ ấy, người nghèo túng đến nỗi phải chết đói thật rất nhiều. Dẫu có kẻ may mắn tránh khỏi chưa bị tổn thương, cũng vẫn hoảng sợ, kinh hãi, như nuốt phải gai, như ngồi trên đệm kim, ôm nỗi đau đớn, không cách nào than van.

Những vị tên X…. do vậy kính cẩn phát lòng kiền thành, quy mạng Từ Phụ, mong diệt được tội khiên quá khứ, bồi đắp sẵn nền phước cho tương lai. Tính trong năm đó, tháng đó, sẽ thiết lập đại đạo tràng phổ độ thù thắng Phổ Môn Vô Già bảy ngày bảy đêm tại Pháp Vũ Thiền Tự ở Phổ Đà Sơn. Nhờ nhân tốt đẹp ấy, người mất sẽ được Phật tiếp dẫn, thần thức siêu sanh về cõi trời Cực Lạc, người còn sống sẽ được tắm gội oai lực của pháp, thân hưởng phước khang ninh, túc nghiệp tiêu, đều được giải thoát, mưu cầu mọi chuyện thuận lợi hanh thông, chuyển phiền não bức bách thành tiêu dao tự tại, cha mẹ ông bà đã khuất ai nấy đều được siêu thăng, con cháu đời sau của mọi người thường hưởng cát khánh. Chỉ vì đạo tràng này phí tổn rất nhiều, khẩn cầu những vị thiện tín trong ấp ta cùng phát thiện tâm, cùng giúp cho sự thù thắng thì công đức vô lượng vậy.

14. Sớ khuyên đóng góp cho viện tàn tật ở Thượng Hải

Hết thảy chúng sanh tâm tánh vốn đồng, nhưng thân tâm thọ dụng, khổ -vui khác biệt vời vợi là do đời trước tu trì không giống nhau nên đến đời này cảm báo khác biệt. Vì thế, kinh dạy: *"Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị. Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị"* (Tạm dịch: Muốn biết nhân đời trước thì [hãy nhìn vào] những gì phải hưởng trong đời này. Muốn biết quả trong đời sau, hãy nhìn vào những gì đang làm trong đời này). Sách Cảm Ứng Thiên nói: *"Họa phước không cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy. Thiện báo, ác báo như bóng theo hình. Do vậy, người quân tử vui theo mạng trời, chẳng oán, chẳng hờn, chỉ tu đức mình. Chỉ cầu nhiều phước để mong tiêu diệt nghiệp cũ, vun bồi quả báo cho tương lai"*.

Kẻ đáng thương xót nhất trong cõi đời không gì bằng kẻ bần cùng không cơm áo, mù lòa, tàn tật. Cùng là con người, người ta mắt sáng, thấy rõ hết thảy, còn những kẻ ấy tuy cùng ở dưới ánh sáng mặt trời rực rỡ, khác gì ở trong nhà tối, hang thẳm. Người ta ai cũng tay chân vẹn toàn, tùy ý làm lụng, còn họ chi thể tàn khuyết, chuyện gì cũng bất tiện. Người như vậy lại còn không có gia đình để nương thân, không cơm áo để nuôi mạng. Bọn họ cùng do cha trời mẹ đất sanh ra, dĩ nhiên họ là ruột thịt của chúng ta. Chúng ta may được cha trời mẹ đất che chở, cảnh ngộ còn khá hơn một chút. Nếu chẳng lập phương cách khiến cho thân họ có chỗ gởi gắm, tâm có chỗ nương tựa, ngõ hầu túc nghiệp tiêu diệt, quả báo

đời sau thắng diệu, thì là đã đánh mất cái tâm sanh trưởng bình đẳng của cha trời mẹ đất, lại còn phụ bạc ý niệm cha trời mẹ đất đã ban phước lạc, an vui cho chúng ta. Huống hồ rộng thí giúp đỡ mọi người, yên già, lo trẻ, xem dân như người thân, thi ân chẳng nói, cổ thánh tiên hiền không vị nào chẳng đề xướng tận lực thực hành để hậu thế noi theo. Há có nên chẳng thấu hiểu tâm của thiên địa hiền thánh để hành cái đạo "dùng lòng nhân đối xử với mọi người", lại coi thường gạt qua một bên ư?

Do vậy, cư sĩ Vương Nhất Hanh riêng phát đại tâm, tụ họp những người cùng chí hướng, lập ra viện tàn tật ở vùng phụ cận trạm xe phía Nam Thượng Hải, cho những người tàn tật không có nhà cửa để quay về ấy được sống yên trong đó, được chu cấp cơm áo cho đến hết đời. Với những người chân tay chẳng vẹn toàn, sẽ phái người chăm sóc. Những người có mắt để nhìn, có tay làm lụng được, bèn tùy theo khả năng của người ấy, cho làm các nghề nghiệp để bù đắp đôi chút vào chi phí. Lại thỉnh người thông đạt Phật pháp, cách vài ngày đến đó vì họ diễn nói pháp sửa lỗi hướng thiện, dứt lòng tà, giữ lòng thành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu bọn họ hiểu rõ tiền nhân hậu quả, quyết tu đức mình, nhất tâm niệm Phật để cầu vãng sanh hòng vĩnh viễn lìa khỏi cái khổ sanh tử luân hồi trong Sa Bà, thường hưởng niềm vui thường - lạc - ngã - tịnh nơi Tịnh Độ. Vì những người ấy lo toan có thể nói là khẩn thiết, châu đáo đến mức cùng cực không chi hơn được nữa! Nhưng số người thì đông, chi phí quả thật rất nhiều, hoàn toàn cậy vào những người giàu có

cùng phát lòng Bi Đồng Thể, quyên ra vô tận bảo tạng giúp cho nỗi lo lắng sanh thành dưỡng dục của thiên địa, bồi đắp Pháp Thân trang nghiêm của chính mình thì thật là may mắn lắm thay!

15. Sớ quyên mộ tu bổ Cảnh Đức Thiền Tự núi La Hán, Vĩnh Gia

Phật pháp thâm diệu, phàm tình chẳng thể suy lường được nổi. Nếu chẳng phải là thánh nhân có đại trí huệ, đại biện tài, đại thần thông mà muốn giáo hóa, dẫn dắt kẻ ngu tục cùng hướng về chánh pháp, bỏ đi kiến giải hèn kém, câu nệ, hư huyễn, mở mang chánh tri kiến sẵn có nơi tánh thì ai nấy đều bỏ tiền của trong nhà để sáng lập phạm-sát ngõ hầu hoằng Tông diễn Giáo, làm đèn sáng trong đêm dài, tập đạo tu tâm, làm chiếc bè to trong biển khổ, thật chẳng phải là chuyện dễ dàng! Chùa Cảnh Đức ở núi La Hán tại Vĩnh Gia do tôn giả Đằng La[273] tạo ra vào thời Đường. Theo tự chí, tôn giả chẳng biết là người như thế nào, vào năm Hội Xương thứ hai (842) đời Đường Võ Tông, cưỡi gỗ vượt biển

---

[273] Sách Thích Thị Kê Cổ Lược chỉ nói đại khái Ngài tên Vô Dịch, nhằm thời Đường Võ Đế phá hoại Phật pháp, Sư vào ẩn cư trong sơn cốc, kết am tranh thiền định cả mười mấy năm, dây mây quấn kín am, Ngài vẫn nghiễm nhiên Thiền Định nên dân chúng gọi là Đằng La Tôn Giả (tôn giả bị dây mây quấn). Sách Ngũ Đăng Hội Nguyên, quyển 3 chép hơi khác: Vào cuối thời Đường, tôn giả cưỡi cây gỗ nổi từ ngoài biển vào Thụy An, Ôn Châu (nay là Chiết Giang), kết am tu Thiền Định cả mấy năm trong núi sâu, dây mây phủ kín bốn bề. Một ngày nọ có người thợ săn dẫn chó đi săn, chó chui vào bụi dây mây mãi không ra, bèn dùng rìu chặt mây, thấy bầy chó đang phủ phục trước Sư, chợt kính ngưỡng, xin xuống tóc. Từ đó, lập thành chùa Bản Tịch. Do tôn giả bị dây mây quấn quanh thảo am, nên gọi là Đằng La Tôn Giả.

đến trước ty tuần giản[274] ở Thụy An. Người trong ấp lấy làm lạ, mời Sư lên bờ. Do vậy, dân chúng cả một vùng sùng tín, kính ngưỡng như vị Phật sống. Do vậy, Sư bèn tùy cơ chỉ dạy, khiến họ sanh chánh tín. Sư biết trước chuyện Đường Võ Tông sẽ diệt pháp nên chuyện kiến lập phạm-sát đều tiến hành thong thả, đến khi Trung Tông kế vị, Phật nhật lại sáng, tôn giả mới giáo hóa, chỉ dạy khắp những thôn ấp thuộc Ôn Châu cùng xây dựng phạm-sát gồm mười tám chỗ, có thể nói là đại hoằng pháp hóa, làm phước điền cho chúng sanh. Chùa Cảnh Đức ở núi La Hán là một trong số đó. Núi ấy quanh co, cao ngất, đẹp đẽ, cảnh sắc thanh tịnh, u nhã, là chỗ quan trọng đứng đầu của Vĩnh Gia, là khu vực linh thiêng để tu đạo.

Chùa ấy từ đời Đường đến nay đã hơn một ngàn một trăm năm. Trong thời gian hoằng dương pháp hóa đó, cảnh chùa được sửa sang cố nhiên không biết bao lượt. Nay đã lâu chưa được sửa chữa, Phật điện, tăng liêu đổ nát gần hết. Thánh tích của tôn giả sắp bị tiêu mất. Người trong ấp như các vị Phan Giám Tông, Ngô Bích Hoa, Diệp Kiến Hùng v.v… mấy mươi người lo lắng, cùng bàn tính cách phục hưng. Nhưng vì thời cuộc khó khăn, bèn rút nhỏ quy mô, tính lập năm gian Phật điện, tiền điện ba gian, liêu xá hai bên hơn mười gian để những người đến lễ tụng nghỉ lại đều có nơi chỗ. Mấy vị tỳ-kheo an trụ, cư sĩ tinh tu Tịnh nghiệp thường sống nơi ấy, chuyên tu Niệm Phật tam-muội để mong

---

[274] Tuần giản: Cơ quan giữ nhiệm vụ kiểm soát đường thủy. Thụy An nay là một thị trấn trọng yếu vùng Đông Nam tỉnh Chiết Giang.

mình lẫn người cùng thoát Sa Bà, đồng sanh Tịnh Độ, làm đệ tử Phật Di Đà, làm bạn bè tốt nơi Hải Hội.

Nhưng do công trình rộng lớn, sức lực đơn độc khó thành, khẩn cầu những vị thiện tín đàn-việt mười phương phát lòng Bồ Đề, hành phương tiện sự, mở rộng bảo tạng, vun đắp phước điền, khiến cho bảo điện mênh mông sớm có ngày thành công, mãn nguyệt kim dung thường trụ muôn kiếp. Liên xã mở ra, người thấy kẻ nghe đều được lợi ích, Tịnh tông được xiển phát, Tăng - tục minh tâm, ắt thấy Phật trời hộ trì như mây nhóm, cát khánh chen nhau đưa đến. Giàu, thọ, khang, ninh, đời này được ngũ phước kín dầy, quan cao tước cả, con cháu được hưởng trăm điều tốt lành như đã nói trong bài Y Huấn.

16. Sớ thuật duyên khởi thành lập liên xã chùa Thanh Liên ở Lô Sơn

Phật pháp rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, nhưng toàn thể đại dụng đều ở trong một niệm tâm của chúng sanh. Chỉ do mê chưa ngộ, nên đến nỗi trong chỗ vốn không có sanh tử lại lầm chịu nỗi khổ luân hồi sanh tử. Vì thế, đức Thích Ca Thế Tôn ta riêng rủ lòng ai mẫn, thị hiện sanh trong thế gian để cứu vớt. Khi đó, Ngài vứt bỏ vinh hoa nơi cõi nước, xuất gia tu đạo, thành Đẳng Chánh Giác dưới cội Bồ Đề, muốn khiến cho hết thảy chúng sanh đều triệt chứng tự tâm, viên thành Phật đạo. Do vậy, Phật bèn tùy cơ thuyết pháp, theo bệnh cho thuốc, để những người thiện căn chín muồi mau chứng Vô Dư Niết Bàn, người thiện căn

chưa chín muồi tùy phần đều được lợi ích. Thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng kinh hơn ba trăm hội, tuy là Đại - Tiểu, Quyền - Thật bất đồng, Thiên - Viên, Tiệm - Đốn có khác, nhưng trong tâm Phật, không gì chẳng nhằm truyền dạy thẳng vào giác đạo chính Ngài đã chứng. Chỉ vì căn cơ đa phần chẳng phù hợp, nên không thể không uyển chuyển lập phương tiện để nhiếp thọ, còn bổn hoài xuất thế chưa thể nhanh chóng diễn bày.

Do vậy, ngoài những giáo lý thông thường, Phật mở ra một pháp môn đặc biệt, tức là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, khiến cho chúng sanh dù thánh hay phàm, dù ngu hay trí, đều cùng trong đời này thoát lìa sanh tử, khiến cho những người đã phá vô minh sẽ viên chứng Pháp Thân, người còn đủ Kiến Hoặc cũng lên Bất Thoái. Công huân lợi ích ấy vượt trỗi hết thảy giáo pháp suốt cả một đời, thật có thể gọi là *"giáo ngoại biệt truyền chí viên chí đốn"*. Do vậy, trong hết thảy kinh Đại Thừa không kinh nào chẳng hiển phát, xiển dương, khen ngợi, chỉ dạy; hết thảy Bồ Tát, tổ sư không vị nào chẳng y giáo phụng hành bởi lẽ pháp này là đại đạo phổ độ chúng sanh của tam thế chư Phật, là diệu pháp để viên chứng Phật Quả của chúng sanh trong chín giới.

Đến khi đại pháp truyền sang Đông, Viễn Công đại sư hoằng dương pháp này đầu tiên tại chùa Đông Lâm ở Lô Sơn. Cao nhân Tăng - tục khi ấy đều như mây nhóm lũ lượt kéo về Lô Sơn ghi danh, pháp Tịnh Độ ai nấy đều kính ngưỡng tu trì. Từ đấy về sau, tất cả Luật, Giáo, Thiền, Mật không ai chẳng lấy việc cầu sanh Tịnh Độ làm bước cuối cùng để phản bổn hoàn nguyên. Do vậy,

Liên phong thổi khắp trong nước, ngoài nước, pháp lợi trọn khắp cổ kim. Huống chi lúc này nhằm đúng thời Mạt Pháp, con người căn tánh hèn tệ, càng phải nên chuyên chú nơi pháp này để mong được liễu thoát ngay trong đời này.

Cuộc đất tối thắng ở Lô Sơn nhằm đúng ngay nền chùa Thanh Liên. Chùa ngự cao trên đỉnh núi, hình thế giống như một đóa sen tự nhiên. Vì thế, đại sư Hoàng Cốc đời Tấn tiếp nối chí lớn của Viễn Công, lập chùa nơi đây để xiển dương Liên Tông. Từ đời Tấn đến đời Thanh, hơn một ngàn năm trăm năm, do cao nhân nối tiếp nhau trụ trì nên liên phong thường được chấn hưng mạnh mẽ. Đến cơn biến loạn Hồng Dương[275], đều thành

---

[275] Tức loạn Thái Bình Thiên Quốc (1851-1864), quân phiến loạn do Hồng Tú Toàn và Dương Tú Thanh cầm đầu nên gọi là loạn Hồng Dương. Hồng Tú Toàn (1812-1864) là người cuối đời Thanh, vốn là người huyện Hoa, tỉnh Quảng Đông. Năm Đạo Quang 23 (1843), Hồng Tú Toàn cùng Phùng Vân Sơn lập đạo tại huyện Hoa, Quảng Đông, tự xưng mình được Thượng Đế mặc khải, gọi chúa Jesus là anh cả, vay mượn giáo nghĩa Thiên Chúa Giáo, pha trộn với những mê tín dân gian để truyền đạo với danh xưng Bái Thượng Đế Hội. Năm sau, sang Quảng Tây truyền giáo, tích cực tuyên truyền quyến rũ nông dân. Mùa Xuân năm 1848, Phùng Vân Sơn bị quan nhà Thanh bắt giam. Tháng Bảy năm 1850, Hồng Tú Toàn hô hào dân chúng đứng lên làm loạn, bọn thảo khấu, vô lại tham dự lên đến hai vạn người. Ngày 11 tháng 1 năm 1851, nhân dịp sinh nhật của chính mình, Hồng Tú Toàn tự xưng là Thiên Vương, ra sắc lệnh thiết lập Thái Bình Thiên Quốc, phong cho Dương Tú Thanh làm quân sư, rồi lại phong họ Dương làm Đông Vương. Phùng Vân Sơn tích cực thiết lập quân chế, lễ nghi và tổ chức quân đội cho Thái Bình Thiên Quốc, đặt ra lịch pháp mới. Năm 1852, từ Quảng Đông, quân Thái Bình Thiên Quốc đánh lên Hồ Nam, quân Thanh giữ thành bắn đại pháo chống cự. Phùng Vân Sơn bị trọng thương, không bao lâu thì chết. Năm 1853, loạn quân chiếm được Nam Kinh, đổi tên thành Thiên Kinh. Không lâu sau các bầy tôi của Hồng Tú Toàn tranh giành quyền lực, hãm hại lẫn nhau. Tháng 9 năm 1856, Bắc Vương Hàn Xương Huy cùng Yên Vương Tần Nhật Võng lén vào thành Nam Kinh, đột kích phủ Đông Vương, giết sạch cả nhà Đông Vương Dương Tú Thanh, thuộc hạ của Đông Vương cũng bị thảm sát trong biến cố

tro bụi. Pháp đạo suy vi, không người khôi phục, đến nỗi đạo tràng tuyển Phật suốt hơn một ngàn năm rốt cục biến thành núi hoang, chẳng đáng buồn ư!

May còn có Diệu Bồi đại sư là cao túc đệ tử của Vi Quân lão nhân, tận lực tuân theo lời thầy dạy, dốc chí tu Tịnh nghiệp, riêng qua Hồng Loa tham học nhiều năm. Mùa Xuân năm nay qua chơi Lô Sơn, đến chỗ nền chùa, thấy hình dáng như đóa hoa sen, trước mặt lại nhìn ra thác nước Tam Điệp, sau lưng dựa vào ngọn núi Ngũ Lão hùng vĩ, hai bên có hai ngọn Sư Tử và Tượng Tỵ (vòi voi) để che chở. Đúng là chốn Tịnh Độ đạo tràng trời xây đất dựng, chẳng nỡ để bị chìm đắm mãi mãi, nên phát nguyện khôi phục để hoằng dương Liên Tông, bèn bàn bạc cùng các đại cư sĩ ở Thượng Hải, trước hết quyên được hơn một ngàn đồng dùng để lập một tòa Niệm Phật Đường, vài gian tăng liêu [làm chỗ] an trú cho vài người chân tâm tu đạo, sáu thời hành đạo, nối tiếp khuôn phép thơm của Viễn Công. Đợi sau này có đại công đức chủ sẽ tùy sức mở rộng ra thêm. Do tài lực khó khăn, tu hành lại là chuyện gấp, nên không thể

---

này rất nhiều. Do Thạch Đạt Khai phản đối, hai người bèn tấn công luôn Thạch Đạt Khai, giết sạch gia quyến họ Thạch. Họ Thạch phải bỏ thành trốn ra ngoài. Sợ nội loạn sẽ xảy ra vì phe đảng họ Thạch quá đông, Hồng Tú Toàn bèn xử tử Hàn Xương Huy, thâu tóm binh quyền về tay anh em họ Hồng. Tuy nội bộ chia rẽ tàn sát lẫn nhau, thế lực loạn quân vẫn còn rất mạnh, chúng liên tục đốt phá, tấn công đến tận Thượng Hải, mãi đến năm 1864, Tăng Quốc Phiên mới dẹp yên được loạn quân. Do Hồng Tú Toàn chủ trương biến Trung Hoa thành một nước Thiên Chúa Giáo theo kiểu của họ nên ra sức đốt phá chùa chiền, đạo quán, văn miếu cả miền Hoa Nam. Vì họ chống lại quy định cạo nửa đầu, thắt bím đuôi sam của nhà Thanh, cứ để nguyên tóc dài như thời nhà Minh, nên sử thường gọi là Trường Mao Phát Tặc (giặc lông tóc dài).

không tùy phần tùy sức để mong tu trì đạt được lợi ích, chẳng đến nỗi gây trở ngại cho Tịnh nghiệp vậy.

Pháp kết xã thì một là tuân theo quy củ đã thành lập bởi tổ Huệ Viễn, bất luận Tăng - tục đều phải đầy đủ tín nguyện chân thành, quyết định cầu sanh Tây Phương. Ai nấy lại phải giữ trai giới, thanh tịnh thân - khẩu - ý nghiệp, khóa tụng sáng chiều, ba thời niệm Phật, trừ khi có bệnh và có việc chung ra, trọn chẳng được tránh né, kiếm cớ thảnh thơi. Ngoài ra thì tùy ý lễ tụng, tọa thiền, cốt sao đạt được lợi ích nơi đạo mà thôi. Chỉ có điều không được học tập thi văn, xem lung tung sách vở thế tục, cũng như chẳng được chuyện trò tạp nhạp lúc rảnh rỗi kẻo uổng phí quang âm! Xưa Viễn Công kết xã có một trăm hai mươi ba người thảy đều là bậc rường cột trong Phật môn, là Thái Sơn, Bắc Đẩu trong làng Nho. Nay thì căn tánh con người hèn tệ, kém xa xưa kia, nhưng trong tâm vốn có Phật tánh, cố nhiên pháp môn độ khắp ba căn xưa - nay chẳng khác. Như vậy lý *"tâm này làm Phật, tâm này là Phật"*, sự *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"* há chẳng phải do tự mình tu, tự mình chứng hay sao? Vì thế, kính cẩn soạn ra một chương đơn giản để khuyên lơn những người cùng chí hướng.

Lại mong các đại đàn-việt phát Bồ Đề tâm, cùng nhau hộ trì, bỏ tiền, thí gạo, xoay vần khuyên bảo, quyên mộ, khiến cho bảo điện thênh thang sớm có ngày được thành tựu, mãn nguyệt kim dung thường trụ muôn kiếp. Liên xã hưng khởi, tông phong rạng rỡ, chánh pháp thạnh, tai chướng ngầm tiêu, sẽ thấy Phật trời hộ trì như mây nhóm, cát khánh tranh nhau đưa đến, trong

đời hiện tại sẽ hưởng ngũ phước, lâm chung cao đăng chín phẩm. Như thế có thể gọi là bậc đại trượng phu thật sự, là đệ tử Phật thật sự, trên chẳng phụ công giáo hóa của chư Phật, dưới chẳng phụ linh tánh của chính mình. Nguyện người thấy, kẻ nghe cùng tu đạo này, để một truyền mười, mười truyền thành trăm, cho đến khắp pháp giới thì thế giới thái bình, nhân dân an lạc, khôn ngăn thơm thảo cầu chúc vậy.

17. Sớ quyên mộ tu bổ điện Thiên Vương và lầu trống chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà

Phổ Đà danh sơn là cõi đất thù thắng, nơi Đại Sĩ ứng tích. Pháp Vũ Thiền Tự quả thật là đạo tràng cầu phước cho quốc dân. Từ khi được sáng lập đến nay đã trải nhiều năm lâu xa, sửa cũ đổi mới đời nào cũng có người. Hai phen được vua ban tiền[276] [sửa chữa], vào đời Thanh trước kia được hai phen sắc tu, quyên mộ khắp các duyên. Sau cơn loạn lạc lại được tu tạo một lần nữa, khổ là ở giữa biển cả, hơi muối, gió táp, xói mòn các vật. So với nội địa càng bị hư mục nhanh hơn. Nay lầu trống, điện Thiên Vương, kèo cột hư nát, chân cột mục ruỗng. Nếu chẳng sớm lo liệu, ắt sẽ thấy bị sụp đổ rất nhanh.

---

[276] Nguyên văn *"lưỡng ban nội noa"* (hai phen được vua ban tiền). "Nội noa" chính là tiền bạc trong quỹ riêng của nhà vua, chứ không phải tiền lấy từ quốc khố.

Tuy mang tên là Thiên Vương Điện[277], nhưng thật ra thờ pháp tướng của đức Di Lặc. Từ tâm của ngài Di Lặc và Quán Âm phù hợp nhau, tùy theo từng loài mà hiện hình, tầm thanh cứu khổ. Lòng Từ lừng lẫy khắp đời này, lòng Bi thấu đến mạt kiếp, làm chỗ nương tựa cho đời hiện tại, làm Thế Tôn cho đời tương lai. Lúc này, vừa nhìn mặt liền cười, để kết duyên hệ châu[278]; trong tương lai ba hội Long Hoa cùng được thọ ký Vô Sanh. Ngài Di Lặc có nhân duyên rất sâu với cõi đời. Nếu chẳng tu bổ làm sao thỏa được lòng thành khẩn đối với bậc thánh linh, tiêu tai họa, dịch lệ, tạo phước cho muôn dân? Nhưng vì công trình to lớn, sức lực đơn độc khó thành; do vậy, giãi bày lòng ngu thành, kính quyên mộ thập phương đàn-việt, khẩn cầu hãy phát Bồ Đề tâm, hành phương tiện sự, mở rộng bảo tạng, vun trồng ruộng phước, khiến cho bảo điện thênh thang sớm ngày thành công, mãn nguyệt kim dung thường trụ vĩnh kiếp. Ngõ hầu hết thảy ai đến đây đều lên địa vị Hoan Hỷ, vào trong cửa lâu các[279], hiện đời khế hợp Phật tâm sâu xa, tương lai cùng viên thành Chủng Trí, sẽ thấy Phật, trời gia hộ như mây nhóm, cát khánh tranh nhau đưa tới, đời này vĩnh viễn hưởng nhiều phước, sự tốt lành thấu mãi đến con cháu.

---

[277] Gọi là điện Thiên Vương vì chính giữa thờ tượng Di Lặc Bồ Tát có bốn vị đại thiên vương hộ thế đứng hầu.

[278] Hệ châu: là buộc viên châu. Đây chính là một thí dụ trong kinh Pháp Hoa: Đứa con cùng quẫn được người bạn buộc viên châu vào trong chéo áo, nhưng người đó không biết, cứ phải làm thuê làm mướn kiếm ăn khổ cực, sau gặp lại người bạn chỉ cho viên châu trong chéo áo mới biết thụ hưởng. Kết duyên hệ châu chính là kết duyên được Phật Di Lặc tiếp độ trong tương lai.

[279] Trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử được Bồ Tát Di Lặc dẫn vào trong Tỳ Lô Giá Na Lâu Các của Ngài. Thiện Tài nhờ quan sát những cảnh tượng trong ấy bèn chứng Đẳng Giác.

18. Sớ thuật duyên khởi mở Niệm Phật Đường chuyên tu Tịnh nghiệp tại chùa Chân Như ở Gia Hưng[280]

Phật pháp rộng sâu, khác nào biển cả, dẫu là bậc Pháp Thân đại sĩ vẫn chẳng thể tột nguồn thấu đáy được, huống gì hạng phàm phu sát đất! Nhưng Như Lai do lòng đại từ bi, muốn cho hết thảy dù thánh hay phàm đều cùng trong một đời này thoát lìa sanh tử, nên đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Như kẻ thọt chân yếu ớt, cả ngày khó đi được vài dặm, nếu nương theo Luân Bảo của Chuyển Luân Thánh Vương chưa đầy nửa buổi liền có thể đến khắp bốn đại bộ châu. Hai điều này nhanh - chậm khác biệt một trời một vực!

Phàm phu chưa đoạn Hoặc nghiệp, cố nhiên chẳng thể liễu sanh tử. Nếu dùng tín nguyện niệm Phật, cảm Phật từ bi nhiếp thọ liền ngay trong đời này vãng sanh Tịnh Độ, siêu phàm nhập thánh, vượt lên địa vị Bất Thoái. So với những kẻ chỉ cậy vào tự lực, tu Giới - Định - Huệ để mong nghiệp tận tình không, liễu sanh thoát tử, thì chẳng thể nào thí dụ, diễn giải để hình dung cho được! Do vậy, những bậc cao nhân Tăng - tục các đời không vị nào chẳng dùng pháp này để tự hành, dạy người, lấy pháp này làm môn trọng yếu nhập đạo, làm đường tắt để thành Phật.

---

[280] Gia Hưng là một thành phố thuộc tỉnh Chiết Giang.

Chân Như Thiền Tự từ khi được sáng lập đến nay đã hơn một ngàn mấy trăm năm, đời nào cũng có người hoằng Tông diễn Giáo. Sau cơn binh hỏa, chi dùng ngày càng thiếu hụt, đến nỗi pháp luân gần như ngừng xoay. Do vậy, thầy trụ trì là Niệm Huệ chí muốn khôi phục, nhưng do không có tài lực, tạm thời muốn cho tám vị Tăng giữ giới thanh tịnh được an trụ, suốt năm ngoài hai thời khóa tụng ra, chuyên trì Phật hiệu suốt ba cây hương. Ngoài ra thì tùy ý lễ tụng, mỗi người được cấp tiền chi dụng ba đồng mỗi tháng, những chuyện kinh sám Phật sự đều không làm. Nếu thí chủ đến chùa niệm Phật và đả Phật thất thì chẳng cự tuyệt. Làm như vậy để nhất ý tinh tu, mau đạt được lợi ích thật sự, mà cũng có thể trên là báo bốn ân, giúp khắp tam hữu[281].

---

[281] Tam hữu: Ba cõi tức Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Hữu có nghĩa là hữu sanh tử, hữu nhân quả báo ứng. Có tam hữu, tứ hữu, thất hữu, cửu hữu, nhị thập ngũ hữu sai khác; nhưng kinh chỉ thường nói đến tam hữu (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới) và cửu hữu. Cửu Hữu tức là từ tam hữu, phân ra thành chín cõi. Hữu có nghĩa là y báo của chúng sanh trong thế giới.
Từ A Tỳ địa ngục lên đến tầng trời Tha Hóa Tự Tại thuộc về Dục Giới, còn gọi là Ngũ Thú Tạp Cư địa; tức là gồm năm đường: trời, người, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục.
Mười tám tầng trời thuộc Sắc Giới chia làm bốn loại:
a) Ba tầng trời thuộc Sơ Thiền, gọi là Ly Sanh Hoan Hỷ Địa, bởi họ đã khỏi phải tái sanh trong Dục Giới, tâm rất vui mừng, sung sướng.
b) Ba tầng trời thuộc Nhị Thiền, gọi là Định Sanh Hoan Hỷ Địa, bởi họ do Thiền Định mà sanh về cõi này.
c) Ba tầng trời thuộc Tam Thiền, gọi là Ly Hỷ Diệu Lạc Địa, bởi họ đã lìa khỏi những tướng tâm hoan hỷ thô tháp, tâm niệm hoan hỷ rất vi diệu.
d) Chín tầng trời thuộc Tứ Thiền, gọi là Xả Niệm Thanh Tịnh Địa, đã bỏ những tâm niệm vui sướng của ba tầng Thiền Thiên ở dưới, tâm niệm rất thanh tịnh.
Bốn tầng trời thuộc Vô Sắc Giới, chia thành bốn loại:
a) Không Vô Biên Xứ Thiên, còn gọi là Không Biên Xứ Địa
b) Thức Vô Biên Xứ Thiên.
c) Vô Sở Hữu Xứ Thiên.

Lợi ích ấy cố nhiên hết thảy những cách tu trì thông thường chẳng thể sánh bằng được!

Nhưng do tài sản của chùa ít ỏi, của dành dụm chẳng đủ, nên khẩn cầu những vị đàn-việt hộ trì có sức hãy phát Bồ Đề tâm, thành tựu chuyện thù thắng này, hoặc giúp cho gạo nước, hoặc giúp đỡ đèn, dầu, ngõ hầu đạo tràng niệm Phật này ngày càng mở rộng, khiến cho kẻ thấy người nghe đều cùng hưng khởi, sẽ thấy Phật trời gia hộ như mây nhóm, cát khánh đua nhau đưa đến, lúc sống được hưởng ngũ phước nườm nượp, mất đi dự vào chín phẩm trong ao báu. Chỉ mong chẳng tiếc của cải ngõ hầu ai nấy cùng được gội ân Phật.

19. Sớ quyên mộ đúc chuông U Minh chùa Pháp Vân sông Tam Xoa, Nam Kinh

Thế giới Sa Bà dùng âm thanh làm Phật sự, pháp khí chốn tùng lâm chỉ có chuông lớn là bậc nhất. Bởi lẽ [tiếng chuông] phát khởi kẻ mù, lay động kẻ điếc, khơi động tai mắt của trời người, thông cõi âm, thấu cõi dương, thật sự cứu giúp cho [những người đang ở trong] đường ác. Kinh Tăng Nhất A Hàm nói: *"Như khi đánh chuông, nguyện cho các sự khổ trong hết thảy ác đạo đều được ngưng nghỉ. Nếu nghe tiếng chuông và kinh chú của Phật, sẽ trừ được trọng tội trong năm trăm ức*

---

d) Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên.
Như vậy Dục Giới có một hữu, Sắc Giới có bốn hữu, Vô Sắc Giới có bốn hữu, tổng cộng là chín hữu.

kiếp sanh tử”. Vì thế, Phó Pháp Truyện[282] có ghi vua Kế Nị Tra[283] do sát hại quá nhiều, chết đi đọa làm con cá có một ngàn đầu, có vầng kiếm xoay quanh thân, chặt đứt đầu này lại mọc ra cái khác. Vị La Hán làm Tăng Duy Na[284] đúng giờ đánh chuông, hễ nghe tiếng

---

[282] Gọi đủ là Phó Pháp Tạng Nhân Duyên Truyện, do ngài Cát Ca Dạ và Đàm Diệu cùng dịch vào thời Nguyên Ngụy. Tác phẩm này còn có tên gọi khác là Phó Pháp Tạng Nhân Duyên Kinh, Phó Pháp Tạng Truyện hay Phó Pháp Tạng Kinh. Sách ghi chép sự tích phó chúc pháp, truyền pháp của hai mươi ba vị tổ Ấn Độ kể từ ngài Ca Diếp trở đi. Vị Tổ cuối cùng là Sư Tử tôn giả bị vua nước Kế Tân là Di La Quật giết hại, nên việc phó pháp bị đoạn tuyệt. Truyền thống Trung Hoa thường nói đến Tây Thiên Tứ Thất (28 vị tổ Ấn Độ), tức là căn cứ theo sách này. Tổ Trí Khải kể thêm vị tổ thứ 24 là ngài Ma Điền Đề. Ngài Đạo Nguyên trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, kể thêm năm vị Bà Tu Mật, Bà Xá Tư Đa, Bất Như Mật Đa, Bát Nhã Đa La, Bồ Đề Đạt Ma, trở thành 28 vị Tổ Ấn Độ của Thiền Tông. Truyền thống Trung Hoa thường theo thuyết của ngài Đạo Nguyên.

[283] Tức vua Ca Sắc Nị Ca (Kaniska), còn phiên âm là Đàn Kế Nị Tra, hay Cát Ni Thi Cát, Ca Nị Sắt Tra v.v… Ông là vua nước Kiền Đà La (Gandhara), tức đời vua thứ ba của vương triều Quý Sương (Kushana). Niên đại của ông có nhiều thuyết khác nhau, nhưng nay đa phần công nhận ông sống nhằm thế kỷ thứ hai sau Công Nguyên. Đế quốc của ông rất lớn, chiếm trọn miền Bắc Ấn Độ. Trong sử Phật giáo, ông cùng với vua A Dục được gọi là hai vị đại vương hộ trì Phật pháp. Thoạt đầu, vua tôn thờ Tỏa La A Tư Đức giáo (Bái Hỏa Giáo), không tin tội phước, khinh nhục Phật pháp. Về sau được Mã Minh Bồ Tát cảm hóa bèn quy hướng Phật pháp, cực lực hộ trì Phật pháp, kiến lập tự viện. Vua chiêu tập năm trăm vị thánh giả như các vị Hiếp Tôn Giả, Thế Hữu, Pháp Cứu, Giác Thiên v.v… kết tập Tam Tạng tại thành Ca Thấp Di La (Kashmir). Trước khi quy ngưỡng Phật pháp, vua chinh phạt bốn phương giết người quá nhiều nên mới bị ác báo như vậy.

[284] Hai chữ Duy Na vốn là hợp dịch của tiếng Phạn và tiếng Hán. Duy là giềng mối, quản trị, coi sóc. Na là lược âm từ tiếng Phạn Karma-dàna. Karma-dàna có nghĩa là chấp sự, hàm nghĩa người phân phối mọi việc cho đại chúng. Như vậy, Duy Na là người quản trị tăng chúng trong chùa. Theo Thập Tụng Luật, do xưa kia Phật ở Xá Vệ quốc, muốn cho Tăng chúng lần lượt lo liệu mọi việc trong chùa nên lập ra chức Duy Na. Sách Tứ Phần Luật San Phiền Bổ Khuyết Sao giảng: *“Thập Tụng Luật nói trong Tăng phường có người biết thời hạn, đến giờ xướng tụng bèn đánh kiền chùy. Lại do không có người quét tước, dọn dẹp giảng đường, nhà ăn, không ai liên tục trông nom giường tòa, dạy người khác làm sạch trùng kiến khỏi trái cây, thức ăn. Lúc ăn uống không có ai lo*

chuông, vầng kiếm bèn dừng trên không. Do vậy, cá nhắn lời xin đánh chuông cho lâu, qua bảy ngày liền hết bị chịu khổ. Sách Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập[285] lại chép: Thời Nam Đường, ở huyện Thượng Nguyên có một người dân chết bất ngờ, ba ngày sau sống lại, kể:

- Chết rồi đi vào cõi âm, thấy tiên chúa[286] bị gông xiềng rất ngặt, bảo: "Ta bị Tống Tề Khâu xui dại, giết những người ở Hòa Châu ra hàng hơn một ngàn người, họ oán hận tố cáo nên bị tù ở đây. Hễ nghe tiếng chuông liền tạm dứt khổ. Ngươi về bảo cùng tự quân vì ta đúc một cái chuông, gõ mãi. Nếu nó chẳng tin, lấy bức tượng Thiên Vương bằng ngọc ta giấu ở gối trái tượng Phật chùa Ngõa Quan không ai biết để làm bằng chứng.

---

nước nôi, lúc đại chúng nói chuyện lung tung không có ai khảy ngón tay [nhắc nhở] v.v... nên Phật lập ra chức Duy Na. Thanh Luận phiên là Thứ Đệ, nghĩa là biết thứ tự các việc, còn gọi là Duyệt Chúng (làm cho chúng vui đẹp)". Như vậy, Duy Na là chức vụ do Phật chế định để cai quản tạp sự trong Tăng chúng. Xưa nay, các đại tự viện lập ra Tam Cương tức Thượng Tọa, Trụ Trì, Duy Na. Trong nhà Thiền, Duy Na là một trong sáu chức tri sự, là chức vụ trọng yếu quản lý oai nghi tăng chúng. Trong các tông phái khác, Duy Na thường là người hướng dẫn, nhắc nhở đại chúng tu hành pháp yếu, kiêm nhiệm việc dẫn xướng trong khi tụng niệm, hồi hướng. Nay chữ Duy Na thường bị hiểu theo nghĩa hẹp chỉ là người giữ chuông, xướng giọng dẫn lễ trong các buổi tụng kinh. Tuy Duyệt Chúng là dịch nghĩa của chữ Duy Na, nhưng nay chữ Duyệt Chúng lại thường được hiểu là người giữ mõ trong khi tụng kinh.

[285] Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập là một bộ từ điển Phạn Hán do ngài Pháp Vân soạn vào đời Tống. Từ năm Thiệu Hưng 13 (1143) đời Tống Cao Tông, Sư thâu thập tài liệu suốt 20 năm, qua nhiều phen chỉnh lý mới hoàn thành. Bộ sách này chú giải 2.040 từ ngữ trọng yếu trong kinh Phật, chia làm 64 thiên theo bộ loại. Với mỗi từ ngữ, nêu đại ý và liệt kê những cách dịch khác nhau cũng như xuất xứ của những từ ngữ ấy.

[286] Tiên chúa: vua đã mất. Tự quân: vua nối ngôi.

Người dân thuật chuyện đầy đủ, kiểm nghiệm đúng thực, vua bèn tạo một quả chuông đặt ở chùa Thanh Lương, khắc bài văn rằng: "Cầu cho liệt tổ Hiếu Cao Hoàng Đế thoát chốn tối tăm, khỏi khổ". Đấy là duyên do đánh chuông U Minh vậy.

Huống chi chùa Pháp Vân phỏng theo cách thức ngài Vân Thê, niệm Phật, phóng sanh, nuôi dạy cô nhi, là đạo tràng từ thiện bậc nhất ở Giang Nam. Gần đây, sát kiếp quá thảm, hãng Hòa Ký của người Tây Dương ở Nam Kinh lại giết hết thảy những loài trâu, dê, những con vật bay chạy không biết là bao nhiêu. Do vậy, các cư sĩ Phùng Mộng Lão, Ngụy Mai Tôn v.v… nhóm họp mấy vị Tăng tục đề xướng kiêng giết phóng sanh, ăn chay niệm Phật hòng vãn hồi kiếp vận, bèn mua bốn trăm bốn mươi mẫu đất bên sông Tam Xoa, mở ra ao phóng sanh chín khu, chiếm hơn một trăm mẫu. Lại còn lập viện mồ côi nuôi dạy cô nhi, nay đã nuôi được sáu mươi trẻ. Cư sĩ Đặng Phác Quân quyên mộ bốn mươi tám nguyện để dựng đại điện, mỗi nguyện là một ngàn đồng, hiện đã sắp tròn nguyện. Sang năm sẽ kiến tạo. Đại điện dựng xong, sẽ dựa vào tiền bạc sẵn có mà an trụ Tăng chúng, chuyên tu Tịnh nghiệp kiêm giảng diễn. Cư sĩ Thôi Ích Vinh phát tâm quyên mộ đúc hồng chung, tùy lòng tùy sức mỗi người bố thí, một ngàn, một trăm, mười đồng hay một đồng đều được! Nhưng chuông này thường gõ suốt ngày đêm, cho nên phải dùng loại đồng có tiếng vang, cần tối thiểu ba ngàn cân. Loại đồng có tiếng vang khá đắt, mỗi cân giá hơn một đồng. Tính ra vật liệu và công xá phải đến bốn, năm ngàn đồng. Nếu tiền quyên mộ có dư sẽ dùng để đúc

báo chung, đại khánh, hô bản[287] mỗi loại một cái. Những thứ này chẳng thể thiếu để làm Phật sự.

Phải biết: Pháp Vân Tự vừa dựng lên, hãng Hòa Ký của người Tây Dương bèn ngừng sát nghiệp, chỉ còn là hãng sản xuất trứng. Mối quan hệ thật chẳng phải nông cạn. Ấy là do tâm thành của mọi người, cảm Tam Bảo ngấm ngầm gia bị nên mới được như thế. Mong rằng các đại đàn-việt thiện tín đều cùng phát thiện tâm, thành tựu việc này. Tất cả công đức có thể dùng để siêu tiến cho tổ tiên đã khuất đều được sanh về Liên Bang, che chở cho quyến thuộc hiện tại ai nấy đều hưởng phước khánh. Tên những người bỏ tiền ra đều được khắc vào một bài vị lớn đặt ở dưới chuông. Quanh thân chuông khắc mọi kinh chú, chỉ ghi tổng cộng có bao nhiêu người thí tiền, thí tất cả bao nhiêu tiền mà thôi! Ví như một giọt gieo vào biển cả cũng liền sâu rộng như biển cả. Nếu ai do lòng tịnh tín hoan hỷ bố thí, liền sẽ khế hợp cùng biển pháp đại giác của Như Lai, công đức ấy há có thể nêu được ư?

---

[287] Báo chung: Chuông nhỏ thường treo trong thiền đường, hay tăng xá dùng để báo giờ ngồi Thiền, tụng kinh, niệm Phật, hoặc triệu tập đại chúng. Hô bản: Theo Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy, Bản có hình dạng gần như một tấm gỗ phẳng, có nhiều thứ, tùy theo công dụng mà làm bằng gỗ hay kim loại. Trong các Đường có loại gọi là Báo Danh Bản (khi hòa thượng trụ trì vào thiền đường, trực nhật tăng sẽ đánh một tiếng cho đại chúng biết. Khi khách viếng thăm, bước vào khách đường đánh hai tiếng. Vị đứng đầu Đường ấy vào Đường thì đánh ba tiếng). Trong mỗi Đường loại có các loại bản khác như bản để đánh khi chạy hương, bản để đánh khi thắp hương v.v… Mộc Dục Bản treo trong nhà tắm, được đánh lên khi nước nóng đã sẵn sàng. Các loại này đều bằng gỗ. Hô Bản được nói ở đây là loại bản đúc bằng đồng hay sắt treo trước cửa nhà bếp, được đánh lên để báo giờ cơm đã bắt đầu. Đại khánh là chuông gia trì, tức chuông để gõ trong khi tụng kinh.

20. Sớ quyên mộ thiếp vàng tượng La Hán chùa Pháp Vũ (viết thay)

Đấng Đại Giác Pháp Vương xuất hiện trong thế gian, tùy cơ thuyết pháp, độ thoát chúng sanh, ắt phải có Bồ Tát, Thanh Văn phụ giúp giáo hóa thì mới có thể độ khắp mọi loài, khiến đều được lợi ích.

Ví như một người ngự trên ngôi báu, trăm quan giúp cai trị, mới có thể rủ áo khoanh tay, ngồi hưởng thái bình. Vì thế, khi có bậc vượt trỗi Thập Địa, đức bằng Đẳng Giác xuất thế thì phải có bậc tam kỳ quả mãn, vạn đức nhân tròn đầy ẩn giấu thật đức, quyền biến thị hiện Tiểu Quả, như kinh Pháp Hoa nói các vị A La Hán bên trong đều ngầm tu hạnh Bồ Tát, ngoài hiện tướng Thanh Văn, nếu chưa đạt đến địa vị Phật nào ai có thể suy lường được nổi!

Hơn nữa, Phật sắc truyền các A La Hán thường trụ thế gian, nhận sự cúng dường của trời người để làm phước điền cho đời như năm trăm vị đại A La Hán. Mười tám vị La Hán[288] là thủ lãnh của họ. Do vậy, tùng

---

[288] Thập Bát La Hán thật ra chỉ có 16 vị La Hán. Theo Pháp Trụ Ký của tôn giả Khánh Hữu, lúc đức Phật sắp nhập Niết Bàn, đã phó chúc việc hoằng dương Phật pháp lại cho 16 vị La Hán. Từ đời Đường, người Trung Quốc đã thêm vào hai vị tôn giả, thành ra 18 vị. Tạng truyền Phật giáo lại ghép hai vị cư sĩ Đạt Ma Đa La và Bố Đại Hòa Thượng vào số 16 vị La Hán kể trên thành 18 vị. Hiện thời, danh tánh của 18 vị La Hán (theo quy định từ thời Càn Long) như sau: Tân Đầu La Phả La Đọa Xà (Pindola-Bharadvaja), Ca Nặc Ca Phạt Sa (Kanakavatsa), Ca Nặc Ca Bạt La Đọa Xà (Kanaka-bharadvaja), Tô Tần Đà (Suvinda), Nặc Cự La (Nakula), Bạt Đà La (Bhadra), Ca Lý Ca (Karika), Phạt Xà La Phất Đa La (Vajraputra), Thú Bác Ca (Svaka), Bán Tra Ca (Panthaka), La Hỗ La (Rahula), Na Già Tê Na (Nagasena), Nhân Yết Đà

lâm, Phật điện đều đắp hình tượng để người chiêm lễ diệt tội tăng phước. Pháp Vũ thường trụ chính là đạo tràng viên thông của Quán Âm Đại Sĩ, được bao triều đại sắc kiến[289], được cả cõi đời tôn sùng. Do vậy, dựng điện bèn tạo tượng chín con rồng quấn quanh, tượng thánh thì đắp hình tượng từ bi của Đại Sĩ. Mười tám vị La Hán chia ra ngồi hai bên, như các ngôi sao chầu về Bắc Đẩu, phụ giúp sự giáo hóa từ bi.

Nhưng do năm tháng đã lâu, sắc vàng tróc rớt, chẳng những là khó coi, mà quả thật còn khó thỏa thánh linh. Lão nạp muốn thếp vàng lại kim thân ngõ hầu được chiếu rọi tam thiên mãi mãi, nếu không nhiều lần kêu gọi góp của làm sao có thể hoàn thành được một hai phần. Dùng lời sớ này để giãi bày trọn vẹn lòng ngu thành, mong cầu thập phương thiện tín tùy duyên vui vẻ giúp cho vàng, tiền, để thánh tượng tự phóng quang minh sáng ngời. Sẽ thấy do nhân như thế, cảm được quả như thế, vị lai cũng sẽ chứng kim sắc thân, làm phước điền cho đời. Còn như trong đời này tai chướng tiêu diệt, phước thọ tăng cao, tiền trình xa lớn, hậu duệ dài lâu chỉ là chuyện nhỏ nhặt mà thôi!

(Ingata), Phạt Ba Bà Tư (Vanavasin), A Thị Đa (Ajita), Chú Đồ Bán Tra Ca (Cuda Panthaka), Ca Diếp tôn giả và Di Lặc tôn giả

[289] Vua hạ chiếu sai người xây dựng, tu bổ thì gọi là "sắc kiến" hay "sắc tạo". Chùa được vua công nhận là quốc tự thì gọi là Sắc Tứ.

21. Sớ quyên mộ xây dựng Như Ý Liêu chùa Pháp Vũ (viết thay)

Sanh - lão - bệnh - tử ai nấy đều có. Như Lai thuyết pháp, đầu tiên là trình bày những điều này. Ấy là muốn cho chúng sanh ngộ được đạo trọng yếu để thoát khổ, chứng Phật tánh vốn sẵn đủ; do vậy, vĩnh viễn lìa huyễn khổ, thường hưởng chân lạc. Nhưng trong tứ khổ, bệnh - tử là nặng nề nhất. Tại gia thì có quyến thuộc trông nom, săn sóc; xuất gia chỉ trơ trọi một thân, không nơi nương tựa. Vì thế, từ xưa, cổ đức thể hội lòng từ của Phật, lập ra liêu xá, tuyển người chăm sóc, khiến cho ăn uống, thuốc thang, thảy đều như ý, không kém ngoài đời cho mấy. Đấy chính là cội nguồn của Như Ý Liêu vậy.

Phổ Đà là danh sơn bậc nhất trong thiên hạ, bổn tự lại là một trong ba đại tùng lâm của núi này. Vì thế, nạp tăng mười phương qua lại không ngớt, những người ở lại lâu không đi số đến cả trăm. Thế nhưng Như Ý Liêu chật chội, tù túng, lại thêm sản nghiệp thường trụ ít ỏi, chẳng đủ để phù hợp với thân tâm người bệnh. Lại không đủ sức cung ứng thuốc thang cho người bệnh. Liêu tên Như Ý, nhưng nghĩa chưa tròn! Kể từ khi lão nạp mới tiếp nhận trụ trì, đã coi chuyện này là nhiệm vụ cấp bách, muốn tạo dựng bảy gian tinh xá riêng, gian giữa thờ thánh tượng Như Lai, gian sau thờ bài vị của những vị Tăng đã mất, khiến cho người bệnh có chỗ lễ tụng, quán cảm dễ khởi. Hai bên phân làm mười hai gian, trừ phòng hương đăng ra, đều dùng làm chốn dưỡng bệnh. Ít thì mỗi người một liêu, nhiều thì hai

người ở chung một liêu. Hai bên cách biệt để không sợ bị truyền nhiễm, thân tâm vui sướng, dễ được lành bệnh không cần đến thuốc. Hết bệnh thì mặc tình đi hay ở, mất thì sẽ chôn cất, khiến cho người đến thì sống có chỗ y chỉ, mất thì có chỗ quy túc. Lại để riêng một trăm mẫu ruộng để sau này chi dùng vào quan quách, thuốc men, khắc bia thông cáo rõ, khiến cho vị trụ trì nhậm chức trong tương lai chẳng dám phế bỏ, sửa đổi chuyện này. Khẩn cầu các vị đại hộ pháp, vui vẻ chia hạc bổng, bỏ ra phù nang[290] khiến cho chuyện này chóng được viên thành, ngõ hầu phước báo vĩnh viễn không thiếu sót, sẽ thấy Phật trời gia hộ như mây nhóm, cát khánh đua nhau xảy đến, ngũ phước ùn ùn, điều tốt lành lan đến tận hậu duệ.

QUYỂN THỨ HAI HẾT

[290] Theo từ điển Từ Hải, "hạc bổng" là bổng lộc của quan chức, phù là một loại côn trùng, vừa có nghĩa là đồng tiền. Như vậy, "phù nang" là túi đựng tiền.

Dẫu thọ trăm năm, khảy tay liền qua. Còn một hơi thở nên cầu đường ra, chớ để đến lúc lâm chung hối không kịp nữa! Thường nhớ kinh dạy: "Thân người khó được, chính giữa đất nước khó sanh, Phật pháp khó nghe, tín tâm khó sanh". Ông may mắn hội đủ cả bốn điều ấy, càng phải nên nỗ lực, như lên núi báu phải được Ma Ni. Do còn ở địa vị phàm phu, chưa đoạn Hoặc nghiệp, sanh tử chưa giải quyết khó khỏi đọa lạc. Vì vậy, đức Như Lai cực lực khuyên chúng sanh phát chân tín tâm và tâm nguyện khẩn thiết, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tịnh Độ. Mọi công đức như: cúng dường Tam Bảo, trọn đời giữ giới, hết thảy việc làm chớ dùng để cầu phước báo nhân thiên trong đời sau, chẳng cầu đời này trường thọ, mạnh khỏe, bình yên, chỉ cầu lâm chung vãng sanh Tịnh Độ, tương khế, tương hợp với thệ nguyện của chư Phật, cảm ứng đạo giao nhất định mãn sở nguyện.

Ấn Quang đại sư

Trích thư gởi cư sĩ X…

Quả đúng là "ba cõi không yên, giống như nhà lửa", đấy cũng là lời răn nhắc thiết yếu nhất đối với chuyện tín nguyện niệm Phật vãng sanh Tây Phương. Niệm Phật tâm không quy nhất là do tâm sanh tử chưa khẩn thiết. Nếu nghĩ như đang bị nước cuốn lửa đốt, không được cứu giúp, tưởng sắp bị chết, tưởng sắp đọa địa ngục thì tâm sẽ tự quy nhất, không cần đến diệu pháp nào khác. Vì thế, trong kinh thường nói: "Nghĩ cái khổ trong cõi địa ngục, phát tâm Bồ Đề". Đấy chính là khai thị thiết yếu nhất của đức Đại Giác Thế Tôn, tiếc là con người chẳng chịu thật sự suy nghĩ! Cái khổ trong địa ngục so với sự thảm thương của nước - lửa sâu nặng hơn vô lượng vô biên lần. Thế mà nghĩ đến nước dâng lửa đốt bèn run rẩy, nghĩ đến địa ngục lại coi thường là vì một đằng do tâm lực nhỏ nhoi chẳng thể thấu hiểu sự khổ ấy, còn một đằng là chính mắt thấy, bất giác lông tóc đều dựng đứng!

Ấn Quang đại sư

Trích thư gởi cư sĩ Bao Sư Hiền

Các trang nhà

http://www.amtbweb.org
http://www.amitabha-gallery.org
http://www.amtb-aus.org
http://www.amtb-dba.org
http://www.amtb-la.org
http://www.amtb.org.tw
http://www.amtb-usa.org
http://www.adidaphat.net
http://www.adidaphat.us
http://www.chinkung.org
http://www.chuavanphat.org
http://www.hoakhaikienphat.com
http://www.niemphat.net
http://www.quangduc.com
http://www.thondida.com
http://www.tinhthuquan.com
http://www.tinhtonghochoi.org

Tịnh Tông Học Hội Úc Châu
The Amitabha Buddhist Association of Queensland
11 Toona Place Calamvale, Brisbane, Queensland 4116, Australia
Tel: (617)-3273-1693

***Đ**ại sự sanh tử cần phải lo liệu sẵn! Nếu đợi đến lúc ra đi mới tu chỉ sợ bị nghiệp lực đoạt mất! Niệm Phật muốn được nhất tâm, ắt phải phát tâm chân thật vì liễu sanh tử, chẳng vì để được cái danh người đời gọi ta là "kẻ chân thật tu hành". Lúc niệm phải từng chữ, từng câu từ tâm phát khởi, từ miệng thốt ra, lọt vào tai, một câu như thế, trăm ngàn vạn câu cũng như thế. Làm được như vậy thì vọng niệm không do đâu khởi được, tâm và Phật tự có thể khế hợp! Lại phải khéo dụng tâm, chớ chấp trước quá mức đến nỗi thân tâm chẳng yên, hoặc đến nỗi khởi các ma sự. Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, hành theo đó, quyết chẳng bị lầm lạc đi vào đường rẽ.*

Ấn Quang đại sư

(Trích thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh ở Vĩnh Gia)

Sách biếu không bán.
For free distribution. Not for sale.